

New York Times BESTSELLER

Chu Hồng Thắng, Lê Dương, Cảnh Dương dịch

JONATHAN ALLEN — AMIE PARNES

Hillary Clinton

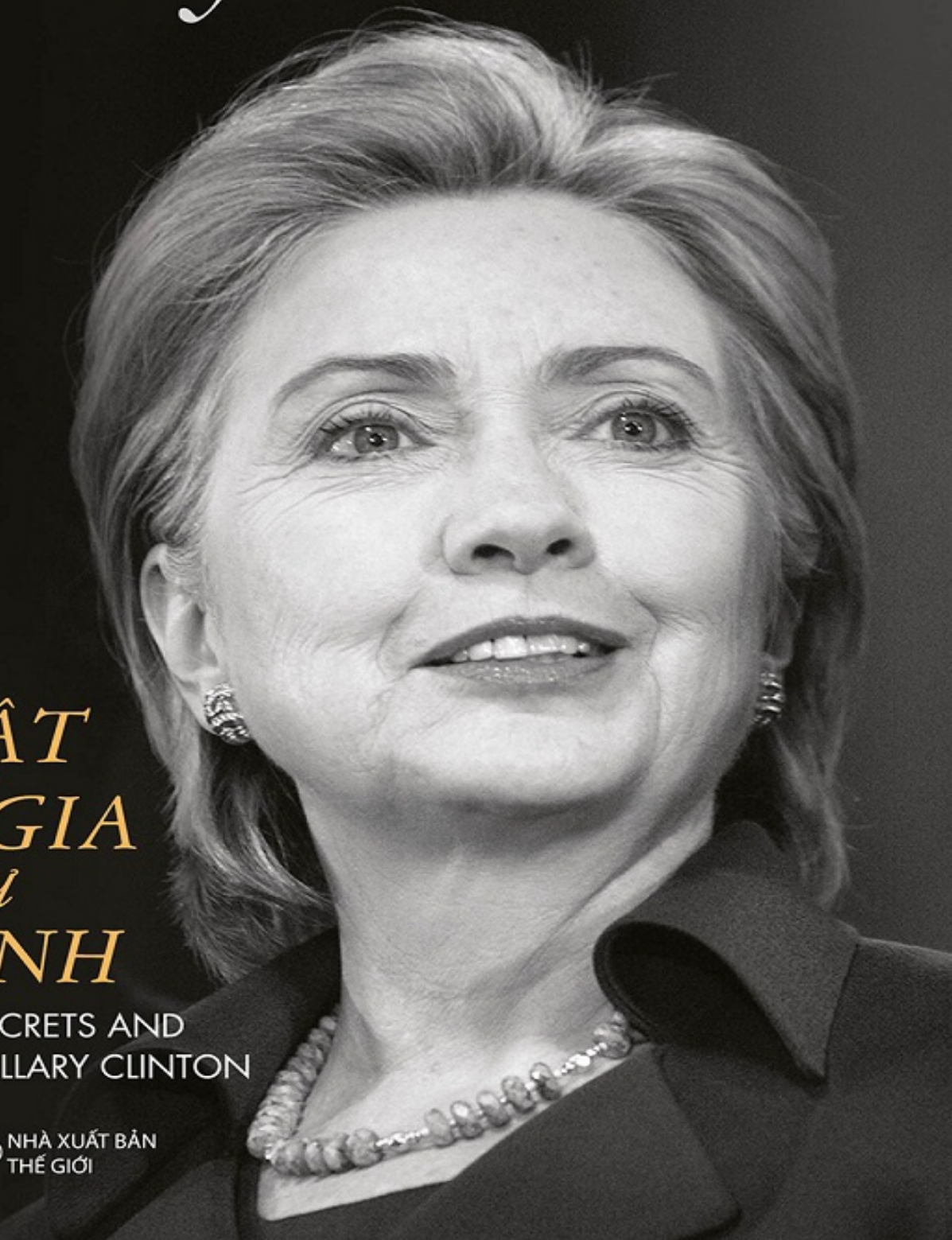
*BÍ MẬT
QUỐC GIA
và sự
HỒI SINH*

HRC: STATE SECRETS AND
THE REBIRTH OF HILLARY CLINTON

 alphabooks®
knowledge is power



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI



Như mọi thứ, cuốn sách này dành tặng Stephanie, Asher, và Emma Allen.

J.A.

Tặng Esther và Sherry Parnes, những người phụ nữ truyền cảm hứng mãnh liệt nhất mà tôi từng biết.

A.P.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Ai, Hillary Clinton hay Donald Trump, sẽ là Tổng thống thứ 45 (nhiệm kỳ 2017-2021) của nước Mỹ?

Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ suốt hơn 200 năm qua luôn là sự kiện hấp dẫn, đầy căng thẳng kịch tính. Và cuộc bầu cử năm 2016 này thậm chí sẽ hấp dẫn hơn nữa, căng thẳng kịch tính hơn nữa, bởi bất kể kết quả thế nào, người trở thành Tổng thống Mỹ lần này cũng sẽ đi vào lịch sử.

Cuộc đua năm 2016 giữa đại diện hai đảng: Donald Trump đại diện cho Đảng Cộng hòa, và Hillary Clinton đại diện cho Đảng Dân chủ, sẽ trở thành một trong những cuộc tranh cử thu hút nhiều người trên toàn thế giới quan tâm theo dõi nhất. Nếu Hillary thắng, bà sẽ trở thành nữ Tổng thống đầu tiên trong lịch sử. Hoặc ít nhất, bà cũng là nữ ứng viên chính thức đầu tiên của một đảng lớn trong lịch sử nước Mỹ.

Cả hai đều không xa lạ với giới truyền thông, cũng không xa lạ với nhau khi đều sống ở New York: Hillary là thượng nghị sĩ của bang New York, còn Donald Trump là tỉ phú sống ở New York. Nhưng họ đầy trái ngược nhau. Trong khi Hillary là một chính khách lão luyện, khôn ngoan, đầy thận trọng với truyền thống Dân chủ nổi bật, mối quan hệ rộng lớn trong chính giới Mỹ, thì Trump lại có vẻ theo chủ nghĩa dân túy với các phát biểu quá khác người, đến mức từng có lúc Đảng Cộng hòa đã tìm cách hợp sức đánh bại ông.

Hillary là một chính trị gia tiêu biểu dày dạn kinh nghiệm, gần như cả cuộc đời theo đuổi sự nghiệp chính trị, cùng chồng trong hành trình dẫn dắt nước Mỹ với tư cách Đệ nhất Phu nhân từ khi còn trẻ (1993-2001), rồi trở thành thượng nghị sĩ, là ứng viên tranh cử với Obama trong Đảng Dân chủ năm 2008, rồi trở thành Ngoại trưởng Mỹ trong nhiệm kỳ đầu tiên của Obama. Hơn 20 năm trong chính trường Mỹ khiến bà trở thành người phụ nữ đầy quyền lực và kinh nghiệm... Nếu như năm 2008, Hillary phải chấp nhận nhường bước trước Obama quá xuất sắc, thì năm 2016 này, bà đã vượt qua Thượng nghị sĩ Sanders để chính thức nhận sự đề cử của Đảng Dân Chủ.

Còn Trump là doanh nhân, tỉ phú Mỹ với cuộc đời cũng đáng tự hào, nhưng lại xa lạ với chính trường. Ông là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của The Trump Organization, và là người sáng lập Trump Entertainment Resorts. Ông nổi tiếng trên toàn nước Mỹ nhờ sự nghiệp kinh doanh, nỗ lực gây dựng thương hiệu, đời sống cá nhân, sự giàu có và bản tính thẳng thắn của mình. Trump chưa từng tham gia hoạt động chính trị chính thức, chưa từng giữ chức vụ dân cử nào ở cấp bang hay liên bang, song trong cuộc tranh cử nội bộ của Đảng Cộng hòa, ông đã chiến thắng vang dội đầy bất ngờ trước hàng loạt ứng viên sáng giá trong Đảng như Thượng nghị sĩ bang Texas Ted Cruz, Thượng nghị sĩ bang Florida Marco Rubio, Thống đốc bang Ohio John Kasich, và vượt rất xa Jeb Bush nổi tiếng của dòng họ Bush.

Để cung cấp cho độc giả Việt Nam tư liệu tham khảo về quan điểm, chính sách, kinh nghiệm cũng như tính cách của hai ứng viên này, mà chắc chắn một trong hai người sẽ trở thành người có quyền lực lớn nhất của Mỹ, và có lẽ cũng là của thế giới, chúng tôi đã tiến hành mua bản quyền, dịch và xuất bản hai tác phẩm *HRC: State Secrets and the Rebirth of Hillary Clinton* (Hillary Clinton: Bí mật quốc gia và sự hồi sinh) của Jonathan Allen và Amie Parnes, và cuốn *Time to Get Tough: Make America Great Again!* (Đã đến lúc phải cứng rắn để khôi phục sự vĩ đại của nước Mỹ) do chính Donald Trump là tác giả. Quan điểm và chính sách của họ sẽ trở thành quan điểm và chính sách của Chính phủ Mỹ ít nhất trong 4 năm tới, và sẽ có ảnh hưởng lớn đối với toàn thế giới.

Nếu trong cuốn *Time to Get Tough: Make America Great Again!*, Trump kịch liệt phản đối mọi chính sách của Tổng thống Obama, và đưa ra những sáng kiến độc đáo, những chính sách chưa từng có mà có phần xa lạ với giới chính trị, có phần theo chủ nghĩa dân túy, đôi chút sống sượng nhưng đầy thẳng thắn; thì với cuốn *HRC: State Secrets and the Rebirth of Hillary Clinton*,

sẽ cho thấy ở Hillary chỉ là sự điều chỉnh của chính sách Obama, với sự cứng rắn nhưng khéo léo và duyên dáng đến tuyệt vời của người mà nếu thành công, sẽ trở thành người đầu tiên có thời gian sống trong Nhà Trắng dài nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Cả hai cuốn sách, ngay từ tên gọi, từ con người và phong cách viết cũng đầy trái ngược nhau, song chúng tôi tin rằng, sẽ mang lại cho độc giả Việt Nam các thông tin rất hữu ích, nóng bỏng và mới mẻ về những gì đã, đang và sẽ diễn ra ở nước Mỹ, một quốc gia đang ngày càng có những ảnh hưởng mạnh mẽ ở Á châu, trong đó có Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NGUYỄN CẢNH BÌNH

Chủ tịch HĐQT Alpha Books

Giám đốc Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam

Dẫn nhập

Hillary mở to mắt nhìn vào màn hình.

Trước mắt bà là hình ảnh Tòa Lãnh sự Mỹ đứng nơi tuyến đầu của văn minh, tại một trong những nơi vô trật tự nhất hành tinh, ngay chỗ nổ ra chiến sự giữa những người ôn hòa khoan dung và những kẻ quá khích cực đoan. Các nhà ngoại giao bên trong Tòa Lãnh sự này tin rằng mình đang ở đây để cứu giúp; còn những kẻ khủng bố chống Mỹ ngoài kia thì chắc chắn không nghĩ như thế.

Trong một căn phòng họp trang bị video trên lầu 7 của trụ sở Bộ Ngoại giao tại Washington, Hillary quan sát những tên khủng bố đang tấn công bên ngoài Tòa Lãnh sự, hết khung hình này đến khung hình khác. Những hình ảnh ghê tởm đó do camera an ninh ở khuôn viên tòa Lãnh sự thu được. Hillary muốn nhóm phụ tá của bà – khoảng hai chục người đang tụ tập quanh bà trong phòng họp – “cảm nhận được những gì các đồng nghiệp đang đối mặt nơi tiền đồn kia,” như lời một người trong số đó kể lại sau này.

Hình ảnh này được trình chiếu chẳng bao lâu sau cuộc đột kích ngày 5 tháng Tư năm 2010, và hai năm rưỡi sau cuộc đột kích đó Đại sứ Chris Stevens lại bị sát hại trong khuôn viên nơi phái đoàn đặc biệt của Hoa Kỳ đóng tại Benghazi.

Những kẻ tấn công cũng đã làm chuyện tương tự như thế trong Tòa Lãnh sự Mỹ ở Peshawar, cửa ngõ dẫn tới khu vực các sắc tộc của Pakistan, vốn là thiên đường khét tiếng nhất thế giới của bọn khủng bố. Chúng cho nổ bom đặt trên xe khi chạm hàng rào chỉ cách cửa ra vào Tòa Lãnh sự 15 mét, và tung ra một cuộc đột kích tiếp theo bằng súng và lựu đạn. Các nhân viên người Pakistan của Tòa Lãnh sự bị giết trong đợt tấn công, song những kẻ khủng bố đã bị đẩy lui trước khi chúng có thể xâm nhập tòa nhà. Cùng ở trong một khu vực nguy hiểm tương tự, nhưng Tòa Lãnh sự ở Peshawar được xây cất vững chắc hơn so với tòa nhà ở Benghazi, vốn chỉ sử dụng tạm thời cho phái đoàn đặc biệt.

Việc chiếu bằng hình này nhằm thức tỉnh những cái đầu trơ lì ở Bộ Ngoại giao. Tại Peshawar, cuộc tấn công đã bị chặn đứng chủ yếu nhờ hàng rào xe tải xếp thành hình vòng cung bên ngoài và phản ứng cấp thời của các binh sĩ Pakistan trong vai chủ nhà bảo vệ cho Lãnh sự quán.

Những lời đe dọa chống đối hoạt động ngoại giao Hoa Kỳ vang lên ngày càng nhiều không chỉ ở Iraq và Afghanistan, nơi Hoa Kỳ đang có lực lượng quân sự trên bộ, mà cả ở những nơi khác không thuộc vùng chiến sự. Các nhà ngoại giao vấp phải nhiều khó khăn hơn khi thực thi các công vụ chính của họ – tương tác với dân chúng địa phương – mà không có một đơn vị vũ trang mạnh làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh chặt chẽ cho họ.

Khi nhậm chức ngoại trưởng, Hillary từng bàn bạc rất lâu với Ryan Crocker, đại sứ kỳ cựu ở Pakistan, Afghanistan, và Iraq; ông bảo bà rằng bất chấp nguy hiểm, các nhà ngoại giao đã hoạt động hiệu quả khi họ không ngồi ì trong các Tòa Đại sứ và Lãnh sự kiên cố. Bà hiểu rằng Peshawar là một trong các tiền đồn Mỹ có vị thế bất bình nhất trên thế giới, nó bị Al Qaeda, Taliban, và những lực lượng jihad⁽¹⁾ khác bao vây. Những nhà ngoại giao phải mạo hiểm đối diện với nguy cơ thường trực khi đi tới các cộng đồng dân cư xung quanh, nhưng lần này lại là một cuộc đột kích vào ngay ngôi nhà của họ.

Lúc Hillary nghe tường trình về sự kiện này và việc bọn khủng bố đã bị đẩy lui, bà đề nghị Pat Kennedy, thứ trưởng phụ trách hoạt động an ninh ngoại giao, lập ra một tập hồ sơ cho bà. Tôi muốn xem nó, bà bảo Kennedy.

Ơn Chúa, chúng ta có hàng rào xe tải ở vòng ngoài, bà suy tư khi xem các bằng hình. Cứ mỗi khi xảy ra cuộc đột kích vào người hay cơ sở ngoại giao Mỹ, lại rộ lên tranh cãi đòi rút khỏi chỗ đó. Nhưng Hillary tin rằng Hoa Kỳ không thể chấp nhận những khoảng trống tại các khu vực

phức tạp. Các Tòa Đại sứ, Lãnh sự Hoa Kỳ và các nhà ngoại giao làm việc tại đó là những phương tiện quan trọng để Hoa Kỳ tác động lên phần còn lại của thế giới. Đó còn là tuyến hành lang cho những hoạt động tình báo, quân sự và thương mại.

Tuy thế, các hiểm họa cho hoạt động ngoại giao hiện nay là quá rõ. Các nhà ngoại giao Mỹ tại những vùng chiến sự cũng chịu nguy cơ thương vong như quân đội. Chỉ khác là các nhà ngoại giao không mang súng ống. Hillary hiểu rằng việc dấn thân vào hoạt động ngoại giao ở những khu vực thế giới không thân thiện với nước Mỹ là việc mạo hiểm có tính toán. Bà đã vận động chính quyền và hai viện để ngân sách chi cho an ninh của các tiền đồn ngoại giao ở những vùng chiến sự cũng phải được bảo đảm tuyệt đối như chi cho vũ khí và trang bị quân đội. Bà đưa Pakistan vào cùng một danh sách với Afghanistan và Iraq, những nước mà ngân sách an ninh dành cho cho sứ quán ở đó phải được đảm bảo bằng luật.

Việc quyết định cắt bỏ các cuộc tiếp tân, vốn lên lịch rất sát sao, để dành thời gian cho một tường trình về an ninh sứ quán đã gửi tới mọi người tham dự một thông điệp rằng Hillary lúc ấy tin tưởng “đây là việc quan trọng nhất mà chúng ta phải bàn bạc,” như một người có mặt đã nhận xét.

Đó không phải là lần chót.

Vào gần cuối nhiệm kỳ của bà ở Bộ Ngoại giao, vào tháng Chín năm 2012, cuộc đột kích Benghazi – và về bản chất giống như cuộc điện thoại mà bà gọi đi lúc 3 giờ sáng năm 2008 – đã dập tắt ánh hào quang được mô tả là soi tỏ con đường trở lại chính trường của bà. Suốt bốn năm, kể từ ngày nhận lời mời của Barack Obama gia nhập nội các của ông, bà đã bị cuốn vào một chiến dịch vận động tái thiết lập và làm mới lại bộ mặt nước Mỹ. Một cách đồng thời, và theo đuổi tới cùng, bà đã củng cố Bộ Ngoại giao, tăng cường các mối quan hệ của Mỹ với một số quốc gia, và ghi đậm dấu ấn của mình ở trong nước. Sứ mạng ấy đòi hỏi một nghị lực mạnh mẽ, với công phu của kẻ nuôi trồng và hái lượm vốn liếng chính trị, với sự tỉnh táo thận trọng của điều hâu, và với hoài bão của một người phụ nữ tin rằng mình xứng đáng là tổng thống. Lựa chọn công việc này đã là mạo hiểm, nhưng việc liên tục can dự vào các hoạt động ngoại giao tại những khu vực nguy hiểm của thế giới thì đúng là liều lĩnh.

Cả trước cũng như sau cuộc đột kích Benghazi, Hillary đều diễn giải quan điểm của mình rằng Hoa Kỳ không thể vì lý do an nguy của các nhà ngoại giao mà rút lui khỏi những khu vực bất ổn nhất thế giới. Thay vì tránh né hiểm nguy, bà lập luận, việc mà Bộ Ngoại giao phải làm chính là điều hòa và chế ngự các mối nguy hiểm ấy, một quan niệm phản ánh các cân nhắc mang cá tính của bà về mạo hiểm và phần thưởng.

Ở Hillary còn có một tính cách quen thuộc mà một số người gọi là “thành kiến trong hành động,” gây ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của bà. Có thể thấy điều này trong cách tiếp cận của bà đối với việc truy tìm Osama bin Laden, trong cách bà xây dựng một liên minh để can thiệp quân sự vào Libya, và ngay cả trong cách bà cổ vũ những trợ lý của mình đối mới và ứng biến, cho dù đó là việc lập nên những nhóm cộng tác, viện trợ cho những kẻ nổi dậy, hay trường hợp của Richard Holbrooke, thất bại trong việc tìm kiếm một giải pháp đúng đắn cho hòa bình ở Afghanistan.

Từ những ngày đầu tiên bà đã cho thấy hiểu biết sâu sắc về các cân cân quyền lực trong chính giới Mỹ và các chính trị gia quốc tế. Do đó bà có tiếng nói ngày càng có trọng lượng trong chính quyền Obama, chuyển từ vị thế một đối thủ đeo bám sát nút trong cuộc tranh cử thành cố vấn và người thi hành tin cậy theo ý chí của tổng thống. Một số sáng kiến của bà hiện vẫn còn bám rễ lâu dài, và có lẽ bà phải đứng nhìn người khác thu hoạch thành quả khi chúng đơm hoa kết trái. Chủ trương của bà khi dùng “quyền lực thông minh” để hành xử với các quốc gia khác đã thành công, rõ ràng nhất là ở Burma⁽²⁾ cũng như trong việc kiểm soát các mối quan hệ phức tạp hơn tại Trung Đông và châu Á.

Cho dù ngay cả một số trợ thủ nhiệt thành nhất cũng bất mãn với bà, nhưng di sản của Hillary không phải là một trong những cuộc đàm phán thương lượng về hòa bình hay một học thuyết mới định hình chính sách đối ngoại Mỹ. Mà đó chính là sự lớn mạnh của ngành ngoại

giao một cách khôn ngoan, và cùng với quốc phòng là sự mở rộng tầm ảnh hưởng của quyền lực Mỹ, cũng như tài năng trong việc lãnh đạo một bộ máy hành chính khổng lồ.

Thông qua các câu chuyện hậu trường chính trị, cuốn sách này lần theo ánh hào quang từ cuộc trôi dạt gần đây nhất của Hillary Clinton, một câu chuyện được người ta xem là cuộc hồi sinh chính trị của bà, mà những chương cuối vẫn đang chờ được viết ra. Phần nào câu chuyện ấy là việc tạm trao lại quyền chỉ đạo hoạt động chính trị gia đình cho Bill Clinton, người đã nhân danh sự tái cử của Barack Obama – và trừng phạt các đối thủ của Hillary trong chiến dịch bầu cử – đặt nền móng cho Hillary tái tranh cử vào năm 2016. Nhưng, giữ bí mật những việc ấy, Hillary luôn khẳng định mình đã đứng ngoài ván bài chính trị, trong khi vẫn tiếp tục xây dựng mạng lưới chính trị nhà Clinton, tìm kiếm các đồng minh mới trong chính quyền, trong chính giới Đảng Dân chủ, và thế giới doanh nhân vốn có thể hỗ trợ thiết lập một nền tảng rộng lớn vào năm 2016.

Đương nhiên cho đến thời điểm cuốn sách này được viết ra, Hillary vẫn chưa công bố quyết định nào về kế hoạch của mình. Tuy vậy, đại đa số các chính trị gia đều nhìn nhận rằng cấp trên muốn làm mọi thứ trong quyền lực của mình để bảo đảm ý đồ của họ được triển khai cho tới khi mệnh lệnh chốt được ban hành. Hillary không hề xa lạ với cách nhìn ấy. Nhưng bà từng thể hiện tinh thần sẵn sàng mạo hiểm – từ việc nhận làm ngoại trưởng trong chính phủ của Obama tới việc giám sát các vị trí trong Phòng Tình huống của ông – khi mà trách nhiệm, lòng trung thành và những lời tư vấn thẳng thắn của bà có thể gây ra mâu thuẫn với giới chóp bu Đảng Dân chủ hoặc với toàn bộ cử tri.

Lòng trung thành, dù làm sự việc tốt hơn lên hay tệ đi, đã trở thành đặc trưng của Hillary và nhóm gắn kết chặt chẽ với bà, từ những ngày bà còn là đệ nhất phu nhân cho đến khi tham gia Thượng viện và Chính phủ. Bà đề cao nó cho bản thân, cũng như đòi hỏi đức tính ấy ở các trợ thủ của mình, và thường chủ yếu dựa vào nó để đánh giá những người xung quanh. Có thể quý phần nào lỗi cho thất bại của bà trong cuộc tranh cử tổng thống năm 2008 là do cách bà ban thưởng cho những đồng minh lâu dài các công việc mà họ không đủ khả năng đảm nhiệm; ngay cả những người ủng hộ bà nhiệt thành nhất cũng thường phải tự hỏi liệu bà đã thật sự học hỏi được đủ chưa từ trải nghiệm ấy để đặt năng lực lên trên lòng trung thành trong việc gây dựng vốn chính trị cho cuộc đua thứ hai tới Phòng Bầu dục.

Khi bà cân nhắc tranh cử, thành kiến sẽ dẫn đến hành động, tinh thần mạo hiểm sẽ phải được tính toán, và ứng viên này gần như chắc chắn sẽ tái xuất trên chính trường.

Phần Một

1. Danh sách đen của Hillary

Tại Ballston ở gần Arlington, bang Virginia, trong một văn phòng chật chội ở tầng ba là trụ sở chiến dịch vận động tranh cử tổng thống của Hillary Clinton, nơi từng có lúc trong tình trạng cấp tập hồi hả, Kris Balderston và Adrienne Elrod đưa tay chạm lần cuối lên những cái tên trên tờ danh sách đen ghi lại các kẻ thù chính trị của Hillary. Đó là vào cuối tháng Sáu năm 2008, và Hillary đã dừng cuộc đua giành ghế tổng thống. Phòng chiến tranh, đầu não của bà, nơi đã từng khởi xướng những cuộc chiến ồn ào, nay vắng lặng. Đội xử lý dữ liệu đã giải tán. Vị giám đốc chính trị đã buông xuôi. Một số trợ thủ của Hillary giờ đã ghép vào chiến dịch vận động cho Barack Obama ở Chicago.

Bộ râu muối tiêu của Balderston khiến ông trông như một giáo sư đại học người Anh, một chức vụ giúp người ta khỏi phải cao râu. Khi bước vào tuổi ngũ tuần, ông đã sát cánh với nhà Clinton từ những ngày họ ở Nhà Trắng, với tư cách phó trợ lý cho tổng thống, sau đó là giám đốc pháp luật của Hillary và phó chủ tịch ủy ban Thượng viện. Các chức quản lý chính thức ấy che lấp mất chân giá trị của Balderston: ông từng là một nhà hoạt động chính trị xuất chúng và là một trong những người tán gẫu được Hillary yêu thích. Sau hơn 12 năm làm việc cho nhà Clinton, ông biết làm cách nào để ghi điểm trong một cuộc tranh đua trên chính trường.

Adrienne Elrod, một cô gái tóc vàng 31 tuổi hòa nhã, dáng vẻ khoan thai kiểu Ozark điều luyện, đã gắn bó với nhà Clinton còn lâu hơn Balderston, ngay từ thời ấu thơ của cô tại Siloam Springs, một thị xã có 15.000 dân ở Tây Bắc Arkansas, vùng biên Oklahoma. Cô biết Bill Clinton ít ra từ khi mới năm tuổi. Cha cô, John Elrod, một luật sư nổi tiếng ở Fayetteville, thuộc nhóm bạn đầu tiên của vị tổng thống tương lai tại trường Arkansas Boys State khi họ đang ở tuổi teen. Cũng như Bill Clinton, Elrod có đôi mắt màu xanh lơ sáng long lanh và một nụ cười cởi mở nồng nhiệt truyền cảm lập tức. Cô làm việc lần đầu ở Nhà Trắng thời Clinton sau khi thực tập tại đó năm 1996, rồi trở thành một cộng tác viên chính trị của Đảng Dân chủ, sau đó nắm giữ các chức vụ cao hơn ở Capitol Hill⁽³⁾. Cô gia nhập đội vận động tranh cử tổng thống của Hillary Clinton với tư cách trợ lý truyền thông và sau đó đổi thành “Văn phòng liên lạc-nghị viện và vận động-cử tri” của Balderston vào tháng Ba. Được tin tưởng bởi những liên hệ chặt chẽ với mạng lưới Clinton, Elrod đã giúp Balderston hoàn tất bản danh sách đen.

Hàng tháng trời, họ đã tỉ mỉ cập nhật thông tin lên một chiếc bảng lớn bằng cả bức tường, với vô số các biểu tượng, chữ cái và mũi tên được mã hóa bằng màu sắc để theo dõi và cập nhật xem nghị sĩ nào có những hành động nghiêng về ủng hộ Hillary, và ai bị lôi kéo về phe Obama. Chẳng hạn, các chữ cái “LO” chỉ một nghị sĩ “nghiêng về Obama” (leaning Obama), còn chữ “BD” viết màu xanh lơ chỉ ra rằng đó là một thành viên thuộc Liên minh Blue Dog⁽⁴⁾ trung dung ôn hòa trên Capitol Hill.

Một trong những công việc sau cùng của chiến dịch là ghi lại trong một tập tin Microsoft Excel tên và hoạt động của các thành viên Nghị viện. Họ cẩn thận ghi chú ai tán thành Hillary, ai hậu thuẫn Barack Obama, và ai đứng ngoài – đây là một quy trình tác nghiệp chuẩn mực của bất cứ một tổ chức chính trị chuyên nghiệp nào. “Chúng tôi muốn có một hồ sơ về những ai tán thành và ai chống đối,” một thành viên trong đội vận động bầu cử của Hillary nói, “để xem trong số những người ủng hộ chúng tôi, ai là người sẽ cùng đi tiếp, và ai dừng lại. Trong số những người không tán thành chúng tôi, ai có lý do để không ủng hộ chúng tôi chỉ vì họ là thành viên Nhóm Nghị sĩ da màu trong Hạ viện hoặc là nghị sĩ đại diện bang Illinois. Và tất nhiên, những kẻ đáng lẽ phải đi cùng Hillary nhưng đã quay lưng với bà và ủng hộ Obama.”

Đối với Hillary, thất bại này không phải là dấu chấm hết cho sự nghiệp chính trị của bà, và bảng dữ liệu đó rất cần thiết cho cuộc chiến chính trị hiện tại, đó là một loại sổ tay ân oán như

các chính trị gia trước kia thường gọi. Có nghĩa là, khi gặp nghi vấn, bà và Bill sẽ có trong tay tất cả mọi thông tin cần thiết để mau chóng đưa ra quyết định – bao gồm tha bổng, giảm tội, và tăng nặng các nhân tố – sao cho bằng hữu được ban thưởng và kẻ thù thì bị trừng phạt.

Bảng dữ liệu là thành quả từ những hiểu biết sâu sắc của những người tham gia lập ra nó. Hết lòng trợ giúp nhà Clinton, Balderston và Elrod tận lực làm sổ tay ân oán. Họ ghi nhớ gần như từng mẫu trợ giúp mà nhà Clinton đã nhận và từng chân tơ kẽ tóc những gì chống lại họ. Gần như sau sáu năm, tất cả các trợ lý nhà Clinton vẫn có thể kể vanh vách thông tin về các đối thủ và ân nhân, về những gì họ từng làm, đặc biệt là có thể tường trình chính xác từng chi tiết, từng tội lỗi của những ai đã phản bội nhà Clinton – y như nó vừa xảy ra chỉ mấy tiếng trước. Việc lập bảng dữ liệu này bảo đảm rằng hành động của các tội đồ và các vị thánh đều không bao giờ bị lãng quên.

Có cả một khu vực đặc biệt của Clinton dành cho những người ủng hộ Obama hoặc đứng ngoài cuộc dù chính Bill và Hillary mang lại tiền bạc và địa vị chính trị cho họ, hoặc viết thư giới thiệu giúp con cái họ vào học tại một ngôi trường danh giá. Trong bản thảo ban đầu của danh sách đen, mỗi nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ được đánh giá bằng một con số mang giá trị từ 1 đến 7; những ai giúp Hillary nhiều nhất sẽ giành phần thưởng là số 1 và những người bội bạc nhất sẽ mang số 7. Dãy các số 7 gồm những thượng nghị sĩ John Kerry, Jay Rockefeller, Bob Casey và Patrick Leahy, cùng các hạ nghị sĩ Chris Van Hollen, Baron Hill và Rob Andrews.

Dù đã có đến số 7 nhưng có vẻ thể là chưa đủ để phân loại hết các kẻ phản bội nằm trong những liên minh nhất thời.

Claire McCaskill có lẽ sẽ phải chiếm chỗ gần với hỏa ngục nhất trong phán quyết của nhà Clinton. Bill và Hillary đã dọn sạch mọi trở ngại cho bà này chạy đua vào Thượng viện tại Missouri vào năm 2006, như đã làm với Obama. Nhưng dường như McCaskill đã quên ân huệ đó khi Tim Russert của đài NCB hỏi bà liệu Bill có phải là một tổng thống vĩ đại, trong chương trình *Meet the Press* (Gặp gỡ Báo giới) chống lại Thượng Nghị sĩ Jim Talent vào tháng Mười năm 2006. “Ông ta là một lãnh đạo vĩ đại,” Claire McCaskill nói về Bill, “nhưng tôi không muốn con gái mình đến gần ông ta.”

Ngay lập tức McCaskill đã phải hối hận về câu nói ấy; sự đau khổ đã khiến bà phải “khóc như mưa,” theo lời kể của một người bạn. Bà biết rằng, lời bình luận của mình nghe có vẻ như được cân nhắc kỹ, chứ không giống một sự lỡ mồm đáng được bỏ qua. Đã vậy, Hillary lập tức hủy bỏ việc gây quỹ đã lên kế hoạch từ trước cho McCaskill. Vài ngày sau, McCaskill đã gọi cho Bill và nói xin lỗi trong nước mắt. Bill tỏ ra độ lượng, chính điều ấy khiến McCaskill cảm thấy tệ hại hơn. Sau khi thắng cử, bà ta càng cảm thấy sợ hãi khi phải đối mặt với Hillary tại Capitol Hill. “Tôi thật sự không muốn đi cùng thang máy một mình với bà ấy” – McCaskill thổ lộ với bạn bè.

Nhưng Hillary lúc đó vừa mới bắt đầu chiến dịch vận động tranh cử tổng thống, vẫn cần có McCaskill, hay sự ủng hộ từ các cử tri Missouri. Các nhóm phụ nữ, gồm cả EMILY’s List⁽⁵⁾, đã thuyết phục McCaskill “lên cùng con thuyền” với gia đình Clinton, và Hillary đã cố gây cảm tình riêng với người đồng nghiệp mới bằng một bữa trưa hai người tại Phòng ăn Thượng viện đầu năm 2007. Thay vì trực tiếp đề nghị McCaskill ủng hộ, Hillary tiếp cận một cách mềm mại hơn, đó là việc tìm kiếm nền tảng đấu tranh chung cho cuộc vận động tranh cử, kể cả chi phí hữu hình. “Có một khía cạnh rất nhân bản ở Hillary,” McCaskill nghĩ.

Trong khi đó, Obama cũng đang thuyết phục McCaskill bằng một loạt các cuộc đối thoại tại hành lang Nghị viện. Rõ ràng, Hillary nghĩ rằng mình đã có được McCaskill. Nhưng sự lựa chọn của McCaskill luôn luôn là ủng hộ Obama hoặc đứng ngoài cuộc. Tháng Một năm 2008, McCaskill không chỉ trở thành nữ thượng nghị sĩ đầu tiên ủng hộ Obama, mà còn gửi thông điệp đến nhóm của ông rằng sự hỗ trợ của bà ta có thể còn gấp bội nếu các Thống đốc Kathleen Sebelius và Janet Napolitano đồng thời lên tiếng ủng hộ ông. Ngay trước khi tuyên bố ủng hộ Obama, McCaskill gọi điện cho thư ký riêng của Hillary là Huma Abedin để làm rõ rằng đó không phải là một quyết định cố ý giấu giếm Hillary.

Nhưng trò đánh cược bộ ba⁽⁶⁾ của những nữ lãnh đạo khi trao cho Obama sự hậu thuẫn công

khai của họ lại là một cú đòn hủy diệt. *Cắm ghét* vẫn là một từ khá nhẹ để miêu tả cảm giác mà những người trung thành nồng cốt của Hillary dành cho McCaskill, kẻ giờ đây đưa ra lời ủng hộ tươi rói cho Obama – đó là một vết dao cứa xót xa trong lòng Hillary từng ngày, suốt vòng đầu đầu tiên.

Nhiều cái tên khác thuộc phe đối thủ trong bản danh sách cũng tương đối dễ nhớ, từ Ted Kennedy(7) đến John Lewis(8), các nhân vật biểu tượng của phong trào dân quyền, mà sự đào ngũ của họ gây tổn thương đến mức Bill Clinton có vẻ không muốn nhắc đến họ. Trong các cuộc hội đàm riêng tư, ông cố lý giải những động cơ khiến Lewis quay thuyền giữa dòng, sau khi Obama bắt đầu cài được cái răng cá của lớp xe lên những nhà làm luật da màu nhằm buộc họ chỉ được quay theo “chiều đúng của lịch sử”. Lewis, do vị thế riêng trong lịch sử Mỹ, đối diện với phép thử lòng trung thành độc nhất vô nhị khi trước mặt ông là một ứng viên da màu bằng xương bằng thịt đang chạy đua chức tổng thống, thật sự là một minh họa hoàn hảo cho việc các phụ tá của Hillary cần nắm bắt thêm thông tin chi tiết, chứ không chỉ chia các nhân vật thành hai phe *tán thành* và *chống đối*. Có lẽ đến một ngày nào đó, sự quay lưng của Lewis có thể sẽ được tha thứ.

Ted Kennedy (một con số 7 nữa trong sổ đen) lại là câu chuyện khác hẳn. Ông ta đã kích Hillary kích liệt nhất, và tung ra một diễn văn then chốt ủng hộ Obama ngay trước vòng đầu của “Thứ Ba trọng đại”, loại bỏ bà như thể quăng đi tờ báo cũ của ngày hôm qua, và xem Obama là người thừa kế xứng đáng Lâu đài Camelot. Những gì ông ta làm rất ấn ý với một bài xã luận trên *New York Times* do chính Caroline Kennedy viết ra với giọng điệu ít “đao to búa lớn” hơn nhưng cũng cùng một nội dung. Bill Clinton đã nài xin Kennedy dừng lại, nhưng vô ích. Dù sao, các phụ tá nhà Clinton vẫn há hê khi các kẻ thù vấp ngã. Nhiều năm sau, họ đã có thể pha trò cười với nhau về số phận những người mà họ cho là kẻ phản bội. “Bill Richardson bị điều tra; John Edwards dính bê bối; Chris Dodd thì bị hạ bệ” – người này nói với người kia. “Còn Ted Kennedy,” người trợ lý hạ giọng thành tiếng thì thầm bí hiểm cho nút thắt câu chuyện, “chết rồi.”

Suốt nhiều tháng trời, lúc cuộc vận động lên đến cao trào, Balderston và Elrod thu hẹp các bảng thành một danh sách nhỏ hơn chỉ gồm những nghị sĩ then chốt cần nhắm tới, đó là những người vẫn chưa đưa ra quyết định sau “Thứ Ba trọng đại.” Trong những tháng cuối cùng của cuộc vận động tranh cử, Hillary và nhóm phụ tá của mình đã dành rất nhiều nỗ lực nhằm lay chuyển các nhà lập pháp cá biệt này, đến mức khi bàn nhau xem ai là kẻ thọc mũi dao vào lưng bà và xoáy mạnh nó, tên của họ đã bật ngay ra trong đầu các trợ lý của Hillary.

Đối với Balderston, sự phản bội của Jim Moran, hạ nghị sĩ đến từ Alexandria, bang Virginia, có lẽ mang tính riêng tư nhất. Hai người là bạn thân ở Del Ray, vùng lân cận của Alexandria, cách trụ sở vận động bầu cử khoảng sáu dặm(9). Họ thậm chí từng cùng tham gia một câu lạc bộ sách. Suốt nhiều tháng trời Balderston đã nhiều lần nài nỉ Moran ủng hộ. Moran giả bộ rụt rè. Ông ta tán dương Hillary nhưng chỉ hé lộ chút xíu hứa hẹn về việc ủng hộ. Tiếp đó, vào tháng Một năm 2008, Moran gửi tin nhắn miệng cho Balderston: Tôi hoàn toàn ủng hộ Hillary. Hiển nhiên, Balderston rất phấn khởi. Việc giành cảm tình của các cử tri không mấy tiến triển, nên việc thêm một cái tên mới vào cột ủng hộ Hillary rõ ràng là tin mừng. Nhưng niềm vui của Balderston đã chết yểu. “Cái gì thế này? Mẹ kiếp,” ông thốt lên khi đọc bài báo viết rằng Moran đã lên tiếng ủng hộ Obama chỉ hai tuần sau đó. Balderston gọi cho vị nghị sĩ, người bạn cố tri của mình, từ văn phòng vốn cũng gần nhau. “Đừng bao giờ gọi tôi nữa!” Balderston nói. Ông cũng thôi không lui tới câu lạc bộ sách.

Bill đặc biệt nổi giận vì trường hợp Lois Capps, vị nữ dân biểu của California. Ông từng hỗ trợ cho Walter, chồng của Capps trong cuộc vận động tranh cử, giúp ông này hạ đo ván một nữ nghị sĩ đương nhiệm vào năm 1996, và năm sau đó Bill Clinton đã tán dương Walter nhân dịp hoạt động kỷ niệm Hạ viện bằng cách gọi ông ta là người “quá hoàn hảo ở Hạ viện,” sau đó đã giúp Lois Capps giành được vị trí từng là của chồng mình trong một cuộc bầu cử đặc biệt. Laura, con gái của nhà Capps, còn được làm việc tại Nhà Trắng thời Clinton.

“Làm thế nào điều đó lại xảy ra?” Bill hỏi sau khi biết Lois Capps ủng hộ Obama hồi cuối

tháng Tư.

“Ngài có biết là con gái họ kết hôn với Bill Burton không?” một phụ tá của Hillary đáp.

Burton làm việc cho Obama với tư cách là một phát ngôn viên cấp cao trong chiến dịch vận động tranh cử và có thể sẽ gia nhập đội ngũ nhân sự Nhà Trắng, dĩ nhiên điều này chẳng xòa dịu được chút nào nỗi thất vọng của vị cựu tổng thống. Bill và Hillary đã bị sốc vì bao nhiêu đảng viên Dân chủ bỏ rơi họ để gắn bó với cái nhãn hiệu mới mẻ của Barack Obama. Những tổn thương và xúc phạm vẫn chưa chấm dứt, mỗi cú đòn sau lại càng đau hơn cú trước, cứ thế việc đào ngũ xảy ra hết tháng này sang tháng khác. Suốt cả mùa xuân và mùa hè, chiến dịch vận động của nhà Clinton tiến đến những ngày cuối mà không có thêm được dù chỉ một người ủng hộ.

Điểm kết là đầu đó khi Hillary – trong một phòng họp yên ắng lặng lẽ ở trụ sở DNC⁽¹⁰⁾ – yêu cầu các “siêu đại biểu”⁽¹¹⁾ hãy cho bà lời hứa của họ, chỉ riêng tư thôi, là họ sẽ ủng hộ bà khi bỏ phiếu tại hội nghị, dù họ không sẵn sàng mạo hiểm chính trị trong việc bộc lộ công khai trước khi bầu. Khác với các cử tri theo thông lệ vốn được bầu từ các vòng lựa chọn và các cuộc họp kín của Đảng toàn quốc, các “siêu đại biểu” – một nhóm những nghị sĩ, thống đốc bang, và những quan chức khác của Đảng Dân chủ – có quyền ủng hộ bất cứ ứng viên nào họ muốn. Nỗ lực lần cuối cùng, Hillary năn nỉ họ đừng ghi tên vào cột Obama, chỉ thế thôi. Bill cũng xông xáo tương tự, bằng những cuộc gọi và những lần xen ngang các vị nghị sĩ với lời nài nỉ: “Chỉ xin đừng ủng hộ Obama.”

Balderston và Elrod ghi chép lại tất cả về từng người một, cả điều tốt lẫn xấu về họ, lưu lại cho lịch sử – và cho Doug Band, một sĩ quan tùy tùng của cựu Tổng thống Bill Clinton, có đáng cao, đầu hói. Là một cựu sinh viên Đại học Florida, Band có một lòng trung thành mãnh liệt với vị cựu tổng thống, sánh ngang với bản năng của ông ta trong việc tích của và giữ gìn địa vị. Trong cái nhìn của những người thuộc thế giới của Clinton, suốt một thời gian dài Band “luôn luôn trông chừng cho Số Một.” Nhưng nếu điều ấy là đúng, thì Bill Clinton luôn ở bên cạnh Số Hai của mình. Ngay khi còn trẻ, Band đã phục vụ Nhà Trắng dưới thời Clinton, sau đó tiếp tục hỗ trợ tạo dựng và quản lý trang web từ thiện rộng lớn của Clinton.

Đối với các chính trị gia, nhà tài trợ, cũng như nhà báo, điều quan trọng nhất ở Band là việc ông ta đã trở thành người gác cửa cho Bill Clinton. Ít ai nghi ngờ về tầm nhìn chiến lược của Band trong việc lập ra một đế chế nhân ái hậu-tổng thống của Bill, cũng như về việc ông đánh giá Huma Abedin, trợ lý riêng hàng đầu của Hillary, là thuộc số bạn bè thân cận nhất của mình. Nhưng một số cộng sự thuộc Hillaryland⁽¹²⁾ lại không thấy rõ ảnh hưởng của Band đối với vị cựu tổng thống. Ông ta cay nghiệt đến mức Maggie Williams, một nhân vật thuộc hàng thân cận nhất với Hillary, có lúc đã kể cho bạn bè rằng bà ta thôi làm việc ở Quỹ Clinton phần lớn là vì Band. Nhưng Band là người phụ trách cơ sở dữ liệu Clinton, một vai trò biến ông thành trọng tài phán xét khi nào thì các chính trị gia nhận được sự trợ giúp của gia đình Clinton và khi nào thì không.

“Trừng phạt không nhiều như bạn tưởng, và tôi thật sự cho rằng đó chính là điểm mấu chốt,” một nguồn tin quen thuộc với lối nghĩ của Bill cho biết. “Hiếm khi nói ‘chúng tôi sẽ giúp anh,’ mà thường hay nói ‘chúng ta đang giúp bạn bè của mình.’ Tôi thật sự nghĩ đó là điểm tinh tế cơ bản trong đầu Bill Clinton. Bà ấy thiếu cân nhắc, nhưng ông ấy thì có.”

Năm 2012, khi đang ăn tối với vài người bạn tại quán Cafe Milano ở Georgetown, Bill Clinton hồi tưởng lại điều ông xem là một “đòn trừng phạt” nặng nề nhất từ Jason Altmire, một hạ nghị sĩ trẻ, người từng được nhà Clinton nâng đỡ từ lúc mới khởi đầu sự nghiệp. “Nếu trông chính trị anh không có lòng trung thành,” cựu tổng thống nói, “thì có cái gì nữa đây?”

Nếu có một gã trai nào đó làm hình minh họa trên tờ quảng cáo cho sự phản-bội-và-trả thù, thì đó chính là Altmire, một cựu cầu thủ bóng đá cao to của trường Đại học bang Florida, từng giành được chiếc ghế của mình tại Hạ viện tây Pennsylvania vào giữa thời Đảng Dân chủ thắng cử như chẻ tre năm 2006. Trong suốt sáu năm, Altmire đã làm trợ lý Hạ viện, một phận sự nổi bật nhờ được chọn vào nhóm cải cách chăm sóc y tế của Hillary năm 1993. Đó là công việc

đáng kể duy nhất mà ông ta từng làm tại Washington trước khi thắng cử, và ông ta cũng biết rõ đây là bệ phóng quan trọng trong sự nghiệp của mình. Ông ta là một mục tiêu hàng đầu mà Hillary nhắm đến nhằm thu được cảm tình của các “siêu đại biểu” vào mùa xuân năm 2008.

Hạ mình nhún nhường, Hillary đã gặp gỡ nhiều “siêu đại biểu” này trong các cuộc họp mặt tay đôi lần lượt với từng người tại phòng họp tầng hai của tòa nhà trên Capitol Hill, nơi làm trụ sở của cả DNC và Ủy ban Vận động Tranh cử Nghị viện của Đảng Dân chủ (DCCC). Khi Hillary muốn tránh mặt “những tay săn ảnh tò mò,” bà thường tổ chức các cuộc gặp mặt ở gần Khách sạn Phoenix Park. Nhưng Hillary không chỉ né tránh báo giới ở DCCC. Cánh vận động của Đảng Dân chủ tại Hạ viện bị kiểm soát bởi Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi, về mặt kỹ thuật là một quyền lực trung lập, chuyên nghe lén việc riêng tư, đã khiến các hạ nghị sĩ nòng cốt đã chạy sang phe Obama từ cuối tháng Một và đầu tháng Hai. Brian Wolf, một người gốc Arkansas và là Giám đốc điều hành DCCC, đã phối hợp với Balderston và Elrod nhằm lôi kéo các nhà lập pháp trong tòa nhà này đến các cuộc gặp với Hillary và cũng cố làm dịu bầu không khí. Ít nhất có một lần, lúc sự căng thẳng giữa Hillary Clinton và Nancy Pelosi lên quá cao, các trợ lý của họ đã phải cố tách hai người phụ nữ này ra để họ không đụng mặt nhau. “Suýt nữa là rắc rối to,” một nguồn tin cho hay. Một số bạn bè của Pelosi tiết lộ rằng bà ta thù địch với mọi nỗ lực của Hillary, một phần do ghen tỵ, phần khác do mong muốn gõ cửa vào ngôi nhà Obama. “Tôi nghĩ sự ủng hộ này được tính toán rất kỹ,” một người bạn của cả hai nữ chính khách này cho biết. “Hiển nhiên, việc làm cách nào nắm chặt toàn bộ các phiếu mới của cử tri là quan trọng đối với vị nữ Chủ tịch Hạ viện, và đó là chính trị.”

Cả DCCC và Khách sạn Phoenix Park, đều chỉ cách Capitol Hill vài bước chân, được lựa chọn cốt sao cho các “siêu đại biểu” đầy quyền năng khó mà tránh gặp Hillary bằng cách viện cớ rằng họ không có thời gian. Người ta kháo nhau rằng một cựu đệ nhất phu nhân, thượng nghị sĩ của New York, và người đang chạy đua sát nút chức tổng thống, từng than phiền là các nghị sĩ tránh mặt bà. Người ta cũng kể với nhau rằng áp lực nặng nề của Hillary lên các “siêu đại biểu” – nhất là với những người như Jason Altmire, vốn khó lọt vào danh sách quyền lực Washington – khiến họ không dám đi lại đường hoàng cho tới sau ngày “Thứ Ba trọng đại” vào tháng Hai. Hillary mong khi đó cái tên được đề xướng sẽ là tên mình, và dù tình hình ra sao, bà vẫn chán ghét việc phải cầu cạnh lá phiếu và tiền bạc của những nhà lập pháp và nhà tài trợ. Bà thích làm một người độ lượng hào phóng ban phát ân huệ hơn là đi lượm lặt chúng.

Hillary đã đánh mất Altmire từ lâu trước khi nhận ra rằng phải giành lấy ông ta. Trong khi mãi đến mùa xuân năm 2008 bà mới có thể kết nối với các cử tri đoàn, thì Obama đã tiếp cận Altmire lần đầu vào mùa hè năm 2007. Đến tháng Mười năm đó, vị hạ nghị sĩ trẻ tuổi của tiểu bang Pennsylvania cùng với Dân biểu Patrick Murphy đã được mời dự buổi diễn thuyết của Michelle Obama tại Philadelphia. Sau bài diễn văn, hai vị nghị sĩ đã dành thêm hơn một giờ phía sau sân khấu để trò chuyện với đệ nhất phu nhân tương lai, lúc đó đang ngồi trên một chiếc ghế dài uống nước và giải thích về chiến lược của chồng bà nhằm đánh đổ sức mạnh ghê gớm của Clinton. Dù tụt rất xa sau Hillary trong đợt bầu cử phổ thông trên toàn quốc, nhưng Obama lại giành thắng lợi tại Iowa và New Hampshire, khiến cuộc đua trở thành tay ba, với cả nhà Clinton và John Edwards. Edwards đã sớm rời cuộc đua ngay sau đó. “Khi cuộc đua chuyển sang giai đoạn tay đôi, chính là lúc Barack tỏa sáng,” Michelle nói với hai nghị sĩ trẻ của Đảng Dân chủ. “Bà ấy sẽ không biết điều gì đã đánh đổ mình đâu.”

Bốn năm sau, Altmire vẫn còn ấn tượng với bài thuyết trình của Michelle Obama. “Bà ấy nhận định đúng điều gì sắp diễn ra,” ông ta nói. “Bà ấy nói sai về New Hampshire, nhưng nói được chính xác điều gì sắp đến.” Murphy, bạn thân của Altmire, đã ủng hộ Barack Obama, bằng cách gắn bó với vị tổng thống tương lai vào thời điểm triển vọng thắng cử của ông ta khá ảm đạm. Altmire, theo lời đồn thì khi đó cũng đã sẵn sàng gia nhập, nhưng lại cố trì hoãn – ông ta muốn chắc ăn. Obama cũng đưa ra yêu cầu lần nữa ngay trên hành lang Hạ viện trong dịp Tổng thống George W. Bush đọc Thông điệp Liên bang năm 2008. Ông hỏi Altmire đã “sẵn sàng vượt qua ranh giới do dự hay chưa,” và sau đó cứ khoảng sáu tuần một lần Obama lại liên lạc để xem đã có câu trả lời ủng hộ hay chưa.

Cuối cùng, đến ngày 29 tháng Hai năm 2008, Hillary mới vươn tay tới Altmire. Bà gọi điện

đến nhà ông ta và để lại một lời nhắn. “Động lực đang ở phía chúng tôi,” bà nói, ám chỉ các vòng đầu ở Texas và Ohio sẽ được tiến hành vào thứ Ba tới. Dưới góc độ quan hệ công chúng, đó là cuộc thi buộc phải giành phần thắng. Nếu không chiến thắng trong vòng bỏ phiếu phổ thông ở một trong hai bang đó, chiến dịch vận động của bà xem như hết hy vọng. Việc kiểm đếm cử tri lại là vấn đề khác, bởi lẽ công chúng và thậm chí nhiều phóng viên chính trị giàu kinh nghiệm cũng không thật sự hiểu việc đó quan trọng đến mức nào. Dù thắng hay thua tại các bang này, Hillary vẫn không thể đuổi kịp Obama trong cuộc đua giành sự ủng hộ từ các cử tri đoàn toàn quốc, nếu thiếu một luồng gió siêu đại biểu thổi mạnh theo hướng bà mong đợi. Nhưng bà vẫn chưa sẵn sàng lôi kéo họ vào hàng ngũ của bà, và Bill cũng vậy.

Altmire nhận được cú điện thoại từ một trợ lý của Bill sáng ngày 4 tháng Ba, ngày diễn ra bầu cử tại Ohio và Texas. Ông ta được khuyên hãy ủng hộ cựu tổng thống. Nhưng Bill không trực tiếp cầm máy. Các cuộc đấu đã đến quá gần nên khó có thể gọi điện. Sau khi đã rõ ràng là Hillary sẽ giành được phiếu phổ thông tại cả hai bang, Altmire nhận được cú điện thoại thứ hai. Lần này thì chính Bill lên tiếng.

“Ông ấy cầm điện thoại. Ông ấy đang bay bổng, có thể nhận thấy điều đó trong giọng ông ta,” Altmire nhớ lại.

“Chúng tôi thật sự cần anh,” Bill nói với Altmire.

Nhưng Altmire lo rằng Hillary có lẽ sẽ không thuyết phục được các cử tri bảo thủ tại quận Pennsylvania của ông. Bill phản bác, viện dẫn đến những khoảnh khắc chiến thắng của chính ông tại quận này vào các năm 1992 và 1996. Ông biết rất rõ các cử tri ở đó chẳng thua gì Altmire. Bill lập luận, Hillary từng là đệ nhất phu nhân cấp quốc gia mà khắp miền Arkansas bảo thủ quê mùa ai ai cũng biết, đã hai lần giành ghế thượng nghị sĩ, một phần do bà đã làm được tốt hơn cả kỳ vọng ngay tại ngoại ô New York bảo thủ. Khi gọi điện nhắc nhở một cảm tình viên cũ, vị cựu tổng thống cũng cảm ơn Altmire về những đóng góp của ông trong nhóm công tác cải cách y tế năm 1993. Do đã chuyển sang ủng hộ Obama, Altmire bèn nói với Clinton rằng, ông không thích hệ thống siêu đại biểu hoặc ý nghĩ cho rằng lá phiếu của ông có sức nặng hơn những lá phiếu của mỗi cử tri của ông. Ông không có ý định ủng hộ bất kỳ ai, ông đã nói thế với cựu tổng thống.

Nhưng Clinton không dễ dàng bỏ cuộc. Altmire là một trong số gần một tá siêu đại biểu Đảng Dân chủ được mời dự bữa tiệc cocktail ngày 12 tháng Ba, tại nhà riêng trị giá hàng triệu đô-la của gia đình Clinton ở Washington, một nơi ẩn mình giữa các tòa đại sứ ngoại quốc và ngay gần dinh thự rộng rãi của vị phó tổng thống. Tại bữa tiệc, Altmire đã hỏi Hillary một câu lịch sử đơn giản: Bà đang tụt lại. Liệu bà có con đường nào để giành chiến thắng hay không? “Tất cả các quý vị đều là những siêu đại biểu,” bà nói với cả nhóm, “và các siêu đại biểu phải nhắm đến và đưa ra quyết định để có thể đảo ngược những gì các cử tri đã quyết định.” Điều này không tác động gì nhiều tới Altmire; cũng chẳng có vẻ lay chuyển được số đông các đồng nghiệp của ông ta.

Vào ngày Thánh Patrick, Obama đã đi thăm một trường cao đẳng cộng đồng tại quận của Altmire và mời vị nghị sĩ này cùng tham gia. Giống như một tân binh đội bóng đá trường Đại học Phân ban I, Altmire được cấp cho một ô cửa sổ để thò đầu vào ké cảm đám cử tọa lạnh nhạt. Ngồi cạnh David Axelrod, Altmire quan sát Obama diễn thuyết, tổ chức họp báo, và trả lời phỏng vấn với Gwen Ifill của hãng thông tấn truyền hình PBS.

Sau đó ông ta leo lên chiếc xe SUV của vị thượng nghị sĩ và phóng đến Sân bay quốc tế Pittsburgh. Tránh để con voi đầu đàn(13) chắn ngang giữa họ, Obama và Altmire kể cho nhau về những đứa con gái của họ, đều trạc tuổi nhau. Khi đến sân bay, Obama ra hiệu cho đội an ninh của mình ra khỏi xe, để lại hai chính trị gia ngồi riêng với nhau trong chiếc SUV.

“Tôi sẽ chiến thắng trong cuộc bầu cử này,” Obama quả quyết. “Tôi sẽ trở thành tổng thống của ông, và tôi muốn ông về đội chúng tôi... Ông không phải cam kết gì ngay bây giờ, nhưng tôi muốn có sự hỗ trợ của ông.”

Altmire nói ông ta đang ở một vị thế rất khó khăn, vì phe Clinton gần như sẽ chiến thắng với đa số phiếu tại quận của ông ta. Obama nhắc lại sự tin tưởng của mình cũng như mong muốn có Altmire về phe với mình, rồi ra hiệu cho sĩ quan đặc vụ mở cửa xe để ông ra máy bay.

Nhưng Altmire còn có điều muốn nói. Ông ta muốn Obama biết rằng ông và nhà Clinton đã gắn bó với nhau, và buột miệng thốt ra lời chúc tốt đẹp cho bài phát biểu sắp tới của Obama về vấn đề chủng tộc tại Philadelphia. “Này, Thượng Nghị sĩ, tôi biết ngày mai sẽ rất quan trọng với ngài. Chúc may mắn” – Altmire nói.

Obama quay về phía viên sĩ quan đặc vụ và ra hiệu đóng lại cửa. Ông nghiêng người về phía Altmire với cái nhìn quả quyết, nhướn mày, nheo mắt “Chúng tôi sẽ ổn thôi,” ông nói. “Người ta đã bảo tôi rằng tôi sẽ không thể nào đánh bại Hillary Clinton, và tôi đang đánh bại cả hai Clinton... Chỉ còn một rào cản nữa thôi. Đừng lo lắng cho tôi. Tôi sẽ ổn.”

Sự khác biệt giữa hai cách vận động như một cú sốc kỳ lạ đối với Altmire: trong khi Hillary cố nài nỉ ông giúp đỡ, Obama lại khác hẳn. Khi nghe Obama diễn thuyết về vấn đề chủng tộc ngày hôm sau, Altmire lần đầu tiên chột nghĩ, “Gã này thật đặc biệt. Gã có những điểm khác mọi người.” Chính Obama, chứ không phải Clinton, là người mà ông sẽ tán thành nếu bị dồn đến chân tường. Dù chưa tiết lộ với bất kỳ ai, Altmire đã quyết định trong đầu – ông mong muốn Obama chiến thắng. Ông cảm thấy mình đang thật sự bày tỏ thiện chí với Hillary bằng cách luôn giữ kín suy nghĩ của mình. Trong Hillaryland, ông có thể lập tức bị xem là một kẻ cơ hội, bởi lẽ ông đã từ chối quá nhiều lần gặp mặt với nhà Clinton, rồi sau đó hóa ra là một kẻ phản bội dứt khoát.

Tháng Tư, Altmire lại nhận được lời nhắn là Bill muốn nói chuyện lại với ông ta. Vị nghị sĩ nói với đội của Hillary rằng, hai người có thể vừa đi vừa trò chuyện trong khoảng một tiếng, cuộc đi dạo mà sau này các trợ lý của Hillary nhớ lại giống như một quả mận thơm ngon nhưng họ lại tặng cho một nghị sĩ vô ơn bạc nghĩa. Altmire được cựu tổng thống biệt đãi cả trên sân khấu lẫn sau cánh gà. Bill ca ngợi ông ta trong diễn từ của mình, tiếp đó đặt tay lên vai vị nghị sĩ và thì thầm vào tai ông ta, những cử chỉ Clinton kinh điển để truyền tải sự thân mật với đối tác. Khi cuộc gặp mặt kết thúc, Altmire chui vào xe. Bill đi theo, đưa điện thoại sát vào tai mình, thể hiện rõ là mình đang nói chuyện với Hillary. Trong chiếc SUV, Altmire trình bày với cựu tổng thống một bài thuyết lý dài dòng rằng giờ đây mình đã rất ác cảm đối với vai trò các siêu đại biểu.

“Tôi nghĩ cả anh và tôi đều biết rõ rằng Hillary đang giành chiến thắng tại quận của anh, và anh nên giúp đỡ người dân ở quận bằng cách ủng hộ Hillary,” Clinton nói.

Nếu có ai biết phải nắm lấy gì để thành tổng thống, thì đó chính là Bill Clinton, và nhà Clinton cho rằng Obama vẫn chưa sẵn sàng để trở thành tổng thống. Điều này đã thu hút sự chú ý của Altmire. Bill nói thế là có ý gì? Ông ta đang muốn nói về điều gì?

“Tại sao ngài lại nghĩ rằng Thượng Nghị sĩ Obama chưa đủ tố chất để làm tổng thống?” Altmire hỏi.

Clinton ngược lên, “Tôi không nói rằng ông ta chưa đủ tố chất,” ông giải thích. “Tôi không muốn nói điều ấy, nhưng khi tôi từng là tổng thống, nhìn lại thì tôi đã mắc một số sai lầm ban đầu do thiếu kinh nghiệm. Tôi đã không chuẩn bị để làm tổng thống giống như tôi ước muốn thành tổng thống. Anh chàng này còn xa mới sẵn sàng làm tổng thống cũng giống như tôi vào năm 1993.” Sau đó giọng Clinton bỗng chua chát khi nói rằng “mấy tay bạn thân ở giới truyền thông” của Obama sẽ chỉ biết ‘che đậy cái đó bằng mọi cách’ một khi chàng ta mắc sai lầm.”

Khi phiếu được kiểm đến ngày 22 tháng Tư, Hillary đã giành được 10 điểm tại Pennsylvania và 31 điểm tại quận của Altmire. Kết quả này càng đè nặng lên Altmire, người lâu nay từng luôn luôn tuyên bố mình không thích việc lật ngược ý chí của các cử tri mà chính mình đại diện. Giờ đây, khi được lên tiếng, cử tri của ông đã hô to, “Hillary!” Các cử tri từng là tấm khiên che tiện lợi giúp Altmire khỏi phải đưa ra một quyết định, thì nay lại trở thành mũi giáo nhọn của Hillary.

Một thông tin sai gây ra thất bại không tránh khỏi, thậm chí đau đớn. Thông qua một hệ thống thông tin tổng hợp, các trợ lý của Hillary nhận được thông điệp sai lầm rằng Altmire đã sẵn sàng ủng hộ bà. Họ mời ông ta gặp bà vào buổi sáng một tuần sau đó tại trụ sở của DNC tại Washington. Bà Clinton, rã rời sau cuộc marathon sáu tuần lễ cho chiến dịch ở Pennsylvania, thức dậy sớm để tiếp Altmire lúc 8 giờ. Cà phê và bánh ngọt đã thành tấm vé tiêu chuẩn trong phòng họp nhỏ mà Hillary dùng để tranh thủ các siêu đại biểu. Có một chiếc bàn trong phòng, nhưng hai chiếc ghế dựa thì được kê sao cho Hillary ngồi mặt đối mặt gần vị khách của mình, và không gì ngăn trở cuộc trò chuyện giữa họ. Bà đã nói trước với các cộng sự rằng việc cầu cạnh phiếu bầu của các siêu đại biểu là không xứng đáng với bà, càng không xứng đáng với những gì mà nhà Clinton đã làm, hay những gì họ vẫn quen trong hành xử giữa các chính trị gia ngang hàng. Nhưng giờ đây bà không có những lựa chọn khác. Bà đang phấn khởi vì tưởng đã giành được sự ủng hộ của Altmire, còn Altmire biết rằng bà sẽ không có được điều đó; họ cùng nhìn nhau thăm dò.

Hillary bắt đầu nói. Tổng thống Clinton đã rất vui khi gặp Altmire, và bà cũng rất mừng khi giành điểm tại quận của ông ta. Giờ đây, chẳng có gì cản trở Altmire ủng hộ bà, giống như những đảng viên Dân chủ tại quận của ông ta đã làm. Altmire nói rằng ông ta rất ấn tượng với những gì mà bà đã đạt được. Nhanh chóng bỏ qua sự khách sáo vòng vo, Clinton dồn ông ta ra quyết định với tư cách một siêu đại biểu. Altmire lại tiếp tục điệp khúc quen thuộc, giải thích dài dòng vì sao ông ta không thích hệ thống siêu đại biểu đó.

Lần đầu tiên Hillary hiểu ra rằng ông ta sẽ không ủng hộ mình trong bất kỳ tình huống nào. Bà đã hết kiên nhẫn. Không để ông ta nói hết, bà đứng dậy, đưa tay ra bắt tay ông ta và cảm ơn vì ông ta đã dành thời gian cho mình. Tính cả những cử chỉ, lời lẽ lịch sự, thời gian trao đổi, tất cả chỉ diễn ra trong chừng bảy phút. Với Hillary, đó là bảy phút quá dài.

Khi Altmire vừa đi khỏi, bà trách mắng những cộng sự của mình. “Chết tiệt. Phí thời giờ quá!” bà nổi đóa, giọng đầy căm phẫn và thất vọng. “Tôi đã tưởng như các vị nói, rằng ông ta vẫn ủng hộ tôi.”

Sau đó, bà xin lỗi vì đã nóng giận, nhưng sự tức giận đó là thật và rất sâu sắc. Cuộc gặp Altmire đã để lại vết thương cho Hillary và các trợ lý của bà cho đến nhiều năm sau. Họ cảm thấy ông ta chỉ tận dụng vị thế siêu đại biểu đáng giá của mình, đánh đổi ân huệ dành cho mình chỉ để tiếp cận vị cựu tổng thống và đệ nhất phu nhân. Đội Clinton hy vọng rằng đã đến lúc ông ta nên thôi diễn cái trò cợt nhả ấy và từ bỏ hán nó.

“Nơi thiêu đốt nhất trong địa ngục sẽ dành cho những kẻ nào tuyên bố trung lập trong những lúc bất ổn. Ông ta là một trong số đó,” một cố vấn nhớ lại. “Thà là một gã kiêu này đến thẳng trước mặt tôi và nói rằng, ‘Tôi không ủng hộ bà ta. Mẹ kiếp.’”

Hôm trước Lễ Tạ ơn năm 2008, sau khi Bill và Hillary vận động tranh cử cho Obama thành công, Altmire bước lại gần cựu tổng thống tại quầy tiếp khách VIP phía trước mặt một người gây quỹ cho Thị trưởng Luke Ravenstahl của Pittsburgh. Bill tỏ ra thân thiện, nhưng lạnh nhạt và chỉ ít phút sau thành băng giá. Phát biểu trên diễn đàn Omni William Penn của Steel City chứa hơn 400 người, Bill đã biểu dương sự ủng hộ nhiệt tâm của Ravenstahl và một chính trị gia địa phương khác là Dan Onorato, cả hai đều từng hậu thuẫn Hillary trong vòng đầu của cuộc vận động tranh cử.

Khi thoáng trông thấy Altmire tại bàn đầu, ông nhìn vị nghị sĩ với ánh mắt coi ông ta như đã chết rồi và đồng dục tuyên bố, “Và tôi sẽ không bao giờ quên những ai đã ủng hộ Hillary.”

Hơn một năm sau, tại đám tang của Nghị sĩ John P. Murtha huyền thoại vùng tây Pennsylvania, Bill cũng chỉ chào hỏi Altmire một cách khách sáo. Clinton cuối cùng đã nắm được cơ hội để hành động nhiều hơn là chỉ quay lưng lạnh nhạt với Altmire hay phớt lờ ông ta như lần trước mặt người gây quỹ. Altmire sẽ phải trả món nợ trung lập vào gần bốn năm sau, trong vòng đầu cuộc bầu cử của Đảng Dân chủ tại Pennsylvania năm 2012.

Trong thời gian Hillary Clinton công tác tại Bộ Ngoại giao, Bill đã sử dụng ảnh hưởng, khả năng gây quỹ và tài thuyết phục của mình để hướng mọi người đến với mạng lưới chính trị của gia đình ông. Ông giúp đỡ gần như bất kỳ bạn bè nào của ông hay của Hillary khi họ cần trợ giúp chống lại một phụ tá nào đó của Obama – và thậm chí trừng phạt ai đó cố ý trung lập trong khi nhà Clinton cho rằng họ phải trả nợ bằng lòng trung thành. Là những người xây dựng Đảng Dân chủ trong suốt một thời gian dài, vợ chồng Clinton nói chung không ủng hộ đảng viên Cộng hòa chống lại đảng viên Dân chủ – mặc dù, ít ra trong một trường hợp, các nỗ lực của Bill có giúp cho một đảng viên Cộng hòa (GOP⁽¹⁴⁾) có được chiến thắng. Nhưng điều đó không gây trở ngại gì cho giới chóp bu. Thông điệp của vợ chồng Clinton gửi tới các đảng viên Đảng Dân chủ rất rõ ràng: Tốt nhất hãy đi với chúng tôi, đừng chống lại chúng tôi. Hơn bốn năm trời, Bill đã chắt lọc được một số thành công nổi trội trong những cuộc đấu sức của một đảng viên Dân chủ chống lại những đảng viên khác. Chúng vừa thiết thực, vừa mang tính trừng phạt: mỗi thắng lợi của một người trung thành với Clinton đều bảo đảm rằng Hillary sẽ có một đội ngũ hùng mạnh hơn cho cuộc chiến một khi bà trở lại. Và chính sách trả thù kiểu Mossad, “tóm-bạn-khi-bạn-không-ngờ-nhất,” đã làm nản lòng những chính trị gia muốn cản đường bà trong tương lai. “Họ trở nên trung thành,” một trợ lý Clinton lý giải. “Họ quen với sự trung thành.”

Sẽ là bất cần về mặt chính trị nếu nhà Clinton không giám sát kỹ bạn bè và kẻ thù của mình. Các chính trị gia ở khắp nơi đều làm việc ấy. Cái khác là ở chỗ vợ chồng Clinton, do danh tiếng và các cương vị họ từng nắm giữ, duy trì được khả năng ban thưởng và trừng phạt nhiều hơn bất kỳ ai khác trong nền chính trị hiện đại. Và trong khi các trợ tá của họ có được trí nhớ rất dai và chi tiết, thì việc rút ra một danh sách những kẻ tráo trở từ trong tệp danh sách mỏng về các nhân vật chính trị mà họ tương tác là việc chẳng khó gì. “Tất nhiên, tôi không gọi đó là bản danh sách kẻ thù,” nguồn tin thân cận với gia đình Clinton cho hay. “Tôi không muốn làm bà ấy mang tiếng là một Nixon mặc váy.”

Một cố vấn lâu năm khác của Hillary cũng tế nhị thanh minh tiếng đồn dai dẳng về bản danh sách ấy. “Tôi tin chắc Doug có vài ghi nhớ chết tiệt trong cái BlackBerry⁽¹⁵⁾ của ông ta, cũng như những người khác trong chúng ta thôi,” vị cố vấn này nói, “nhưng cho rằng nó được cập nhật, lan truyền, phổ biến, và phải lệ thuộc vào đó, thì thật ngớ ngẩn.”

Vào mùa hè năm 2008, Hillary Clinton vẫn chưa biết liệu có hay không và bao giờ thì bà sẽ lại tranh cử tổng thống. Nhưng bà đã biết rõ ai đứng về phía mình và ai thì không, từng cái tên một.

2. Hãy khoan dung khi thất bại

Vào ngày 6 tháng Sáu, ba ngày sau vòng cuối bầu cử tổng thống sơ bộ, Hillary mời khoảng hai trăm trợ lý, cố vấn của cuộc vận động bầu cử và bạn bè dự buổi họp mặt nội bộ tại ngôi nhà gạch đỏ trị giá hơn bốn triệu đô-la của gia đình bà ở Whitehaven Street. Đây là sự kiện biểu thị lần cuối lòng tri ân đối với công sức, trí tuệ, những giọt nước mắt và cả sự ngọt ngào mà họ đã dành cho sự nghiệp của bà suốt hơn một năm trời.

Hôm đó, mờ hôi vẫn tủa ra. Đó là một ngày thứ Sáu oi ả ở thủ đô, với những cơn bão mùa hè dữ dội đang hoành hành ở vài vùng ngoại ô, và trong căn nhà có điều hòa của Clinton khách khứa đã đông quá sức chứa của nó, ngoại trừ một phòng tắm có thể vào từ bên ngoài. Một số trợ lý của bà phải cởi giày và nhúng chân xuống bể nước cho mát. Hillary bắt chắp cái nóng và độ ẩm ngột ngạt để tiếp nhóm cuối cùng, chụp ảnh với các nhân viên bậc trung trong những chiếc sơ-mi sũng mồ hôi.

Bill Clinton nhóm họp nội bộ của mình, phàn nàn về người dẫn chương trình *Meet the Press* Tim Russert với bất kỳ ai muốn nghe. Russert đã nói đến thời điểm thất bại trong chiến dịch tranh cử của Hillary vào trước đêm bỏ phiếu sơ bộ ở Bắc Carolina và Indiana một tháng. “Đôi khi trong các đợt tranh cử, ứng viên là người cuối cùng nhận ra thời điểm thích hợp nhất,” Russert nói. “Chẳng khác nào việc “sống bằng máy thở” trong bệnh viện. Một khi người ta tháo bỏ thiết bị hỗ trợ ra, anh chẳng còn lựa chọn nào cả.”

Dù Bill đổ lỗi nặng nề cho các ông lớn truyền thông đã nhảy vào phe Obama, thì thật ra Russert chỉ tường thuật một sự thật hiển nhiên, ngay cả với bà Hillary. Chiến thắng sát nút của Hillary tại Indiana – nơi bà từng hoạt động vất vả cho chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1976 của Jimmy Carter – cũng đầy ấn tượng như những gì bà đã đạt được tại Bắc Carolina đêm đó. Một ngày sau các cuộc bỏ phiếu sơ bộ, bà triệu tập một cuộc họp gồm các yếu nhân điều hành chiến dịch, và ra lệnh chấm dứt ngay và triệt thoái hẳn mọi cuộc tấn công có thể gây tổn thương Obama trong cuộc tổng tuyển cử. Tháng cuối cùng của chiến dịch là một hành trình chậm chạp tiến đến định mệnh không thể tránh khỏi của bà.

Ở cuối chặng đường nhọc nhằn ấy, bữa tiệc nội bộ gợi cảm giác của một đêm canh xác chết, một cuộc chia tay có vị ngọt-đắng. Mặc dù dư luận Washington dày đặc những đồn đoán liệu Obama có chọn Hillary đứng liên danh với mình hay không, hai cựu đối thủ đã có cuộc gặp mặt đêm trước đó tại nhà của Thượng Nghị sĩ Dianne Feinstein ở D.C, và những người dự tiệc ở nhà Hillary còn chưa hề biết rằng Obama đã nói rõ là mình không có ý định đề nghị Hillary. Đối với đa số mọi người, đại gia đình Clinton cùng các bạn hữu và trợ tá luôn cố giữ không khí vui vẻ. Nhưng vẻ vui tươi bề ngoài đó không che giấu được sự thật rằng hành trình của họ đã kết thúc tại sân cỏ phía bắc tòa nhà Whitehaven Street, chứ không phải ở Sân cỏ phía Nam Nhà Trắng.

Trong khi Hillary lắng nghe những câu chuyện về các chặng đua, chia sẻ những nụ cười, hay ghé đầu chụp ảnh chung, bà không hề thoáng lộ chút xúc động hay hé lộ nhiệm vụ chính trị tế nhị nung nấu trong đầu bà từ đêm trước. Khi người cuối cùng trong các chính trị gia và phóng viên báo chí ra về, Hillary vội tới phòng ăn để viết dự thảo lần cuối của bài diễn văn dự kiến nhường bước mà bà sẽ đọc sáng hôm sau trước những người của Đảng Dân chủ đang chờ đợi xem liệu bà có ủng hộ Obama với lòng tin tưởng hay không. Phòng ăn, ngăn cách với tiền sảnh bằng một cửa trượt kiểu Pháp, là trung tâm làm việc ở tòa nhà Washington của ông bà Clinton, một giáo đường thánh Georgy rộng 5.500 foot⁽¹⁶⁾ vuông được xây dựng từ những năm 1950 và được họ mua lại năm 2000 để Hillary có chỗ ở trong thời gian bà công tác tại Thượng viện.

Cho đến cuối buổi chiều hôm ấy, khi Hillary ngồi cùng với các trợ lý Doug Hattaway và Sarah Hurwitz, bản dự thảo diễn văn đã phản ánh cả những vết bầm dập của một bộ máy vận động tranh cử. Gần như tất cả đều đồng ý rằng Hillary cần ủng hộ Obama và cảm ơn những người

ủng hộ cho bà, nhưng họ không thống nhất được xem nội dung của bản dự thảo nên đi theo hướng nào là tốt nhất. Suốt mấy ngày, các cố vấn truyền thông khác nhau của bà gửi những bản thảo qua email, khi tiến khi thoái, với những nội dung trái ngược nhau trong việc biên tập câu chữ. Nhóm lớn hơn, gồm toàn những cố vấn hàng đầu như chiến lược gia chủ chốt Geoff Garin, đề nghị bà thể hiện sự ủng hộ Obama một cách toàn tâm toàn ý để có thể thuyết phục đội của ông ta, Đảng Dân chủ và cả nước rằng bà hoàn toàn chung chí hướng.

Nhóm nhỏ hơn, gồm nhiều phụ nữ thân cận với Hillary, cũng như với Hattaway và Hurwitz, lại khẳng định rằng bà sẽ không thể toàn tâm toàn ý về phe Obama nếu bà không tuyên bố về lòng biết ơn sâu sắc trước việc bà là nữ ứng viên duy nhất trong lịch sử các cuộc tranh cử tổng thống, và đặc biệt là trước những phụ nữ ủng hộ điều đó. Mấu chốt của vấn đề ở đây là câu hỏi vốn từng gây trở ngại cho chiến dịch tranh cử ngay từ những ngày đầu: Hillary đáng được ủng hộ như thế nào khi là ứng viên nữ đầu tiên cho chức tổng thống?

Trong gần như toàn bộ chiến dịch vận động, bà nghiêng về phía các chuyên gia thuộc trường phái cũ, những người tin rằng bà cần đưa ra những đề án mạnh mẽ và do đó chỉ đề cập tư cách phụ nữ của bà ở mức tối thiểu. Bà đã không có những bài phát biểu kêu gọi sự ủng hộ về giới tính, như cách Obama đã có hẳn một diễn văn về vấn đề chủng tộc. Nhưng, chiến dịch vận động của bà đã được hồi sinh bởi chính sự yếu mềm, trong một khoảnh khắc kiệt sức cảm động, khi giọt nước mắt lăn dài trên khuôn mặt bà giữa lúc ngừng lời ở New Hampshire. Những ai cảm thấy bà thể hiện tốt hơn khi bày tỏ mình với tư cách người thua cuộc, thì đều tin rằng bài diễn văn nhường bước đã tặng cho Hillary một cơ hội để nói về khía cạnh cá nhân mà bà đã kìm nén quá lâu, và chính điều ấy đã thu hút khá nhiều lá phiếu.

Khi Hillary ngồi xuống cùng Hurwitz và Hattaway, bản dự thảo mà họ duyệt lại đã bao gồm cả sự ủng hộ Obama lẫn lời lẽ hùng hồn về vị thế lịch sử của bà. Suốt nhiều tháng trời, bà từng chống lại vòng vây của các cố vấn thân cận, những người muốn bà chốt lại việc tranh cử trong ý nghĩa lịch sử của nó, như cách Obama đã làm. Giờ đây, những dòng chữ trước mắt bà đang thể hiện chính điều đó. Jim Kennedy, cánh tay đắc lực kỳ cựu của Clinton, đã làm nổi bật những câu chữ thể hiện sự thống nhất của Hillary với cử tri của bà trong tiến trình liên tục của phong trào nữ quyền. Gửi bản dự thảo gồm các suy nghĩ của mình từ nhà riêng ở Venice Beach, California hồi đầu tuần, Kennedy đã nhấn nhủ rằng Hillary cần phải nói về “18 triệu khe nứt vỡ⁽¹⁷⁾” mà chiến dịch của bà đã xuyên thủng tấm trần thủy tinh kiên cố nhất của tất cả họ.

Hillary vốn luôn thích bày tỏ sự ủng hộ theo cách mạnh mẽ, quả quyết, các trợ lý của bà cho biết. Nhưng khi xem lại bản dự thảo mới nhất trên bàn phòng ăn, bà vẫn không bằng lòng về việc nhấn mạnh vị thế lịch sử của mình. Bà có thiên hướng bày tỏ trước hết và trên hết rằng bà chỉ là thành viên của một đội chơi – một phẩm hạnh mà bà tự hào, một điều cũng rất quan trọng để bảo đảm tương lai chính trị của bà. Bà phải trấn trở rất nhiều vì cách thể hiện quá cường điệu nhằm tôn vinh thành tựu của bà như một phụ nữ đã tiến gần nhất đến việc được một chính đảng lớn đề cử làm ứng viên tổng thống.

Bà đánh một dấu hỏi bên lề đoạn nói về mình.

“Đừng nhấn mạnh việc là một phụ nữ,” Hillary nói.

“Tìm cách để không nói về chị với tư cách một phụ nữ, mà nói về những người phụ nữ đã hỗ trợ chị,” Hattaway đề nghị, mở rộng lý lẽ của mình, vì biết rằng điều đó thích hợp với một tín đồ Giám lý miền trung tây,⁽¹⁸⁾ vốn sẽ lập tức khó chịu nếu bị xem là đã tự tạo ra sự chú ý đến mình. “Đó sẽ là một thành quả lớn đối với họ.”

Hillary không bị thuyết phục. “Đầu óc bà ấy để đi đâu ấy,” một nguồn tin kể. Sau đó Hurwitz, một luật sư được đào tạo ở Harvard và là chuyên gia viết diễn văn, người đang lặng lẽ ghi chép mọi việc, bỗng ngả người về phía trước và trình bày ý kiến: với một phụ nữ đứng tuổi đang đến gần với quyền lực, đây chính là thời khắc để nói với hàng triệu phụ nữ cùng tuổi, cũng như với những người mẹ, người bà, những người đã gắn bó với Hillary. Họ nóng lòng được nhìn thấy người phụ nữ đầu tiên tại Phòng Bầu dục, khi việc lựa chọn theo lý do ấy được ưu tiên hơn

niềm hy vọng nung nấu khác ở phần đông trong họ – bầu cho vị tổng thống da màu đầu tiên. Điều đó, trên tất cả những điều khác, mới là hệ trọng. Không phải Hurwitz mang lòng thù ghét Obama. Vài tuần nữa, có thể, Hurwitz sẽ gia nhập chiến dịch tranh cử của Obama và kết thúc công việc đáng mơ ước là đứng trong đội ngũ viết diễn văn của tòa Bạch Ốc. Nhưng thời điểm này rất hệ trọng đối với khá nhiều phụ nữ đã gửi gắm trọn niềm hy vọng của mình vào Hillary. Cuối cùng, lòng nhiệt thành của Hurwitz và lý do cô đưa ra đã thắng.

Okay, vậy đi, Hillary nói.

Đoạn kết là then chốt, vừa để nói về kế hoạch triển khai hoạt động của Hillary trong những năm tới, vừa là khúc vĩ thanh âm vang cho bài diễn văn bà sẽ đọc ngày hôm sau. Sự cứng cỏi của Hillary và nữ tính nơi bà không hề loại trừ nhau; chúng gắn kết với nhau. Các cử tri, nhất là phụ nữ, gắn bó với bà chính vì đó là một người phụ nữ thép. Suốt mùa hè ấy, từ chiếc bàn phòng ăn hồi tháng Sáu cho đến Đại hội Toàn quốc Đảng Dân chủ ở Denver vào tháng Tám, bà đã bắt đầu mở ra một thiên truyện mới với hoài bão trở thành một sức mạnh chính trị khai sơn phá thạch trong khả năng của mình.

Dù đã hạ dấu chấm cho bài phát biểu, nhưng Hillary vẫn chưa thể đi ngủ. Vẫn còn nhiều chỗ trong bài diễn văn này cần phải gọt giũa cho ăn khớp hoàn toàn với việc ủng hộ. Bà không thể khiến cho những người vẫn trung thành với bà cảm thấy xa cách. Các cố vấn thậm chí lo rằng những người ủng hộ bà có thể quay lưng nếu bà ủng hộ Obama quá mạnh mẽ. Bà biết rằng có khoảng 10% trong số họ sẽ chẳng bao giờ chấp nhận Obama, song bà phải làm sao để có thể vận động được 90% kia. Đây chưa phải lúc bà có thể quay ngoắt sang tán dương Obama. Thật sự, cũng chưa phải lúc cho những đề nghị này nọ. Nhưng nếu bà không đưa ra lời ủng hộ đủ sức nặng, bà có thể gây hủy hoại nghiêm trọng và vĩnh viễn vị thế của chính mình trong Đảng Dân chủ. Không ai muốn tái diễn tình huống vô cùng khó xử khi Ted Kennedy từ chối bắt tay Jimmy Carter sau vòng đầu cuộc đấu năm 1980 giữa họ.

Hillary thức cùng bài diễn văn đến hơn 4 giờ sáng, và sau đó nó được gửi lần lượt tới các cố vấn chóp bu. Garin, chiến lược gia trưởng, điếng người với bản dự thảo cuối, mà ông cho rằng nói quá nhiều về Hillary và chưa đủ về Obama. Ông gửi một e-mail đầy dấu chấm câu chữ-F(19) để lưu ý những chỗ cần khôi phục như cũ.

Ngày hôm đó vẫn còn các bất đồng giữa những cố vấn của Hillary về mức độ gia giảm các nội dung đã làm lúc sáng. “Chẳng ai phản đối hay miễn cưỡng trong việc khôi phục bản thảo về như trước,” một người theo quan điểm của Garin nói. “Vì điều đó là không cần tranh cãi.”

Nhưng một người bạn thích phương án của Hillary đã phản bác kết luận ấy. “Đã có quá nhiều người, kể cả những phe phái khác, nỗ lực đưa ra khá nhiều các điệp khúc về Obama,” người bạn này nói. “Bà ấy đã tận lực hoàn thiện bản thảo này suốt cả đêm.”

Buổi sáng hôm Hillary đọc bài diễn văn nhường bước theo một cách vui nhộn không cố ý – nửa như đám cưới hoàng gia, nửa như cuộc đua ô tô buổi chiều. Giới truyền thông quây khắp tòa nhà Whitehaven, và người xem chứng kiến giờ phút đoàn mô tô hộ tống của bà di chuyển đến Bảo tàng Xây dựng Quốc gia. Bảo tàng này đặc sắc bởi dãy cột Corinth cao hơn 20 mét trong Đại sảnh, nguyên là Văn phòng Cục Trợ cấp Hưu trí ở thế kỷ XIX mà sau này được Nghị viện chuyển thành một đài tưởng niệm về “cảnh quan xây dựng.” Phía trong là kiến trúc kiểu La Mã với chủ ý làm cho ngôi nhà vừa là cơ quan trợ cấp hưu trí Liên bang, vừa là nơi tổ chức các lễ hội lớn ở Washington. Cả Hội trường Đại sảnh, cùng hàng nghìn người hâm mộ nhà Clinton len lỏi vào đó, phải chờ đợi vì Hillary đến muộn. Thậm chí sự chậm trễ này đã bị các đài truyền hình tô vẽ thành một kịch bản có tính toán.

Những chỗ gia giảm cuối cùng cho bài diễn văn đã được thực hiện vào phút chót. Hillary đến chậm gần một tiếng đồng hồ, vượt quá cả “Chuẩn chậm giờ của Clinton,” thuật ngữ người Washington quen dùng để nói về sự thờ ơ của Bill Clinton đối với thời gian biểu của người khác.

Hillary phải chôn sâu cuộc vận động của chính mình trước khi ca ngợi Obama, và bà đã có

một bài phát biểu ca tụng dài. Trong hơn 6 phút, với gần 700 từ, Hillary trình bày cả hai vấn đề then chốt nhất ấy, “Cách thức để ngay từ bây giờ tiếp tục cuộc tranh đấu của chúng ta, để hoàn thành những mục tiêu mà chúng ta đang nhắm tới với tất cả năng lực, nhiệt huyết và sức mạnh của chúng ta, là làm tất cả những gì có thể để thúc đẩy cuộc vận động bầu cử cho Barack Obama, tổng thống sắp tới của Hợp chúng quốc,” bà nói.

Trong đoạn cuối cùng, bài diễn văn ở Bảo tàng Xây dựng của Hillary đã nối kết lại thành một những nguyên tắc của bà, của Obama, và các giá trị dân chủ chung mà họ chia sẻ. Như vẫn thường diễn ra giữa các chính trị gia và những bước nhân nhượng của họ, bài diễn văn được đánh giá là diễn văn hay nhất trong chiến dịch của bà. Nhưng điều làm nó sẽ được nhắc nhở đến nhiều hơn cả chính là những ý tứ từng khiến Hillary lưỡng lự đêm hôm trước.

“Giờ đây, về một lời nhắn hỏi riêng tư cho tôi rằng vì mục đích gì mà một người phụ nữ lại tranh cử tổng thống, tôi đã luôn luôn có chỉ cùng một câu trả lời, rằng tôi tự hào tranh cử với tư cách là một phụ nữ, nhưng tôi đã tranh cử vì nghĩ rằng mình sẽ là một tổng thống tốt nhất,” bà nói, tạo ra một âm hưởng vang vọng về câu nói nổi tiếng: “Giá như tôi không phải một phụ nữ” mà Sojourner Truth thốt ra tại một Đại hội Phụ nữ vào năm 1851. “Nhưng tôi là một phụ nữ, và cũng như hàng triệu phụ nữ, tôi biết vẫn còn đầy rẫy những rào cản và định kiến, thường là vô thức, và tôi muốn dựng xây một nước Mỹ biết tôn trọng cũng như tiếp nhận năng lực đến tận người phụ nữ cuối cùng trong chúng ta.”

Sau khi gắn kết các cuộc đấu tranh của phụ nữ và của những người Mỹ gốc Phi lại với nhau, bằng cách tế nhị bày tỏ lòng quý trọng đối với Truth, Hillary bỗng hạ bớt cao trào, để cử tọa bình tĩnh lại – chỉ một khoảnh khắc – trước khi khắc họa một dòng không thể quên trong ký ức chính trị của đất nước.

“Mặc dù lần này chúng ta chưa thể đập vỡ cái trần thủy tinh cao nhất, cứng nhất, nhưng nhờ các bạn, nó đã phải nhận lấy mười tám triệu vết nứt,” bà nói, khi những người ủng hộ bà, một số đã trào lệ, bùng lên hoan hô. “Và ánh sáng đang tỏa rạng qua đó, trước nay chưa từng có, làm tràn ngập trong lòng tất cả chúng ta niềm hy vọng và tin tưởng vững chắc rằng con đường sẽ trở nên dễ dàng hơn trong lần sau.”

Với mọi người đang bùng lên niềm say mê mới mẻ, Hillary đã gắn chặt sự nghiệp của bà với sự nghiệp của Obama nhờ “cuộc kết hôn” hoàn hảo giữa phong trào nữ quyền và phong trào dân quyền cho người da màu. “Hãy nhớ đến những nhà tranh đấu vì quyền bầu cử cho phụ nữ tập hợp nhau ở Seneca Falls năm 1848, và những người đã kiên trì đấu tranh cho đến khi phụ nữ có được lá phiếu của họ,” bà nói. “Hãy nhớ đến những người đòi bãi bỏ chế độ nô lệ đã chiến đấu và hy sinh để được chứng kiến sự kết liễu chế độ này. Hãy nhớ đến những người anh hùng vì dân quyền và các chiến sĩ chân đất, những người diễu hành, phản kháng, và mạo hiểm cả mạng sống của mình để chấm dứt nạn kỳ thị chủng tộc và đạo luật Jim Crow.” [\[20\]](#)

Đó là một sự xoay chuyển mạnh mẽ, từ sức lôi kéo cảm động của phong trào nữ quyền và niềm hy vọng bầu ra vị nữ tổng thống đầu tiên sang một giao thức tương tự của phong trào dân quyền, và khả năng mà những người ủng hộ bà vẫn có thể làm nên lịch sử bằng cách bầu cho Obama. Phụ nữ và những người Mỹ gốc Phi, và nhiều nhà hoạt động xã hội có cùng một cuộc đấu tranh vì bình quyền và bình đẳng. Không những thế, đây còn là một cuộc chiến có tính cá nhân.

“Nhờ có họ, tôi đã lớn lên và mặc nhiên được hưởng quyền bầu cử của phụ nữ, và cũng nhờ có họ, con gái tôi đã lớn lên khi trẻ em thuộc mọi màu da đều có thể cùng nhau đến trường,” Hillary nói. “Nhờ có họ, Barack Obama và tôi có thể tiến hành một cuộc vận động cam go vì chiến thắng của Đảng Dân chủ. Nhờ có họ và nhờ các bạn, trẻ em ngày nay khi lớn lên được thấy một điều hiển nhiên rằng dù là một người Mỹ gốc Phi, hay là một phụ nữ đều có thể, vâng, trở thành tổng thống Hoa Kỳ.”

Không nghi ngờ gì rằng cùng một logic tương tự có thể được áp dụng để tập hợp những người Mỹ gốc Phi, những người gốc Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, những người đồng tính và những nhóm thiểu số khác ủng hộ sự nghiệp của bà một khi bà tái tranh cử tổng thống.

Những lập luận này nghe thật chân thành, vì chính bà cũng đã phải từ bỏ giấc mơ của mình, hay chí ít là trì hoãn nó. Chương trình để bước vào Nhà Trắng của bà đã từng tỏ ra đương nhiên và chắc chắn, và bà chắc chắn sẽ được Đảng Dân chủ nhất trí đề cử, vậy mà giờ đây bà đang được yêu cầu phải ủng hộ một người đàn ông trẻ hơn mình gần 15 tuổi, người đã nhảy vượt lên trước mặt bà. Bà lại còn phải yêu cầu hàng triệu người ủng hộ mình phải cùng làm việc ấy, nên bà cần đưa ra một lời giải thích thuyết phục cho sự thay đổi của chính mình.

Hai phái khác nhau trong đội vận động tranh cử của Hillary đã vật lộn rất lâu để tìm cách cân bằng giữa phần tán dương việc ứng cử của riêng bà với phần ủng hộ việc đề cử Obama, đến mức các thông cáo báo chí chỉ được thảo ra vào buổi chiều *sau khi* bài diễn văn đã được trình bày. Bài diễn văn thật sự rất khó viết, bà nghĩ, và cũng khó trình bày. Nhưng nó đáng tin cậy, bởi lẽ bà không yêu cầu những người ủng hộ mình phải làm bất cứ điều gì mà bản thân bà không sẵn lòng làm. Giống như việc ra ứng cử của bà, vừa là tham vọng vừa là cảm hứng, và quyết định của bà trong việc gắn mình trực tiếp với sự nghiệp nữ quyền đã là một dấu hiệu sớm chứng tỏ rằng bà đã sẵn sàng viết nên một thiên chính trị mới, thể hiện mình như một người tiên phong, một người trung thành với Obama, còn hơn cả chồng bà hay các cố vấn chính trị lâu năm của ông ấy có thể làm.

Hillary biến mất khỏi con mắt công chúng suốt hai tuần sau bài diễn văn đó, lưu lại một thời gian nơi căn nhà thuở ban đầu của vợ chồng bà tại Chappaqua, New York, rồi đi thăm Cộng hòa Dominica, sau đó trở lại Thượng viện với nghi thức phô trương như một tổng thống vào ngày 24 tháng Sáu, một thứ Ba ẩm ướt. Khi đoàn mô tô hộ tống bà lên Capitol Hill sáng hôm ấy, nhân viên của bà đón bà ở bên ngoài quảng trường phía Đông.

Họ biết đây sẽ là một cuộc trở về khó khăn đối với bà chủ của họ; việc ở lại Thượng viện chưa bao giờ nằm trong kế hoạch. Chính vì thế, họ sắp xếp để việc hạ cánh của bà được êm ái một chút. Thay vì chạm trán các biểu ngữ “Chào mừng trở lại!” và những diễn từ trào lộng bi ai, bà bước vào văn phòng của mình và chứng kiến một trận giao đấu bóng bàn đang sôi nổi. Các nhân viên, trong trang phục thể thao, đầu quấn dải băng, mặc quần soóc, đi tất cao kẻ sọc, đang đánh bóng tới lui. Dan Schwerin, một trợ lý báo chí, người đã quay lại Thượng viện sau thời gian làm việc với Balderston và Elrod cho chiến dịch tranh cử, đã lái xe khắp thành phố để tìm bằng được chiếc bàn bóng này kịp khi Hillary quay về.

Clinton thích thú nhìn cảnh huyền ảo, chẳng giống gì quang cảnh trong Thượng viện mà bà không nhìn thấy nhiều tháng qua. Bà nở nụ cười cởi mở. Theo những kẻ thạo tin, âm thanh tiếng cười tràn đầy của bà mang “giọng mái” khiến các trợ lý của bà sợ run; nhưng đối với những nhân viên ái mộ và sốt sắng thì đó lại là một tín hiệu của sự trở lại bình thường. “Tôi thích bóng bàn,” bà thốt lên.

Bà chăm chú xem trận giao đấu, nhìn trái bóng được đập vút đi và bị quật trở lại theo hướng khác, một thứ động năng quá quen thuộc với bà. Không thể kìm được, bà đưa ra cho người trợ lý pháp lý vừa thua trận một lời khuyên mà chính mình vừa tự ngộ ra.

“Hãy khoan dung khi thất bại,” bà nói.

Trong những tuần đó, Hillary luôn nhắc tới lời khuyên của bản thân bà, nhưng bà khó mà làm cho những người ủng hộ cực đoan hoàn toàn nghe theo. Các nhà vận động bầu cử đã đặt một phòng khiêu vũ ở Khách sạn Mayflower tại Washington sau đó hai đêm, đêm 26 tháng Sáu, để bà có thể nhóm họp những nhà tài trợ và các chính trị gia ủng hộ hàng đầu của mình trong một buổi trình diễn tình đoàn kết với Obama. Quả là một cuộc chiến thật sự khi lập danh sách các vị khách, vì nhiều người ủng hộ trung thành nhất của bà vẫn không hào hứng gì với việc chuyển đổi bốn phân. Nhưng căn phòng đã kín người khi Obama và Hillary cùng nhau xuất hiện, và Terry McAuliffe, người từng nhiều năm phụ trách công tác gây quỹ cho gia đình Clinton, đứng ra giới thiệu họ với đám đông. Hillary đã phát biểu rất nhiệt tình về Obama, và ông ta cũng đáp lại với lòng biết ơn, khi thuật lại lời cô con gái Malia nói với mình rằng “sắp đến lúc” để một phụ nữ là tổng thống.

“Tôi cần Hillary đứng về phía tôi để vận động trong cuộc bầu cử này, và tôi cũng cần tất cả các bạn,” Obama nói, sau khi thông báo rằng ông đã ký tờ séc trị giá 2.300 đô-la góp phần thanh toán khoản nợ trong chiến dịch vận động tranh cử của Hillary và cũng đề nghị các nhà tài trợ hàng đầu của mình hành động tương tự. Nhưng cảnh ô liu hòa bình của ông đã mau chóng bị bẻ làm đôi. Suốt phần hỏi-và-đáp, những người ủng hộ Hillary đã “rắc hạt tiêu” lên ông với những câu hỏi như “mũi kim bọc vải mỏng.”

“Hỏi-và-đáp quả thực đã biến thành một cuộc tranh luận, và một số người ủng hộ quan trọng nhất của bà ấy đã rất thẳng thắn với những câu hỏi có sức thuyết phục,” một người tham dự nhớ lại. “Obama hơi bức bối. Điều đó chẳng hay ho gì... Chẳng ai trong họ thấy vui vẻ. Câu chuyện không hề được dự kiến sẽ xảy ra như thế. Nó vốn được trù tính thành một dịp để bày tỏ tình đoàn kết.”

Cuối cùng Lanny Davis, một luật sư ở Washington và là người trung thành với Hillary, đứng lên dừng cuộc đấu khẩu bằng việc kêu gọi mọi người hãy lịch sự. Trong khi Davis là một người nhiệt thành ủng hộ Hillary, thì con trai ông ta lại là một chàng mê Obama – một dấu hiệu của sự chia cách thế hệ, giờ đây cần khép lại để mang lại lợi ích cho đảng. “Đã đến lúc gia đình cần ngồi lại với nhau và thống nhất hành động như một, bởi lẽ chúng ta cần chiến thắng,” Davis nói.

Đoàn kết, hóa ra không chỉ là một quan niệm mà Hillary muốn thể hiện. Đó còn là tên một thị trấn xa xôi mà bà đã đến thăm để bày tỏ lòng trung thành của mình. Người quản lý chiến dịch của Obama, David Plouffe, bị ám ảnh bởi hàm ý rằng thị trấn Unity,⁽²¹⁾ vùng New Hampshire là tượng trưng cho sự hợp nhất bắt buộc giữa Barack Obama và Hillary Clinton. Cái tên của thị trấn nhỏ đó không chỉ là một thông điệp lý tưởng thu hút phe Hillary về với Obama, mà bản thân thị trấn này cũng đã dành cho mỗi ứng cử viên 107 phiếu bầu trong cuộc bầu cử sơ bộ hồi tháng Hai. Unity đã trở thành một ẩn dụ cho bản thân Plouffe: đây là “cuộc hôn nhân” hoàn hảo giữa dữ liệu và truyền tin. Có lẽ đó chính là lý do mà ông ta, hơn bất kỳ ai khác, đã cố gắng hết sức với ý tưởng tổ chức một sự kiện hợp nhất công khai đầu tiên sau vòng sơ bộ tại một thị trấn nhỏ, cách Concord một giờ bay theo hướng Tây.

Chắc chắn sẽ dễ hơn nhiều về mặt hậu cần nếu để Obama và Hillary tập hợp lực lượng trung thành trong Đảng Dân chủ ngay tại Bắc Virginia, ngoại vi Washington D.C. tại một bang phần vinh và quan trọng. Ngoài ra, họ đã tập hợp nhau tại Khách sạn Mayflower ở Washington từ đêm hôm trước. Để đến Unity, xa gần 500 dặm, các đối thủ và các trợ thủ của họ phải cùng dồn lại vào một góc chật chội trên máy bay và bay gần 90 phút từ Washington tới New Hampshire. Cứ như hình phạt ấy còn chưa đủ, sau đó họ còn bị nhồi vào xe buýt chạy liền một giờ đồng hồ đến Trường Trung học Phổ thông Unity.

Mỗi một sự kiện của chiến dịch tranh cử tổng thống đều được sắp đặt rất cẩn trọng, nhưng sự kiện Unity thì được dàn dựng chuẩn xác như một điệu vũ ba-lê. Các nhân viên thậm chí còn e-mail để bảo đảm rằng chiếc cà vạt màu hồng-ốch hương của Obama phù hợp với màu bộ vét nữ của Clinton. Các nhân viên vận động bầu cử của Obama chưa bao giờ được sắp xếp trước chỗ ngồi trong một chuyến bay cho đến khi họ lên khoang máy bay. Một trợ lý của Obama ngoan ngoãn làm các tấm thẻ ghi tên cho mấy người trên máy bay, những người có thể xem nhau như “kỳ đà cắn mũi” thì ngồi giữa. Obama ngồi ở ghế bên cửa sổ ở hàng thứ hai. Hillary ngồi cạnh ông. Bà đi chuyến này rất gọn nhẹ: chỉ có các trợ lý là Huma Abedin và giám đốc báo chí chuyến đi, Jamie Smith, đi cùng bà.

Trên máy bay, Obama và Hillary thảo luận những gì vợ chồng bà có thể giúp ông ta trong đợt tổng tuyển cử. Hillary nói với ông ta rằng họ sẽ hết lòng, nhưng cũng báo trước rằng những người khác đang ủng hộ bà có lẽ khó lay chuyển hơn. Bà cảm thấy buộc phải tác động họ, nhưng việc đó không dễ đối với bà. Bà muốn Obama hiểu rằng việc đó không diễn ra chỉ sau một đêm, cũng như những người ủng hộ ông sẽ không nhảy sang đội của bà ngay lập tức nếu bà thắng ở vòng đầu.

“Xem nào,” bà nói với ông ta khi họ bay về phía bắc, “phần việc khó khăn hơn là thuyết phục

những người ủng hộ tôi ở cấp cơ sở, hoặc ở cấp tài trợ, còn những người ở cấp trung gian thì đều nhiệt tình với chiến dịch của ông.”

Không khí sôi nổi trên máy bay có lẽ cũng góp phần thuận lợi. “Nhiều người trong Hillaryland đã tự kiểm chế khi phải làm điều đó,” một cựu trợ lý cao cấp hiểu biết về chuyến đi ấy cho biết. Ông cảm nhận đó là cố gắng từ cả hai phía. Plouffe – người thuộc phía Obama – che giấu mối hận thù đối với Hillary. Chiến dịch này cũng đã chữa lành mối quan hệ của Hillary đối với David Axelrod, cố vấn cao cấp của Obama. Một thập kỷ trước, Hillary từng phát biểu tại một bữa tiệc tối thường niên lần đầu để gây quỹ cho chương trình từ thiện về bệnh động kinh CURE – một quỹ do Axelrod và vợ ông ta, Susan, thành lập nhân danh con gái của họ, nạn nhân căn bệnh, và bà Clinton đã cảm ơn Axelrod bằng việc ghi tên ông trong “Lời cảm tạ” của cuốn hồi ký *Living History* (Lịch sử đang sống) của bà. David Axelrod sau này nói rằng Hillary là “vị thánh đỡ đầu” cho chương trình CURE, rằng bà đã không “lợi dụng những tội lỗi của người cha để chống lại người mẹ và đứa con gái,” nhưng Susan Axelrod thì biết rằng từng có “một chút phiền muộn” trong mối quan hệ giữa họ suốt thời gian tranh cử. Hillary xem cuộc đối thoại với Axelrod trên xe buýt từ sân bay về thị trấn Unity là một “con kênh mở đường.”

“Xin chào, Unity!” bà reo lên, với nụ cười thân thiết, khi bước lên bục sân khấu dựng tạm ở sân ngoài trời trước một đám đông ồn ào khoảng 4 nghìn người. “Unity không chỉ là một nơi đẹp đẽ, như chúng ta có thể thấy, mà nó còn mang lại cảm giác rất tuyệt vời, phải vậy không?” Trong khi bà phát biểu, Obama lắng nghe chăm chú từng từ của bà và là người đầu tiên vỗ tay ở mỗi đoạn hay. Khi bà kết thúc bài phát biểu, ông ta đã ôm hôn và cảm ơn bà. Hillary vỗ nhẹ vào lưng Obama. “Rất hân hạnh,” bà nói.

Đám đông reo hò hoan hô, với sự bốc đồng lan tỏa bên cạnh niềm phấn chấn đặc biệt ở các thành viên của đội Obama và Clinton khi sự kiện kết thúc. “Tôi nhớ cảm giác như trút được một gánh nặng lớn khi mọi chuyện kết thúc, bởi nó đã diễn ra êm xuôi,” một trợ lý của Obama nhớ lại. “Người của bà ấy đã cố gắng tỏ ra hào hiệp.”

Có lẽ vẫn còn những sức ép rơi rớt sau sự kiện Unity, nhưng cả Obama và Hillary chẳng còn thời gian hay tâm trí mà nghĩ về nó. Gần hai tuần sau, họ lại xuất hiện cùng nhau lần nữa để đi gây quỹ tại New York, nơi họ trưng cho nhau thấy danh tiếng của mình. Với Obama, đó là một con đường nữa dẫn tới sự hậu thuẫn khổng lồ về tài chính của Hillary. Với Clinton, đó cũng là một cơ hội giúp bà thanh toán những khoản nợ sun lưng của đợt vận động tranh cử vừa qua – hơn 22 triệu đô-la – khoản tiền mà bà đã đổ vào những nỗ lực tuyệt vọng nhằm bắt kịp Obama. (Tại một nơi gây quỹ, Obama phải hai lần cầm lại mic sau khi rời sân khấu. Ông quên chưa đề nghị những người ủng hộ mình ký séc cho Clinton và nhắc họ điền vào các văn bản đặt sẵn trên bàn họ). Về phía mình, Hillary còn phải đánh vật với nhiều nhà tài trợ hàng đầu, tán tỉnh họ dốc hầu bao cho thắng lợi của Đảng Dân chủ dù không có tên bà trên tấm biển lai.

Suốt mùa hè ấy, khi Obama điều hành tới ghế tổng thống, thì Hillary lặng lẽ tổ chức hàng loạt cuộc họp “hậu kiểm” với các trợ thủ và cố vấn tại Văn phòng Thượng viện và tại ngôi nhà của bà ở Whitehaven Street. Mỗi cuộc họp đều có nội dung, sắc thái và mục tiêu riêng, nhưng tất cả đều nhằm tìm hiểu nguyên nhân sai lầm, rút ra bài học từ đó và hoạch định những bước tiếp theo trong sự nghiệp của bà.

Không mất quá lâu để tìm ra những nguyên nhân cơ bản đã khiến chiến dịch của bà bị thất bại. “Tôi đã rất ấn tượng về sự miễn tiện nơi bà, cả trước khi tôi đề cập những vấn đề đã diễn ra tại đó [trụ sở]” – một cố vấn nói. “Bà có thể ghép các mảnh thông tin lại với nhau mà nếu ta đọc một bản ghi chép về nó, ta sẽ tưởng nó được viết ra bởi một người luôn ngồi trực hằng ngày tại trụ sở, và nó khá chính xác... Bà đã vừa chốt nó lại.”

Trong các cuộc họp, đa số mọi người đều bảo rằng bà đã trả công cho những người xấu bằng một số công việc tốt. Patti Solis Doyle, quản lý đầu tiên của chiến dịch và chiến lược gia trưởng Mark Penn phải gánh chịu các cáo buộc này. Nhưng những người khác, kể cả sếp truyền thông Howard Wolfson và giám đốc chính sách Neera Tanden, cũng phải mang tiếng về cái mà một trợ thủ gọi là “thói ngạo mạn của những kẻ chớp bu.”

“Tại sao anh đã không nói với tôi điều ấy?” Hillary hỏi người trợ lý.

“Chúng tôi đã nói rồi,” anh ta đáp.

Nhìn lại quả thật không có gì ngạc nhiên, các cố vấn đã từng cảnh báo Hillary từ trước rằng đừng giao cho Doyle làm quản lý chiến dịch, và giữa chừng cuộc đua Doyle đã phải nhường chỗ cho người tâm phúc lâu năm của Hillary là Maggie Williams. Tất nhiên, Penn, Doyle và những chỉ huy cấp cao khác của Hillary đều là những vật thể thần [\(22\)](#) thích hợp. Xét đến cùng, chính Hillary cũng phải chịu trách nhiệm cho sự chỉ đạo yếu kém của mình, và bà sẽ có nhiều điều phải học cho việc quản lý chiến dịch chính trị tiếp theo.

Dù đánh giá ấy khiến Hillary rất thất vọng, bà vẫn không để lộ ra ngoài một chút nào. “Bà ấy không vật vờ,” một người bạn nói, khi kể rằng tính khí của bà “nhảy bén hơn bất cứ cái gì.” Nhưng đối với nhiều cố vấn của bà, các phiên họp giữa hè đó tạo ra không khí hào hứng hơn là phán xét. Họ cảm thấy mình – với tư cách cá nhân – đã khiến bà thua vì không đòi hỏi bà chú trọng sớm hơn tới các vấn đề phát sinh trong quá trình vận động.

Trong khi đang làm việc ở Hạ viện tại Capitol Hill, Burns Strider – cầu nối giữa Hillary với các nhóm hậu thuẫn trung thành trong chiến dịch – đã gửi e-mail cho bà một ngày sau vòng đầu tranh cử. “Tôi rất buồn,” anh viết.

“Đến đây đi,” Hillary trả lời.

Đó là một ngày nóng nực, và Strider – sau này đã giảm cân nhờ chế độ ăn kiêng và những chỉ dẫn do Bill Clinton gửi cho – lúc đó vẫn rất phục phịch. Anh ta bắt đầu đổ mồ hôi hột khi họ cùng nhau đi bộ đến phòng họp Thượng viện, rồi quay lại văn phòng của Hillary. Cuối cùng, họ ngồi xuống bên bàn làm việc của bà, Strider không thể tìm nổi lời nào để bộc lộ cảm xúc của mình. Sau cặp kính, nước mắt anh cứ ứa ra.

“Cậu cần bình tĩnh,” Hillary động viên.

“Vâng.” Strider đáp lại bằng chất giọng đặc sệt Mississippi. “Tôi chỉ buồn thôi.”

“Chúng ta ai cũng đau buồn,” Hillary nói, thừa nhận nỗi đau của chính mình. Tiếp đó, bà giải thích phương pháp ứng phó của bà.

“Tất cả chúng ta đều đau buồn theo những cách riêng của mình, và sau đó chúng ta sẽ đi tiếp. Chúng ta luôn tiến về phía trước.”

Hillary cảm thấy như đã mất hết. Bà kiệt sức, nhưng bà đã tìm được sự thanh thản của mình trước kết cuộc ấy. Bà tự hào vì đã đi qua chặng đường dài.

“Tôi không phải dạng người sống với quá khứ hoặc nhai đi nhai lại ‘nếu thế này, nếu thế nọ, nếu thế kia?’” bà nói. “Đã có quá đủ người quanh tôi làm thế. Bởi vậy tôi không nên như thế. Tôi nhường nó cho người khác.”

Bà tin rằng “một số đứt gãy ở đâu đó có lẽ đã gây ra một hậu quả khác hẳn,” bà nói. “Cho nên, quan điểm của tôi là, okay, tôi đã làm nên lịch sử, tôi là người phụ nữ đầu tiên chiến thắng ở vòng phiếu phổ thông, tôi đã giành được tất cả những lá phiếu ấy, và tôi rất tự hào về nỗ lực đó. Nhưng rồi mọi thứ sụp đổ. Vậy thì hãy bắt tay làm việc để bảo đảm rằng những gì tôi đã mơ ước, và đã thể hiện trong chiến dịch tranh cử, vẫn sẽ được tiếp tục thông qua việc ứng cử của Barack Obama. Thế là tôi đã có ngay một cách tiếp cận trở-về-thực-tại, rất thực tế.”

Đối với Hillary và các trợ lý, việc tiến về phía trước là cách duy nhất để không chỉ vượt qua thất bại choáng váng, mà còn vượt qua cả cú sốc của việc phải quay lại Thượng viện. Viễn cảnh về những chức vụ chót vót tại Nhà Trắng đã lộn ngược thành thực tại tẻ nhạt của những sinh hoạt tại Thượng viện. Những nhân vật hạng A từng điều khiển cuộc vận động của bà ở Capitol Hill đã quen đứng bên phía thắng thế; giờ đây tất cả đều quay về với một chữ cái “L” [\(23\)](#) to tướng trên lưng.

Hillary không phải là ứng viên đầu tiên bị té nhào từ thế thượng phong của người tham gia

tranh cử tổng thống xuống Thượng viện hơi kém đặc quyền hơn. Suốt nhiều năm, vô số thượng nghị sĩ đã ra tranh cử tổng thống, rồi sau đó lại quay về cái ghế ban đầu của mình. Nhưng cú ngã của bà kéo dài hơn và dữ dội hơn. Bà cùng một lúc vừa nổi tiếng hơn, vừa ít chức vụ hơn những người đi trước. Không có chức vụ chủ tịch của một ủy ban trọng yếu nào đang chờ bà trên Capitol Hill. Hơn nữa, Thượng viện mà bà trở lại đôi khi gần giống như cái hang rắn. Trong số ba vị lãnh đạo chớp bu của Đảng Dân chủ, Richard Durbin (D-Ill) [\(24\)](#), đồng chủ tịch của chiến dịch Obama, có lẽ đã cư xử tốt nhất với bà suốt vòng đầu chỉ bằng việc đứng lên tỏ rõ lập trường của ông ta. Hai người kia, là Harry Reid (D-Nev.) và Chuck Schumer (D-N.Y.), thì làm cố vấn hậu trường cho Obama, mặc dù về mặt kỹ thuật thì Reid là trung lập còn Schumer thì tỏ ra công khai đứng về phía Hillary.

“Tôi cho rằng bà ấy bị tổn thương vì hành vi của một số đồng nghiệp và bằng hữu tại Thượng viện, kéo dài suốt chiến dịch tranh cử,” theo lời một cố vấn, người đã từng trách cứ Hillary, chỉ vài ngày sau khi bà bỏ cuộc. “Đó là những người ủng hộ Obama, những người tưởng chỉ đứng bên lề, và nhất là những kẻ nấp trong bóng tối.”

Các cựu binh lão luyện của Hillaryland khẳng định rằng Hillary đã hào hứng quay lại công việc tại Thượng viện, sốt sắng nắm các vấn đề càng nhanh càng tốt. Không phải người dân New York đã bầu bà là để bà có vài ba tháng nghỉ ngơi than thân trách phận. “Từ lúc bà bước vào, có vẻ bà rất muốn trở lại với công việc thường ngày,” một trợ lý vốn ở bên bà suốt nhiều năm sau chiến dịch kể. “Bà ấy đã quay về với công việc tại ủy ban của mình.”

Nhưng sự trở lại của Hillary đã gây khó cho mọi người trên Capitol Hill, theo lời một cựu trợ lý, người từng chạm trán bà trong một công viên gần văn phòng tại Tòa nhà Russell của bà.

“Cô khỏe không?” Hillary hỏi từ sau cặp kính râm to đùng.

“Chào Thượng Nghị sĩ, bà khỏe không ạ?” người phụ nữ trẻ đáp lời, và nói thêm, “Việc trở lại của bà ổn chứ?”

Phản ứng lạnh lùng của Hillary cho thấy sự coi thường của bà trước một câu hỏi đã có sẵn câu trả lời quá hiển nhiên, và bà nhanh chóng tự cho mình miễn phải trò chuyện.

Bên ngoài Capitol Hill, vào tháng Sáu và tháng Bảy ấy, một trợ lý điều hành trẻ đang nổi, Rob Russo, đã hoàn thành tốt một trọng trách chính trị phi thường cho Hillary. Russo vừa tốt nghiệp Đại học George Washington và đang là thực tập sinh nội trú làm việc cho Maggie Williams – người quản lý chiến dịch; anh được giao nhiệm vụ gửi đi 16.054 bức thư cảm ơn của Hillary đến những người thuộc giới tinh hoa ủng hộ Hillary, từ những nhà tài trợ, những người tình nguyện hàng đầu, cho đến các chính trị gia. Bản danh sách kẻ-xấu-và-người-tốt mà Balderston và Elrod đã tập hợp chỉ là góc nhỏ của một thế giới chính trị đầy những người vốn từng trợ giúp hoặc làm hại Hillary. Russo có trách nhiệm bảo đảm rằng các “chiến hữu” được xếp vào hạng đặc biệt hào phóng phải được giữ liên lạc đến tận phút cuối cùng.

Các chiến dịch tranh cử tổng thống, nhất là các cuộc đua nước rút cuối cùng đối với một chính trị gia nào đó, thông thường đều tàn lụi mà không một người ủng hộ chớp bu nào được ứng viên nói lời cảm ơn với tư cách cá nhân đến tận lúc cuối cùng. Hillary đã xác định rằng chiến dịch của bà sẽ không như vậy. Đó không chỉ là một cách lịch sự nhằm bày tỏ lòng biết ơn của một người phụ nữ miền Trung-Tây theo phong cách-cổ điển, như các trợ lý của bà đề xuất. Giống hệt cuộc họp “hậu kiểm” rất có phương pháp mà bà chỉ đạo hồi mùa hè, chiến dịch gửi lời cảm ơn rộng lớn ấy còn ngụ ý cho người ta thấy rằng Hillary vẫn nung nấu những đường lối chính trị hướng đến tranh cử. Đó chính là một cách bà thể hiện tình yêu và sự quan tâm đặc biệt đối với chính những người bà sẽ kêu gọi giúp đỡ nếu bà một lần nữa vận động tranh chức tổng thống.

Hầu hết mọi người trên bản danh sách của Russo đều nhận được một e-mail. Suốt gần hai tháng trời, viên trợ lý trẻ với bộ đồ chuẩn mực, đeo kính gọng đen hipster, đã chuyển đi các lô thư cảm ơn của Hillary, xếp theo từng bang một. Suốt những lúc rảnh tại Thượng viện, bà đọc hơn 16 nghìn thư đánh máy ấy, thường tự sửa lại bằng tay, rồi ký vào những bức thư đã xong

để gửi đi. Russo tiếp tục phụ trách chuyển thư từ tại Bộ Ngoại giao, và tại Văn phòng Hillary Rodham Clinton mà Hillary thành lập sau khi rời chính quyền Obama, bảo đảm tiếp tục các nỗ lực của bà nhằm kết nối chặt chẽ với bạn bè và những người ủng hộ. Bản danh sách các liên hệ chính trị và riêng tư, từ chức vụ này sang chức vụ khác, ngày càng mở rộng mạng lưới của Hillary.

Vì Thượng viện đang trong kỳ nghỉ, và công việc cảm ơn cũng đã hoàn tất, Hillary dành gần trọn tháng Tám cho bản thân, trước khi đến Denver vào cuối tháng để tham dự Đại hội toàn quốc của Đảng Dân chủ, nơi bà từng hy vọng được chỉ định là ứng viên tổng thống. Thay vào đó, bà sẽ phải đọc một bài diễn văn ủng hộ (Obama) vào tối thứ Ba, và lần thứ hai trong cùng mùa hè ấy, sự chuẩn bị kỹ về nội dung và văn phong của một bài diễn văn sẽ giúp định hình tổ chức luôn tiến lên phía trước của Hillary.

Suốt mấy chục năm là Đệ nhất phu nhân bang Arkansas và Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ, ngay cả khi làm Thượng Nghị sĩ New York, hình ảnh Hillary đa phần được nhìn nhận chỉ dựa vào mối quan hệ với Bill Clinton, người đàn ông có lẽ là tài hoa nhất nước Mỹ. Ngay cả khi bà tranh cử tổng thống theo chủ ý riêng của mình, thì vai trò của Bill vẫn là một ẩn số phải xem xét, không chỉ đối với các đối thủ của bà và giới báo chí, mà cả chính trong phe của bà nữa. Nhưng giờ đây, khi Bill phải bối rối về những lần ông sốt sắng vận động bầu cử cho Hillary, thì vận hội chính trị tương lai của bà sẽ phải ít lệ thuộc vào ông hơn bất kỳ khi nào trước đây. Nếu bà muốn có một tương lai chính trị, bà sẽ phải kiểm soát được chuyện của mình – và không còn phải thanh minh về vai trò của người chồng cựu tổng thống trong sự nghiệp của bà như trong cuộc vận động tranh cử vừa qua.

Đội Clinton đã đặt phòng tác chiến của mình trong tuần lễ ấy tại Brown Palace, một khách sạn sang trọng, cách vòng ngoài an ninh của Đại hội khoảng một dặm. Bài diễn văn được viết trong suốt mấy tuần lễ. Lissa Muscatine, bấy giờ là đồng sở hữu của nhà sách chính trị hàng đầu của Washington, Politics and Prose (Chính trị và Văn học), nắm quyền chỉ đạo những cây viết diễn văn trẻ hơn của Hillary và điều hành việc phát tài liệu cùng những nhân viên khác trong một gian phòng hội nghị, với một chiếc bàn hẹp chạy dài.

Vào thứ Hai, lúc đêm khuya, chưa đầy 24 giờ trước thời điểm trọng đại khi bà bước lên diễn đàn, Hillary gặp mặt nhiều nữ cộng sự trong nhóm nội bộ của bà, gồm cả Muscatine, Maggie Williams, Cheryl Mills và Melanne Vermeer để thảo luận về bài viết. Nó tốt rồi, Hillary nghĩ, nhưng chưa hoàn hảo. Bà đưa bản thảo ra để nhóm phụ nữ trau chuốt lại. Muscatine bắt tay vào việc, ngồi tách riêng ở một góc phòng họp khách sạn để đánh bóng bản thảo, trong khi các đồng nghiệp làm những việc khác bên bàn. Cho đến sáng thứ Ba, khoảng 80% công việc đã xong – tỉ lệ tam đủ để Hillary tự tin về nội dung. Mối quan tâm lúc này chỉ còn là phong cách. Chẳng hạn, làm sao tạo nên kịch tính trong một đoạn nói về Harriet Tubman, người điều hành Hệ thống Đường sắt Ngầm? Bà đã gần đến đích – hoặc bà tưởng vậy. Bà bước ra giữa phòng họp để diễn thử trên một sân khấu tượng tượng.

Nhưng đến chiều hôm đó, khi Hillary quay lại phòng hội nghị tại khách sạn Brown Palace để tập lại một lần nữa trước máy TelePrompTer⁽²⁵⁾, thì lại nảy sinh một vấn đề nữa về bài diễn văn. Khi vừa cất tiếng đọc to lên, bà chợt dừng lại. Bài viết đã thay đổi.

“Cái gì thế này?” Bà hỏi, chiếu ánh mắt nghi ngờ về phía những người viết diễn văn và các cố vấn truyền thông trong phòng. Bà thường bộc lộ sự khó chịu với giọng quở trách của một bà mẹ, và giọng bà lúc này đúng là như thế.

Trong khi bà ở chỗ “sân khấu giả tưởng” tại trung tâm hội nghị, thì ông Bill đã sửa lại diễn văn. Ông sửa đổi cấu trúc, thêm vào một số lời lẽ văn hoa thì húng của riêng ông. Các trợ lý Clinton, nhiều người trong họ làm việc cho cả Bill và Hillary, vẫn gọi ông là “Ngài Tổng thống.” Họ chỉ đơn giản làm đúng những gì họ được ra lệnh.

Nhưng Hillary không muốn vậy. Bill và các cố vấn bà đã thuê từ chiến dịch năm 1996 của ông đã thất bại rõ ràng trong việc triển khai chủ trương và chiến lược cho chiến dịch của bà. Giờ

đây bà đang một mình ngồi trên ghế nóng. Đây chính là thời điểm “được ăn cả – ngã về không” của bà với tư cách một đảng viên Đảng Dân chủ trung thành, cũng là lúc để bà chỉ huy theo đúng cách của mình.

“Đây là diễn văn *của tôi*,” bà tuyên bố khi rời bục sân khấu đi tìm “Ngài Tổng thống.”

Khi chắc chắn Hillary đã ra khỏi phòng, Hattaway khuyên các trợ lý khác nhà Clinton nên khôi phục theo bản diễn văn trước. Giữ lại những chỗ “Ngài Tổng thống” biến câu chữ thành “thi ca,” ông bảo mọi người, nhưng phải khôi phục theo cấu trúc ban đầu của bài diễn văn. Trong chỉ vài giờ còn lại trước khi bà bước lên diễn đàn, các trợ lý nhà Clinton lao vào cắt dán các đoạn với nhau để bài diễn văn trở lại như trước giống như chơi trò xếp hình vậy.

Họ di chuyển các đoạn văn và gia giảm câu chữ cho đến phút chót. Đi xuyên qua đám đông ồn ào náo nhiệt, khi kim đồng hồ nhích dần đến “giờ G” đọc diễn văn, Hillary ăn vận khá giản dị. Bà vẫn mặc bộ đồ từ buổi tối hôm trước – một bộ vét màu vàng cam nổi bật trên nền phong màu xanh lơ của Đảng Dân chủ trong phòng hội nghị. Điện thoại của Hattaway lại rung lên. Những tay kỳ cựu của đội Obama liên tục gọi để xin bản copy bài diễn văn. Sẽ có ngày thôi, anh ta cố trấn an mọi người. Nhưng họ đều rất lo lắng. Dù đã từng chụp ảnh chung tại Unity, những người của Obama vẫn không hoàn toàn tin tưởng những người nhà Clinton. Mỗi quan hệ vẫn dễ gây cáu giận trong suốt cả mùa hè, khi đội Hillary cố gắng moi được những lời hứa rằng Obama sẽ giúp thanh toán hết các khoản nợ của Hillary, mỗi khi các cố vấn cấp cao của ông đề nghị ông bà Clinton xuất hiện như những người đại diện. Cứ thế vở diễn của thế giới Clinton đã chọc tức đội hình chiến dịch chặt chẽ của Obama.

Khi Hillary và bài diễn văn của mình cuối cùng đã sẵn sàng, lúc gần 8 giờ tối tại Denver, một bản copy được gửi qua e-mail cho đội của Obama. Jon Lovett, một cây bút trẻ chuyên viết diễn văn của nhà Clinton – người sau này sang làm cùng với Hurwitz tại Nhà Trắng thời Obama – trèo vào một chiếc bán tải, xách theo laptop và một cái USB trong đó có bản copy bài diễn văn. Anh ta nói to để thông báo rằng Hillary sắp có mặt ở Trung tâm Pepsi, địa điểm tổ chức Đại hội. Lập tức người ta xô đẩy nhau chạy qua lối đi men tường tòa nhà để chuyển cái USB cho những người đang cầm máy TelePrompTer. “Chẳng có khi nào được yên với nhà Clinton” – Jim Margolis, một trợ lý của Obama dè bủ khi họ vừa tới.

Sau khi vuốt lại mái tóc và trang điểm lần cuối, Hillary và đội của bà đi qua phòng nhân viên của Obama trên đường tới sân khấu. Bà dừng bước, chào thân mật mấy vị trợ lý chóp bu của Obama, kể cả Anita Dunn và Dan Pfeiffer. Khi bà nghiền ngẫm bài diễn văn trong đầu, một người tâm phúc của bà nhớ lại, “bà ấy cảm nhận tất cả áp lực này.”

Các cử tri cuối cùng của bà nói toạc ra rằng sự đồng thuận này là liều lĩnh, và là ép buộc người ta phải đề cử Obama; họ không muốn nghe theo yêu cầu của bà. Không khó để ngăn họ lại, đơn giản là bà không làm nổi. Bà nhận ra rằng mình sẽ bị chê trách nếu họ làm hỏng buổi lễ. Điều này tăng thêm căng thẳng cho bà khi sắp bước lên diễn đàn. Dù chỉ một lần này thôi, chỉ một thời khắc Clinton thê thảm cũng quá đủ cho đội Obama thích thú. Đây đã là lần thứ ba trong chưa đầy ba tháng bà phải đứng trước cử tọa toàn quốc để đưa ra “di chúc” của mình. Do giọng điệu của nó và do thời điểm đó, ngay trước lúc John McCain liên danh với một phụ nữ khác là Sarah Palin làm cặp đôi tranh cử của Đảng Cộng hòa, việc bà ủng hộ Obama sẽ chính là mấu chốt quan trọng nhất.

Cuối cùng khi bà xuất hiện nổi bật trước một đám đông ồn ào, chỉ còn khoảng 20 phút nữa là kết thúc giờ Thánh lễ đầu ngày lúc 6 giờ tại Bờ Đông, bỗng vang rền “thánh ca” với điệp khúc “Hil-la-ry, Hil-la-ry” và một trận hoan hô cuồng nhiệt như sấm. Những người ủng hộ Clinton và Obama cùng nhau giơ cao những tấm biển trắng mang hình chữ ký của bà tô màu xanh lơ và đường gạch dưới màu đỏ. Một camera truyền hình chớp được hình ảnh Bill Clinton đang hét to “anh yêu em” từ chỗ ông ngồi.

Sau khi mở đầu với một điệp khúc ngắn về niềm tự hào của mình trong tư cách một người mẹ, một thượng nghị sĩ New York và một người Mỹ, bà hạ một câu quyết định khi gọi mình là “một người ủng hộ đầy tự hào của Barack Obama.” Chắc chẳng ai ngạc nhiên nếu sau sân khấu,

mấy người phe Obama đã chuẩn bị tinh thần để đếm xem bao nhiêu phút trôi qua trước khi bà nhắc đến tên ông ta. Nhưng hóa ra chỉ sau mấy giây đồng hồ. Nó đây, cho cả thế giới nghe. Trong hàng ghế của họ, cả Joe Biden và Michelle Obama đều cùng nhảy dựng.

Sau đó, lần đầu tiên Hillary đeo găng, dấn tới tấp vào McCain, người bạn và là vị thượng nghị sĩ đã đồng hành mà bà từng có trận đấu vodka cùng ông tại Estonia. “Thưa các bạn,” bà nói, giọng ngân nga, có vẻ hơi nhạo báng – đây là thuật hùng biện ưa chuộng của ứng viên Đảng Cộng hòa. “Đã đến lúc đòi lại đất nước yêu dấu của chúng ta.”

Bà tiếp tục, “Tôi đã dành ba mươi lăm năm qua trên chiến lũy bệnh vực trẻ em, vận động cho việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trợ giúp các bậc cha mẹ cân bằng giữa công việc với gia đình, và đấu tranh cho nữ quyền trong nước và khắp nơi trên thế giới... không phải để nhìn một người Cộng hòa khác trong Nhà Trắng phung phí các cam kết của đất nước chúng ta và niềm hy vọng của nhân dân chúng ta thêm nữa ư... Không thể được. Không vì lẽ gì hết. Không thể là McCain.”

Nhưng trái tim và linh hồn của bài diễn văn chính là ở đoạn cuối cùng về việc tìm kiếm niềm tin để bền gan vững chí đối mặt với mọi thử thách cam go. Khi mở rộng tầm nhìn mà bà đã nêu lên trong bài diễn văn nhường bước về cuộc đấu tranh chung cho phụ nữ và người Mỹ gốc Phi, Hillary đã viện dẫn chủ nghĩa anh hùng của một người phụ nữ da đen thứ hai để giành điểm cho mình.

Hillary nói, “Trên con đường dẫn đến tự do, Harriet Tubman có lần đã đưa ra lời khuyên: ‘Nếu bạn nghe tiếng chó sủa, hãy đi tiếp. Nếu bạn thấy ánh lửa trong rừng, cứ đi tiếp. Nếu nghe thấy tiếng la hét sau lưng, cứ đi tiếp. Đừng bao giờ bỏ cuộc. Cứ tiếp tục đi. Nếu bạn muốn được nếm mùi vị tự do, hãy cứ tiếp tục đi...’ Nhưng hãy nhớ, trước khi chúng ta có thể đi tiếp, chúng ta sẽ đi tiếp bằng cách bầu Barack Obama làm tổng thống.”

Đám đông bùng lên hoan hô một lần nữa khi Hillary kết thúc. Bill và Chelsea cười rạng rỡ. Biden thì thầm lời tán thưởng của ông ta vào tai Michelle Obama. Ông ta đã từng là đồng minh của Hillary tại Capitol Hill của Nhà Trắng thời Bill Clinton, sau đó trở thành một người bạn tốt của bà tại Thượng viện cũng như khi đeo bám tranh cử. Tại những vòng đầu tranh luận ứng cử tổng thống, khi vẫn còn là một ứng viên tìm sự đề cử, Biden đã tỏ ra gần bó với Hillary hơn với Obama, và Hillary rõ ràng cũng thích Biden hơn Obama. “Ngay khi họ là đối thủ trong vòng phiếu bầu phổ thông, mỗi khi có ai đó nhắc đến tên ông ta trước mặt bà, bà chỉ mỉm cười,” một trong các trợ lý chóp bu của bà kể. “Bà ấy thật sự mến ông ta. Ông ấy cũng thật sự quý mến bà.”

Nghe những lời ủng hộ hùng hồn của bà, Biden chạy hẩn đến nơi Hillary đang đứng. Tìm thấy bà, ông khụy chân và chấp hai tay làm một điệu bộ ngưỡng mộ rất cảm động.

Sau Đại hội, Hillary dành hết sự quan tâm của mình cho Thượng viện. Chìm ngập trong sự trang trọng, nghi thức và lười biếng, Thượng viện không hề giống một đấu trường lý tưởng cho cự vạ nhất phu nhân, người còn phải học cách kiểm soát bản tính nôn nóng của mình.

“Tôi không biết tôi có thể làm việc này không,” bà đã nói với một trợ lý khi họ đi bộ về văn phòng sau cuộc bỏ phiếu ở Capitol vào năm đầu tiên bà ở đó. “Tôi không biết liệu tôi có ở lại chức vụ này và chỉ đi tới đi lui bỏ phiếu rồi đi nghe ủy ban điều trần hay không.”

Nhưng 8 năm đã trôi qua, bà đã tìm thấy những việc đáng làm trong chức vụ của mình. Bà đã tranh đấu quyết liệt để giành vị trí từng do Robert F.Kennedy nắm giữ này, và dùng nó như một bộ phóng quyền lực để vươn ra ngoài các bức tường Thượng viện. Dù rằng lần đầu tiên bà giành được vị trí này là dưới cái bóng của Bill Clinton trong giai đoạn cuối nhiệm kỳ tổng thống, song bà lập tức chứng tỏ rằng mình là có vị thế chính trị riêng bằng quyền hạn của một thượng nghị sĩ. Bà thích hoàn thành các phận sự, trách nhiệm, và Thượng viện cung cấp cho bà một diễn đàn lập pháp, một tiếng nói trong các cuộc thảo luận mang tính quốc gia, và thậm chí cả ở những cuộc tranh luận công kích từ bên ngoài tiến trình lập pháp. Trong một hệ thống đã được thiết định sẵn, với những cản trở và đối trọng kìm hãm mọi thay đổi, Hillary đã luôn tìm

cách sử dụng cả hai thứ: quyền lực chính thức của một quan chức và danh tiếng riêng có của mình để khởi động các hoạt động ban hành chính sách. Bà đã hăng diện đóng góp vào nhiều dự án bằng cái mà bà gọi là “quyền triệu tập” – khả năng hiếm có của bà trong việc lôi kéo những người bảo trợ từ phía chính phủ, khu vực tư nhân, và giới hàn lâm, để cùng nhau giải quyết các khó khăn. Rất ít người nói không với lời mời hợp của Hillary Clinton.

Cũng như sau này bà sử dụng quyền lực của mình một cách sáng tạo để tung ra những sáng kiến chung-riêng ở Bộ Ngoại giao, Hillary đã chứng thực mình như một tay chơi đầy uy lực tại Thượng viện. Thành viên Nghị viện nào muốn đưa ra các dự luật, tiến hành bỏ phiếu, hay giúp đỡ các cử tri, đều phải vượt trùng dương là chế độ quan liêu Liên bang, và rất khó khăn mới giành được những khoản trợ cấp cho cựu chiến binh hay các khoản chi cho an sinh xã hội. Nhưng Hillary lại xem chức vụ này như một bộ phóng để kết nối các tổ chức, thiết chế trong những bộ phận xã hội khác nhau nhằm đạt mục tiêu. Bà đã thuyết phục Đại học Cornell liên kết những nông dân vùng nông thôn New York với các chợ trong thành phố vốn chỉ quen mua sản phẩm từ New Jersey. Bà đã đóng một vai trò hữu ích trong việc lập khu định cư nằm giữa Sở Điện lực New York và thành phố Buffalo, nhằm quy hoạch lại thành phố hướng ra biển.

Trở về làm việc toàn thời gian ở Thượng viện sau ngày Quốc tế Lao động, Hillary rất phấn khích với viễn cảnh làm việc tại một Nghị viện do Đảng Dân chủ kiểm soát với một vị tổng thống cũng là người của Đảng Dân chủ, những điều được xem là điềm báo tốt lành cho việc thúc đẩy cải cách hệ thống chăm sóc y tế toàn quốc. Nhìn vẻ ngoài, bà trông có vẻ yếu đi vì thất bại tại vòng bầu cử sơ bộ. Nhưng trong Thượng viện, các đồng minh của bà đều quả quyết rằng lãnh đạo phe đa số, Harry Reid, phải tìm ra cách vực bà dậy. Điều đó là đặc biệt chân thành giữa chị em phụ nữ với nhau, và không chỉ trong nhóm ủng hộ bà. Đó là một tình cảm mạnh mẽ, sâu sắc mà Hillary sẽ phải ghi nhớ, một mối cảm tình mà Hillary gần như chắc chắn cảm nhận được.

Thượng nghị sĩ có tầm vóc nhỏ bé nhất, Barbara Mikulski từ Maryland, có lẽ là người hỗ trợ Hillary mạnh mẽ nhất ở hậu trường. Mikulski đã phục vụ 22 năm tại Thượng viện, từng ủng hộ Hillary trong cuộc bầu cử phổ thông, hối thúc các lãnh đạo Đảng Dân chủ tìm kiếm cho Hillary một vai trò cao hơn. Mary Landrieu từ Louisiana cũng thuộc số những người dẫn đầu việc hỗ trợ Hillary. Moon Landrieu, cô con gái ăn nói chậm rãi của vị cựu Thị trưởng New Orleans này, tỏ ra nuối tiếc về chiến dịch bầu cử vòng đầu. Cô tự xem mình thuộc số những người ủng hộ Bill Clinton mạnh mẽ nhất và thuộc số những người ngưỡng mộ Hillary nhiều nhất. Nhưng khi Obama đưa ra yêu cầu, thì là lúc Mary Landrieu đang lo vận động tái cử và cần đến một số phiếu lớn của người da đen ở New Orleans và khắp bang, nên cô đành phải kín đáo cam kết bỏ phiếu cho ông ta ở Đại hội. Giờ đây Mary Landrieu muốn trả lại sự công bằng. Một lần bà nài nỉ Reid quan tâm đến Hillary. Reid nửa-chế giễu đáp lại Landrieu lảm chuyện, rằng Hillary có thể nhận chức chủ tịch Ủy ban Doanh nghiệp Nhỏ.

Reid ngăn chặn tới cùng mọi nẻo trở về của Hillary. Ông ta và Schumer không muốn chọc giận các đồng nghiệp của Đảng Dân chủ khác bằng cách nâng đỡ Hillary. Luôn có một rủi ro tiềm tàng rình rập nếu cho bà một vai trò quan trọng hơn ở Thượng viện, nhất là về chăm sóc y tế: bà sẽ có chỗ đứng tốt hơn để từ đó thách thức Obama. Nếu có một vị thuộc Đảng Dân chủ nào đáng mặt để phụ trách cải cách chăm sóc y tế ở Thượng viện, thì đó phải là ngài Ted Kennedy đang hấp hối, mà việc tán thành Obama của ông ta đã là một trong những mấu chốt quan trọng nhất của vòng đầu tranh cử, cũng như là một trong các đòn đả kích độc hại nhất đối với Hillary. Nếu không phải là Kennedy, thì phải là người bạn tốt nhất của ông ta tại Thượng viện, Chris Dodd, một người tóc bạc trắng, má đỏ au, con trai của một thượng nghị sĩ vốn là bạn cánh hẩu của Kennedy trong những ngày non trẻ của họ tại Capitol Hill. Clinton đã đề nghị Kennedy để bà chủ trì tiểu ban chăm sóc y tế, nhưng ông ta lạnh lùng từ chối. Thay vào đó, ông ta dành cho bà cái ghế hạng hai, chủ tọa một nhóm đặc trách về luật bảo hiểm công nghiệp – cái ngành đã bóp cổ bóp họng những nỗ lực cải cách y tế của bà từ ngày còn ở Nhà Trắng.

Đã vậy thì, trong khi Reid điều hành Thượng viện, những người bên vực Hillary, bao gồm cả một số người có thiện chí bất ngờ, bèn quay sang Obama, người đứng đầu mới của Đảng Dân chủ, xin giúp đỡ. Thậm chí Claire McCaskill còn đích thân thuyết phục các trợ lý của Obama

rằng ông ấy phải can thiệp để tìm ra một vị trí xứng đáng cho Hillary, hoặc tại Thượng viện hoặc trong Chính phủ Obama. “Thông điệp của bà ấy là: Hillary cũng như đội của bà ấy cần phải được những người của Obama tiếp tục ưu tiên,” một nguồn tin thân cận cho hay. “Bà ấy phải được mời vào. Bà ấy phải có chỗ ngồi ở bàn tiệc.”

3. Mạo hiểm có tính toán

Nhà Clinton bỏ dở cuộc đi dạo ngày Chủ nhật trong một khu bảo tồn kỳ thú của Thung lũng Hudson tuyệt đẹp, không xa ngôi nhà Thuộc địa Hà Lan trong Khu Phố Cổ ở Chappaqua, New York, khi điện thoại của ông Bill đổ chuông. Đó là ngày 9 tháng Mười một, năm ngày sau cuộc bầu cử, và tổng thống đắc cử đang gọi điện cho tổng thống gần đây nhất của Đảng Dân chủ. Nhưng Bill không nghe được rõ qua điện thoại di động của ông, và ông hỏi liệu mình có thể gọi lại khi về tới nhà. Cuối cùng, từ nhà Clinton, họ đã nói chuyện qua điện thoại với nhau. Obama giải thích rằng mình đang bận hoàn tất danh sách nội các mới – một dự án mà John Podesta, cựu trưởng ban nhân sự Nhà Trắng thời Clinton, đã phải vận động hậu trường suốt nhiều tháng trời – và ông ta muốn nghe ý kiến của Bill về hai nhân sự chuyển nhượng. Trước khi gác máy, Obama đề nghị Bill nói với Hillary rằng ông cũng muốn sớm nói chuyện với bà ấy.

Một số cố vấn chớp bu của Obama đã biết được lý do: bà là lựa chọn của ông cho chức ngoại trưởng. Các giới chức chính trị bắt đầu nghe được những lời to nhỏ về Hillary ở Bộ Ngoại giao gần như ngay sau cuộc bầu cử. Ngay hôm sau chiến thắng của Obama, Andrea Mitchell của NBC News đã phỏng vấn Philippe Reines, cố vấn cao cấp và là người phát ngôn của Hillary, rằng liệu Hillary có đáp xuống Bộ Ngoại giao hay không. Ông ta đưa ra câu trả lời tương tự câu trả lời ông sẽ đưa ra nếu được hỏi liệu bà Hillary có ký hợp đồng như một “người bắt chó” [\(26\)](#) hay không: mọi chuyện đều có thể.

Con người gốc phía Tây Thượng Manhattan hung hăng, có đôi mắt nâu dữ dội này đã giành được vị trí quan trọng trong nhóm của Clinton với lòng trung thành mãnh liệt và một bản năng nhạy bén trong việc làm sao xây dựng và bảo vệ uy tín của chủ nhân, một người thường có các cuộc trao đổi e-mail đầy xúc phạm với các phóng viên. Reines có khẩu vị tầm thường, thích thêm thắt chút gia vị làm mất mặt người khác, kiểu như viết sai tên đầu của một hạ nghị sĩ trẻ hơn chỉ để tỏ ý rằng nhà lập pháp này chưa đủ tiếng tăm để đáng được nhớ đến, và ông ta có lần đã tự mô tả mình như một tay thủ môn hockey bảo vệ tấm lưới nhà Hillary trước các “đĩa bay” vùn vút của giới báo chí. Giờ đây cũng vậy, ông ta muốn biết là liệu “cuộc xe ngựa hội chợ” của cuộc bầu cử năm 2008 này có sắp dừng lại ở một đỉnh cao mới – Bộ Ngoại giao – hay chưa.

Ngày 7 tháng Mười một, sau một chuỗi e-mail với nhiều vị cố vấn cao cấp của Hillary, gồm Maggie Williams, Cheryl Mills và Capricia Marshall, cuối cùng Reines hỏi bà chủ của mình rằng liệu bà có dừng chân ở Bộ Ngoại giao hay không.

Ông ta sẽ dành chức vụ này cho bà, Reines viết.

“Chuyện đó khó có thể xảy ra dù có một triệu lý do,” Hillary trả lời cả nhóm. Bà thấy nó đáng cười, thậm chí lỗ bịch. Bà bảo Reines rằng bà chẳng buồn tìm hiểu tin đồn ấy từ đâu đến. Nhưng nó không đúng, bà viết.

Cuộc gọi của Obama tối Chủ nhật đó đã tăng thêm tò mò cho Hillary và nhân viên của bà.

Alyssa Mastromonaco – người từ lâu chuyên xếp lịch làm việc của Obama – sau đó đã vươn tay tới Huma Abedin, người đảm đương những nhiệm vụ chính trị và nhân sự nhạy bén nhất của Hillary, và họ đã lên phương án tổ chức một chuyến đi của Hillary đến tổng hành dinh giai đoạn chuyển giao của Obama đặt tại Chicago. Ngay từ sau ngày bầu cử, Hillary đã dành nhiều quan tâm cho một số người vốn không nghĩ bà muốn được đề nghị tham gia nội các, và cá nhân bà vẫn khó mà bị thuyết phục như một số trợ lý, rằng lời mời giữ một chức vụ đang ở ngay trước mắt.

Bên trong Văn phòng Thượng viện của Hillary, thuộc lầu bốn Russell Building uy nghi, một sự pha trộn giữa Nghệ thuật trang trí thế kỷ trước của các tấm đá ốp cẩm thạch với những cây cột Doric [\(27\)](#), nơi những tiếng cọt két do giày của những tướng lĩnh và đô đốc dẫm lên sàn có

thể nghe rõ mỗi khi họ đến điều trần trước Ủy ban Quốc phòng Thượng viện, các trợ lý vẫn đang vật lộn với câu hỏi làm sao Hillary có thể tiếp tục đeo đuổi những mục tiêu của bà từ Capitol Hill. Sau một mùa hè đầy bất mãn, bỗng có một chuyện xôn xao xung quanh khả năng bất ngờ rằng nhóm Hillaryland có thể tìm thấy ngôi nhà mới trong chính quyền Obama.

Mặt khác, có những lo lắng hoài nghi trong một số trợ lý cấp cao của Obama, kể cả David Axelrod và Jim Messina, người đã thảo luận về lựa chọn này với tổng thống đắc cử hồi cuối tháng Mười, không lâu trước khi kiểm phiếu. Ngay từ đầu mùa hè 2008, Obama từng cân nhắc việc có một Hillary điều hành Bộ Ngoại giao sẽ đem tới những giá trị gì cho cương vị tổng thống của ông.

Axelrod điếng người khi lần đầu tiên được nghe Obama nói rằng muốn Hillary nắm giữ vị trí đó. “Làm sao có chuyện đó được?” Axelrod hỏi. “Chúng ta vừa cùng tiến hành một chiến dịch đầy sức mạnh.”

“Bà ấy là bạn trước khi là đối thủ của tôi,” Obama đáp. “Bà ấy thông minh, cứng cỏi và có uy tín trên thế giới. Tôi tin bà ấy sẽ là một thành viên trung thành trong đội ngũ chúng ta. Tôi không nghi ngờ điều đó.”

Dù cho bà không muốn trả lời về những cú điện thoại tai tiếng lúc 3 giờ sáng để trao đổi trong suốt thời gian tranh cử của mình, nhưng nếu bà ngồi vào chức vụ đó thì bà có lẽ sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo cùng với họ. Suốt thời gian diễn ra cuộc đua ở vòng đầu mệt mỏi giữa họ, Obama đã chỉ trích bà vì sự phóng đại hồ sơ chính sách đối ngoại của bà. Thế giới trần tục không chỉ là “nơi tôi sẽ gặp gỡ và nói chuyện với vị lãnh đạo nào trên thế giới trong tòa đại sứ, và tôi sẽ uống trà với ai”, ông nói. Nhưng khi đã thắng vòng đầu, các trợ thủ Obama kể, ông bắt đầu ấn tượng trước sự bền bỉ của bà, khát vọng của bà, như người ta miêu tả, để “xuyên thủng một bức tường gạch.” Trong những tháng sau khi đã đánh bại Hillary, ông luôn ngưỡng mộ lòng trung thành mạnh mẽ của bà vì mục tiêu tổng tuyển cử.

Valerie Jarrett, người bạn và cố vấn gần gũi nhất của tổng thống đắc cử, vô cùng tâm đắc với ý tưởng ấy. Chiến dịch tranh cử đã khiến bà rất đau đớn, bởi vì bà có mối quan hệ với nhà Clinton đã từ nhiều năm trước và ngày càng thân thiết thông qua một người chị em Ann Jordan, vợ của Vernon Jordan, tâm phúc của gia đình Clinton. Jarrett luôn ngưỡng mộ và kính trọng cả hai vợ chồng Clinton và được an ủi bởi triển vọng xóa đi các rào cản.

Obama muốn Hillary vào đội của ông, và để thuyết phục các trợ lý của mình, ông tự vứt bỏ luận điểm mà mình từng gán cho đối thủ đeo bám trước đó rằng kinh nghiệm của Hillary chỉ giới hạn trong các tiệc trà. Điều quan trọng là có Hillary trong nội các sẽ cho phép Obama kiểm soát được thể lực chính trị có lẽ là vững chắc nhất trong cả nước.

Trong một loạt cuộc họp tại Chicago chỉ hai ngày sau khi kiểm phiếu, Obama đã tập hợp những trợ thủ trung thành sáng láng nhất của mình, gồm Joe Biden, Podesta, Messina và Rahm Emanuel, để lựa chọn các quan chức hàng đầu trong Chính phủ của mình. Do nền kinh tế đang rơi tự do, quyết định đầu tiên là đề nghị Tim Geithner đảm nhận Bộ Tài chính. Chức ngoại trưởng đứng thứ hai trên chương trình nghị sự. Nhân dịp đó, Obama đã giải thích rõ ràng với đội vận động tranh cử của mình về lý do ông muốn có Hillary. Biden đã phát biểu ủng hộ quyết định đó, theo như lời kể của Ted Kaufman, vị sếp lâu năm trong Thượng viện của Biden, vốn lúc đó cũng có mặt.

Biden đã từng xin lời khuyên của Bill Clinton trước khi tham gia cuộc đua năm 2008, và với tư cách bạn bè lâu năm của hai vợ chồng Clinton, ông ta đã không hề ủng hộ Obama cho đến các giai đoạn cuối của vòng đầu. Ngoài ra, ông cũng đưa ra lời khuyên cho cả Obama và Hillary khi họ mở cuộc chiến khắp cả nước.

“Tổng thống luôn tìm hiểu xem vị phó tổng thống của mình muốn nói về điều gì,” Kaufman nhớ lại. “Phó tổng thống là người ủng hộ Hillary rất mạnh mẽ.”

Obama đi lại quanh phòng để cân nhắc có hoặc không, và cuối cùng đưa ra một quyết định lựa chọn dứt khoát của mình: Có.

Ngày 13 tháng Mười một, bốn ngày sau khi Obama gọi cho vợ chồng Clinton, bà Mitchell thông báo là Hillary được xác nhận đang trên một chuyến bay đến Chicago. Cuối ngày hôm đó, các phóng viên khi đóng chốt ở văn phòng chuyển giao của Obama trong một tòa nhà liên bang ở khu buôn bán, đã phát hiện một đoàn xe mô-tô hộ tống không phải của tổng thống đặc cử, nên đã thắc mắc không biết vị tai to mặt lớn nào đang đến. Cho đến lúc này, cả hai phía đều chưa công khai gì về đề nghị của Obama. Nó bí mật đến nỗi khi Jon Favreau, người viết diễn văn của Obama, đến gặp Abedin tại văn phòng hôm đó, anh ta tưởng rằng Huma đang được phỏng vấn về một chức vụ trong Chính phủ: cái ý nghĩ rằng Hillary đang ngồi trong văn phòng và lắng nghe lời mời của Obama chưa từng thoáng qua trong đầu anh ta.

Obama và Hillary đang hội kiến riêng trong một phòng họp lịch sự, mặt đối mặt, không có mặt bất kỳ trợ lý nào.

Obama nói rằng ông muốn bà nhận công việc này.

“Tôi rất vui lòng, thưa Tổng thống vừa đặc cử,” Hillary đáp. “Nhưng tôi sẽ quay lại Thượng viện. Đó là công việc tôi thật sự muốn làm. Ông đã có rất nhiều người tài để lựa chọn cho vị trí ngoại trưởng.”

Bà nêu ra hai cái tên: nhà ngoại giao kỳ cựu Richard Holbrooke và tướng về hưu Jim Jones, cựu đô đốc Hải quân.

“Tôi có thể hỗ trợ ông tại Thượng viện, bởi vì tại đó đang có những thách thức đối với việc thực hiện chương trình nghị sự của ông,” bà nói với Obama. “Ông cũng đang có cuộc khủng hoảng kinh tế cần xử lý.”

Nhưng Obama đã suy nghĩ về nó rất nhiều rồi, ông nói, rằng bà chính là người phụ nữ dành cho chức vụ ấy. Khi ông bị trói chặt ở Washington với cuộc sụp đổ tài chính, ông cần đến một nhà ngoại giao tài năng – một ngôi sao để đại diện cho ông khắp toàn cầu.

Hillary vẫn nói không.

Hãy về nhà và suy nghĩ thêm, Obama chỉ thị cho bà, điều mà chỉ duy nhất tổng thống đặc cử mới có thể làm. Ông không chấp nhận câu trả lời không. Hai bên có thể bàn tiếp về điều đó, ông nói.

Hillary có nhiều lý do để bác bỏ lời khẩn cầu đầu tiên của Obama. Bà đang bị cuốn hút vào việc quay lại Thượng viện; bà không muốn điều hành một cơ quan đầy những người do Obama chỉ định; những giao thiệp quốc tế của chồng bà có thể trở thành khó xử đối với Obama; bà cũng sẽ không thể trả hết khoản tiền nợ 6,4 triệu đô-la từ cuộc vận động tranh cử, nếu bà nắm một chức vụ ngành hành pháp. Bên cạnh đó, lẽ nào bà có thể làm việc cho một đối thủ đã đánh bại bà và phải nhìn bức chân dung của ông ta hàng ngày trong văn phòng của mình? Còn một điều không ai nói ra, nhưng là hiển nhiên trong giới chính trị – thể hiện sự lưỡng lự trước lời mời của Obama sẽ cho bà đòn bẩy để giành được một thỏa hiệp tốt đẹp hơn nếu cuối cùng bà đi đến chấp thuận. Tất cả những điều đó làm nên lời từ chối.

Trước khi họ gặp nhau mặt đối mặt, trừ một số rất ít, còn hầu hết những người trong cuộc của hai phe đều ẩn mình. Nhưng ngày hôm sau, tờ *Huffington Post* dẫn lời hai quan chức của Đảng Dân chủ nói rằng Obama đã đề xuất một vị trí cho Hillary. Đột nhiên việc đó trở nên đáng tin hơn. Nó là chiếc dây an toàn cho những người trong Hillaryland, vốn đã một lần tưởng tượng mình sẽ được ở khu West Wing⁽²⁸⁾ để rồi gây cánh quay về Capitol Hill. Bộ Ngoại giao tỏ ra là một chỗ hạ cánh an toàn nằm giữa hai nơi đó.

Khi bắt đầu tìm hiểu chức vụ này và tham khảo các ý kiến, Hillary nhanh chóng nhận ra rằng bạn bè và các cố vấn thân cận nhất của mình đã bị chia rẽ về việc bà có nên nhận chức vụ đó hay không.

Madeleine Albright, cựu ngoại trưởng, đang lái xe trong tình trạng ùn tắc giao thông nghiêm trọng trên M Street ở Washington khi Hillary gọi điện xin góp ý. Mười hai năm trước, Hillary thúc giục Bill chọn Albright, lúc đó đang là Đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc, cho chức vụ ngoại

trưởng trong nhiệm kỳ thứ hai của ông. Hai người phụ nữ đã cùng nhau công du nước ngoài trong thời gian Clinton tại nhiệm, và sự gắn kết giữa họ được tăng thêm nhờ trải nghiệm chung nền giáo dục Wellesley. Albright không chỉ là bạn Hillary, mà còn là người phụ nữ duy nhất của Đảng Dân chủ từng làm ngoại trưởng, và do đó có tư cách độc nhất vô nhị để tư vấn cho Hillary về chức vụ này, cũng như về việc Hillary có nên nhận nó hay không. Albright ra khỏi xe trên một phố hẻm tại Georgetown vì bà đã đoán chắc cuộc nói chuyện sẽ kéo dài.

“Bà ấy biết rằng tôi rất thích công việc ấy” – Albright nói. “Chúng tôi nói với nhau về chức vụ ấy là thế nào, phải làm gì với nó, có bao nhiêu chuyến công du, Bộ Ngoại giao giống cái gì.”

Albright biết rõ điều gì bạn mình đang thực sự quan tâm, đó là liệu Hillary có thể thật sự thoải mái nếu ở Bộ Ngoại giao hay không. “Tôi đã nói với bà ấy rằng, công việc ấy rất tuyệt vời, rằng bà ấy sẽ là người phi thường tại chức vụ ấy, và rằng đó sẽ là công việc mà bà ấy có thể làm một cách đầy tự hào” – Albright nhớ lại. “Người ta hay nghĩ rằng chính sách đối ngoại chẳng liên quan gì với chính sách đối nội, nhưng chúng là các phần tách ra từ cùng một quang phổ lớn hơn. Do đó tôi biết chắc rằng bà ấy sẽ rất thành công trên cương vị đó.”

Còn Mark Penn thì phản hồi không cần suy nghĩ, rằng bà không nên làm việc cho Obama. Nhưng cuối cùng ông đã đưa ra được một cái nhìn sáng suốt về điều gì sẽ là tốt nhất cho Hillary – đặc biệt khi điều đó hàm ý nhắm đến một cuộc tranh cử tổng thống lần hai. Ông nhìn thấy những lợi ích chính trị sẽ tích lũy được nếu bà đảm nhiệm chức vụ ấy. Trong những lợi ích đó, then chốt là uy tín của bà với tư cách một chuyên gia đối ngoại; nó sẽ một lần nữa chứng minh bà là một đảng viên Dân chủ đầy thiện chí, vượt lên chính bản thân; sẽ một lần và mãi mãi giải phóng bà khỏi cái bóng của Bill, cũng như sẽ làm hài lòng các cử tri của Đảng Dân chủ vòng đầu, những người muốn được thấy bà và Obama hợp nhất sức mạnh lại với nhau.

Penn đã bị những người trong Hillaryland tẩy chay chính vì quan điểm đó, vì theo họ lời khuyên của ông ta không có giá trị gì. Nhưng hai dòng cảm xúc trái ngược nhau của cá nhân ông đã minh họa cho sự chia rẽ trong nhóm Hillaryland. “Văn phòng chúng tôi như bị chẻ làm đôi vì nhiều người không muốn bà ấy đảm nhận chức vụ đó,” một trong các trợ lý tại Thương viện của Hillary cho biết. “Nhiều người muốn duy trì công việc của mình như cũ – họ thuộc loại nhìn nhận về Obama một cách tiêu cực và chua chát. Nhưng có cả những người khác cho rằng đây là một cơ hội tốt cho bà ấy.”

Obama huy động toàn bộ sức ép sân nhà. Hành động nhân danh ông, một danh sách dài các đảng viên Dân chủ nổi bật đều lên tiếng thúc giục Hillary nhận chức vụ ấy, và rõ ràng là Bill cũng sẵn sàng làm mọi việc cho điều ấy trở nên dễ dàng, bao gồm việc điều chỉnh các hoạt động từ thiện của ông và chia sẻ danh sách các nhà từ thiện của ông với đội ngũ Nhà Trắng mới. Tuy nhiên ông cũng nhạy cảm với những chỉ trích mà ông từng phải hứng chịu trong suốt chiến dịch tranh cử của bà. Trong khi nói rõ rằng bà nên nhận chức ấy, nhưng ông không gây sức ép.

Podesta trở thành con thoi liên lạc giữa Obama và Hillary. Ông ta đề nghị Hillary nhận chức vụ ấy trong những cuộc gặp mặt vào mùa hè 2008, chỉ để chứng tỏ cho bà thấy rằng Obama đã hạ quyết tâm về việc đó. Podesta nài nỉ Hillary đưa ra một lời hứa, và tư vấn cho Obama về chiến lược và chiến thuật buộc bà phải nói có.

Suốt một tuần, báo chí đăng tin bài liên tục xoay quanh câu hỏi liệu bà đã thật sự được đề nghị vào chức vụ đó hay chưa, liệu bà có nhận nó hay không. Phía sau hậu trường, các trợ lý của Clinton và Obama làm việc cật lực để có thể sắp xếp “ván cờ” này. Reines và Andrew Shapiro, một cố vấn an ninh quốc gia, nổi bật với kiểu chơi thí tốt, gián tiếp vận động hành lang cho Hillary. Sinh nhật Joe Biden sắp đến, sau mấy ngày nữa, họ nài nỉ bà gọi điện cho phó tổng thống đắc cử trước hai ngày, và khi hai bên nói chuyện trên điện thoại, Biden đã gây áp lực nhân danh tình bạn. Ông ta đã làm xong phần việc của mình. Emanuel cũng gửi đến bà Hillary lời thúc giục của riêng ông.

Nhưng, trong khi các đồng minh của Clinton thuộc nhóm tham mưu cấp cao của Obama khơi thông các kênh thuyết phục bà, thì nhiều thành viên còn lại trong nhóm lại do dự bởi triển

vọng của các nỗ lực đồng hóa vũ trụ của Clinton vào thế giới của Obama.

“Đa số mọi người, tôi không có ý nói đến các cấp cao nhất, những ai đã đóng góp khác nhau ít nhiều cho cuộc vận động bầu cử, có lẽ đều không hề nảy ra ý nghĩ rằng bà ấy và người của bà ấy sẽ trở thành một bộ phận trong Chính phủ mới,” một người phe Obama nói. “Hầu hết những người tôi biết đều không thích điều đó.”

Khi các cuộc chiến ngầm ngầm ấy nổ ra giữa những người muốn Hillary nắm Bộ Ngoại giao với những người không muốn điều đó, thì các tính toán lại chuyển hướng. Lúc đầu có vẻ Obama đã tiến đến rất gần chiếc cúp chiến thắng bằng cách lôi kéo Hillary gia nhập nội các gồm toàn các địch thủ. Nhưng, khi công luận hiểu ra mọi chuyện, thì rõ ràng đó sẽ là nỗi hổ thẹn với Obama nếu Hillary từ chối. Điều đó cũng có nghĩa là danh tiếng của chính bà cũng có thể chột tiêu tan – có thể các đảng viên Dân chủ sẽ có những phản ứng dữ dội nếu họ xem hành động từ chối là một nỗ lực có chủ đích của Hillary nhằm hại cựu đối thủ của bà.

Hillary đã phải để tâm đến những cái nhìn soi mói ấy kể từ lúc bà rời khỏi tổng hành dinh chuyển giao của Obama. Bà chỉ thị các trợ lý không được tiết lộ về lời đề nghị kia, sao cho nếu bà từ chối Obama, điều đó cũng không gây tai tiếng cho ai.

Suốt nhiều ngày liền, Hillary vẫn chưa quyết định. Bà vừa mới quen với ý nghĩ rằng hoạt động tiếp theo của bà phải là ở Thượng viện, nơi một người chơi với những quan hệ mới và sức mạnh chính trị có thể tạo nên sự nghiệp của một nhà lập pháp tầm cỡ, dù đã thất bại khi tranh cử tổng thống. Thật trớ trêu, hình mẫu ấy chính là Ted Kennedy. Những khác biệt về mặt văn hóa giữa phe Obama và phe Hillary đã đẩy lên những nghi ngờ nghiêm trọng về việc liệu họ có thể phối hợp với nhau hay không, và ngay cả các ứng viên từng xung đột nhau nhiều lần về đường lối chính sách ngoại giao suốt chiến dịch tranh cử. Dù họ có nhiều điểm chung hơn là khác biệt, nhưng sự tương phản giữa họ là có thật. Trong vòng đầu, Obama đã nhiều lần phê phán Clinton vì đã bỏ phiếu tán thành cuộc chiến tại Iraq. Clinton thì biếm họa chân dung Obama như một kẻ ngây thơ, bất lực khi phải đối mặt với các quốc gia hay gây gỗ như Iran.

Ngày ngày trôi qua, Hillary vẫn thiên về câu trả lời là không. Nhiều nữ cộng sự gần gũi nhất, kể cả Williams và Mills, đều giục bà từ chối sự đề nghị, như lời một cố vấn biết rõ cuộc thảo luận vào thời gian ấy cho biết.

Nhưng cũng có một lực lượng nòng cốt tận tụy nhỏ to hàng tuần lễ đã vận động bà nói có. Reines tháo gỡ từng nút thắt mà ông có thể để bà phải xem xét lại, rồi đề nghị những người khác hành động tương tự. “Nếu bạn nghĩ rằng bà ấy nên làm ngoại trưởng, tốt hơn là bạn hãy gửi e-mail cho bà ấy ngay, bởi bà ấy đang nói không đấy,” ông bảo một đồng nghiệp lúc đêm khuya.

Ellen Tauscher, một thành viên cao cấp của Ủy ban Quốc phòng Hạ viện, nằm trong số những người đã làm thay đổi quan điểm của Hillary vào những ngày cuối cùng trước khi quyết định được đưa ra. Là một thần đồng kỳ tài của Wall Street, rồi trở thành người gây quỹ của Đảng Dân chủ sau khi chuyển đến California với người sau đó là chồng bà, Tauscher đã chủ trì hai chiến dịch tranh cử đầu tiên của Thượng Nghị sĩ Dianne Feinstein vào Thượng viện. Khi bước ra tranh cử như một người ôn hòa kiểu Clinton, Tauscher đã đánh bại một thành viên Đảng Cộng hòa đương nhiệm để giành được một ghế Hạ viện của Vùng Vịnh khi Bill Clinton tái đắc cử năm 1996.

Với vóc người cao, hăng hái và mạnh mẽ như một quả tên lửa Trident, Tauscher kết bạn với đệ nhất phu nhân, và Hillary đã chuyện trò, giúp đỡ bà từ đầu đến cuối cuộc ly dị gay go với người chồng đã thú nhận ngoại tình, cùng thời gian Bill Clinton phải hầu tòa về vụ bê bối Monica Lewinsky. Sau khi Hillary giành được ghế ở Thượng viện, họ càng gần bó hơn khi cùng nhau làm việc về các hiệp ước quân sự với tư cách thành viên của các Ủy ban Quốc phòng tại Hạ viện và Thượng viện.

Tauscher tin rằng Obama, một người với kinh nghiệm hạn chế về chính sách đối ngoại, cần có những cục nam châm trong đội hình an ninh quốc gia của ông. Bà đã vận động Bộ trưởng

Quốc phòng Robert Gates tiếp tục tại vị sau khi chính quyền Bush ra đi, giúp Obama giải quyết cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan. Bà cũng xem Jim Jones, cố vấn an ninh quốc gia sắp tới, là bạn thân của mình. Với tư cách nữ Chủ tịch Tiểu ban Lực lượng Chiến lược, Tauscher không chỉ thích ý tưởng có được ba đồng minh tại Phòng Tình huống, mà còn cho rằng kỹ năng, sự tinh thông và các mối quan hệ trên thế giới của Hillary có thể giúp khôi phục uy tín trên thế giới vốn đã bị đập tan tã của nước Mỹ, cũng như tập trung vào việc soạn thảo các chính sách quan trọng mà chính quyền Bush đã bỏ qua. Hillary sẽ không cần mất nhiều thời gian để tăng tốc.

Tauscher gọi điện cho Hillary. “Bà phải nhận chức vụ này,” Tauscher nói. Hillary bật cười nắc nẻ như một thói quen và lấp bắp mấy lời phản đối. Nhưng sau đó, bà bắt đầu lắng nghe. Tauscher giải thích, rằng Hillary sẽ nâng cao giá trị cho đội hình an ninh quốc gia của Obama rất mau chóng, sử dụng duy nhất một Rolodex⁽²⁹⁾ phù hợp bởi chồng bà muốn tạo ra một lực đẩy đa chiều. Chính quyền Bush gần như đã trở nên thù địch với cả thế giới, kể cả các đồng minh lâu năm cũng như các đối tác chiến lược tiềm năng. Đặc biệt, Tauscher lưu ý, hiệp ước START⁽³⁰⁾ sắp hết hạn và nước Mỹ cần một siêu sao để hàn gắn mối quan hệ đã rách tả tơi với nước Nga. “Chúng ta phải biến nó thành hiện thực,” bà nói về công ước hạt nhân.

Tổng cộng, cuộc tấn công kéo dài 35 phút, và chính Tauscher mấy tháng sau đó sẽ phải nghe Hillary lặp lại những điều ấy, gần như đúng từng lời, khi Hillary đề nghị bà này rời Nghị viện để trở thành Thứ trưởng phụ trách việc kiểm soát vũ khí và các vấn đề an ninh quốc tế.

Hillary cũng hội ngộ với Melanne Verbeer, cựu trưởng ban nhân sự Nhà Trắng của bà, bên lề một sự kiện ở New York. Verbeer, từng điều hành tổ chức phi chính phủ Vital Voices (Tiếng nói Sự sống) chuyên hỗ trợ các nữ lãnh đạo trên toàn thế giới mà Hillary đã khởi xướng, đã thuyết phục bà nhận chức vụ ấy. Lissa Muscatine, người viết diễn văn kỳ cựu, cũng đề xuất tương tự. Tuy nhiên, nhiều lý do để chấp nhận lời mời vẫn không xóa đi hay loại trừ được mọi lý do để từ chối nó.

Kris Balderston, khi đang ngồi tại Sân bay quốc tế Baltimore-Washington đợi đón con gái từ trường trung học về nhà vào một buổi tối trong tuần ấy, cũng đã gõ trên chiếc điện thoại BlackBerry của mình một bức thư cho Hillary, nêu rõ các lập luận vì sao bà nên nhận chức vụ ấy. “Bà là một người thuộc ngành hành pháp, chứ không phải lập pháp,” ông viết, trên cơ sở niềm tin sâu sắc của Hillary vốn cho rằng những người Đảng Cộng hòa thường rất kiên nhẫn và những người Đảng Dân chủ thì ngược lại. “Bà đang thiếu kiên nhẫn.” Đó là một bức thư dài ít nhất một trang rưỡi.

Không chỉ có mình ông. “Mọi người đều gửi e-mail cá nhân đến cho bà,” một người trong nhà Clinton cho biết. “Như một đợt sóng dâng tràn.”

Ngày thứ Ba, 18 tháng Mười một, năm ngày sau chuyến đi của Hillary đến Chicago, các cố vấn hàng đầu của bà được triệu tập để thảo luận về việc từ chối lời mời của Obama thì sẽ thế nào. Để bảo đảm rằng điều đang treo lơ lửng trên đầu Hillary không bị tiết lộ với mọi người trong cuộc triệu tập, họ đã trao đổi nhanh về những gì bà sẽ nói công khai nếu nhận chức vụ ấy. Tất nhiên, nếu bà nói có, nó sẽ được trình lên để Obama ra tuyên bố. Điểm chung của “các con sư tử” trong cuộc triệu tập hai giờ là đều dành hết cho phương án “không.”

Williams, Mills, Reines, Jim Kennedy, Abe in, Bruce Lindsey – luật sư lâu năm của nhà Clinton – Doug Band và những người khác đều dự họp.

Reines đã dự đoán một cơ hội để trì hoãn việc ra quyết định của Hillary. Đội của Obama hiện vẫn trong quá trình rà soát những xung đột tiềm tàng có khả năng xảy ra giữa các hoạt động từ thiện của Bill Clinton với các trách nhiệm của ngoại trưởng. Nếu bây giờ bà ấy nói không, Reines lập luận, báo chí sẽ nói Bill thiếu tư cách cựu chiến binh.⁽³¹⁾ Bà nên đợi cho đến khi quá trình rà soát kia kết thúc đã, ông khuyên, thậm chí còn đề xuất phe Clinton nên nộp ra một bản in danh tính đầy đủ các nhà tài trợ của Bill Clinton, chứ không chỉ hội những người đóng góp hơn 200.000 đô-la mà phía Obama đã yêu cầu, và đem nộp cho bộ tham mưu chuyển giao.

Thoạt đầu Band phản đối ý tưởng đó. Trên thực tế, nói chung không hội từ thiện nào lại đi

tiết lộ danh sách các nhà tài trợ, và Band đã lo ngại một cách chính đáng về những chuyện đầu đầu tiềm tàng có thể phát sinh. Ông ta bèn tìm cách đi đường vòng, né tránh ý tưởng này, bởi lẽ “đó là một gợi ý hấp tấp,” một người có mặt nhớ lại. Đội của ông Bill “chưa hề sẵn sàng để lâm vào tình huống đó,” nguồn tin cho biết thêm. Nhưng cuối cùng, Band đồng ý.

Bản danh sách vượt quá dung lượng một trang Microsoft Excel khổ lớn, và Maura Pally, một người thân cận của Mills và là người trung thành với Hillary, đã phải đi taxi để giao tận tay cho phía Obama cái tờ in khổ lớn ấy. Mưu mẹo mang lại câu trả lời “có” tốn nhiều thời gian hơn một chút.

Đến thứ Tư, ngày 19 tháng Mười một, Hillary đã nghe được hết mọi tranh luận. “Bà ấy biết ai đang ở phía nào,” một trợ lý nói. “Những ai ủng hộ điều đó đều là vô tích sự hết!”

Bà đã cố gắng liên lạc với Obama để từ chối. Nhưng ông ấy không bắt máy. Có một lần, nhằm tránh sự từ chối, Emanuel đã nói với Hillary rằng Obama đang trong phòng tắm. Cuối cùng, khuya hôm đó, họ cũng nối máy được với nhau.

Xin hãy nói có, Obama nài nỉ. Tôi cần bà trong đội ngũ của tôi.

“Quả thực ông làm khó tôi quá,” bà nói.

“Tôi biết là nó khó cho bà,” Obama nói. “Nhưng tôi muốn bà đảm nhiệm vị trí này.”

Không, xin cảm ơn ông, Hillary bảo Obama, ít nhất đây là lần thứ ba bà từ chối.

Một lần nữa, Obama không chấp nhận lời chối từ. Nhưng ông nói rõ rằng mình sẽ không lặp lại yêu cầu thêm một lần nào nữa. Ông cần một câu trả lời. Nếu đó là không – thật sự là không – thì ông đành phải giao chức vụ ấy cho người khác. Ông cài chốt lên sức ép. Hãy đi ngủ cùng với nó và ngày mai hãy cho tôi câu trả lời cuối cùng, ông nói.

Rào cản chủ yếu đã được tháo gỡ: việc của Bill sẽ không còn là vấn đề, Obama đã tỏ rõ thiện chí sẵn sàng giúp Hillary thanh toán các món nợ trong chiến dịch tranh cử, và điều quan trọng là ông đã cam đoan rằng bà có thể lấp đầy Bộ Ngoại giao với người của bà, chứ không phải người của ông.

Khi màn đêm buông xuống, Reines vẫn chưa nhận được tín hiệu Hillary sẽ đổi ý. Ông đã phải chuẩn bị để sáng hôm sau gửi đi một thông cáo báo chí đặt dấu chấm hết cho vở kịch này.

Đến 8 giờ sáng, ông ta quay lại bàn làm việc của mình tại Thượng viện, nhìn chăm chăm vào hai cửa sổ máy tính: một thông cáo báo chí dạng Microsoft Word trên màn hình và một danh sách báo chí trên Outlook. Ông đã sẵn sàng tung nó cho các phóng viên ngay khi nhận cuộc gọi cuối cùng. Mặc dù Hillary đã chỉnh sửa sơ bộ cho bài viết, nhưng bà vẫn chưa ký vào đó. Mệnh lệnh vẫn chưa đến. Có một “khoảng mất sóng radio,” một cố vấn làm công việc liên quan đến thông cáo kể lại. Khi khoảng lặng hàng phút kéo thành hàng giờ, Reines bắt đầu sốt ruột, bồn chồn lo sợ rằng đã có chuyện gì đó xảy ra.

Ông ta đã đứng. Khoảng 11 giờ trưa, Maggie Williams gọi đến. Reines vội chạy vào văn phòng riêng của Hillary, ngồi xuống cạnh bàn và nói chuyện một cách kín đáo. Williams đã bảo Reines thả ngón tay khỏi nút giữ cuộc gọi.

Sáng hôm đó, Hillary đã gọi lại cho Obama.

“Thôi được, hãy bắt đầu thảo luận về những điều kiện tôi cần nếu tôi nhận công việc đó,” bà nói – một tín hiệu rõ ràng là bà đã chấp nhận chức vụ ấy.

Sự kiên trì của Obama được đền bù. Ông sướng run với quyết định của bà, ông nói với Hillary như vậy. Ông tin rằng họ sẽ làm nên một đội mạnh.

Nói cho cùng, Hillary nghĩ, bà cũng sẽ muốn Obama nói “có”, nếu như vị trí hiện nay của họ đảo ngược. “Điều cuối cùng mách bảo cho tôi phải làm thế, chính là khi tôi bắt đầu thật sự suy nghĩ thế này: giả sử tôi thắng, và giả sử tôi phải đối mặt cùng những cuộc khủng hoảng mà tổng thống đang phải đối mặt – hai cuộc chiến tranh đang tiếp diễn, một nền kinh tế đang suy

sự – và tôi muốn ông ấy có mặt trong nội các của tôi,” bà nói. “Tôi đã nghĩ rất nhiều về điều đó, tôi tin rằng ông ấy là người tốt nhất cho chức vụ đó, tôi đề nghị ông ấy, và ông ấy nói “không”; tôi sẽ cảm thấy thế nào?”

Lời kêu gọi phụng sự là một động lực mạnh mẽ. “Tôi quá thủ cựu và nghĩ rằng khi tổng thống của bạn yêu cầu bạn làm một điều gì đó, thì tốt nhất là bạn hãy có một lý do chính đáng để không thực hiện nó,” bà nói. “Tôi thích làm một thượng nghị sĩ. Tôi nghĩ tôi có thể là một thành viên thật sự hữu ích tại Thượng viện. Nhưng đây là điều ông ấy muốn tôi làm, và ông ấy cần một câu trả lời.”

4. Họ và chúng tôi

Ý định phụng sự của Hillary đã thắng thế. Tân tổng thống yêu cầu bà phục vụ đất nước, và bà đã không thể khước từ. Gác lại những điều không cần nói ra, ngoại trưởng là một bậc thêm hoàn hảo dẫn đến chức tổng thống, bốn năm tạm rời khỏi các cuộc tranh chấp chính trị trong nước đồng thời làm dày thêm kinh nghiệm về chính sách đối ngoại đầy thách thức.

Hillary có nhiều việc cần làm để khám phá các sắc thái của chính sách đối ngoại, để giành được lòng tin cùng sự tín nhiệm của cơ quan mới, của các đồng nghiệp trong Chính phủ và của các trợ lý mới mẻ trong một Nhà Trắng đầy quyền lực của Obama. Theo đuổi mô hình mình từng sử dụng khi còn là một thượng nghị sĩ lúc mới vào nghề, bà bắt đầu hái lượm vốn liếng chính trị bằng cách khiêm nhường và tự kiểm chế, bằng đạo đức công vụ và tài chỉ huy của bà đối với những vấn đề chủ chốt, vì bà thuộc về chức vụ ấy.

Kỹ xảo thiết lập mối quan hệ với các trợ thủ của Obama vẫn là việc gay cấn hơn cả, nhưng nó sẽ giúp tránh được một khởi đầu không may mắn. Đầu tháng Mười hai năm 2008, hai ngày sau khi tổng thống đắc cử giới thiệu đội hình an ninh quốc gia của ông tại một cuộc họp báo ở Chicago, tờ *Washington Post* đã đăng bức hình Jon Favreau, tay chuyên viết diễn văn mới 27 tuổi của Obama, đang cười toe toét và giả bộ bụm tay nâng phía dưới bầu ngực của bức hình ngoại trưởng sắp nhậm chức cắt từ bìa cac-tông. Đứng ở phía bên kia tấm hình Hillary là một chàng trai trẻ khác, hôn vào tóc bà và đưa cốc bia lên miệng bà. Nhóm Hillaryland từng kết tội Obama chơi trò “chính trị giới tính” trong quá trình vận động tranh cử, và bức hình này, lần đầu tiên được đưa lên Facebook, buộc hai phe vẫn đang đối chọi nhau phải liên kết lại với nhau, cả công khai lẫn bí mật.

Khi bức ảnh xuất hiện, các cựu binh chiến dịch của Obama và những phóng viên được phân công theo sát chính quyền mới đều đang ở quán bar The Hawk and Dove trên Capitol Hill dự một buổi liên hoan chúc mừng Robert Gibbs, người vừa được bổ nhiệm làm thư ký báo chí Nhà Trắng của Obama.

Các phóng viên tại quán bar may mắn không hay biết gì về chuyện xã giao tình vi diễn ra gần đây giữa đội của Obama và Clinton. Tommy Vietor, một trợ lý báo chí của Obama, tới gặp Reines để cố làm trung gian hòa giải trước khi bức hình kia làm đổ vỡ mối quan hệ Obama-Hillary vốn rất mong manh. Reines rời khỏi bàn ăn của mình để nhảy vào cuộc trao đổi với Vietor, Favreau và Jon Lovett, một cựu chuyên gia viết diễn văn của Hillary, người có thể sẽ tiếp tục làm việc cho Favreau tại Nhà Trắng. Đây là lần đầu tiên Favreau và Lovett nói chuyện với nhau.

Họ cùng cố gắng tìm cách tốt nhất để cải thiện tình hình – một dấu hiệu của cả hai thứ: tổ thiện chí đối với tay viết diễn văn trẻ tuổi mà cả hai bên đều ưa thích này, và sự nhận thức chung rằng câu chuyện kia sẽ chẳng có lợi gì cho ai. Favreau và Lovett giúp viết ra một bài báo xuyên tạc được phát đi dưới tên của Reines: “Thượng Nghị sĩ Clinton hài lòng nhận ra lợi ích hiển nhiên của Jon trong Bộ Ngoại giao, và hiện đang xem xét đơn xin việc của anh ta.”

Một Favreau đang bồn chồn tinh thần đã sốt sắng muốn tạ lỗi ngay. Trong khi anh ta đang cân nhắc cách lịch sự nhất để nói “Tôi lấy làm tiếc vì đã chạm vào ngực bà trong bức hình trên tấm bìa,” anh ta thấy một cuộc gọi nhờ. Kiểm tra lời nhắn, anh ta nghe thấy giọng của Hillary:

“Tôi vẫn chưa được xem bức ảnh ấy,” bà nói có vẻ hơi kịch, “nhưng nghe nói mái tóc của tôi có vẻ dài lắm.”

Favreau nhẹ cả người. Nếu Hillary không muốn xé to chuyện, thì cũng chẳng có ai khác cả gan làm vậy. Các đội Obama và Clinton đã cùng nhau biến một tình huống tiềm tàng sự căng thẳng thành chuyện tầm phào. Đó là thử thách đầu tiên về khả năng hợp tác của hai phe đối địch, và những trợ lý trẻ cứng đầu đã gác lại các dị biệt của họ, nhanh hơn mong đợi.

“Những chuyện nhỏ nhất đều chỉ như thế,” một trợ lý của Obama nói, “vì bạn luôn được giải tỏa bởi những người sẽ nói ‘mấy tay ấy không phải toàn là dở hơi cả đâu’, mà ngược lại là khác.”

Đoạn bổ sung của bài báo mà Favreau thảo ra cho Reines thậm chí còn chế giễu sự căng thẳng có thật xung quanh việc Hillary có quyền đưa những người trung thành của bà vào Bộ Ngoại giao. Lời hứa đơn giản ấy của Obama với Hillary, dù rất quan trọng để lôi kéo bà tham gia Chính phủ, đã gây ra nhiều va chạm về nhân sự của cả hai đội nhiều hơn so với bất kỳ lý do nào khác trong suốt năm đầu tiên của bà ở Bộ Ngoại giao. Trong một nước cờ dứt khoát, vị tổng thống được bầu đã loại bỏ đa số người của mình ra khỏi các chức vụ khi có tranh giành tại Bộ Ngoại giao ở khu láng giềng Foggy Botton của Washington, và ông cũng cam đoan rằng Hillary được quyền ban thưởng cho cả một số nhân vật không có cơ hội thăng tiến từ chiến dịch của bà, dù đó là người chưa bao giờ thật sự nhiệt tình với Obama và không được đội của ông tin tưởng.

Nhưng ông lại để cho lời cam kết ấy đủ mơ hồ – nó không được khắc sâu vào đá hay ký kết bằng máu – để làm cái cớ cho tranh chấp giữa các trợ thủ Nhà Trắng của ông với đội của Hillary rằng lời hứa ấy ngụ ý chính xác điều gì. Chẳng hạn, Obama giữ lại cho mình quyền bổ nhiệm các cấp phó, đứng thứ hai sau ngoại trưởng ở Bộ, và các đại sứ tại những nước lớn. Các trợ lý của ông cũng tin tưởng họ vẫn sẽ kiểm soát được quá trình này bằng cách thu hẹp danh sách những người có triển vọng ngồi vào các chức vụ đặc biệt.

Hầu hết các trận đấu diễn ra giữa người được ủy quyền của Hillary là Cheryl Mills và cố vấn của Obama là Denis McDonough. Nếu cần, họ đệ trình các tranh luận tới Obama và xin một giải pháp. Nhà Trắng hy vọng loại trừ những người trong Hillaryland nào đó bằng cách xóa họ khỏi danh sách được chọn, theo lời một quan chức cao cấp của Bộ Ngoại giao, người vẫn theo dõi chặt chẽ quá trình này. “Cuộc đụng độ đầu tiên là Nhà Trắng cho rằng họ sẽ gửi danh sách ứng viên sang cho Hillary và bà sẽ chọn người chỉ từ bản danh sách ấy,” vị này nói. “Cheryl cự lại: ‘Không, chúng tôi có toàn quyền tự chủ,’ dẫn đến xung đột đầu tiên giữa những người khổng lồ.”

Chính McDonough cũng có mặt trong phòng khi Obama hứa với Hillary rằng bà có thể chọn bộ máy nhân sự riêng của mình, nhưng điều đó không ngụ ý Nhà Trắng dễ dàng từ bỏ việc sắp xếp người của Obama vào Bộ Ngoại giao hay việc bác bỏ những người đáng ghét trong Hillaryland. Có những ví dụ cho cả hai việc ấy, nhưng đều là các trường hợp ngoại lệ. McDonough nhanh chóng nhận thấy rằng Mills không hề ngăn ngại gì mà không nhắc lại lời hứa của tổng thống khi đối mặt những quan chức nhân sự của Nhà Trắng. Căng thẳng là đương nhiên, Mills nghĩ, và cô tán thành việc ràng buộc McDonough vào đó, mỗi khi giải thích cho các quan chức Nhà Trắng vì sao Bộ Ngoại giao không phải chịu những hạn chế của họ. Hai người bắt đầu lên lịch cho bữa điểm tâm Chủ nhật hằng tuần, thường là tại quán Tastee Diner cho người thu nhập thấp ở Silver Spring, Maryland, ngoại ô Washington. Nếu họ bị lỡ buổi nào, thì họ phải bồi thường món cà phê (cho McDonough) và món sô-cô-la nóng (cho Mills). Việc thường xuyên phải ngồi lại với nhau cho thấy quy mô và cường độ các cuộc tranh chấp nhân sự buổi đầu trong chính quyền này.

Việc sắp xếp nhân sự ở Bộ Ngoại giao đã tặng cho Hillary cơ hội đầu tiên sửa chữa những quyết định nhân sự sai lầm vốn góp phần phá hỏng cuộc đua vòng đầu của bà. Suốt mùa hè ấy, bạn bè của bà đã kiên trì bảo cho bà biết và nhấn mạnh rằng bà đã quá thành thật và quá khoan dung đối với những trợ lý vốn không xứng đáng với chức vụ mà họ được giao phó suốt chiến dịch kia, những mối quan tâm bề ngoài của họ đi ngược lại mối quan tâm của bà với tư cách một ứng viên, hoặc sự bất lực của họ trong việc phối hợp với những người khác đã gieo mầm thất bại. Tại Bộ Ngoại giao, bà khép lại kịch bản âm vang từ chiến dịch của mình, nhưng vẫn đặt niềm tin vào một nhóm nội bộ nhỏ đầy nhiệt huyết vốn đặt lòng trung thành với bà lên trên hết. Những tay đánh thuê trong chiến dịch, nhiều trong số đó là kẻ dày dạn từ những năm Bill từng là cái đích thu hút các mối quan tâm của riêng họ, giờ Hillary không để tâm đến họ nữa, họ không còn thích hợp với kế hoạch của bà tại Bộ Ngoại giao. Thay vào đó bà tập hợp quanh mình một nhóm nhỏ các cố vấn thể hiện hoàn hảo nhất rằng họ có thể hiến tế chính

mình cho bàn thờ thắng lợi của bà.

Hillary giao cho Mills quyền sắp xếp nhân sự trong Bộ Ngoại giao, để cô hòa trộn hai vai trò quan trọng nhất là sắp nhân sự và cố vấn thành một nền tảng quyền lực duy nhất. Được mọi người kính trọng vì năng lực và lòng trung thành với Hillary kèm theo những cú huých cùi chỏ sắc nhọn của cô, Mills có thể nắm vững việc quản trị và điều hành của Bộ, cũng như một số vấn đề chính trị nhạy cảm.

Từng là một cô nhóc ngổ ngáo trong quân đội và tốt nghiệp ngành luật ở Stanford, năm 33 tuổi Mills là trợ lý trong văn phòng tư vấn Nhà Trắng khi cô bên vực Bill Clinton suốt vụ việc Thượng viện buộc tội ông. Trải qua đủ các loại bẽ bối của Clinton vào những năm 1990, lòng trung thành, sự chín chắn và tác phong luật sư của Mills đã thu hút sự chú ý của Hillary, và Mills đã gắn chặt mối liên hệ giữa họ với tư cách là một cố vấn về mọi mặt trong chiến dịch tranh cử tổng thống. Joe Lockhart, thư ký báo chí của Nhà Trắng dưới thời Bill Clinton, đã mô tả Mills là “tiếng nói mang sức thuyết phục” trong chiến dịch của Hillary. Tính hay tranh luận của cô trong vai trò luật sư đại diện và trợ lý khá giống quá trình Hillary được đào tạo: như một luật sư và một cố vấn làm việc trong quá trình Hạ viện luận tội Richard Nixon, và có lẽ cô còn bộp chộp hơn cả Hillary hay nói thẳng. “Ngoại trưởng Clinton muốn bạn là một người cùng đội, nhưng bà ấy muốn trực tiếp nghe nó từ bạn,” Lockhart nói. “Và bà ấy biết chính xác điều ấy từ Cheryl.”

Được một trong các trợ lý chiến dịch của Hillary mô tả như một “thủ quân,” và một trong những người hâm mộ cô ở phe Obama gọi là một “con chó dữ,” Mills có cá tính rất mạnh. “Hãy nói với ông ta rằng tôi sẽ gọi lại,” một lần Mills nói khi Bill Clinton cố gắng liên lạc với cô. “Tất cả chúng tôi đều cố giúp Cheryl,” một trợ lý cấp cao của Bộ Ngoại giao dưới quyền Hillary nói. Quả thật, cô là một người lãnh đạo hoàn hảo trong số bộ ba trợ lý – nổi tiếng ở Bộ Ngoại giao như “bộ tam mã” – những kết luận cuối cùng của họ về các chủ đề lớn thường được xem là “phúc âm” của Hillary.

Rất lâu trước khi có sự chuyển đổi, “Nhân tố Huma” – một cách gọi bắt chước “Nhân tố Hillary” từ những ngày ở Nhà Trắng – đã trở thành một thuật ngữ tóm gọn tầm ảnh hưởng mà Huma Abedin, nữ trợ lý riêng đáng tin cậy nhất của Clinton, đạt được tại Foggy Bottom. Chỉ sinh trước Chelsea mấy năm, Huma đã làm việc tại Nhà Trắng trong giai đoạn cuối của chính quyền Clinton và trở thành nhân vật tinh hoa của Washington với tư cách một trợ lý cấp cao cho Hillary tại Thượng viện. Theo cách nói ở Washington, một người nam hay nữ gần gũi nhất với một nhân vật quan chức, người sẽ cất nhắc anh ta hay cô ta từ chỗ này sang chỗ nọ một cách đúng lúc, luôn có đủ những tiện nghi mà anh ta hay cô ta cần đến – nào điện thoại, son môi, nước rửa tay – và luôn bên gót người mà anh ta hay cô ta thân cận. Huma có hết thảy những phẩm chất đó và còn hơn thế. Cô ta đòi can dự vào tất cả những việc mà ngoại trưởng làm, theo một nguồn tin của Bộ Ngoại giao cho hay. “Không ai nói không với Huma, ngay cả Clinton,” nguồn tin ấy cho biết.

Abedin lúc đó đang đắm chìm trong mối quan hệ với Anthony Weiner, Nghị sĩ New York khu vực Brooklyn, một người kết hợp mái tóc đen, vẻ đẹp Nam Á với đôi mắt nâu cùng những tài năng chính trị và một vẻ hấp dẫn tinh tế hiếm có. “Cô ấy giống những gì anh có thể tưởng tượng về nàng Scheherazade,” một bạn tâm giao của Hillary nói. “Cực kỳ lộng lẫy – trông xa lạ mà đẹp lộng lẫy. Và trớ trêu thay, cô ấy là một trong những người dễ thương nhất và ngọt ngào nhất mà bạn có thể gặp. Cô ấy làm ra vẻ khoác bộ mặt con bướm bằng sắt vậy,” người bạn thân này nói. “Cô ấy thuộc kiểu nhân vật mà người ta luôn nghĩ đến.”

Không phải ai cũng mê tít Huma. Đặc biệt, một số thành viên bộ máy nghiệp vụ Bộ Ngoại giao nhìn Huma như người khó gần, phù hợp cho tiệc tùng nghi lễ, hơn là một người thân mật với các đồng nghiệp mới. Họ cũng cảm thấy Huma không sẵn lòng hợp tác với mình.

“Cô ấy sẽ không thật sự liên hệ với bạn khi chuẩn bị một dự án cho ngoại trưởng hay lên kế hoạch một chuyến công du, nhưng sau đó cô ấy chợt đến vào phút cuối để nói ‘mọi người làm quá dở, nhưng tôi sẽ chỉnh sửa’, sau đó cô ta làm vài điều gì đó, rồi nói rằng mình đã hoàn

thành việc đó cho ngoại trưởng, và tất nhiên sẽ được tín nhiệm vì điều đó,” một quan chức hạng trung kể. “Đây là kiểu của cô ấy. Tôi biết điều đó, vì nó đã từng xảy ra với tôi, và tôi biết nó cũng xảy ra với nhiều người khác.”

Sự có mặt của cô gây ra căng thẳng, bởi cô can thiệp vào cả các chủ đề trọng yếu mà cô không đủ trình độ hoặc kinh nghiệm để hiểu, và cô luôn gần gũi với Clinton một cách đáng xấu hổ. Hillary thì tin tưởng cô như một thành viên gia đình và nâng đỡ cô thành một thế lực trong Bộ. Hồi đó, cô hiếm khi rời xa Hillary quá một sai tay, và được chọn làm sếp phó của nhóm lập kế hoạch, thấp hơn Mills một bậc. Nếu có ai đó có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Hillary về lòng trung thành thì đó phải là Huma.

Nhân vật thứ ba trong bộ tam mã là Jake Sullivan, 32 tuổi, vốn đã định quay về quê nhà tại Minnesota. Nhưng cuối tháng Mười một, Mills đã gọi điện và đề nghị anh tham gia đội công tác Thương viện của Hillary, một công việc đòi hỏi anh dấn sâu vào kế hoạch chuyển giao của bà. Sullivan nói với bạn bè rằng anh muốn thiết lập lại các chỗ dựa của mình tại Minnesota với hy vọng sẽ có ngày tham gia một cơ quan đại chúng, nhưng rồi anh đã chọn đề nghị của Mills để theo đuổi sự nghiệp chính trị của mình.

Đôi mắt xanh và nước da mai mái, mái tóc nâu mỏng lòa xòa trước trán, nhìn nghiêng Sullivan có cái dáng cao gầy như Obama, trông anh nổi bật giữa đám các cố vấn đủ loại của Hillary vì rất giống một quan chức Bộ Ngoại giao trường phái Ivy League truyền thống. Anh ta như không hòa mình vào sự tôn sùng cá nhân đặc trưng của những người thuộc Hillaryland, trong đó có nhiều trợ lý cấp cao, chẳng hạn như Madonna, được biết đến với chỉ một cái tên đơn giản: Huma, Philippe, Capricia; hoặc đôi khi thậm chí chỉ bằng các chữ cái đầu trong tên của họ. Chẳng hạn, Reines được gọi là PIR, Mills là CDM, và Marshall là CPM. Hillary tất nhiên cũng có một cái tên toàn chữ cái, như Ellen DeGeneres, người dẫn talk-show trên truyền hình, phát hiện trong một cuộc phỏng vấn vào năm 2005.

“Tôi nên gọi bà thế nào? Tôi có thể gọi bà là thượng nghị sĩ được không?” DeGeneres hỏi.

“Cứ gọi tôi là HRC,” Hillary đáp.

Sullivan thì không bao giờ được gọi bằng chữ cái – mà chỉ là Jake – nhưng Hillary rất tin tưởng ở óc xét đoán và tính thận trọng của anh. Anh đã giành được ảnh hưởng trong đợt tranh cử vòng đầu, và sau đó tại Bộ Ngoại giao, bởi lẽ trực giác chính trị và sách lược của anh như tấm gương phản chiếu của Hillary. Dù cho các cố vấn của Hillary còn tranh cãi chưa ngã ngũ xem đó là sự giống hệt nhau tự nhiên hay một sự bắt chước tuyệt diệu, nhưng không ai nghi ngờ việc Hillary đánh giá anh rất cao về năng lực nắm bắt suy nghĩ và tiếp tục suy luận theo kiểu của bà dù có rất ít chỉ dẫn cần thiết.

Quả thật, Sullivan đã hoàn thành chức trách soạn thảo tài liệu cho Hillary chạy đua đường trường với Obama trong các năm 2007 và 2008 một cách cực kỳ ấn tượng, đến nỗi phe Obama đã vận động anh nhập cuộc hỗ trợ Obama đấu trí với John McCain vào mùa thu đó. Trong những cuộc họp ấy, nơi mà các nhân vật tai to mặt lớn phải ngồi nghe huấn luyện, Sullivan chỉ lẳng lẳng soạn lời đáp cho các câu hỏi có thể nảy sinh khi tranh luận, và làm cây bút vô danh say mê lao vào chiến dịch của Obama. Tại Bộ Ngoại giao, anh được xếp ngang hàng với Abedin, làm phó ban chính sách, về sau chuyển sang Vụ Kế hoạch Chính sách, cơ quan đầu não nội bộ, và thường tóm tắt cho các phóng viên về những vấn đề chính sách quá phức tạp mà ngay cả bộ phận truyền thông của Hillary cũng khó nắm bắt.

“Jake làm mọi việc vì bà ấy,” một trợ lý cấp cao của Obama giải thích. “Bạn có thể tới gặp Jake về vấn đề riêng tư, vấn đề chính sách hay vấn đề truyền thông. Jake luôn là một đối tác hữu ích, và tại Washington một nhân vật không thể thiếu như thế sẽ có thể đi lên.” Không chỉ được giao cho bao quát phạm vi rất rộng các vấn đề, Sullivan còn có thể phát ngôn thay cho Hillary. “Khi nói chuyện với Jake, bạn sẽ nhận ra rằng anh ấy được Hillary hoàn toàn tin cậy,” một trợ lý Nhà Trắng cho biết. “Dù là chủ đề nóng bỏng đến đâu trong ngày, bạn đều có thể đến gặp Jake.”

Những vị trí này, vốn không cần đến sự bổ nhiệm trực tiếp từ tổng thống hay được Thượng

viên phê chuẩn, lại đóng một vai trò rất quan trọng trong một đội ngũ gần 200 vị trí chính trị được bổ nhiệm tại Bộ Ngoại giao, đa phần trong số đó đều thuộc quyền Hillary, theo lời hứa của Obama. Những “cựu binh” trong Hillaryland thường mô tả hoạt động của bà – dù trong Chính phủ, trong một chiến dịch chính trị, hay trong hoạt động từ thiện – như các vòng tròn đồng tâm trung thành. Chỉ một mình Hillary được nhìn thấy đầy đủ mọi khía cạnh của các mạng lưới chính thức và không chính thức của bà, gồm các bạn bè, gia đình, nhân viên và các cố vấn bên ngoài, nhiều người trong số đó thường gửi e-mail trực tiếp cho bà. Thông tin được phân loại triệt để và chảy đến nơi cần thiết, khiến cho đa số các cố vấn của bà chỉ có duy nhất một ô cửa sổ hạn hẹp để nhìn vào bên trong chiến lược và các hoạt động của bà.

Quyền lực không chính thức, có được từ cảm tình của Hillary, còn quan trọng hơn rất nhiều so với quyền lực chính thức của một chức danh cụ thể. Vì Hillary đã ở Washington gần hai thập kỷ, hầu như những người mới đến khó giành được sự tin cậy mà các trợ lý kỳ cựu của Hillary đã xây đắp trong nhiều năm. Sullivan là ngoại lệ, vì anh ta mới chỉ xuất hiện trên chính trường từ đợt vận động tranh cử 2008. Nhưng những người gần gũi nhất với Hillary tại Bộ Ngoại giao nhìn chung đều đã quen thuộc với những khuôn mặt vốn được tin tưởng để có thể tiếp cận các thông tin nhạy cảm, cũng như được giao phó các nhiệm vụ chính trị. Điều đó đúng đối với đa số các đời ngoại trưởng, nhưng những người tiền nhiệm của Hillary thường có một đội ngũ thân tín nhỏ gọn hơn nhiều, và cũng không bổ nhiệm hàng loạt. Ngoại trưởng mới có thể có tới cả tá người mới. Vì đã có lời hứa của cá nhân Obama, nên Hillary tận dụng quyền ấy để bổ nhiệm các trợ lý chính trị.

Reines, người phát ngôn Văn phòng Thượng viện, từng bị Doyle gạt ra bên lề trong chiến dịch tranh cử và chỉ tháp tùng Chelsea Clinton, được chỉ định làm cố vấn cấp cao đảm nhiệm điều hành quan hệ báo chí của Hillary. Thêm vào đó, Hillary cũng nhận Melanne Verweir, trưởng bộ phận nhân sự tại Nhà Trắng, làm đại sứ phụ trách các vấn đề phụ nữ toàn cầu, với một văn phòng được đánh dấu bằng chữ “S”⁽³²⁾ để biểu thị rằng văn phòng này trực tiếp nằm dưới sự chỉ đạo cũng như ngân sách từ ngoại trưởng. Tương tự, Hillary cũng lựa chọn trong danh sách và bổ nhiệm kiến trúc sư Kris Balderston phụ trách một văn phòng mới về các đối tác toàn cầu – bản sao của Bộ Ngoại giao theo Quỹ Sáng kiến Toàn cầu Clinton, cơ quan thu hút rất nhiều nguồn đóng góp cũng như chuyên gia từ các cơ quan trong và ngoài Chính phủ nhằm giải quyết các vấn đề quốc tế.

Hillary cũng bị chỉ trích, cả từ bên trong lẫn bên ngoài, về việc sử dụng các cơ quan kiểu “S” để bổ nhiệm các đại sứ đặc biệt, các đặc phái viên và đại diện, cũng như các cố vấn cấp cao, những người dùng quyền lực một cách quyết liệt để phá vỡ thói quan liêu trong những vấn đề đa dạng mà Hillary quan tâm. Chính mô hình này, được một số người tiền nhiệm Bộ Ngoại giao sử dụng, đã trở thành tiêu chuẩn tác nghiệp cho cả Nhà Trắng, nơi đã xây dựng những đội ngũ về kinh tế và an ninh quốc gia đến hàng trăm người trung thành với tổng thống và đảm nhiệm những công việc không yêu cầu sự cho phép của Thượng viện.

Cách xây dựng đội ngũ nhân viên của Hillary phản ánh những bài học từ đợt vận động tranh cử, đặc biệt với những người có thể gây khó khăn hoặc rắc rối. Vì nhiều lý do, các cố vấn năng nổ, nhiều tham vọng đã khiến phòng tác chiến trong chiến dịch tranh cử bị mất lòng – Mark Penn, Howard Wolfson và Phil Singer nằm trong số đó – và Hillary đã không đưa họ theo sang Bộ Ngoại giao. Thậm chí, trong đợt tranh cử giai đoạn sau vào mùa hè và mùa thu năm 2008, Hillary đã loại bỏ một số trợ lý như Penn trước khi bà quyết định tới Foggy Bottom. Trong khi một số cố vấn gần gũi và gần bó, gồm cả Tamera Luzzatto, trưởng bộ phận nhân sự của Thượng viện và Maggie Williams, trưởng nhóm vận động bầu cử, lại lựa chọn không đi cùng Hillary vào Bộ Ngoại giao, nhưng bà vẫn đem theo được một số người vốn đã phục vụ mình một cách đặc lực cả khi bà ở Thượng viện và trong cuộc vận động bầu cử.

Trung tín nhưng khôn khéo, Hillary hứa hẹn ngầm với một số bạn bè cũ để vừa thu hút được trí tuệ và tin tức của họ, vừa tách họ khỏi cơ cấu ra quyết định của bà. “Bà ấy luôn có quanh mình một đội ngũ hết sức mạnh mẽ, thông minh và trung thành,” một người kỳ cựu trong Hillaryland nhưng không giữ chức ở Bộ Ngoại giao cho biết. “Thì thoảng chúng tôi phải chỉ ra

‘Người này có nên đặt vào vị trí này hay không, hay người kia có chuyển sang vị trí khác hay không?’ Bạn phải đưa ra lựa chọn dứt khoát, và tôi nghĩ bà ấy đã được chuẩn bị để đưa ra những lựa chọn dứt khoát tại Bộ Ngoại giao – chắc chắn bà ấy cũng sẵn sàng đưa ra những lựa chọn dứt khoát sắp tới nếu bà ấy đã quyết định làm gì.”

Nhưng khó khăn trong các quyết định lựa chọn nhân sự chưa thấm vào đâu so với những thách thức gấp vạn lần mà Hillary gặp phải trong quá trình chuyển sang công việc chính thức tại Bộ Ngoại giao. Bằng mệnh lệnh ngắn gọn, bà cần gây dựng một phong thái lãnh đạo kết hợp những người trung kiên của Đảng Dân chủ với những nhà ngoại giao kỳ cựu không theo đảng phái, xóa nhòa đi các khác biệt thế nhị của chính sách đối ngoại, vạch kế hoạch để hiện thực hóa tầm nhìn của Obama đối với thế giới, và bắt đầu xây dựng các quan hệ với những nhân vật chủ chốt trong nhóm an ninh quốc gia của tổng thống – những người có thể trở thành đồng minh quan trọng hậu thuẫn cho Bộ Ngoại giao.

Hillary bước vào giai đoạn chuyển giao trong khi đối mặt với bốn thách thức có liên quan chặt chẽ với nhau.

Thứ nhất, tổng thống đã chọn bà, như ông đã nói, vì bà là người xuất sắc nhất để đại diện cho Hoa Kỳ trước các quốc gia khác, góp phần quan trọng cho nỗ lực khôi phục vị thế siêu cường của nó trên trường quốc tế. Tổng thống George W. Bush theo đuổi cuộc chiến Iraq, các chính sách trong việc đối xử với những kẻ bị giam giữ, cùng những ngôn từ quá khích của ông ta đã khiến lòng cảm thông của cộng đồng quốc tế với nước Mỹ sau sự kiện khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001 biến thành nổi oán giận. Các chỉ số đánh giá Bush tụt thảm hại tại nhiều nơi trong thế giới Ả-rập và Hồi giáo: tại Pakistan, một đối tác chủ chốt trong cuộc săn lùng Al Qaeda, chỉ số tín nhiệm về vai trò chỉ đạo chính sách đối ngoại của ông ta chỉ còn 7% trong năm cuối nhiệm kỳ; chỉ số này cũng ở mức tồi tệ trong hầu như toàn bộ khu vực Trung Đông, với 11% tại Ai Cập, 7% ở Jordan và 2% tại Thổ Nhĩ Kỳ. Với các đồng minh lâu đời của Mỹ tại châu Âu, chỉ số ấy cũng chẳng hơn gì: Bush chỉ giành 16% tại Anh và 13% tại Pháp.

Thứ hai, bà phải gây dựng lại ảnh hưởng của Bộ Ngoại giao trong Chính phủ Mỹ, một kế hoạch đòi hỏi những bước vận động không chỉ từ tổng thống, mà còn từ giới quân sự và CIA, những thế lực hầu như đứng ngoài các tác động của Bộ Ngoại giao dưới thời Bush, về cả ngoại giao lẫn các chính sách phát triển (nhất là về việc phân bổ các nguồn viện trợ Mỹ). Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld và Ngoại trưởng Colin Powell hiếm khi có chung tiếng nói, và mối quan hệ của Rumsfeld với Condoleezza Rice cũng chẳng khá hơn. Với cảnh bất hòa giữa lãnh đạo hai cơ quan, các nhân viên thuộc cấp cũng không được khuyến khích xoa dịu những căng thẳng tự nhiên giữa các nhà ngoại giao và giới quân sự.

Thứ ba, bà phải giành được sự tín nhiệm và chấn chỉnh ý thức cho gần 70 nghìn người tại Bộ Ngoại giao và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), nhiều người trong số đó cảm thấy bị o ép sau nhiều năm đóng vai trò thứ yếu trong lĩnh vực an ninh quốc gia. Các đời ngoại trưởng trước hẳn đã dễ thực hiện chương trình nghị sự của mình hơn nếu bộ máy quan liêu hỗ trợ họ, và sẽ khó hơn rất nhiều nếu đội ngũ thường trực gồm các quan chức dân sự và ngoại giao xa lánh họ. Hillary cần các cộng sự trung thành để thực thi các kế hoạch của mình.

Thứ tư, cũng là điều quan trọng nhất, nếu ra tranh cử tổng thống vào năm 2016, bà cần phải củng cố vị thế của mình tại Mỹ, một nhiệm vụ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng thực hiện ba nhiệm vụ nêu trên của bà. Một số trợ lý của bà tranh luận kịch liệt về vấn đề liệu có cần đánh bóng vị thế của Hillary vào thời điểm đó hay không – điểm tín nhiệm của bà đã tăng lên kể từ cuối đợt tranh cử trong Đảng Dân chủ – nhưng những cuộc khảo sát ý kiến dư luận thường không cho kết quả chắc chắn, và những kết quả mà bà đạt được từ việc ủng hộ Obama cũng như tham gia phe của ông ta có thể dễ dàng mất đi nếu như người Mỹ cho rằng bà không xứng tầm đảm nhiệm vai trò là người đứng đầu ngành ngoại giao của nước Mỹ.

Một trong những cuộc vận động đầu tiên của bà trong giai đoạn chuyển giao là giành cảm tình của Đại tướng David Petraeus, kiến trúc sư của chiến lược trấn áp quân nổi dậy tại Iraq thành công và mới nhận nhiệm vụ đứng đầu Bộ Tổng tham mưu, một đơn vị thuộc Lầu Năm

góc, phụ trách cả Iraq và vùng Afghanistan-Pakistan. Tại vị trí đó, Petraeus sẽ có tiếng nói quan trọng đối với toàn thể chính sách của Mỹ tại Afghanistan và Pakistan – nơi Đại úy Richard Holbrooke, tâm phúc của Hillary, có thể được cử làm đại diện của Bộ Ngoại giao. Dù họ có mối quan hệ tốt trong gần như suốt thời gian Hillary ở Thượng viện, và Petraeus là người bảo trợ cho Tướng Jack Keane – người bạn quân nhân thân nhất của Hillary – nhưng bà cũng đã khiến tình bằng hữu giữa họ rạn nứt trong một cuộc điều trần về Iraq tại Ủy ban Quốc phòng Thượng viện năm 2007, thời điểm cuộc vận động tranh cử tổng thống bắt đầu nóng dần. Bà tin rằng Petraeus và Đại sứ Ryan Crocker đã cung cấp cho Ủy ban này bản báo cáo được tô hồng quá mức về thắng lợi của các chiến dịch tại Iraq. “Tôi nghĩ những bản báo cáo mà các ông cung cấp cho chúng tôi thật sự đòi hỏi người ta phải đặt ra nghi vấn,” bà nói. Hillary và Petraeus vẫn có những liên lạc rời rạc trong một năm kế tiếp, nhưng mối quan hệ thì hầu như đã nguội lạnh.

Hillary đã cân nhắc ưu tiên cho việc hàn gắn mối quan hệ này. Petraeus thường ở Florida, nhưng khi ông đến Washington vào cuối năm 2008, khoảng cuối tháng Mười một hoặc đầu tháng Mười hai, bà đã mời ông về nhà riêng tại Whitehaven Street. Petraeus hiểu điều gì đang diễn ra. Hillary muốn hòa giải vì cần sự giúp đỡ của ông. Họ ngồi nhấm nháp rượu vang bên cạnh lò sưởi, và Hillary đã mời ông quay lại vào tối hôm sau, bà cũng đã mời cả Holbrooke, một cựu nhân viên ngoại giao từng giúp việc trong quá trình đàm phán Hòa ước Dayton⁽³³⁾, chấm dứt cuộc chiến tại vùng Balkans thời Bill còn là tổng thống. Hai người đàn ông này chưa từng biết nhau, nhưng qua buổi tối đó, Petraeus phát hiện ra rằng họ có thể nhanh chóng làm việc với nhau ăn ý. Petraeus là một quân nhân có học vấn cao, còn Holbrooke là một nhà ngoại giao kiểu cổ điển, họ khá tương hợp ngay từ đầu. Cả hai đều là những người đàn ông có nhiều ý tưởng. Dù họ không cùng nhau xem xét mọi chuyện, thì họ vẫn có thể bổ sung cho nhau bằng năng lực trí tuệ mạnh mẽ.

Hillary mở thêm một chai vang, cả ba ngồi quanh lò sưởi. Đó là những ly rượu xã giao, những giây phút để hiểu nhau hơn giữa Petraeus và Holbrooke, người mà Hillary đã chọn để đề nghị tổng thống bổ nhiệm làm đại diện đặc biệt tại Afghanistan và Pakistan. Trong vai trò đó, ông ta sẽ phải thiết lập quan hệ đối tác với Petraeus nhằm xây dựng các kế hoạch quân-dân sự cho khu vực, gập gờm các quan chức của hai nước đó cũng như các chỉ huy Mỹ để thực hiện ý tưởng này.

Hillary thân thiện chia sẻ với Petraeus cả về mặt chính sách và tình bạn. Khoảng giữa tháng Hai năm 2010, bà bị kẹt tại Jedda, Ả-rập Xê-út, vì máy bay gặp trục trặc. Petraeus, khi ấy đang ở Riyadh gần đó, đã đổi hướng bay đến đón Hillary về Mỹ. Trên chuyến bay, Hillary tranh thủ tìm hiểu thông tin từ Petraeus về khu vực mà Bộ Tổng tham mưu giám sát, một khu vực trải dài 20 quốc gia từ Ai Cập ở phía tây đến tận Pakistan ở phía đông, và từ phía bắc là Kazakhstan đến phía nam là những vùng bờ biển Somalia. Qua chuyện trò họ đều chia sẻ với nhau rằng đã mệt mỏi vì những chuyến đi. Vì thế Petraeus, trong tư cách một quân nhân và một quý ông lịch sự, đã nhường Hillary chiếc giường của ông ta tại khoang sau của máy bay. Khi Hillary đã yên ổn ngã mình trên chiếc giường đó, ông ta cũng đặt mình xuống sàn máy bay ngay bên cửa khoang. Bà đã giành lại được thiện cảm của ông.

Ban đầu, Holbrooke hy vọng sẽ trở thành thứ trưởng ngoại giao, nhưng phe Obama không thể tha thứ cho ông ta vì đã có những thông điệp mang tính đe dọa đối với các chuyên gia chính sách đối ngoại trong đợt vận động tranh cử khi ông ta thề là sẽ không bao giờ có chỗ cho họ trong chính quyền Hillary nếu họ ủng hộ Obama. Thay vào đó, Obama đã chọn Jim Steinberg, một cựu cố vấn an ninh quốc gia thường trực dưới thời Clinton, người đã tham mưu cho Obama trong cuộc tổng tuyển cử. Steinberg, lúc đó là hiệu trưởng Trường Hành chính Công Texas, khi đang cùng cháu gái dự bữa tiệc sinh nhật vào một ngày tháng Mười một, thì Obama gọi điện và đề nghị ông ta nhận công việc. Thất vọng vì không được bổ nhiệm làm cố vấn an ninh quốc gia, Steinberg đã đề nghị tổng thống nhượng bộ: Hãy cho tôi một vị trí thường trực tại các cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia. Điều này bảo đảm cho ông ta không bị loại khỏi các tiến trình hoạch định chính sách ở cấp cao. Nếu Hillary okay, thì tôi cũng

okay thôi, Obama nói. Hillary thích ý tưởng đó, vì sự hiện diện của Steinberg có nghĩa là Bộ Ngoại giao có được hai ghế tại diễn đàn an ninh quốc gia, và Steinberg chấp nhận vị trí thứ hai bởi những mối quan hệ chặt chẽ lâu năm với những người trung thành của nhà Clinton.

Một ngày đầu tháng Mười hai, Hillary ngồi cùng Steinberg trong một căn hộ tại Central Park South, hướng về phía một khu vườn có vòi phun nước và sân chơi trải dài từ phía bắc trung tâm của Manhattan đến rìa nam của khu Harlem. Bà sử dụng căn hộ đó cho hàng loạt các cuộc gặp cá nhân với các cố vấn cũng như các nhân viên tiềm năng suốt mùa thu và mùa đông. Địa điểm đó cho phép bà gặp họ một cách kín đáo, tránh sự soi mói của cánh phóng viên đang cố lũng sục xem ai đang tìm kiếm công việc ở Bộ Ngoại giao. Căn hộ đó cũng có một bầu không khí ấm cúng tạo ra cảm giác thoải mái thân tình. Khi các vị khách bước ra khỏi thang máy, nhân viên mật vụ – đặc quyền dành cho cựu đệ nhất phu nhân – sẽ hướng dẫn khách đi vào cửa bên phải. Bên trong, với vai trò chủ nhà, Hillary vừa pha trà vừa lên kế hoạch thực hiện tầm nhìn đối ngoại của Obama. Căn hộ được trang hoàng với những bức ảnh gia đình Clinton, và Hillary luôn giữ một phong thái tự nhiên, nhất là khi ở trong phòng ăn nhìn ra khu công viên mờ ảo trong tuyết... Qua nhiều năm, Steinberg vẫn nghĩ căn hộ ấy thuộc về gia đình Clinton. Nhưng không phải. Nó thuộc về Doug Band.

Suốt ba tiếng đồng hồ, chiều đã chuyển sang tối, họ đã có khoảng thời gian mà Steinberg nhớ đến như “cuộc trò chuyện rất dài, rất vui, chúng tôi chia sẻ với nhau niềm phấn khích khi nhận công việc mới này, những cơ hội và những người mà chúng tôi muốn làm việc cùng, cũng như đề nghị họ làm việc cho Bộ Ngoại giao, và cách chúng tôi muốn sử dụng thời gian, hay cách để chúng tôi hiểu được vai trò của nhau.” Hillary vẫn chưa biết chính xác ai sẽ ngồi vị trí nào, nhưng bà có ý tưởng rất rõ về việc muốn ai giữ các vị trí cấp cao, chương trình nghị sự của bà sẽ như thế nào cũng như những sức mạnh nào mà bà có thể mang đến cho những vị trí đó.

Tất cả đã cho thấy hai mục tiêu chính bà muốn thực hiện tại Bộ Ngoại giao: phục hồi vị thế của Mỹ trên trường quốc tế, và đưa lý thuyết “quyền lực thông minh” vào chính sách đối ngoại của Mỹ. Thuật ngữ này được Joseph Nye, quan chức Lầu Năm Góc dưới thời Clinton đưa ra, nó là cách nói vắn tắt về phương thức gây ảnh hưởng lên các quốc gia khác, kết hợp “quyền lực rắn” truyền thống – hay sức mạnh quân sự và các lệnh cấm vận kinh tế, với “quyền lực mềm” – khả năng thuyết phục các quốc gia khác thay đổi cách hành xử thông qua việc đưa ra chính sách “củ cà rốt” trợ giúp về kinh tế hay chính trị. “Quyền lực thông minh không phải là cứng hay mềm,” Nye đã viết vào năm 2004. “Nó là cả hai.” Biến đổi căn bản về mặt văn hóa sang quyền lực thông minh và việc sử dụng đồng thời các công cụ quyền lực rắn và mềm để gây ảnh hưởng lên một quốc gia tất nhiên sẽ cần thời gian. Cách tiếp cận toàn diện và tinh tế trong mối quan hệ với các nước khác thường không ngay lập tức có kết quả. Đối với những người ngả theo quyền lực mang tính cứng rắn, cách tiếp cận này về ngắn hạn có vẻ yếu đuối. Vẫn có cảnh ai đó tại Nghị viện làm ầm ĩ lên yêu cầu Nhà Trắng có những hành động mạnh mẽ hơn với một địch thủ, bất chấp việc áp dụng quyền lực theo cách đó có khi phản tác dụng.

Cấp bách hơn, Hillary dằn vặt với câu hỏi làm thế nào để bù đắp tổn thất mà Bush đã gây ra cho thanh danh nước Mỹ. “Trên thế giới đã có rất nhiều nghi vấn về cách thức nước Mỹ sử dụng sức mạnh của mình cũng như duy trì sức mạnh đó,” Steinberg nói. “Tôi nghĩ rằng, khát khao mạnh mẽ về khả năng tạo dựng hình ảnh một nước Mỹ khác cả trong lẫn ngoài nước là mục tiêu tối thượng của bà ấy. Tôi thấy bà ấy nhận thức được điều đó, bởi với tính cách và kinh nghiệm của mình, bà ấy là người đặc biệt thích hợp để phát đi thông điệp về một nước Mỹ kiểu khác, một nước Mỹ bảo vệ lợi ích quốc gia mình nhưng cũng tính đến những mối quan tâm và quan điểm của các quốc gia khác.”

Bằng cách đó, các mục tiêu nhằm sử dụng cách tiếp cận quyền lực thông minh và việc tái lập vị thế nước Mỹ trùng khớp nhau một cách hoàn hảo. Mỹ sẽ tăng cường ảnh hưởng của mình lên thế giới qua việc tranh thủ các cơ hội trong quá trình thu hút các quốc gia khác tham gia các quan hệ đối tác thương mại, đầu tư, nhân đạo và các liên minh quân sự. Đặc biệt, ngay từ những ngày đầu, Hillary đã tin rằng điều có ý nghĩa sống còn là mối quan hệ với các nước ở tất cả các cấp độ, từ cao nhất đến thấp nhất. Các lãnh đạo chính trị có trách nhiệm với người dân nước mình, do đó việc quan hệ với công chúng ở cấp cơ sở có thể thúc đẩy khả năng của Mỹ

trong việc gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác.

“Hillary đề cập ở mọi cuộc họp rằng ưu tiên trước hết và trên hết là làm thế nào khôi phục vị thế của Mỹ trên chính trường thế giới? Làm gì để đạt được điều đó? Và làm thế nào để tối cổ thể tiếp cận không chỉ với các chính phủ mà còn với người dân các nước, để có thể chuyển tải thông điệp và tầm nhìn của chúng ta về tương lai, về những cam kết của Tổng thống Obama và cá nhân tôi đối với những giá trị mà chính nhờ đó người ta đã đề cao nước Mỹ?” nguồn tin từng tham dự các cuộc họp giai đoạn chuyển giao cho biết. “Dù đó là những mục tiêu trên hết hay ẩn sau mọi thứ, đó luôn là những điều lớn lao nhất mà bà ấy theo đuổi.”

Để Hillary có các hoạt động hiệu quả trên bình diện toàn cầu cũng như trong chính phủ Mỹ, bà cần Bộ Ngoại giao được sắp đặt cẩn thận. Thậm chí khi thảo luận hợp tác với Steinberg, Hillary cũng bắt đầu khoanh vùng ông ta lại. Steinberg là một nhà tư tưởng thiên phú trong lĩnh vực quan hệ công chúng và đối ngoại, nhưng lại kém trong việc quản lý những công việc thường nhật. Thay vì phải đảm nhiệm tất cả những sự vụ của một thứ trưởng ngoại giao, Hillary nói với ông rằng công việc của ông nên chia thành hai phần. Nghị viện đã phê chuẩn vị trí thứ trưởng thứ hai vào cuối nhiệm kỳ chính quyền Clinton, nhưng Bush đã không sử dụng vị trí đó. Giờ đây Hillary dự tính bổ nhiệm thêm Jack Lew, một chủ ngân hàng ở Wall Street, người từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc văn phòng ngân sách Nhà Trắng trong nội các của Bill Clinton. Là người Do Thái giáo Chính thống có lòng tận tâm và nhiệt huyết với việc công, Lew có thể sánh ngang Steinberg, nếu Hillary có thể thuyết phục ông ta từ bỏ công việc rất hấp dẫn tại Citigroup. Steinberg sẽ là thứ trưởng về chính sách đối ngoại và Lew sẽ là thứ trưởng phụ trách quản lý và ngân sách.

Tuy nhiên Lew không phải là lựa chọn hàng đầu của Hillary cho vị trí mới đó. Bà đã định dành nó cho Wendy Sherman, cánh tay phải của Albright tại Bộ Ngoại giao. Nhưng Sherman đã từ chối. Còn Lew từng hy vọng được bổ nhiệm chức chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia (NEC: National Economic Council) trong chính quyền Obama. Nhưng khi Tim Geithner được bổ nhiệm làm bộ trưởng Tài chính, thì Larry Summers, cựu bộ trưởng Tài chính của Clinton đã nắm vị trí đứng đầu NEC. Geithner đã mời Lew đến để bàn bạc về vị trí thứ trưởng Tài chính, và lúc Lew quay về văn phòng, lại nhận được tin nhắn từ Hillary về việc mời ông ta về Bộ Ngoại giao. Rahm Emanuel phản đối việc Lew về Bộ Tài chính, không phải vì những cân nhắc cá nhân, mà bởi ông này lo lắng rằng việc một giám đốc điều hành Citigroup lại đi nắm giữ công việc giải cứu Wall Street thì xem ra không hay cho lắm. Một tuần sau khi nói chuyện riêng rẽ với Geithner và Hillary về các vị trí thứ trưởng còn trống, Lew đã chấp thuận đề nghị của Hillary.

So sánh với vai trò của Sullivan trong việc xây dựng chính sách đối ngoại với tư cách thứ trưởng về nhân sự và Lew đảm nhiệm quản lý ngân sách, thì vị trí thứ trưởng của Steinberg đã bị chia thành nhiều mảnh nhỏ hơn. Hillary nói với Steinberg rằng, Holbrooke nên được bổ nhiệm làm đặc phái viên về Afghanistan và Pakistan, một vị trí mà về mặt kỹ thuật có thể báo cáo trực tiếp cho cả Obama và Hillary. Điểm nóng chính của thế giới sẽ do Holbrooke đảm nhiệm, vì thế ít nhất Bộ Ngoại giao cũng có ảnh hưởng nhất định trong việc định hình chính sách cho khu vực được gọi tắt là Af/Pak này.

Bà cũng muốn George Mitchell, cựu lãnh đạo Thượng viện, đảm nhiệm chức vụ đặc phái viên Trung Đông để xử lý xung đột giữa Israel và Palestine; và muốn Dennis Ross, một gương mặt kỳ cựu tại Washington, là cố vấn cấp cao cho mình về Iran. Nếu Steinberg cảm thấy bị đe dọa bởi một đội hình hạng A mạnh mẽ của Hillary đang được hình thành trước mắt mình, ông ta cũng sẽ không thấy phiền hà vì điều đó. Nhiều năm sau, ông ta vẫn khẳng định rằng mình rất hoan nghênh việc Lew chịu trách nhiệm về ngân sách, gọi đây là quyết định tốt nhất về nhân sự của Hillary tại Bộ Ngoại giao. Các cố vấn thân cận nhất của bà vẫn quả quyết rằng Hillary nên chào đón Steinberg và không nên phân nhỏ công việc mới của ông ta để chia phần cho những người được ưu ái. Nhưng bằng chứng thể hiện rõ ở kết quả – lãnh địa dành cho vị thứ trưởng mới đã hẹp hơn rất nhiều – những trợ lý theo sát cả quá trình cho biết.

“Công bằng mà nói cách làm này lại có hiệu quả. Nhưng tôi không nghĩ đó là chủ ý nhằm giảm bớt quyền lực của Jim. Jim và Jack rất hợp nhau, cả Jim và Jake cũng vậy,” một quan chức

cấp cao Bộ Ngoại giao cho biết. “Nhưng rõ ràng Jake là người của Hillary còn Jim thì không. Hillary muốn có người của bà ấy, và khi họ tới, lĩnh vực hoạt động của Jim nhỏ đi.”

Về cơ bản, dù họ có làm việc với ông ta, lượn quanh ông ta, hay tranh cãi công khai với ông ta hay không, các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao vẫn nhận ra rằng Steinberg có thể đã bị gạt ra rìa, một trợ lý khác của Hillary cho biết.

“Dù về nguyên tắc Jack phụ trách ngân sách và quản lý, ông ta cũng đảm nhiệm vị trí cấp phó phụ trách vấn đề Af-Pak và Iraq. Nhiệm vụ của ông ta chủ yếu là công tác phát triển, phần công việc mà lẽ ra [Steinberg] cũng liên can,” một quan chức Bộ Ngoại giao cho biết. “Vai trò của Jake là để bảo đảm rằng Jim không phải là quan chức cuối cùng phụ trách về chính sách sẽ bàn bạc với HRC, cũng như để bảo đảm rằng các phát biểu về chính sách sẽ không bị Jim chi phối.”

Hillary cũng có những thay đổi quan trọng đối với vị trí thứ trưởng chủ yếu trong phạm vi những người thân cận của bà, chứ không phải cố ý gạt bỏ Steinberg, nhưng thực tế lại đã trở thành như thế. Dưới thời Bush, thứ trưởng có quyền hành đối với đội ngũ nhân viên hạng S ở hàng chục văn phòng và chỉ dưới quyền ngoại trưởng. Nhưng khi Hillary tiếp quản, bà đã đặt các thứ trưởng mới ra ngoài chuỗi quyền lực, đồng nghĩa với việc những người trung thành kỳ cựu của bà được bổ nhiệm để quản lý các văn phòng đó, gồm Capricia Marshall và Melanne Vermeer, và họ không phải báo cáo với ai ngoài bà.

Việc sử dụng các đặc phái viên, các đại diện đặc biệt và các cố vấn cấp cao không có gì mới, nhưng so với những người tiền nhiệm, Hillary dường như hiểu rõ hơn về việc dùng họ thế nào để khơi thông sự trì trệ tại cơ quan mà bà sắp tiếp quản. Với việc cho họ tiếp cận trực tiếp ngoại trưởng cũng như các quyết định dứt khoát của Hillary, những trợ lý này có thêm quyền lực để có thể nhanh chóng đưa chính sách vào thực thi thông qua một bộ máy mà lâu nay những thay đổi thường bị chặn bởi các rào cản quán liêu. Những chức vụ này, giống như bộ máy nhân sự của Hillary, không yêu cầu phải được Thượng viện thông qua, nhưng vẫn có rủi ro cho uy tín của Hillary nếu một người đại diện đặc biệt nào đó của bà phá vỡ thỏa thuận hòa bình. Tuy nhiên, những nhà ngoại giao có tên tuổi vẫn dành cho Hillary một khoảng an toàn nhất định: nếu Holbrooke và Mitchell thất bại trong việc giải quyết một cuộc xung đột, thì họ chứ không phải bà sẽ là người phải đứng mũi chịu sào trong việc dùng những người mới chưa có tên tuổi.

Trong những cuộc nhóm họp với các nhân sự hàng đầu, bao gồm Steinberg, Mills, Sullivan và Rich Verma – một đồng minh mới đến từ Hạ viện, Hillary gây áp lực buộc họ phải tìm cách khôi phục hình ảnh nước Mỹ. Bà biết rất rõ, ngay từ những ngày đầu tiên, rằng hình ảnh và niềm tin của bà là những tài sản chính trong việc xây dựng bộ máy nhân sự tại Bộ Ngoại giao, cũng như trong sự tương tác của bà với các đồng nghiệp thuộc nội các của Obama, và quan trọng nhất đó là trong việc tái lập vị thế nước Mỹ trên trường quốc tế.

“Chắc không có ngoại trưởng nào khác có thể thuyết phục được Richard Holbrooke và có lẽ cả George Mitchell làm việc cho họ,” một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao cho biết. Điều này cũng đúng với Lew, người đã chấp nhận đảm nhiệm vị trí thấp hơn so với chức vụ trước đây với tư cách một quan chức trong Chính phủ, nhưng vẫn hết sức trung thành với nhà Clinton dầu biết rằng mình có thể đảm nhiệm một chức vụ cao hơn tại Bộ Ngoại giao.

Việc xây dựng đội ngũ nhân viên cấp cao khiến Hillary mất nhiều công sức vì một số nguyên nhân.

Thứ nhất, nhiệm vụ đại diện cho bộ mặt của nước Mỹ tại nước ngoài đòi hỏi bà phải đi lại liên tục và phải ủy quyền cho các cố vấn thân cận quản lý hầu hết các công việc thường nhật. Các bộ trưởng tiền nhiệm đã trở thành nạn nhân của những cam bẫy mà Hillary đang cố tránh. Thất bại của Albright trước các quan chức thâm niên tại Bộ Ngoại giao cho thấy bà ấy đã phải chiến đấu chống lại bộ máy quán liêu, thay vì huy động họ vào việc ủng hộ các mục tiêu của mình. Còn Condoleezza Rice thì đã sa lầy vào không biết bao nhiêu cuộc khủng hoảng trong khi có nhiều vấn đề khác phải quan tâm. “Trong gần tám năm qua, chúng tôi đã phải tập trung vào các mối đe dọa, đó luôn là một phần trong chính sách đối ngoại, nhưng chính sách đối ngoại

của chúng ta không thể chỉ có thế,” một quan chức cấp cao tham gia quá trình chuyển giao cho biết.

Thứ hai, những nhân vật quan trọng như Lew đã thúc đẩy mối quan hệ giữa Bộ Ngoại giao với Nhà Trắng và các cơ quan khác, điều này giúp vai trò của Hillary được nâng cao không chỉ trong quá trình ra quyết định mà còn cho thấy cách dùng người mới của bà nhằm khôi phục ảnh hưởng của Bộ Ngoại giao.

Thứ ba, trong mô hình hoạt động của Hillary, thông tin được phân loại rất kỹ và các tuyến thẩm quyền thường được truyền qua các kênh không chính thức hơn là qua các kênh quan liêu chính thức, do đó cần đến năng lực vận dụng quyền lực thực tế mới vận hành được. Bà ấy cần những người thân cận, những người có thể thực thi ý chí của bà.

Suốt những phiên họp tại căn hộ ở Manhattan, Hillary đã ghi chú rất nhiều hồ sơ pháp lý, chúng sẽ thành một công cụ hỗ trợ quan trọng cho bà trong bốn năm tại Bộ Ngoại giao. Tuy nhiên, khi bà cân nhắc bổ nhiệm các vị trí, những chi tiết trong thỏa thuận của Obama cho phép bà đưa người vào Bộ Ngoại giao đã luôn là điều khiến các trợ lý của tổng thống dè dặt phải lẩn tránh, và đôi khi điều đó cũng thuận tiện cho bà. Khi nói chuyện với Bob Hormats, Giám đốc điều hành của Goldman Sachs và là người bạn lâu năm của gia đình Clinton, Hillary bảo ông rằng bà không thể đề cử ông giữ chức Thứ trưởng như đã dự định. “Tôi phải giành giật từng chức vụ với Nhà Trắng,” bà nói, “vì đây vốn là những vị trí phải do tổng thống bổ nhiệm.”

Hillary đã bắt đầu xem xét các nhân sự tài năng mà bà được kế thừa. Theo truyền thống đối với các vị tân ngoại trưởng, bà và đội ngũ của mình làm việc tại một dãy phòng tạm ngay tầng trệt, nơi các quan chức đương nhiệm của Bộ Ngoại giao có thể yết kiến bà, nhằm tránh những bất tiện cho ngoại trưởng mới khỏi phải đi một vòng khắp các phòng ban. Bà đã dẫn theo Sullivan tới đây một cách có chủ đích vào ngày 9 tháng Mười hai, tại đó bà đã gặp Bill Burns và Pat Kennedy cùng các quan chức khác.

Burns, thứ trưởng phụ trách chính trị và là quan chức cấp cao nhất phụ trách công tác đối ngoại, là người đầu tiên đón Hillary trong buổi giới thiệu. Burns là chuyên gia về Trung Đông và Nga, những nơi ông từng là đại sứ của chính quyền Bush. Ông có bộ râu quai nón bạc trắng được tỉa tót cẩn thận theo phong cách ngoại giao. Ông đã dành hai giờ để giới thiệu với Hillary về các vấn đề của thế giới và Hillary rất ấn tượng với phần trình bày của ông. Bà cũng hỏi ông về cựu Ngoại trưởng James Baker và trao đổi về những chi tiết mà bà nắm bắt được qua những gì ông đề cập. Chủ yếu Burns hy vọng giúp bà kết nối các vấn đề khác nhau trên thế giới và nhấn mạnh tầm quan trọng của một số vấn đề ưu tiên vốn luôn tồn tại khi phải đối mặt với các cuộc khủng hoảng xảy ra hằng ngày.

Ngoài vấn đề chính sách đối ngoại, Hillary cũng hỏi Burns về thể chế và nhân sự – một cách dò xét cho thấy sự khôn ngoan chính trị của bà. “Đó là những người phục vụ trong cả lĩnh vực đối ngoại lẫn dịch vụ công, nhiệt tình và có nhiều kinh nghiệm,” ông trả lời. “Chỉ cần để ý một chút bằng cách gặp hết mọi người khi họp chung tại hội trường lớn, và dạo một vòng thăm hỏi các quan chức cấp thấp, hay điều gì đó tương tự.” Ông ngạc nhiên một cách dễ chịu vì bà không chỉ nghe theo những lời khuyên của ông, mà còn kiên trì nỗ lực để giành được trái tim và khối óc của mọi người trong Bộ.

Hillary rất ấn tượng với Burns. “Tôi sẽ phải giữ lại ông ta,” bà nói với Sullivan.

Cũng tương tự với Pat Kennedy, thứ trưởng phụ trách quản trị, người đã trở thành một trong những nhân vật quyền lực nhất trong bộ máy ngoại giao nhờ tài quản lý vi mô và điều hành bộ máy quan liêu. Nếu một nhân viên của Bộ Ngoại giao muốn có một chiếc điện thoại BlackBerry hoặc các công văn điều động để thực hiện một nhiệm vụ cho Hội đồng An ninh Quốc gia, họ đều phải được Kennedy ký duyệt. Thường thì cách quản lý của ông ta khiến cấp dưới tức điên, nhưng ai cũng cần điều gì đó từ Kennedy, và ông ta cũng ban phát rất nhiều ân huệ suốt những năm qua. Hillary vẫn có ấn tượng với Kennedy từ hồi chồng bà còn đương nhiệm. Qua việc giữ lại Burns và Kennedy, tương ứng với những thiết chế được quý mến nhất và những thiết chế

của thiết chế, Hillary gửi đi thông điệp đến các nhân viên kỳ cựu tại Bộ Ngoại giao rằng quan điểm của họ luôn được lắng nghe, ngay cả khi bà bổ nhiệm người thuộc nhóm thân tín trung thành vốn là trợ lý nhân sự và trợ lý chính trị của bà để thực thi quyền lực hậu trường.

Trong khi Hillary cố gắng xây dựng đội ngũ và chuẩn bị cho phiên điều trần trước Thượng viện để được thông qua, Bill cũng điều chỉnh mọi hoạt động của mình để không làm ngăn trở công việc của bà. Doug Band đã giúp đàm phán và đạt được một bản ghi nhớ gồm năm trang giữa Bill Clinton và nhóm công tác phụ trách việc chuyển giao của Obama, trong đó giới hạn các hoạt động quốc tế của vị cựu tổng thống. Bản thỏa thuận đề ngày 12 tháng Mười hai; bốn ngày sau đó nó đã được ký kết giữa Bruce Lindsey, luật sư lâu năm của Bill Clinton và Valerie Jarrett, tâm phúc của Obama. Văn bản đề cập việc Bill sẽ công bố tên các nhà tài trợ cho Quỹ Clinton, tách Quỹ Sáng kiến Toàn cầu Clinton (CGI: Clinton Global Initiative) khỏi quỹ đó, tách Clinton ra khỏi vai trò người ủy thác chính thức của CGI, chấm dứt việc huy động tài chính cho CGI và không cho phép CGI nhận tiền từ các chính phủ nước ngoài trong thời gian vợ ông đang công tác tại Bộ Ngoại giao. Ngoài ra, Nhà trắng và Bộ Ngoại giao sẽ được xét duyệt lịch trình các phát biểu của ông. Một số trợ lý của Clinton rất khó chịu với những giới hạn mới áp dụng cho cặp đôi cựu đệ nhất nhà Clinton, cảm thấy rằng họ đã bị ép buộc phải chịu những giới hạn trên và dưới, điều mà chỉ nên quy định với người khác.

Trước phiên điều trần vài ngày, Hillary gặp Joe Biden – phó tổng thống được bầu, cựu chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Nghị viện, để tìm kiếm lời khuyên từ ông ta; bà cũng tranh thủ trao đổi với tất cả các cựu ngoại trưởng còn sống, từ Henry Kissinger đến Condi Rice. Khi có những tin đồn đầu tiên về việc Obama sẽ chọn Hillary, một số người thân cận với Rice đã bác bỏ điều đó, nhưng bản thân Rice bằng trực giác đã cảm nhận rằng điều này là sự thật. Bà đã gọi điện chúc mừng Hillary ngay sau khi có thông báo chính thức về lựa chọn của Hillary. Sau tám năm giữ vai trò cố vấn an ninh quốc gia và ngoại trưởng, Rice rất nóng lòng trao lại công việc cho người kế nhiệm để có thể quay lại môi trường học thuật tại Stanford. Rice đã gặp Hillary tại New York và mời Hillary ăn tối tại Watergate, một trong những địa danh chính trị nổi tiếng nhất Washington.

Hillary hiểu rằng tiến trình phê chuẩn của Nghị viện sẽ ít bị mắc mớ về hình ảnh của bà trong công chúng hơn là năng lực của bà trong việc kết nối với các đồng nghiệp cũ ở mức độ cá nhân. Bà cố gắng tiếp cận từng thành viên trong Ủy ban Đối ngoại Nghị viện, một động thái rất có giá trị nhằm giành được sự ủng hộ, cũng như xoa dịu những ý kiến đối lập tiềm tàng. Với một dấu hiệu tôn trọng – và cũng do còn những mối quan tâm lớn hơn đối với các vị trí cần bổ nhiệm khác – Nhà Trắng gần như đã để cho Hillary một mình thúc đẩy các nỗ lực để được phê chuẩn, chỉ để hai cố vấn an ninh quốc gia của Obama là Ben Rhodes và Denis McDonough dự phiên chuẩn bị cuối cùng của bà.

“Điều đầu tiên bà phải làm là xúc tiến các cuộc gặp nhĩ nhận, nhằm thu hút và kêu gọi sự ủng hộ của các thượng nghị sĩ, kiểu như, ‘Tôi có thể đến văn phòng của ngài để nghe ngài giảng giải về chính sách đối ngoại và những đặc quyền của Thượng viện, chỉ trong khoảng 45 phút được không?’ Và sẽ có nhiều người nói, ‘Tôi quá hiểu mọi chuyện. Tôi biết rõ từng thượng nghị sĩ này,’” một quan chức Nhà Trắng liên quan đến các vụ phê chuẩn đã kể lại một cách kín đáo. “Rõ ràng về mặt này, bà ấy rất quyến rũ. Bà ấy ứng xử một cách hoàn toàn chuyên nghiệp... Tôi nghĩ rằng ngay từ đầu bà ấy đã làm mọi chuyện rất tốt, kiểu như ta vẫn nói, ‘Mọi chuyện sẽ ổn thôi.’ Chúng tôi sẽ dõi theo bà ấy, nhưng chúng tôi sẽ không đi từ văn phòng này sang văn phòng khác với bà ấy, bởi lẽ chúng tôi cũng sẽ phải tham gia với các bộ trưởng khác được chỉ định vào nội các.”

Cuối cùng thì Clinton, người mà các trợ lý nói rằng đang bước sang giai đoạn được đánh dấu bằng sự “tái trời dậy của một Hillary phi chính trị,” chỉ cần thuyết phục các đồng nghiệp của mình rằng bà là một người đủ phẩm chất và trình độ trong phiên điều trần của Ủy ban Đối ngoại. Cho rằng sẽ có những đòn tấn công không mong chờ từ phía Bộ trưởng Tư pháp Eric Holder, Hillary đã dành thời gian vài tuần cùng các trợ lý của mình hối hả chuẩn bị cho sự kiện quan trọng tại Bộ Ngoại giao. Bà có hai mục tiêu chính, một người trong gia đình Clinton cho biết. “Một là, phát đi thông điệp về việc bà sẽ là một ngoại trưởng như thế nào và sẽ đương đầu

các vấn đề ra sao. Thứ hai là xử lý phần hỏi-đáp. Những câu hỏi hóc búa nhất sẽ là về tài chính và quỹ từ thiện.”

Không ai có thể đoán trước tương lai, và những lời hứa tại Washington đôi khi có thể tan thành mây khói, nhưng trong suốt thời gian công tác tại Bộ Ngoại giao, Hillary luôn nỗ lực theo đuổi lập trường và chương trình nghị sự mà bà đã nêu ra trong phiên điều trần một cách xuất sắc. Cho dù đó là dấu hiệu của một chiến lược thích hợp hay đó là sự cứng đầu, thì tính liên tục là không thể bác bỏ.

Trong buổi đọc diễn văn khai mạc, với Chelsea ngồi ngay ngắn sau lưng bà, còn Bill đang ở nhà cùng với mẹ của Hillary xem qua truyền hình, bà đã vạch ra khung chính sách đối ngoại cho Obama. Thay vì tạo ra một Học thuyết Obama, bà cho rằng tổng thống sẽ không có học thuyết nào cả trong việc xử lý quan hệ với các cường quốc khác. “Tổng thống được bầu và tôi tin tưởng rằng chính sách đối ngoại cần phải dựa trên sự kết hợp giữa các nguyên tắc và thực tế, không nên bị bó hẹp trong ý thức hệ,” bà nói. “Tôi tin rằng lãnh đạo nước Mỹ đã từng mong muốn như thế và vẫn tiếp tục theo đuổi điều đó. Chúng ta cần phải sử dụng thứ được gọi là “quyền lực thông minh,” đó là mọi công cụ mà chúng ta có sẵn – từ ngoại giao, kinh tế, quân sự, chính trị, pháp lý đến văn hóa – để chọn ra một công cụ hoặc một bộ các công cụ thích hợp với từng tình huống. Với quyền lực thông minh, ngành ngoại giao sẽ đóng vai trò tiên phong cho chính sách đối ngoại của chúng ta.”

Bà cũng chỉ ra lý thuyết về việc kết hợp sức mạnh quân sự, ngoại giao với phát triển, đặc biệt tại những khu vực nguy hiểm nhất trên thế giới. Cụ thể, bà khẳng định rằng, Mỹ có trách nhiệm cải thiện cuộc sống của người dân Pakistan và Afghanistan nhằm tạo cơ sở cho việc loại bỏ dần các mầm mống của Al Qaeda và Taliban. Bà đưa người nghe đi một vòng qua các vấn đề toàn cầu, tóm lược cách tiếp cận mà tổng thống có thể dùng trong mối quan hệ với Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, các quốc gia châu Phi, các đồng minh lâu đời ở châu Âu.

Điểm nhấn ẩn trong bài phát biểu là bà muốn tăng cường sự hiểu biết tại Bộ Ngoại giao, cũng như nhấn mạnh tới những hành động gây ảnh hưởng từ các tác nhân phi nhà nước – các tổ chức khủng bố, các phong trào chính trị và các nhóm xã hội – những nhân tố có thể mở ra cơ hội về các đối tác mới nhưng cũng có cả những tai họa tiềm tàng. Vào lúc “toàn cầu hóa” đã trở thành một mệnh lệnh, bà nói, “chúng ta đang sống trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ, trong đó các luật lệ và biên giới cũ không còn duy trì như trước được nữa – một thế giới có cả những hứa hẹn và hiểm họa của thế kỷ XXI không thể bó hẹp trong biên giới quốc gia hoặc những khoảng cách xa xôi.”

Trong phần hỏi-đáp, phần có thể biến không khí thành thù địch, nhóm của Hillary phải tính trước xem thượng nghị sĩ nào có thể sẽ đối địch với bà, và quyết định xem bà cần phải ứng phó ra sao với hàng loạt câu hỏi về cả chính sách đối ngoại lẫn các hoạt động quốc tế của Bill. Điểm cuối cùng này là ẩn số X cho nhóm của Hillary, dù vẫn còn nhiều khúc mắc khác cần phải giải quyết. Có thể các nghị sĩ sẽ muốn điều chỉnh quan điểm điều hâu của bà cho phù hợp hơn với các quy định chính sách của Obama. “Bà ấy không thể khiến tổng thống mất mặt. Bà ấy không được thể hiện theo kiểu đang cố gắng xây dựng chính sách đối ngoại của chính mình,” một trợ lý nói với tờ *Politico*. Tờ *New York Times*, vốn chưa bao giờ tỏ ra ủng hộ Hillary trên cương vị mới, cũng tung ra những lời nghi ngờ trên số báo Chủ nhật ngay trước phiên điều trần. Trong khi ủng hộ việc thông qua chương trình của Hillary, tờ *Times* lại đề nghị ủy ban phụ trách phiên điều trần phải kiểm tra “sự liên can rắc rối giữa vị trí mới của bà Hillary với các hoạt động từ thiện và công việc của chồng bà.”

Hillary mất sáu tiếng để giải đáp những câu hỏi nóng bỏng về các chủ đề đối ngoại rắc rối, từ Israel đến Iran. “Mỗi sáng tôi thức dậy không chỉ để suy nghĩ về những mối đe dọa và hiểm nguy mà chúng ta phải đối mặt,” Hillary trình bày với ủy ban. “Bất chấp những kẻ thù và các vấn đề phức tạp, ngoài kia vẫn có rất nhiều cơ hội cho nước Mỹ.” Lời tuyên bố đó giống một câu nói của Rice, người vốn nổi tiếng về việc chiết tự từ tiếng Trung Quốc để thấy từ *khủng hoảng* được cấu tạo từ các chữ mang nghĩa “sự đe dọa” và “cơ hội.” David Vitter, một đảng viên Đảng Cộng hòa bang Louisiana, được biết đến là một khách hàng của Quý bà D.C, lại cáo buộc

Bill đã đưa ra một “bãi mìn xung đột lợi ích trị giá hàng triệu đô-la”, và nói rằng ông ta sẽ không bỏ phiếu cho bà. Cuối cùng, chỉ còn mình Vitter không tán thành. Và ủy ban đã bỏ phiếu với tỉ lệ 16-1, khuyến cáo Thượng viện phê chuẩn việc bổ nhiệm Hillary.

Dù đã chuẩn bị rất kỹ, nhưng vẫn còn chút băn khoăn trong Bill về việc liệu bà có suôn sẻ vượt qua tiến trình bổ nhiệm hay không. Trong vòng chưa đầy một tuần trước khi được phê chuẩn chức vụ, một bữa tiệc cá nhân cảm động đã được tổ chức cho bà vào một buổi tối tại Phòng LBJ trên Capitol Hill, nơi các thượng nghị sĩ vẫn có buổi ăn trưa hằng tuần để thảo luận về chính sách, chỉ cách phòng họp của Thượng viện mấy bước chân. Hillary rơm rớm nước mắt, ôm hôn các đồng nghiệp, mỉm cười để chụp ảnh, và cảm ơn mọi người vì tình bạn và sự ủng hộ, đồng thời nhắc nhở rằng dẫu bà đã rời Thượng viện, bà cũng “chỉ ở quanh đâu đấy” tại Foggy Bottom.

Trong phần phát biểu ngắn gọn, cũng có Chelsea bên cạnh, Hillary nói với các đồng nghiệp rằng, thời gian phục vụ tại Thượng viện “là một trải nghiệm tuyệt vời trong cuộc đời tôi,” và việc phải chia tay họ cũng như “chia tay gia đình.”

Harry Reid – lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện, người ủng hộ ngầm cho Obama, từng tìm cách bác yêu cầu của các thượng nghị sĩ khi họ muốn vận động để Hillary được giao một vai trò quá sức tại Thượng viện – ghen ngào phát biểu bằng một giọng truyền cảm nổi tiếng, run run đứt quãng. “Chia tay bà thật sự là một nỗi buồn ngọt ngào, tôi đã có những kỷ niệm đẹp để về bà,” Reid nói, dẫu với những người trong cuộc thì rõ ràng những lời đó thật giả dối. “Tôi cảm thấy muốn khóc.”

Mắt của Hillary nhòe đi, chủ yếu vì bà phải rời Thượng viện sau tám năm công tác, hơn là vì những lời của Reid. “Đây không phải là lời chia tay,” bà nói “Đây chỉ là một bước đi, Harry... Chúng ta sẽ vẫn luôn nhớ đến nhau.”

Hillary không chỉ được biết đến nhiều trong các cuộc họp lãnh đạo, mà còn được chào đón tại các hoạt động bên ngoài. Các thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa như Susan Collins, Lindsey Graham, Bob Corker, Olympia Snowe, Johnny Isakson và John McCain cũng bày tỏ lòng tôn trọng bà, đánh giá cao tám năm công tác của bà tại Thượng viện. Trong buổi tiếp tân còn có sự tham dự của một số thành viên trong nhóm của Obama – bao gồm Rahm Emanuel, người đã từng làm việc trong chính quyền Clinton và là chánh văn phòng nội các mới của Obama; John Podesta và chồng mình là Larry Summers, cựu bộ trưởng Tài chính nay là cố vấn kinh tế cho Obama.

Các đồng nghiệp của Hillary lần lượt chia sẻ những câu chuyện của họ và chúc mừng bà. Chuck Schumer, Thượng Nghị sĩ New York nói rằng ông ta “hoàn toàn tin tưởng” nhà ngoại giao hàng đầu sắp tới, ông cũng dự đoán bà sẽ trở thành “ngoại trưởng xuất sắc nhất của quốc gia từ trước đến nay.” Đó không phải là thời điểm dễ dàng để Schumer bày tỏ sự lịch thiệp. Ông ta cũng bị các ống kính săn đuổi giống như Hillary, khi mà hiện tại ông ta là người đứng đầu đoàn đại biểu New York.

Hillary mỉm cười với các đồng nghiệp, nhanh chóng trở lại công việc và tuyên bố rằng mục tiêu của bà là tạo ra “một mối quan hệ thực chất giữa Bộ Ngoại giao và Nghị viện.”

“Chúng ta hãy cùng nỗ lực cho một tương lai tốt đẹp hơn,” bà nói. Đó cũng là điểm đặc trưng của Hillary: luôn hướng về phía trước, tích cực, với một chút tinh ranh.

Vào thứ Sáu, trước ngày nhận việc tại Bộ Ngoại giao, Hillary và Huma đã có một chuyến thăm để nhận bàn giao công việc tại Foggy Bottom. Rice và các trợ lý đã làm việc với nhóm chuyển giao của Bộ Ngoại giao thuộc chính quyền Obama trong suốt mấy tuần, và họ muốn bảo đảm rằng việc chuyển giao diễn ra suôn sẻ, không lặp lại tình trạng thù địch trong giai đoạn chuyển giao giữa Clinton và Bush tám năm trước. Có chuyện khôi hài là các nhân viên của Bush từng phải cố gắng để bảo đảm không xảy ra việc một trợ lý chính trị nào đó tháo tung bàn phím hay đổ rác ra văn phòng. Khi Hillary và Huma lên tầng bảy để gặp Rice vào thứ Sáu đó, các trợ lý của Rice ngay lập tức đưa ra hai nhận xét về ngoại hình. Hillary thì thấp hơn họ nghĩ,

còn Huma thì thật quyến rũ. “Huma kia,” một trợ lý của Rice thì thảo với một người khác trong sự kính nể.

Hillary gặp riêng Rice trong văn phòng, sau đó Rice dẫn bà đi gặp các nhân viên – một số người sẽ rời đi trong giai đoạn chuyển giao, số khác sẽ ở lại. Toàn bộ chuyến thăm kéo dài 90 phút và được mô tả là diễn ra trong bầu không khí rất ấm cúng và thân mật giữa Hillary và Rice. Những lần làm việc chung trong giai đoạn này, nhóm của Rice có một ấn tượng sâu sắc trong giao tiếp với Hillary: Hillary vẫn gọi những người trung thành của mình là “chúng tôi” và những người của Obama là “họ” – một nguồn thạo tin cho hay.

Ngày 21 tháng Một năm 2009, toàn thể Thượng viện bỏ phiếu phê chuẩn Hillary, với tỉ lệ 94/2. Khoảng một giờ sau, bà đã tuyên thệ nhậm chức, trở thành người có vị trí thứ tư sau tổng thống. Khi chính thức được phê chuẩn, Hillary đã tiến hành cắt đặt nhân sự như đã được hứa. Hàng chục trợ lý trung thành của gia đình Clinton từ các nơi như Nhà Trắng, Thượng viện, chiến dịch vận động tranh cử tổng thống, cho đến Ủy ban Hành động chính trị HillPac, lần lượt nắm giữ các vị trí trong thế giới mới của bà. Đề xuất của Obama là chỉ dấu về sự quan tâm cao độ của ông trong việc nắm được Hillary.

Nhưng, hầu hết thành viên trong nhóm của Obama vẫn ít có giá trị với Hillary cũng như với người của bà. Một phần do dư âm của cuộc chiến giữa Plouffe và Mills xung quanh việc giải quyết các khoản nợ của Hillary. Phần nữa là sự băn khoăn của nhóm mới gia nhập Nhà Trắng trước việc gia đình Clinton đặt mục tiêu cao nhất là phục vụ Obama và sau đó mới đến Hillary, trong khi tất cả họ đều đặt lòng trung thành với Hillary lên cao nhất. Điều tốt đẹp nhất mà Obama có thể hy vọng là Hillary giúp những người của bà hiểu rõ rằng trung thành với ông cũng có nghĩa là trung thành với Hillary. Một phần khác nữa, như một trong số các trợ lý của tổng thống nói, đó là “họ không hề đưa bất kỳ người nào của Obama vào Bộ Ngoại giao.” Sau sự cố Favreau với bức ảnh được cắt ra của Hillary, hai phe đã gắn bó với nhau trên tinh thần lợi ích đôi bên, nhưng phải mất nhiều năm để một số trợ lý của Obama có thể gần gũi với bà. Nói cách khác, cụm từ chúng-tôi-và-họ của Hillary không chỉ là cách đặt vấn đề một chiều.

“Nó giống như cuộc Nội chiến. Chúng tôi thuộc về miền Bắc và chúng tôi đã đánh bại các anh,” một trợ lý của Obama nói hồi tháng Một năm 2013 để bày tỏ thái độ về cách tiếp cận của phía Hillary. “Đó vẫn là cảm giác của rất, rất nhiều người, nhiều năm sau đó trong chính quyền. Tôi có thể nói là thậm chí đến tận hôm nay.”

Phần Hai

5. “Gặt hái những gì ta vun trồng”

Mùa xuân năm 2009, như thường lệ, nhóm phụ trách công tác kiểm tra của Obama tập hợp tại văn phòng của luật sư Nhà Trắng Greg Craig, một căn phòng được ốp gỗ nằm cuối tầng hai khu West Wing. Trong phiên họp vào giờ ăn trưa, một vài trợ lý cấp cao xem xét hồ sơ của 15 ứng viên xin việc. Ngày hôm đó, nổi bật lên là một cái tên đã gọi lại ký ức về chiến dịch tranh cử: Capricia Marshall.

Những người ở khu West Wing xem Marshall, người trung thành tuyệt đối với Hillary, là kẻ thù. Cũng giống nhiều phụ nữ quanh Hillary, Marshall nhã nhặn, có kỷ luật. Bà có nước da ngăm, mái tóc cắt ngắn lịch sự điểm vài sợi bạc, mang hai dòng máu Croatia và Mexico, thích chế độ tập luyện khắt khe P90X^[34]. Marshall quen biết nhà Clinton từ rất lâu và là một trong những người bạn thân thiết nhất của Hillary ở Washington kể từ khi trở thành thư ký Nhà Trắng trẻ nhất, sau cuộc vận động tranh cử của Bill năm 1992.

Khi ngừng tranh cử tổng thống vào tháng Sáu năm 2008, Hillary đã giao cho Marshall tiếp quản Ủy ban Hành động chính trị của bà, vào thời điểm một vài thành viên Đảng Dân chủ lo sợ Hillary có thể có nỗ lực cuối cùng tại Đại hội Đảng nhằm giành tấm vé ứng viên tổng thống. Sự thù địch giữa hai phe trở nên sâu sắc đến mức chân dung Hillary được dán đầy trên bảng thông tin tại văn phòng của nhóm lập kế hoạch cho Obama. “Họ có tất cả những bức ảnh chân thực của bà ấy,” một người đã nhìn thấy những bức ảnh nói. “Như trong một phòng thay đồ thể thao vậy.” Ngay cả khi cuộc bầu cử sơ bộ đã được định đoạt, Marshall vẫn được điều hành những dự án nhạy cảm, như tuyển người kiểm đếm số phiếu ủng hộ của các đại biểu dự Đại hội Đảng ở Texas để chắc chắn rằng Hillary có được thắng lợi công bằng. Tuy nhiên, với đám trợ lý của Obama thì tội lỗi nổi bật nhất của Marshall là bị xem như đại diện cho những kẻ đáng ghét ở Hillaryland.

Nhóm của tổng thống đã miễn cưỡng chấp thuận Cheryl Mills, người được Hillary chọn làm chánh văn phòng của bà; nhưng vẫn do dự về trường hợp chọn Philippe Reines làm cố vấn cấp cao. Họ đều là người của Hillary và vì thế sẽ hoàn toàn đặt dưới sự điều hành của bà. Nhưng Hillary lại chọn Marshall làm Trưởng ban lễ tân quốc gia, một vị trí ngang với đại sứ và luôn có một chỗ ngồi riêng trên chiếc Air Force One trong mọi chuyến công du nước ngoài của tổng thống. Người bạn thân này của Hillary sẽ không chỉ có nhiều thời gian làm việc trực tiếp với Obama, mà còn có thể chiếm được một vị trí cao trong chính quyền mà lẽ ra phải được trao cho một thân hữu của tổng thống.

Có một cảnh báo khác về các quyết định bổ nhiệm của Hillary. Kết quả thanh tra nói chung cho thấy hàng loạt vấn đề, từ suy thoái đạo đức nghiêm trọng đến tội lái xe sau khi sử dụng chất kích thích và thỉnh thoảng liên quan những chuyện đáng xấu hổ; chẳng hạn một nhân viên được đề xuất bổ nhiệm bị bắt gặp đi với Lisa Ann, một nữ diễn viên phim khiêu dâm, đóng vai chính trong phim *Who's Nailin' Paylin* [Ai là Nailin' Paylin] của hãng Hustler. Vấn đề của Marshall tuy không liên quan tới chuyện gì tương tự, nhưng vẫn rắc rối không kém: bà ta không thực hiện các thông báo về thuế năm 2005 hoặc 2006. Marshall đã sửa chữa sai sót này vào mùa thu 2008, khi biết rõ Hillary sẽ nhận một chức vụ trong Chính phủ. Hóa ra Marshall được quyền hoàn thuế vào những năm đó. Tuy nhiên, vấn đề thuế cũng là vật cản đối với vài ứng viên của Obama nữa, trong đó có cả Bộ trưởng Tài chính Tim Geithner và Tom Daschle, và Nhà Trắng không còn chút hào hứng nào với chuyện gian lận thuế nữa.

Khi vị đại diện thanh tra tới từ Bộ Tư pháp đọc to bản ghi nhớ dài ba trang về Marshall, Phó giám đốc nhân sự Nhà Trắng Jim Messina và Phó giám đốc truyền thông Nhà Trắng Dan Pfeiffer ngồi trên ghế bành, lo lắng ra mặt, trong khi những cựu nhân viên chiến dịch tranh cử của

Obama đứng quanh căn phòng. Như một lễ đương nhiên, vị trí tốt như thế phải được dành cho một người trung thành với Obama – chứ không phải Marshall, và càng không phải bà ta nếu đứng trước những nghi vấn về khai thuế bất hợp pháp. Pfeiffer nói: “Vấn đề này sắp trở nên rất nghiêm trọng vào đúng thời điểm mà chúng tôi đã xác nhận được nhiều thông tin về Daschle và Geithner.”

Mọi người trong phòng phản ứng dữ dội. “Chết tiệt, không.” “Suốt chiến dịch tranh cử bà ta đúng là một con khốn.” Và những lời tệ hơn thế.

Ở Marshall có sự kết hợp giữa kinh nghiệm lập các kế hoạch xã hội ở cấp độ vĩ mô và sự thân cận với Hillary, điều này giúp bà ta đương nhiên thích hợp cho chức vụ ấy, nhưng các trợ lý của Obama không nghĩ vậy. Không một ai trong phòng đứng lên ủng hộ Marshall. Từ chuyên gia lập pháp Sean Kennedy – người sẽ phải giúp Marshall được Thượng viện phê chuẩn nếu được bổ nhiệm, giám đốc nhân sự Nancy Hogan, chuyên viên về các vấn đề đạo đức Norm Eisen, cho đến Greg Craig – ông và Thượng Nghị sĩ Richard Blumenthal từng là bạn học của Bill Clinton và Hillary Rodham từ những ngày Bill bày món gà rán của mẹ mình lên bàn tiếp đãi những vị khách đang tranh luận về chiến tranh Việt Nam trong căn hộ tương lai đầu tiên của cặp đôi này ở gần Trường Luật Yale. Việc Craig ủng hộ Obama trong chiến dịch tranh cử được coi là một sự phản bội bạn bè.

Những trợ lý thân cận với Obama cho rằng không hẳn là mọi người thật sự muốn phản đối Marshall, mà chỉ là muốn một trong những thành viên đáng tin cậy của đội mình có được vị trí cấp cao. “Theo kiểu, ‘Chúng ta nên có người của mình. Chúng ta cần có người của mình,’” vị trợ lý cấp cao Nhà Trắng hiểu rõ các cuộc tranh luận về Marshall cho biết. “Nếu Hillary là tổng thống và chúng ta cần đạt thỏa thuận về Desiree Rogers [bạn lâu năm của Obama] hay Valerie Jarrett sẽ trở thành Trưởng ban lễ tân thì cũng xảy ra chuyện tương tự,” vị trợ lý này nói tiếp. “Khi nghĩ theo cách đó, thật dễ hiểu vì sao họ lại không muốn ai đó trong số chúng ta đi cùng đường với họ?”

Quá trình rà soát diễn ra theo một cách mà sao cho đến thời điểm một ứng viên đến được nhóm của Craig, thì anh hay cô ta sẽ là hy vọng tốt nhất duy nhất được xem xét. Đó là được hoặc mất đối với Marshall. Nếu Obama từ chối bà, thì một ứng viên khác sẽ được sắp xếp thế chỗ theo cùng một cách đó, một quá trình mất đến hàng tuần hoặc hàng tháng trời.

Phe của Obama và Hillary đều công khai nói đã bỏ lại cuộc bầu cử ở phía sau. Nhưng ở đây, họ lại túm tụm và phôi bày sự thật trong văn phòng của Craig, nơi những tủ sách thì trống rỗng và dấu ấn cá nhân duy nhất là tấm áp phích Robert F. Kennedy treo trên tường. Hai phe không hiểu nhau, họ không ưa nhau, cũng không tin tưởng nhau. Các trợ lý tổng thống không nghĩ ra được một ứng viên nào khác khi Messina yêu cầu đưa ra để bỏ phiếu, nhưng họ chắc chắn rằng mình không chọn Marshall.

Lần lượt từng trợ lý giơ nắm tay của mình lên với ngón cái chỉ xuống. Nhưng rồi Messina – người Montana, cổ mái tóc vàng đỏ và giọng nói nhẹ nhàng đã giúp giảm bớt nét thô tục thường thấy trong ngôn từ của anh ta – lại mang đến tin xấu cho cả nhóm.

“Tôi đồng ý,” ông ta nói. “Đây rõ ràng là một sự lựa chọn của HRC⁽³⁵⁾ và cần được trình lên tổng thống.”

Thông thường, bất đồng nhỏ giữa những trợ lý cấp dưới sẽ được Mills hoặc trợ lý của Obama cố gắng giải quyết ổn thỏa, chứ không chuyển bóng lên cấp cao hơn. Những người thuộc phe Obama cố gắng vạch ra giới hạn với Marshall, người đại diện cho Hillary. Hiếm khi có cuộc chiến nhân sự kết thúc ngay trước cửa phòng Obama như thế. Đây là một “phép thử” và là “bước ngoặt” trong cuộc chiến khốc liệt, kéo dài hàng tháng trời giữa Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao, về quyền hạn của Hillary trong việc lựa chọn nhân sự – theo lời một trong số những nhân viên.

Marshall có vũ khí bí mật, đó là một người em họ của Valerie Jarrett, Ann Marchant, từng là trợ lý đặc biệt của Bill Clinton ở Nhà Trắng. Marchant đã thay Marshall vận động hành lang với

Jarrett, nói về những điểm mạnh và kỹ năng của bà ấy, động viên Jarrett thuyết phục tổng thống.

Hillary cũng cố gắng giúp Marshall. Người của Nhà Trắng hoàn toàn không đánh giá cao vai trò của một trưởng ban lễ tân và những gì vị trí đó mang lại, bà nghĩ vậy. Đó không chỉ đơn thuần là một vị trí lễ tân hào nhoáng hay chỗ cho một nhà tài trợ non kinh nghiệm ở Washington.

“Không ai thích hợp hơn cho công việc này” – Hillary nói với Obama. “Bà ấy đã có kinh nghiệm từ khi làm việc ở văn phòng công tác xã hội, bà ấy giỏi ứng xử và biết tổ chức nhân sự. Bà ấy sẽ làm tốt đến mức khó tin.” Hillary cũng dành thời gian nói chuyện với các trợ lý của tổng thống. “Không, tôi chỉ đang nói với các vị rằng đây là người tốt nhất,” bà quả quyết. “Các vị sẽ biết rằng tôi đúng khi các vị làm việc với bà ấy sau một tháng.” Hillary biết rằng mình còn đang nắm quân át chủ bài trong tay. “Tổng thống nói rằng tôi có thể chọn người cho Bộ Ngoại giao, và đây là lựa chọn của tôi”, bà nói. “Vậy hãy theo ý tôi đi.”

Cuối cùng, Obama đã bác các ý kiến mà các nhân viên của ông đưa ra, gửi một thông điệp mạnh mẽ tới cả hai phe rằng, ông sẽ dành cho Hillary sự ủng hộ mà ông đã hứa khi bổ nhiệm bà. Những cố vấn ngoại giao nóng tính và đầy nhiệt huyết của Obama đã phải chấp nhận mọi chuyện, kể cả việc bị loại ra khỏi Bộ Ngoại giao. Hillary đã cô lập Samantha Power, một trợ lý chiến dịch tranh cử của Obama, người từng gọi Hillary là “quái vật” – một lời bình luận đã làm cô ta có được vai trò chính thức trong chiến dịch tranh cử của Obama. “Cần phải có một sự hợp nhất, giống như sự hợp nhất của hai tập đoàn lớn” – một cố vấn cấp cao của Nhà Trắng nhớ lại. “Ngoài công việc của một đại sứ, Sam Power đến đây thay vì Bộ Ngoại giao, nơi mà cô ta mong muốn.”

Cơn tức giận và nỗi thù hận kéo dài sau vụ tuyển chọn nhân sự là sắc thái chủ đạo trong cách thức mà nhóm an ninh quốc gia của tổng thống phản ứng với Bộ Ngoại giao trong suốt năm đầu tiên của Chính phủ; và với một số trợ lý khác còn hơn thế nữa. “Bộ Ngoại giao đúng là một ốc đảo. Ý tôi là, không một vị bộ trưởng nào khác trong Chính phủ có thể tuyển người theo cách mà bà ấy đã làm,” theo lời một nhân viên Nhà Trắng. “Thế giới của bà ấy là thế giới của những người trung thành với nhà Clinton, nơi họ có thể tự tung tự tác mà không hề sợ bị trừng phạt vì những lỗi lầm hoặc tội chống lại người khác mà họ mắc phải trong suốt chiến dịch tranh cử.”

Cam kết của Obama đã đem đến cho Hillary sức mạnh đòn bẩy ghê gớm, khiến những địch thủ của bà trong phe Obama – Messina, Pfeiffer, Robert Gibbs và David Plouffe – biết thế nào là con đường gian khổ. Những cuộc chiến lẻ tẻ với nhiều lý do đã làm căng thẳng thêm mối quan hệ giữa Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao trong năm làm việc đầu tiên của Hillary, và vấn đề nhân sự thuộc nhóm vấn đề gây tranh cãi quyết liệt nhất. Thông thường, Nhà Trắng thực hiện đa phần việc bổ nhiệm các vị trí ở những cơ quan Chính phủ được chỉ định; các bộ trưởng chỉ có quyền tuyển một vài cố vấn riêng. Ở Bộ Ngoại giao, con số này cao hơn nhiều, nhờ lời hứa của Obama.

Vậy nên khi Hillary lần đầu đặt chân đến trụ sở Bộ Ngoại giao – Tòa nhà Liên bang Harry S. Truman – với tư cách người chủ mới, bà mang theo một đoàn tùy tùng xứng với biểu tượng mang tính quốc tế. Và bà được chào đón như một ngôi sao.

Sự nổi tiếng của bà không chỉ nhờ mang họ Clinton. Mà còn, như những người biết rõ bà thường nhắc, vì bà là người phụ nữ dám đứng lên và chiến đấu mỗi khi thế giới xung quanh muốn hạ gục bà, từ thất bại trong nỗ lực cải cách hệ thống chăm sóc y tế và tai tiếng về sự không chung thủy của người chồng, đến những khó khăn, vất vả của cuộc tranh cử năm 2008 trong Đảng Dân chủ. Những bi kịch cá nhân và thành công sau đó của bà đã nhiều lần được cả thế giới biết đến. Mặc dù bà từng là đệ nhất phu nhân và thượng nghị sĩ Mỹ, bà vẫn giữ đức tính của phụ nữ. Bà đã phục vụ chồng với tư cách một cố vấn đắc lực nhất trong nhiều thập kỷ, nhưng lại phải chịu những lời cáo buộc là lợi dụng danh tiếng của chồng chứ không phải là nhờ vào năng lực cá nhân.

Khi bước vào tiền sảnh của tòa nhà trụ sở Bộ Ngoại giao “xây bằng đá vôi và đá hoa cương” trong ngày làm việc đầu tiên, ngày 22 tháng Mười một năm 2009, Hillary hào hứng và đầy hy vọng. Một hàng dài những lá quốc kỳ từ khắp nơi trên thế giới, ánh sáng tràn đầy khắp mặt sàn đen bóng, những hàng cột trụ vuông làm từ đá cẩm thạch, tiền sảnh như một ốc đảo, nơi vốn là trung tâm của “ma trận” bộ máy công chức, nổi bật lên trong dãy hành lang mờ mờ, nâu xám, trắng trắng, gợi lên hình ảnh một ngôi trường trung học của những năm 1950 chưa bao giờ được nâng cấp. Vào thời điểm đó, những công chức bàn giấy đi dọc dãy hành lang này để chào đón vị lãnh đạo mà sự xuất hiện của bà sẽ làm cho công việc của họ trở nên nổi bật hơn.

Trong Chính phủ, điểm khác biệt của Bộ Ngoại giao là Bộ này có đội ngũ khoảng 14 nghìn chuyên viên trình độ cao, được đào tạo bài bản về đối ngoại, đã phục vụ qua nhiều đời Chính phủ dù đảng nào nắm quyền, và họ đã làm việc ở nước ngoài trong phần lớn sự nghiệp của mình. Bộ này còn được bổ sung một nhóm nhỏ hơn một chút gồm các công chức (khoảng 11 nghìn người) làm công việc trợ giúp ngoại giao, cùng khoảng 40 nghìn đến 50 nghìn nhân viên địa phương tại gần 270 đại sứ quán và tổng lãnh sự quán của Mỹ trên thế giới.

Những nhân viên ngoại giao là lực lượng nòng cốt của Bộ, thường thì họ tốt nghiệp trường Ivy League và Đại học Georgetown, hay Đại học George Washington, hoặc Đại học American ở Washington cũng là nguồn cung cấp nhân sự cho Bộ. Dù Bộ Ngoại giao bây giờ đa dạng hơn nhiều, nhưng tầng lớp nhân sự ngoại giao cao cấp của nó vẫn là một đội hình những nhà cải cách thích phiêu lưu, trưởng thành nhờ chơi quần vợt ở các câu lạc bộ. Họ thật khó gây ấn tượng gì sâu đậm, một phần vì vẻ hấp dẫn tập thể của họ là điệu bộ “y như nhau,” mà đến lượt nó, lại được cả một đội ngũ công chức bắt chước, gồm ngày càng nhiều chuyên gia cấp cao, tự xem mình ngang hàng với các quan chức ngoại giao trên đỉnh vòm.

Rất ít trong số họ từng chứng kiến điều gì tương tự như sự kiện xuất hiện của Hillary Clinton tại Bộ Ngoại giao. “Nó giống như một buổi diễn nhạc rock đồng nghẹt,” theo lời một công chức, người đã không thể tìm được một khe hở nào ở sảnh nhà đã chật cứng người. Anh ta vội chạy qua khu vực họp báo và leo lên gờ tường gần nơi Hillary chuẩn bị có bài phát biểu đầu tiên. Anh ta không phải người duy nhất có ý nghĩ rằng: khi mình đến được chỗ đó thì chắc cả trên gờ tường và các cửa sổ cũng đã đầy người. Các quan chức Chính phủ gần như đã trèo cả lên những thanh kèo, và cuối cùng nhân viên an ninh phải ngăn cản rất nhiều những người cũng đang cố leo chèn dọc theo gờ tường. Cả các công chức háo hức ấy lẫn đám đông còn lại buộc phải theo dõi bài phát biểu trên BNET, hệ thống truyền hình nội bộ của Bộ Ngoại giao.

Bước qua một biển nhân viên trong những bộ đồ lịch lãm theo kiểu Brooks Brother và Talbots, Hillary lên bục phát biểu, phía dưới là rào rào những tràng vỗ tay, và các công chức giờ cao những chiếc điện thoại có camera – như những fan nhạc pop cuồng nhiệt. Đó là một thời khắc lịch sử, ít nhất là trong thế giới của Bộ Ngoại giao. Bà mỉm cười thoải mái và vẫy chào những gương mặt quen thuộc. Khi phát biểu, bà tuyên bố về “một kỷ nguyên mới của nước Mỹ” và rằng, bà đã lên kế hoạch để xác định lại vai trò của Bộ Ngoại giao trong công tác đối ngoại.

Đứng ngay phía sau Hillary là Bill Burns, một quan chức ngoại giao cấp cao, người sẽ sát cánh cùng Hillary suốt bốn năm tới. Sự hiện diện của ông ta như phát đi tín hiệu tới những nhân viên ngoại giao rằng họ sẽ có nhiều tiếng nói hơn ở Bộ Ngoại giao thời Hillary – một tín tốt cho những nhà ngoại giao và giới phân tích chính sách, những người mà sự am hiểu của họ thường bị xem nhẹ dưới thời Tổng thống Bush.

Nếu sự hiện diện lần đầu tiên của Hillary giống một buổi biểu diễn nhạc rock, thì hẳn Hillary phải là Bono – một ngôi sao nổi tiếng thế giới, và nổi tiếng về những cuộc vận động ủng hộ cho những người kém may mắn. Về khía cạnh này, chắc chắn bà là một trong số những người đó. Bà không phải là chính trị gia nổi tiếng đầu tiên nắm quyền ở Bộ Ngoại giao. 6 trong số 15 tổng thống Mỹ đầu tiên từng ngồi ghế ngoại trưởng. Những thành viên hàng đầu của Nghị viện, bao gồm Henry Clay và John C. Calhoun, cũng từng giữ vị trí đó, giống như hai thẩm phán Tòa án Tối cao là John Marshall và Charles Evans Hughes. Nhưng đã nhiều thập kỷ trôi qua kể từ khi một quan chức dân cử trở thành một người có tầm ảnh hưởng lớn ở Bộ Ngoại giao, và chưa

bao giờ một nhà ngoại giao hàng đầu nước Mỹ lại lập tức được nhiều người trên thế giới biết đến và ngưỡng mộ như bà. Đội ngũ nhân viên Bộ Ngoại giao mới của bà vẫn chưa biết phải mong đợi điều gì từ sự lãnh đạo của bà, nhưng họ có thể chắc chắn rằng bà sẽ thu hút được đám đông ở bất cứ nơi nào bà đến.

Mệnh lệnh của Hillary với đội quân của bà trong ngày hôm đó đã làm lu mờ một sự thật rằng, công việc quản lý gần nhất của bà (đứng đầu chiến dịch vận động tranh cử) đã thất bại, và rằng bà chưa từng điều hành một cơ quan với quy mô 70 nghìn nhân viên của bộ máy đối ngoại gồm cả Bộ Ngoại giao và Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ. Bà tiếp quản một cơ quan đã mất tầm ảnh hưởng đến Lầu Năm góc và các cơ quan an ninh quốc gia khác, thừa hưởng những nhân viên ngoại giao ngày qua ngày phải giải quyết hậu quả của chính sách đối ngoại dưới thời Bush, một giai đoạn đã biến nước Mỹ trở thành trung tâm hứng chịu búa rìu của thế giới. Điều nào cũng đều tẻ như nhau: sự quý trọng của thế giới trước nước Mỹ, vị thế của Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực an ninh quốc gia, hay tinh thần của các nhân viên ở Foggy Bottom. Lầu Năm góc toàn quyền giải quyết đa phần các vấn đề đối ngoại, chủ yếu liên quan các cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan, còn nhân viên ngoại giao được yêu cầu bảo vệ các hoạt động của nước Mỹ trước những người đồng cấp của họ ở các quốc gia khác.

Với tư cách là đệ nhất phu nhân và sau đó là thành viên Ủy ban Quốc phòng Thượng viện, Hillary đã tiếp xúc với nhiều nhà lãnh đạo thế giới và tìm hiểu về chính sách đối ngoại ở tầm vĩ mô, nhưng bà không dành nhiều thời gian cho các vấn đề nhỏ lẻ. “Bà ấy dường như là một người thực tập về ngoại giao. Mặc dù quen biết nhiều nhân vật nổi tiếng, nhưng bà ấy vẫn trong trạng thái học việc,” một trong những người đại diện hàng đầu của bà thừa nhận. “Bà là người quan tâm giải quyết những vấn đề trong nước – như chăm sóc sức khỏe, phụ nữ và trẻ em, hay vấn đề cựu chiến binh. Trong năm đầu tiên, chúng tôi phải dành nhiều thời gian cho nỗ lực bình thường hóa quan hệ giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Armenia. Đó không phải là những điều Hillary từng dành nhiều thời gian nghĩ đến.”

Hơn nữa, lối tư duy theo trường phái trung dung mà bà tán thành đã phát triển trong khoảng thời gian từ cuối giai đoạn Bill Clinton còn tại nhiệm đến khi Obama đắc cử tổng thống. Bà đã ủng hộ việc dùng đến cách tiếp cận quyền lực thông minh trong chính sách đối ngoại. Nhưng bà vẫn phải tìm hiểu mối quan tâm của từng quốc gia để có thể sử dụng các công cụ hỗn hợp này.

Quan trọng hơn, Hillary phải xử lý quan hệ với vị lãnh đạo mới của mình, cũng như những mối lo ngại của Đảng Dân chủ kể từ khi John F. Kennedy đề cử Lyndon Johnson – người mà ông ta căm ghét, nhưng về mặt chính trị là không thể thiếu – làm cấp phó của mình. Hillary thích câu thành ngữ “Gặt hái những thứ ta vun trồng” được rút ra từ một câu chuyện trong cuốn sách Jeremiah về người Do Thái, gồm cả chuyện gia đình Hoàng hậu Esther ở xứ lưu đày. Từ lâu Hillary coi Esther là một trong những nhân vật mà bà yêu thích nhất trong Kinh thánh không chỉ vì hoàng hậu này là người phụ nữ mạnh mẽ nhất trong Kinh thánh, mà còn vì câu chuyện bà cứu người Do Thái thoát khỏi sự tàn sát của Tể tướng Ba Tư, một chi tiết có liên hệ với chính sách Trung Đông của chính Hillary.

Một phần quan trọng trong sự “gặt hái” ở Bộ Ngoại giao là phải hoàn toàn tranh thủ được Obama và Nhà Trắng. Tổng thống đã đề phòng ngay từ những cuộc tiếp xúc ban đầu với Hillary, theo lời một người trong cuộc có dịp quan sát. Họ có lẽ tôn trọng nhau một cách miễn cưỡng trong suốt chiến dịch tranh cử, và khó thành bạn của nhau. Mối quan hệ hợp tác mới của họ rất chuyên nghiệp và lịch thiệp, nhưng thiếu sâu sắc. “Họ không hề có mối quan hệ gần gũi trong năm đầu tiên,” một trợ lý an ninh quốc gia của Obama nói. “Ban đầu, mọi chuyện có vẻ hoàn hảo,” theo lời một người thân thiết với Hillary. “Họ luôn đối xử với nhau rất tích cực, thậm chí nồng nhiệt, nhưng chỉ vậy thôi. Không có nhiều tình cảm, cũng không có nhiều cuộc trò chuyện tự nhiên.”

Mối quan hệ giữa các nhân viên của Obama và Hillary, đặc biệt giữa những người từng làm việc trong chiến dịch tranh cử, đều rất chùng mực. Mọi bất đồng dễ trở nên nghiêm trọng bởi dư âm từ cuộc tranh cử không khoan nhượng, một động lực để thổi phồng những xung đột nhỏ

và gây nên chuỗi những bất đồng giữa Mills và McDonough, trợ lý an ninh quốc gia cấp cao gần gũi tổng thống.

Khi Obama nhậm sở, ông ta mang theo một nhóm người trong độ tuổi trên dưới 30, ồn ào và kiêu ngạo, những người vừa mới kết thúc chiến dịch của cuộc đời mình. Một số nguồn tin ban đầu mô tả nhóm người này đa số đều là đàn ông, trông hơi quá khổ so với những cái quần ống bó họ mặc; khi họ có mặt đầy đủ trong các văn phòng ở khu West Wing, đám phóng viên và những người bên ngoài bảo rằng trông nơi đó như “hội sở sinh viên.” Một trong những thành viên Nhà Trắng chống đối Hillary quyết liệt nhất là Pfeiffer, phát ngôn viên dè dỏm đầy ác ý. (Một trợ lý của Hillary từng mỉa mai Pfeiffer là “con số không” có chỗ đứng trong Nhà Trắng nhờ cơ may ngẫu nhiên và lòng trung thành với Obama). Ngoài ra, còn có cả Bill Burton, phó thư ký báo chí luôn mồm nhai kẹo cao su, con rể của kẻ đâm sau lưng Clinton là Lois Capps, kẻ thích bị căm ghét và lăm le chiếm ghế thư ký báo chí khi Robert Gibbs rời nhiệm sở.

Những nhân viên Nhà Trắng không hiểu tại sao phe Hillary vẫn tỏ vẻ bề trên – vì xét đến cùng, dù sao họ đã thua kia mà. Trong cuộc chiến nhân sự, Mills vẫn giữ trong tay con át chủ bài: lời hứa của Obama cho phép Hillary tuyển nhân viên. Bà không bao giờ thay đổi quyết định. Reines thích chế nhạo mọi người ngay trước mặt, và cũng hay làm thế qua e-mail. Không ai phản ứng – hoặc muốn phản ứng – để được đánh giá cao như cách của Huma. Cô ta từng có lần xuất hiện trên tấm bìa tạp chí *Vogue*, một hành động phá vỡ những quy tắc bảo thủ của Washington – những quy tắc mà các nhân viên luôn muốn làm ngược lại.

Trong khi những phụ tá của họ vẫn giữ thái độ thù địch có từ chiến dịch tranh cử, Obama và Hillary lại cố gắng xây dựng một hình mẫu tốt đẹp hơn trên cấp cao nhất. Sau khi tổng thống trả lời phỏng vấn trên truyền hình tại Phòng Bầu dục, rồi bàn luận với nhóm phát ngôn viên của mình, gồm cả Gibbs và Vietor, một phụ tá của ông kể một chuyện phiếm về Hillary, tổng thống bèn cắt lời “Thôi đi. Đâu phải thế.”

Kể từ thời điểm bổ nhiệm Hillary, Obama đã nói rõ rằng ông muốn các thuộc cấp không để những cảm xúc tiêu cực gây ảnh hưởng đến những hành xử với Hillary, và phải có thái độ nghiêm túc và tôn trọng hết mức có thể trước bà, theo lời một cố vấn hàng đầu của Obama.

Tương tự, vào tháng Năm năm 2009, Hillary cũng khiển trách một cố vấn vì đã nói xấu sau lưng Obama. Tại Nhà Trắng sáng hôm đó, tổng thống đã đề nghị Hillary nhận một nhiệm vụ nho nhỏ.

“Ông ta không có việc gì khác tốt đẹp hơn để làm sao?” một trợ lý than phiền.

“Đừng nói vậy,” Hillary nói. “Đừng bao giờ nói như vậy. Ông ấy là tổng thống.”

Hillary luôn dành sự tôn trọng đúng mực cho tổng thống, cả trước công chúng lẫn trong những cuộc gặp riêng. “Bà ấy đã làm việc rất chăm chỉ để thiết lập và cho thấy là mình đúng là người đứng đầu Bộ Ngoại giao, chứ không phải tổng thống,” một cựu quan chức Chính phủ nói.

Nhưng, sự ngờ vực lẫn nhau ở tầng lớp cao nhất dưới quyền Obama và Hillary trong vài tháng đầu tiên tai hại đến mức những người trung gian đã phải tổ chức một bữa ăn tối tại Comos Club, một nơi đặc biệt của Washington, nhằm xoa dịu căng thẳng giữa những thành viên cấp cao của Hillary ở Bộ Ngoại giao và các nhà tài trợ hào phóng của Obama, những người đã được đền đáp bằng các vị trí đại sứ, chứ không phải bằng công việc do Hillary chọn cho họ. “Những đại sứ của Obama tại các nước lớn đã bị các nhân viên cấp cao của Bộ Ngoại giao xa lánh,” theo lời một nhân vật từng có mặt tại bữa tối đó, có sự hiện diện của hàng chục phụ tá cấp cao của Hillary và một tá đại sứ của Obama. Trong số các đại sứ, có Matthew Barzun, người sau này đóng vai trò chính tác động đến việc hoàn tất thanh toán khoản nợ của Hillary sau chiến dịch tranh cử; có cả Don Beyer, một tay buôn xe hơi, và phó thống đốc bang Virginia. “Bữa tối rất cuộc có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cải thiện mối quan hệ,” vẫn nhân vật đó cho biết. “Về lý thuyết, thật dễ dàng để những người đó ghét nhau.”

Khác với rất nhiều những người trung thành trong cuộc vận động tranh cử nay đã có chỗ đứng trong Chính phủ, Hillary có mặt ở đó không phải vì Obama yêu quý bà hay nợ bà bất cứ

điều gì. Bà ở đó là vì một loạt các vấn đề. Với việc bổ nhiệm Hillary và Robert Gates, bộ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời Bush, Obama đã hiện thực hóa tuyên bố trong chiến dịch tranh cử là thành lập một đội ngũ gồm cả những đối thủ. Những người Cộng hòa và phe điều hâu trong Đảng Dân Chủ xem một Nhân viên An ninh Quốc gia mới và thiếu kinh nghiệm tại Nhà Trắng là một nhân vật dày dạn kinh nghiệm..

Hơn nữa, khi Obama đặt Hillary vào vị trí mà bà chỉ có thể có tầm ảnh hưởng như ông ấy muốn, Obama cũng tước đoạt cái vị thế giúp bà có thể gây khó cho ông tại Nghị viện, và ông ấy đã khiến quyền lực đó gần như bất khả thi trong cuộc tranh cử của Hillary năm 2012. Một vài người, kể cả chiến lược gia lão luyện của nhà Clinton là Mark Penn, đã nhìn trước việc Hillary chuẩn bị cho một cuộc chạy đua khác chống lại Obama. Bởi thế, đưa Hillary vào trong Chính phủ là bảo đảm chắc chắn về mặt chính trị để điều ấy sẽ không xảy ra.

Với tân tổng thống, sự kết hợp này vẫn còn rất nhiều thử thách. Ngay khi bước qua cửa kính của đại sảnh chính tại trụ sở Bộ Ngoại giao trong ngày đầu tiên, Hillary đã cho Obama thấy bà là một người trung thành. Khả năng của bà trong việc bỏ qua bất đồng với ông giờ là một phần câu chuyện đưa bà lên thành một chính trị gia sẵn sàng hy sinh vinh quang của bản thân vì tập thể. Về phần mình, Obama đặt niềm tin vào Hillary trong việc thực hiện những chính sách của ông.

Đối với bất cứ một chính phủ nào, việc xây dựng chính sách đối ngoại cũng là một quá trình phức tạp, trong đó rất nhiều cơ quan đóng vai trò quan trọng. Tùy thuộc tổng thống, một cơ quan có thể thăng thế trước những cơ quan khác trong một khoảng thời gian dài. Tuy vậy, quyền lực thật sự trong nửa thế kỷ qua vẫn thuộc về những quan chức an ninh quốc gia của tổng thống, nhóm người ban đầu được thành lập như một biện pháp nhằm xử lý quá trình đưa ra quyết định một cách lộn xộn của Tổng thống Franklin Roosevelt. Qua nhiều năm, những quan chức đó, những người chịu trách nhiệm trong việc điều phối hoạt động của các cơ quan an ninh quốc gia từ Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Cơ quan An ninh nội địa, Cục Tình báo trung ương (CIA) đến những cơ quan khác – đã tăng lên khoảng 300 người. Các lãnh đạo, các cố vấn an ninh quốc gia và cấp phó của họ thường gần gũi với tổng thống, cả về khoảng cách lẫn những mối quan hệ cá nhân, hơn với các bộ trưởng. Có một chuyện đùa ở Washington rằng, giai đoạn duy nhất mà cố vấn an ninh quốc gia có quan hệ tốt đẹp với ngoại trưởng là khi Henry Kissinger nắm cả hai chức vụ đó.

Obama phải làm cho Hillary thấy hài lòng. Vì có thể bà sẽ sử dụng ảnh hưởng của mình để công khai chống lại ông – hoặc tệ hơn, sẽ từ chức trong sự dằn vặt – Hillary có thể gây suy yếu những nỗ lực tái đắc cử của Obama. Với việc bổ nhiệm đặc phái viên của bà và cho bà toàn quyền kiểm soát Bộ Ngoại giao, Obama đã cho phép bà được quyền điều hành. Nhưng không nhiều. Phó Tổng thống Joe Biden mới là người được chọn để giải quyết các vấn đề Iraq, và những quan chức an ninh quốc gia luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong các vấn đề về Afghanistan, Pakistan, và khu vực Trung Đông. Bà luôn có một vị trí tại bàn họp, nhưng sẽ phải tìm lối đi riêng cho các cuộc thảo luận tại hậu trường.

Trong ngày đầu tiên bà đứng trên cương vị mới sau bài phát biểu tại đại sảnh, Obama và Biden ghé thăm căn phòng lộng lẫy của Benjamin Franklin tại tầng tám trụ sở Bộ Ngoại giao, để dự buổi lễ Holbrooke tuyên thệ nhậm chức đại diện đặc biệt tại Afghanistan và George Mitchell nhậm chức đặc phái viên tại khu vực Trung Đông.

Obama đã tự dàn xếp việc bổ nhiệm Hillary bằng những điều khoản ngắn gọn. “Thật là đặc ân cho tôi được có mặt ở đây để tôn vinh tất cả các bạn, những con người đầy tài năng của Bộ Ngoại giao,” Obama nói. “Tôi đã dành cho các bạn một món quà ra mắt, đó là bà Hillary Clinton.” Thế đấy. Những sự chú ý của ông với Holbrooke cũng rất hạn chế. Một cách đáng lo ngại, Holbrooke đã so sánh Việt Nam và Afghanistan trong những phát biểu của mình, một sự so sánh khiến Obama bực mình.

Màn giới thiệu đầu tiên của Obama về Hillary có vẻ rất thận trọng. Ông bày tỏ lòng tôn trọng

nhưng không niềm nở, sẵn sàng để Hillary nắm Bộ Ngoại giao, tuyển dụng các đặc phái viên và tùy tùng của bà, nhưng cũng không tỏ ra sốt sắng. Mỗi quan hệ của họ là quan hệ công việc, chỉ giới hạn trong giờ hành chính. Bill và Hillary từng sống tại Nhà Trắng trong 8 năm, và với cương vị ngoại trưởng, Hillary sẽ có mặt tại đó vài lần một tuần trong những cuộc họp với Hội đồng An ninh quốc gia của tổng thống và nhiều sự kiện khác. Hillary thậm chí đã đề nghị Obama cùng ăn trưa mỗi tuần một lần như một điều kiện để bà nhận công việc. Nhưng tất cả là vì công việc, không phải để chơi. Nhà Obama không mời nhà Clinton tới dùng bữa tối, cũng chẳng mời họ đến rạp phim của Nhà Trắng; và cho đến thời điểm đó, Obama cũng không mời Bill cùng chơi golf.

Nhưng dù sao thì lịch làm việc của nhà Clinton cũng đã kín. Trong khi Hillary làm việc ở Bộ Ngoại giao, Bill tiếp quản công việc của gia đình, với hoạt động của bộ máy chính trị rộng lớn nhà Clinton. Hillary có lý do thuyết phục để giới hạn những hoạt động chính trị của mình trong phạm vi cương vị bộ trưởng. Đầu tiên và quan trọng nhất, luật pháp quy định giới hạn những gì quan chức cấp cao trong Chính phủ có thể làm tại khu vực đã tranh cử. Nhưng quan trọng hơn, luật pháp giúp Hillary tránh dính dáng đến các xung đột. Trong cuộc vận động tranh cử, bà đã bị phân cực; nhưng với tư cách là ngoại trưởng của Mỹ, bà trở nên nổi tiếng. Hồi tháng Hai, với sức nóng của cuộc bầu cử sơ bộ Đảng Dân chủ, tỉ lệ ủng hộ bà đạt mức 48%. Khi bà đấu với Obama suốt mùa xuân, tỉ lệ đó tăng lên 54%, rồi nhảy vọt lên 65% sau khi bà chấp thuận đề nghị trở thành ngoại trưởng. “Trong lần thứ hai quay lại vũ đài chính trị và công việc của Đảng,” theo lời một cố vấn trong chiến dịch tranh cử năm 2008, “bà ấy đã trở nên năng nổ hơn.”

Lý do đó đủ sức nặng để Hillary tập trung nỗ lực tái thiết ở Bộ Ngoại giao như một cách âm thầm và bình tĩnh nâng cao dần vị thế của mình trước công chúng Mỹ. Điều đó cũng có nghĩa là gánh nặng duy trì các mối quan hệ và giải quyết các vấn đề sau cuộc bầu cử sơ bộ đã chuyển cho Bill. “Ông ấy phải giải quyết tất cả các công việc chính trị của gia đình lúc này” trong khi Hillary ở Bộ Ngoại giao, một nguồn tin thân cận với Bill cho biết. Theo thỏa thuận về công việc của Hillary tại Bộ Ngoại giao, Bill đã đồng ý hạn chế những hoạt động ở nước ngoài trong khuôn khổ Quỹ Sáng kiến toàn cầu Clinton. Điều đó cho ông nhiều thời gian hơn để lên kế hoạch cho những sự kiện chính trị, trong đó có cả những sự kiện có lợi cho Obama, mặc dù điều này khiến nhiều người không hài lòng. Nhưng dù sao, tất cả đều tốt cho nhà Clinton.

Bill rất háo hức quay lại các hoạt động chính trị. Trong dịp Lễ Tạ ơn, tại bữa tiệc gây quỹ của Luke Ravenstahl ở Pittsburgh, Bill đã nhìn chăm chăm Jason Altmire. Nhưng đây không phải thời điểm để trả thù. Trước tiên, Bill phải tập trung thanh toán các khoản nợ cho những người bạn chân thành và tận tụy, như Terry McAuliffe – người thân với gia đình Clinton nhiều năm qua.

Trong thế giới của Clinton, McAuliffe được gọi là “Ông Macker,” ông ta bắt đầu học cách kiếm tiền từ khi mới 14 tuổi ở Syracuse, New York, nơi ông ta làm công việc lát đường lái xe vào nhà. Cuối cùng, ông ta cũng trở thành một gã lăm tiền thành đạt, rồi viết hồi ký kể lại chuyện bỏ lại đứa con mới sinh và vợ trong ô tô khi đang trên đường từ bệnh viện về nhà để kịp tới dự một buổi gây quỹ. Qua nhiều năm, ông ta đã trải qua nhiều công việc, như giám đốc tài chính trong chiến dịch tranh cử tổng thống của Jimmy Carter; chủ tịch Ủy ban quốc gia Đảng Dân chủ, và đồng chủ tịch chiến dịch tranh cử năm 2008 của Hillary. Nhưng chính McAuliffe, người có thể đổi một chiếc du thuyền lấy một con lạc đà, là nhà tài trợ chính cho gia đình Clinton. Ông ta thậm chí đứng ra bảo lãnh khoản vay 1,3 triệu đô-la để họ mua một căn hộ ở Chappaqua.

Đôi khi, lòng trung thành với Bill còn nhằm gây ấn tượng với một người đã được ấn định trước là sẽ thua, và không ai ngoài McAuliffe xứng đáng với kiểu trợ giúp đó. Trở lại tháng Tám năm 2008, trong Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ, McAuliffe đã đến gặp Bill và Hillary để thông báo rằng ông đang tính chuyện chạy đua vào ghế thống đốc bang Virginia. Ông mang theo tờ báo địa phương có bài viết về cơ hội này. “Hãy làm đi,” họ nói. Vài tháng sau, khi Hillary đang phỏng vấn những ứng viên xin việc, tại căn hộ sang trọng ở Central Park South, Bill gọi McAuliffe đến khu Harlem để bàn công chuyện. “Tôi từng là thống đốc, tôi biết về những vấn đề mà các thống đốc phải giải quyết, vậy tại sao ông không đem vài người của ông tới đây?” Bill

nói. McAuliffe đến Harlem cùng nửa tá cố vấn. “Bill giảng giải một cách nhiệt tình, Terry thì chăm chú ghi chép,” một phụ tá của McAuliffe cho biết. Vị cựu thống đốc bang Arkansas bắt đầu bài giảng về những quy định chính sách, hỗ trợ cho McAuliffe những điều cần biết về các mảnh khoe tranh cử. Ông ấy nói về “những mẹo chính sách thực dụng, như việc biến chất thải gia cầm thành nhiên liệu thay thế vậy,” một nguồn tin cho biết. Sáu khi bị hạn chế hàng loạt công việc kể từ khi Hillary khởi sự ở Bộ Ngoại giao, Bill đã tham gia góp sức cho cuộc chạy đua của McAuliffe. Vị cựu tổng thống hứng thú với vai trò cố vấn chính trị, người gây quỹ và người đại diện chiến dịch. Trong tháng Hai, ông đã chủ trì bữa tối gây quỹ thường niên của Đảng Dân chủ, mặc dù những đảng viên Dân chủ bang Virginia trước đó đã bầu Obama. Ông đi khắp bang vận động cho McAuliffe, ở Richmond, Norfolk và Roanoke, suốt mùa xuân năm đó.

Tuy giữ khoảng cách, Hillary vẫn theo dõi hoạt động của McAuliffe. Tại một sự kiện của Vital Voices diễn ra vào tháng Ba, bà đã hỏi Mo Elleithe, phát ngôn viên chiến dịch tranh cử tổng thống, về tình hình chạy đua vị trí thống đốc của McAuliffe. Còn khi được hỏi Hillary có nói trực tiếp với McAuliffe về việc đó hay không, Philippe Reines trả lời rằng mọi cuộc đối thoại sẽ được giữ kín – ngầm thừa nhận rằng bà ấy đã có những tính toán về cuộc chạy đua đó, dù công khai tuyên bố không dính líu.

Việc McAuliffe thắng cử quả là bất khả thi. Ngay tại Virginia quê nhà, vùng ngoại ô trong lành phía bắc Washington, ông ta cũng bị xem là một kẻ hoạt động chính trị vãng lai, theo kiểu một người nhà Clinton hơn là người dân Virginia. Capricia Marshall, vào thời điểm đó đã được Nhà Trắng bổ nhiệm vào vị trí trưởng ban lễ tân, cũng có mặt trong dạ tiệc tranh cử của McAuliffe như một người thuộc Hillaryland. Chẳng có gì để ăn mừng, McAuliffe đã thất bại.

Kể từ những ngày cuối cùng trong nhiệm kỳ tổng thống của Bill, Hillary đã luôn có mặt trên những đường đua chính trị, chiến thắng trong hai cuộc chạy đua vào Nghị viện, nhưng thất bại trong chiến dịch tranh cử tổng thống. Bình thường, hẳn bà sẽ sát cánh cùng McAuliffe, quyên tiền và vận động ủng hộ ông. Nhưng công việc mới đòi hỏi bà phải giữ khoảng cách với cuộc chạy đua của McAuliffe cũng như mọi cuộc tranh cử khác. Thay vào đó, bà tập trung vào bàn cờ chính trị quốc tế và đặc thù ngành hành pháp của Washington.

6. Nổi bật giữa những người ĐỒNG CẤP

Tim Geithner chưa bao giờ gặp may. Vị bộ trưởng Tài chính mới của Obama nhậm chức với nhiệm vụ giải cứu hệ thống tài chính Mỹ – và khoản cứu trợ 700 tỉ đô-la được Nghị viện phê duyệt sẽ giúp ông ta thực hiện việc đó. Ông ta là người được Obama lựa chọn cẩn thận để giải quyết vấn đề nghiêm trọng nhất mà tân tổng thống phải đối mặt. Bất chấp những trọng trách của Geithner, chỉ một biểu tượng nhỏ về quyền lực của Hillary – một ký hiệu “&” – cũng đủ nói lên tầm vóc nổi bật của bà giữa những người đồng cấp trong nội các Obama.

Trong giai đoạn đầu của bất cứ chính phủ mới nào, những mưu đồ giành quyền lực luôn xảy ra rất khốc liệt giữa các quan chức cấp cao trong Nhà Trắng, nội các và các cấp bậc chóp bu ở mỗi bộ. Không thể kể hết những dấu hiệu, cả lớn lẫn nhỏ, về ai là kẻ có quyền ai không; từ việc ai có nhiều thời gian gặp tổng thống nhất, đến việc ai giành được sân chơi trong các cuộc đấu ban đầu giữa các cơ quan. Bên cạnh danh tiếng vang dội, Hillary còn có lợi thế là bà hiểu rõ Chính phủ Liên bang từ trong ra ngoài. Từ chỗ là một nhân viên trong những cuộc điều trần vụ Watergate, tới nữ chủ tịch của Tập đoàn Dịch vụ Pháp lý Liên bang, rồi đến đệ nhất phu nhân và thương nghị sĩ, bà đã gặt hái rất nhiều kinh nghiệm và hiểu thấu cách thức hoạt động của ngành hành pháp. Rất nhiều người đồng cấp của bà trong chính quyền Obama chưa từng phục vụ ở những vị trí cấp cao trong ngành hành pháp, chưa từng làm thống đốc, là thành viên Nghị viện, hay thuộc giới hàn lâm. Với những người từng làm việc trong Chính phủ, thì đa số họ đều làm việc ở những cấp thấp hơn nhiều. Hầu hết họ đều còn phải học hỏi nhiều thứ, cả về chính cơ quan của mình lẫn cách thức và lối hoạt động của ngành hành pháp.

Geithner là một ngoại lệ. Từng là thứ trưởng phụ trách các vấn đề quốc tế tại Bộ Tài chính, ông ta đã công tác ở cấp cao và hiểu rõ tòa nhà mới của mình. Ông dường như là người có uy thế trong vấn đề Trung Quốc, thông qua một loạt các cuộc đàm phán được gọi là Đối thoại Kinh tế Chiến lược. Dưới thời Tổng thống George W. Bush và Bộ trưởng Tài chính Hank Paulson, các vấn đề ngoại giao cơ bản xếp sau các vấn đề tranh chấp kinh tế phức tạp, vốn là những gì sẽ biến hai cường quốc thành đối tác, hoặc thành đối thủ trong các chủ đề gây hậu quả toàn cầu. Geithner đã nghiên cứu về Trung Quốc ở Dartmouth và nói được tiếng Trung Quốc phổ thông, ông được đặt vào vị trí nhà đàm phán hàng đầu của Mỹ với đối thủ bên kia bán cầu.

Nhưng Hillary đã nhòm ngó vào “mảnh vườn” của Geithner. Trong quá trình chuyển tiếp, bà nói chuyện nhiều với Jim Steinberg và Bob Hormats – người về sau là thứ trưởng giải quyết vấn đề kinh tế – về các cơ hội tại châu Á có thể giúp Mỹ mở rộng ảnh hưởng. Nếu có được nội dung cốt lõi của cuộc Đối thoại Kinh tế Chiến lược, Hillary có thể giúp Bộ Ngoại giao mở cánh cửa tham gia cuộc đàm phán nhạy cảm nhất so với bất cứ cuộc đối thoại giữa hai quốc gia nào khác trên thế giới. Quyết định thúc đẩy tham gia đối thoại cho thấy chiến lược to lớn hơn của Hillary trong việc đưa Bộ Ngoại giao lên thành cơ quan lãnh đạo về tất cả các vấn đề chính sách đối ngoại, ngoại trừ những nơi đang có chiến sự buộc Lầu Năm Góc phải chủ trì. Nhiều cơ quan từ Bộ Tài chính đến Bộ Thương mại đều có những thương vụ ở nước ngoài, và Hillary – người đã chủ trương xem “tài năng quản lý kinh tế” là một trong những trụ cột chính trong chương trình nghị sự của mình – muốn các đại sứ phải đóng vai trò như những CEO của Mỹ, phối hợp với các hoạt động của liên bang và nâng cao vị thế nước Mỹ tại bất cứ nước nào mà họ công tác. Trong Báo cáo Ngoại giao và Quốc phòng Bốn năm lần đầu tiên của Bộ Ngoại giao, được công bố sau này, quan điểm của Hillary được trình bày bằng ngôn từ rất minh bạch. “Hiện nay, với hàng loạt các cơ quan và công chức Hoa Kỳ ở khắp nơi trên thế giới, nhằm đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và phối hợp hành động, điều thiết yếu là các đại sứ phải được giao cả quyền hành và trách nhiệm giống như những CEO,” báo cáo viết. “Họ có trách nhiệm phải chỉ đạo và điều phối nhất quán, tạo thuận lợi cho việc gắn kết hai phía hữu quan để thúc đẩy công việc của tất cả các nhân viên Chính phủ Mỹ ở từng quốc gia.” Nói cách khác, công tác đối ngoại không nên bị dẫn dắt bởi những cơ quan khác.

Là cựu lãnh đạo của Cục Dự trữ Liên bang đầy quyền lực, Geithner không dễ bị thuyết phục. Nhưng Hillary nhận thấy ông ta ở thế rất bất lợi do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, và bà đã tận dụng điều đó trong các cuộc thảo luận. “Bà ấy biết rằng Bộ Tài chính đang phải giải quyết nhiều vấn đề quan trọng hơn, và không sẵn sàng can dự công việc mà đại đa số đều cho là vấn đề nhỏ,” một quan chức Bộ Tài chính giải thích.

Vào thời điểm Geithner và Hillary tranh luận trực tiếp về quan hệ với Trung Quốc hồi tháng Hai, theo một nguồn tin hiểu rõ suy nghĩ của Geithner, cuộc đối thoại của họ không bàn đến việc có cần tiến hành thay đổi hay không, mà là về việc làm thế nào để thu xếp việc chia sẻ quyền lực.

Nguồn tin cho biết thêm, chính Geithner sẽ hỗ trợ nâng tầm Hillary trong các cuộc đàm phán với Trung Quốc. Nhưng cấp dưới của Geithner lại không hài lòng. Các quan chức Bộ Tài chính nghĩ rằng Hillary đang phá hỏng nỗ lực của các Bộ khác. Là người trong bộ máy, họ đã mất nhiều năm xây dựng các cơ chế trong quan hệ với Trung Quốc, thậm chí ngay từ trước thời Tổng thống Bush; và hiện nay những cơ chế đó vẫn đang vận hành. Giờ thì, Bộ Ngoại giao có thể giành lấy một phần những nỗ lực đó. Nhân viên của Geithner than phiền trong nội bộ về điều này, nhưng ông ta chẳng thể làm gì khác. Quan điểm từ Bộ Tài chính là: Obama không quan tâm đến cuộc chiến quyền lực giữa các bộ, còn Hillary đang cố tận dụng lợi thế từ việc tổng thống mong muốn xoa dịu bà.

“Việc đó làm phật ý một vài người ở Bộ Tài chính,” một quan chức cấp cao Bộ Ngoại giao nhớ lại về cách làm của Hillary. “Chúng tôi đang giải quyết các vấn đề với Trung Quốc, và để mọi thứ thông suốt – hay để tập trung đối thoại với Trung Quốc về tài chính và kinh tế – không được xem đây là những vấn đề có tính chiến lược khi nhìn nhận mọi chuyện. Đó là thay đổi lớn mà Hillary đã thực hiện. Paulson khởi động công việc này và chỉ tập trung vào kinh tế, sau đó bà ấy nhận ra rằng đây không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn phải bao gồm cả vấn đề chính sách đối ngoại. Vì vậy, bà ấy đã chơi trò kéo co – một cách làm có thể sai lầm – dưới dạng một cuộc đối thoại với Bộ Tài chính và Nhà Trắng. Bà ấy nhấn mạnh vào điều đó. Bà ấy sẽ không bị bác bỏ.”

Hillary nói riêng với Obama về việc này. “Tôi đang kết hợp tất cả các cuộc đối thoại này thành một cuộc đối thoại dựa trên một quan niệm mới,” bà nói. “Tôi đã bàn với Tim Geithner. Ông ta đồng ý. Vậy đây là những gì tôi muốn làm.” Obama đã chấp thuận.

Nhà Trắng đã đổi tên các cuộc đàm phán. Đối thoại Kinh tế Chiến lược được đổi thành “Đối thoại Kinh tế & Chiến lược,” việc thay đổi tính từ *chiến lược* vốn dùng mô tả cách đàm phán kinh tế mà Mỹ dùng với Trung Quốc thành danh từ *chiến lược* giúp đưa chính sách đối ngoại lên ngang bằng, nếu không muốn nói là cao hơn vấn đề kinh tế, và sẽ trở thành chủ đề chính trong các cuộc đối thoại. Các nhân viên Bộ Tài chính gọi đó là một viên thuốc đắng không dễ nuốt, nhưng Geithner và Clinton đang có quan hệ tốt đẹp, và không cần phải gây chiến khi mà tân bộ trưởng Tài chính chắc chắn thua.

Sự thay đổi ấy khiến đội ngũ của Hillary có quyền khoe khoang ở nước ngoài, hay ít nhất là trong nước. Khi máy bay của Bộ Ngoại giao đến Trung Quốc dự Đối thoại Kinh tế & Chiến lược lần đầu tiên tổ chức năm 2010, các phụ tá của Hillary đội những chiếc mũ lưỡi trai với một biểu tượng “&” màu trắng rất lớn trước mũ. Kurt Campbell, trợ lý ngoại trưởng về khu vực và là chồng của thứ trưởng Bộ Tài chính phụ trách các vấn đề quốc tế Lael Brainard, nhắc nhở về vai trò mới của Bộ Ngoại giao trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Reines, một người yêu quý Hillary và Campbell, rất thích những trò tình nghịch, những năm sau đó cũng xuất hiện tại Washington trong chiếc mũ với biểu tượng “&”.

Quyết định ưng thuận của Geithner giúp tránh những phản ứng tiêu cực từ phía Bộ Tài chính, nhưng nhiều năm sau đó một số trợ lý vẫn tức giận về sự kiện này. Vụ đánh cắp quyền lực một cách lạng lẽ đã báo hiệu cho những người trong cuộc ở Washington biết rằng Obama đã ủng hộ Hillary. “Đó là một dấu hiệu sớm cho tất cả mọi người trong Chính phủ biết rằng Hillary không phải là một thành viên Chính phủ bình thường, mà rồi sẽ đạt được nhiều thứ trên đường đi của

mình; rõ ràng là bạn nên làm quen với điều đó và chơi đẹp, chứ đừng cố phát động một cuộc chiến bởi vì chắc chắn bạn sẽ thua,” một quan chức Bộ Tài chính cho biết. “Có cảm nghĩ rất rõ ràng ‘phải, chúng ta đã dành cho bà ấy chức vụ đó, và chúng ta muốn bà ấy hạnh phúc với công việc.’”

Uy lực ngôi sao của Hillary đã cho phép bà vươn cao trong nghệ thuật thuyết phục. Một sự thật đơn giản là mọi người luôn thích trả lời “vâng” đối với ai đó khiến họ ngưỡng mộ, kính trọng hoặc e sợ – và Hillary tạo ra tất cả những cảm xúc đó. Những bước tiến của bà trong nội các và trong Bộ Ngoại giao đã chứng tỏ một tài năng hiếm thấy trong việc xoay chuyển cán cân quyền lực ở Washington. Đôi khi, như trong trường hợp của Geithner, sự xoay chuyển đó có nghĩa là lấn sân. Trong những trường hợp khác, bà dựa vào tổng thống để kiếm được nhiều tiền hơn, tạo dựng liên minh với những nhà môi giới quyền lực trong Phòng Tình huống Nhà Trắng, và tìm ra những cách thức đầy sáng tạo để hỗ trợ cho các nhóm bị hạn chế hoạt động của Bộ Ngoại giao.

Đa số những người làm việc cùng bà, từ những nhân viên cấp dưới trong Bộ đến tổng thống Mỹ, đều tôn trọng bà. Họ thấy quý bà hơn sau mỗi lần tiếp xúc, ngay cả khi họ phải làm thêm giờ. Bằng cách đó, bà đã chứng tỏ mình là một chính trị gia kiệt xuất, một người có sức mạnh chiến lược, miệt mài đưa ra những quyết định chính trị cùng các chính sách, và những tính toán khéo léo để mình được ngưỡng mộ hơn là bị thù địch. Bà chắc chắn là nhân vật mà các chính trị gia khác đều muốn lôi kéo về phía mình.

“Tôi có thể nói theo một nghĩa nhất định, đây là ‘kỷ nguyên của Hillary,’” một thành viên thân cận của Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates cho biết. “Bạn biết đấy, đầu tiên bạn lo sợ viễn cảnh phải làm việc với bà ấy, miễn cưỡng tôn trọng, nhưng sau đó đã hoàn toàn tôn trọng con người và tác phong làm việc đáng kinh ngạc của bà ấy. Bà ấy dường như không biết mệt mỏi, rất kiên định, và rồi bạn sẽ bắt đầu quý mến bà ấy một cách không thể tin nổi, nhưng bạn đã thật sự quý con người này, duyên dáng, vui tính, hấp dẫn, ham học hỏi, lôi cuốn.”

Cũng như Geithner, tân Giám đốc Ngân sách Peter Orszag không hợp với Hillary. Là một kẻ học gạo, có cuộc sống riêng bừa bãi, Orszag có con với ba người phụ nữ khác nhau và giờ lại kết hôn với Bianna Golodryga, biên tập viên của kênh ABC. Cái tên chính thức tẻ nhạt của cơ quan ông ta – Văn phòng Quản lý và Ngân sách (OMB) – gây một ấn tượng sai lầm về quyền lực của nó trong ngành hành pháp. Orszag nắm giữ chìa khóa mọi tài khoản của tất cả các cơ quan liên bang; thông qua OMB, Nhà Trắng phủ quyết các mối đe dọa và các quy định liên bang. Ông ta từng được xem là một hiện tượng trong chính quyền Clinton khi trở thành một trợ lý kinh tế cấp cao lúc mới hơn 30 tuổi.

Với mái tóc đen ngắn và cặp kính dày, trông Orszag giống Lewis Skolnick, nhân vật chính trong phim *Revenge of the Nerds* (Sự trả thù của Nerds) sản xuất năm 1984 do Robert Carradine thủ vai. Khi nhân viên OMB tổ chức sự kiện thường niên công bố ngân sách năm 2010, cấp dưới của ông ta đã dành tặng ông ta ca khúc kinh điển của Rick James, trong đó từ “Superfreak” (Siêu quái dị) được đổi tên thành “Supergeek” (Siêu lập dị). Khi ông ta treo khung ảnh của cô bạn gái mới Golodryga ở vị trí nổi bật trong văn phòng, nhân viên OMB đùa nhau rằng ông ta đã mang sự lập dị trở lại. Ít nhất thì một phụ tá cũng nhắc ông ta nên bỏ bức ảnh quyền rũ của Golodryga và thay vào đó một cái gì đó nghiêm túc hơn. Nhưng bức ảnh vẫn ở nguyên đó. Đó là một kẻ dở hơi với cái tôi quá lớn và đầy quyền lực.

Chịu trách nhiệm tổng hợp ngân sách năm đầu tiên của chính quyền Obama từ đầu 2009 đến đầu 2010, Orszag đã có rất nhiều quyền tự chủ trong việc kết nối triết lý và chính sách của tổng thống qua hàng nghìn trang văn bản và tài liệu để đưa ra đề xuất của OMB về ngân sách liên bang hằng năm. Ông ta là thành viên nội các, do đó ngẫu nhiên lại thành bạn của Hillary và những người đứng đầu các cơ quan cấp bộ. Nhưng do ông ta nắm giữ ngân sách, những người bạn đó sẽ phải lụy ông trong vấn đề tiền bạc.

Hillary biết ngay khi bắt đầu công việc rằng mình sẽ phải chiến đấu vì từng đồng đô-la – và bà phải sáng tạo để tối đa hóa những gì mình kiếm được. Xét cho cùng, nước Mỹ đã thật sự

vướng vào hai cuộc chiến, nền kinh tế trong nước đã sụp đổ, và Obama phải đối mặt với tình trạng thâm hụt ngân sách nghiêm trọng, do đó những vùng đất khô cằn có thể sẽ bị bỏ rơi trong một thập kỷ hoặc hơn. Ngay cả trong trường hợp có điều kiện thuận lợi về ngân sách, thật khó để thuyết phục công chúng Mỹ về việc tăng viện trợ nước ngoài. Câu hỏi cơ bản mà các thành viên Nghị viện luôn nghe được từ cử tri và nhắc lại điều đó với các quan chức Chính phủ, đó là vì sao Mỹ lại xây dựng trường ở Baghdad trong khi có thể xây nó ở Boston?

Với đa phần các cơ quan, quá trình yêu cầu cấp ngân sách khá đơn giản. Nhân viên các bộ dành hàng tháng hoàn thành một đề xuất ngân sách và gửi đến OMB. Nghị viện có quyền đưa ra quyết định cuối cùng đối với yêu cầu của tổng thống về ngân sách cho tất cả các cơ quan, nhưng yêu cầu cuối cùng là một tuyên bố mạnh mẽ về những ưu tiên của Nhà Trắng. Vào cuối tháng Mười một, OMB sẽ đưa ra đánh giá về từng yêu cầu ban đầu của các bộ, thường là cắt giảm so với đề xuất của cơ quan đó. Khoảng thời gian kháng nghị được phép là giữa Lễ Tạ ơn và Giáng sinh, khi những thay đổi nhỏ vẫn có thể xoa dịu một ngoại trưởng hay các bộ trưởng hoặc quan chức Chính phủ. Nhưng đến cuối năm, tất cả những gì Orszag và các trợ lý của mình phải làm là ghi dấu “chấm” để *chấp nhận* và dấu “gạch chéo” để *bác bỏ*. Đầu tháng Hai năm sau, đề xuất ngân sách được trình lên Nghị viện.

Hầu như chẳng bộ trưởng nào nghĩ mình thắng được OMB, chủ yếu là vì bản thân giám đốc ngân sách cũng là quan chức Chính phủ trợ giúp tổng thống, và cũng bởi ông ta có mối quan hệ vững chắc với những cố vấn cấp cao của khu West Wing. Đó là sự thật hiển nhiên về Orszag, ít nhất trong giai đoạn đầu của chính quyền mới. Bộ trưởng Năng lượng Stephen Chu và cả Bộ trưởng Thương mại Gary Locke có tiếng là những nhân vật hay xuất hiện ở dãy hành lang lát đá cẩm thạch của Tòa nhà Văn phòng Điều hành Cũ – chính là cái di tích mà nay là trụ sở OMB và các cơ quan điều hành khác của Nhà Trắng – họ hầu như không lãng phí nhiều thời gian vận động Orszag.

Nhưng Hillary Clinton có nhiều vũ khí dự trữ hơn những bộ trưởng khác của Obama, như Orszag đã hiểu ra. Cuối tháng Mười một, đầu tháng Mười hai năm 2009, khi OMB gửi bản phúc đáp về ngân sách của Bộ Ngoại giao đến Foggy Bottom, dòng cuối cùng là một đoạn nhỏ về kinh phí, theo một người hiểu biết về các số liệu ở Bộ Ngoại giao cho biết. Thứ trưởng Ngoại giao Jack Lew, cựu giám đốc ngân sách thời Clinton, nói với Orszag rằng con số đó không thể chấp nhận.

“Chỉ có cựu giám đốc ngân sách mới có thể giải quyết việc này,” một người trong Bộ Ngoại giao ngưỡng mộ sự can đảm của Lew cho biết. Orszag về lý thuyết có chức vụ cao hơn Lew, nhưng kinh nghiệm và uy tín của Lew cao hơn đa số các thành viên Chính phủ. Hillary tuyển dụng ông ta vì điều đó.

Orszag và nhân viên của ông ta đã có chút nhượng bộ và đáp lại bằng một bản dự toán mới có thể làm hài lòng đa số các quan chức, trong đó ngân sách dành cho Bộ của Hillary lẽ ra phải cắt giảm nhưng lại được tăng hơn 1% chút xíu. Nhưng theo cách nhìn của Hillary, Orszag vẫn chưa nhận được thông điệp của bà. Đã đến lúc phải vượt qua đầu ông ta. Lew đi thẳng tới Rahm Emanuel, một trong rất nhiều phụ tá mới của Obama, người nhận được sự nhượng bộ chính trị lớn từ gia đình Clinton. Chúng tôi không thể hoạt động với chỉ từng đó kinh phí, Lew nói với Emanuel.

Một lần nữa, Orszag hồi đáp bằng con số khác – một con số mà Hillary vẫn thấy quá nhỏ. “Chúng tôi sẽ đề cập việc này với tổng thống,” Lew cam đoan với bà.

Yêu cầu ngân sách cho hoạt động an ninh của Chính phủ, bao gồm kinh phí của Bộ Ngoại giao, cuối cùng được quyết định tại cuộc họp Hội đồng An ninh quốc gia (NSC: National Security Council), nơi Orszag sẽ phải tranh luận bác việc tăng kinh phí cho Bộ Ngoại giao tại một căn phòng đầy những người thường xuyên làm việc cùng và đều có lý do đứng về phía Hillary. Trong lúc đề xuất ngân sách cho các cơ quan hàng đầu còn đang được thảo luận, khi những thành viên của NSC gồm lãnh đạo các cơ quan an ninh vẫn đang thảo luận về chiến lược ở Afghanistan và Pakistan, thì Bộ Quốc phòng đã ủng hộ việc tăng kinh phí cho Bộ Ngoại giao.

Gates vận động hành lang các “chiến hữu” tại Capitol Hill để tăng ngân sách cho Bộ của Hillary, và ông cũng thay mặt bà đấu tranh trong Chính phủ. Ông từng một lần nêu quan điểm với một phụ tá rằng OMB vẫn không thay đổi từ chính quyền này đến chính quyền khác: nó giống như một Hội Trái Đất phẳng vậy.

Được mời dự cuộc họp của NSC, nhưng Orszag không có bất cứ cơ hội nào để đánh bại Hillary tại đấu trường đó. “Đúng thế, chúng tôi đã chuẩn bị một bản yêu cầu ngân sách nhưng OMB cứ mãi từ chối. Vì thế, bà ấy đã làm việc trực tiếp với tổng thống,” một quan chức cấp cao Bộ Ngoại giao nói. “Và rồi, bà ấy đã đạt được những gì mình muốn.”

Trong năm tài khóa dồi dào đầu tiên của Hillary, bà yêu cầu ngân sách Nhà Trắng dành cho Bộ Ngoại giao và các chương trình viện trợ tăng 10,6% lên thành 56,6 tỉ đô-la. Hillary cũng giành được khoản dự phòng mà ban đầu bị OMB từ chối, đủ để cấp kinh phí cho các đại sứ quán và lãnh sự quán tại vùng chiến sự như Afghanistan, Pakistan và Iraq, thông qua tài khoản chi tiêu chiến tranh. Nghị viện có vẻ không muốn cản trở đề xuất kinh phí của tân tổng thống dành cho hai cuộc chiến tranh mà người tiền nhiệm của ông phát động, dù có yêu cầu giảm bớt đòi hỏi của Bộ Ngoại giao theo ý kiến của Đảng Cộng hòa kiểm soát Hạ viện. Nhưng tân ngoại trưởng thì cho rằng cấu trúc ngân sách dành cho bộ của bà thể hiện uy lực của bà trong chính quyền mới và nó phản ánh quy mô chương trình nghị sự mà cơ quan của bà sẽ phải thực hiện.

Hillary cũng thừa hiểu rằng, việc thông qua một khoản ngân sách trên 50 tỉ đô-la cho Bộ Ngoại giao và các chương trình viện trợ quốc tế không hẳn là đã trao cho bà chìa khóa để mở cửa kho bạc liên bang. Quan trọng hơn, điều đó không biến bà thành bộ trưởng quốc phòng, người đã có được gần 700 tỉ đô-la để tùy ý sử dụng. Bà muốn là người hành động, chứ không chỉ là người ký séc cho các hoạt động ở các quốc gia xa xôi. Việc này đặt ra yêu cầu hình thành quan hệ đối tác chiến lược với các cơ quan khác của Chính phủ và khu vực tư nhân nhằm nâng cao nguồn lực cho Bộ Ngoại giao.

Những đòn bẩy quyền lực của Hillary cùng khả năng tạo ảnh hưởng và chiếm lĩnh các nguồn lực, đã hỗ trợ bà tối đa trong việc giành được các nguồn tài chính cho Bộ Ngoại giao. Hillary sử dụng quyền lực không chính thức của mình, trong vai trò một người có thể lực trong nội các Obama, để khẳng định bản thân và vị thế cơ quan của mình; bà vận động đồng nghiệp xung quanh một cách thẳng thắn và hợp tác với họ để có được những gì mình muốn.

Theo thứ tự quyền lực không chính thức ở nội các thì bộ trưởng quốc phòng đứng đầu, vì ông ta kiểm soát một khoản ngân sách hằng năm trị giá tương đương ngân sách tất cả các cơ quan khác cộng lại, chỉ huy các lực lượng vũ trang của nước Mỹ và đại diện một bộ máy khổng lồ liên hợp với nhau từ rất lâu. Nhưng lần này người đó là ngoại trưởng, do tầm quan trọng của Bộ Ngoại giao, và vì là người ngồi gần tổng thống nhất, bà có cơ hội là người đầu tiên trình bày ý kiến với tổng thống tại các cuộc họp.

Khác với Bộ trưởng Quốc phòng Bob Gates, người đã phục vụ tám đời tổng thống, Hillary không phải là cố vấn tổng thống giàu kinh nghiệm nhất trong Hội đồng An ninh Quốc gia, nhưng bà lại có 8 năm làm cố vấn không chính thức cho chồng. Chỗ của Hillary hoặc ngay sát phía bên trái tổng thống, hoặc cách một người nào đó, tùy theo danh sách người tham dự, điều này khẳng định vị thế nổi bật của bà. Gates ngồi đối diện bà, và hai người tạo thành một cặp ẩn tượng trong bộ máy an ninh quốc gia.

Ngay cả Tom Donilon, một nhà hoạt động đảng lâu năm, từng là cố vấn an ninh quốc gia của phó tổng thống và sau đó là cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, đã không giấu nổi sự mất tự tin khi có mặt bà. Donilon từng đứng chân trong chân ngoài với cả hai phe, từng giữ các vị trí tại Bộ Ngoại giao dưới chính quyền Clinton, từng giúp Obama chuẩn bị tranh luận với đối thủ John McCain, và từng làm đồng trưởng nhóm của nhóm đảm nhiệm chuyển giao Bộ Ngoại giao dưới thời Obama. Cùng với đồng nghiệp kỳ cựu Rahm Emanuel trong chính quyền Clinton, Donilon là một đồng minh quan trọng của Hillary, nhất là trong giai đoạn đầu điều hành Bộ Ngoại giao, khi mối liên hệ của bà với những thành viên nòng cốt của Obama hãy còn rất hạn chế.

Donilon cũng từng có chút xao xuyến trước Hillary như ông thú nhận với bà và vài người bạn thân khác. Tuy họ là bạn bè, nhưng những lời đe dọa của bà đã vượt quá sức chịu đựng của ông - một cậu học trò đang yêu. Donilon mô tả cách mà Hillary gọi ông vào một buổi sáng thứ Bảy, lúc 7 giờ sáng, và rà soát hàng chục chủ đề khác nhau theo kiểu sai bảo. “Tom Donilon rất sợ bà ấy,” một quan chức làm việc trong Hội đồng An ninh Quốc gia cho biết. “Khi mọi người tranh luận về một vấn đề nào đó, thường ông ta là người luôn châm chọc, nhưng trước Hillary thì lại không dám làm thế, ông ta sợ bà ấy chết khiếp.”

Donilon và Jim Jones, cố vấn an ninh quốc gia hàng đầu của Obama, chủ trì các cuộc họp tại Phòng Tình huống, từ cùng phía đầu bàn mà Gates và Hillary ngồi. Từ đầu bàn họp ấy, quyền thế giảm nhanh từ chỗ ngồi này xuống chỗ ngồi khác. “Các cố vấn an ninh quốc gia đều có mặt. Hillary ở đó. Gates ở đó. Tiếp đó là tất cả những kẻ ngốc nghếch còn lại,” một trợ lý từng nhiều lần có mặt ở đó kể lại. “Những người khác thì giống như không có mặt ở đó.”

Tùy vào tổng thống và những cử tọa trong phòng, bà ngoại trưởng có thể đôi khi đóng vai chính, đôi khi lại trầm ngâm lắng nghe. Khoản ngân sách dành cho bà tuy nhỏ, nhưng bà có tiếng nói trong hội đồng chiến tranh của tổng thống. Giọng của bà có khi lên cao nếu bà khờ xướng một cuộc tranh luận sôi nổi và nếu có đồng minh trong phòng họp.

Nhưng, giọng bà có thể nhanh chóng hạ xuống, vì sự đông lên nhanh chóng của Ban Cố vấn An ninh Quốc gia (NSS: National Security Staff) vốn hay bị nhầm là Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC) – sự nhầm lẫn này cho thấy quyền lực mà lực lượng cố vấn này có được qua nhiều năm. Xét từ góc độ kỹ thuật, những cố vấn an ninh quốc gia và nhân viên của họ có mặt tại cuộc họp là để đảm bảo việc phối hợp chính sách giữa các cơ quan và đề xuất với tổng thống các lựa chọn cho những quyết định quan trọng. Trên thực tế, họ thường hướng dẫn thực hiện quy trình và đôi khi tự biến mình thành các nhà hoạch định chính sách. “Những thành viên Ban Cố vấn An ninh Quốc gia có nhiều quyền hạn trong việc thu thập thông tin cho tổng thống” – cựu Ngoại trưởng Madeleine Albright, người từng làm việc trong Ban Cố vấn An ninh Quốc gia dưới thời chính quyền Carter cho biết.

Albright cũng chỉ cho Hillary cách làm thế nào để điều khiển quy trình của NSC. “Nếu nhìn nhận từ góc độ Bộ Ngoại giao, cần chắc chắn rằng ý kiến của bà được lắng nghe.” Điều đó đòi hỏi phải “tìm kiếm đồng minh, và bảo đảm rằng tổng thống hiểu rõ quan điểm của bà,” bởi các cố vấn an ninh quốc gia là người tuyên bố “Đây là quan điểm của Bộ Ngoại giao, đây là quan điểm của Bộ Quốc phòng, đây là quan điểm của Bộ Tài chính, và đây là những gì tôi nghĩ” – Albright nói. “Tôi nói với bà ấy rằng việc duy trì một quan hệ tốt đẹp với bộ trưởng quốc phòng là rất quan trọng.”

Thực tế thì Gates đúng là người chơi duy nhất trong Hội đồng An ninh quốc gia của Tổng thống Obama, và dày dạn hơn Hillary trong trò chơi quyền lực tại Washington. Hillary theo đuổi một chiến lược đa dạng trong cư xử với ông ta, gây dựng một liên minh để không một ai trong số họ có thể bị Ban Cố vấn An ninh Quốc gia gây khó dễ. Giống Hillary, Gates là một đảng viên Cộng hòa năng động vào một thời xã hội phóng khoáng và đầy biến động giữa thập niên 1960. Hillary lúc ấy được xem như một tiểu thư “cành vàng lá ngọc” tại trường trung học, còn ông là sinh viên Cao đẳng William và là thành viên Hội những đảng viên Cộng hòa trẻ của Maryland. Là một sĩ quan tình báo nhà nghề, Gates lần đầu đặt chân đến Nhà Trắng với tư cách là thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia vào năm 1974, ông đã đi qua hết những con đường thăng tiến đến các cấp bậc cao của cộng đồng tình báo quốc gia tới cương vị Giám đốc CIA dưới thời Tổng thống George H. W. Bush. Tổng thống George W. Bush bổ nhiệm ông ta trở lại Chính phủ để thay thế Donald Rumsfeld làm bộ trưởng quốc phòng, và Tổng thống Obama tiếp tục yêu cầu ông ở lại. Hillary và Gates là hai người trong nhóm an ninh quốc gia của Obama không cần dùng đến bản đồ để đi lại trong khu West Wing. Không như Hillary từng bị tách ra khỏi quá trình đảm bảo an ninh quốc gia khi còn là đệ nhất phu nhân, Gates có rất nhiều kinh nghiệm trong Phòng Tình huống. “Lần tới, khi bà làm việc với Gates trong Phòng Tình huống, hãy thử nghĩ xem, ‘ông ta đã ngồi ở bao nhiêu chiếc ghế?’” một cố vấn của Hillary nhắc lại những lời của Albright. “Ông ta biết người khác định nói gì.”

Với những nền tảng chung giữa họ như tuổi tác (Gates hơn Hillary bốn tuổi), và các vị thế của họ như là những bậc lão luyện khôn ngoan trong Hội đồng An ninh Quốc gia của Obama, Hillary và Gates dễ dàng xây dựng một tình bạn vững chắc. Họ trở nên thân thiết nhanh đến mức ở Washington người ta cứ nghĩ rằng họ vốn là bạn từ khi bà còn đứng trong Ủy ban Quốc phòng của Thượng viện hoặc từ thời Tổng thống Clinton. Một vài thành viên cấp cao của Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng còn thêm dệt về tình bạn giữa hai người qua tình huống sau: Hillary đã kết bạn với một số những tướng lĩnh cấp cao – những viên tướng và đô đốc ba, bốn sao, và Gates đã ngầm để ý. Danh tiếng là một nhà chiến lược đáng gờm về các vấn đề quân sự của bà đã có từ trước. Lầu Năm góc rất tôn trọng vị đảng viên Đảng Dân chủ này, người mà trước sự ngạc nhiên của họ không chỉ nhiệt thành ủng hộ một lực lượng quân đội hùng mạnh mà còn miệt mài nghiên cứu chi tiết, cẩn thận các kế hoạch, chương trình và cách để đảm bảo nguồn kinh phí. Đây không chỉ là vấn đề khẳng định vị thế chính trị. Bà tin tưởng mọi hình thái quyền lực của nước Mỹ, kể cả sức mạnh quân sự, mặc dù quan điểm đó khiến bà bị chỉ trích trong cuộc tranh cử sơ bộ trong Đảng Dân chủ năm 2008, khi Obama tiếp thêm sức mạnh cho những quan điểm chống chiến tranh qua việc phản bác đối thủ của ông ta về cuộc chiến Iraq trong khi Hillary lại ủng hộ.

Sự thật là Gates và Hillary ít khi gặp nhau trước khi Obama giới thiệu họ là thành viên nhóm an ninh quốc gia của ông vào đầu tháng Mười hai năm 2008. Hơn 15 năm trước, họ từng bắt tay nhau trong văn phòng của Giám đốc CIA Jim Woolsey tại một buổi tưởng niệm các sĩ quan thiệt mạng trong cuộc tấn công vào trụ sở CIA ở ngoại ô Langley, Virginia. Họ không có cuộc gặp trò chuyện nào sau đó, và Gates không gặp trực tiếp Hillary lần nào khác cho đến cuộc họp báo tại Chicago.

Trong quá trình chuyển giao, họ đều nhận ra thiên hướng chính trị tương đồng của người kia. Gates, một đảng viên Đảng Cộng hòa ôn hòa và Hillary, đảng viên Đảng Dân chủ điều hâu, cả hai đều đánh giá cao việc sử dụng tất cả các công cụ trong việc thực hiện chính sách đối ngoại Mỹ. Dù cho đó là một bức thư, hay một quả tên lửa. Trong bài phát biểu tại Đại học bang Kansas vào tháng Mười một năm 2007, Gates đã chấp thuận phương pháp sử dụng quyền lực thông minh vốn được những người thuộc phe Clinton trong bộ máy an ninh quốc gia của Đảng Dân chủ ưa chuộng.

Còn có một nhu cầu chiến lược khiến họ phải liên minh với nhau. Hillary cần bộ trưởng Quốc phòng để đảm bảo rằng tiếng nói của Bộ Ngoại giao về những vấn đề chiến tranh, đối ngoại và phát triển sẽ được lắng nghe, cũng như để các yêu cầu ngân sách và chính sách của bà được đáp ứng. Nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao là chỉ đạo công tác ngoại giao và thực thi chính sách đối ngoại của tổng thống. Nói một cách lý tưởng, dấu ấn quốc tế của nước Mỹ phải giống đôi cánh hòa bình, chứ không phải là gót sắt chiến tranh. Dưới thời Tổng thống Bush, Lầu Năm góc đã đảm nhiệm xử lý những điểm nóng trên thế giới thay Bộ Ngoại giao, đặc biệt là Iraq và Afghanistan. Cả Gates và Hillary cho rằng Lầu Năm góc đã lạm quyền cung cấp viện trợ dân sự, vừa chiếm đoạt vai trò ngoại giao vừa khiến quân đội xao lãng sứ mệnh quốc phòng cốt lõi của nó.

Khi Gates lâm vào tình huống lạc lõng một mình giữa căn phòng đầy đảng viên Dân chủ, vị đảng viên Cộng hòa này được Hillary đứng cùng phe và trợ lực cho ông. “Bà ấy là người có ảnh hưởng lớn trong chính quyền,” một người phe Gates giải thích lý do Hillary “có giá trị” với Lầu Năm góc. “Bà ấy có nguồn lực chính trị to lớn.” Hơn nữa, hai người quý mến nhau, nhưng họ cư xử như những người không quen biết tại các cuộc họp an ninh quốc gia của Obama, nơi có mặt rất nhiều người đã giúp tổng thống giành chiến thắng trong cuộc bầu cử với lời hứa sẽ xoay chuyển tình thế. Để tồn tại và phát triển, họ cần phối hợp thành một khối thống nhất càng bền chặt càng tốt. “Tôi nghĩ đó là một chiến lược. Khi bộ trưởng quốc phòng và bộ trưởng ngoại giao liên kết hoặc cùng nhau bước vào Phòng Bầu dục vì một vấn đề nào đó, họ sẽ có vị thế mạnh mẽ hơn nhiều,” một nhân vật cấp cao Lầu Năm góc cho biết. “Họ thường so sánh các nhận xét hoặc chủ động tổ chức một số các cuộc họp để đưa ra một nền tảng chung cho phép họ có thể gây ảnh hưởng hoặc điều hướng chính sách về một chủ đề nhất định.”

Một hoặc hai lần mỗi tháng, Gates và Hillary dùng bữa trưa cùng nhau, lần lượt tại văn phòng

của bà ở Bộ Ngoại giao và tại văn phòng của ông tại Lầu Năm góc. Họ cũng có những bữa buffet hằng tuần với cố vấn an ninh quốc gia ở khu West Wing. Điều quan trọng nhất là họ đều duy trì một kênh phi chính thức để đối chiếu những nhận xét. “Sẽ là bất thường nếu họ phải gọi trước cho nhau hoặc lôi kéo người kia trước hoặc sau một cuộc họp mà họ sẽ cùng tham dự. Họ thường vào dự họp cùng lúc,” một nguồn tin tại Lầu Năm góc cho biết. “Trong trường hợp họ không nhất trí, cần phải biết sớm hoặc cảnh báo họ đâu là điểm bất đồng.” Những bất đồng lớn chỉ đến sau này, khi Obama muốn tấn công tiêu diệt Osama bin Laden và khi ông ta cân nhắc có nên can thiệp cuộc nội chiến ở Libya hay không. Nhưng trong hai năm đầu nhiệm kỳ Obama, Hillary và Gates ở cùng phe trong Phòng Tình huống. “Bà ấy và Gates là một cặp xe đạp đôi đầy quyền lực,” theo lời một cựu quan chức cấp cao của Chính phủ.

Vào tháng Mười năm 2009, cặp đôi đặc biệt này cố gắng làm nổi bật vai trò cặp đôi kỳ lạ của họ khi cùng nhau xuất hiện trên sân khấu trong một loạt các cuộc đối thoại và phỏng vấn chung hiếm thấy tại Đại học George Washington. Trong cuộc trò chuyện với Christiane Amanpour của đài CNN và Frank Sesno của đài GWU, hai vị bộ trưởng đều bày tỏ lòng ngưỡng mộ lẫn nhau và nêu bật sự tương phản trong mối quan hệ giữa họ và quan hệ của những người tiền nhiệm.

Rõ ràng họ không chỉ tỏ ra lịch sự và đúng đắn về mặt chính trị. Họ đã tạo dựng một mối quan hệ tốt và mối liên kết bền chặt, đến nỗi khi họ thoát khỏi cuộc phỏng vấn kéo dài một giờ hôm đó, họ đã đi ăn tối tại nhà hàng Blue Duck Tavern đắt tiền ở Washington, gần Georgetown. “Đó là một ví dụ phản ánh quan hệ kề vai sát cánh,” một người quen biết họ nói. “Họ muốn cùng ăn tối.”

Khi trở lại Lầu Năm góc ngày hôm sau, Gates nói với phụ tá của mình rằng ông đã rất “vui” – một từ mà ông rất ít dùng – trên diễn đàn của CNN. Một phần có thể vì ông tỏ ra thoải mái hơn một chút, dí dỏm hơn so với đối tác nổi tiếng của mình. Nhưng những người ở cả hai phía đều nói rằng, tình cảm chân thành họ dành cho nhau đã củng cố một liên minh chiến lược hùng mạnh, và gửi đi một thông điệp tới những nhân viên cấp dưới của họ trong Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng rằng, các lãnh đạo mong đợi họ cũng phối hợp tốt với nhau. “Ông ấy luôn biết rằng họ có mối quan hệ đặc biệt tốt đẹp,” một quan chức cấp cao Bộ Quốc phòng nói.

Hillary đã có được sự tôn trọng của Gates và một số quan chức từ thời Bush còn tại vị ở Lầu Năm góc. Một số cố vấn của Obama thán phục Hillary nhưng vẫn cảm nhận dư âm của chiến dịch tranh cử, họ trải qua trạng thái tình cảm tương tự, đầu tiên là tôn trọng và sau đó là thiện cảm dành cho Hillary. Một thời gian ngắn sau khi bà bị gãy tay hồi hè năm 2009, Tommy Vietor, một trong những trợ lý truyền thông trẻ tuổi, nhiệt huyết và trung thành của Obama trong chiến dịch tranh cử, đã va phải Hillary khi đi ở hành lang tại Nhà Trắng. Vietor, trước đó từng bị trật khớp vai, nhìn thấy trên dây đeo tay của Hillary có biểu tượng của Bộ Ngoại giao.

“Ồ, cậu cũng đeo dây đỡ tay,” Hillary nói, đằng sau là Huma. “Cậu bị sao vậy?”

“Tôi bị chấn thương khi chơi bóng rổ,” Vietor trả lời, trong lòng vẫn e ngại Hillary sau khi đã công kích chính sách ngoại giao của bà trong chiến dịch tranh cử. “Dây đỡ tay của bà trông đẹp hơn của tôi rất nhiều.”

Hai ngày sau, đang ngồi trong phòng họp tại Nhà Trắng, Vietor nhận được một chiếc hộp màu trắng gửi từ Bộ Ngoại giao. Bên trong là một chiếc dây đỡ tay với biểu tượng Bộ Ngoại giao. Một cử chỉ đã xóa tan mọi dấu vết thù địch còn sót từ những ngày tranh cử.

Nhưng vẫn có một số người ngờ vực Hillary rất lâu, như Plouffe và Gibbs, và họ vẫn không bao giờ thật sự có thiện cảm với bà. Với họ, bà đã không tỏ ra đáng tin vì đã đứng cùng hàng với Gate hoặc hậu thuẫn cho Richard Holbrooke, người mà Tổng thống vốn không ưa.

Hillary khéo léo xây dựng quyền lực bằng cách làm việc và đôi khi vun xới cho những người có ảnh hưởng lớn khác ở Washington, lòng nghĩa hiệp hào phóng của bà dành cho Holbrooke là ví dụ điển hình về niềm tin của bà với người của mình và sự khôn ngoan của họ, niềm tin đó được ưu tiên hơn các mối quan tâm khác, dù mọi chuyện có thể tốt hơn hay tệ đi.

Holbrooke là một nhà cải cách, một nhà hoạt động kiên trì, luôn làm thất bại ý đồ của Nhà Trắng muốn kiểm soát mọi điều nhưng không điều gì có thể qua mặt ông. Về phần mình, ông bị ám ảnh với việc phải tiếp cận những thành viên cấp cao của Obama, và thường lớn tiếng phản nản việc nhóm an ninh quốc gia của tổng thống cố cô lập ông. Ông thử mọi cách để có thể xích lại gần họ, thậm chí lang thang ở khách sạn Hay-Adams vì biết nhân viên Nhà Trắng là khách quen của quán bar ở đó.

Đặc biệt, ông đã tìm ra David Axelrod, cố vấn cấp cao của tổng thống. Trong cuốn sách *This Town* (Thành phố này), tác giả Mark Leibovich kể câu chuyện về Holbrooke đứng cạnh trợ lý trẻ tuổi Axelrod bên bồn vệ sinh của Nhà Trắng cố gắng đặt lịch hẹn.

“Ông ấy muốn tiếp cận để nói về những gì ông ấy quan tâm,” một nhân viên khu West Wing cho biết. “Ông ấy cố gắng làm Nhà Trắng quý mến mình, và ông ấy biết David là một phần trong đó.”

Axelrod là một trong những người mà Holbrooke từng tiếp cận tại Nhà Trắng, và đã làm việc với Axelrod rất vất vả.

“Ông ấy rất thành công trong việc tăng bốc cái tôi của mọi người,” vị trợ lý đó nói.

Dù chắc chắn Axelrod là một lối đi để tiếp cận Obama, vẫn có một lý do khiến Holbrooke dằn dặt phải lo ngại: ông cho rằng, trở ngại chính cho kế hoạch tăng quân ở Afghanistan để buộc Taliban ngồi vào bàn đàm phán là nỗi lo sợ của nhóm Obama, khi cho rằng khả năng sa lầy tại chiến trường có thể phá hỏng hy vọng tái đắc cử của Obama trong năm 2012. Nếu Holbrooke có thể chứng minh cho Axelrod thấy rằng, một thỏa thuận hòa bình là tốt hơn so với việc rút quân Mỹ khỏi nơi đó, thì có lẽ ông ấy có thể thay đổi suy nghĩ của tổng thống.

Cuộc chiến lớn nhất trong Hội đồng An ninh Quốc gia của Tổng thống Obama trong nhiệm kỳ đầu tiên là về vấn đề “tăng quân” ở Afghanistan, kéo dài đến tháng Mười hai năm 2009 mới được giải quyết. Tổng thống ban đầu cam kết gửi thêm 21 nghìn quân vào đầu năm, một lực lượng có thể cầm chân các chiến binh Taliban cho đến khi một lực lượng lớn hơn khoảng 40 nghìn quân sẽ được gửi đến vào cuối năm. Cuộc tranh luận về số quân và chiến lược tổng thể của Mỹ ồn ào và gay gắt đến mức Bob Woodward đã viết cả một cuốn sách, *Obama's Wars* (Những cuộc chiến của Obama).

Liên minh Gates-Clinton là một mối đe dọa đối với quyền lực trong tay các phụ tá Nhà Trắng của Obama trong những năm đầu cầm quyền. Những diễn biến tại chiến trường, cùng sức ép từ Tổng tham mưu trưởng David Petraeus cũng như các nhà lãnh đạo quân sự khác, đang dồn tổng thống vào thế phải gửi quân đến Afghanistan, điều ông không mong muốn. Thật khó để các trợ lý tổng thống đánh bại hai bộ trưởng hàng đầu nếu họ liên kết với nhau. Tuy nhiên, nếu họ chia rẽ thì mỗi người có thể bị tác động từ xung quanh. Trong trường hợp này, Hillary không có sự khác biệt với Gates. “Mục tiêu cốt lõi là để đảm bảo Afghanistan không trở thành sào huyệt của Al Qaeda hoặc các nhóm cực đoan xuyên quốc gia; cuộc tấn công 11 tháng Chín đã từng được lên kế hoạch và những cuộc huấn luyện khủng bố cũng đã diễn ra ở đó,” một cựu quan chức cấp cao trong Chính phủ cho biết. Hillary “nhận ra rằng cách duy nhất để đạt được mục tiêu là tạo điều kiện cho người Afghanistan tự bảo đảm an ninh, tự quản *một cách đầy đủ*, như một cụm từ then chốt. Cách duy nhất để làm điều đó là thông qua một chiến dịch quân-dân sự toàn diện chấm dứt những nỗ lực mà Taliban đang thúc đẩy.”

Những người ủng hộ cặp đôi quyền lực trong Chính phủ Obama nói rằng, hai vị bộ trưởng này đang ngăn chặn không để chính sách đối ngoại của Mỹ thụt lùi. Obama chỉ mới vừa đi qua cuộc bầu cử, trong đó ông đã hứa chấm dứt hai cuộc chiến tranh và thiết lập quan hệ ngoại giao trực tiếp với Iran và Cuba; người ta đã lo sợ về sự hình thành chính sách đối ngoại ôn hòa của Washington, từ đó Obama có thể theo đuổi những mục tiêu gây thiệt hại cho lợi ích của Mỹ.

Nhóm của tổng thống thực tế có thể tìm cách thu nhỏ tầm ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Phó Tổng thống Joe Biden muốn giảm bớt chứ không phải làm sâu sắc thêm cam kết của Mỹ ở

Afghanistan, và Chánh văn phòng Rahm Emanuel, Axelrod cùng các cố vấn khác, những người đã tham gia chiến dịch tranh cử của Obama, cũng vậy. Họ không tin tưởng vào đội hình được thành lập bởi các nhà lãnh đạo của Lầu Năm góc và Hillary, mặc dù đó là các lãnh đạo quân sự, chứ không phải Hillary, mà họ bị đổ lỗi đã thường xuyên tiết lộ thông tin, đưa những thông tin vô bổ ra trước công luận và đề xuất các lựa chọn thay thế vô lý trước tổng thống để đòi tăng quân. Tuy nhiên, liên minh của Hillary với Lầu Năm góc đã không giúp bà chiếm ưu thế trước một số nhân vật từng tham gia chiến dịch vận động tranh cử của Obama.

Trong cuộc họp tại Phòng Tình huống về Afghanistan hồi tháng Mười năm 2009, Hillary đã nói chuyện với tổng thống về “tình thế tiến thoái lưỡng nan *ông* phải đối mặt,” một câu nói gây chú ý với thư ký báo chí Robert Gibbs, thành viên đáng tin cậy của Obama từ ngày ông còn ở Thương viện. Trong bản ghi chép của mình, Gibbs ghi lại việc bà sử dụng từ *ông* – chứ không phải là *chúng ta*. Holbrooke về sau mô tả nó là “bản năng kiểu Freud” của Clinton với cảm giác bị tách ra theo lời Woodward. Holbrooke, người cách xa với tổng thống và các cố vấn của ông ta, có thừa lý do để miêu tả một cách sinh động là Hillary bị tách khỏi quy trình ấy. Một trong những phụ tá của Hillary, người thừa nhận rằng chữ nghĩa của Clinton đáng ra phải khéo léo hơn, cho rằng phản ứng của Gibbs chỉ là một kiểu “tầm chương trích cú.”

Cuối cùng, Hillary và những người ủng hộ quyết định của Obama đi tới một kế hoạch kép, vừa cho Lầu Năm Góc thêm 33 nghìn quân nhưng đồng thời cũng công bố một hạn chót để rút quân là sau một năm rưỡi. Khi chiến lược được công bố tại Học viện Quốc phòng West Point vào đầu tháng Mười hai, chính sách về Afghanistan bước sang trang mới. Việc đó cũng giúp mối quan hệ giữa Hillary và các trợ lý Nhà Trắng dịu lại.

Với một số quan chức có vị trí trong cả hai phe, cái suy nghĩ rằng có một âm mưu của các nhà lãnh đạo hàng đầu tại Lầu Năm góc và Bộ Ngoại giao nhằm thao túng tổng thống thật nực cười. “Đang có một cuộc tranh luận thoải mái, cởi mở và mạnh mẽ,” Jim Steinberg nói. “Đây là một vị tổng thống không bao giờ làm bất cứ điều gì mà mình không muốn làm.” Việc xét lại chiến lược của Mỹ tạo cho Hillary một cơ hội để nâng tầm Bộ Ngoại giao bằng cách biến chiến tranh thành hòa bình. Hillary, người có cảm nhận của riêng mình với các cử tri cũng như mong muốn tìm một giải pháp cho vấn đề gây nhiều tranh cãi tại Afghanistan, đã ấp ủ ý tưởng rằng tăng quân có thể gây áp lực lên Taliban để buộc họ ngồi vào bàn đàm phán nhằm kết thúc chiến tranh.

“Sự khác biệt giữa bà ấy và tổng thống về vấn đề Afghanistan đó là bà ấy sẵn sàng để tạo ra một sự đột biến trong ngoại giao,” một thành viên cao cấp của nhóm Holbrooke cho biết. “Tôi không nghĩ rằng tổng thống quá khắt khe trong việc lựa chọn chính sách đối ngoại ở Afghanistan.”

Hillary đã tạo điều kiện để Holbrooke xem xét những điểm chủ chốt cho một thỏa ước, nhưng bà cũng nhìn nhận rõ ràng các trở ngại. “Bà ấy rất tỉnh táo về triển vọng thành công, với cả hai khả năng, dù khi Taliban khẳng khăng khước từ đàm phán, hay khi những nhà lãnh đạo địa phương vốn đều có quyền lợi riêng của mình đứng sau một kết quả ngoại giao minh bạch,” một cố vấn chính của bà nói. “Dù rất điềm đạm, nhưng bà ấy kiên cường đấu tranh một cách mạnh mẽ vì một tiến trình ngoại giao phải được đưa ra và thực thi; bà ấy thấy cú như thời gian bị mất đi, chúng ta đang đánh mất dần lực đòn bẩy và cơ hội, cơ hội lớn nhất để giành thắng lợi.”

Đúc từ khuôn của các nhà điều hành Washington hiểu biết, Hillary có lẽ rất giỏi trong việc giữ sự thôi thúc của riêng mình. Đó là lý do mặc dù lúc ấy có những bất đồng về việc bà thật sự tin tưởng đến mức nào việc Holbrooke, hoặc bất kỳ ai khác, có thể thúc đẩy tiến đến thỏa thuận hòa bình giữa Mỹ, Taliban, Chính phủ của Tổng thống Karzai ở Afghanistan, Pakistan, và các bên liên quan trong khu vực. Nhưng bà vẫn tìm cách hỗ trợ Holbrooke mỗi khi ông ta rơi vào hố sâu ở Nhà Trắng.

Trong khi tất cả mọi người trong Chính phủ có vẻ đều ủng hộ các thỏa thuận hòa bình mà Holbrooke tìm kiếm trong khu vực, ít người nghĩ đó là một khả năng thực tế. Sự khác biệt về

lợi ích giữa Chính phủ Pakistan, Chính phủ Karzai, và các phần tử nổi dậy đã quá lớn để xóa bỏ. Việc đàm phán hầu như là bất khả, do đó không gian hoạt động duy nhất còn lại cho Hillary và Holbrooke là điều phối các nỗ lực dân sự của Mỹ để giúp Afghanistan phát triển các nền tảng xã hội, và bà phải nhắm đến thương lượng với các đồng minh nhằm kiếm thêm kinh phí, quân đội và vũ trang. “Công việc của Bộ Ngoại giao không phải là đàm phán hòa bình,” Vali Nasr, người đã làm việc cho Holbrooke nói. “Mà là thúc đẩy cuộc chiến.”

Holbrooke tiếp tục nêu lên sự tương đồng giữa Afghanistan và Việt Nam, và ông đã không ngần ngại nói với báo chí điều đó, khiến Nhà Trắng tức điên. Obama nghĩ Holbrooke đã đi quá giới hạn. Holbrooke nhanh chóng trở thành trung tâm của sự căng thẳng giữa Nhà Trắng và Thượng viện về chiến tranh, nơi tập trung vấn đề chính sách đối ngoại cấp bách nhất trong hai năm đầu tiên của nhiệm kỳ Tổng thống Obama.

Các nhân viên an ninh quốc gia của Tổng thống Obama đã dành nhiều tháng cố gắng trừng phạt Holbrooke, một phần vì ông đã gây chuyện và một phần vì ông là một trung tâm trong quyền lực đối địch. Về phần mình, Holbrooke trung thành với tổng thống, nhưng ông chủ mới đã khiến ông ngỡ ngàng. Ở chỗ riêng tư, ông phàn nàn với những người gần gũi nhất với ông rằng, Obama, được tán dương như hiện thân thứ hai của John F. Kennedy, nhưng chẳng phù hợp chút nào với phiên bản Camelot hiện đại của chính ông ta. Và Holbrooke là kẻ thù tồi tệ nhất của Obama, chuyên cung cấp cái cớ cho các trợ lý Nhà Trắng để họ “dìm hàng” ông trước tổng thống.

“Về mặt chính sách cũng chẳng có gì quá quái lắm. Vì phần lớn những gì Holbrooke đã làm chỉ là để cho Holbrooke, và nó đã tạo ra kịch tính ở một mức độ nhất định mà nhóm Obama không đánh giá cao,” một nguồn tin cho biết. “Ông ta không cố ý làm vậy. Ông ta chỉ làm theo cách của mình. Tôi nghĩ rằng điều đó chủ yếu về vấn đề cách thức, và rõ ràng là Holbrooke gắn bó chặt chẽ với báo chí. Bạn sẽ cảm thấy rằng những gì ông ta làm không ăn nhập với những gì mà nhóm của Obama cố gắng thực hiện.”

Sau khi một loạt bài của George Packer đăng trên tạp chí *The New Yorker* tháng Chín năm 2009 ca ngợi nhà ngoại giao kỳ cựu như cơ hội tốt nhất cuối cùng cho nước Mỹ trong vấn đề Afghanistan, một McDonough tức giận đã đối mặt với Holbrooke ở khu West Wing. McDonough cũng là một “nhân vật được săn đón” trong trò chơi báo chí. Tháng trước, khi David Rothkopf trên *Washington Post* ca ngợi việc xây dựng chính sách đối ngoại của Hillary, McDonough đã đáp trả Rothkopf bằng một e-mail ngắn gọn. “Chọn người để ca ngợi hay ho đấy,” ông trách, để anh ta hiểu rằng Obama, chứ không phải Hillary, xứng đáng với lời khen ngợi.

Tháng Hai năm 2010, Jim Jones, cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, đã viết thư cho Đại sứ Karl Eikenberry thông báo rằng Holbrooke sẽ sớm được giải thoát khỏi vị trí của ông ta. Lá thư đã được gửi theo cách để rất nhiều nhân viên Bộ Ngoại giao đều biết, và tất nhiên nội dung bị rò rỉ trong bức thư đã hạ thấp uy tín của Holbrooke đối với các nhà lãnh đạo nước ngoài và ở cả Washington.

Hillary có trong tay một tập hồ sơ về những nỗ lực gạt bỏ Holbrooke và đã có những ghi chú của mình về Jones thông qua Donilon. Tức giận với các trò trả đũa, bà đến gặp Tổng thống Obama nói rằng ông ấy có thể sa thải Holbrooke bất chấp sự phản đối của bà, hoặc đề nghị các nhân viên của ông lui bước. Holbrooke vẫn yên vị. Các trợ lý của Holbrooke đếm không xuể số lần công việc của ông ta bị đe dọa, và ông ta nhận thức sâu sắc rằng Hillary là người duy nhất đang bảo vệ mình khỏi nguy cơ sát sườn của việc bị sa thải một cách nhục nhã. “Khi ông gặp mặt Hillary, hãy nói giúp tôi được không?” Holbrooke yêu cầu Ngoại trưởng Pakistan Mehmood Qureshi. “Hãy nói rằng tôi vẫn đang làm tốt mọi việc.”

Cứ thế, Holbrooke tiếp tục cố gắng để tiếp tục hành trình của Axelrod. Ông ta thậm chí xuất hiện tại CURE, một sự kiện từ thiện của Axelrod ở nhà của Connie Milstein, một ông trùm bất động sản và nhà đất. Đó không phải là quan hệ một chiều. Trong khi Obama đã nghe thấy Holbrooke cao giọng, thì “David ngưỡng mộ ông ta,” nguồn tin của West Wing cho biết. “Tôi

không nghĩ rằng Axelrod không thích Holbrooke. Đó luôn chỉ là vấn đề thời gian. Nhưng Axelrod nghĩ rằng, nói chuyện với Holbrooke là thích hợp vì Holbrooke xử lý một số vấn đề lớn.”

Khả năng của Hillary trong việc bảo vệ Holbrooke – kể cả khi bà không thể khiến Obama và các thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia kính trọng ông ta – thể hiện lập trường của riêng bà. Nhưng chắc chắn là bà không phải mất thêm vốn liếng gì để bảo vệ ông ta.

Thời gian trôi qua, Steinberg, người đã từng gần gũi với Donilon suốt nhiều năm, lại nổi lên như một nhân tố gây căng thẳng giữa Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao. Donilon và Steinberg cùng công tác tại Bộ Ngoại giao, và cả hai đều gần gũi với Trợ lý ngoại trưởng Kurt Campbell. Nhưng mối quan hệ của Steinberg với cả hai người đàn ông đó đều trở nên căng thẳng, theo các trợ lý cấp cao của Hillary cho hay. Tình trạng căng thẳng giữa ông này với McDonough đã xấu đi khi McDonough được thăng chức phó cố vấn an ninh quốc gia vào tháng Mười năm 2010, Steinberg đã thôi tham gia “các cuộc họp dành cho các cấp phó” mà McDonough chủ trì, các phụ tá kể.

7. “Chúng ta đã làm điều đó, bạn thân mến”

Hillary đã chọn Kris Balderston, tác giả bản danh sách đen, đảm nhiệm việc duy trì mạng lưới chính trị Clinton khắp cả nước. Là một nhân vật quen biết lâu năm với cả hai vợ chồng Clinton, Balderston – được mọi người gọi là “ông bạn” – rất thích nói theo ngôn ngữ của dân bán hàng về “quyền triệu tập” của Hillary và cam kết chắc chắn của bà ấy với đối tác rằng họ sẽ “thành công bằng cách làm tốt.” Ý của Balderston là Hillary có thể sử dụng các thông tin đối tác trong Rolodex của nhà Clinton để có được tiền bạc từ khu vực tư nhân, quyền lực nhà nước cũng như các chuyên gia từ những trường đại học hay các tổ chức phi lợi nhuận nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu. Gặp điều kiện tốt nhất, họ có thể tạo nên một dịch vụ công và nhanh chóng kiếm được lợi nhuận. Còn trong trường hợp xấu nhất, họ cũng có thể tạo được quan hệ với những người có thế lực. Cách gọi tốt nhất để nói lên vai trò của Balderston là “chàng nghệ sĩ” đặc biệt của Hillary tại Bộ Ngoại giao.

Ngày 8 tháng Mười hai năm 2008, ông ta đã viết cho Hillary một văn bản ghi nhớ thứ nhất thể hiện hình dung của mình về một cơ quan giống như bản sao Quỹ Sáng kiến Toàn cầu của Bill, chưa đầy một tuần sau khi bà nhậm chức và hơn sáu tuần sau khi bà đến văn phòng. Dù phải đợi hoàn tất các thủ tục kiểm tra của Obama cũng như chờ Nghị viện thông qua, bà vẫn dành ưu tiên tăng quyền cho Balderston, một con thoi chính trị – người có thể giúp bà xây dựng những mạng lưới đặc biệt, kết nối mạng lưới của bà tại Bộ Ngoại giao Mỹ với các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các tập đoàn. Phần đông người của Đảng Dân chủ cho rằng Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm về những vấn đề thế giới, còn người của Đảng Cộng hòa thì cho rằng trách nhiệm đó thuộc các tổ chức tư nhân. Cơ quan của Balderston, hiện thân niềm tin của các “tín đồ Hillary,” cho rằng Chính phủ, các tổ chức thương mại hay tổ chức từ thiện đều là những yếu tố quan trọng của một xã hội thịnh vượng, phát triển.

“Còn hơn cả việc gây quỹ,” một nguồn tin thân cận cho biết. “Đó là một hệ thống tài sản trí tuệ, các mạng lưới, danh sách, và nhiều nhân tố đại loại như vậy. Bạn cần một người nào đó biết làm nhiều điều hơn là chỉ kiếm tiền.” Điều đó cũng giống Quỹ Sáng kiến Toàn cầu của Clinton.

Nhưng tài sản trí tuệ hay sự mở rộng mạng lưới thì phải chờ đợi – còn Hillary đang cần tiền mặt. Balderston đang bận rộn thiết lập văn phòng khi Hillary đến gặp ông ta cuối tháng Hai năm 2009. “Tôi có dự án đầu tiên cho anh đây,” bà nói. Đó là việc gây quỹ 60 triệu đô-la từ khu vực tư nhân trong vòng 9 tháng. Vào thời đại tranh cử tổng thống tốn cả tỉ đô-la, thì con số gây quỹ đó chẳng bõ bèn lắm. Nhưng, Chính phủ thường không huy động tiền từ khu vực tư nhân, chủ yếu do lo ngại rằng các tập đoàn sẽ đòi hỏi Chính phủ có hành động đáp lại cụ thể. Hơn nữa, Nghị viện và chính quyền Bush đã phớt lờ sáng kiến mà Hillary muốn Balderston thực hiện.

Ngay khi Hillary vừa trở về từ Trung Quốc, kết thúc chuyến công du nước ngoài đầu tiên, nơi bà đã ngạc nhiên vì Mỹ không có một kế hoạch nào về một gian hàng tại hội chợ triển lãm thế giới vào năm sau đó – Shanghai Expo (Hội chợ hàng Xuất khẩu Thượng Hải). Các quan chức Trung Quốc cũng không hài lòng vì Mỹ chẳng quan tâm đến một sự kiện quốc tế lớn tại đất nước họ, và tỏ vẻ trách cứ Hillary. Họ cũng phàn nàn về các doanh nghiệp Mỹ. Theo quan điểm của Trung Quốc, thái độ thiếu quan tâm của Mỹ mang ý nghĩa xem thường, tuy chưa đến mức như lần tẩy chay Olympic, nhưng cũng không kém phần nghiêm trọng. Tại thời điểm đó, Hillary và Obama đang cố gắng vận động chính sách “xoay trục” của Mỹ hướng về châu Á, một sự chuyển hướng chiến lược từ châu Âu và Trung Đông về phía Trung Quốc, Nhật Bản và các nước láng giềng của họ. Việc nâng cao vai trò của Bộ Ngoại giao thông qua Đối thoại Chiến lược & Kinh tế cho thấy xu hướng chính sách mới với việc xây dựng mối quan hệ toàn diện hơn với Trung Quốc. Hai cường quốc lớn nhất thế giới cũng tìm được lợi ích chung trong các vấn đề khác nhau, từ kinh tế thế giới cho đến chống khủng bố. Đương nhiên, việc làm mất mặt Trung

Quốc ở Olympic Bắc Kinh 2008 lại gây khó khăn cho những nỗ lực đó.

Vì vậy, hội chợ triển lãm thế giới cũng là một dịp thể hiện mối quan hệ đối tác quan trọng mới mà Obama muốn thiết lập. “Điều quan trọng [với Hillary] là lãnh đạo cấp cao Trung Quốc giải thích cho bà hiểu rằng việc này rất quan trọng đối với họ,” José Villarreal, một nhân viên gây quỹ kỳ cựu của Clinton có những mối quan hệ với Trung Quốc cho biết. “Thật khó tưởng tượng rằng người Trung Quốc muốn tổ chức một triển lãm thế giới mà không có Mỹ, nhất là khi gần như chỉ Mỹ không tham gia.”

Khi ở Trung Quốc, Hillary thừa nhận mình đã không được thông báo về hội chợ – một vài chính trị gia thường không đổ lỗi cho nhân viên của mình khi cần thiết – và bà cam kết rằng sẽ chú ý đến việc này khi về nước. Sự cố ngoại giao với Shanghai Expo thật sự nghiêm trọng, nhất là khi Mỹ đang trong quá trình ve vãn Trung Quốc. Ngoài giảm thiểu rủi ro, triển lãm cũng mang đến cho Hillary hai cơ hội. Thứ nhất, bà có thể đưa ra một đường lối đối ngoại tương phản với chính quyền Bush tiền nhiệm, đó là không sử dụng các nguồn lực Chính phủ cho một gian hàng triển lãm. “Bộ Ngoại giao không có thẩm quyền và trong tương lai sẽ không được tìm kiếm sự cho phép của Nghị viện để cấp kinh phí cho các kế hoạch tham gia tại Hội chợ triển lãm Thế giới,” Bộ Ngoại giao đã viết như thế trong một văn bản năm 2006 đề xuất một đơn vị tư nhân tổ chức một gian hàng đại diện cho nước Mỹ. Nỗ lực này chẳng đi đến đâu khi người Trung Quốc tiếp cận Hillary.

Chính phủ Mỹ chưa chất vấn ý tưởng về hội chợ thế giới sau một vụ bê bối liên quan các hoạt động của Mỹ vào năm 1998 tại triển lãm ở Lisbon, và Nghị viện sau đó đã đưa ra một lệnh cấm gần như toàn bộ các hoạt động của Bộ Ngoại giao trực tiếp tài trợ cho các gian hàng tại những hội chợ thế giới trong tương lai. Nhưng các nhà lập pháp vẫn để ngỏ cơ hội cho nhân viên gây quỹ từ các nhà tài trợ tư nhân, các tập đoàn, các tổ chức phi chính phủ và các chính phủ nước ngoài. Theo luật liên bang và các thông lệ, Hillary có thể bày tỏ sự ủng hộ các nhà tài trợ tiềm năng nhưng không được trực tiếp kêu gọi quyên tiền – một lỗi hổng pháp luật vốn đã gây ra những tranh cãi lớn khi Bộ trưởng Bộ Y tế Kathleen Sebelius đứng ra vận động gây quỹ tư nhân để thúc đẩy Chương trình Obamacare vào năm 2013.

Cơ hội thứ hai thêm vào đó là việc thiết lập các hoạt động gây quỹ cho triển lãm đã tạo cho Hillary cơ hội vô giá để củng cố và mở rộng mạng lưới tới giới điều hành doanh nghiệp hàng đầu của Mỹ, một nguồn tiềm năng để đóng góp cho chiến dịch vận động nếu bà quyết định ra tranh cử năm 2016.

Balderston về bản chất là một nhà chính trị, chứ không phải một người gây quỹ, do đó Hillary chuyển hướng sang những người từng đem tiền bạc cho nhà Clinton từ nhiều năm trước đó như Elizabeth Bagley và Villarreal. Bagley là cựu đại sứ tại Bồ Đào Nha và là nhà tài trợ đã hỗ trợ hàng triệu đô-la cho Quỹ Clinton, được biết đến như là đại diện đặc biệt của Hillary về các quan hệ đối tác toàn cầu, vai trò này về sau được chuyển giao cho Balderston. Một cố vấn cũ từ cuộc vận động tranh cử năm 2000 của Clinton và Al Gore, Villarreal, hay “Hillraiser,” là một trong những người gây quỹ lớn nhất của bà trong chiến dịch vận động tranh cử. Ông ta cũng là một cựu thành viên của Hội đồng quản trị tập đoàn Walmart.

Villarreal đã nghe nói về Shanghai Expo trong một dịp đến Trung Quốc thăm con gái vài tháng trước đó, khi Giám đốc điều hành Walmart Trung Quốc bày tỏ sự bất bình về việc Mỹ lại không tham gia hội chợ, thông tin mà sau đó Hillary nhận được từ chính phủ. Khi biết Hillary có mặt tại Trung Quốc, ông nói với Cheryl Mills là ông rất vui lòng giúp đỡ để tổ chức một gian hàng Mỹ – từ đó, Hillary cử ông làm đại diện chính thức của Mỹ tại hội chợ.

Ngoài thách thức trong việc gây quỹ, Villarreal, Bagley và Balderston còn phải đối mặt với một quy tắc phức tạp cản trở nỗ lực của họ: họ phải quyên góp tiền từ các nhà tài trợ cá nhân trong khi Hillary không được trực tiếp kêu gọi đóng góp từ các tập đoàn lớn. Chuyện trở nên tệ hơn, khi một số tập đoàn lớn nhất của Mỹ ở Trung Quốc, gồm Coca-Cola và GM, tự lập gian hàng của riêng mình để bảo vệ quan hệ của họ với Trung Quốc. Kết quả là, họ hầu như không đóng góp tiền cho gian hàng chính thức của Mỹ.

Hillary đã sử dụng mọi khả năng của mình nhằm biến một trục trặc trong quan hệ quốc tế thành một biện pháp ngoại giao cứu vãn thể diện cho cả Mỹ và Trung Quốc. Cuộc đối thoại về giải pháp của bà với tư cách một nhân vật có danh tiếng quốc tế đã diễn ra tốt đẹp, nhưng liệu bà có thể xoay chuyển tình hình? Các nhà gây quỹ của bà không bỏ phí thời gian. Họ không thể chờ đợi những cánh tay ban phát làm phúc của các tập đoàn lớn. Thay vào đó, họ đến gặp thẳng các CEO nói rõ rằng, yêu cầu này là do Hillary đưa ra.

“Chúng tôi biết cách để gặp mặt lãnh đạo các công ty, và tất nhiên, đủ khả năng cho họ thấy đây là một dự án rất, rất quan trọng đối với Ngoại trưởng Clinton để thật sự, thật sự mở ra các cánh cửa,” Villarreal nhớ lại. Hillary thậm chí cũng viết sẵn các lá thư gửi các nhà tài trợ tiềm năng, phòng khi có người trong số họ cần bằng chứng về lời kêu gọi của bà. Các nguồn tin cho biết, bà cân nhắc rất kỹ các khía cạnh pháp lý của bức thư, nhưng không có gì nghi ngờ về các nỗ lực của bà nhằm thúc đẩy tiến trình này. “Bà ấy hoàn thành xuất sắc việc vận động quyền góp,” một nguồn tin cho biết.

Hè năm 2009, Indra Nooyi, CEO PepsiCo – một trong những phụ nữ quyền lực nhất thế giới do tạp chí *Forbes* bình chọn – đã cam kết đóng góp năm triệu đô-la. Tiếp đó là Chevron, General Electric, Honeywell, Microsoft, Intel, Yum!, Hiệp Hội Bóng rổ Quốc gia, Pfizer, và gần năm chục tập đoàn và tổ chức khác đã chung tay. Chỉ lướt qua đã thấy danh sách bao gồm những nhà tài trợ chính cho Quỹ Clinton. Ngoài Microsoft, Pfizer, những nhà tài trợ quen thuộc cho Quỹ Clinton, còn có Bloomberg LP, Citigroup, Dow Chemical, Procter & Gamble và Sidney Harman. (Công ty của Harman đóng góp cho Shanghai Expo, còn quỹ của gia đình ông ta thì đóng góp cho Quỹ Clinton.)

“Shanghai Expo,” một người chuyên gây quỹ cho Clinton nói, “là một ví dụ tiêu biểu về việc làm thế nào để có thể mở được cái vòi nhả tiền của những người mà Elizabeth [Bagley] đã theo đuổi.”

Tháng Mười một năm 2009, chín tháng sau khi bị người Trung Quốc trách cứ, Hillary quay lại Thượng Hải, nơi bản thân bà có cú đột phá để quyền góp thêm tiền. Sau khi thăm khu nhà hai tầng chuyên chứa máy bay Boeing mới được xây dựng tại sân bay Phố Đông, Thượng Hải – nơi bà nói chuyện với một nhóm khoảng 15 đến 20 giám đốc điều hành, gồm những người đứng đầu hãng hàng không Boeing Trung Quốc, Caterpillar Trung Quốc, và GE Trung Quốc – Hillary đã đến thăm triển lãm, ngắm nhìn gian hàng vẫn trơ khung của Mỹ, và đưa ra một yêu cầu.

“Tôi biết có một số người còn đang cân nhắc việc tài trợ, một số khác đang đàm phán với ban tổ chức gian hàng của Mỹ,” bà nói. “Bây giờ chính là lúc chúng ta cần cùng nhau nỗ lực.” Boeing, đơn vị chủ trì chuyến thăm trước đó của bà, đã tăng gấp đôi mức đóng góp vào quỹ xây dựng gian hàng từ 1 triệu đô-la lên 2 triệu đô-la.

Nỗ lực cá nhân của Hillary cũng đem lại lợi ích cho Bagley, Villarreal, Balderston và cho cả mối quan hệ của Mỹ với Trung Quốc. Họ đã kêu gọi ủng hộ đủ để bảo đảm rằng nước Mỹ sẽ có mặt tại hội chợ, tuy nhiên gian hàng của Mỹ cũng chưa hoàn thành cho đến tận những phút cuối.

Hai ngày trước giờ khai mạc hội chợ, ngày 1 tháng Năm năm 2010, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, Phó Thủ tướng Vương Kỳ Sơn và Ủy viên Quốc vụ Đối Bình Quốc đã đến thăm gian hàng của Mỹ, chứng kiến những gì Hillary và nhóm của bà thực hiện trong vòng chưa đầy 15 tháng – gần bằng một nửa thời gian thông thường để thực hiện một dự án như vậy.

“Chúng tôi sẽ vẫn tiếp tục tiến hành hoàn thiện những phần còn lại ngay sau khi triển lãm chính thức khai mạc,” Villarreal nói. “Nếu không có sự đóng góp của bà ấy với những nguồn lực có được nhờ uy tín cá nhân trong các mối quan hệ, chúng tôi không bao giờ thực hiện được nó.”

Cuối tháng Năm năm 2010, Hillary trở lại Thượng Hải lần thứ ba để trực tiếp là một trong 7,36 triệu khách tham quan gian hàng các-bon trung tính⁽³⁶⁾ của Mỹ trưng bày trong khoảng sáu tháng. John Pomfret của tờ *Washington Post* gọi đó là “một trong số ít những thành công”

trong một năm rưỡi đầu tiên của Hillary tại nhiệm sở, nhưng lưu ý rằng các gian hàng trông giống một “trung tâm hội nghị ở một thành phố tầm trung của Mỹ, hơn là một gian hàng quốc gia kiểu mẫu – đó là gian hàng với những căn phòng tối cùng màn hình lớn, trông lu mờ bên cạnh các gian hàng đầy triển vọng khác, như gian của Á-rập Xê-út, vốn được trang trí bằng những màn hình IMAX lớn nhất thế giới, hay gian hàng của Đức, được trang trí bằng hàng trăm quả bóng màu đỏ khổng lồ.”

Villarreal thừa nhận rằng “chúng tôi đã có thể làm tốt hơn nhiều” nếu có được thời gian hai hoặc ba năm. “Chúng tôi đã nỗ lực hết sức, trong điều kiện hết sức hạn chế,” ông nói. “Cuối cùng, câu hỏi là ‘Người dân Trung Quốc có thích nó không?’ và câu trả lời là ‘Hẳn rồi.’”

“Tôi thấy nhẹ nhõm,” Hillary nói khi bà tới đây, và thêm một đánh giá đơn giản về gian hàng: “Trông ổn đấy chứ.”

Vài năm sau, một bức ảnh mang tính biểu tượng của Hillary khi đang diễn thuyết trong mưa tại một công trình đã được treo ở khu vực tiếp tân bên ngoài văn phòng của Balderston, nơi vẫn được xem là bản sao của Quỹ Toàn cầu Clinton tại Bộ Ngoại giao. Các quan chức Mỹ và Trung Quốc thì vẫn nghĩ quả là một phép màu khi Hillary có thể huy động tài chính và tổ chức được gian triển lãm tại một địa điểm hàng đầu, đó có lẽ là biểu tượng cho sự tôn trọng Trung Quốc của người Mỹ. Bản danh sách các địa chỉ liên lạc của gia đình Clinton thành vô giá đối với Bagley, Balderston và Villarreal, vì họ có thể gọi trực tiếp cho các nhà tài trợ. Họ “đã đi gặp rất nhiều người trong mạng lưới, những nhà hảo tâm và nhà tài trợ,” một cố vấn cấp cao của Hillary cho biết.

Một dấu hiệu về vai trò trung tâm của mạng lưới Clinton đã được ghi trên trang đầu tiên trong cuốn kỷ yếu tại hội chợ thế giới mà Balderston cho đặt trên bàn cà phê: “Nhu các bạn thường nói, ‘Chúng ta đã làm điều đó, bạn thân mến.’” Ký tên: Bill Clinton.

Hội chợ hàng xuất khẩu đã cho thấy sự thật căn bản về công việc mới của Hillary, để bà và các trợ lý hiểu rõ rằng: dù họ đã lập bao nhiêu kế hoạch và chuẩn bị kỹ lưỡng bao nhiêu, họ vẫn luôn phải đối mặt với các tình huống thực tế không thể đoán trước, đòi hỏi năng lực quản lý trong một thế giới có biết bao nhiêu mối quan hệ và các cuộc khủng hoảng, kể cả trong Bộ Ngoại giao và trong bộ máy quan chức ở Washington. Wendy Sherman, một cựu trợ lý của Madeleine Albright và đồng chủ trì nhóm chuyển giao của Obama, đã cố gắng cảnh báo họ trước khi nhậm chức. “Những thử thách sắp tới sẽ không nhỏ,” bà ấy nói với Hillary. Nhưng Hillary và các trợ lý thân cận nhất, những người tự tin sau hai thập kỷ đối mặt với không biết bao nhiêu khó khăn trong nền chính trị quốc gia, đã không hoàn toàn lĩnh hội được ý kiến đó.

“Đây sẽ là những thách thức hoàn toàn khác,” một quan chức Bộ Ngoại giao giải thích. “Khi bạn tiến hành chiến dịch tranh cử, mỗi sáng bạn thức dậy cùng với lịch trình hành động của mình, tất nhiên bạn phải tìm cách đáp trả ngay những gì mà đối thủ của bạn đang thực hiện. Nhưng khi bạn ở đây, toàn bộ thế giới – *toàn bộ thế giới* – sẽ tìm đến bạn mỗi ngày... Không có công việc nào giống như vậy cả.”

Một mặt, sáu tháng đầu tiên của Hillary tại văn phòng là để mình chứng chiến lược đúng đắn của mình, với việc hạ mình đôi chút để xây dựng một tinh thần mới tại Bộ Ngoại giao, tăng cường vị thế của bà, cũng như của Bộ Ngoại giao trong chính quyền Obama, và bắt đầu hàn gắn lại mối quan hệ với các chính phủ nước ngoài. Giai đoạn xây dựng này rất quen thuộc với bất kỳ ai đã quan sát bà kỹ lưỡng trong những tháng đầu tại Thượng viện, khi bà cố giữ mình ở mức càng thấp càng tốt, khiêm tốn tìm kiếm lời khuyên về cách làm việc của mình từ những “con sư tử” như Robert Byrd và Ted Kennedy. Bà thể hiện hiểu biết của mình qua sự kiện Đối thoại Chiến lược & Kinh tế vào khoảng đầu tháng Hai, khi đa số các bộ trưởng trong nội các còn đang phải học thuộc tên các thư ký, trợ lý; như thế tên bà đã gắn chặt với những tên tuổi khác, như Gates, Petraeus, và các quan chức cao cấp của Lầu Năm Góc.

Mặt khác, nửa năm đó dù sao cũng cho Hillary nhiều bài học đắt giá về việc làm thế nào để đáp ứng được kỳ vọng cao về nhiệm kỳ của mình. Bà phải cố cân bằng chương trình nghị sự với

những yêu cầu bên ngoài, một việc không hề đơn giản, một phần vì khi bà đang dần điều chỉnh với vai trò mới, dư luận trong nước và quốc tế đều dõi theo từng hành động của bà. Vì vậy, ngay cả khi Hillary đang lảng lẽ cố gắng tập hợp ảnh hưởng từ hậu trường, hình ảnh của bà trong giới tinh hoa ở Washington vẫn là một bộ trưởng đang vật lộn thiết lập vị trí của mình trong thế giới của Obama và toàn cầu.

Nhóm Hillaryland không thể diễn tiếp vở bi kịch Clinton cổ điển vốn đã chìm cuộc tranh cử 2008 của bà xuống vũng bùn thảm bại. Một số trợ lý của bà gặp khó khăn với việc điều chỉnh quyền hạn cũng như phạm vi hoạt động trong các vai trò mới của mình. Họ đã kế thừa ảnh hưởng mạnh mẽ ở một bộ có quyền lực lớn, nhưng chưa quen ngay được với những hướng dẫn nghiêm ngặt và những quy chuẩn đã giúp nền ngoại giao Mỹ vận hành đúng trên đường ray của nó. Phía trên là khả năng hành động với bộ máy quan liêu, hoặc yêu cầu nó chuyển sang một hướng mới. Phía dưới là rủi ro khi thực thi quyền lực trong những lĩnh vực họ không thực sự hiểu biết.

Chuyến đi tới Geneva tháng Ba năm 2009, chuyến công du nước ngoài thứ hai của Hillary trên cương vị ngoại trưởng, đã thể hiện sự độc quyền của nhóm thân cận với Hillary, cũng như những khó khăn trong việc điều chỉnh theo hệ thống quan liêu, và cuộc tranh đấu vẫn tiếp diễn giữa họ với đội ngũ Nhà Trắng của Obama nhằm giành quyền ưu tiên trong chính sách đối ngoại.

Hillary đến Geneva với ý định gửi một thông điệp nhằm khôi phục mối quan hệ với Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov. Một trong những chính sách mà Obama theo đuổi, như được đề cập trong một phiên họp với các quan chức Bộ Ngoại giao, là cắt giảm vũ khí hạt nhân, vừa nhằm giảm các nguy cơ tấn công từ Mỹ và Nga, vừa hạn chế nguy cơ vũ khí hạt nhân rơi vào tay bọn khủng bố hoặc các quốc gia nhỏ hơn nhưng cứng đầu. Trong chiến dịch tranh cử, Obama đã nhấn mạnh nội dung này nhằm gây dựng hình ảnh một nhà tư tưởng có tầm nhìn rộng lớn về chính sách đối ngoại, và ông cũng nêu rõ rằng trong nhiệm kỳ đầu sẽ nỗ lực giành được thắng lợi ban đầu thông qua việc ký kết Hiệp ước mới về cắt giảm vũ khí hạt nhân, thay thế cho hiệp ước sắp hết hiệu lực. Obama tin rằng, trong những năm gần đây “vẫn có những dòng chảy ngầm nguy hiểm” đẩy hai quốc gia ra xa nhau, ngăn cản họ cùng ngồi lại giải quyết các vấn đề chung, từ kiểm soát vũ khí, thương mại cho đến chống khủng bố. Từ khi khởi động chính quyền mới, Obama đã cam kết thúc đẩy mối quan hệ Mỹ-Nga, và chuyến đi của Hillary là bước đầu cho tiến trình đó.

Philippe Reines, một người yêu thích những trò quảng cáo, đã có một kế hoạch giới thiệu với cả thế giới một biểu tượng “Reset” (Cài đặt lại). Hillary sẽ tặng Lavrov món quà là một chiếc nút bấm có in trên đó từ “Reset” bằng cả tiếng Anh và tiếng Nga. Có thể đây là một ý tưởng thông minh nhằm thu hút sự chú ý đến thông điệp của Mỹ, bởi nhiều người tin rằng thông điệp đó sẽ được phát đi toàn cầu qua hệ thống truyền hình hoặc báo chí. Nhưng Reines đã bỏ qua một khâu truyền thống, không chờ tổ phiên dịch tại Bộ Ngoại giao duyệt nội dung. Sau này ông ta nói rằng đã hỏi Mike McFaul, giám đốc phụ trách về Nga tại Hội đồng An ninh Quốc gia về từ này, cả McFaul và Bill Burns, chuyên gia về Nga của Bộ Ngoại giao, đều đã ký xác nhận về các chữ đó.

Trong không khí hào hứng, khi các phóng viên đua nhau bấm máy, Clinton lấy chiếc hộp màu vàng đựng món quà trao cho Lavrov. Đây là thông điệp mà “Tổng thống Obama, Phó Tổng thống Biden và tôi muốn gửi gắm,” bà nói và giới thiệu rằng trên chiếc nút bấm ngoại cỡ này có in các chữ *reset* và *peregruzka*. “Để khẳng định chúng tôi muốn thiết lập lại mối quan hệ. Chúng ta sẽ cùng nỗ lực,” bà nói và giơ cao chiếc nút bấm trước các máy ghi hình.

Đưa chiếc nút bấm cho Lavrov, bà hỏi để tìm kiếm sự đồng ý: “Chúng tôi đã khá vất vả để tìm từ thích hợp trong tiếng Nga. Ông xem chúng tôi chọn có đúng không?”

“Các vị nhầm rồi,” Lavrov đáp.

“Tôi nhầm ư,” Clinton lúng túng, đáp lại lời Lavrov.

Lavrov chỉ ra, từ *peregruzka* – không được in bằng mẫu tự ki-rin[\(37\)](#) mà lại bằng các ký tự la-tinh – có nghĩa là “*overcharge*” (quá tải).

Hillary phá lên cười, nụ cười đã thành thương hiệu của bà, và vỗ tay. “Ồ, chúng tôi sẽ không để ngài phải thế đâu, tôi hứa đấy,” bà nói.

Lavrov mỉm cười lịch sự, hứa là sẽ giữ lại chiếc nút bấm trên bàn mình. Nhưng giây lát đó đủ làm đứng tim hàng loạt nhân vật tại Bộ Ngoại giao và Hội đồng An ninh Quốc gia, như một quan chức kể lại, “Tôi vẫn nhớ những tiếng than vãn, rên rỉ, những tiếng đập tay vào trán.”

Reines cố gắng khắc phục bằng cách đề nghị đại sứ Nga tại Thụy Sĩ tạm dừng chuyển món quà, để họ thay nhãn mới sau khi đã sửa từ ngữ.

“Đây là một món quà từ Hoa Kỳ. Tôi không nghĩ là tôi có thể đưa lại cho ngài,” vị đại sứ mỉm cười đáp. “Nếu tôi làm thế, ngoại trưởng của chúng tôi sẽ rất bực.”

“Nếu ngoại trưởng của ngài không cho mượn lại, thì ngoại trưởng của tôi,” Reines nói, hàm ý nhắc đến Hillary, “sẽ cử tôi đến Siberia.”

Reines đã giải quyết tình huống một cách hài hước, ông ta thậm chí gợi ý rằng sẽ cho người mang cả chiếc máy đóng nhãn đến phòng, để đại sứ Nga không phải đưa lại món quà – có thể là một cái nút ấn dừng khẩn cấp được xoáy vội đầu đó từ một bể bơi hay bể sục Jacuzzi ở khách sạn – và ông ta cũng không phải trông coi chuyện đó. *Nhiet*[\(38\)](#) – vị đại sứ nói.

Reines đã ra sức đổ lỗi cho McFaul, một người được Obama tin dùng, vào thời điểm mà căng thẳng giữa các nhân viên Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đang lên cao.

Sai lầm đã phủ bóng đen lên chuyến công du của Hillary đến Geneva, khi các nhà báo nêu lại câu chuyện trong các bài viết của họ. Tờ báo Nga, *Kommersant*, đã đăng lại câu chuyện ngớ ngẩn đó trên trang nhất, với tiêu đề “Sergei Lavrov và Hillary Clinton bấm nhầm nút.” Reines như muốn độn thổ, nhưng vẫn cho rằng mục tiêu chính của chiếc nút bấm đã đạt được. Nó giống như nút phá băng giữa hai nhà ngoại giao. Và thay vì tức giận cũng như bắt lỗi những người liên quan, Hillary và Lavrov thấy thú vị đến mức sau này cả hai đã ký tên lên bản sao một bài báo trong tạp chí *Time* về câu chuyện chiếc nút reset và gửi cho Reines với dòng chữ “Philippe, người Nga đang bấm nút của ông đấy! (cũng công bằng thôi, vì ông đã bấm chiếc nút của họ mà!) Thân mến, Hillary,” bà viết. Nhưng Thượng Nghị sĩ John McCain, một người bạn lâu năm của Clinton đã chỉ ra một điểm chính xác về sự cố trong quan hệ công chúng. “Nếu tôi tặng ông ta chiếc nút bấm,” McCain nói, “Tôi hẳn sẽ phải tìm ai đó trong Bộ Ngoại giao hiểu về người Nga.”

Sự cố dịch nhầm của Reines cũng cho thấy Hillary sẽ phải trả giá thế nào khi dành một không gian quá rộng cho những người thân tín: có sự tác động ngược trở lại với bà khi họ cò xát với các quan chức Nhà Trắng theo cách sai lầm, rồi những nhầm lẫn của họ trong chính sách đối ngoại, hoặc khi họ bị nêu tên trên tiêu đề các bài báo vì những lỗi của mình. Những điều đó không hề mang lại hình ảnh tích cực về bà, nhưng rất hiếm khi bà đổ lỗi cho ai đó. Khi P.J.Crowley, trợ lý ngoại trưởng về quan hệ công chúng, lên tiếng gay gắt về cách xử sự của Chính phủ đối với Bradley Manning, người đứng đầu vụ WikiLeaks vào tháng Ba năm 2011, Hillary đã chấp nhận để anh ta từ chức, nhưng bà cũng đã gọi điện cho anh ta vào ngày anh ta được thông báo sẽ rời nhiệm sở. Crowley nhận cuộc gọi khi đang ở trung tâm khúc côn cầu Washington Capitals; Hillary đã cảm ơn anh ta vì những đóng góp. Khi Crowley nhờ bà chuyển lời chào thân mật nhất đến Bill, bà đã chuyển điện thoại cho chồng để ông có thể nói những lời động viên an ủi.

Trong những tháng đầu tiên nhậm chức, những trục trặc nhỏ như vụ chiếc nút bấm với người Nga, những báo cáo gián đoạn về cuộc chiến nội bộ trong chính quyền Obama thường làm lu mờ những nỗ lực hậu trường của Hillary nhằm tăng cường vai trò của Bộ Ngoại giao, tham mưu cho Obama về chính sách đối ngoại, kết nối các lãnh đạo và nhân dân của các quốc gia quan trọng về địa chính trị. Đến tuần đầu tháng Sáu, bà đã công du đến 20 quốc gia, kể cả

các vùng lãnh thổ ở Palestine, tham dự hàng loạt các cuộc gặp gỡ, điện đàm với các lãnh đạo nước ngoài tại Bộ Ngoại giao. Bà tiếp tục vận dụng tài hùng biện của mình, kết nối trực tiếp với công luận ở các quốc gia khác nhằm thúc đẩy hơn nữa việc hợp tác với các chính phủ, qua việc phát biểu tại các trường đại học, trả lời các cuộc phỏng vấn báo chí ở bất cứ nơi nào mà bà đặt chân đến, tiến hành các cuộc họp tại các Tòa Thị chính ở Tokyo, Seoul và Baghdad.

Bà cũng cố gắng duy trì quan hệ với những người Mỹ có liên quan đến công tác ngoại giao và phát triển, gặp gỡ nhân viên sứ quán ở các nước khác nhau. Hillary làm việc miệt mài ngày đêm ở khắp nơi trên thế giới, nhưng bà không có gì nhiều để khoe khoang về lịch trình khốc liệt, một phần vì các thỏa thuận ngoại giao phải cần thời gian để chín muồi, phần khác vì Obama đã tăng quyền cho Biden và nhóm an ninh quốc gia tại Nhà Trắng trong nhiều vấn đề nóng bỏng hơn. Ở Washington đã có người bắt đầu phân vân không biết bà có trụ nổi trước vô vàn mũi dùi vây quanh bà hay không. Ngay sau đó, một điều đáng buồn xảy ra: bà bị gãy xương do chấn thương.

Lúc gần 5 giờ một chiều giữa tháng Sáu, khi rời thang máy để bước đến đoàn xe hộ tống đang chờ dưới tầng hầm của Bộ Ngoại giao, Hillary trượt ngã, chống khuỷu tay phải xuống đất. Lúc đó bà đang trên đường đến Nhà Trắng cùng với Holbrooke, họ dự định bàn với tổng thống về một loạt vấn đề, như chuyển đi Afghanistan sắp tới của Melanne Verveer, chánh văn phòng cũ của Hillary, nay đảm nhiệm chức đại sứ về các vấn đề phụ nữ tại Bộ Ngoại giao.

Cơn đau tưởng như không thể chịu nổi, đến mức Hillary nằm co rúm trên sàn tầng hầm. Cố đứng dậy, bà yêu cầu Holbrooke cứ đến Nhà Trắng và tham gia cuộc họp mà không có bà. “Đó là mệnh lệnh,” Holbrooke nhớ lại lời Hillary nói với ông.

Trong khi Holbrooke trên đường đến gặp Obama, thì Hillary quay trở lại tầng bảy với khuỷu tay đau nhói. Một lúc sau, bà mới tới được bệnh viện của Đại học George Washington ngay dưới phố, để chữa trị khuỷu tay bị gãy. Tối hôm đó, tầm khoảng 10 giờ, bên cạnh là Bill và Chelsea – họ đã bay tới Washington lập tức để chăm sóc bà – Hillary kiểm tra cuộc gọi từ Obama.

Các bác sĩ nói rằng bà sẽ cần phẫu thuật trong những ngày sắp tới, và Hillary vốn hiếm khi ốm đành nằm lại tại khu Embassy Row. Không chịu ngồi yên – những trợ lý cho biết – bà dành thời gian xem xét các báo cáo tóm tắt và gọi vài cuộc. Trong một cuộc họp sau cú ngã của Hillary, người phát ngôn Bộ Ngoại giao P.J. Crowley nói vui là Hillary nhả rằng “thật may mắn khi vẫn có thể viết lách với một cánh tay bị băng bó.”

Đó là lời nói đùa ngụ ý rằng bà đã thích nghi với tình trạng tay bị băng bó. Hillary chỉ biết một cách cài sổ: cài sổ tiến. Đây cũng là mối bận tâm ở nhiều người bạn của Hillary khi bà bắt đầu công tác tại Bộ Ngoại giao, họ thấy trước được việc bà phải vất vả hơn với những chuyến công du nước ngoài triền miên, những cuộc họp, đọc sách muộn và ít tập thể dục, tất cả khiến bà hao tổn rất nhiều sức lực so với công việc trước đó. Bà chưa từng lỡ bất cứ một hoạt động công chúng quan trọng nào ở Washington suốt hai thập kỷ qua, nhưng bà phải thừa nhận là mình đang quá gắng sức.

Tại một sự kiện của Vital Voices năm 2009, ở phía sau sân khấu, Hillary đi về phía Mo Elleithe, trợ lý truyền thông cho bà từ chiến dịch vận động tranh cử năm 2008. “Bà có thích màn trình diễn không?” anh ta hỏi.

Hillary cười và ngừng lại một chút. “Tôi thích lắm,” bà nói, “Tôi thật sự thích màn này. Rất tuyệt.”

Sau đó bà lại ngừng lời.

“Nhưng giờ tôi đang phải làm việc cật lực hơn bất kỳ lúc nào khác trong đời mình.”

Câu nói này khiến Elleithe lo lắng, chính anh ta đã chứng kiến lịch làm việc kín đặc của Hillary trong chiến dịch tranh cử khốc liệt, phải di chuyển liên tục với tốc độ chóng mặt, phải nói là “110%” mà không hề phàn nàn.

Obama cũng nhận ra điều đó. Trong một cuộc họp Chính phủ, ông nêu Hillary làm gương. Đó là một cuộc chạy việt dã, chứ không phải cuộc chạy nước rút, ông nói với Hillary và những cố vấn hàng đầu khác. “Hillary đang tự ép bản thân quá mức,” một thành viên Chính phủ nói, “và Obama đơn giản chỉ muốn nhấn mạnh rằng bà ấy cần phải giữ gìn khả năng chịu đựng và sức khỏe của mình, ông ấy cũng muốn mọi người như thế.” Giờ đây thì cú ngã đã khiến bà dừng lại một chút. Vài ngày sau cú ngã, trước khi tiến hành phẫu thuật kéo dài hai tiếng vào sáng sớm, Hillary đã được yêu cầu hủy mọi kế hoạch hoạt động công chúng, gồm cả sự kiện Ngày Tị nạn Thế giới mà bà đã lên kế hoạch tham dự cùng nữ diễn viên Angelina Jolie.

Cú ngã gây ra khoảng thời gian khó khăn cho Hillary. Bà đã mất thăng bằng, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Bà phải hủy chuyến công du tới Ai Cập và Italy, nơi bà đã lên kế hoạch gặp những đối tác trong G8 để bàn về vấn đề Afghanistan, Trung Đông và Iran. Bà cũng lỡ chuyến đi cùng Obama tới Nga, nơi ông ấy và Tổng thống Nga Dmitri Medvedev đàm phán về bản tuyên bố chung về việc tiếp tục hỗ trợ nhau chống khủng bố và nạn buôn bán ma túy tại Afghanistan, thiết lập một hiệp ước START mới về không phổ biến vũ khí hạt nhân, ngăn chặn Bắc Triều Tiên và Iran phát triển vũ khí hạt nhân.

Khuỷu tay bị thương của Hillary trở thành đề tài trong câu chuyện phiếm bên lề, rằng những người ở khu West Wing đang đẩy bà ra khỏi bức tranh chính sách đối ngoại. Rõ ràng bà vẫn còn một chặng dài để chứng minh bản thân với một số người trong Nhà Trắng; nhưng căng thẳng leo thang giữa phe Hillary và phe Obama đã gây trở ngại cho những nỗ lực của bà trong việc tái thiết Bộ Ngoại giao, nâng cao hình ảnh Mỹ ở nước ngoài cũng như danh tiếng của bà trong nước, vì bà không công khai tự nhận là nhân vật trung tâm trong bộ máy của Obama.

Một tuần sau tai nạn của Hillary, Ben Smith của tờ *Politico* viết một bài với nhan đề “Hillary Clinton cậm cùi trong bóng tối.” Bài báo chứa mũi công kích vào phong cách làm việc của bà và cuộc đấu tranh nhân sự với Nhà Trắng. Như một ví dụ cho thấy tầm ảnh hưởng có giới hạn của bà, Smith đã nêu bật chiến thắng của Denis McDonough trước Cheryl Mills trong cuộc đấu đá giành quyền bổ nhiệm các đại sứ. Reines đã tìm kiếm sự giúp đỡ của một người bạn trong Nhà Trắng là Tommy Vietor nhằm dẹp bỏ câu chuyện. Đáp ứng yêu cầu của Reines, Vietor đã thu xếp vài cuộc phỏng vấn cho Smith với Tom Donilon và McDonough, cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống. McDonough nói với Smith rằng, thông tin về việc ông ta “đấu” với Mills là “không chính xác,” và rằng “một trong nhiều niềm hạnh phúc của chức vụ này là được làm việc và quen biết với Cheryl.”

Về mặt cá nhân, Smith không đồng ý với những tuyên bố đó, nhưng anh ta có trách nhiệm trích dẫn nguyên văn lời phỏng vấn. Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đã phải vất vả trong mấy tuần để làm mờ câu chuyện và tập trung vào các sự kiện, tin tức quan trọng khác. Dầu vậy, đến trước khi Obama đàm phán với lãnh đạo Nga ở Moscow đầu tháng Bảy, rất khó để bác bỏ sự thật rằng Hillary phải đeo băng treo tay, ngồi trên ghế dự bị.

Mạng lưới những người ủng hộ Hillary đã phản ứng cứ như cú ngã của bà nằm trong kế hoạch của Obama nhằm gạt Hillary sang một bên. “Đã đến lúc Obama để Hillary Clinton cởi tấc khăn trùm mặt của mình.” Tina Brown đã viết một bài mang tính khiêu khích trên tờ *Daily Beast* vào ngày 13 tháng Bảy. “Bạn có thể nói rằng Obama đã rất may mắn khi có một ‘hoàng hậu’⁽³⁹⁾ chính sách đối ngoại tuyệt vời đến thế. Những người đã bỏ phiếu cho Hillary ngạc nhiên rằng bà lại bằng lòng lâu đến vậy với thân phận một ‘cung nữ’ kiểu Ả-rập Saudi đầy phức tạp.”

Không chỉ những nhóm ủng hộ Hillary mới nhận thấy việc Nhà Trắng tìm cách làm giảm vai trò của Hillary. Reines và Vietor có thể đã tìm cách ngăn cản việc cường điệu điều này sau câu chuyện của Smith trên tờ *Politico*, nhưng những tin đồn thì vẫn ngấm ngấm lan ra. Vài ngày sau, Hillary đã có cuộc nói chuyện đầu tiên trước giới trí thức tinh hoa tại Ủy ban Đối ngoại, và phóng viên đối ngoại của hãng tin Associated Press, các tờ *Los Angeles Times*, *New York Times* và *Washington Post* đều viết những bài về cuộc đấu tranh giành lại ảnh hưởng bị đánh mất của Hillary.

Các bài viết cùng vẽ ra một bức tranh về vị ngoại trưởng Mỹ tức tối vì bị khống chế bởi các

lực lượng hùng hậu khác trong chính quyền do chính Obama lãnh đạo. Có bài chia mũn nhon vào các đặc phái viên Holbrooke và Mitchell như những nhân vật có nhiệm vụ tách Hillary khỏi cuộc chơi ở Afghanistan, Pakistan và Trung Đông, hay nói rằng Biden là người phụ trách chính của Obama về vấn đề Iraq. Bài khác lại nhắm đến Dennis Ross, cố vấn cấp cao của Hillary về Iran vừa được bổ nhiệm vào Nhà Trắng; hoặc đến việc chọn Hillary đứng đầu Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID: U.S. Agency for International Development) đã làm gián đoạn quá trình hiệu chỉnh tại Nhà Trắng; và cả việc Obama chấp thuận đề xuất của Hillary là chọn Joseph Nye – người vận động cho khái niệm quyền lực thông minh, làm đại sứ tại Nhật Bản.

Liệu những câu chuyện của báo chí có phải là kết quả từ tâm lý chán nản của những người ủng hộ Hillary đối với các thành viên nhóm Obama và chiến dịch của Nhà Trắng muốn hạ thấp vai trò của Hillary, hay chỉ đơn thuần từ quan sát kỹ lưỡng của phóng viên mà các xích mích riêng giữa Bộ Ngoại Giao và khu West Wing dần bị phơi bày trước công luận? Trong Bộ Ngoại giao, một số chuyên gia cấp cao về chính sách đối ngoại vẫn tin chắc rằng các trợ lý Obama là những người mới vào nghề, còn rất rụt rè, và ý muốn kiểm chế chính sách đối ngoại của Hillary ở họ cũng hạn chế như chính kinh nghiệm thực tế của họ. “Họ không phải là những Kissinger hay Brzezinski,” một cựu quan chức Bộ Ngoại giao nói.

Về phần mình, nhiều trợ lý Nhà Trắng nhìn nhận rằng mạng lưới của Hillary là một phần của việc hình thành chính sách đối ngoại Washington mang màu sắc của cả hai đảng; họ xem đó là một sai lầm, đặc biệt trong việc hậu thuẫn cho quyết định xâm lược Iraq của George W. Bush. Một số biểu hiện về việc giảm bớt ảnh hưởng của Hillary khá mờ nhạt, nhưng cũng có các biểu hiện rõ ràng. Ví dụ, việc Ross chuyển sang Nhà Trắng xét đến cùng là nhằm thế chân Mitchell, người đã từ chức trong nỗi căm phẫn do bị loại khỏi các cuộc đàm phán về Trung Đông.

Nhưng quan điểm cho rằng các đặc phái viên thách thức quyền lực của Hillary là không có cơ sở. Họ là ý tưởng của bà, chính bà đã chọn họ, và bà vẫn tin tưởng rằng chính chiến lược dành vị trí then chốt cho những người mà mình đánh giá cao – như Holbrooke, Mitchell và những người khác – sẽ nối dài cánh tay quyền lực cho bà. Các phóng viên cũng bỏ qua một khác biệt tinh tế giữa một “đặc phái viên” – danh hiệu dành cho Holbrooke, Mitchell – với “cố vấn đặc biệt”, như Ross tại Bộ Ngoại giao. Các đặc phái viên thường được mong đợi là những người chia sẻ trách nhiệm của cả Hillary và Obama trong hoạt động ngoại giao, họ sẽ báo cáo cho cả hai. Trong khi cố vấn Ross về cơ bản là tham mưu hàng đầu cho Hillary về Iran.

Hơn nữa, tổng thống có nhiều quyền lực hơn ngoại trưởng trong việc thiết lập các chính sách đối ngoại – và trong hầu hết các trường hợp, điều này cũng đúng đối với các trợ lý của ông ta tại Nhà Trắng. Hiếm có một ngoại trưởng nào – trừ Henry Kissinger – có thực quyền điều hành chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, trong trường hợp này, khoảng cách giữa câu chuyện trên báo chí và sự kiện thực tế đã đe dọa gây tổn hại đến các nỗ lực của chính quyền ở khắp nơi. Những người cộng sự thân thiết nhất của Hillary nói rằng bà ấy rất giỏi điều hòa ảnh hưởng của nhận thức đó lên quyền lực, và suốt nửa năm đầu tiên Hillary làm ngoại trưởng, ngày càng nhiều người ở Washington cho rằng bà không có nhiều quyền lực. Đó là chuyện đàm tiếu nguy hiểm đối với một nhà ngoại giao, người phải dựa vào danh tiếng cá nhân – một vị thế có được nhờ quan niệm của công chúng – để thực thi chức trách của mình.

Nếu phần còn lại của thế giới cũng nghĩ rằng Hillary có ít hoặc không có ảnh hưởng đến Obama, thì bà sẽ không thể tỏa sáng khi gặp các đối tác nước ngoài. Ở trong nước cũng vậy, bà sẽ không có nhiều ảnh hưởng đối với những đồng nghiệp trong Chính phủ nếu họ đánh giá bà là yếu đuối. Một điều không hẳn hiển nhiên với mọi nhân viên của Obama là địa vị của Hillary thật sự quan trọng cho việc thực hiện các chính sách đối ngoại của tổng thống. Một số người đưa tin của Nhà Trắng hiểu rõ động lực đó, nó giúp lý giải tại sao họ xếp những trợ lý hàng đầu của tổng thống về chính sách đối ngoại vào cùng hồ sơ với tờ *Politico*. “Vì chúng tôi cùng làm việc cho Chính phủ,” một quan chức của Nhà trắng nói, “mọi câu chuyện không tốt về Hillary đều có thể gây ảnh hưởng xấu cho Nhà Trắng.”

Hillary và Obama có thể làm nên một cặp đôi kỳ quặc, nhưng những gì mà Tina Brown không đề cập hoặc không viết ra, còn những trợ lý Nhà Trắng có thể đã không nhận ra, đó là Obama sẽ

manh hơn khi có Hillary đầy quyền lực sát cánh. Bà là hậu thuẫn lớn về mặt chính trị cho Obama, và thành công của Hillary cũng là thành công của ông. Việc công khai bảo vệ chính sách của Obama được Hillary thực thi không do dự đã góp phần tăng sức nặng cho quan điểm của Obama. Nếu Hillary tách khỏi Obama về mặt chính sách, hoặc bà từ chức, thì các thành viên trong Đảng của Obama có thể sẽ chỉ trích từng quyết định mà ông đưa ra trên vũ đài quốc tế. Bà là một bộ trưởng hiếm có theo đuổi chính trị quốc gia một cách thiết thực.

Trong sáu tháng, không chỉ Hillary phải nghe những dị nghị về ảnh hưởng của mình. Obama cũng thế, họ đều đang ngày một thấy rõ rằng nâng mức nhảy càng cao thì càng khó vượt qua. Trong diễn văn nhậm chức, Obama từng cam kết với các nước rằng “chúng tôi sẵn sàng chìa tay ra nếu bạn thả lỏng mình trước.” Nhưng ngay khi các nền tảng cho Hiệp ước START mới đã được thiết lập, thì vẫn không có gì đột phá trong nửa đầu năm 2009.

Huma về sau tâm sự với Wendy Sherman rằng, những đám cháy đang xảy ra đã vượt quá những gì các nhân viên của Hillary từng dự đoán. “Bà chưa từng bảo cho chúng tôi biết rằng nó khắc nghiệt đến thế nào,” Huma nói.

“Có chứ. Tôi bảo rồi,” Sherman đáp. “Nhưng cô đã không tin tôi.”

Quan điểm của Sherman về việc Hillary xử lý hàng loạt những khủng hoảng hằng ngày cũng rất bi quan, bởi Hillary không có nhiều lựa chọn trước chính trật tự mà bà tạo dựng cho ảnh hưởng của mình, cho việc thúc đẩy chương trình hành động của mình, và cho việc đáp trả các thách thức từ Nhà Trắng và cả thế giới nhắm vào bà. Và trong khi các quan chức khác bị lôi kéo ra khỏi thế thăng bằng tương tự – ở giữa tổng thống và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng – vị ngoại trưởng đứng thứ hạng cao trong danh sách những người làm xiếc đi trên dây. Ngay cả khi được các cơ quan truyền thông mô tả là nhân vật thứ hai trong đội ngũ an ninh quốc gia của Tổng thống Obama trong sáu tháng đầu tiên, Hillary vẫn phải tiếp tục thu thập vốn liếng nơi hậu trường, không chỉ trong phạm vi Chính phủ, mà quan trọng hơn là ngay trong Bộ Ngoại giao.

Bất kỳ chính khách khôn ngoan nào cũng đều biết rằng chính trị ở cấp địa phương cũng quan trọng không kém gì vấn đề địa chính trị, và Hillary đã dẫn thân vào những chủ đề tác động đến cả công việc ngoại giao lẫn dịch vụ công, từ việc thiết lập các chiến lược dài hạn nhằm tăng quyền cho các nhà ngoại giao ở nước ngoài, đến việc sửa chữa những chuyện nhỏ nhặt về chất lượng cuộc sống vốn làm cho những người làm việc tại trụ sở Bộ Ngoại giao ở Foggy Bottom bị phân tâm.

Bà bước vào Bộ Ngoại giao với danh tiếng từ việc điều hành một hoạt động có kịch tính cao, trong đó lòng trung thành được đánh giá cao hơn năng lực. Thực tế là Obama đã để Hillary gần như hoàn toàn tự do bổ nhiệm nhân sự, một điều làm gia tăng lo ngại rằng bà sẽ phớt lờ những cấu trúc xưa nay của Bộ. Sự kiểm soát chưa từng có tiền lệ của bà với công việc chính trị lại gây khó khăn hơn cho bà khi phải chống lại quan niệm (và cả thực tế) rằng, phần lớn các quyết định được những cố vấn cao cấp lâu năm đưa ra. Những người được bổ nhiệm, thường đến và rời đi cùng ngoại trưởng, được đặt ở vị trí hàng đầu trong các công vụ ở cả ngoại giao lẫn dân sự, được trao quyền lực cả chính thức và không chính thức trong bộ máy quan liêu.

Trong mỗi cơ quan, luôn có sự căng thẳng giữa một nhóm tương đối nhỏ có ảnh hưởng khá lớn tới bộ trưởng, với nhóm đông đảo các chuyên viên. Va chạm tự nhiên giữa hai bộ phận này, cộng hưởng với rối loạn từ chiến dịch tranh cử của Hillary, đã gây ra những mối lo ngại ngay tại Bộ Ngoại giao, thậm chí ngay trong nhóm những người được bổ nhiệm không thuộc phe Hillary. “Nếu bạn chưa từng tham gia chiến dịch đó, thì khá rõ về việc bạn đang đứng ở đâu,” một người được bổ nhiệm và không thuộc nhóm của Hillary nói. “*Cuộc chơi ở Bộ Ngoại giao đã thay đổi.*”

Đó là lý do tại sao Hillary chú trọng đến các vấn đề hằng ngày mang sức mạnh biểu tượng cũng như với những thay đổi từ tận bản chất mà bà đã thực hiện. Bà buộc phải chiến thắng “pháo đài” để kéo các nhân viên trong Bộ Ngoại giao về phía mình – và để làm được điều đó, bà biết rằng khôn ngoan nhất là nên tập trung vào cả những thứ nhỏ nhặt nhưng giúp cuộc sống

của họ được cải thiện hơn. Nếu bà định tái thiết ảnh hưởng của Bộ Ngoại giao trong Chính phủ Liên bang và danh tiếng của Hoa Kỳ trên trường quốc tế, bà cần đầu tư vào nhân viên để họ có thể tin và theo bà. “Rõ ràng bà ấy đã làm mọi thứ, và thật sự rất nỗ lực trong mọi hoàn cảnh khó khăn, bởi vì đó là một bộ máy quan liêu khổng lồ quá đồi phức tạp với bất kỳ ai,” một quan chức cấp trung Bộ Ngoại giao cho biết.

Ngay sau khi nhậm chức, Hillary xem xét lại chính sách phúc lợi với các cặp đồng giới là nhân viên ngoại giao, một bước triển khai định hướng của Obama trong việc thúc đẩy sự bình đẳng trong đội ngũ nhân viên tại các cơ quan. Trong trường hợp tốt nhất, sự phân biệt đối xử với những cặp đồng tính gây bất tiện với việc đi lại và sinh sống ở nước ngoài của các quan chức ngoại giao đồng tính. Tệ nhất là khi một nhân viên đồng tính của Bộ Ngoại giao có thể bị bỏ lại ở vùng chiến sự trong một cuộc sơ tán mà Chính phủ Liên bang chỉ quan tâm đến các gia đình của những nhân viên có hôn nhân khác giới.

“Tôi xem đây là vấn đề công bằng nơi làm việc, để giữ chân nhân viên, cũng như nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả của cộng đồng đại sứ quán Mỹ trên toàn thế giới,” Hillary phát biểu ngày 4 tháng Hai năm 2009, với lời hứa quyết tâm thực hiện những gì trong quyền hạn của bà như một nỗ lực để nhanh chóng viết lại các chính sách. Vào tháng Năm, tờ *New York Times* tiết lộ một bản ghi nhớ nội bộ chi tiết về chính sách mới trong việc đối xử công bằng với các nhân viên ngoại giao đồng tính. Kế hoạch được chính thức thực hiện ngay tháng sau đó, khi quy định phúc lợi mới được bổ sung vào hướng dẫn của Bộ Ngoại giao, về y tế, chi phí nhà ở cho những đối tác đồng tính và con cái của những cặp vợ chồng đồng giới...

Nhiều trong số những người mới được bổ nhiệm đã rất ngạc nhiên khi biết Hillary tốn nhiều công sức thế nào để gia tăng quyền hạn cho họ. Họ cũng biết rằng, họ đang được làm việc với một người luôn hành động, không bao giờ chịu thất bại khi lên kế hoạch và thực hiện nó chỉ vì thiếu nỗ lực cá nhân. Lịch trình di chuyển của Hillary thật đáng nể, nhằm thực hiện hai nhiệm vụ, một là về cam kết thúc đẩy những lời hứa trong chính sách ngoại giao mới của Obama, và hai là về đội ngũ quan hệ công chúng để đảm bảo rằng dễ dàng bắt lỗi những con số thống kê. Trang đầu trên website của Bộ Ngoại giao đã trở thành một cuốn sử sống động ghi lại những chuyến đi của Hillary, với tổng quãng hành trình là 956.733 dặm, tới 112 quốc gia. Các trợ lý của những ngoại trưởng tiền nhiệm vẫn thường lưu lại thông tin về những nơi họ đã đi qua, nhưng không phải với lòng nhiệt tình như đội PR nhằm nâng cao nhận thức về hình ảnh của Hillary. Nó là một phần cơ bản trong câu chuyện của bà với tư cách một ngoại trưởng mạnh mẽ hơn ai hết. Riêng ở Bộ Ngoại giao, các trợ lý chính trị và quan chức chuyên môn còn ấn tượng hơn với sự siêng năng của bà trong việc đi sâu vào những vấn đề chính sách chuyên biệt.

Thời còn làm việc tại Thượng viện, Hillary từng khởi đầu một ngày mới với nhiều tin tức được lọc từ báo chí mà một trợ lý bắt đầu thu thập từ 4 giờ sáng, trong một cuộc đua không chính thức với nhân viên làm công việc tương tự cho Bill Clinton. Hillary có phần ghen tị với đồng tin tức của chồng, và bà đã hướng dẫn nhân viên của mình chuẩn bị một bản tóm tắt tương tự mỗi buổi sáng. Tại Bộ Ngoại giao, họ còn tập hợp thông tin từ những bài viết quan trọng về chồng và con gái bà.

Một ngày làm việc của Hillary thường kết thúc với cuốn sổ thông tin tóm lược dày cộp, có cả những đoạn trích vui vẻ về mèo được một trợ lý thêm vào. Rob Russo – người từng chuyển các thông điệp cảm ơn của Hillary cho các nhà tài trợ và người ủng hộ hồi năm 2008 – chịu trách nhiệm bảo đảm các tài liệu hằng ngày được phân loại cẩn thận. Trong đó có kế hoạch làm việc của Hillary ngày hôm sau, các bản ghi chép sau mỗi cuộc họp về chương trình nghị sự, các bài phát biểu trong các sự kiện cộng đồng, và cả thông tin cơ bản về những người Hillary sẽ gặp. Thông tin do nhân viên của Bộ Ngoại giao cung cấp, và hai quan chức có trách nhiệm phân loại. Thường thì các trợ lý sẽ phải làm việc đến khuya để chuẩn bị tất cả những tài liệu đó.

Cũng không có gì bất thường khi một bộ trưởng hoặc một thành viên Nghị viện mang cuốn sổ thông tin tóm tắt công việc về nhà vào buổi tối – bởi đa số đều làm vậy – nhưng yêu cầu của Hillary về những công việc phải làm tại nhà cũng khiến các cố vấn của bà đau đầu. “Bà ấy thật

sự đã đọc hết những bản ghi nhớ,” một trợ lý cấp cao cho biết. “Tôi từng chuẩn bị cho phiên họp Thượng viện phê chuẩn bà ấy và cả phiên điều trần đầu tiên về ngân sách. Tôi trao cho bà ấy 300 trang báo cáo và cứ nghĩ bà ấy sẽ không đọc hết, ít nhất là 50 trang cuối. Bà ấy mang về nhà vào cuối tuần, khi bà ấy quay lại làm việc vào thứ Hai, trang 250 của cuốn sổ được đánh dấu với ghi chú ‘Điều này vô nghĩa’ và ‘Giải thích cái này cho tôi.’” Hillary thường đích thân ghi chú và ký lên đó, gửi trả bản thảo có những chỗ khoanh tròn lỗi chính tả hoặc chưa thêm biệt danh người nhận, hoặc sửa chữa một vài chi tiết khác.

Kỷ luật và sức tập trung cao độ của Hillary là hai trong số những điều trái ngược với chồng bà, nổi tiếng vì trễ giờ và ôm đồm nhiều việc cùng lúc. Với những người biết cả hai, Hillary càng được nể trọng bao nhiêu thì chồng bà lại bị phàn nàn bấy nhiêu. “Trong khi bạn đứng trước bàn làm việc của Tổng thống Hoa Kỳ, tóm tắt cho ông ấy về một cuộc họp quan trọng,” Albright kể, “thì Bill vẫn chơi trò giải đố ô chữ. Bạn có cảm giác như muốn la lên ‘Chúa ơi, hãy nghe tôi nói này,’ nhưng bạn không bao giờ ngờ rằng sau đó ông ấy có thể nói lại bất cứ điều gì mà bạn vừa tóm tắt, vậy là bạn biết ông ấy luôn lắng nghe. Còn Hillary, như một cô gái Wellesley, sẽ ghi chép khi nghe.”

Thậm chí, với một trong số những sự kiện đáng xấu hổ nhất thời trẻ của Hillary là khi bà thất bại trong kỳ thi tuyển luật sư tại Washington, D.C., thì cũng không phải do bà thiếu kỷ luật. Bà ghi danh vào một lớp luật sư của Giáo sư Joseph Nacrelli nổi tiếng về hiểu biết mọi ngóc ngách các cuộc thi tại D.C. Nhưng năm 1973 là năm thứ hai của kỳ thi với số người dự thi kỷ lục đến từ nhiều bang khác nhau, nên các kiến thức chung về luật của Hoa Kỳ được đề cao hơn những câu hỏi về thành phố cụ thể nào đó. Khi nghe bài giảng của Giáo sư về chủ đề mà họ nắm khá vững, một vài học viên nhận ra tài liệu mà ông đang dạy có sai sót. Họ thấy lo vì kỳ thi đề cập những chủ đề mà mình không được tiếp cận ở trường luật. Họ bắt đầu học thêm về các chủ đề đó bên cạnh việc tiếp tục học trên lớp, nhờ thế mà vượt qua kỳ thi. Cũng khó có thể bảo rằng Hillary trượt vì đã học theo những thông tin sai lệch, bởi cũng có một số người dựa hoàn toàn vào những gì được học trên lớp nhưng vẫn đạt điểm cao. Bà là một sinh viên giỏi, nhưng không thấy được những vấn đề mà một số bạn học đã nhận ra và điều chỉnh.

Tuần đầu tiên tại văn phòng, Hillary đưa ra một sáng kiến cho thấy bà quan tâm tới việc xây dựng bộ máy và lên kế hoạch cho sáng kiến đó, dù một bộ phận nhân viên không thích điều này lắm. Đó là dự án mà bà hy vọng giúp hiện đại hóa Bộ Ngoại giao ở tất cả các cấp, bảo đảm để các nhà ngoại giao sẽ là bộ mặt của Hoa Kỳ tại các nước. Bà đã mời rất nhiều phụ tá cấp cao đến dự bữa tối tại tầng tám, nơi có những tài sản quý giá của Hoa Kỳ như chiếc bàn của Thomas Jefferson được đặt trang trọng giữa những cột đá cẩm thạch trên sàn gỗ cứng, hay ban công mà từ đó người xem có được một bức tranh tráng lệ toàn cảnh thành phố.

Khi ngồi xuống dùng bữa và vạch kế hoạch với Cheryl Mills, Jake Sullivan, trợ lý hoạch định chính sách Derek Chollet, và Rich Verma thuộc bộ phận vận động hành lang trong Capitol Hill, Hillary bắt đầu nói về cách thức hiệu quả mà Lầu Năm góc đã dùng để thuyết phục Nghị viện thông qua ngân sách thường niên cực lớn, lên đến hơn 650 tỉ đô-la gồm cả những chi phí bổ sung cho cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan.

Với tư cách là thành viên của Ủy ban Quốc phòng, bà giải thích, mình từng chứng kiến các lãnh đạo hàng đầu của Lầu Năm góc được trao cả quyền hạn cho sứ mệnh đặc biệt là bảo vệ đất nước, lẫn những tập tài liệu về lập dự án có thể giúp họ thành công khi kiến nghị tăng ngân sách. Cứ bốn năm một lần, Lầu Năm góc lại chuẩn bị bản báo cáo, gọi là Bản đánh giá công tác Quốc phòng Bốn năm một lần (QDR: Quadrennial Defense Review,) đánh giá những chiến lược và ưu tiên dài hạn, bao gồm nhu cầu về vũ khí, nhân lực và phương tiện. Chức năng cơ bản của bản đánh giá này là đưa ra chiến lược bảo vệ đất nước có định hướng. Nó cũng được dùng như một điểm tham chiếu cho các lãnh đạo quân sự khi đến Capitol Hill với bản thuyết trình đầy màu sắc nhằm thuyết phục Nghị viện tiếp tục thông qua yêu cầu cấp kinh phí cho những vũ khí cũ hoặc chi tiền cho một hệ thống mới. Những yêu sách mới luôn được lồng ghép vào các chiến lược nêu trong QDR.

Những gì mà QDR đem đến cho Lầu Năm góc là nhận thức về nhiệm vụ và mục tiêu dài hạn,

điều sẽ hợp nhất nhu cầu của cơ quan này với tầm nhìn chiến lược của các lãnh đạo dân sự. “Tôi không hiểu tại sao chúng ta lại không làm như họ,” Hillary nói với một phụ tá. “Phải chăng điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả.”

Bộ Ngoại giao “không có một bức tranh toàn cảnh thuyết phục, mang tính chiến lược để cho thấy vì sao chương trình mà Bộ đề xuất không chỉ quan trọng với chính Bộ, mà còn rất quan trọng cho một tầm nhìn tổng quát hơn,” theo lời một quan chức đã quen với tư duy nỗ lực thúc đẩy từ phía sau của Hillary. “Không chỉ tập tài liệu mới có giá trị. Tôi nghĩ, quá trình kết nối những ưu tiên rõ ràng là quan trọng hơn.”

Hillary vừa chăm chú lắng nghe ý kiến từ những cố vấn, vừa ghi tóm tắt. Sau đó bà viết xuống dòng chữ *Bản đánh giá công tác Đối ngoại và Phát triển Bốn năm một lần* (QDDR: Quadrennial Diplomacy and Development Review.) Bà đã suy nghĩ rất nhiều về QDDR lúc đó, và đã thảo luận với Jim Steinberg trước khi xác nhận chính thức nó trong bữa tối với các phụ tá.

Nhưng, dự án đó là cả một quá trình kéo dài gần hai năm vất vả, và nhiều quan chức mệt mỏi phàn nàn về khối lượng công việc phải gánh thêm. Anne-Marie Slaughter – người đứng đầu Văn phòng Chính sách Kế hoạch của Bộ Ngoại giao và chủ trì dự án QDDR – sau này đã viết một bài trên tạp chí *The Atlantic*, với nhan đề “Tại sao phụ nữ không thể có tất cả.” Richard Fontaine, một thành viên cấp cao tại Trung tâm một nền An ninh mới cho nước Mỹ, lưu ý rằng “cho dù với những lời giải cho các vấn đề mà QDDR đã đưa ra, việc thực hiện vẫn sẽ rất khó.” Ngay cả những trợ lý cấp cao của Hillary cũng từ chối tô vẽ cách thức mà QDDR được tiếp nhận. “Tôi bảo đảm là mọi người rất không vui về gì với nó, nếu nhìn cách mà họ bàn luận về nó,” một trong số này nói, “nhưng đó thật sự là một bài tập hiệu quả.”

Cuối cùng, họ cũng có một dự thảo chi tiết dài 242 trang về việc nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao và phát triển sánh ngang với lực lượng quân sự trong việc thực hiện các chính sách đối ngoại của Mỹ. Mục tiêu hàng đầu của QDDR bao gồm hình thành đội ngũ các đại sứ có chức năng như những CEO cho các cơ quan của Mỹ ở nước ngoài; củng cố các công cụ quyền lực mềm như hỗ trợ kinh tế; cải thiện cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới; tái tổ chức các phòng ban của Bộ Ngoại giao để ứng phó trước những thách thức mới; bảo đảm các nhà ngoại giao được trang bị máy tính và thiết bị cầm tay hiện đại; đổi mới kỳ thi tuyển công chức tại nước ngoài để có thể bổ sung các nhân viên ngoại giao nhạy bén; tăng cường tiếp xúc trực tiếp giữa các nhà ngoại giao với người dân các nước sở tại, không chỉ với các chính phủ; và sử dụng công nghệ làm nền tảng truyền thông xã hội trong đối ngoại. Toàn bộ kế hoạch này có mục tiêu tăng cường sức mạnh cho bộ máy, ngay cả khi phải uống viên thuốc đắng. “QDDR là một quá trình khó khăn, nhưng nó đưa lại quyền lợi cho Bộ Ngoại giao,” một nhà ngoại giao kỳ cựu nói. “Điều đó khẳng định công việc đã được hoàn thành ở đây; và cố gắng để tổ chức thực hiện theo cách tốt hơn.”

Sáng kiến đó còn phản ánh cách làm việc của Hillary, cho cái tốt hơn và xấu hơn. Bà nắm ý tưởng của người khác, nghĩ ra một kế hoạch để cạnh tranh, và dùng quyền lực để hoàn thành. “Bà ấy không phải là người sáng tạo nhất, nhưng có sự chỉ huy đích đáng nhắm tới các định hướng chiến lược,” một cố vấn hàng đầu nhận định. Điểm mạnh của bà là thực hiện được những ý tưởng tốt đến với mình, và áp dụng tốt những bài học từ một vấn đề này để giải quyết vấn đề khác.

Hillary đã tận dụng cường độ học tập như sinh viên của mình cùng với năng lực của các nhân viên để bù đắp cho việc thiếu một nguồn sáng tạo dồi dào. Không ngừng tìm ý tưởng, bà đã thu hút rất nhiều người, và tận dụng kỹ năng học được từ những ngày ở Thượng viện, vốn là một cái mũ bảo vệ cũ kỹ suốt cả thời gian dài trước đây của nhóm Hillaryland. Laurie Rubiner từng là người phụ trách vấn đề lập pháp của Hillary tại Thượng viện khoảng hai tháng vào năm 2005, khi cô được gọi tới văn phòng của Hillary để nhận hai chiếc va-li chứa đầy các tập tài liệu. Trong đó là hàng trăm trang cắt từ báo và tạp chí có những dòng chữ viết tay vội vàng của Bill và Hillary bên lề. Rubiner đáng được tha thứ vì nghĩ rằng mình vừa bước vào văn phòng của “Kẻ đặt bom giấu mặt.” (40) Đó là công việc mà một cựu nhân viên cấp cao của Hillary từng làm. Nhiệm vụ của Rubiner là chuyển những bài báo này đến tất cả những nhân viên lập pháp

mới trong văn phòng và yêu cầu họ phản hồi cho Hillary các phương án hành động, nhằm khắc phục các khúc mắc, hoặc tìm kiếm cách xử lý mới. Cách làm đó lan tỏa khắp Bộ Ngoại giao, nơi mà Jake Sullivan thường phải dành nhiều giờ đồng hồ để xem xét các đoạn băng hình cùng Hillary trên máy bay của bà.

Phần lớn những bài báo là về các chuyến đi quanh thế giới của Hillary, tổng hành trình gần 1 triệu dặm trong hơn bốn năm. Những người đổ kỵ với Hillary đã sử dụng số liệu thống kê này để chỉ trích bà đang cố gắng tạo một kỷ lục hơn là giải quyết các vấn đề quốc tế. Trợ lý của Hillary nói, bà hiểu rằng giá trị lớn nhất của bà với tổng thống là thay mặt ông ấy đại diện cho Hoa Kỳ. Hillary là một nhà ngoại giao bẩm sinh, điều đó nói lên rằng một chính trị gia không nhất thiết phải thắng trong một cuộc bầu cử.

Danh tiếng của Hillary cũng tạo nên một chút e dè cho một vài người bà từng gặp trên khắp thế giới, nhưng bà đã phá vỡ bầu không khí căng thẳng đó chỉ với một lời khen về chiếc cà vạt hay chuỗi vòng cổ. “Lạy Chúa, sao cô có được chiếc ví này vậy?” Hillary thốt lên khi gặp một người đang xin việc. “Này, Huma, nhìn chiếc ví này mà xem!”. Ứng viên, sau đó được tuyển dụng, đã chứng kiến Hillary sử dụng “công cụ phá băng” tương tự như thế nhiều lần.

“Đó là chiến thuật mà tôi thấy bà ấy sử dụng với những người khác nhau,” người phụ nữ đó nói. “Bà ấy biết những người xung quanh căng thẳng, nên đã làm vậy... Đó là một cách hành xử tuyệt vời với những người đang hết sức căng thẳng vì bạn... Và đó là sự tự ý thức rất sâu sắc.”

Hillary là một lãnh đạo luôn đặt ra yêu cầu cao và có thể khiến các nhân viên của Bộ Ngoại giao phải thay đổi, như những gì được phác thảo trong QDDR. Bởi thế, khả năng của bà trong việc kết nối với họ là rất quan trọng. Họ là một phần của bà, và bà phải tìm cách giúp họ chiến thắng bằng nỗ lực của chính họ. Khi ra mắt QDDR hồi tháng Bảy năm 2009, bà đã tổ chức một cuộc gặp mặt ở phòng họp chính tại tầng trệt Bộ Ngoại giao, thu hút rất nhiều câu hỏi trực tuyến cũng như từ những người có mặt.

Emily Gow, người từng làm việc cho Văn phòng Tự do Tôn giáo quốc tế, đã tạo cho Hillary một cơ hội tuyệt vời để thể hiện năng lực chỉ huy của bà. Lúc đầu, những người tham dự cười nhạo câu hỏi của Gow, một câu hỏi cho rằng có rất ít những thay đổi về mặt văn hóa mà Hillary đang tìm cách bổ sung thông qua QDDR. “Tôi muốn chạy bộ hoặc đạp xe đi làm,” Gow nói, “và không biết bà có thể ủng hộ một sáng kiến nào đó để giúp chúng tôi có các nhà tắm hay không?” Dù có thể xấu hổ trước đồng nghiệp và sếp của mình vì câu hỏi về những thứ tầm thường nhất trong cuộc sống thường nhật, người phụ nữ trẻ vẫn kiên trì. “Đầu tiên, việc này có thể giúp Chính phủ tiết kiệm ngân sách vì chúng ta không phải trợ cấp cho việc đưa đón. Tôi thà đạp xe đến nơi làm còn hơn đi tàu điện ngầm. Nó sẽ giúp mọi thứ xanh hơn, và nó cũng giúp thúc đẩy tinh thần.”

Như một chuyên gia chính trị dày dạn, Hillary đã lắng nghe và hứa sẽ xem xét cẩn thận vấn đề. Không ai nghĩ nhiều đến cam kết, vì nghe có vẻ đó chỉ là lời bác bỏ lịch sự.

Nhưng vào tuần tiếp theo, trong cuộc gặp vào 8 giờ 45 sáng hằng ngày với gần một tá cố vấn, Hillary hỏi Pat Kennedy, thứ trưởng phụ trách về quản lý: “Pat, câu chuyện về nhà tắm đến đâu rồi?” Bà liên tục chất vấn Kennedy cho đến khi vấn đề được giải quyết.

“Tôi tham dự nhiều cuộc họp buổi sáng hơn trong những tháng đầu tiên,” một người mới được bổ nhiệm phụ trách chính trị vừa gia nhập vào thế giới của Hillary nói, “ở đó chúng tôi thảo luận các câu hỏi, đại loại như: Đã có đủ vòi tắm trong phòng thay đồ chưa? Có đủ chỗ để xe trong bãi đậu không? Có đủ máy tính và điện thoại BlackBerry cho nhân viên chưa? Đó không phải là những kiểu tư duy về địa chính trị to lớn. Bà ấy quan tâm đến từng thứ nhỏ nhất nhưng thiết thân với những người gắn bó hằng ngày với chúng suốt 15 - 20 năm. Những thứ như vậy với Hillary là quan trọng, và bà nổi cáu khi những vấn đề ấy không được giải quyết. Đó là những lần tôi thấy bà ấy mất bình tĩnh.”

8. “Hãy dùng tôi như một phần mềm ứng dụng”

Jared Cohen túa mồ hôi. 27 tuổi, làm việc trong bộ phận kế hoạch chính sách của Bộ Ngoại giao, có khả năng nhắn tin nhanh như suy nghĩ mỗi lúc tìm ra hướng giải quyết công việc trong phạm vi quyền hạn của mình; và anh ta ít khi nghi ngờ năng khiếu đó của mình. Phần lớn những nhà chính trị đỉnh cao đều có phương châm là hãy tìm kiếm sự khoan dung hơn là sự cho phép. Bill và Hillary Clinton cũng áp dụng phương châm tương tự: “Tốt nhất là nên được bắt gặp khi đang cố gắng.” Với tinh thần đó, Cohen đã táo bạo vén bức màn đằng sau vụ Chính phủ Mỹ kết nối với các nhà cách mạng Iran thông qua các nhà quản trị mạng Twitter, những người đã hỗ trợ chiến dịch đó. Nhưng khi làm như vậy, anh đã vô tình đặt Bộ Ngoại giao Mỹ vào thế đối lập với tổng thống, và cũng khiến sự nghiệp của bản thân rơi vào mạo hiểm.

Ngày 13 tháng Sáu năm 2009, sau đó đã trở thành ngày của Phong trào Xanh, những người Iran tranh đấu đã tập trung trên đường phố và trên mạng để đặt vấn đề về tính hợp pháp của việc Mahmoud Ahmadinejad tái đắc cử. Hai ngày sau, Mir Hussein Moussavi, lãnh đạo phe đối lập nhận ra rằng: Twitter đang lên kế hoạch tạm ngừng hoạt động trong vòng 90 phút để bảo trì định kỳ trước 1h sáng, theo giờ Bờ Đông của Mỹ. Điều này đồng nghĩa với việc người dân Iran sẽ không thể sử dụng các diễn đàn thông tin xã hội – phương tiện được xem là một công cụ tổ chức mấu chốt – để liên lạc trong khoảng từ 8 giờ 45 đến 10 giờ 15 tại Tehran. Lo ngại điều này sẽ làm mất đi động lực của phong trào, Moussavi đã gửi đi tin nhắn Tweet về điều đó.

Cohen đọc được tin nhắn Tweet đó, và không nghĩ đến hậu quả, đã vội gửi ngay một e-mail ngắn cho Jack Dorsey, bạn thân của anh và là người sáng lập Twitter. “Liệu cậu có thể làm gì đó trong thời điểm này để hỗ trợ cho người Iran chứ không chỉ vì người Mỹ?” Cohen viết. Nếu không, những người Iran tranh đấu sẽ mất đi cơ hội liên lạc với cả trong và ngoài nước.

“Để tôi xem đã,” Dorsey trả lời, và hứa sẽ hỏi nhóm Twitter xem liệu có thể giúp gì được không.

Cohen có dáng vóc mảnh khảnh, mái tóc xoăn đen và đôi mắt xanh biếc thường sáng lên mỗi khi nói về những ý tưởng mới. Anh sinh ra ở Weston, Connecticut, vùng ngoại ô New York giàu có, nơi mà thu nhập trung bình lên đến 200.000 đô-la/năm. Anh tốt nghiệp Đại học Stanford và học tiếp tại Oxford theo học bổng Rhodes. Được Condi Rice bảo trợ trong thời gian cuối nhiệm kỳ Tổng thống Bush, anh xuất hiện như một người nhiều triển vọng có tài quan sát tinh tế, thể hiện qua việc anh rất quan tâm đến hai nguồn trợ giúp có ảnh hưởng lớn với Hillary là Anne-Marie Slaughter và Alec Ross. Họ là những người từng cố gắng triển khai kế hoạch “Tập thể Bộ Ngoại giao thế kỷ XXI” (21st Century Statecraft). Trong kế hoạch này, Bộ Ngoại giao sẽ sử dụng những công cụ hiện đại để kết nối, thậm chí là thay thế ngoại giao truyền thống. Cohen chắc chắn đã rất sáng tạo khi tác động đến Dorsey. Anh đã phải trải qua hai giờ dài như hai thế kỷ, khi chờ đợi câu trả lời.

“Điều đó sẽ không dễ như họ nghĩ,” Dorsey cuối cùng cũng trả lời.

“Bất cứ điều gì anh làm đều sẽ có ích,” Cohen viết trả lời, nhấn mạnh rằng Chính phủ Mỹ đang có nhiều thông tin về những gì đang xảy ra trên Twitter. “Điều này thật sự quan trọng.”

Lệnh cấm vận đơn phương Iran đồng nghĩa với việc hầu như không có bất cứ sự hiện diện nào của người Mỹ hay sứ quán ở Tehran. Mỹ còn có một nhóm nhỏ những người theo dõi Iran từ những quốc gia láng giềng. Họ thu thập tin tức tình báo thông qua các cuộc phỏng vấn những người rời bỏ đất nước. Những người tranh đấu ở Iran cần Twitter hoạt động, và cả những người Mỹ theo dõi Iran cũng vậy. Một lúc sau, Dorsey chuyển tiếp một chuỗi e-mail nội bộ khá dài từ nhóm kỹ thuật của Twitter cho Cohen. Từ quan trọng nhất đã được Dorsey thêm vào ngay đầu trang: “Đã xong”.

Với Cohen, đây là một chiến thắng khó khăn và cũng là một bước tiến cho công cuộc đổi mới

ngoại giao. Anh đã âm thầm làm việc với những công ty công nghệ trước cuộc bầu cử của Iran với hy vọng tìm ra cách để gia tăng sự ủng hộ cho phe đối lập. Dorsey là một nguồn hỗ trợ cực lớn đối với Cohen, giống như Ross, cố vấn cấp cao về đối mới của Hillary. Họ đã mời ông đến Bộ Ngoại giao. Họ cũng tổ chức một buổi dạ tiệc cá nhân cho ông tại Washington. Thậm chí ông được mời sang Iraq với tư cách thành viên của đoàn đại biểu doanh nghiệp nhà nước, trong đó có cả Blue State Digital, để tư vấn cho chiến dịch vận động tranh cử của Obama. Ông là một đồng minh đầy hứa hẹn, bởi họ cho rằng ông thấy được tầm quan trọng của mối quan hệ giữa cải tiến công nghệ liên lạc thương mại với mục đích hiện đại hóa công nghệ ngoại giao của Mỹ.

Các phương tiện công nghệ có thể ảnh hưởng đến hành vi và tinh thần với tốc độ chớp nhoáng so với những đòn bẩy của ngoại giao truyền thống. Những sự cấm vận và lời hứa dỡ bỏ chúng đòi hỏi sự thay đổi có cân nhắc của chính phủ ở quốc gia bị cấm vận, với thời gian hàng tuần, hàng tháng, thậm chí là hàng năm. Còn công nghệ hiện đại lại có thể cho phép những thay đổi tức thì. Nó có thể được sử dụng để tổ chức hoặc phá bỏ các trật tự xã hội hay chính trị chỉ trong một đêm.

Đối với những nước kém phát triển hơn, hoạt động tương trợ công nghệ của Mỹ giúp xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng chống tội phạm, tăng cường liên lạc và phòng thủ trong các cuộc chiến tranh mạng. Nhưng điều này cũng đem đến những rủi ro khó lường: người ta có thể dùng chúng như vũ khí để chống lại chính phủ, như trong sự kiện Mùa xuân Ả-rập đã cho thấy công nghệ có thể trở thành một nhân tố then chốt làm lung lay chế độ. Điều này đồng nghĩa với việc Mỹ có thể dùng những công ty công nghệ lớn như Twitter, Google hoặc Facebook làm đòn bẩy, nguồn động viên hay mối đe dọa với chính phủ các nước khác. Giúp đỡ chúng tôi thì chúng tôi sẽ giúp đỡ lại. Làm khó chúng tôi, thì chúng tôi chỉ cần ngồi xem những cuộc nổi dậy sử dụng các phương tiện công nghệ của chúng tôi để hất cẳng bạn khỏi quyền lực.

Sau thất bại tranh cử, Hillary trở nên bị ám ảnh với sức mạnh sáng tạo của kỷ nguyên Internet. Obama đã sử dụng những phương tiện công nghệ hiện đại để tổ chức, liên lạc, gây quỹ và quảng bá danh tiếng của mình. Điều này khiến kiểu chiến dịch như của Hillary không còn hợp thời nữa. Sau đó, bà mãi mê với những tính toán làm thế nào để áp dụng những bài học từ thất bại của mình vào công việc mới – và có thể còn xa hơn thế. “Bà ấy đặt câu hỏi trong một số trường hợp: Điều gì mà tôi có thể làm tốt hơn nếu nhờ đến công nghệ ở quốc gia này hay quốc gia kia?” một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao nói. “Tôi biết, đã có những day dứt trong chiến dịch vừa qua. Tôi nghĩ, thật tuyệt là nó đã biến thành mối bận tâm rằng làm sao lấy đó làm đòn bẩy thúc đẩy chính sách đối ngoại.”

Sau khi chuyển từ một ứng viên sang làm bộ trưởng, mong ước biến nhược điểm thành ưu thế đã được chứng minh bằng thành công của bà trong việc theo đuổi và thu phục Ross, người phụ trách điều phối nhóm cố vấn kỹ thuật của Obama trong chiến dịch tranh cử. Trong những ngày đầu nhiệm kỳ của Hillary, bằng lòng nhiệt thành của mình, Ross và Cohen đã có một bước tiến trong việc tạo dựng bộ mặt ngoại giao mới; với tình bạn và sự cộng tác, họ đã cần mẫn tìm hiểu về những tập đoàn công nghệ hàng đầu quốc gia để đưa chúng gia nhập mục tiêu vì lợi ích chính sách đối ngoại của Mỹ.

Do vận hành tại nhiều nước trên thế giới, các công ty công nghệ đã phải cố gắng để tránh bất cứ ý kiến nào chỉ trích họ là quân cờ trong tay chính phủ. Nhưng Cohen lại định hé bức màn cho cả thế giới, và điều đó có thể hủy hoại sự nghiệp của chính anh cũng như đẩy Bộ Ngoại giao vào thế khó xử với Nhà Trắng. Nhưng anh cho rằng, yêu cầu với Twitter là bình thường, nên đã không nghĩ đến chuyên báo cáo lên lãnh đạo của mình thuộc bộ phận kế hoạch chính sách. Ngay tối hôm đấy, anh đã gửi một loạt e-mail cho Ross và Ross lập tức gọi lại.

“Jared, anh có nhận ra là mình đang làm trái với chính sách của Tổng thống Mỹ rằng không can thiệp vào các cuộc bầu cử không?” Ross hỏi.

“Ôi, chết rồi,” Cohen đáp.

Cùng ngày, ngày 15 tháng Sáu, Obama tuyên bố: “Người Iran tự quyết định ai sẽ là lãnh đạo

của họ” và “Chúng tôi tôn trọng chủ quyền Iran.” Như vậy, Mỹ sẽ không can thiệp vào cuộc bầu cử của Iran. Cohen không cố ý chống đối tổng thống và kế hoạch của anh có lẽ đã hoàn hảo nếu như nó chỉ mang tính cá nhân. Nhưng khi câu chuyện xuất hiện trước công luận, nó khiến mọi việc trở nên hỗn loạn và làm dấy lên nghi ngờ của Nhà Trắng rằng “đế chế” tại Bộ Ngoại giao dưới quyền của Hillary liệu có đáng tin cậy để thực thi các chính sách của tổng thống hay không.

Sếp của Cohen là một trong số ít những cố vấn trong chiến dịch tranh cử của Obama hiện làm việc tại Bộ Ngoại giao. Ross rất giống với diễn viên Michael J. Fox trong bộ phim *Spin City* (Thành phố xoay tròn). Vốn là người gốc Charleston, Tây Virginia, cháu của một nhà ngoại giao Mỹ, Ross đã sáng lập một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận nhằm thu hẹp khoảng cách trong thế giới số và đã gây quỹ cho tổ chức đó bằng cách vận động các nhà điều hành hàng đầu về công nghệ. Anh tham gia chiến dịch tranh cử của Obama ngay trước khi nó được chính thức phát động, và vào guồng với vai trò cầu nối giữa chiến dịch đó với những cố vấn và những người ủng hộ đang làm việc trong lĩnh vực công nghệ. Cho đến cuối đợt vận động, anh đã điều phối một ủy ban gồm tất cả 509 người trong đó có các học giả, các nhà điều hành, cả các hacker và nhân viên kỹ thuật ủng hộ Obama. Nếu trung tâm điều hành chiến dịch của Obama cần một ứng dụng mới, Ross sẽ giúp kết nối với lãnh đạo các công ty công nghệ ủng hộ chiến dịch và họ có thể cung cấp các ứng dụng đó.

Khi Obama đắc cử, Ross mới 36 tuổi và rất khao khát tìm được một công việc kết hợp được cả hai yếu tố mà mình yêu thích, đó là sự đổi mới và chính sách đối ngoại. Có những bộ phận khác của Chính phủ, mà từ đó một trợ lý cũng có thể có ảnh hưởng đến những chính sách đối ngoại, đặc biệt phải kể đến NSC hay Lầu Năm góc. Nhưng Ross, vốn có rất nhiều cơ hội sau cuộc bầu cử, lại bị cuốn hút với công việc tại Bộ Ngoại giao. Khi Obama đề cử Hillary làm lãnh đạo Bộ Ngoại giao, bạn bè nói với anh rằng thật không may vì rất khó để một thành viên trong chiến dịch tranh cử của Obama có thể tìm được một công việc ở đó. Nhưng Ross lại có điều mà Hillary muốn có: anh biết cách để đưa những công nghệ mới – mà Obama đã sử dụng để chiến thắng Hillary – vào mục đích gia tăng lợi ích của Mỹ. Maggie Williams, cố vấn lâu năm của Hillary đã nghe về Ross trong suốt chiến dịch tranh cử và trong giai đoạn chuyển giao năm 2008; Hillary và Cheryl Mills đã để ý đến anh ta. Họ đã thảo luận về những thách thức mà chính sách đối ngoại phải đối mặt do sự phát triển mạnh mẽ của các mạng thông tin, đặc biệt là sự san sẻ quyền lực truyền thống sang các lực lượng không thuộc nhà nước.

So với phe của Obama, những người của Hillaryland không giỏi về các công cụ hiện đại trong chiến dịch tranh cử, cũng như không biết gì về chuẩn mực của thể hệ Internet. Tuy nhiên, khái niệm về sự kết nối lại không hề xa lạ với Hillary. Từ rất lâu trước khi Obama xuất hiện, Hillary và chồng đã là những bậc thầy về tạo mạng lưới. Chạy đua với những gì Obama thực hiện trong chiến dịch tranh cử, Hillary đã nhanh chóng chuyển từ sử dụng máy tính thông thường sang điện thoại thông minh cùng với việc dùng máy Mac. Mong muốn của Hillary nhằm mở rộng những thành tựu trong nước của Obama ra toàn cầu trùng hợp với đề tài nghiên cứu của Anne-Marie Slaughter về sự xuất hiện của các mạng lưới phi chính phủ trên thế giới. Mạng Internet, hơn bất cứ nhân tố đơn lẻ nào, sẽ thúc đẩy quyền lực của những yếu tố phi nhà nước. Điều đó ngày càng tạo ra nhiều ảnh hưởng đối với các nhóm xuyên quốc gia có liên hệ mật thiết với các chính phủ, như Liên Hợp Quốc hay G8, các tập đoàn đa quốc gia và những tổ chức xã hội quốc tế. Một hiện tượng nhãn tiền hơn nữa, các phong trào chính trị tại một số quốc gia có thể nhanh chóng biến thành các cuộc cách mạng. Nhưng trái lại, công nghệ cũng có thể tăng sức mạnh cho những tổ chức khủng bố và tội phạm. Có thể đo đếm quyền lực bằng cách tính toán về khả năng một người có thể xây dựng hay phá vỡ những mạng lưới của người khác, đó là ý tưởng mà Hillary muốn nắm lấy.

Việc Hillary đầu tư cho Slaughter, Ross và Cohen có thể được xem là dấu hiệu rõ ràng cho thấy bà đã học được rất nhiều sau thất bại của chiến dịch tranh cử năm 2008. Với một phụ nữ mà hoạt động của người đó nổi tiếng là hẹp hòi, bà đặt niềm tin lớn vào ba người bên ngoài: Slaughter từ Princeton, Ross từ chiến dịch tranh cử của Obama, và Cohen từ nhiệm kỳ của Bush – để xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực mà chỉ mấy tháng trước bà còn

hết sức ngỡ ngàng. Thiên hướng đổi mới này có thể giúp bà đạt được mục đích, không chỉ trong việc chỉ huy chính sách đối ngoại, mà cả trong trường hợp bà bước ra tranh cử tổng thống một lần nữa. Điều này cho thấy hiểu biết sâu sắc của bà về sức mạnh thật sự của công nghệ như một công cụ chính trị. “Bà ấy sẽ không bao giờ rơi vào cái bẫy ‘chỉ sử dụng công nghệ cho việc truyền bá ngoại giao,’” một trong những trợ lý sành sỏi về công nghệ cho biết. “Bà ấy đã kết hợp công nghệ với việc tổ chức bộ máy từ cơ sở bởi vì hệ quy chiếu của cuộc vận động.”

Nhưng, ngay trong Bộ Ngoại giao, niềm tin của Hillary vào sức mạnh công nghệ trong triển khai chính sách ngoại giao vẫn luôn gây tranh cãi, khiến Ross xung đột với Jim Steinberg – một thứ trưởng ngoại giao – xung quanh việc duy trì cân bằng giữa ngoại giao truyền thống và ngoại giao dựa vào các công cụ hiện đại, nhất là khi Ross dự đoán rằng thế giới sẽ chứng kiến những cuộc cách mạng không có người lãnh đạo trong nhiệm kỳ ngoại trưởng của Hillary. Cho dù cách tiếp cận quyền lực thông minh được Slaughter hỗ trợ rất nhiều bằng sức mạnh trí thức, Hillary vẫn ngày càng bị cô lập bởi các thế lực quan liêu, nhất là khi bà xúc tiến xây dựng QDDR. Thậm chí, những người vốn đánh giá cao Ross và Cohen cũng xem họ là những “con sói đơn độc.” “Rất khó làm việc chung với họ,” một trong những người làm việc lâu năm trong Hillaryland và hiện công tác ở Bộ Ngoại giao cho biết. “Họ không phải là các người chơi mang tính đồng đội, có lẽ vì họ quá giỏi. Họ độc lập, làm theo những gì mình thích và tự do sáng tạo. Họ đều sáng chói.”

Cả một thời kỳ dài không phụ thuộc vào ai đã khiến Cohen, vào buổi sáng sau khi can thiệp vào Twitter, đã trở thành một trong những chủ đề bàn luận nóng hổi của những nhân viên cấp cao quanh Hillary. Vốn chủ trì các cuộc họp hằng ngày, nhưng Hillary lại không tham gia cuộc họp hôm đó; và cũng không có mặt Cohen, người ở vị trí quá thấp để tham gia. Nhưng anh ta đã gây chú ý đối với P. J. Crowley, trợ lý ngoại trưởng phụ trách quan hệ công chúng, muốn đảm bảo rằng cánh báo chí hiểu được chuyện gì đã diễn ra. Khi Mark Landler của tờ *New York Times* hỏi về vụ việc, Crowley đã cung cấp nhiều chi tiết, và đánh giá rằng bước đi của Cohen có thể là điều tốt cho Bộ Ngoại giao.

Sự can thiệp nơi hậu trường của Cohen rồi cũng bị tiết lộ trước công chúng. Trong khoảng thời gian từ sau cuộc gặp gỡ giao ban nhân viên buổi sáng đến lúc Landler trình bày bài báo cáo của mình, câu chuyện đã lan đi khắp Bộ Ngoại giao đến hai lần. Gần như các quan chức cấp cao đều nói về chuyện đó.

Mills triệu tập Ross và Sullivan đến văn phòng; và trên đường đi, hai người tình cờ va vào nhau tại khu vực an ninh của tầng bảy, nơi các bí mật quốc gia vẫn thường được bàn luận.

“Tất cả những gì Jared làm sẽ lên trang nhất *New York Times*,” Sullivan bực bội nói với Ross.

“Anh muốn ám chỉ điều quái quỷ gì vậy?” Ross đáp. “P. J. đã cung cấp cho *New York Times* về sự can thiệp của Jared?”

“Ông ta đã cung cấp thông tin,” Sullivan nói. “Nó sẽ lên trang nhất.”

Sullivan, Ross, và Crowley đều có mặt trong phòng Mills, họ gọi điện cho Philippe Reines. Sullivan hơi bối rối. Đây là một quyết định gây ra hậu quả, anh ta nghĩ, việc này đáng lẽ phải được cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra thông điệp, chứ không phải đưa tin theo kiểu bông đùa và rồi kể lể nhiều chuyện cho tờ báo có tầm ảnh hưởng thế giới như thế. Sullivan, người đã trở thành cầu nối có nhiều ảnh hưởng giữa Bộ Ngoại giao với Nhà Trắng, đã nhìn xa trông rộng hơn Cohen về chiến lược của Chính phủ tại Iran. Những người thuộc Phong trào Xanh đã đánh tiếng với các quan chức Mỹ là hãy tránh xa họ, bởi sự can thiệp của Chính phủ chỉ gây suy giảm uy tín của các “nhà cách mạng” với người dân Iran, cũng như “thêm dầu vào lửa” đối với bầu không khí đang lên án phong trào này là do đám bù nhìn của Mỹ dẫn dắt. Sullivan chủ yếu quan tâm đến cáo buộc cho rằng Bộ Ngoại giao đang làm mất mặt Nhà Trắng. Obama đang phải nhận một đòn nặng nề từ những người bảo thủ vốn luôn tin rằng ông nên chủ động tăng cường hỗ trợ Phong trào Xanh; và chính việc Cohen là nhân viên kỳ cựu của Tổng thống Bush càng làm dấy lên nghi ngờ về mục đích của Obama. Cách giải quyết đơn giản nhất để giữ thể diện cho tất cả là sa thải Cohen.

Người dè dặt như Sullivan cũng bắt đầu lớn tiếng. Crowley thì mỉm cười và cố trấn tĩnh. “Tôi nghĩ là ông sẽ thấy chuyện này có lợi cho chúng ta,” ông ta nói và nhấn mạnh về yếu tố lợi ích lâu dài cho Mỹ nếu ủng hộ cuộc cách mạng tại Iran.

“Tại sao chúng ta còn phải tranh cãi về điều này?” Sullivan nói. “Anh ta phải ra đi.”

Reines, vốn thân cận với Hillary hơn cả Crowley, cũng đề nghị một phương án nhằm đảo ngược những gì Cohen đã làm. Vấn đề động cơ rất quan trọng với Reines, và ông ấy không thấy mưu toan hiểm độc nào trong hành động của Cohen. Những người khác lại cho rằng, ông ấy đang cố gắng tìm ra phương án để cứu Cohen bằng cách xoa dịu xung đột giữa chính sách của tổng thống với sự can thiệp của Cohen. Ý định của Reines trùng khớp với suy tính của Sullivan.

Nhưng Mills liên tục cắt ngang lời ông ta và cho rằng sẽ không có phương án nào tốt để giải quyết chuyện này.

Họ gọi điện cho Denis McDonough, người đứng đầu mảng truyền thông chiến lược của NSC. Theo chỉ thị của ông này, không ai trong Bộ Ngoại giao được công khai đề cập chuyện này nữa. Họ ngồi lại cùng nhau, chờ đợi bài báo của *Times* và quyết định không thêm dầu vào lửa qua những cuộc phỏng vấn với các hãng thông tấn khác về vấn đề này. Kịch bản khả dĩ nhất là câu chuyện trên tờ *Times* không khiến Obama cảm thấy mất mặt vì đã duy trì lập trường thụ động đối với phong trào đấu tranh tại Iran.

Cohen đang bị trói buộc, anh không còn nắm giữ được kết cục của mình nữa. Con dao dài không chỉ kề vào anh ta, mà còn vào Ross, người bảo hộ cho anh; và cả Crowley, người cũng nhúng tay vào câu chuyện khi kể cho tờ *Times* về một quan chức tầm trung của Bộ Ngoại giao theo đuổi một chính sách lạc lõng với tổng thống. Cohen không cố ý gây ra bất cứ mối nguy nào, nhưng giờ anh hiểu rằng hành động của mình có thể phải trả giá bằng cả sự nghiệp; và tệ hơn, nó có thể khiến công việc mà anh ta và Ross đang làm đi đến thất bại.

Hoạt động trên quy mô rộng lớn ngoài sự chú ý của Nhà Trắng, cả hai được Hillary dành cho những điều kiện thuận lợi để khai thác sự kết hợp giữa công nghệ và ngoại giao, không chỉ trên lý thuyết mà cả trong thực tế. Vào tháng Hai, bà đã cử Cohen đến Afghanistan cùng với Holbrooke và Tướng Mike Mullen, Tổng tham mưu trưởng Hội đồng Liên quân. Ở đó, họ chứng kiến quân Taliban buôn lậu điện thoại iPhone để cung cấp cho một nhà tù. Holbrooke viết cho Hillary mấy dòng về vai trò của công nghệ trong cuộc chiến ở Afghanistan, điều này làm tăng thêm sự quan tâm của bà trong việc điều động Cohen và Ross. Cùng lúc có cả Ross và Slaughter đóng vai trò như những người hướng dẫn, Hillary giống một học trò chăm chú học hỏi về phương thức mà công nghệ thông tin tương tác với chính sách đối ngoại. Bà đã cho xây dựng một phòng thí nghiệm nhỏ về sáng tạo tại Bộ Ngoại giao, tại đó Ross và Cohen âm thầm làm việc của mình.

Nhưng giờ thì họ đã trở thành những đốm sáng nhấp nháy trên màn radar của Nhà Trắng. Chưa nói đến vấn đề liệu những gì Cohen làm là có lợi hay có hại cho Phong trào Xanh, hay việc anh làm lên đến cấp độ nào của việc bất tuân lệnh tổng thống từ phía chính anh ta hay về phía Hillary, thì tình trạng này cũng cho thấy rõ hơn về sự khác biệt trong quan điểm về thế giới giữa Obama và Hillary. Ít nhất, trong những ngày đầu ở Thượng viện, nơi bà đại diện cho cử tri New York để ủng hộ cộng đồng Do Thái gốc Israel, Hillary đã tỏ ra hiếu chiến hơn với Iran. Khi Obama tuyên bố trong suốt chiến dịch rằng ông sẵn sàng đàm phán song phương với Ahmadinejad trong năm đầu tiên làm tổng thống, Hillary từng cảnh báo Obama có cách tiếp cận ngây thơ. “Tôi không muốn bị lợi dụng cho mục đích tuyên truyền này,” bà khẳng định.

So với Obama, giờ đây cơ quan của bà, hoặc ít nhất là Cohen, đã có những hành động mạnh hơn đối với Ahmadinejad bằng cách sử dụng truyền thông xã hội. Các chuyên gia công nghệ của Obama trong suốt mùa chiến dịch năm 2008 cho rằng nhóm của ông đã chậm trễ không nắm lấy sức mạnh truyền thông để tạo ra những thay đổi toàn cầu. Tương tự, những nhân viên lâu năm trong Bộ Ngoại giao cũng ít áp dụng cách thức mới của Cohen và Ross trong hoạt động ngoại giao. Câu chuyện này là một ví dụ hoàn hảo cho họ về mối nguy hiểm đối với “Tập thể Bộ Ngoại giao trong thế kỷ XXI,” một thuật ngữ có vẻ xuất phát từ game dành cho giới trẻ, đó là

trò *World of Warcraft*.

Tuy nhiên Hillary đáp trả rằng đây là chuyển biến lớn trong quan điểm ngoại giao mới về thế giới trong một Thời đại Mới đang trong quá trình định hình, và bà sớm ủng hộ nó. Cá nhân Hillary từng nhiều lần nói rằng bà muốn những lỗi lầm của thành viên trong nhóm nên được nhìn nhận theo hướng khích lệ để sửa chữa hơn là trừng phạt. Nhưng không ai dám chắc liệu có thể như thế hay không, khi lỗi xảy ra có thể làm Obama mất mặt, hoặc trở thành mối nguy hiểm tàng phá hủy những nỗ lực của Mỹ nhằm đưa Iran quay lại bàn đàm phán, chấm dứt chương trình hạt nhân. Thoạt nhìn, việc Nhà Trắng từ chối hậu thuẫn những người Iran đấu tranh có vẻ đi ngược những giá trị Mỹ. Làm sao một nền dân chủ lãnh đạo cả thế giới với quyền lực mạnh mẽ nhất lại có thể ngồi yên trong khi Iran đang thẳng tay đàn áp các lực lượng bất đồng chính kiến. Những câu hỏi này càng nhức nhối khi tờ *Times* bất ngờ đưa lên mạng câu chuyện này vào tối thứ Ba.

Đến sáng thứ Tư, khi câu chuyện xuất hiện trên tờ báo mà Obama tin tưởng nhất, những cố vấn hàng đầu của Hillary tập hợp lại trong cuộc họp khẩn vào 8 giờ 45 phút sáng. Họ lo lắng chờ chỉ đạo của Hillary. Nếu bà tức giận, họ sẽ biết ngay. Hillary có thể mĩa mai, cay độc khi nhận thấy các phụ tá khiến mình thất vọng. Giọng của bà sẽ không giấu được nỗi thất vọng, hoặc bà sẽ hỏi những câu đầy ẩn ý mà người ta không thể trả lời nếu không muốn bị lôi vào rắc rối sau đó.

Câu chuyện của Cohen dẫn đến nhiều căng thẳng. Có phải Hillary là kiểu nhà lãnh đạo bảo vệ người của mình, hay bà sẽ ném anh ta vào gầm xe buýt? Liệu việc gây rắc rối với một chính phủ khác có phải là một học thuyết thông minh hay một công cụ ngoại giao hiện đại? Liệu bà có tỏ rõ mình là xương sống trong cuộc đương đầu với Nhà Trắng?

Vụ rắc rối này đeo đẳng tâm trí Hillary buổi sáng hôm đó, khi bà bước vào phòng hội thảo ở tầng bảy qua một hành lang hẹp từ văn phòng của mình. Hiếm khi Hillary cầm theo cả một tờ báo, mà thường chỉ chọn ra một vài bài nào đó và mang tới cuộc họp. Nhưng sáng hôm đó, bà có cả tờ *Times* trên tay. Câu chuyện được đăng ở trang 12, không phải trang nhất. Các trợ lý chăm chú quan sát bất kỳ một dấu hiệu nào cho thấy bà đã nghĩ gì.

Bà đặt tờ báo xuống chiếc bàn gỗ vuông với 14 chỗ ngồi ngay trước mặt và nhìn các cộng sự một lượt. “Thật tuyệt, đây chính xác là điều đáng lẽ chúng ta nên làm,” bà nói.

Cam kết đổi mới của Hillary ở Bộ Ngoại giao quá sâu sắc, khó có thể khiến bà chệch hướng chỉ bởi những ý nghĩ *có thể nổi khùng* xung quanh việc liệu Jared Cohen đã nêu rõ động cơ của mình với những người thích hợp hay chưa, hay lại gây hiểu lầm về chính sách của chính phủ đối với việc Ahmadinejad tái đắc cử. Trong lúc chưa rõ ràng, Williams, Mills, và cả Hillary đã bàn luận về nhu cầu không chỉ bắt kịp nhịp độ đổi mới mà còn phải đi trước thời đại. Họ muốn biến sai sót thành tài sản, và Hillary sẽ không chịu từ bỏ sứ mệnh ấy chỉ vì một cuộc tranh luận nhỏ.

Trong năm tháng đầu tiên ở Bộ Ngoại giao, Hillary đã dồn hết tâm trí và nguồn lực nhằm bảo đảm rằng hoạt động của bà thiên về dùng công nghệ như một công cụ chính trị nhiều hơn so với chiến dịch tranh cử năm 2008. Chẳng hạn, tài khoản Twitter-vention của Cohen là một bằng chứng khẳng định sức mạnh về hiểu biết và vận dụng hạ tầng công nghệ. Không chỉ đội ngũ đổi mới của Hillary là một công cụ mạnh mẽ tại Bộ Ngoại giao, Hillary còn rất sắc sảo khi cho rằng việc khai thác tính ưu việt của công nghệ có thể là động lực thứ hai cho việc chạy đua vào ghế tổng thống. “Các công cụ này được dùng để tạo ảnh hưởng với các phong trào chính trị tại nước ngoài,” một cố vấn của Hillary nói, “và cũng có thể dễ dàng dùng như một đòn bẩy trong nước.”

Đội ngũ đổi mới thậm chí lên đến hơn 100 người ở các bộ phận khác nhau trong Bộ Ngoại giao; nhiều trợ lý cố gắng tích hợp các hoạt động trong khuôn khổ sáng kiến “Tập thể Bộ Ngoại giao Thế kỷ XXI” vào công việc của mình. Họ là một lực lượng đặc biệt mạnh mẽ đối với Hillary, và nỗ lực của họ tập trung vào các dự án, như thành lập tài khoản thông tin xã hội cho Bộ Ngoại

giao tại các nước, âm thầm cung cấp các phương tiện công nghệ và huấn luyện lực lượng nổi dậy tại các nước Trung Đông. Hillary gia tăng khả năng không chỉ trong việc gây tác động đến sự trỗi dậy hay sụp đổ của các chính phủ hoặc những ứng viên chính trị, mà còn trong việc bảo vệ và tăng sức mạnh cho những cộng đồng dễ bị tổn thương trên thế giới thông qua tiềm năng công nghệ. Đối mới đồng thời gắn liền với tham vọng của Hillary với tư cách một nhà ngoại giao, với những cơ hội thành công của bà trong chiến dịch vận động tranh cử tổng thống, và với cả những cam kết về công bằng xã hội.

Hillary quay lại với đội ngũ công nghệ của mình vào tháng Tám năm 2009, thời điểm khó khăn nhất trong năm đầu tiên trên cương vị ngoại trưởng. Trong cuộc gặp gỡ với sinh viên Congo tại Kinshasa, Hillary đã được hỏi, chồng bà nghĩ gì về việc Ngân hàng Thế giới can thiệp vào các hợp đồng của Trung Quốc với Congo. Đây là một trong những câu hỏi khiếm nhã nhất đã gây tổn thương vị thế của Hillary: tại Washington, nhóm của Obama vẫn tỏ ra chậm chạp trong việc ra quyết định bổ nhiệm bà; các nhà báo từ Ben Smith đến Tina Brown đều viết rằng bà thiếu tầm ảnh hưởng; và Obama thậm chí gửi Bill đến Bắc Triều Tiên để đàm phán việc thả hai nhà báo Mỹ hiện bị giam giữ ở đó.

Giờ đây, khi đã cách Beltway tới 6.500 dặm, trong một chuyến đi mà Hillary chọn để tăng cường quyền bình đẳng cho phụ nữ và chống lại nạn lạm dụng họ, vậy mà mấy đứa trẻ còn ngồi trên ghế nhà trường lại hỏi quan điểm của chồng bà về một vấn đề chính trị. Một vấn đề nóng hổi. Tại một nơi sặc mùi nước tiểu trẻ con. Hillary đã đi qua nửa chặng đường của chuyến công du 12 ngày, tới 7 quốc gia.

Bà mất bình tĩnh, “Chồng tôi không phải là ngoại trưởng. Mà là tôi,” bà phản pháo. “Nếu bạn muốn biết ý kiến của tôi, tôi sẽ nói cho bạn biết. Còn tôi không có ý định nói hộ ý kiến của chồng mình.”

Các trợ lý của Hillary thông báo tới Nhà Trắng, báo hiệu rằng những gì họ chứng kiến có thể trở thành câu chuyện trong ngày tại nước Mỹ; một trong những trợ lý truyền thông của Obama, người đã làm việc trong chiến dịch vận động tranh cử năm 2008, bày tỏ cảm thông về những phản ứng của Hillary, điều mà những trợ lý của bà mô tả như kết quả của việc phiên dịch tồi hay cấu trúc nghèo nàn của câu hỏi. “Thật phát điên lên,” trợ lý của Obama viết trong e-mail gửi Reines. “Bà ấy đã bay đến một trong những nơi nguy hiểm nhất ở một trong những đất nước nguy hiểm nhất hành tinh chỉ để làm nổi bật lên nỗi thống khổ mà những người phụ nữ đang phải gánh chịu do nhiều điều khủng khiếp chưa thể nói ra, trong khi báo chí chỉ nhắm vào những điều ngớ ngẩn về áp lực gia đình từ năm 1998.”

Khoảnh khắc giữa hai người trợ lý, những cựu đối thủ và cũng là những phụ tá tận tụy, là một tín hiệu đáng chú ý về tinh thần đoàn kết, thống nhất giữa hai bên đã được phát đi.

“Hiện giờ tôi có cảm giác như một thành viên PUMA vậy,” người trợ lý viết, ám chỉ đến đám đông “Party Unity My Ass”⁽⁴¹⁾ bám lấy Hillary rất lâu sau khi bầu cử kết thúc. “Tôi sẽ lập tức gọi cho Geraldine Ferraro.”

Đoạn video giống như bị nhiễm virus. Từ *Today* đưa ra câu hỏi liệu bà mệt mỏi vì lịch múi giờ hay ghen tị với Bill. Cả hai đều có phần đúng, Andrea Mitchell của NBC trả lời. Từ *New York Post* đăng hình Hillary với dòng tit: “Tôi là Bà chủ”. Một trong số những trợ lý của Hillary nói: “Nhiều người nghĩ rằng bà ấy là một người máy,” trong khi bà ấy cũng có cảm xúc như bất kỳ ai.

Ngày tiếp theo thậm chí còn tệ hơn – và cũng tốt hơn nhiều theo cách thức mà bạn bè và cộng sự hiểu rõ về Hillary nói. Bà có chuyến đi đến trại tị nạn Mugunga ở phía Bắc của Goma, một thành phố tồi tàn ở hồ Kivu đầy rẫy những người chạy trốn khỏi nạn diệt chủng Rwanda, nơi Hillary được nghe chi tiết câu chuyện về hai người sống sót trong một cuộc tấn công tình dục. Trong suốt những cuộc xung đột tưởng chừng bất tận ở Congo và những nước láng giềng, bạo lực tình dục cũng không hề chấm dứt. Các quan chức an ninh ngoại giao khuyên Hillary không nên đi đến vùng này, nhưng bà vẫn quyết tâm đến. Hành động cường hiếp, cả do lính Congo thực hiện, “đã khiến ma quỷ hiện nguyên hình,” bà nói.

Tại một diễn đàn trong ngày hôm đó, Hillary thông báo rằng Chính phủ Mỹ sẽ viện trợ 17 triệu đô-la để giúp Congo ngăn chặn các cuộc tấn công và bảo vệ những người sống sót. Trong cuộc gặp các quan chức cấp cao của Congo, bà đã thẳng thắn nêu vấn đề rằng Mỹ sẽ không bỏ qua việc chính phủ nước này dung túng tình trạng cưỡng hiếp có hệ thống. Tuy vậy, bà hiểu rằng sẽ cần phải làm nhiều hơn thế. Ngay sau chuyến đi, Burns Strider, cố vấn trung thành của Hillary trong chiến dịch năm 2008, đã viết e-mail cho bà và hỏi tình hình. “Tôi chỉ vừa mới rời Congo,” bà viết thư trả lời. “Tôi không thể kể hết được. Thật khủng khiếp. Nỗi đau đớn, cảnh hung bạo đang diễn ra ở đó”.

Sự chịu đựng giày vò Hillary, nhưng bà cũng gây dựng được sức mạnh mới từ những gì đã thấy và nghe được. “Điều đã cho tôi hy vọng,” bà viết, “là những người phụ nữ đã trốn thoát, nhận ra điều cần làm, nên quay trở lại để giúp những người chưa thoát được.” Hillary không hay khóc trước mặt người khác, nước mắt của bà để dành cho những giây phút như trong chiến dịch tranh cử tại New Hampshire khi cảm ơn những người ủng hộ đã giúp bà tìm được tiếng nói của mình. Vào giai đoạn khủng hoảng trong chiến dịch tranh cử và cả ở Bộ Ngoại giao, bạn bè và trợ lý của Hillary kể rằng bà giữ được điềm tĩnh trong khi những người xung quanh thì không.

Cách mà Hillary tỏ ra thương tiếc, bạn bè của bà nói, là dồn hết cảm xúc vào việc hàn gắn và sửa chữa, một cách tiếp cận có căn nguyên từ bài giảng của John Wesley, người sáng lập Giáo hội Giám lý. Đó là những điều Hillary đã làm sau khi trở về từ Congo, dù người ta vẫn cho rằng bà đang trong thời gian sa sút. Bà mở rộng các mối quan hệ bạn bè, trợ lý, cố vấn tinh thần để xem có thể làm được gì cho những người phụ nữ ở các trại tị nạn. “Bà ấy cảm thấy dằn vặt vì những gì nghe được, và gửi e-mail cho mọi người trong kỳ nghỉ của bà,” một nguồn tin từ Bộ Ngoại giao cho biết.

“Có điều gì đó còn lớn hơn quyền lực đã dẫn dắt bà. Bà ấy có một kim chỉ nam về đạo đức mà bản thân luôn hướng theo,” một người bạn lâu năm của Hillary nói. “Vì vậy bà ấy không cần phải gắn thêm [tôn giáo] lên ống tay áo, nhưng tôi nghĩ, nếu bạn có thời gian trò chuyện với bà ấy như một người theo Giáo hội Giám lý về niềm tin của bà ấy, bạn sẽ thấy bà ấy rất sâu sắc.”

Hillary yêu cầu Cohen và Ross đến miền đông Congo. Họ muốn nói chuyện trực tiếp với binh lính và cảnh sát để có thể dễ hình dung hơn về nạn tham nhũng góp phần vào tình trạng bạo lực giới. Tuy nhiên sứ quán từ chối giúp họ tiếp xúc với những binh sĩ nhận hối lộ.

Biết rằng không thể có phương án giải quyết nếu không tương tận gốc rễ của vấn đề, Cohen tìm cơ hội để đánh lừa các nhân viên sứ quán. Đang chạy trên đường giữa đoàn xe hộ tống, anh nhảy ra khỏi xe, chạy lên trước dòng xe và yêu cầu được ngồi ghế trước của chiếc xe dẫn đoàn, do một nhân viên an ninh lái. Anh không cần phiên dịch nhờ nói được tiếng Bantu. Cohen và Ross đã nói chuyện với các binh lính đủ để hiểu được tại sao quân chính phủ lại tham gia cùng dân quân địa phương lạm dụng tình dục phụ nữ một cách có hệ thống.

Binh lính thường phải nhận thêm việc hỗ trợ cho các lực lượng dân quân, vì đã xảy ra hiện tượng biến thủ phổ biến trong hệ thống trả lương của Chính phủ Congo. Chính phủ thường chuyển những khoản tiền lớn cho các tướng lĩnh, họ sẽ có nhiệm vụ phát lại cho binh lính. Nhưng các vị tướng đó giống những “ông trời con” hơn là sĩ quan quân đội cấp cao, họ đã bỏ túi gần hết số tiền đó.

Nếu Cohen và Ross có thể tìm ra cách bảo đảm rằng những người lính sẽ được trả lương thỏa đáng, thì có lẽ binh lính sẽ bảo vệ những phụ nữ ở phía đông Congo thay vì giao kèo với những kẻ tấn công. Họ nghĩ ra kế hoạch để Chính phủ trả tiền cho binh sĩ thông qua công nghệ thanh toán di động, không qua các vị tướng. Tổng thống Joseph Kabila đã trút bỏ được gánh nặng nhờ ý tưởng này, và Quốc hội Congo thông qua điều luật cho phép trả lương theo hình thức thanh toán di động. Luật cũng quy định về trách nhiệm của ngân hàng trung ương, nhưng vì vốn có quan hệ với các vị tướng, nên tổ chức này đã từ chối áp dụng chương trình.

Cohen và Ross cũng cố tạo ra hệ thống nhắn tin cảnh báo cho những trại tị nạn đang trong tình trạng nguy hiểm do bị các lực lượng dân quân địa phương quấy phá. Ý tưởng là cung cấp

tin tức tình báo từ Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc về sự di chuyển của các lực lượng dân quân, tới lãnh đạo các trại tị nạn, các bệnh viện, các tổ chức phi chính phủ một cách nhanh nhất. Nhưng sáng kiến này không bao giờ được thực hiện vì hai lý do: một, Ross và Cohen không thể chắc chắn rằng những thông tin này sẽ không bị một lực lượng dân quân thuộc phe này hay phe khác chặn lại; hai, chính việc cảnh báo này có thể gây ra tình trạng “mất cảnh giác phòng vệ” và buộc Lực lượng gìn giữ hòa bình phải can thiệp quân sự.

Dù Ross và Cohen ra về tay không, Hillary vẫn không ngừng các nỗ lực tìm kiếm phương án để giảm thiểu nạn hồi lộ và nạn cưỡng bức tình dục tại đây. Ở trong nước, bà đã khởi động hội nghị thường niên nhằm chấm dứt nạn bạo hành tình dục cho khu vực này. Cả tinh thần bền bỉ của những phụ nữ Congo cam chịu mà bà đã gặp, lẫn thất bại trong việc tìm hướng giải quyết đã ám ảnh bà suốt nhiều năm liền.

“Bà ấy đã nghe những câu chuyện này không chỉ bằng cái đầu sáng suốt, mà nó còn đi thẳng vào trái tim của bà ấy,” một người bạn gần gũi, cùng đến Congo và chia sẻ quan điểm với Hillary lý giải. “Chúng tôi thảo luận với nhau về việc phụ nữ Congo kiên cường đến mức nào. Quan điểm của Hillary là ‘Không khó để đi đến Congo. Bạn đã làm chứng rồi, và bạn tôn trọng họ.’ Những người phụ nữ ở Congo cùng nắm tay và cùng khích lệ nhau, và tôi nghĩ Hillary nhận thấy điều đó.”

Với những ai cho đến tận năm 2008 vẫn còn bị xem là người bảo thủ theo kiểu nhóm công nhân Luddite phản đối công nghệ hồi đầu thế kỷ XIX, thì Hillary đang xây dựng một mạng lưới của riêng mình theo cách thức giống như tạo ra các phong trào chính trị rộng khắp. Bà cũng thường xuyên tìm cách kết nối với mọi người ở các cấp độ khác nhau để kêu gọi họ – như một chương trình mục tiêu nhỏ nhưng kết hợp được sở thích, cách sống của những người sử dụng web, và tiếp cận họ dựa vào chính những sở thích đó. Mọi người có xu hướng đánh giá cao nỗ lực này với sự mở rộng nó – và nhiều hơn thế – một cách có tính toán. Nhiều chính trị gia có ý tưởng như vậy, nhưng đa số lại không giỏi chuyện này. Bill thường chinh phục mọi người nhờ sức hút của mình, nhưng Hillary phải làm việc vất vả hơn nhằm tìm kiếm sự tương đồng và phát triển các mối quan hệ. Vì thế, khối liên minh của Bill thường là tạm thời – bạn bè giới chính trị của ông đến rồi đi – trong khi với Hillary, họ có xu hướng ở lại lâu hơn.

Có thể đánh giá qua sự mở rộng các đồng minh mới mà Hillary có được trong thời gian làm ngoại trưởng, từ những gã khổng lồ về công nghệ đến những ngôi sao tại Lầu Năm Góc, sẽ gần bó với Hillary nếu bà tranh cử tổng thống. Về khía cạnh đối mới, việc vươn tay tới các vị điều hành các công ty lớn cho thấy nỗ lực của bà nhằm đưa những nữ lãnh đạo từ khắp nơi trên thế giới vào Bộ Ngoại giao – hậu thuẫn cho những sáng kiến nhằm hỗ trợ phụ nữ và bé gái, cũng như các đối tác quan hệ công-tư mà bà đã tạo ra trong dự án Shanghai Expo và chương trình «clean cookstoves» (bếp lò sạch) quốc tế.

Vào tháng Một năm 2010, hai tuần trước khi có bài phát biểu quan trọng về tự do Internet, Hillary mời các giám đốc điều hành Twitter, Google, Cisco và một loạt các công ty khác đến dự bữa tiệc cá nhân tại Bộ Ngoại giao. Tôi không xem mình là một chuyên gia về công nghệ thông tin, bà nói với họ. Tôi cũng không cho mình là người gần gũi nhất với công nghệ thông tin, nhưng tôi biết những gì mà các vị đang làm là quan trọng. Và tôi đang ở vị trí có thể giành được hỗ trợ để mở rộng tác động của những gì mà các vị đang làm.

“Hãy dùng tôi như một phần mềm ứng dụng,” bà nói, làm mọi người xung quanh cười ồ.

Câu nói vui giúp Hillary truyền đi một thông điệp nhiều sắc thái. Bà sẽ không viết mã cho máy tính trong những giờ rảnh rỗi, nhưng rất quan tâm cả về việc đổi mới lẫn kinh doanh. Hillary tin rằng quan hệ đối tác giữa Chính phủ và các tập đoàn Mỹ sẽ giúp thực thi chính sách đối ngoại cũng như mở rộng cơ hội cho doanh nghiệp Mỹ. Hơn thế, thương mại Mỹ có thể được sử dụng như “cây gậy và củ cà rốt” trong công tác đối ngoại; đa phần các nước đều thích ý tưởng Mỹ đặt các nhà máy mới tại nước họ, ngược lại không hề thích việc Mỹ tìm cách để các doanh nghiệp Mỹ rời đi.

Vài tháng sau bữa tiệc tại Bộ Ngoại giao, Ross và Cohen dẫn đầu đoàn đại biểu gồm năm

giám đốc điều hành các tập đoàn công nghệ Mỹ tới Syria. Tổng thống Bashar al-Assad đã nêu vấn đề Mỹ cấm vận với Bill Burns, Thứ trưởng phụ trách vấn đề chính trị, hồi đầu năm đó. Assad nói rằng trong khi người Mỹ nói về tự do Internet nhưng lại áp đặt lệnh cấm vận, ngăn cản các quốc gia như Syria có được những công nghệ giúp khơi thông dòng chảy tự do của thông tin? Nếu các tập đoàn công nghệ được miễn trừ lệnh cấm vận, Assad dự đoán, họ sẽ đổ xô vào nước của ông, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Chuyến đi được báo cáo là nỗ lực của Mỹ nhằm ngăn chặn nguy cơ Syria liên minh với Iran, qua việc cho Tổng thống Assad thấy những điều mà công nghệ Mỹ có thể làm được cho đất nước của ông ta. Nhưng, đó chỉ là tấm màn che phủ bên ngoài, còn câu chuyện thật sự lại mang thông điệp khác, khiêu khích hơn, đó là dùng công nghệ để Assad thấy rằng ai mới là người đang nắm giữ quân át chủ bài. Theo một nguồn tin thân cận, Ross và Cohen đã mang theo các giám đốc điều hành của Microsoft, Cisco và Dell đến Damascus, nhằm thông báo rằng các công ty Mỹ đang mong muốn có mặt ở thị trường Syria nhỏ bé.

“Đúng là họ không đưa ra điều gì vớ vẩn,” nguồn tin này nói. “Thực tế, các công ty nói với Assad rằng đối với họ Syria cũng như Rhode Island.[\[42\]](#) Và rằng, họ hoàn toàn ủng hộ chính sách giúp họ tiếp tục giao dịch thương mại với Syria.” Họ cũng mong sớm nhận được tín hiệu của Chính phủ Mỹ trong việc thúc đẩy bãi bỏ lệnh cấm vận.

Tiếp đó các quan chức Mỹ đe dọa mạnh hơn. “Những điều chúng tôi nói khiến họ tức giận,” nguồn tin cho hay, “đó là, nếu như ngài không thực thi cải cách về nhân quyền tại đất nước ngài, thì chúng tôi sẽ không chỉ từ chối miễn trừ lệnh cấm vận cho các công ty này, mà còn áp dụng lệnh đó đối với các công ty khác nữa, điều mà, ồ, nhân tiện, chắc ngài không muốn điều đó xảy ra ở nước mình đâu.”

Cuối cùng, sau khi Assad phớt lờ thời hạn 90 ngày về cải cách nhân quyền, Mỹ đã âm thầm miễn trừ cho một vài tập đoàn, gồm cả Skype, trong một nỗ lực nhằm chống lại Assad.

Khi còn ở đó, Cohen đã đăng dòng tweet là anh đã thưởng thức một cốc Frappuccino hàng đầu thế giới tại một trường đại học ở Syria. Là người thích phiêu lưu mạo hiểm trên thế giới và từng lén lút vào Iran, Cohen muốn giới trẻ ở Syria biết rằng Chính phủ Mỹ đã có mặt ở đó và rất quan tâm đến họ. Các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao, nhất là Steinberg, đã rất giận dữ. Trong khi nước Mỹ đang cố gắng một cách lịch thiệp để quay lại làm ăn trực tiếp với Syria, thì dòng tweet của Cohen chẳng phục vụ gì mục đích này. Một lần nữa, Ross và Cohen có thể nghe thấy tiếng các giám đốc đang mài kiếm!

Tuy nhiên, vài ngày sau khi họ trở về, Hillary gửi một thông điệp mạnh mẽ đến toàn thể nhân viên và Nhà Trắng về việc Ross và Cohen đang ở đâu trong suy nghĩ của mình. Trong bài phát biểu về Chương trình Đối tác Xã hội Dân sự Mỹ-Nga, Hillary đã dùng hết lời lẽ để nói về lực lượng công nghệ của bà. “Tôi đã thấy Jared Cohen khi đến đây. Tôi không chắc Alec Ross có ở đây hay không. Còn những người khác? Có ai trong nhóm của anh đang ở đây không, Jared?” bà hỏi từ bục phát biểu tại khách sạn Renaissance Marriott ở Washington. “Chúng tôi có một đội ngũ trẻ tuyệt vời, tận tụy cống hiến, những người thật sự quan tâm đến việc kết nối con người với nhau.”

Lo rằng thông điệp chưa được tiếp nhận, một lát sau Hillary tiếp tục: “Tôi rất tự hào về công việc họ đang làm. Họ có mặt ở mọi nơi, từ Mexico, Cộng hòa Dân chủ Congo, cho đến Syria, Nga và khắp mọi nơi trên thế giới.”

Một trong những bài học Hillary rút ra sau hàng thập niên phát biểu trước công chúng, dù là tốt hơn hay tệ đi, đó là sự chỉ trích của đám đông, dù công khai hay không, đều không thể khiến bà ngừng theo đuổi một chính sách. Mỗi quan tâm mới về quyền lực của công nghệ trong và ngoài nước, cũng như sự tín nhiệm của bà vào những trợ lý đến từ ngoài vòng thân cận, là bằng chứng rõ ràng về sự sẵn sàng đề ra một chiến lược mới sau những thất bại trước đó. Chúng nhanh chóng trở thành chỉ dấu cho sự cam kết tiếp tục theo đuổi xu hướng mới của Hillary, bất chấp mọi trở ngại trên đường.

Trong bốn năm, bà đã giữ vững lập trường về khái niệm “Tập thể Bộ Ngoại giao thế kỷ XXI.” Bà đã thể hiện lòng trung thành không chỉ với triết lý sống của mình mà còn với những người đi theo triết lý ấy, kể cả khi buộc phải hành động ngược với Nhà Trắng hoặc một số người trong Bộ Ngoại giao. Với Hillary, lòng trung thành giống như con đường hai chiều, và việc bà bảo vệ đội ngũ đối mới của mình chính là biểu hiện của lòng trung thành vốn không thể mua bán từ những công ty tư vấn chính trị. Những người trung thành đó sẽ theo bà, cả khi bà rời Bộ Ngoại giao. Giờ đây bà đang có hàng tá người trung thành, những người luôn trong tư thế sẵn sàng vận dụng các kiến thức chuyên môn về cơ sở dữ liệu, mạng xã hội, công nghệ di động và xây dựng phong trào... vào công việc chính trị. Có người trong số họ tham gia nhóm của Hillary khi bà chuyển sang làm các hoạt động từ thiện vào mùa xuân năm 2013. Và cả hơn trăm nhân viên Bộ Ngoại giao, thành viên trong “Tập thể Bộ Ngoại giao thế kỷ XXI”, chắc chắn sẽ tham gia chuẩn bị cho chiến dịch vận động tranh cử tổng thống sắp tới của bà, điều mà một trong những trợ lý cho rằng có thể khiến nỗ lực của Obama năm 2012 trở nên lỗi thời, nếu như Hillary chạy đua thêm lần nữa.

“Như người ta có thể hình dung, bà ấy có những người rất, rất gần gũi với mình, sẵn sàng đi theo,” một người bạn thân của Clinton làm việc tại Bộ Ngoại giao cho biết. “Những người này gồm cả những ai ủng hộ, lẫn những người khác nữa, sẽ liên kết lại để tạo nên một chiến dịch vận động tranh cử của thế kỷ XXI khác hoàn toàn với chiến dịch năm 2008. Đây là những người trong độ tuổi từ 20 đến 35, với một tư duy khác hẳn so với những người từng tham gia chiến dịch [trước đây].”

Là ngoại trưởng, nhưng giống như một vị tổng thống đương nhiệm, Hillary có khả năng làm “lên gân” chính trị bên trong vỏ bọc hoạt động phục vụ lợi ích của Mỹ. Hillary không thể tham gia các đợt vận động hay gây quỹ cho các ứng viên Đảng Dân chủ, nhưng Bộ Ngoại giao đã tạo nhiều cơ hội để bà vận động bè bạn, bổ sung các hoạt động, vươn tới những thế lực hùng mạnh hơn trong giới kinh doanh, cả trong Chính phủ và khu vực phi lợi nhuận. Ngoài những địa chỉ liên lạc của các nhà tài trợ cho Shanghai Expo và nỗ lực bổ sung những thiếu hụt về công nghệ số, Hillary còn xây dựng được các mối quan hệ đối tác công-tư nhằm trao quyền cho phụ nữ và các bé gái; bà cũng đã cử lãnh đạo các tập đoàn đến các nước với vai trò của những nhà ngoại giao không chính thức để tìm kiếm những địa bàn thương mại mới, và thúc đẩy mối quan hệ với các chính trị gia thuộc cả hai đảng để thúc đẩy lợi ích của Bộ Ngoại giao ở Capitol Hill. Bằng những cách đó, Hillary đã quan tâm chăm sóc cho bộ máy chính trị của nhà Clinton.

9. Cô gái của Obama

Khi những quan chức hàng đầu của Obama họp tại Văn phòng Nội các ở West Wing vào ngày 10 tháng Chín năm 2009, họ rất lo lắng về nỗ lực của tổng thống nhằm thúc đẩy chương trình bảo hiểm y tế. Mùa hè Tea Party⁽⁴³⁾ đã đơm hoa kết trái. Khắp cả nước, các nhà lập pháp hứng chịu những lời chỉ trích tại các cuộc họp ở tòa thị chính ngay trong khoảng thời gian lễ ra là kỳ nghỉ tháng Tám, và phần chương trình nghị sự còn lại đang dồn dập đổ xuống thành vùng xoáy nguy hiểm. Liệu tất cả sự hy sinh đó có đáng không? Dù sao cũng không đáng đối với Chính phủ này. Lễ ra họ chỉ việc yên vị trên những chiếc ghế bọc da có gắn tên mình quanh chiếc bàn họp hình bầu dục bằng gỗ gu do Richard Nixon tặng, hết bộ trưởng này đến bộ trưởng khác than phiền về những đề xuất ưu tiên của họ bị gạt khỏi nghị sự chỉ vì cuộc tranh luận về dự án y tế, vốn cũng gây tổn hại cho vị thế của Đảng Dân chủ.

Ngồi ngay bên phải tổng thống, Hillary quan sát với vẻ lo lắng. Bà đã thất bại trong trận chiến nhằm cải cách hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia vào năm 1994. Trên cương vị ngoại trưởng, bà tránh xa những đánh giá của bất kỳ ai khác ngoài Obama và các trợ lý thân cận nhất của ông về chương trình nghị sự trong nước của tổng thống. Thậm chí, nhiều quan chức y tế trong Nhà Trắng đã không nhận ra rằng bà đưa ra lời khuyên “cửa sau” cho Rahm Emanuel, trưởng bộ phận nhân sự, và Jim Messina, phó bộ phận nhân sự, về việc làm thế nào để tiếp cận các thành viên Nghị viện. Bà biết họ, và biết cả tình trạng chính trị phức tạp ở quận và bang của họ, cũng như tất cả những người khác ở West Wing.

“Một hoặc hai nghị sĩ có thể dừng lại và hỏi tôi đang nghĩ gì,” Hillary nói. “Tôi nghĩ ‘Các vị cần làm việc với tổng thống và cố gắng để hoàn tất việc ấy.’”

Trong những cuộc họp nhóm nhỏ, đôi khi là phiên họp hằng tuần, mặt đối mặt với Obama, Hillary đóng vai một đầu lĩnh cổ vũ cho tổng thống. “Tôi luôn bên cạnh ông. Tôi luôn đằng sau ông,” bà nói với tổng thống. Nhưng nói chung bà rất trầm lặng. Bất cứ chi tiết nào về những cuộc gặp gỡ của bà nếu được tiết lộ đều có thể gây hậu quả; và sẽ có hàng loạt câu hỏi rằng bà có vượt quá ranh giới truyền thống, đó là các ngoại trưởng thường đứng ngoài chính trị trong nước. Chính Bill Clinton đã công khai đề cao chính sách chính trị trong nước. “Những điều tổng thống đang làm là đúng đắn,” ông phát biểu khi trả lời phỏng vấn tạp chí *Esquire*. “Cả về phương diện đạo đức và chính trị.”

Giờ đây khi những lời chỉ trích liên tiếp nhắm vào Obama, thông tin chống lại kế hoạch của ông liên tục được phát trên các kênh tin tức quốc gia mỗi tối, và một số người thuộc Đảng Dân chủ lo ngại rằng vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến nhiệm kỳ tổng thống của Obama, điều ông cần làm là đấu tranh cho đường lối của mình ngay trong Chính phủ. Hillary biết rõ vấn đề này: không chỉ những đảng viên Cộng hòa đã giết chết đề xuất của bà – mà một số đảng viên Dân chủ cũng để lại dấu vân tay của mình ở hiện trường tội ác. Lần đầu kể từ khi chiến dịch bảo hiểm y tế của bà được thúc đẩy, Đảng Dân chủ chiếm đa số tại Nhà Trắng, Thượng viện và cả Hạ viện; Hillary biết cột mốc này đáng giá biết bao để buộc những người Dân chủ, kể cả trong nội các của tổng thống, phải tập trung vào mục tiêu đó. “Bà ấy đã sử dụng một vài giai thoại hoặc câu chuyện từ khi còn là đệ nhất phu nhân để tạo lực đẩy cho thông điệp của mình,” một trợ lý hiện thời của Obama nói.

Sau khi lấy lại thế chủ động trong phòng họp, Hillary nói với những đồng nghiệp của mình những gì mà chồng bà đã nói với tờ *Esquire*, rằng đó là điều đúng đắn cần làm. “Đây là thời điểm để thực hiện,” bà nói. “Tất cả chúng ta đều phải làm. Mọi người trong căn phòng này đều hiểu tầm quan trọng của nó ra sao.” Những lời chê bai, than vãn ngừng lại. Đây là thời điểm mấu chốt để nỗ lực cải cách chính sách bảo hiểm y tế.

Cuối buổi họp, Obama nói một cách ngắn gọn với các phóng viên. “Đây là thời điểm thích hợp, và chúng tôi đang quyết liệt thúc đẩy để việc đó được hoàn tất,” ông nói. “Tất cả thành

viên Chính phủ đều tham gia.” Đầu cuộc họp, mọi chuyện đã không được như vậy, nhưng sự hỗ trợ của Hillary chính là điều mà Obama cần có để giải tỏa bớt những nghi ngờ.

“Tôi nghĩ, Xem này, tổng thống đang có được nhiều sự ủng hộ từ Nghị viện hơn chồng mình hồi những năm 1993-1994, nên tổng thống có thể tạo được thế đa số,” Hillary nói. “Nếu những người thuộc Đảng Cộng hòa ngăn chặn việc thông qua chính sách này, bất chấp những nỗ lực của tổng thống – và họ đã thể hiện điều đó – thì ông ấy vẫn có thể đề xuất lưỡng viện thông qua, thông thường điều này không dễ dàng trong nhiệm kỳ đầu của một tổng thống.”

“Tôi tuyệt đối tin tưởng,” bà nói, “rằng tổng thống cần tiến lên.”

Những nỗ lực cá nhân nhằm thúc đẩy dự luật bảo hiểm y tế của Hillary – và cả những gì bà đã cùng Emanuel và Messina thực hiện nơi hậu trường – đang khích lệ Obama và đưa ra lời khuyên về chiến lược cho ông, và bây giờ lại phát biểu nhân danh tổng thống trong cuộc họp nội các then chốt đã giúp thắt chặt quan hệ giữa bà và Obama. Với những trợ lý còn hoài nghi, bà đã chứng tỏ mình là một đồng minh trung thành trong năm đầu tiên còn hỗn loạn của chính quyền Obama.

Nhưng Hillary vẫn cảm thấy trong một vài trường hợp Nhà Trắng đã không đáp ứng các yêu cầu ưu tiên của bà. Một dịp hiếm có, vào mùa hè năm 2009, Hillary trách khéo tổng thống vì không ủng hộ việc bổ nhiệm người đứng đầu USAID – giờ trực thuộc Bộ Ngoại giao. “Quá trình dọn dẹp và hiệu chỉnh là một cơn ác mộng,” bà phát biểu trong cuộc gặp tại Tòa Thị chính của thành phố với các nhân viên USAID. “Bực không lời nào tả được. Tôi đã hối thúc quyết liệt vào tuần trước khi biết sẽ tiếp nhận quyết định của Nhà Trắng để có thể ở đây và nói với các bạn rằng sự hỗ trợ vẫn được duy trì và ai đó có thể sớm được bổ nhiệm, nhưng tôi đã thất bại – thế đấy – bực thông điệp phản hồi là: ‘Chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng.’” Tuy vậy, nhìn chung căng thẳng trong vấn đề nhân sự đã tiêu tan khi các chức vụ đều đã được bổ nhiệm, giảm bớt các mối lửa dễ cháy giữa các trợ thủ của Hillary và của Obama.

Bill hậu thuẫn nỗ lực của Hillary bằng cách ghé vai thúc đẩy chương trình bảo hiểm y tế, bằng cả những bình luận công khai lẫn những tác động phía sau cánh cửa đóng kín. Tháng Mười một, khi Hillary đang thực hiện chuyến công du 13 ngày đến châu Âu và châu Á, Bill đã xuất hiện tại một bữa ăn trưa riêng của các thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ để vận động họ gạt bất đồng sang một bên và giúp Obama giành chiến thắng với dự án trọng tâm trong chương trình nghị sự của ông ấy. Nhưng khi Bill trò chuyện với phóng viên sau đó, điện thoại di động của ông reo lên. “Bà ngoại trưởng của tôi đang gọi đấy,” Bill nói, nhắc đến người mà ông đang thay mặt khi đến Capitol Hill. Vài giờ sau, Obama cuối cùng cũng thông báo người được chỉ định điều hành USAID, điều Hillary mong chờ nhiều tháng qua.

Sau khi Nghị viện thông qua đạo luật bảo hiểm y tế được mấy tháng, Hillary gặp lại Obama tại Phòng Tình huống. Hillary nói rằng mình rất tự hào về ông ấy. Từng là đệ nhất phu nhân, thượng nghị sĩ, rồi ứng viên tổng thống, tiếp đó đóng vai trò một cố vấn hậu trường về các vấn đề chính trị trong nước, cũng như trợ lý cho tổng thống, Hillary đã đóng góp rất nhiều, không chỉ bằng nỗ lực bản thân mà cả những mối quan hệ của mình, trong việc bảo đảm tất cả người dân Mỹ được tiếp cận bảo hiểm y tế. Đây là một chủ đề quốc nội, qua đó Hillary trở nên nổi bật, rồi chính Obama là người đã nhảy vào đẩy nó cán đích. Họ khoác tay nhau, và một phóng viên ảnh đã chớp được cảnh này. Bức ảnh đưa ra một lời kêu gọi mang tính biểu tượng trong Nhà Trắng, đến mức các quan chức đã đóng khung và treo nó lên bức tường gần Phòng Bầu dục. Cho dù những bức ảnh kiểu đó thường được đổi mỗi tuần hoặc sau một vài tuần, nhưng bức ảnh này vẫn ở đó suốt mấy tháng liền.

Với Hillary, đây là một kết cục vừa ngọt ngào, vừa cay đắng. Sau tất cả những gì Hillary dồn tâm trí, trái tim, và tâm hồn mình cho cuộc cải cách hệ thống bảo hiểm y tế, bà vẫn chưa phải là người trong đội hình chính sách quốc nội của Obama, những người đưa điều này thành luật. Giờ đây, vinh quang của Obama khi thực hiện được một việc giống với đề xuất của bà trong chiến dịch vận động tranh cử năm 2008 vừa khiến Hillary hài lòng vừa để lại chút nuối tiếc. “Vị thế chính trị của ông ấy trong Nghị viện rõ ràng mạnh hơn so với Bill sau khi đắc cử,” bà nói.

“Chúng tôi – và Bill - trước đây từng bày lên bàn quá nhiều đề xuất mà không hề cắt giảm cái nào, và không thể thông qua mà không có một lá phiếu Cộng hòa nào trong Nghị viện, một sức ép lớn. Khi đó ông ấy cũng trút lên họ sự giận dữ, khiến nhiều nghị sĩ đã bị mất ghế do NRA. Vì thế mà ông ấy không được nhiều nghị sĩ ủng hộ. Ông ấy cũng thật sự đã làm khó cho họ. Ngôi sao định mệnh đã chiếu vào Tổng thống Obama và ông đã đạt được tiến bộ trong công việc. Tôi rất phấn chấn về điều ấy.”

Cải cách luật bảo hiểm y tế đã kéo Obama và Hillary lại gần nhau hơn, nhưng khoảnh khắc ấn tượng nhất trong quan hệ của họ, theo nguồn tin từ cả hai phía, là vào tháng Mười hai năm 2009, khi họ có chuyến công du tham dự Hội nghị thượng đỉnh quốc tế về biến đổi khí hậu do Liên Hợp Quốc chủ trì tại Copenhagen. Mục tiêu chính của Hội nghị là cắt giảm khí thải nhà kính trên toàn cầu, đặc biệt nhắm đến việc yêu cầu các quốc gia phát triển phải cam kết cụ thể về mức độ hạn chế khí thải của họ, và những nước đang phát triển thì giới hạn lượng khí thải mà không gây ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Trong các chuyến công du nước ngoài, hiếm khi họ xuất hiện cùng nhau. Hillary cố gắng đứng lùi lại sau Obama để thể hiện thái độ tôn trọng. Bất chấp danh tiếng quốc tế của mình, Hillary vẫn cố gắng giữ vai trò là một đồng sự lý tưởng – trả lời ngắn gọn các câu hỏi của tổng thống, bảo đảm thực thi đúng cách các chỉ dẫn của ông. Tính khiêm nhường được xem là nét tiêu biểu của Hillary, và bà thể hiện điều đó qua vai trò một nhà ngoại giao của Obama. “Trong năm đầu tiên, bà ấy tự giác trong việc thể hiện sự tôn trọng, cũng như muốn xóa tan mọi nghi ngờ rằng bà không phải là một thành viên trong nhóm của tổng thống,” một nhân viên cấp cao làm việc lâu năm tại Bộ Ngoại giao cho biết.

Hillary đặt cược nhiều vốn liếng cá nhân khi đến dự Hội nghị thượng đỉnh tại Copenhagen, bởi lẽ bà đã hối thúc được Obama tham dự. Nhưng mọi thứ nhanh chóng biến thành thảm họa. Hội nghị được tổ chức quá sơ sài, và hầu như không có nhiều hy vọng đạt được cam kết thật sự của các quốc gia chủ chốt. Mặt khác, các quan chức Mỹ nhận ra rằng Trung Quốc đã tiến hành cuộc gặp đa phương bí mật bên lề với Brazil, Nam Phi, và Ấn Độ – cuộc gặp mà Obama không được mời. Ông muốn “nhảy dù” vào cuộc họp này.

“Bốn chọi một,” một quan chức cảnh báo tổng thống.

“Không vấn đề gì,” ông đáp, và nói với Hillary, “Chúng ta sẽ vào đó ngay bây giờ.”

“Tất nhiên rồi,” bà trả lời. “Chúng ta đi thôi.”

Có Hillary sát cánh hỗ trợ, Obama tiến vào cuộc họp, yêu cầu được nói chuyện với lãnh đạo của bốn quốc gia. Họ đều né tránh đoàn Mỹ ở những mức độ khác nhau – từ Obama đến Clinton – và đây là cơ hội để nói chuyện với tất cả họ cùng lúc. Phái đoàn hai người không được mời của Mỹ đã khuấy động không khí ngay khi họ ập vào.

“Một quan chức ngoại giao Trung Quốc thực sự mất bình tĩnh và lườm bàu bằng tiếng Trung Quốc,” một trợ lý của Hillary sau đó kể lại.

“Tôi không biết ông ta đã nói gì, nhưng tôi không nghĩ đó là câu ‘rất vui được gặp ông,’” Obama đùa với Hillary.

Rốt cuộc, họ cũng tìm được giải pháp nhượng bộ là một thỏa thuận không ràng buộc và không được toàn thể Hội nghị thông qua. Người Mỹ đã tuyên bố đạt được chiến thắng, nhưng họ biết chiến thắng đó không lớn. Những gì mà Obama và Hillary có được chỉ là màn bày tỏ cảm thông thường thấy về những khó khăn cốt lõi của chính sách ngoại giao và cảm nhận rằng họ có thể đồng hành một cách thoải mái. “Chúng tôi đã có những giây phút vui vẻ ở Copenhagen khi xông thẳng vào cuộc họp bí mật đó,” Hillary kể.

“Cả ngày hôm ấy hai người thay nhau ứng biến hết cuộc họp này đến cuộc họp khác,” một quan chức cấp cao của Nhà Trắng cho biết. “Đó là lần đầu tiên chúng tôi thấy họ – khi không có nhân viên bên cạnh – cùng bàn bạc để quyết định ‘Chúng ta sẽ làm gì? Vai trò của chúng ta là gì? Ông định nói gì với vị lãnh đạo X? Ở đó tôi sẽ nói gì?’ Và họ cố gắng cùng ứng biến suốt một

ngày trong môi trường hỗn độn, đó là lúc tôi bắt đầu thấy họ làm việc với nhau tự nhiên hơn, không còn là mối quan hệ kiểu cách nữa.” Hay như một trợ lý khác của Nhà Trắng bổ sung, “Sau chuyện đó, họ đã thật sự là những người bạn thân.”

Một trong những trợ lý thân cận nhất của Hillary đồng ý rằng Copenhagen là một bước ngoặt. “Cả hai đã vượt qua trải nghiệm đó theo cùng một kiểu, như ‘Bạn thấy đó, thật sự khó khăn vì thế giới ngoài kia có bao nhiêu tiếng nói của những quan điểm riêng, và những nhà lãnh đạo nước Mỹ đang phải hợp nhất tất cả lại. Rất khó. Quả thật là quá khó,’” viên trợ lý nói. “Cả hai đều có cùng độ nhạy cảm như nhau về những gì đang diễn ra, và làm sao để ứng phó nhằm đạt được những thành công trong chính sách ngoại giao sau những gì đã trải qua. Và tôi nghĩ đây là điều đã tạo nên sự thay đổi lớn xét về bản chất của cuộc đối thoại giữa họ.”

Họ từng có nhiều tháng cùng nhau giải quyết những vấn đề khó khăn, như gửi thêm quân đến Afghanistan, hoặc đạt được một chính sách mà cả hai đều ủng hộ, nhờ đó họ thấy gần nhau hơn.

Ngay trước Hội nghị Copenhagen, Nhóm Nghiên cứu Clarus đã công bố một cuộc thăm dò dư luận của các cử tri tự xưng “người quan sát mới.” Kết quả cho thấy, 51% ủng hộ những gì Obama đang làm, trong khi tỉ lệ ủng hộ Hillary là 75%. Không chỉ số phiếu độc lập (65%) và của những người Cộng hòa (57%) dành cho Hillary cao hơn Obama, mà tỉ lệ ủng hộ bà trong số những người Dân chủ cũng cao hơn (96% cho Hillary, so với 93% cho Obama). Đây không phải cuộc thăm dò dư luận đầu tiên cho thấy sự ủng hộ Hillary cao hơn dành cho Obama, nhưng lại có một sự trái ngược rất nghiệt ngã: đó là khi tầng lớp tinh hoa ở Washington cho rằng Hillary đã bị đẩy ra ngoài cuộc chơi. Sau những ngày vinh quang của giai đoạn chuyển giao và lễ nhậm chức, Obama bị kéo trở lại mặt đất, với hàng loạt cuộc tranh luận xoay quanh các kế hoạch của ông về kích thích kinh tế, bảo hiểm y tế, và chống biến đổi khí hậu. Trong khi đó, công việc liên quan đến các vấn đề trong nước của Hillary hoàn toàn là ở hậu trường. Theo điều tra của Viện Gallup, tỉ lệ người Mỹ ủng hộ Obama chỉ còn 49%, so với 68% lúc ông nhậm chức 11 tháng trước đó. Không cần phải là một cố vấn chính trị cấp cao mới nhận ra rằng cho đến hết năm đầu tiên trong nhiệm kỳ của họ, dấu ấn của Hillary Clinton đã nổi trội một cách đáng kể so với của Obama.

Cuối năm 2009, Hillary bắt đầu tỏ dấu hiệu rằng mình không mong muốn phục vụ chính quyền Obama suốt tám năm nếu ông ấy tái đắc cử. “Làm ơn thôi đi,” Hillary nói khi Glenn Kessler của tờ *Washington Post* hỏi về điều đó. “Lúc đó tôi đã già.” Tháng Một năm 2010, bà nói với Tavis Smiley rằng “tám năm ròng rã” sẽ “quá là thách thức,” bà cười và nói thêm, “tôi sẽ rất vui lòng để chuyển thách thức đó cho người khác.” Hillary cũng nói với Smiley là bà “hoàn toàn không hứng thú” với chuyện tranh cử tổng thống lần nữa.

Nhưng, kết quả thăm dò ủng hộ Hillary – cùng thực tế Hillary không định gắn bó trọn đời với sự nghiệp của Obama – càng làm gia tăng dự đoán vào cuối năm 2009 và đầu 2010 rằng Hillary có thể quay lại chạy đua tranh cử tổng thống. Những người bảo thủ đặc biệt thích đề cao triển vọng đó, bởi lẽ ý kiến này càng bổ sung cho nhận định rằng Obama đang bộc lộ những yếu kém. Dù đây là đề tài vô tận cho những người đam mê chính trị và các chương trình tin tức 24 giờ, nhưng chưa bao giờ xuất hiện một bằng chứng cho thấy Hillary có ý chống lại Obama.

Năm thứ hai nhiệm kỳ tổng thống của Obama, lòng trung thành của Hillary đã trở thành chủ đề quan trọng. Ở năm đầu tiên, Hillary thua Obama trong một cuộc bầu cử, ngôi sao của ông ấy sáng hơn của bà. Nhưng đầu năm thứ hai, vị trí của họ trong mắt công chúng đã hoán đổi. Nếu ai đó đã quen với bản chất hay thay đổi trong ý kiến của công luận, quen với những khó khăn mà một vị tổng thống phải đối mặt nhằm đảm bảo các cộng sự tiếp tục theo đuổi thực hiện các chương trình nghị sự của mình một khi ông ta đánh mất sự ủng hộ của công chúng, thì người đó chính là Hillary. Bà từng chứng kiến việc Bill vật lộn chống lại những thay đổi bất thường như vậy. Suốt năm 2010, Hillary và nhân viên của mình đã góp phần triển khai chương trình nghị sự về một loạt các vấn đề phức tạp, từ Haiti đến Hiệp ước START mới về cắt giảm vũ khí hạt nhân với Nga, và cả các biện pháp trừng phạt nhằm vào Iran.

Trong khi Obama và Hillary gần nhau hơn từ sau sự kiện Copenhagen, hai nhóm nhân viên của họ, cùng với Bill Clinton, đã liên kết mạnh mẽ hơn vào tháng Một năm 2010, khi một trận động đất mạnh 7,0 độ Richter xảy ra ngay tại trung tâm thủ đô Port-au-Prince của Haiti, làm chết 316 nghìn người, hơn 300 nghìn người bị thương và hơn 1,3 triệu người mất nhà cửa. Cheryl Mills, đầu mối của Bộ Ngoại giao về Haiti, đảm nhận các nỗ lực phục hồi và cứu trợ, còn nhóm phụ trách công nghệ triển khai một chương trình quyên góp cho Hội Chữ thập đỏ qua tin nhắn và đã quyên góp được 40 triệu đô-la, với mỗi tin nhắn đóng góp 10 đô-la. Đó là thời điểm quan trọng đối với “Tập thể Bộ Ngoại giao Thế kỷ XXI” còn non trẻ, bởi lẽ việc này chứng minh cho Hillary và Mills thấy sức mạnh tạo ra thay đổi của công nghệ đối với những người nghèo, những người ít học trên thế giới mà họ luôn hướng đến. “Đây là một kiểu kết nối đầy cảm xúc với công việc,” một quan chức Bộ Ngoại giao nói.

Mills bận rộn với điện thoại trên tay suốt ngày, bàn bạc với các quan chức Haiti về từng chi tiết. Cho đến giờ, cô vẫn nhớ chuyến bay nào chở đứa trẻ mồ côi nào tới cha mẹ nuôi tại Mỹ; nhớ cả việc lập danh sách những trẻ em cần giúp đỡ mà hồ sơ của chúng bị đã bị mất trong đồng đồ nát cùng với những trại trẻ mồ côi và những cơ sở của Chính phủ Haiti. Cô và McDonough đã cố gắng để bảo đảm tất cả mọi người thuộc đội ngũ an ninh quốc gia của tổng thống đều nỗ lực hợp tác trong công việc tìm kiếm và cứu hộ, các chuyến bay quân sự và viện trợ thiên tai.

Ngoài việc chỉ đạo các phương án đối phó tổng thể cấp liên bang, Obama còn mời các cựu Tổng thống Clinton và Geogre H. W. Bush đến Nhà Trắng để thông báo về cách thức tổ chức cứu trợ theo mô hình gây quỹ do Clinton và Geogre W. Bush thành lập khi xảy ra siêu bão Katrina. Trong khi Clinton và Bush đợi Obama trong phòng nội các, họ nói đùa với nhau như anh em. Hơn nữa, Clinton và Bush cùng độ tuổi, và họ trở nên gần gũi hơn nhờ mối quan hệ đối tác của Clinton với cha của Bush.

Ngay cả các bà vợ của họ, những người không có mặt trong cuộc họp đó, cũng gần gũi hơn thông qua mối quan tâm chung về hai vấn đề: nâng cao vị thế phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới, gây sức ép buộc quân đội Burma đẩy nhanh các cải cách dân chủ. Hai cựu đệ nhất phu nhân đã nhiều lần nói chuyện thân mật về Burma, và như một cử chỉ lịch sự, Hillary đã đề nghị với Kurt Campbell, trợ lý ngoại trưởng phụ trách khu vực đó, thỉnh thoảng dành cho Laura Bush những buổi nói chuyện tóm tắt, chia sẻ về những tiến triển tại quốc gia Đông Nam Á này. Gia đình Bush và Clinton đã tìm được không gian chung giúp họ thoải mái, một điều có được nhờ sự thể hiện tính cách thân thiện của cả George Bush và Bill Clinton tại Phòng Nội các, nhưng Bill và Obama thì vẫn chưa chạm được đến điểm ngọt bùi như thế.

Bầu không khí thay đổi khi Obama bước vào căn phòng. Trong phòng là tân tổng thống, cùng với hai người tiền nhiệm của mình, một trong số họ được Obama xem như kiến trúc sư của một nền kinh tế đang bị chỉ trích hàng ngày, còn người kia đã vận động chống lại ông trong nhiều tháng. Rõ ràng, theo một nhà quan sát, dù mối quan hệ Clinton-Obama tốt đẹp hơn trước mắt công chúng, nhưng vẫn còn những điều ngượng ngịu sau cánh cửa đóng kín. “Trông có vẻ thân thiện, nhưng vẫn cứng nhắc,” nguồn tin nhận xét.

Cựu tổng thống với một bề dày thành tựu và tân tổng thống với những thành công rực rỡ trong năm – cả hai vẫn thường cố gắng mở rộng mối quan hệ giữa hai bên, duy trì một sự cân bằng dầu mong manh, sao cho mỗi bên đều được nhiều nhất và mất ít nhất trong quan hệ đối tác về chính trị và chính sách. Đôi khi lợi ích và niềm tin đưa hai vị tổng thống xích lại với nhau; trong những lúc khác, chúng lại chia cách họ. Khác với bất kỳ tổng thống nào trước đây, Bill vẫn đầu tư vào nền chính trị bầu cử, một động lực gắn với hai điều, một là khả năng đưa Hillary trở lại cuộc đua, và hai là thoả mãn đam mê của chính ông. Bill đã phải qua một cuộc phẫu thuật tại Bệnh viện New York Presbyterian, để cấy hai ống stent trợ tim lưu thông máu, sau khi thấy đau ngực vài hôm trước lễ Thánh Valentine (14 tháng Hai). Nhưng Bill đã quay lại làm việc trong vòng một tuần. Ông muốn thể hiện mình luôn sẵn sàng chiến đấu, và đến tháng Tư, khi cuộc bầu cử Nghị viện giữa nhiệm kỳ đang đến gần và các nhà phân tích dự đoán rằng Đảng Cộng hòa sẽ kiểm soát đa số tại Hạ viện và Thượng viện, thì Bill lập tức bắt tay xây dựng lịch trình chính trị. Ông cắt quảng cáo ở đài phát thanh để giúp Thượng Nghị sĩ Blanche

Lincoln của bang Arkansas chống chọi thách thức từ Phó Thống đốc Bill Halter; hay xuất hiện tại miền tây Pennsylvania để vận động cho Mark Critz trong cuộc bầu cử bổ sung vào chiếc ghế mà Jack Murtha để lại; thậm chí dành chút thời gian của mình để hỗ trợ giảm các khoản nợ cho Hillary. Đến lúc này, bà còn nợ dưới một triệu đô-la, nhưng áp lực vẫn còn.

Có những lúc, Bill đối đầu với Obama để chứng minh rằng vẫn có khoảng cách rõ rệt giữa họ trong Đảng Dân chủ. Tại Colorado, Bill ủng hộ Nghị sĩ Andrew Romanoff, người trung thành với Hillary, chống lại ứng viên của Obama là Thượng Nghị sĩ Michael Bennet, người được bổ nhiệm thay cho Bộ trưởng Nội vụ Ken Salazar năm trước đó. Các trợ lý của Obama đã thử, nhưng không thể loại Romanoff khỏi cuộc đua với đề xuất một công việc quản lý cấp thấp, giống những gì họ đã làm – thông qua Bill – để bảo lãnh cho Joe Sestak ở Pennsylvania. Obama đã để lại một lời nhắn ghi âm cho Bennet, và Romanoff đã khấn khoản đề nghị Clinton cân nhắc điều đó. Gui Cecil, một trợ lý cao cấp trong chiến dịch tranh cử của Hillary, người đã trở thành chánh văn phòng của Bennet, không phát hiện ra rằng vị cựu tổng thống đã cân nhắc cả tiếng đồng hồ trước khi các cử tri ở Colorado bắt đầu nhận được các cú điện thoại với lời nhắn ghi âm của Bill. Obama đã chiến thắng trong một cuộc chiến tranh ủy nhiệm, một thực tế mà Cecil, vốn vẫn duy trì một mối quan hệ mạnh mẽ với gia đình Clinton, sẽ khiến Bill không dễ quên. “Lời ghi âm của ngài không còn chuẩn nữa,” Cecil trêu chọc khi Bill chuẩn bị tham gia một sự kiện lên quan đến cuộc tổng tuyển cử cho Bennet.

Kết thúc mùa bầu cử năm 2010, đội ngũ chính trị của Obama háo hức muốn Bill tham gia vận động tranh cử cho ứng viên Đảng Dân chủ. Patrick Gaspard, người đứng đầu văn phòng phụ trách các vấn đề chính trị của Obama, yêu cầu gặp Doug Band vào giữa mùa hè để vạch chiến lược sử dụng Bill để hỗ trợ Đảng Dân chủ, nhất là tại các tiểu bang và quận phải cạnh tranh nhiều, nhằm đem lại kết quả vượt lên mong đợi. Điều kỳ diệu của Bill Clinton trong chiến dịch vận động tranh cử, theo những người trung thành cả với Obama và Clinton, là ông ấy có thể “đi bất cứ đâu”. Dù cho Obama đã làm đẹp lòng cử tri Dân chủ, nhưng ông lại chẳng làm được gì nhiều cho các đảng viên Dân chủ trẻ ở Nghị viện, vốn cần có những cử tri độc lập ủng hộ. Bill thì lại có khả năng gây ảnh hưởng với những cử tri còn do dự giữa ngã ba đường, và giúp củng cố nền móng của Đảng Dân chủ.

Mặc dù cái tôi có thể bị tổn thương nhưng vẫn phải thừa nhận sự thật, rằng mỗi người sẽ trở nên mạnh mẽ hơn khi hợp tác với người khác. Đối với cả hai, sức trì kéo của lòng tự tôn đều rất mạnh mẽ. Bill đã phải chịu những tổn thất to lớn đối với chính ông trong cuộc bầu cử năm 2008, và hợp lực với Obama là cách tốt nhất và nhanh nhất để phục hồi hình ảnh của bản thân ông. Đối với Obama, phần còn lại của chương trình nghị sự trong nhiệm kỳ đầu tiên đều phụ thuộc vào việc duy trì đa số ghế ở Thượng viện và Hạ viện. Trong phạm vi mà Bill có thể giúp đỡ để thực hiện mục đích này, sẽ có ích nếu đưa ông ấy quay lại. Tuy họ vẫn không phải là bạn bè, không theo cách mà Obama và Hillary đã có thể xích lại gần nhau, nhưng lợi ích chung chính là chất keo kết dính. Và việc xây dựng tình bạn giữa Hillary và Obama tuy không giúp ích được nhiều, nhưng cũng góp phần tăng cường quan hệ của Bill với Obama. Động lực tương tự đã truyền đến đội ngũ tại Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao, khi các trợ lý thúc đẩy mối quan hệ gần bó hơn khiến các lãnh đạo của họ đều hài lòng.

Đa phần những người trung thành nhất lại chẳng bao giờ có được sự hòa hợp hoàn toàn, nhưng đến năm thứ hai nhiệm kỳ tổng thống của Obama đã xuất hiện những vụ đấu đá nội bộ liên quan đến nghi ngờ về việc rò rỉ thông tin cho báo chí và vấn đề giảm nhân sự một cách đáng kể. Bản thân Obama đã cố kiểm soát chuyện này. Sau khi ông sa thải chỉ huy hàng đầu tại Afghanistan, Tướng Stanley McChrystal, vì những nhận xét trong một bài viết trên tạp chí *Rolling Stone* với nhan đề “Vị tướng bỏ trốn” (The Runaway General), Obama đã triệu tập nhóm an ninh quốc gia tại Phòng Bầu dục để nghe giải trình. Cũng ngày hôm đó, tờ *New York Times* đã đăng câu chuyện do cố vấn an ninh quốc gia Jim Jones viết, trong đó hàm ý rằng Holbrooke sẽ sớm phải nghỉ việc – một thông điệp kiểu như một nỗ lực loại trừ ông ta khỏi những cuộc họp quan trọng, ngầm loại bỏ vai trò của Holbrooke tại Afghanistan và Pakistan.

“Tổng thống nói rằng ông ấy không muốn thấy tính ti tiện, đó không phải vấn đề tính cách hay danh tiếng. Đó là về những người đàn ông và phụ nữ mặc đồng phục và đang phục vụ đất

nước,” một nguồn tin nói với Lloyd Grove của tờ *Daily Beast*. Holbrooke vẫn là một điểm gây nhiều tranh cãi giữa Nhà Trắng với Bộ Ngoại giao, nhưng khi các nhân viên bắt đầu xem xét những chủ đề thường lệ – từ các cuộc khủng hoảng quốc tế đến những câu chuyện mới về mối quan hệ tốt đẹp của Obama với Hillary – thì các trợ lý của cả Obama và Hillary mới ngày càng tôn trọng khả năng của nhau. “Bạn đang ở cùng phía với chúng tôi,” một trong những trợ lý của Obama giải thích. “Bạn xây dựng liên kết với mọi người theo hướng đó, vậy đấy.”

Sự hòa hợp đáng ngạc nhiên được cả hai phe thể hiện rõ nhất trong trường hợp của Capricia Marshall. Không mất nhiều thời gian để bà ta trở thành một nhân vật quan trọng trong chính quyền. “Tôi chưa bao giờ mắc sai lầm hơn thế với bất kỳ ai, trong suốt đời mình,” Dan Pfeiffer, người đã cố gắng để ngăn Marshall được bổ nhiệm, sau này đã nói như vậy. Trong một bữa ăn tối ở Nhà Trắng vào mùa xuân năm 2010, Marshall đã đưa gia đình Obama đến cổng phía Bắc để đón Tổng thống Mexico. Khi vợ chồng Tổng thống Mexico đang bước trên thảm đỏ, Marshall, trong bộ váy hồng vừa vặn, duyên dáng đi tách ra khi bước lên cầu thang bằng đá cẩm thạch trắng.

Khi lên đến bậc thang trên cùng, gót giày Manolo nhon bị mắc kẹt. “Chúa ơi,” bà ta nghĩ, “mình sẽ ngã mất!” Tuy nhiên, bài luyện tập P90X có vẻ đã phát huy tác dụng, giúp bà ta giữ thăng bằng. Thay vì ngã, bà ta loạng quạng vịn lưng và nhanh chóng đứng vững, như một vận động viên Olympic mất đà.

“Đừng chụp ảnh,” đệ nhất phu nhân đề nghị các nhiếp ảnh gia ở gần đó. “Đừng chụp ảnh,” tổng thống nhắc lại, xua tay ngay khi các máy ảnh bắt đầu bật tanh tách nơi dưới sảnh.

Michelle Obama đã cố gắng lần cuối giúp Marshall: “Đừng đăng bức ảnh đó”.

Đã quá muộn. Các bức ảnh và cả một đoạn video đầy đủ đã được lưu lại và chia sẻ trên YouTube.

Marshall giờ hai ngón tay chỉ lên, một biểu tượng như muốn đáp trả cái ngày mà các trợ lý của Obama cũng giờ ngón tay chỉ xuống ra dấu hiệu từ chối việc bổ nhiệm bà ta.

Tại bữa tiệc cấp nhà nước tiếp theo, tổng thống đã đùa với Marshall, khi bà ta đang đợi để dẫn gia đình Obama gặp một lãnh đạo nước ngoài. Đứng ngay sau bà ta và giả giọng một người thông báo trong cuộc chơi golf, tổng thống liền thoắt:

“Chúng ta sắp đến nơi,” ông tếu táo. “Liệu cô ấy sẽ nhổm lên hay ngã lăn xuống nhỉ?”

Marshall cố gắng giữ khoảng cách với Obama vừa đủ để ông cảm thấy thoải mái khi trêu chọc cô. Tuy nhiên, trò đùa này không được Michelle Obama hưởng ứng.

“Ôi, thôi đi, Barack! Dừng lại,” Michelle nói. “Đừng trêu cô ấy nữa.”

Trong khi Michelle bảo vệ Capricia Marshall trước lời trêu chọc của tổng thống, thì Hillary Clinton đang phải nỗ lực chiến đấu cho Barack Obama tại Capitol Hill. Vào tháng Sáu, bà đã mời Howard Berman và Chris Dodd đến phòng họp tầng bảy của Bộ Ngoại giao để thảo luận về một dự luật nhằm trừng phạt Iran bằng cách cấm vận các công ty nước ngoài đang làm ăn trong lĩnh vực dầu khí và ngân hàng tại đó. Mục đích cơ bản là buộc các quốc gia khác phải rút đầu tư khỏi Iran, làm tê liệt nền kinh tế nước này, buộc người Iran ngồi vào bàn đàm phán, dừng các chương trình vũ khí hạt nhân để đổi lấy việc dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt.

Berman, một nghị sĩ Dân chủ kỳ cựu luôn đeo kính với mái tóc xoăn điểm bạc, vốn là chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Hạ viện và là bạn tốt của bất kỳ ai tại Capitol Hill, chủ trương tiến hành chiến dịch vận động hành lang ủng hộ Israel. Dough, chủ tịch Ủy ban Ngân hàng Thương viện, đã viết một cuốn sách về những bức thư mà cha của ông là Thomas Dodd gửi về nhà khi tham gia xét xử những tội phạm chiến tranh Đức Quốc xã sau Thế chiến thứ Hai ở Nuremberg. Không có gì phải bàn thêm về lập trường của họ đối với Iran, kẻ thù lớn của Israel. Họ đã thông qua một dự luật, đó là Luật Cấm đầu tư và Trừng phạt Iran toàn diện, (CISADA: Comprehensive Iran Sanctions and Divestment Act), gần như không có sự phản đối nào ở Ủy ban của họ. Berman và

Dodd đã đưa ra những dự thảo luật hơi khác nhau và họ đã phải triệu tập một cuộc họp gồm các ủy ban của Hạ viện và Thượng viện để làm rõ những khác biệt, sau đó trình tổng thống ký phê chuẩn hoặc phủ quyết. Nhưng thực tế, công việc này lại đang được Hillary, Berman, và Dodd tiến hành tại tầng bảy, bởi Nhà Trắng lo ngại sâu sắc về hậu quả cách tiếp cận của Nghị viện; và do Đảng Dân chủ kiểm soát cả hai viện và chức vụ tổng thống, nên Berman và Dodd muốn tìm một con đường để tránh cuộc đối đầu không tốt đẹp giữa Nhà Trắng và Quốc hội.

Đa số các thành viên Nghị viện luôn muốn đánh Iran bằng chiếc búa lớn nhất đang có trong tay. Trong những năm qua, Mỹ đã áp đặt các lệnh cấm trừng phạt mang tính đơn phương đối với người Iran, và có rất ít ảnh hưởng. Giờ đây, với ý định trừng phạt nặng hơn, Mỹ cấm các tổ chức nước ngoài làm ăn với chế độ đó. Nếu mọi thứ diễn ra theo đúng ý định, kinh tế Iran sẽ trượt dốc, và điều này có thể khiến Chính phủ Iran sụp đổ, hay ít nhất cũng buộc Iran ngồi vào bàn đàm phán.

Mọi chuyện sẽ tốt đẹp nếu những quốc gia khác cũng lựa chọn ngừng làm ăn với Iran thay vì phải làm trái lệnh trừng phạt của Mỹ. Nhưng vấn đề nghiêm trọng là các quốc gia khác – đặc biệt là Nga, Trung Quốc và Brazil – quyết định không theo lệnh trừng phạt đó và tiếp tục làm ăn với Iran. Vấn đề là lựa chọn nào sẽ tốt hơn về mặt kinh tế cho mỗi quốc gia, và không có nhà lãnh đạo nào muốn thể hiện sự yếu kém trước người dân nước mình bằng cách tuân theo các yêu cầu của Mỹ.

Khi phối hợp với Nhà Trắng và Bộ Tài chính, Hillary đang tìm kiếm một cách mới nhằm khuyến khích các công ty nước ngoài, gồm cả công ty nhà nước, tham gia cô lập Iran. Một trong những điều có thể khiến Iran hiểu chiến lược này là đề xuất của Bộ Ngoại giao, theo đó nếu các công ty chứng minh được là họ đang trên đà tụt dốc nghiêm trọng và không thể rút khỏi Iran, họ sẽ được miễn trừ khỏi lệnh cấm vận. Bằng cách này các công ty muốn hợp tác với Mỹ sẽ không bị tổn hại do lệnh cấm vận, vì họ có thêm chút thời gian để cắt đứt các sợi dây liên hệ làm ăn phức tạp. Trong khi có vẻ nhiều người ở Nghị viện cũng như Chính phủ đều muốn loại các công ty họ không ưa ra khỏi danh sách, thì giới phân tích hàng đầu về trừng phạt trong ngành hành pháp lại cho đây là một giải pháp sáng tạo đưa đến kết quả tốt hơn.

Những khía cạnh về Iran chưa bao giờ là mối quan tâm đặc biệt của Hillary. Là một thượng nghị sĩ New York, vùng rất ủng hộ Israel, Hillary thuộc nhóm những người theo đường lối cứng rắn. Năm 2006, khi tái tranh cử vào Thượng viện và hướng đến cuộc bầu cử tổng thống, bà đã phản đối chính quyền Bush vì đã “đánh giá thấp mối đe dọa.” Nhưng trên cương vị ngoại trưởng, bà đã làm việc cho một Chính phủ đang lo ngại về hậu quả thực tế từ việc trừng phạt thiếu khôn ngoan. Điều mà cương vị mới dạy cho Hillary – hoặc khiến bà dễ chấp nhận nó hơn – đó là khi Mỹ ép buộc các nước khác bằng biện pháp trừng phạt, đáp lại có thể là những phản ứng dữ dội, kết cuộc là Mỹ không đạt được mục tiêu then chốt.

Trong nhiều tháng, các đồng nghiệp cũ của Hillary ở Nghị viện đã bàn luận nhiều về việc bà thay đổi quan điểm. Nhưng Hillary chỉ nói với họ, quan điểm của bà giờ khác với họ là điều bình thường. “Các vị ở một vị trí khác,” bà nói. “Các vị làm việc ở một cơ quan khác.” Ranh giới đó giúp Hillary vừa không xung đột với các quan điểm điều hòa trong vấn đề Iran, vừa gợi ý cho các thành viên Nghị viện rằng họ không nên khăng khăng giữ quan điểm duy nhất về việc cách thức nào là hiệu quả nhất để gây áp lực lên chính quyền Iran.

“Bà ấy luôn tăng sức nóng cho vấn đề Iran,” một người từng làm việc trên Capitol Hill và Bộ Ngoại giao cho biết. “Tôi nghĩ rằng bà ấy có cái nhìn tinh tế hơn khi chuyển sang làm việc tại Bộ Ngoại giao. Quan trọng là phải khiến Nga, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, các nước ở châu Âu ngừng các hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực có thể hỗ trợ ngành dầu khí của Iran, nhưng bạn không thể làm điều đó bằng một cái búa tạ. Bạn sẽ phải thực hiện với nghệ thuật khéo léo của nghề ngoại giao. Nếu chúng ta chỉ lái chiếc xe tải này đâm vào các cuộc đàm phán và nói ‘Đây là những gì chúng tôi sẽ làm, chấp nhận nó hay không,’ thì tất nhiên họ sẽ phản đối.”

Dù chịu sức ép từ những người theo đường lối cứng rắn đòi thúc đẩy nhanh hơn nữa, Berman và Dodd đã cố nhượng bộ trước một yêu cầu của chính quyền là chờ Liên Hợp Quốc áp đặt lệnh

trừng phạt trước khi Mỹ chính thức thông qua dự luật. Vào ngày 9 tháng Sáu, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã bỏ phiếu với tỉ lệ 12/2, trong đó Lebanon bỏ phiếu trắng, ủng hộ các biện pháp trừng phạt. Susan Rice, đại sứ của Bộ Ngoại giao Mỹ tại Liên Hợp Quốc, đã bảo đảm với Nga và Trung Quốc rằng nếu họ hợp tác trong việc hạn chế vũ khí hạt nhân của Iran, bất cứ bộ luật tiếp theo nào của Mỹ đều sẽ giúp các công ty của nước họ được miễn trừ khỏi lệnh cấm vận của Mỹ. Hai ngày sau, Hillary cố gắng thực hiện tốt lời hứa đó bằng cách thúc đẩy Nghị viện đồng ý với một số miễn trừ đặc biệt trước khi bỏ phiếu lần cuối cho dự luật. Đang rất bận rộn với dự luật cải cách Wall Street, Dodd đã nhường cho Berman, chuyên gia về chính sách đối ngoại, làm chủ trì; đồng thời Dodd đóng vai trò trung gian giữa Berman và chính quyền khi cần thiết.

Tất cả các bên đã liên lạc chặt chẽ với Ủy ban Công vụ về Israel của Mỹ (AIPAC: The American Israel Public Affairs Committee), một cơ quan điều khiển các lực lượng bên ngoài đảng sau pháp luật. Nhìn chung, các thành viên Nghị viện mong muốn đưa ra danh sách các công ty để gây ấn tượng với những cử tri ủng hộ Israel và các nhà tài trợ trong nước, và họ rất ngần ngại phải làm bất cứ điều gì khiến dự luật bị giảm nhẹ. Berman đã “cản trở AIPAC,” theo một nguồn tin Nghị viện. Kịch bản xấu nhất cho Obama có vẻ là ông sẽ lẻ loi trước một Nghị viện gần như đã nhất trí về các vấn đề ảnh hưởng đến Israel, điều cũng sẽ ảnh hưởng đến nỗ lực tái tranh cử khi ông cần sự hỗ trợ của những nhà tài trợ và cử tri Israel.

Trong khi Nhà Trắng tin rằng cách tiếp cận của họ sẽ có hiệu quả trong việc cô lập Iran và buộc các nhà lãnh đạo nước này ngồi vào bàn đàm phán, thì việc thảo luận nhiều hơn về các điều khoản có thể hiểu là trình bày một cách ôn hòa về những rủi ro chính trị. Nhưng Hillary và những phụ tá của bà đã chấp nhận rủi ro này. “Tôi cũng như bà ấy rất tin rằng nếu chúng ta không có được sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ, thì cuối cùng lệnh trừng phạt đơn phương sẽ chẳng đem lại gì, bởi trên cả góc độ kinh tế và chính trị, mấu chốt căn bản là buộc Iran tự thấy rằng họ không có người bênh vực, không có chỗ dựa, không lối thoát,” theo lời Thứ trưởng Jim Steinberg, người đã được tin tưởng giao phó nhiệm vụ xem xét lại các điều khoản đặc biệt giúp các công ty tránh bị tổn hại do lệnh trừng phạt. “Đây là một cuộc đối thoại mà tôi và Hillary đã tham gia rất sâu sát cùng với những nhóm bên ngoài như AIPAC và những người khác để cho họ thấy rằng chúng tôi nghiêm túc, cũng như không tìm kiếm lời biện hộ nào để giúp ai được miễn trừ.”

Thông thường, các cuộc họp Thượng viện và Hạ viện được tổ chức ở trụ sở Nghị viện Mỹ. Đôi khi chính quyền cũng cử đại diện quan sát cuộc họp một cách không chính thức. Nhưng trong trường hợp này, Hillary làm chủ tịch không chính thức của hội nghị ủy ban, chủ trì cuộc họp ngay trong phòng họp ở văn phòng của bà, cùng hai nghị sĩ cấp cao chịu trách nhiệm soạn thảo dự luật. Khung cảnh đó cho thấy sự phân chia quyền lực giữa những bộ phận trong Chính phủ mờ đi khi một đảng kiểm soát cả Nhà Trắng, Thượng viện và Hạ viện. Berman và Dodd muốn thỏa hiệp vì Tổng thống Obama là người thuộc đảng của họ và sẽ có lợi ích chính trị lớn từ việc ký vào dự luật trừng phạt Iran. Tuy nhiên, chỉ có 12 phiếu chống các bản dự thảo của Thượng viện và Hạ viện trong vòng đầu tiên, nghĩa là Chính phủ có ít cơ hội để phủ quyết bản dự thảo hay tìm cách thay đổi nội dung của nó, chẳng hạn như điều khoản cấp quyền miễn trừ cho những công ty hứa làm ăn đúng đắn.

Là hai thành viên Đảng Dân chủ, những người đã ở Washington từ rất lâu – Hillary từ năm 1993 và Berman từ năm 1983 – nhưng họ chưa có nhiều thời gian làm việc cùng nhau, ngoài một chuyến đi theo phái đoàn Nghị viện thăm Kiev và Munich năm 2004, cùng một vài chuyến thăm xã giao trong năm đầu tiên của Hillary tại Bộ Ngoại giao. Chính sự thiếu gần gũi này là một trong những lý do giúp Berman cảm thấy thoải mái khi ủng hộ Obama năm 2008. Tại thời điểm này Hillary đã gạt vấn đề đó sang một bên và tập trung vào chính sách hiện hành. Berman rất ấn tượng với lập trường của bà. Thật phi thường, ông ta nghĩ, Hillary đã nắm rất vững vấn đề, vì rõ ràng bà ấy không dành nhiều thời gian vào vấn đề này như ông. “Vấn đề này phức tạp đến khó hình dung nổi. Lệnh trừng phạt không nhằm áp dụng lên Iran, mà lên các cơ sở làm ăn với Iran,” ông ta nói, giọng có vẻ trách móc việc thay đổi lệnh trừng phạt mà Hillary đã đưa ra. “Ít nhất là về các nội dung chính, bà ấy đã nghiên cứu. Bà ấy đã tìm hiểu tương đối

kỹ.”

Sau các cuộc thương lượng, hai điều khoản mà Bộ Ngoại giao muốn Berman và Dodd bổ sung vào dự thảo cuối cùng cũng được nhất trí. Thứ nhất, đó là “quyền miễn trừ đối với quốc gia hợp tác chặt chẽ” – điều sẽ giúp Chính phủ Mỹ có được sự ủng hộ của Nga và Trung Quốc trước khi diễn ra cuộc bỏ phiếu về lệnh cấm vận Iran của Liên Hợp Quốc, đồng thời cho phép tổng thống có thể gỡ bỏ trừng phạt đối với những công ty mà quốc gia của họ đóng góp tích cực để ngăn chặn Iran phát triển vũ khí hạt nhân. Về mặt kỹ thuật, tổng thống có thể bác bỏ mọi lệnh trừng phạt vì lợi ích an ninh quốc gia Mỹ, nhưng ngôn từ thể hiện mới là điều Hillary và Susan Rice quan tâm trong cuộc thảo luận với Nga và Trung Quốc. Thứ hai, “luật đặc biệt” đã tạo ra một quyền miễn trừ phức tạp mà nhờ đó tổng thống có thể tạm bãi bỏ lệnh trừng phạt những tập đoàn nước ngoài, nếu các tập đoàn này chứng minh được rằng họ đang trong giai đoạn thoái vốn khỏi Iran. Trong dự thảo ban đầu, không còn có bất cứ quy định có lợi nào cho các tập đoàn có nhiều lợi ích kinh doanh ở Iran dù đã bắt đầu rút khỏi việc đầu tư.

Cả hai điều nêu trên được bổ sung vào dự luật, với những ẩn ý thông qua cách diễn đạt cụ thể. Obama đã ký đạo luật ngày 1 tháng Bảy năm 2010, và sau đó, trong chiến dịch tái tranh cử, ông đã dùng văn kiện này làm bằng chứng về sự ủng hộ của mình dành cho Israel. Đối thủ của Obama thì lại trích dẫn những quy định miễn trừ được bổ sung vào những phút cuối như một bằng chứng chỉ trích Obama không cứng rắn với Iran, kéo theo những tranh luận không dứt khiến các quan chức Chính phủ bắt đầu thất vọng và cho rằng quy định miễn trừ khiến luật trừng phạt thật sự chưa đủ mạnh để buộc các công ty nước ngoài phải cắt đứt quan hệ làm ăn với Iran. Hillary đã ủng hộ Obama, đứng ra bảo vệ cả chính sách của Obama về Iran lẫn khả năng của Obama trước những cử tri ủng hộ Israel, cho họ thấy rằng ông vẫn cứng rắn.

Bằng cách đó, Hillary đã thu được kết quả. Qua việc chứng minh công việc mới đã cho mình quan điểm mới về các vấn đề, Hillary thuyết phục được các đồng nghiệp cũ rằng, bà đang thực thi nhiệm vụ chứ không phải làm việc theo thói quen, từ đó giảm bớt rủi ro chính trị với vị trí mới của bà. “Tôi rất thích Thượng Nghị sĩ Hillary Clinton vì thái độ cứng rắn của bà với Iran. Còn Ngoại trưởng Hillary Clinton thì phải tuân theo mệnh lệnh của chính quyền Obama,” Hạ Nghị sĩ Đảng Cộng hòa Ileana Ros-Lehtinen, cựu Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Hạ viện nói. “Bạn có thể nghĩ rằng tôi đang bảo vệ bà ấy, nhưng tôi nghĩ trong sâu thẳm trái tim, bà ấy muốn muốn cứng rắn với Iran đến mức có thể.”

Lệnh trừng phạt Iran được thông qua cũng là khi Hillary bắt đầu tập trung vào hai sự kiện lớn trong cuộc sống riêng của mình, đó là đám cưới của cô con gái Chelsea và của Huma, người mà gia đình Clinton cũng xem như con gái. Giống như nhiều người thân cận với Hillary, Huma có nét tính cách nào đó phản chiếu Hillary. Philippe Reines giống Hillary ở khả năng tiên đoán những rủi ro chính trị. Jake Sullivan là một chuyên gia của Chính phủ, hiểu biết nhiều về chính sách và xây dựng quyền lực trong một bộ máy hành chính. Cheryl Mills là một luật sư, luôn mãnh liệt khi bảo vệ lợi ích của khách hàng. Capricia Marshall phá vỡ những rào cản bản thân bằng cách làm người khác thấy thoải mái. Với Huma, sự phản chiếu tính cách cá nhân của Hillary được nhìn nhận là hoàn hảo trong vai trò của một siêu trợ thủ. Hillary đóng vai trò ấy đối với Obama trong những chuyến công du nước ngoài; và đối với Bill bà là cố vấn chính trị và chính sách – cánh tay phải của ông – trong suốt sự nghiệp và cuộc sống hướng ngoại của ông.

Bất cứ điều gì Hillary cần, Huma đều có thể đáp ứng – thường thì trước cả khi Hillary yêu cầu. Dù là ở Nhà Trắng cuối những năm 1990, hay tại Thượng viện, cũng như trên các nẻo đường vận động tranh cử, và cả trong hai năm đầu của Hillary ở Bộ Ngoại giao, Huma lúc nào cũng theo sát bước chân của Hillary – bà chủ và là người đỡ đầu. Trong những bức ảnh chế giễu Hillary được chụp, Huma thường che hết cả ống kính. Cô luôn mang theo ba điện thoại BlackBerry cùng lúc. Chelsea Clinton từng nói rằng Huma, người lớn hơn cô gần bốn tuổi, chẳng khác nào một người chị ruột.

Trong chiến dịch tranh cử tổng thống 2008, Hillary từng giúp Anthony Weiner, nghị sĩ của Brooklyn, có cuộc hẹn hò đầu tiên với Huma. Mỗi quan hệ này ngày càng phát triển nghiêm túc

hơn, và Huma đã theo bước Hillary trở thành một chính trị gia. Ngày 30 tháng Sáu, gia đình Clinton đón tiếp hàng trăm khách đến nhà dự tiệc đính hôn cho một cặp đôi chính trị trẻ tuổi đầy năng lực. “Đó là tình yêu từ cái nhìn đầu tiên,” Hillary nói, ngưng lại đôi chút, “với Anthony.”

Weiner đã ghen ngào khi bày tỏ sự đánh giá cao của mình về người sẽ là cô dâu cũng như ông bà chủ nhà. Bill, lúc đó đang khoác vai Chelsea, nói nếu mình có một cô con gái thứ hai, hẳn sẽ là Huma. Đó là một bữa tiệc trang trọng, nhưng cũng có vài lời xì xào, một người tham dự cho biết. “Huma trông thật thờ ơ,” nguồn tin này nói. “Đầu tiên là nó giống như ‘Anthony yêu Huma biết bao’ rồi sau đó là ‘Anthony yêu Huma.’”

Hillary thường thể hiện sự quan tâm về đời sống tình cảm của các công sự, chẳng hạn với một trợ lý thường xuyên di chuyển cùng bà trong cuộc vận động tranh cử năm 2008. “Tôi đính hôn vào thời gian đó, và bà ấy đã rất quan tâm đến kế hoạch đám cưới của chúng tôi,” người trợ lý kể. “Lúc đó tôi ăn kiêng, và bà ấy thường quan tâm xem món ăn trên máy bay có phù hợp chế độ ăn kiêng của tôi hay không. Bà ấy thật sự rất chu đáo.” Huma thân cận với gia đình Clinton hơn bất kỳ một phụ tá nào, và họ đã dành nhiều thời gian để bàn về chi tiết cho đám cưới của cô.

Bill đã chủ trì hôn lễ vào ngày 10 tháng Bảy năm 2010, tại lâu đài Oheka, một nơi rực rỡ sắc màu nằm ở chỗ cao nhất của Long Island. Ông nói đùa rằng, sự khác biệt tôn giáo của họ (Weiner xuất thân trong một gia đình Do Thái, còn gia đình Abedin Huma theo đạo Hồi) không là gì so với khó khăn của việc kết hôn với một chính trị gia. Chính là vì “họ rất dễ bị ngờ vực, dù họ theo tôn giáo nào,” Bill nói đùa. Oscar de la Renta – một người bạn của gia đình Clinton và của Huma, đã thiết kế váy cưới cho cô, một chiếc váy dài ngắn tay, với nhiều đường thêu điểm vàng thật. Weiner hơn vợ 10 tuổi, tuyên bố rằng mình đã “lên cung trăng” với Huma. Đám cưới Weiner-Abedin đã mở màn để công chúng chào đón “đám cưới kiểu hoàng gia Anh tại Mỹ” rất bí mật của Chelsea vào ba tuần sau đó, ngày 31 tháng Bảy. Trong nhiều tháng trước khi đám cưới chính thức diễn ra, báo chí đã tung ra các bài bóng gió nói rằng Chelsea sắp cưới, việc đưa tin này khiến gia đình Clinton khó chịu. “Giới truyền thông tưởng nó đang diễn ra, nhưng thế là sớm hơn một năm so với thực tế, khi cô ấy còn chưa đính hôn, và họ không chịu tin điều ấy cả khi mẹ cô dâu nói rằng việc đó còn chưa diễn ra,” một trợ lý của Hillary phàn nàn. “Một nhân vật, một ký giả, đã được biên tập viên của mình dặn rằng: ‘Bà ấy [Hillary] là một nguồn không đáng tin cậy đâu.’”

Cú điện thoại công việc cuối cùng mà Hillary gọi trước đám cưới của Chelsea là cho Thượng Nghị sĩ Johnny Isakson, đảng viên Cộng hòa ở Georgia, người đóng vai trò nòng cốt trong Hiệp ước START mới với Nga, vốn được Obama rất quan tâm.

Isakson đã mang bản dự thảo hiệp ước phức tạp đó về ngôi nhà trên núi của mình trong dịp cuối tuần, vào ngày 4 tháng Bảy. Ngồi trong căn nhà nổi, khi mấy đứa cháu chơi đùa xung quanh, ông ta rà soát từng trang một, nguệch ngoạc đánh dấu bên lề bản dự thảo. Vài tuần sau đó, Isakson chuyển đến các quan chức cấp cao Bộ Ngoại giao nhiều câu hỏi mang tính kỹ thuật, thậm chí trao đổi với Hillary nhiều lần về vấn đề này. Vì cuộc bỏ phiếu cấp ủy ban sẽ tiến hành vào tháng Tám sau kỳ nghỉ, Hillary đã liên lạc với Isakson lần cuối trước đám cưới của Chelsea để chắc chắn rằng ông ta đã nhận được câu trả lời.

Không phải bà lo lắng việc Ủy ban Đối ngoại không thông qua hiệp ước, mà là muốn họ sẵn sàng xem xét. Đảng Dân chủ hiện nắm giữ 59 trong tổng số 100 ghế ở Thượng viện và chiếm đa số ở Ủy ban này, nên kết quả cuộc bỏ phiếu có thể đoán trước. Tuy nhiên theo quy định, để được thông qua, các hiệp ước cần phải có ít nhất hai phần ba số phiếu ủng hộ tại Thượng viện – nghĩa là cần ít nhất 67 phiếu. Vì vậy, các lá phiếu ủng hộ của người Cộng hòa trong Ủy ban sẽ là một chỉ dấu quan trọng với các nhà lãnh đạo Đảng Dân chủ tại Thượng viện cũng như các đảng viên Cộng hòa kỳ cựu không có chân trong Ủy ban. Thượng nghị sĩ bang Indiana Richard Lugar, lãnh đạo Đảng Cộng hòa trong Ủy ban, từng trải qua các cuộc thương lượng về hiệp ước vũ khí với Nga qua các đời tổng thống từ Ronald Reagan đến Obama, và ông ta ít nhiều được

xem như một “ổ khóa chết” nếu bỏ phiếu thuận tại Ủy ban. Hillary đã nhắm tới Isakson và Bob Corker, một thành viên Đảng Cộng hòa ở Tennessee, để kêu gọi sự ủng hộ ngay từ đầu.

Cũng như trong các cuộc tranh luận về trừng phạt Iran, Hillary trở thành tâm điểm của mũi dùi chỉ trích Chính phủ từ Capitol Hill. Trong trường hợp này, thay vì “phòng thủ” với những đảng viên Dân chủ điều hâu, Hillary đã “tấn công”, thuyết phục một trong những nhân vật Cộng hòa đầy quyền lực rằng hiệp ước này là vì lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ. Bà biết rõ con đường mình đang đi trong Nghị viện, và hiểu rằng sẽ tốn nhiều thời gian và nỗ lực để làm các thượng nghị sĩ hài lòng với cả thực tế lẫn tính chất chính trị của bản hiệp ước.

“Bà ấy đã khởi sự trước những người khác đến cả mấy tháng,” một quan chức Chính phủ cho biết. Hillary tập trung chủ yếu vào Isakson và Corker. Họ đều có mối quan tâm đến năng lượng hạt nhân tại bang của mình, nhưng cũng lại có lợi ích chính trị khi phản đối Obama. Là một chính trị gia, Hillary biết mình sẽ phải bảo đảm với họ rằng hiệp ước không chỉ đúng đắn, mà còn bền vững về mặt chính trị. Điều này giúp họ có sự bảo đảm khi quay về bang của mình.

Nhưng đến tháng Năm, mọi việc lại trở nên rất khó khăn, khi phe bảo thủ, dẫn đầu là Thượng nghị sĩ Jim DeMint (R-S.C.) đòi Nhà Trắng giao cho họ một bộ biên bản gọi là “hồ sơ đàm phán” của Mỹ với Nga. Hồ sơ phải gồm tất cả các đề xuất, yêu cầu, hướng dẫn, những cuộc thảo luận bên lề... liên quan đến hiệp ước. Nếu không có bộ hồ sơ này, những người bảo thủ cho rằng sẽ không thể nắm rõ về cách thức người Nga đưa ra những biện pháp dự phòng – vì có thể họ sẽ triển khai theo cách riêng của mình, đặc biệt là những quy định về hệ thống phòng vệ tên lửa, còn người Mỹ lại triển khai theo một cách thức khác.

Các mâu thuẫn về hồ sơ đàm phán lại tạo ra mối ràng buộc giữa Corker và Isakson, những người nghiêng về hướng ủng hộ hiệp ước nhưng có thể sẽ phải đối mặt với những rắc rối trong việc giải thích cho các cử tri nếu những người bảo thủ công bố rằng họ đã tán thành mà không có đầy đủ các thông tin về hồ sơ đàm phán, và rằng họ đã tin tưởng mù quáng vào các thành viên Đảng Dân chủ. Điều gì sẽ xảy ra nếu Obama chấp nhận nhượng bộ? Nếu thế, những người bảo thủ cho rằng đó là để người Nga gác một chân lên Mỹ.

Reagan đã đóng khung các hiệp ước vũ khí hạt nhân mới với Nga qua cụm từ “tin tưởng nhưng cần xác minh” – nghĩa là, để giữ một thỏa thuận, hai nước cần phải kiểm tra các kho vũ khí dự trữ của nhau. Corker và Isakson tin, nhưng họ sẽ không bỏ phiếu thuận nếu không thể xác minh.

Nhưng Nhà Trắng muốn giữ kín những hồ sơ đàm phán, phần lớn là vì muốn giữ quyền đàm phán và tự quyết với Nga. Nếu hồ sơ được giao cho Thượng viện, các chi tiết trong đó chắc chắn sẽ được công khai trên một vài phương tiện truyền thông chỉ trong vòng vài giờ, nếu không nói là vài phút. Thông thường, trong quá khứ, Thượng viện không bảo mật những tài liệu tương tự về các hiệp ước như thế. Bởi vậy, mọi việc bế tắc khá rõ: Nhà Trắng không muốn để các thượng nghị sĩ tiếp cận những hồ sơ đàm phán này, còn các thượng nghị sĩ mà tổng thống cần họ đứng về phía mình cũng sẽ không bỏ phiếu cho ông trừ khi họ có đủ thông tin mình muốn.

Hillary đã nghĩ ra một phương án, vừa giữ được ý định của Nhà Trắng, vừa thỏa mãn các yêu cầu của Corker và Isakson. “Chúng ta sẽ phải đưa họ cái gì đây. Chúng ta không thể cứ nói không, không, không,” bà nói với các luật sư của Bộ Ngoại giao và những phụ tá liên quan. “Hãy quay lại và viết một bản tóm tắt chi tiết những điều mà họ quan tâm nhất về hồ sơ đàm phán. Có thể dưới dạng một bản ghi nhớ từ tôi, hoặc một bản tóm tắt hồ sơ đàm phán. Chúng ta sẽ gửi văn bản này đến khu bảo mật tại Thượng viện, họ chỉ cần ngồi đó và đọc”.

Corker và Isakson đến khu vực bảo mật tại Nghị viện để xem xét các bản tóm tắt. Tương tự những gì thường làm trong các cuộc đàm phán quốc tế, Hillary đã tìm ra cách để loại bỏ rào cản lớn bằng một cử chỉ nhỏ. “Đây là ý tưởng và giải pháp của cá nhân Hillary,” một trợ lý nói.

Khi Ủy ban bỏ phiếu vào tháng Chín, Isakson, Corker và Lugar đã cùng các đảng viên Dân chủ thông qua dự thảo hiệp ước. Không cần đa số phiếu, sự ủng hộ của họ đã phát đi tín hiệu hợp

tác giữa hai đảng, và điều đó rất quan trọng để giành được 2/3 số phiếu của toàn thể Thượng viện. Tuy nhiên, dự thảo hiệp ước còn rất xa mới kiện toàn được. Harry Reid (D-Nev.), lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện không có ý định dành thời gian quý giá vào một hiệp ước mà có thể sẽ không được thông qua. Điều tệ hơn nữa với Chính phủ, là những người thuộc Đảng Cộng hòa sẽ giành thêm ghế trong cuộc bầu cử giữa kỳ vào tháng Mười một, đồng nghĩa với những khó khăn lớn hơn trong việc thông qua – thậm chí là không thể thông qua – nếu cuộc bỏ phiếu phải trì hoãn sang năm tiếp theo. Dù Đảng Dân chủ đang kiểm soát Thượng viện, việc có thêm các đảng viên Cộng hòa vẫn gây khó khăn hơn để giành 2/3 số phiếu ủng hộ; nếu Đảng Cộng hòa chiếm đa số tại Thượng viện, dự thảo hiệp ước chắc chắn bị bác.

Jon Kyl, Thượng Nghị sĩ bang Arizona, người dẫn đầu nhóm bảo thủ về vấn đề vũ khí hạt nhân, đã liên tục phản đối dự thảo hiệp ước. Cả Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đều không bình luận trước cuộc bỏ phiếu giữa nhiệm kỳ. Vào ngày 2 tháng Mười một, các tính toán phải thay đổi, nhưng không nhiều như Kyl mong muốn. Đảng Cộng hòa giáng một đòn nặng nề đối với Obama và Đảng Dân chủ khi giành thêm nửa tá số ghế tại Thượng viện và hơn năm tá tại Hạ viện. Đảng Dân chủ gần như đã thua tại Hạ viện, nhưng vẫn duy trì thế đa số mong manh tại Thượng viện.

Hai tuần sau, Kyl tuyên bố, hiệp ước đó đã chết.

Nhưng Obama đang phải chịu áp lực từ Tổng thống Nga Dmitri Medvedev để hoàn tất đàm phán và ký kết, vấn đề này đã được Nga đưa ra khi hai bên gặp nhau tại Nhật Bản. Cam kết của Obama trong việc khôi phục quan hệ Mỹ – Nga sẽ giúp duy trì uy tín của Mỹ trước cả nền chính trị thế giới cũng như trong nước. Còn với các đối thủ thuộc Đảng Cộng hòa, kỳ họp sắp tới là cơ hội cuối để Obama có thể cứu vãn một chiến thắng. Denis McDonough, người được bổ nhiệm làm phó cố vấn an ninh quốc gia, đã ra một chỉ thị rất rõ ràng cho các quan chức: phải hoàn tất mọi việc trước cuối năm đó.

Hillary đã gặp các thành viên của Ủy ban Đối ngoại vào ngày 17 tháng Mười một, một ngày sau khi Kyl thông báo thời điểm chết của hiệp ước, và trong một buổi họp báo hiếm có tại Capitol Hill do chánh Văn phòng nội các tổ chức, Hillary đã phát biểu trước các phóng viên cùng John Kerry và Lugar. Phiên họp sắp tới sẽ là cơ hội cho hai đảng xích lại gần nhau, bà nói. Mỹ cần phải cử những thanh tra tới Nga. Hơn nữa, Hillary khẳng định, “đây là hiệp ước quan trọng đối với mối quan hệ song phương giữa chúng ta và Nga. Chúng tôi đã tăng cường hợp tác vì lợi ích chung của đất nước về vấn đề Iran, Afghanistan, về việc hạn chế vũ khí hạt nhân, chống khủng bố, và chống buôn lậu”. Nếu nước Mỹ không hoàn thành hiệp ước START mới, làm sao có thể mong đợi người Nga sẽ tiếp tục ủng hộ những nỗ lực này?

Hillary nói với các cộng sự rằng cuộc gặp các thượng nghị sĩ và cuộc họp báo sau đó đã tạo nên một bước ngoặt lớn cho cuộc bỏ phiếu. Ellen Tauscher, người bạn lâu năm của Hillary và là thứ trưởng phụ trách kiểm soát vũ khí, đã phải nhập viện vì bệnh ung thư thực quản. Bà mong có mặt tại Capitol Hill để vận động các thượng nghị sĩ. Chắc chắn nhiều người thuộc Đảng Cộng hòa hy vọng họ không phải lựa chọn giữa việc giúp đỡ Obama hay bỏ phiếu chống một hiệp ước nhằm cắt giảm kho dự trữ hạt nhân của Nga. Nếu buộc phải lựa chọn, Tauscher nghĩ, việc bỏ phiếu sẽ được những người Cộng hòa – vốn từ chối bỏ phiếu thuận cho Đảng Dân chủ đối lập – thực hiện. Bà khó thở, nhưng vẫn gắng cất giọng gửi lời chúc tốt đẹp đến Hillary, Thượng Nghị sĩ Dianne Feinstein, và Kerry, đó cũng là lời khuyên chiến lược: “Hãy bắt họ phải bỏ phiếu!”

Trong khi đó Hillary đã liên lạc bằng cách gọi điện hoặc gặp gỡ với hơn một nửa số thượng nghị sĩ, có thể là 2/3, một nguồn tin thân cận cho biết. Biden, cựu chủ tịch Ủy ban Đối ngoại, vội vã đến gặp Hillary. Ông gọi điện hoặc gặp một nửa thành viên của Thượng viện trong suốt hai tháng Mười một và Mười hai. Ông và Hillary biết điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là khi họ trình dự luật, và thất bại. Reid còn do dự, không chắc chắn về những người sẽ bỏ phiếu. Nhưng cuối cùng ông cũng lên kế hoạch cho một loạt những cuộc gọi vào lễ Giáng sinh. Thượng nghị sĩ lãnh đạo nhóm thiểu số Mitch McConnell (R-Ky) tuyên bố sẽ phản đối hiệp ước. Các quan chức Nhà Trắng tổ chức hội nghị trực tuyến để bàn bước tiếp theo. “Chúng ta đã có được những

người sẽ bỏ phiếu,” Biden nói. “Đã đến lúc rồi”.

Sự thật là họ không biết có bao nhiêu phiếu ủng hộ. Bằng chứng: trong khoảnh khắc ngay trước cuộc bỏ phiếu, Biden và Clinton đã hội ý riêng với Kerry ở Văn phòng Ủy ban Đối ngoại – được trang trí cầu kỳ theo nghi thức và nằm ngay gần Thượng viện – nhằm đảm bảo giành được sự ủng hộ của vài thượng nghị sĩ. “Khi chúng tôi trình dự luật, chúng tôi không thể biết có bao nhiêu người bỏ phiếu thuận”, người có danh sách liên lạc của Hillary nói.

Cuối cùng, họ giành được 71 phiếu – nhiều hơn 4 phiếu so với yêu cầu tối thiểu. Đó là một nỗ lực toàn diện của chính quyền về vấn đề mà đại đa số người Mỹ còn chưa được nghe nói đến, nhưng lại thật sự quan trọng để có sự ủng hộ của Nga trong cuộc chiến ở Afghanistan, cũng như nỗ lực cô lập Iran. Đó cũng là ngày của Obama và Biden, còn Hillary tạm thời rất ít được nhắc đến trong các bản tin. Nhưng trong diễn biến hàng tháng trời tại Capitol Hill, Hillary đã gây áp lực không ngừng, chộp lấy quả bóng, và để cho Nhà Trắng hoàn tất động tác thả quả bóng đó vào rổ. Thậm chí bà đã sắp đặt để Obama và Biden giành được uy tín công khai vì chiến thắng này.

Những nỗ lực bền bỉ, liên tục của bà trong việc giải quyết những vấn đề phức tạp như Hiệp ước START mới hay trừng phạt Iran – những vấn đề mà nếu thất bại thường thu hút nhiều sự chú ý hơn cả thành công – đã chứng minh cách làm việc chuyên nghiệp của Hillary cũng như những cống hiến của bà cho các chính sách của Obama. Ông hài lòng khi có thể dựa vào Hillary trong quá trình bà giải quyết công việc, mà không cần phải hướng dẫn gì mấy. “Nếu ông ấy không phải lo lắng gì về một người và những điều người ấy làm, đó sẽ là lời khen ngợi cao nhất mà ông ấy dành cho người đó,” một cố vấn thân cận của Obama giải thích. “Và người đó là Hillary.”

Công việc nơi hậu trường của Hillary nhân danh Obama tương phản với những gì mà chồng bà làm cho Obama khi xuất hiện trong ánh đèn sân khấu. Vào cuối tháng Mười năm 2010, Bill đã thực hiện hơn 100 sự kiện chính trị, phần lớn dành cho những ứng viên đã từng ủng hộ Hillary, và ông luôn giữ hình ảnh bà tươi mới trong tâm trí cử tri Đảng Dân chủ. “Tôi phải nói với các bạn, không có gì là bí mật việc tôi đã làm những gì tôi có thể làm để đánh bại Tổng thống Obama, và tôi vẫn thích ngoại trưởng của tôi”, ông nói với cử tri ở Battle Creek, Michigan, nơi ông diễn thuyết vận động thay cho Mark Schauer, người mới bắt đầu sự nghiệp tại Hạ viện.

Bill cũng xử lý một vài chuyện không hay của Đảng Dân chủ giúp Obama, và trở thành tiêu đề các bài báo trên cả nước, chẳng hạn ông đã cố thuyết phục Hạ Nghị sĩ Kendrick Meek, một đồng minh lâu năm của gia đình, từ bỏ cuộc đua vào Thượng viện ở Florida. Các đảng viên Dân chủ ở bang Sunshine đã bị chia cắt giữa Meek và Thống đốc Charlie Crist, một đảng viên Cộng hòa đã ra sức chạy đua với tư cách cá nhân. Nếu Meek bước sang một bên, Crist có thể thắng Marco Rubio, một ngôi sao đang lên của Đảng Cộng hòa, người được xem như một “Obama” của Đảng Cộng hòa, và là ứng viên trẻ hấp dẫn có thể thắp sáng ngọn lửa từ cơ sở mà không xa lánh những người ôn hòa. Crist đã gọi cho Band, Band gọi cho Meek, và cuối cùng Bill nghĩ ông phải để Meek sớm dừng tranh cử. Nhưng Meek lại thay đổi ý định, hoặc không lý giải cuộc đối thoại theo cùng cách với Bill; và Rubio đã đi đến chiến thắng cả Meek và Crist.

Khi có kết quả kiểm phiếu ngay trong đêm bầu cử hồi năm 2010, thì đã rõ ràng rằng, Obama và Bill có “thành tựu” ít nhất là ngang nhau trong hai năm đầu nhiệm kỳ tổng thống: họ đều mất quyền kiểm soát Hạ viện trong kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ đầu tiên. Obama thừa nhận Đảng Dân chủ phải gánh chịu một “thất bại nặng nề” tại cuộc bầu cử, và cũng có thể nói tương tự về thành tựu “làm tổng thống” của ông. Obama đã thành công trong cải cách bảo hiểm y tế, nhưng nền kinh tế vẫn khủng hoảng. Mức đánh giá tín nhiệm dành cho ông rơi xuống khoảng giữa 40%. Đây là lúc để bắt đầu nghĩ nhiều hơn về việc tái tranh cử của ông. Nhãn hiệu Clinton, đã được đánh bóng trong suốt hơn hai năm qua kể từ cuộc tranh cử 2008, cũng là một nhãn hiệu tốt hỗ trợ Obama.

Hai năm trước, hầu như khó có thể tưởng tượng việc Obama công khai kêu gọi sự giúp đỡ từ

Bill Clinton. Trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên, các trợ lý cho biết, Obama đã nhiều lần nói chuyện với Clinton và dần nắm bắt được những suy nghĩ của ông ấy. Vào ngày 10 tháng Mười hai, khoảng hơn một tháng sau kỳ bầu cử, Obama đã mời Bill Clinton đến cuộc họp tại Phòng Bầu dục. Tổng thống vừa có va chạm với Đảng Cộng hòa về luật thuế vốn ghi nhận dấu ấn của Clinton với tầng lớp trung lưu, nên ông nghĩ sẽ là một ý tưởng hay nếu Clinton có thể “chia sẻ một số suy nghĩ của mình” về nền kinh tế với công chúng.

Obama cùng Clinton tới phòng họp báo của Nhà Trắng và nói với cánh nhà báo rằng, cựu tổng thống sẽ “có cuộc nói chuyện vắn tắt”. Nhưng “vắn tắt” đã hóa thành 30 phút, Clinton đứng trên bục và trả lời hàng loạt những câu hỏi từ những phóng viên mà ông biết rõ họ tên.

Phần lớn thời gian Bill đứng đó một mình. Obama đã nói với báo chí rằng ông phải đi gặp Michelle Obama đang chờ ở dinh thự để cùng tham gia một bữa tiệc. “Tôi không muốn làm bà ấy bực mình,” Clinton trả lời Obama. “Ông cứ đi đi”.

Và trong nửa giờ tiếp theo, cứ như nhiệm kỳ tổng thống của Clinton chưa bao giờ kết thúc. Một phóng viên từ *New York Times* viết rằng nó trông giống như Obama đã “trao công việc tổng thống của mình cho Bill Clinton.”

Trong khi Bill thích thú trở lại với ánh đèn sân khấu, trong thời điểm nửa nhiệm kỳ thăm hai của Obama, thì Hillary lại lặng lẽ chữa lành những vết thương cho những người bạn đã rời khỏi văn phòng. Một số người nhận được điện thoại hoặc lời nhắn của bà, như Hạ Nghị sĩ Dina Titus (D-Nev.) và Dan Maffei (D-N.Y.), đã thất cử giữa nhiệm kỳ 2010, nhưng vẫn chuẩn bị cho việc quay lại chính trường hai năm sau; họ sẵn sàng giúp đỡ nếu bà muốn tái tranh cử tổng thống. Có những con người mà tên của họ vẫn ở trong cuốn sổ Rolodex của Hillary, ghi danh những người bạn và người ủng hộ bà.

“Đó là câu chuyện chưa được kể,” một quan chức của Bộ Ngoại giao cho biết. “Bà ấy đã gọi rất nhiều cuộc điện thoại đến mọi người chỉ để nói câu ‘cảm ơn vì những gì bạn đã cống hiến.’ Điều này thật quan trọng, vì bà ấy đánh giá cao những gì họ đã làm và biết đây là thời gian khó khăn với họ.” Đương nhiên, trong chính trị, đặc biệt là với Clinton, “cảm ơn vì những gì bạn đã cống hiến” chỉ là cách bày tỏ lòng trung tín với nhau – trao đi bây giờ và nhận lại sau này.

Giai đoạn hậu bầu cử giữa nhiệm kỳ đó cực kỳ khó khăn với Hillary. Vài giờ trước khi Bill bước lên bục tại Nhà Trắng, Hillary đã gặp Richard Holbrooke, Frank Ruggiero, và cả Jake Sullivan trong văn phòng của mình để thảo luận các khía cạnh của việc thương thuyết hòa giải với Taliban, vì Mỹ đã đặt kế hoạch rút quân ra khỏi Afghanistan căn cứ theo quyết định của Obama. Holbrooke vẫn hy vọng thỏa thuận được với Taliban, ông đã đưa ra một ý kiến mạnh mẽ rằng Mỹ nên theo đuổi thỏa thuận thúc đẩy Taliban từ bỏ bạo lực và chấp hành Hiến pháp Afghanistan. Đối với chính quyền, các kết quả đó thậm chí là điều kiện tiên quyết để ngồi xuống bàn thương lượng với Taliban.

Khi mô tả về trường hợp của mình, Holbrooke thở gắt, sắc mặt chuyển sang màu đỏ bất thường. Cổ gượng, ông nói với Hillary mình vẫn ổn và tiếp tục làm việc được.

“Ông phải lập tức đến bệnh viện,” Hillary nói. “Ông cần được bác sĩ khám ngay”.

Sullivan và Ruggiero giúp ông vào thang máy riêng từ văn phòng của Hillary, mọi người khẩn trương đưa ông đến phòng y tế của Bộ Ngoại giao, trong khi một xe cứu thương đang trên đường tới tòa nhà. Holbrooke ngã quỵ trong thang máy. Ông lên cơn đau tim – động mạch chủ bị vỡ – và nhanh chóng được đưa đến Bệnh viện Đại học George Washington. Hillary đã có hơn hai năm làm việc với nhóm của Holbrooke, trong các cuộc gặp với bà, ông luôn đưa nhiều người tới tham dự, dù quy định của Bộ chỉ cho phép các quan chức cấp cao như ông được mang theo một hoặc hai trợ lý.

Giờ đây, khi các bác sĩ đang chạy đua với thời gian để phẫu thuật cho Holbrooke, Hillary chứng kiến sự có mặt của những thành viên mật thiết trong nhóm của ông, họ đã ở bệnh viện suốt ba đêm trắng. Vào một lần, bà đưa họ đi ăn tối, cùng đi bộ xuyên qua vòng xoay Washington Circle, ngang qua bức tượng đồng của G. Washington – Tổng thống Mỹ đầu tiên –

trong trận Princeton; rồi đến Mei Wah, một nhà hàng Trung Quốc, nơi những bức ảnh của các chính trị gia được trưng bày trên những bức tường, có cả gia đình Clinton. Nơi đây từ lâu đã là một điểm đến ưa thích của Bill, và nhà Clinton đã biến nó thành nơi họp mặt ăn trưa trong nhiều năm.

Khi Hillary nhận được tin Holbrooke qua đời, bà để Obama ngồi lại trong một buổi tiếp tân của Bộ Ngoại giao, rồi vội vã tới bệnh viện. Nửa tá thành viên trong nhóm của Holbrooke đang tập trung ở hành lang.

Bà thấy họ ở đó, đang khóc. Bà ôm lấy từng trợ lý của ông.

Richard Holbrooke qua đời, ở một khía cạnh khác, đã loại bỏ điểm căng thẳng cuối cùng giữa Nhà Trắng của Obama và Bộ Ngoại giao của Hillary. Ông được xem như sự phản chiếu những khác biệt trong các hoạt động của một nhân vật xuất sắc với khả năng thiên bẩm.

Các trợ lý của Nhà Trắng từng rất căng thẳng với Holbrooke. Ngoài mối đe dọa từ chiến dịch tranh cử, họ nghĩ rằng ông là người đã làm rò rỉ thông tin, gây thiệt hại trong cuộc đàm phán nhạy cảm về tương lai của Afghanistan và Tổng thống Hamid Karzai, và sau đó lại nói dối về chuyện đó. “Những cuộc tranh luận này chỉ đạt hiệu quả nếu được thực hiện một cách bí mật, không bị rò rỉ thông tin, còn ông ấy thì luôn làm thông tin bị rò rỉ,” một trợ lý Nhà Trắng nói. “Ông ấy thường nói với những người ở Nhà Trắng rằng, ‘Suốt cả năm nay tôi chưa hề nói chuyện với bất kỳ phóng viên nào.’ Còn các phóng viên lại cho chúng tôi biết, ‘Holbrooke không ngừng gọi cho tôi.’ Các phóng viên đưa ra những bằng chứng về việc họ nghe được thông tin từ ông ấy hằng ngày. Đó không phải chuyện người ta thiếu tôn trọng trí tuệ và khả năng của ông ấy. Đó là chuyện ông ấy đã không trung thực. Và khi một ai đó dối trá với bạn, điều đó thật khó chịu.”

Với việc Bill đang nổi lên như một người quan trọng được tổng thống ủy thác, và Holbrooke không còn là một điểm nóng, Nhà Trắng hầu như không còn lý do gì để nghi ngờ sự trung thành của Hillary. Thế là, sau hai năm cộng tác, quan điểm của Nhà Trắng là hoàn toàn có thể tin tưởng Hillary.

Phần Ba

10. Hứa hẹn và tai họa

Phòng Tình huống yên ắng trong ngày 1 tháng Hai năm 2011, cả Tổng thống Barack Obama và các thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia cùng chăm chú nhìn vào màn hình tivi trên tường. Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak đang phát biểu; cũng như hàng triệu người bình thường trên khắp thế giới, các quan chức cấp cao nhất của Mỹ đang tự hỏi liệu vị tổng thống này có sẵn sàng từ bỏ quyền lực hay không. Ông Mubarak, mà lực lượng Chính phủ của ông ta đã đụng độ với người biểu tình dân chủ tại Quảng trường Tahrir ở trung tâm Cairo, vẫn cố níu kéo quyền lực, và tất cả mọi người có mặt tại Phòng Tình huống nuốt từng lời phát biểu của ông ta, bởi họ chẳng có tin tình báo nào tốt hơn một khán giả bình thường ngoài những thước hình ghi lại lời ông ta phát biểu.

Trong gần một tuần, những quan chức kỳ cựu về vấn đề đối ngoại trong Ủy ban An ninh Quốc gia của Tổng thống Obama gồm Ngoại trưởng Hillary Clinton, Phó Tổng thống Joe Biden và Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates, đã tranh luận với nhau về việc Mỹ có nên dành cho Mubarak càng nhiều không gian hành động càng tốt hay không. Ngày 25 tháng Một, Hillary thông báo với các phóng viên rằng chính quyền Mubarak vẫn “vững vàng,” và hai ngày trước khi Mubarak phát biểu trước toàn thể người dân Ai Cập, bà đã kêu gọi một “sự chuyển giao hòa bình và trật tự sang chế độ dân chủ thật sự” trong chương trình *Meet the Press*, nhưng không đưa ra thời gian dự kiến khởi đầu tiến trình này. Nhà ngoại giao kỳ cựu này có mối quan hệ cá nhân với Mubarak, một đồng minh hiếm hoi ở khu vực luôn bất ổn và là người giữ được hòa bình với Israel trong hơn 30 năm qua. Họ cũng lo ngại về thông điệp được gửi đến những nhà lãnh đạo khác trong khu vực nếu Mỹ từ bỏ đồng minh lâu năm của mình trong lúc khủng hoảng này. Điều quan trọng nhất, họ lo ngại về những người chưa lộ diện. Không thể biết được người kế nhiệm Mubarak sẽ là bằng hữu hay kẻ thù của nước Mỹ. Nhưng theo quan điểm của các thành viên Ủy ban An ninh Quốc gia, tất nhiên là có ý kiến của Tổng thống Obama, những nhận định đó không đủ sức thuyết phục trước một thực tế đơn giản là nước Mỹ không thể làm được gì để cứu Mubarak, và tốt hơn hết là Mỹ ủng hộ quan điểm tiến hành cách mạng càng sớm càng tốt.

Thay vì đứng sang một bên, Mubarak lại sa lầy vào khủng hoảng. Trong khi ông sẽ không tái tranh cử, theo những gì ông nói, thì ông lại vẫn có ý định nắm quyền lực cho đến cuộc bầu cử tiếp theo – chắc chắn là thời gian đủ dài để những người biểu tình lo ngại ông có thể gian lận kết quả bầu cử hoặc đơn giản là không thực hiện lời hứa xúc tiến cải cách dân chủ. Ông xem những đối thủ chính trị của mình là tội phạm và kẻ giết người, ra lệnh “các cơ quan kiểm soát và pháp luật phải tiến hành ngay mọi biện pháp để bắt giữ những ai bị mua chuộc và chịu trách nhiệm đối với những hành vi phá hoại, hôi của và đốt phá trên khắp Ai Cập.”

Trong Phòng Tình huống, Tổng thống Obama biết rằng thông điệp của Mubarak sẽ đổ thêm dầu vào lửa tinh thần cách mạng ở Cairo. Charles Rangel, Nghị sĩ huyền thoại bang New York, từng có câu nói nổi tiếng “Tôi sẽ luôn ở cạnh bạn chừng nào tôi còn có thể,” nghĩa là ông sẽ chung vai sát cánh với đồng minh đến thời điểm mà liên minh này tan rã về mặt chính trị. Obama và Mubarak đang ở đúng thời điểm như thế. Obama kêu gọi Tổng thống Ai Cập rút lui một cách êm thấm.

Ben Rhodes, cố vấn và người viết diễn văn cho tổng thống về các vấn đề ngoại giao, đã soạn thảo một tuyên bố đáp trả để Obama đọc ngay tại Nhà Trắng trong đêm đó. Cuộc họp của Ủy ban An ninh quốc gia [NSC] diễn ra đúng lúc Tổng thống Ai Cập phát biểu, vì thế tất cả những nhân vật chủ chốt đều đang tụ tập tại Nhà Trắng, và Rhodes đã phát bản dự thảo tuyên bố đó ngay tại chỗ, chuyển từ tiến trình thảo luận bình thường về việc định hình chính sách của Mỹ đối với một cường quốc khác sang một phiên họp đột xuất bất thường.

Kịch bản thứ nhất phản ánh quan điểm của Obama, kêu gọi Mubarak từ chức, nhưng phải làm sao để ông ta và các nước trên thế giới không cho rằng thông điệp này là sự rũ bỏ hoàn toàn đối với Tổng thống Ai Cập. Nhưng Hillary vẫn chưa đồng ý hoàn toàn với dự thảo ban đầu của cố vấn Rhodes. Cầm lấy bút, bà bắt đầu biên tập lại ý tứ của bài phát biểu. Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates và những thành viên khác của NSC cũng bắt đầu công việc chỉnh sửa văn bản.

“Loại bỏ Mubarak nghĩa là ủng hộ một người kế nhiệm chưa ai biết là ai. Tất cả mọi người đều biết Mubarak, nhưng chẳng ai biết được điều gì sẽ xảy ra sau Mubarak... Khi không biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo thì rất khó kêu gọi ai đó phải ra đi,” một cố vấn của Obama có mặt trong phòng nói. “Quan điểm của tổng thống là ‘không phải chúng ta kêu gọi Mubarak từ bỏ quyền lực, ông ta vẫn có thể ở lại cầm quyền.’ Đây đúng là điểm mấu chốt cần phân tích: ‘Người này đã mất quyền điều hành đất nước. Những gì ông ta đang cố làm để bảo vệ quyền lực của mình sẽ không hiệu quả, vì thế chúng ta cần phải chấp nhận thực tế này nhanh hơn.’”

Vị cố vấn này nói thêm, “Những người đang ngồi quanh bàn có một chút nghi ngại chuyện này đang đi quá xa.” Nguồn tin khác của Nhà Trắng cho biết thêm những người có mặt tại Phòng Tình huống đang “xoi mói” dự thảo bài phát biểu của Ben Rhodes. Obama ngồi sát với người viết diễn văn cho mình và đưa ra nhận xét gần giống với dự thảo ban đầu. Từ phòng Grand Foyer, Nhà Trắng, tổng thống sẽ phát biểu trước cộng đồng thế giới chứ không phải riêng cho khán giả Mỹ. Ông nói: “Điều rõ ràng – thông điệp mà tôi muốn gửi đến Tổng thống Mubarak trong tối nay – đó là tôi tin rằng một sự chuyển giao trật tự phải có ý nghĩa, phải diễn ra trong hòa bình và phải bắt đầu ngay bây giờ.”

Mười ngày sau, NSC họp lần thứ hai với thành phần và nội dung tương tự, vẫn những quan chức đó cùng theo dõi hình ảnh Tổng thống Mubarak trong Phòng Tình huống, sau đó cùng biên tập dự thảo của Rhodes cho bài phát biểu của tổng thống. Một lần nữa, tổng thống lại đưa ra những ý kiến sâu sắc hơn những trợ lý hàng đầu của mình. Nhưng cho dù Obama có quan điểm cấp tiến hơn so với các thành viên NSC, thì dường như ông vẫn đi sau thời gian. Mười ngày dường như là khoảng thời gian vô tận trong cuộc cách mạng diễn ra trong thời gian thực của Ai Cập, và thời điểm mấu chốt đã bị bỏ lỡ. Nước Mỹ, quốc gia dẫn đầu trong thế giới tự do, vẫn không biết phải nói điều gì – chứ chưa nói đến phải làm điều gì – trong thời điểm diễn ra sự chuyển đổi sang chế độ dân chủ tại một khu vực nằm trong sự kiểm soát của một số kẻ độc tài thân Mỹ.

Trong khi chẳng ai có thể dự đoán chính xác chuỗi sự kiện đang diễn ra ở Trung Đông và Bắc Phi khi Mùa xuân Ả-rập đã tìm được đường vào Ai Cập, thì bộ phận phụ trách chính sách đối ngoại của Mỹ do Hillary và các quan chức cùng chí hướng của Nhà Trắng và Lầu Năm góc điều phối lại có phản ứng rất chậm chạp. Trong con mắt của người ngoài, nước Mỹ ủng hộ quá trình cải cách dân chủ chỉ khi những cải cách đó không đe dọa thay thế những liên minh độc tài của Mỹ bằng những kẻ quá khích được bầu ra. Tất nhiên, mỗi quốc gia đều có vấn đề riêng của mình, mỗi quốc gia lại gọi tên các vấn đề phức tạp bằng các thuật ngữ chính trị rắc rối. Thật khó cho một cường quốc, với quy trình thảo luận nghị sự và chính trị dân chủ, phản ứng kịp với các cuộc cách mạng đang diễn ra từng ngày. Với Ai Cập, lại có những mâu thuẫn giữa việc thúc đẩy dân chủ, ủng hộ đồng minh lâu năm và ngăn chặn những phần tử quá khích đang nắm quyền kiểm soát đất nước và gây ra tình trạng tê liệt.

Theo lời một cố vấn thì Hillary “tỏ ra lo ngại đôi chút về các tình huống có thể xảy ra và nghĩ rằng, trong thập kỷ vừa qua chúng ta đã biết rằng ‘dân chủ kiểu nhiệt tình’ trong mọi trường hợp đều thái quá. Bà ấy biết Mubarak rất rõ. Bà ấy cũng biết một số nhân vật đối lập và có quen biết lực lượng quân đội, nên tất nhiên bà ấy rất lo lắng về viễn cảnh mọi thứ sẽ xảy ra như thế nào.”

Đây cũng chỉ là một yếu tố mang tính cá nhân. Mỗi quan hệ giữa hai gia đình Clinton và Mubarak bắt đầu từ tháng Tư năm 1993, khi Bill mời Tổng thống Ai Cập thăm Nhà Trắng. Tháng Ba năm 2009, Hillary nói: “Tôi xem Tổng thống Ai Cập và Phu nhân như những người bạn của gia đình tôi.”

Rốt cuộc, hai năm sau đó, mối lo lắng của Hillary về việc đánh đổi một nhà độc tài ôn hòa bằng một tổng thống của đảng Huynh đệ Hồi giáo được bầu theo phương thức dân chủ nhưng chưa được thử thách đã thành sự thật, khi Chính phủ mới lại phải chịu một cuộc cách mạng ngược lại, giống như tái diễn phong trào từng lật đổ Mubarak, như lời nhận xét của những trợ lý của cả Obama và Clinton.

Tất nhiên, trong tất cả những cố vấn của tổng thống, Hillary lẽ ra phải là người ít bị để ý nhất sau khúc cua của cách mạng Ai Cập năm 2011. Đã từ lâu, bà nhận ra những nhân tố đang nổi lên, chủ yếu là sức mạnh của công nghệ trong việc kích động những nhà hoạt động chính trị, ủng hộ sự thay đổi chính trị nhanh chóng và toàn diện. Bà biết rằng ý tưởng, tiền bạc và quyền lực có thể chuyển từ nơi này sang nơi khác trong khoảng thời gian đủ để đăng tải một video clip lên trang *Youtube* hoặc đột nhập một máy tính. Sau tất cả, chính Hillary Clinton đã từng phát biểu tại buổi chất vấn ở Nghị viện năm 2009 rằng “hứa hẹn và tai họa của thế kỷ XXI không thể bị ngăn chặn bằng biên giới quốc gia hoặc khoảng cách địa lý mệnh mông.” Bà đã công du đến khu vực này chỉ vài tuần trước để cảnh báo các nhà lãnh đạo Trung Đông và Bắc Phi rằng sự thay đổi đang diễn ra, dù họ muốn hay không.

Nhưng việc lật đổ một chính phủ dễ hơn rất nhiều so với việc tạo dựng một chính phủ mới. Các cuộc cách mạng hiện đại không có người lãnh đạo, và được thúc đẩy bằng liên lạc trực tuyến, có thể cho phép một quốc gia, vốn ít có người dày dạn trong quản trị, vẫn thành lập được một chính phủ ổn định. Khẩu hiệu được viết trên tường, nhưng nó không bao hàm các chỉ dẫn cho biết nước Mỹ có thể đóng một vai trò kiến tạo ra sao trong việc thúc đẩy cả nền dân chủ lẫn sự ổn định ở một khu vực mà quyền lợi Mỹ đã lệ thuộc quá lâu vào các nhà độc tài ôn hòa chuyên đàn áp chủ nghĩa cực đoan đang thịnh hành. Vì thế Hillary có thể nhìn thấy viễn cảnh, nhưng lại không thể hoặc ít nhất là chưa định hình được nó.

Trong tuần đầu tháng Một, khi Mùa xuân Ả-rập bắt đầu chuyển động, Hillary triệu tập Dan Schwerin, một nhân vật đi từ nhân viên báo chí trở thành người viết diễn văn trong nhóm Hillaryland, và Meghan Rooney, một người viết diễn thuyết khác, đến phòng làm việc riêng. Căn phòng nằm ở góc tòa nhà, kê một chiếc bàn, một chiếc sofa nhỏ và ba hoặc bốn cái ghế. Căn phòng nhỏ này nằm giữa phòng làm việc của Cheryl Mills và phòng tiếp khách lớn của Hillary.

Tuần sau, Hillary sẽ đến Doha, Qatar để dự cuộc họp thường niên của các nhà lãnh đạo Trung Đông, Diễn đàn vì Tương lai [Forum for the Future,] và bà có chỉ có năm phút – khoảng thời gian ngắn bất thường – để phát biểu tại đây. Bà nói với Schwerin và Rooney rằng mình sẽ tận dụng từng giây từng phút tại diễn đàn này. Bà nói, “Các ông biết đấy, chúng ta luôn đề cập đến khu vực Trung Đông, chúng ta luôn lặp lại những thông điệp đã cũ, chẳng có thay đổi đáng kể nào cả, và tôi sẽ không lặp lại điều này nữa. Họ đang ngồi trên thùng thuốc súng. Chẳng ai đề cập vấn đề này cả. Tìm một cái gì đó mới mẻ và thú vị để chúng ta có thể nói và đánh thức họ.”

Mặc dù kết quả vẫn chưa rõ ràng, nhưng những hạt mầm cho một cuộc cách mạng đã được gieo trồng ở Tunisia, nơi một người bán hàng đường phố tự thiêu nhằm phản đối những chính sách kinh tế hà khắc của Chính phủ. Hành động biểu tượng gây ghê tởm này đã châm ngòi cho làn sóng biểu tình, và cuối cùng dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Tunisia. Được bút phá khỏi quy cách truyền thống của diễn văn ngoại giao bởi thường thì người ta không khuyến khích bởi sự việc lên, Schwerin nhanh chóng tìm đến các chuyên gia của Bộ Ngoại giao và các trung tâm nghiên cứu ở Washington để tìm hiểu họ muốn nói gì về Trung Đông chứ không phải vì những nhạy cảm chính trị. Kết quả là sự kêu gọi tất yếu tới các nhà lãnh đạo Trung Đông hãy cải cách ngay xã hội của mình trước khi những người khác thực hiện thay đổi.

Hillary phát biểu tại Diễn đàn Doha, “Trong khi một số quốc gia đạt được những tiến bộ lớn trong quản trị đất nước, thì ở các quốc gia khác người dân đã quá mệt mỏi khi phải sống trong những thể chế mục nát và trật tự chính trị tù túng. Ở rất nhiều nơi, bằng rất nhiều cách, những thể chế không còn sức mạnh để trụ vững nữa... Những người bầu víu lấy thể chế cũ có thể hạn chế tác động toàn diện từ các vấn đề của quốc gia mình trong một khoảng thời gian nhất định, chứ không phải mãi mãi... Những phần tử quá khích, các tổ chức khủng bố và những nạn nhân

của sự đói nghèo và tuyệt vọng đang ở ngoài kia, cầu xin lòng trung thành và đấu tranh bày tỏ nguyện vọng. Vì thế đây chính là thời khắc then chốt, cũng là cuộc sát hạch quyền lãnh đạo cho tất cả chúng ta. Tôi ở đây để cam kết nước Mỹ sẽ ủng hộ bất kỳ ai đứng lên giải quyết các vấn đề mà chúng ta đang phải đối mặt.”

Những trợ lý của Hillary vẫn hay kể lại rằng các phóng viên lưu động của Bộ Ngoại giao say mê viết về bài phát biểu của bà. “Tại sao bà ấy không phát biểu như thế thường xuyên? Thật tuyệt vời,” một trợ lý của bà nhớ lại những gì mình được nghe. “Thật sự chúng tôi không nghĩ sẽ được nghe những lời phát biểu hay đến vậy. Một số cử tọa cảm thấy bị xúc phạm, nhưng đa số cảm thấy được truyền cảm hứng.”

Chính quyền Tunisia sụp đổ vào ngày hôm sau, điều này càng làm những lời cảnh báo của Hillary có giá trị thêm. Hai tuần sau đó, Ai Cập đứng trước nguy cơ tương tự. Ở khía cạnh trừu tượng, đây là một sự kiện làm người ta nghĩ đến một cuộc cách mạng truyền từ nước này sang nước khác và lan ra cả khu vực trong khoảng thời gian tính bằng tuần, chứ không phải bằng năm hay chục năm. Đây cũng là một sự kiện mà mọi người có thể theo dõi trực tiếp trên truyền hình. Nếu sự kiện Ai Cập chứng minh cho điều gì thì đó là Mỹ đã quá chậm chạp trong việc phản ứng trước các động lực chính trị mà nước này đã nhìn thấy từ cách đó hàng ngàn dặm. Dù Hillary đã nhận định rõ về những yếu tố dẫn đến cuộc cách mạng Mùa xuân Ả-rập, nhưng sự lưỡng lự trong việc lật đổ Mubarak của bà đã cho thấy sự lập lờ của chính quyền Obama.

Nhưng khi Mùa xuân Ả-rập lan từ Ai Cập sang Libya, Hillary đưa ra các khuyến cáo cho Mỹ và phần còn lại của phương Tây từ việc nắm bắt thời cơ đến điều khiển nó. Hơn bất kỳ giai đoạn nào trong nhiệm kỳ bộ trưởng bốn năm của mình, bà đã cho thấy những kỹ năng của một nhà chiến lược, một nhà ngoại giao và một nhà chính trị trong việc xây dựng một liên minh tham gia cuộc chiến chống Muammar Gaddafi – một liên minh trong đó các thành viên chia sẻ trách nhiệm. Không giống các cuộc chiến tranh liên minh trước đây, động lực để tiêu diệt Gaddafi không phải nhằm đặt tiền đề cho chiến dịch của Mỹ với sự tham gia ít ỏi của các quốc gia đồng minh. Chìa khóa nằm ở khả năng nhận định chính xác tình hình của Hillary, nhờ đó làm hài lòng Tổng thống Mỹ, đồng minh phương Tây của Mỹ, Liên đoàn Ả-rập và bộ máy quản lý nhà nước của lực lượng mới nổi dậy ở Libya, trong khi vẫn giành được sự ủng hộ ngầm của các nhóm đối lập ban đầu, chẳng hạn như Nga hay Nghị viện Mỹ. Nhiệm vụ này yêu cầu Hillary phải cân bằng lợi ích của các bên tham gia ở cả trong nước Mỹ và trên thế giới.

Đó cũng là những kỹ năng – mặc dù được áp dụng ở phạm vi lớn hơn và với những hậu quả nghiêm trọng hơn nếu thất bại – giống như kỹ năng xây dựng một liên minh bao gồm các nhà lập pháp, các lực lượng liên quan bên ngoài và cử tri để ủng hộ một dự luật tại Nghị viện. Tất nhiên đó còn là sự thông minh của gia đình Clinton để tạo ra một thỏa thuận mà tất cả các bên đều có thể chấp thuận để tiến tới một ý tưởng vốn bị đặt dấu hỏi nhưng được nhà Clinton ủng hộ. Cuộc đấu tranh giải phóng Libya, dù thế nào đi nữa, cũng là cuộc chiến của Hillary.

Ngày 15 tháng Hai, chỉ vài ngày sau khi Mubarak phải từ bỏ quyền lực, những người biểu tình đã đổ ra các đường phố ở Libya, kéo theo các vụ đụng độ bạo lực trong vài ngày sau đó giữa lực lượng quân đội của Gaddafi và lực lượng chiến binh nổi dậy. Trong khi Gaddafi tấn công quyết liệt vào những người biểu tình thì lực lượng nổi dậy nhanh chóng nắm quyền kiểm soát một số thành phố ở miền đông đất nước. Khi kêu gọi các quan chức chính phủ Libya phản đối hành động của Gaddafi, Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy kêu gọi Liên Hợp Quốc áp đặt khu vực cấm bay tại Thủ đô Tripoli ở miền tây, để Gaddafi không thể dễ dàng điều động quân đội và khí tài tới khu vực miền đông nơi lực lượng nổi dậy đang chiếm đóng, cũng như cho không kích vào người dân Libya. Các chuyên gia quan hệ quốc tế đã dự đoán nhiều động cơ của Sarkozy: sự lo lắng đầy tính vị tha đối với người dân Libya; sự cần thiết thể hiện sức mạnh trước cuộc bầu cử ở Pháp; mong muốn chuộc lỗi vì đã ủng hộ những kẻ chuyên quyền ở Ai Cập và Tunisia quá lâu, cùng lo ngại cho lợi ích của gã khổng lồ dầu mỏ Total của Pháp. Cho dù động cơ là gì đi nữa, ông ta vẫn là người đầu tiên công khai thể hiện quan điểm của mình; Thủ tướng Anh David Cameron, từng bị chỉ trích vì đã phản ứng chậm trễ với Mùa xuân Ả-rập ở các nước Bắc Phi, đã nhanh chóng ủng hộ ý tưởng vùng cấm bay của Sarkozy.

Ở Mỹ, một cuộc canh cãi gay gắt kéo dài khoảng hai đến ba tuần giữa một nhóm nhỏ trợ lý của Obama kiên quyết ngăn chặn Gaddafi tàn sát dân thường và một nhóm, vì nhiều lý do, phản đối kịch liệt việc Mỹ triển khai quân sự ở Libya. Đến thời điểm đó, vấn đề chưa lên đến mức cần tổng thống quan tâm, ít nhất là về quy trình. Nhóm thứ nhất, sau đó đã đứng cùng Hillary như những tiểu thần Valkyries đứng cạnh Odin – những nữ chiến binh xứ Norse – bao gồm Đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc Susan Rice và thành viên Ủy ban An ninh Quốc gia Samantha Power. Nhưng cũng có những tiếng nói thiểu số lại tranh cãi về một sự can thiệp quân sự. Ben Rhodes và Tony Blinken, cố vấn an ninh quốc gia cho phó tổng thống, đã gia nhập nhóm này để tránh một viễn cảnh mà Mỹ không thể đứng ngoài và chứng kiến một vụ thảm sát diệt chủng như ở Rwanda trong thập kỷ 1990.

Nhóm thứ hai, xét về tương quan lực lượng thì mạnh mẽ và đông đảo hơn nhiều, gồm Phó Tổng thống Biden, Bộ trưởng Quốc phòng Gates, Chánh Văn phòng Nhà Trắng Bill Daley và Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Martin Dempsey. Họ nói với những cố vấn Nhà Trắng rằng họ hoài nghi về việc liệu Mỹ có những lợi ích an ninh quốc gia chính đáng ở Libya hay không. Họ biết rằng dàn trải lực lượng quân sự sẽ khiến sức mạnh suy yếu, và lo ngại về nguy cơ khơi mào chiến tranh ở một nước Hồi giáo thứ ba trong khi hầu hết cộng đồng Hồi giáo còn chưa phân biệt được cuộc chiến chống khủng bố với cuộc chiến chống Hồi giáo của Mỹ. Điều này gây ra tâm lý lo lắng bao trùm khi Pháp và Anh lôi kéo Mỹ vào một hành động quân sự mà cuối cùng Mỹ phải bỏ tiền và đích thân tiến hành. Một quan chức Nhà Trắng có mặt trong phòng hội thảo nói, “Một trong những luận chứng chủ yếu phản đối việc can thiệp quân sự là chúng ta sẽ phải đơn độc tiến hành các hoạt động đó. Một khi chúng ta triển khai quân đội, thì chúng ta phải chịu trách nhiệm.”

Hillary đang chơi con bài của mình một cách thận trọng, nhưng cũng đã bắt đầu ngả sang ủng hộ can thiệp quân sự. Năm 1994, bà thúc giục Bill Clinton ngăn chặn vụ diệt chủng ở Rwanda nhưng không hiệu quả, những cuộc tranh luận giữa Power, Rice, Blinken và Rhodes dường như đã ảnh hưởng đến suy nghĩ của bà. Hillary chia sẻ quan điểm của họ nhưng vẫn lo ngại những ý tưởng về can thiệp đang đặt trên bàn hãy còn quá yếu. Khu vực cấm bay không đủ mạnh để ngăn chặn Gaddafi.

Theo lời của Jim Steinberg, người tham gia các cuộc họp về an ninh quốc gia, “Bà hiểu cái động lực của việc phải làm điều gì đó. Bà nhận ra rằng những hành xử kiểu đó là thứ tồi tệ nhất trên thế giới. Hành xử phù phiếm cho thấy như thể người ta đang làm điều gì đó, nhưng thực tế lại chẳng tạo ra sự khác biệt nào cả. Phần lớn những gì được đề cập trong các buổi thảo luận trước đó về can thiệp quân sự là những gì chúng ta đã thấy ở Balkan và chẳng có sự khác biệt nào cả – vẫn chỉ là khu vực cấm bay, nhà trú ẩn an toàn và những điều đại loại như vậy. Những thứ như thế sẽ không thể thay đổi tình hình. Tôi nghĩ quan điểm của bà là ‘nếu chúng ta can thiệp quân sự thì chúng ta phải làm theo cách hiệu quả và xác tín.’”

Obama không được thông báo chính thức về các lựa chọn cho đến khi ông phải đưa ra quyết định liệu có nên và can thiệp quân sự và nếu có thì can thiệp như thế nào. Các ý tưởng của ông trùng với quan điểm của Hillary, hoặc ngược lại – theo nhận định của các quan chức chính phủ cấp cao.

Khi ở Washington các cuộc tranh luận gay gắt hơn, thì ở Libya cuộc chiến cũng trở nên ác liệt. Đầu tháng Ba, Gaddafi bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động quân sự, và chỉ vài tuần sau khi cuộc giao tranh nổ ra, quân của ông ta đã giành lại các thành phố mà phiến quân chiếm đóng. Đã có những báo cáo về các cuộc không kích của máy bay quân đội Gaddafi ở khu vực Brega. Xe tăng được triển khai về hướng đông dọc quốc lộ ven biển nhằm tiêu diệt các căn cứ của quân nổi dậy ở Benghazi. Một quan chức cao cấp trong Chính phủ của Gaddafi cho biết, “chúng tôi bị áp lực về thời gian và phải di chuyển bằng xe tăng vượt qua sa mạc, tiến vào cửa ngõ Benghazi.”

Ngày 12 tháng Ba, khi 21 thành viên của Liên đoàn Ả-rập họp tại Cairo, Gaddafi đang trên đà tiêu diệt hầu hết lực lượng nổi dậy. Một vài lãnh đạo thế giới và các nhà hoạt động nhân quyền tin rằng một cuộc thảm sát hàng chục, thậm chí hàng trăm nghìn người Libya là không tránh

khởi. Sau một cuộc họp kín kéo dài sáu giờ hôm thứ bảy, Amr Moussa, Tổng Thư ký Liên đoàn Ả-rập thông báo rằng các nước Ả-rập ủng hộ vùng cấm bay. Các nước Ả-rập, vốn được cho là một khối phản đối mạnh mẽ sự can thiệp bên ngoài, lại đã bật đèn xanh cho các thể lực phương Tây ngăn chặn Gaddafi. Cũng giống Mỹ, họ cũng cân nhắc thiệt hơn nếu đứng ngoài trong khi Gaddafi thảm sát người dân Libya, cũng là người Ả-rập. Rốt cuộc, họ vẫn ủng hộ lực lượng nổi dậy thay vì Gaddafi, vì ông này thường xuyên nhúng mũi vào chuyện nội bộ của các nước Ả-rập láng giềng trong suốt 40 năm nắm quyền.

Quyết tâm của các nước Ả-rập trong việc bảo vệ lực lượng nổi dậy trước các cuộc tấn công của Gaddafi đã mang lại cho Hillary bước khởi đầu bà đang cần nhằm thúc đẩy can thiệp quân sự mạnh mẽ hơn, chứ không chỉ là biện pháp của Anh và Pháp nhằm thiết lập một vùng cấm bay không rõ ràng. Bà cho rằng biện pháp này là sai lầm, bởi vì nó khiến các nước phương Tây tưởng thế là đã tiến hành các hoạt động quân sự, nhưng thật ra vẫn không đủ để ngăn chặn Gaddafi. Hơn nữa, vùng cấm bay cũng không hỗ trợ được cho lực lượng phiến quân lật đổ Gaddafi. Vùng cấm bay chỉ có nghĩa là liên quân có thể bắn hạ máy bay của quân đội Gaddafi khi nó bay vào, nhưng đến giữa tháng Ba thì yêu cầu đặt ra là phải ngăn được đoàn xe tăng của Gaddafi.

Hillary nói với các trợ lý rằng bà tin Libya là cơ hội duy nhất cho Mỹ đề cao vai trò lãnh đạo thế giới mới dựa trên việc tạo dựng các quan hệ đối tác, trong đó bao hàm sức mạnh tổng hợp quân sự và tài lực của nhiều nước khác. Các liên minh Potemkin đã lấy đi xương máu, tiền và danh tiếng của Mỹ trên thế giới, và Obama vẫn chưa sẵn sàng cam kết Mỹ sẽ đứng mũi chịu sào cho một cuộc chiến nữa. Chiến lược của Hillary lồng ghép ý tưởng của Rice, Power, Blinken và Rhodes, cũng như giải quyết được những e ngại của Gates, Biden và Daley để triển khai lực lượng lính thủy đánh bộ ở Tripoli, một đồn mạnh hơn hẳn vùng cấm bay.

Libya là thử thách đặc biệt để kiểm tra các lý thuyết về quyền lực thông minh, chủ nghĩa đa phương và thúc đẩy nền dân chủ, những điều tạo thành triết lý của Hillary về vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Là một quốc gia giàu tài nguyên, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt, với dân số có học thức cao và không bị đàn áp như dưới chế độ Gaddafi, Mỹ được đặt vào vị trí thúc đẩy xây dựng các thể chế kinh tế, chính trị và dân chủ – những giá trị mà Hillary tin là cốt lõi của các nền dân chủ thịnh vượng. Chỉ cần một chút hỗ trợ bên ngoài, người dân Libya sẽ có đủ phương tiện để xây dựng một xã hội dân chủ toàn diện cho mình. Bên cạnh đó, không có một nguyên nhân chính đáng nào khác để can thiệp nhằm ngăn chặn cuộc thảm sát này. Hay nói cách khác, những điều kiện cho một cuộc can thiệp quân sự do Mỹ hậu thuẫn đã chín muồi.

Vào một vài thời điểm khác, liên minh Những người bạn của Libya đang thảo luận cách thức can thiệp, không cần các cam kết từ phía Mỹ, đó là một kế hoạch hỗ trợ “rất quyết tâm” – như một trợ lý của Hillary nhận định. Khi bay sang Paris ngày 14 tháng Ba dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao G8, nhóm các nước quyền lực giàu có nhất thế giới, Hillary muốn tìm thêm cơ sở để thuyết phục Obama ủng hộ cuộc chiến này, đó là sự đảm bảo của các nước châu Âu rằng họ sẽ tham gia lãnh đạo cuộc tấn công quân sự, các nước Ả-rập sẽ tham gia đảm bảo vùng cấm bay, làm sao để cuộc chiến này không bị nhìn nhận là phương Tây tấn công một quốc gia Hồi giáo, và để Chính phủ phe đối lập ở Libya, hay Hội đồng Chuyển tiếp Quốc gia Libya (TNC: Transitional National Council), có thể xây dựng một đất nước Libya dân chủ. Mỹ vẫn chưa chính thức công nhận TNC, dấu hiệu quan trọng cho thấy Washington còn nghi ngại tổ chức này.

Ngày đầu tiên ở Paris, Hillary đã họp với Sheikh Abdullah bin Zayed al-Nahyan, Ngoại trưởng các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE: United Arab Emirates) và ông Abdullah, người đứng đầu Ủy ban Hợp tác Vùng Vịnh (GCC: Gulf Cooperation Council), tại phòng khách của mình tầng trên cùng khách sạn Westin, chỉ cách bút tháp Cleopatra 3000 năm tuổi có vài tòa nhà. Abdullah cũng bay từ Trung Đông đến Paris để dự hội nghị này. Ghế dài trong phòng khách rất êm và mềm, nhưng giọng nói của Abdullah không hề nhẹ nhàng chút nào. Khi tiếp xúc với ngoại trưởng Mỹ, ông ta muốn tận dụng triệt để thời cơ này, vì biết Mỹ cũng muốn tham khảo ý kiến đồng minh.

Ông ta đã lớn tiếng với Hillary về những gì được chứng kiến khi Mỹ can thiệp vào Bahrain, một quốc gia Vùng Vịnh, khi ông làm đại diện ở đó. Trước đây, trong một tuyên bố về việc Chính phủ Bahrain trấn áp người biểu tình, Thư ký báo chí Mỹ Jay Carney đã chỉ trích GCC, “Đặc biệt, chúng tôi kêu gọi các đối tác GCC thể hiện sự kiềm chế và tôn trọng quyền con người ở Bahrain và ủng hộ đối thoại thay vì phá hoại nó.”

Còn lúc này, Hillary lại đang đưa ra yêu cầu với người đứng đầu chính tổ chức mà Nhà Trắng từng cấm tham gia một liên minh can thiệp quân sự ở Libya.

Không khí trong phòng không thoải mái lắm. Abdullah “không ngại vì sự chỉ trích công khai của chúng tôi về một số vấn đề Bahrain,” theo lời một nhân viên Mỹ có mặt ở đó. Nhưng điều quan trọng mà Abdullah đạt được là ông ta có thể khoe với các quan chức Bahrain và Ả-rập Xê-út, một đồng minh khác, rằng ông ta đã cho Hillary Clinton một bài học. (Thực tế là trong những tuần đầu căng thẳng của chiến dịch Libya, Mỹ đã giảm nhẹ giọng điệu chỉ trích Bahrain và GCC).

Phản thảo luận về vấn đề Libya có vẻ đồng thuận hơn. Abdullah khẳng định với Hillary rằng các nước Vùng Vịnh, gồm cả UAE, sẽ hỗ trợ chứ không nói suông cho chiến dịch này. Máy bay của các nước Ả-rập sẽ cất cánh. Nhưng đây không phải chiến dịch một chiều. UAE và các nước Vùng Vịnh khác cần biết chắc rằng Mỹ sẽ không “lời nói gió bay.” Phải nói gì với Gaddafi là một vấn đề, vấn đề thứ hai là hạ bệ ông ta. Nếu máy bay cất cánh – và GCC đại diện cho các quốc gia Ả-rập giàu có ủng hộ tiền và máy bay – Abdullah muốn biết rõ là Mỹ đã sẵn sàng tiêu diệt nhà lãnh đạo độc tài đó hay chưa.

Nếu Abdullah tìm kiếm một kẻ hiệu chiến, thì ông ta đã tìm đúng người. Trong khi các nước phương Tây mắc kẹt với vấn đề vùng cấm bay, Hillary nghĩ đến một chiến dịch quân sự toàn diện gồm cả tấn công vào bộ binh của Gaddafi – một chiến dịch nhanh gọn nhất để tạo lá chắn cho lực lượng nổi dậy xoay chuyển tình thế.

Như nghệ thuật dùng từ ở Liên Hợp Quốc, “bằng tất cả biện pháp có thể,” nghĩa là sẽ có một tờ séc khổng lồ để tiến hành chiến tranh. Cũng theo một nhân viên có mặt tại cuộc gặp giữa Hillary và Abdullah, “Điều các nước Ả-rập cần là sự đi đầu của Mỹ trong việc tuyên bố công khai rằng Gaddafi đã mất đi quyền lực hợp pháp. Ở khía cạnh này, Abdullah đã được bảo đảm bằng những gì mà ngoại trưởng Mỹ đề xuất và chủ nghĩa hành động nơi bà.”

Tối hôm sau, cũng tại căn phòng đó, Hillary có cuộc gặp với Mah-moud Jibril, người đứng đầu TNC. Thứ trưởng Ngoại giao Bill Burns, Đại sứ Mỹ tại Libya Gene Cretz, và Chris Stevens chuyên gia đối ngoại về vấn đề Libya đã tham gia nhóm cố vấn của Hillary.

Jibril, một người Benghazi ít tiếng tăm, tiến sĩ khoa học chính trị của Đại học Pittsburgh, từ trung tâm TNC ở Qatar đã bí mật đến Paris để gặp Hillary. Bốc đồng nhưng vẫn giữ được vẻ điềm tĩnh và sáng suốt, Jibril nói với Hillary rằng nếu lực lượng đối lập không nhận được hỗ trợ quân sự, quân đội của Gaddafi sẽ trút giận lên Benghazi và có thể tàn diệt lực lượng nổi dậy. Điều đó không mang lại lợi ích cho bất kỳ ai. Gaddafi gọi lực lượng phản quân là “lũ chuột,” và lời đe dọa tiêu diệt lũ chuột này sắp thành sự thật. Jibril gợi cho Hillary nhớ “ký ức đau lòng” về tội ác của Gaddafi với người dân Libya và rằng “ông ta sẽ luôn thực hiện lời nói của mình.”

Nhưng Hillary muốn chắc chắn rằng Mỹ không bị lôi kéo vào cuộc cách mạng lật đổ Gaddafi thông qua hỗn loạn, hay tạo lập một chính phủ không tôn trọng quyền lợi của nhóm người tay không tấc sắt. Bà chuyển lại bóng, buộc Jibril phải trình bày cụ thể quan điểm về một xã hội Libya mới, quan điểm mà bà sẽ phải thông báo tới những người theo chủ nghĩa hoài nghi ở Washington và bất cứ nơi nào khác nhằm có được sự ủng hộ trong việc can thiệp quân sự của Mỹ.

Một người có mặt trong cuộc họp kể, “Một phần thách thức là buộc Jibril và những người khác phải thể hiện rõ quan điểm về những giá trị mà họ theo đuổi, đó là một trong những điều mà Hillary ép Jibril nói ra. Bà ấy nói họ cần phải rõ ràng và kiên định trước công chúng về những gì họ ủng hộ, cũng như quan điểm của họ về một đất nước Libya thời hậu Gaddafi, một

điểm rất quan trọng để họ có thể tiếp cận toàn thể người dân Libya.” Hillary nói với Jibril rằng, những yêu cầu của ông ta sẽ được xem xét cẩn thận, nhưng không cam kết giúp đỡ.

Sau này, Jibril tiết lộ với những cộng sự của mình rằng, thái độ cứng rắn của Hillary khiến ông có cảm giác mình đã đánh mất cơ hội. Nhưng thật ra ông ta không hề mất cơ hội. Một quan chức TNC tham gia cuộc họp cho biết, “Tôi nhớ là Hillary đã rất ấn tượng về việc các nhóm đối lập đã đoàn kết với nhau. Sau đó bà ấy đã tận dụng thực tế này ở Washington và với những đối tác khác để thuyết phục họ ủng hộ; những nhà lãnh đạo đối lập đã được chỉ dẫn đúng đường mặc dù họ vẫn cần thêm rất nhiều hỗ trợ. Bà ấy chẳng phải thuyết phục họ nhiều, mà chỉ bằng tuyên bố ‘chúng tôi đã có một kế hoạch chủ động cho cuộc can thiệp quân sự này.’”

Tại cuộc họp bên lề với những người đồng cấp của Anh, Pháp, Đức trong các cuộc điện đàm cuối tuần đó, Hillary đã nhấn mạnh cần can thiệp quân sự mạnh mẽ. Steinberg nói, “Điều mà bà ấy muốn biết là liệu các nước khác có sẵn sàng tiến hành những biện pháp mạnh mẽ và hiệu quả để chứng tỏ nỗ lực của họ không uổng phí hay không – ngoài việc thiết lập một vùng cấm bay, áp dụng các biện pháp quân sự mạnh tay để bảo vệ người dân Libya đang bị Gaddafi đe dọa.”

Hillary đã khiến các nước châu Âu thấy lạc quan về triển vọng Mỹ nhận được sự ủng hộ cho một nghị quyết Liên Hợp Quốc, rộng hơn nghị quyết vùng cấm bay mà Anh và Pháp đang theo đuổi. Nếu Mỹ đưa ra giải pháp cho vấn đề này theo cách thức ngoại giao, thì Anh và Pháp sẽ thuận theo. Đức vẫn ngập ngừng chưa tham gia. Nhưng Hillary đã xây dựng một liên minh quân sự quốc tế đặc biệt, và nếu mọi thứ diễn ra đúng kế hoạch, đó sẽ là một liên minh đối tác hỗ trợ xây dựng một Chính phủ Libya mới và ổn định. Liên minh này bao gồm sự tham gia mạnh mẽ của các quốc gia khác sẽ cùng đứng mũi chịu sào trong cả hành động lẫn cam kết đóng góp chi phí nhằm lật đổ Gaddafi, từ máy bay đến vũ khí đạn dược. Liên Hợp Quốc sẽ ủng hộ hành động liên minh, kêu gọi cả thế giới cùng tham gia, chứ không chỉ đồng ý giao cho phương Tây và các nước Vùng Vịnh một cái rìu để chặt đứt Gaddafi.

Một quan chức Mỹ ít liên quan đến chính trị gọi mô hình mới này là “lãnh đạo từ phía sau,” một cụm từ sẽ luôn ám ảnh Obama. Nhưng nó cho phép Mỹ định hình tương lai Libya – ủng hộ phong trào dân chủ đang lớn mạnh lên, mà không mang tiếng công khai là cuộc tấn công một quốc gia Hồi giáo, cũng như không cần trưng cầu ý kiến ủng hộ của Nghị viện và người dân Mỹ về khoản chi phí khổng lồ cho việc đưa lính Mỹ vào vùng nguy hiểm. Mô hình này không chỉ cần sự ủng hộ mà Hillary nhận được từ các nước Vùng Vịnh giàu có đã được Abdullah khẳng định, mà còn cần sự hỗ trợ của cả Liên đoàn Ả-rập, trải dài từ khu vực Trung Đông, Bắc Phi, phía đông Vùng Vịnh, đến bờ biển Đại Tây Dương của Mauritania. Sau các cuộc gặp Abdullah và Jibril, khi Hillary bay đến Cairo để gặp các nhà lãnh đạo của Chính phủ Libya mới thời hậu Mubarak, thì các cuộc thảo luận trực tiếp với Amr Moussa, ứng viên tổng thống và Tổng Thư ký Liên đoàn Ả-rập, đã không còn căng thẳng và mang tính thúc ép nữa.

Moussa đảm bảo với Hillary rằng Liên đoàn Ả-rập sẽ ủng hộ vùng cấm bay, nhưng Hillary cần nhiều hơn thế. Bà trình bày cụ thể với Moussa về kế hoạch can thiệp quân sự chi tiết hơn mà bà đang theo đuổi. Một trợ lý cho biết, “Bà ấy rất thẳng thắn với ông ta. Bà ấy nói: ‘Ông đang kêu gọi thiết lập một vùng cấm bay, ông kêu gọi chúng tôi tham gia; đó là những gì mà chúng ta đang bàn để thực hiện và tốt hơn hết là ông phải trực tiếp tham gia. Liên minh giữa chúng ta đang được hình thành.’”

Tối hôm đó, bà gọi điện tới Phòng Tình huống – lúc đó vẫn là buổi chiều ở Washington – để thông báo cho Obama và Ủy ban An ninh Quốc gia về những gì bà biết. Máy bay của phương Tây và các nước Ả-rập sẽ xuất hiện trên bầu trời của Libya; Anh và Pháp sẽ tham gia nếu Mỹ thúc đẩy tại Liên Hợp Quốc việc thông qua một nghị quyết mạnh mẽ hơn về vùng cấm bay và Liên đoàn Ả-rập cũng đã đồng ý ủng hộ.

Tham gia cuộc họp tại Nhà Trắng qua kết nối video trực tuyến từ New York, Susan Rice đã sẵn sàng phác thảo một nghị quyết về “tất cả những biện pháp cần thiết” để Liên Hợp Quốc có thể cơ bản đồng ý cho NATO đập tan chế độ Gaddafi bằng không quân và bao vây bờ biển bằng

hải quân. Trong khi NATO không cần nghị quyết của Liên Hợp Quốc để tiến hành cuộc chiến với Gaddafi, chính quyền Mỹ lại cân nhắc về một lực lượng mang tính quốc tế bao gồm các nước Ả-rập, một yếu tố quan trọng trong việc mang lại tính chính nghĩa cho một cuộc tấn công tại thế giới Ả-rập. Sau này, Moussa công khai phản nài việc ông ta không có ý định bật đèn xanh cho một cuộc không kích toàn diện vào Libya, nhưng ông ta đã mau chóng rút lui khỏi những tranh cãi xung quanh vấn đề này.

Báo cáo của Hillary đề cập cả mong muốn tham gia của những nước khác và những nghi ngại về sự mở rộng hoạt động quân sự và quan điểm của Mỹ về cuộc chiến ở một nước Hồi giáo. Đó không phải là giải pháp hoàn hảo, và cũng không đủ thuyết phục để Gates và Lầu Năm góc đồng ý, nhưng đã cung cấp cho tổng thống những thông tin mà ông cần để thực hiện bước đi tiếp theo. Với những thông tin riêng của mình cùng bản báo cáo của Hillary, Rice tin rằng bà ta có thể thúc đẩy cụm từ “tất cả những biện pháp cần thiết” được thông qua tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Cuộc tranh luận diễn ra không cần quyết định của người đứng đầu Chính phủ, nhưng Obama đã có đủ lý do để tự tin tham gia tranh luận về khía cạnh đạo đức trong việc đưa quân đội tham gia cuộc chiến mới, cũng như khả năng Mỹ rút lui với những rủi ro và tổn thất thấp nhất.

Tại cuộc họp thứ hai, Hillary không tham dự vì lúc đó là nửa đêm ở Cairo và mọi người đều hiểu rằng bà đang thúc đẩy biện pháp quân sự cứng rắn. Obama chỉ đạo Rice giành được sự đồng ý của Hội đồng Bảo an với tuyên bố chấp thuận “tất cả những biện pháp cần thiết.” Nghị quyết sẽ được tiết lộ cho giới báo chí như là về vùng cấm bay, nhưng với ý nghĩa rằng thế giới sẽ ngăn chặn chế độ Gaddafi bằng mọi biện pháp có thể mà không cần chiếm đóng Libya. Quan điểm của Obama là bộ binh Mỹ sẽ không tham chiến.

Các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an đều phản đối nghị quyết về chiến tranh. Nga muốn kêu gọi ngừng bắn. Để tránh gây mất lòng Nga, Rice đã cẩn trọng nói rằng không có điều gì đi ngược nghị quyết của người Nga, nhưng một nghị quyết như thế sẽ chẳng dẫn đến đâu cả. Bà nói, “Tôi nghĩ hầu hết các thành viên của Hội đồng tập trung vào tầm quan trọng của việc Hội đồng hành động nhanh gọn và thiết thực nhằm ngăn chặn tình trạng giết chóc đang diễn ra.”

Ngày hôm sau, khi Rice đang tiếp tục công việc của mình để có được sự ủng hộ của Hội đồng Bảo an ở New York, thì tại Tunisia, Hillary thẳng thắn thảo luận về hy vọng nước Mỹ sẽ làm nhiều hơn là việc bảo vệ dân thường và lực lượng nổi dậy. Bà phát biểu tại cuộc phỏng vấn của đài truyền hình Nessma như sau: “Chúng tôi chắc chắn muốn chứng kiến một nền dân chủ tại Libya. Và đồng thời, chúng tôi biết rằng nếu Hội đồng Bảo an không cho phép thực hiện biện pháp mạnh mẽ hơn thì lực lượng nổi dậy sẽ vấp phải vô số khó khăn.”

Sau khi rời sân khấu, bà đi ngay vào phòng nghỉ, nơi Jake Sullivan nối máy để bà nói chuyện thân mật với Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov ở đầu bên kia. Hai năm sau khi khởi động lại mối quan hệ vào năm 2009, Hillary và Lavrov đã xây dựng một mối quan hệ công việc gần gũi, một phần là để tiến hành các đàm phán về Hiệp ước START mới. Đó là nhận định của một nhân viên thường xuyên theo dõi phản ứng của hai ngoại trưởng. Hillary không cần Lavrov và Nga bỏ phiếu ủng hộ nghị quyết của Hội đồng Bảo an, vì điều này đã được Pháp bảo trợ. Bà chỉ cần Nga không bỏ phiếu. Bà yêu cầu Lavrov bỏ phiếu trắng và ông ta đã đồng ý. Hillary gọi một cú điện thoại nữa đến Bồ Đào Nha để xác nhận đã được một phiếu đồng ý, rồi chuẩn bị ra sân bay.

Ngay khi Hillary đáp máy bay trở về Washington, các phóng viên đã vây quanh Sullivan bằng hàng loạt câu hỏi về việc tại sao Mỹ không ngăn cản Gaddafi đánh phá Benghazi. Khi Hillary đang bay trên bầu trời Đại Tây Dương, thì có tin Hội đồng Bảo an đã bỏ phiếu 10/0 ủng hộ nghị quyết “tất cả những biện pháp cần thiết.” Trung Quốc, Brazil, Đức và Ấn Độ bỏ phiếu trắng. Nga cũng thế. Xây dựng liên minh là nỗ lực tập thể – Obama và Rice đang vận động hành lang quyết liệt để các nước bỏ phiếu thuận – nhưng chính Hillary là người chuẩn bị tất cả mọi thứ để lắp những mảnh ghép lại với nhau.

Vào thứ Sáu, Obama thông báo với một nhóm nhỏ có liên quan trong Nghị viện về các kế

hoạch sử dụng tên lửa và khả năng tình báo của Mỹ – được xem như là “cửa để dành” – nhằm hỗ trợ cho hoạt động quân sự. Chưa đầy 36 giờ sau, các tàu chiến của Anh và Mỹ đã phóng hàng loạt tên lửa Tomahawk vào lực lượng của Gaddafi.

Sau hai năm làm ngoại trưởng, công du khắp thế giới và điều hành thủ phủ chính trị của mình ở Washington, Hillary đã trở thành một nhân vật quan trọng hơn bao giờ hết trong hàng ngũ của tổng thống. Bà đã lấp những miếng ghép cần thiết để thuyết phục Obama can thiệp vào Libya. Chính sách ngoại giao quốc tế của bà đã tạo dựng được niềm tin rằng Mỹ có thể lãnh đạo cuộc can thiệp quân sự, thay mặt cho lực lượng nổi dậy, mà không hành động một cách biệt lập với liên minh NATO hay thế giới Ả-rập. Về vấn đề sử dụng lực lượng quân đội Mỹ, bà đã tách khỏi Gates, người đứng đầu Lầu Năm Góc mà bà gắn bó từ đầu nhiệm kỳ.

Hillary đã trở thành nhân vật quan trọng ở Washington và Paris để tạo ra một cuộc chiến tranh – hứa hẹn, tai họa, và tất cả.

11. Dưới đường môn nước

Leon Panetta có một bí mật. Đó là thời gian vị giám đốc CIA này hướng dẫn Hillary làm quen với tình hình. Tại cuộc họp trong Phòng Tình huống ở Nhà Trắng, ông nói với Hillary là muốn nói chuyện riêng với bà. Vì thế, ngày 7 tháng Ba năm 2001, Panetta đã đến Bộ Ngoại giao thăm Hillary để thông báo về một chiến dịch sẽ rất nhạy cảm và nhiều áp lực, đến nỗi bà vẫn không thoải mái ngay cả khi kể lại với chồng. Panetta biết Hillary từ rất lâu khi ông còn là chánh văn phòng của Tổng thống Bill Clinton nhiệm kỳ đầu, khi ông ta cố gắng kéo bà ra khỏi những quyết định được đưa ra ở khu West Wing. Trong Phòng Tình huống, họ thể hiện đúng tính cách của mình, vì họ thường hành động như người trong cùng một nhà, có thể chảnh chọe với nhau theo cách không giống ai.

Mối quan hệ thân thiết đó đã tác động nhiều đến Panetta khi hai nhân vật chính trị kỳ cựu ngồi trên hai chiếc ghế bành có hình đại bàng tại phòng ăn ấm cúng của Tổng thống James Madison⁽⁴⁴⁾ nằm ở tầng trên cùng của Bộ Ngoại giao. Trong phòng có một bức tượng bán thân bằng đá cẩm thạch của Daniel Webster⁽⁴⁵⁾ trị giá 70 nghìn đô-la. Trong lúc ăn trưa, Panetta nói với Hillary rằng các nhân viên tình báo đã xác định được nơi trú ẩn của Osama bin Laden tại một khu nhà ở Abbottabad, Pakistan. Tổng thống đã được thông báo tin này và chỉ một vài quan chức quân đội và tình báo cấp cao mới được biết. Panetta thông báo cho Hillary vì ông cần bà lên kế hoạch hành động. Vẫn có ý kiến nghi ngại ở cả Nhà Trắng và Lầu Năm Góc – và CIA không thể chắc chắn rằng Bin Laden ở trong khu nhà đó.

Nhưng Panetta tin cơ hội này là có thật, và ông cần một người ủng hộ mạnh mẽ rằng đây là thời điểm tấn công. Một nhân viên tình báo cấp cao nói, “Mọi chuyện ngày càng rõ ràng, chúng ta sẽ phải sử dụng tình báo, và bất cứ hành động nào đều phải có sự đồng ý của Ủy ban An ninh Quốc gia, việc này xảy ra trên đất Pakistan nên cần sự đồng ý của cả Hillary. Thứ hai, tôi nghĩ rằng ông ta tin bà ấy có khả năng giải quyết vụ Bin Laden.” Hillary và Panetta cũng tin rằng, Obama có thể sẽ quá bàn luận, quá do dự, quá cầu toàn. Trong khi đó, Hillary là “người có thiên hướng hành động.”

Như nhiều quan chức hàng đầu trong chính quyền Obama, Hillary đã được tổng thống đích thân ủy thác hoạch định hoạt động bí mật vào thời điểm Bin Laden cuối cùng cũng xuất hiện lại trong tiêu cực ống ngắm của Mỹ. Chịu trách nhiệm tại các cuộc đàm phán trực tiếp với Chính phủ Pakistan về các vấn đề ngoại giao và phát triển, Hillary được xem là “găng tay nhung bọc quả dấm sắt” của sức mạnh Mỹ tại Pakistan. Bà mang tới cuộc tranh luận một số quan điểm đặc trưng của một thượng nghị sĩ đại biểu cho New York nơi Bin Laden đã giết hại gần ba nghìn người; của một đảng viên trung kiên của Đảng Dân chủ hiểu được mối nguy mà tổng thống sẽ đối mặt nếu để Bin Laden trốn thoát; của một nhà ngoại giao đã sử dụng mọi kênh có thể để bảo đảm rằng CIA hoặc tình báo Pakistan phải tìm thấy được nơi ẩn náu của Bin Laden. Những người khác có thể tranh luận về cách thức và thời gian chính xác cho cuộc tập kích, nhưng không ai thể hiện quyền uy hơn Hillary trong cách lập luận về phương diện chính trị và đạo đức khi thực hiện một cuộc tấn công hoặc bào chữa cho việc xâm phạm chủ quyền Pakistan. Hillary nghĩ, không gì quan trọng hơn việc tóm được tên khủng bố hàng đầu thế giới. Năm 2007, bà đã lớn tiếng với David Petraeus tại một buổi điều trần, bà đã lên kế hoạch chỉ trích Tổng thống George W. Bush về sự kiện nổi dậy của Iraq, một phần do ông đã để xổng mất Bin Laden.

Hillary rất ngạc nhiên khi Panetta trình bày thẳng thắn những gì khiến ông ta tin đây là một tình huống có một không hai để xử lý Bin Laden. Bà nói, “Leon và tôi làm việc với nhau đã lâu. Tôi nghĩ, trong tất cả những lần nói chuyện với nhau những năm qua – đặc biệt là khi ông ấy phụ trách CIA và tôi làm việc ở Bộ Ngoại giao – ông ấy hiểu rằng, nếu đây là cơ hội đặc biệt để tóm được Bin Laden, chúng tôi phải nắm lấy ngay, và đây cũng là cơ hội tăng cường niềm tin của người dân Mỹ với hành động của chúng tôi. Với riêng tôi, đó còn là vấn đề cá nhân, bởi bản

thân tôi vẫn chưa thoát khỏi những ám ảnh của vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín.”

Hillary đã cân nhắc kỹ lưỡng giữa khả năng cần đến sự hỗ trợ của Pakistan, với lợi ích của Mỹ trong việc truy đuổi và tiêu diệt khủng bố, từ trước khi bà tiếp nhận công việc hiện tại, ít nhất trong những buổi họp chuyển giao diễn ra vào mùa thu năm 2008. Hillary gọi Holbrooke là “đại diện đặc biệt tại Afghanistan và Pakistan,” xem ông như một phần của nỗ lực rộng lớn hơn của chính quyền nhằm tìm hiểu và xử lý cái sự thật hiển nhiên rằng Pakistan, nơi trú ẩn của các tổ chức khủng bố, vẫn là vấn đề cốt lõi nhất tại khu vực này. Để tranh thủ sự hợp tác của quân đội và Chính phủ Pakistan trong cuộc chiến chống khủng bố và khả năng đàm phán về hòa bình tại Afghanistan, Hillary và những nhân vật cấp cao trong chính quyền Obama đã liên tiếp bày tỏ sự quan tâm mới đối với đất nước này, khiến các nhà lãnh đạo Pakistan tin rằng mình đang được tôn trọng ngang bằng với nước đối thủ là Ấn Độ trên trường quốc tế. Uy tín và sự hỗ trợ của Mỹ chính là những củ cà rốt. Nhưng đằng sau đó là rất nhiều cây gậy.

Tháng Mười năm 2009, trong chuyến công du đến Pakistan trên cương vị ngoại trưởng Mỹ, Hillary đội một chiếc khăn quàng đầu, một biểu tượng tôn trọng truyền thống ôn hòa – và cả sự bất bình đẳng với phụ nữ, trong hình thức che mặt – trong đại bộ phận thể giới Hồi giáo. Nhưng không có bất cứ một yếu tố ôn hòa hoặc che mặt nào xuất hiện trong thông điệp của Hillary. Bà đã cáo buộc Chính phủ Pakistan dung túng và tiếp tay cho Bin Laden, tổ chức Al Qaeda và những kẻ đứng đầu Taliban. Bà đã nói với một nhóm phóng viên Pakistan rằng, “Tôi thấy thật khó tin khi chẳng ai trong Chính phủ của các bạn biết được nơi ẩn náu của bọn khủng bố và không thể tiêu diệt được chúng dù họ muốn thực hiện. Có thể, sự thật là thế – và cũng có thể, họ không có khả năng. Theo chúng tôi được biết, bọn khủng bố đang ẩn náu tại Pakistan.”

Chẳng cần bí mật về việc Obama không tin tưởng Chính phủ Pakistan. Trong một buổi nói chuyện riêng khi mới nhậm chức nhiệm kỳ thứ nhất, Obama nói, “Tôi có thể nói rất rõ ràng rằng, chúng ta đều biết Pakistan đang nói dối mỗi khi chúng ta trao đổi với họ.” Ông nói sẽ cho phép đơn phương không kích vào những mục tiêu bên trong Pakistan nếu Chính phủ nước này không thể hoặc không muốn giúp Mỹ. Lần đó, Hillary đã chỉ trích tổng thống – chỉ vì ông quá thẳng thắn. Bà nói, “Có thể rất hay nếu chiến lược mà chúng ta theo đuổi dựa trên tình báo dẫn đến một hành động chắc chắn. Nhưng tôi nghĩ sẽ là sai lầm lớn nếu như chúng ta gửi điện báo về vấn đề này.”

Nhưng đến tháng Mười một năm 2009, khi trở thành nhân vật ngoại giao hàng đầu của Obama, Hillary đã tránh không nhắc lại chính xác những gì Obama đã tuyên bố gần hai năm trước, rằng nếu Pakistan không muốn hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố thì Mỹ sẽ không ngại hành động một mình. Song Pakistan không nên hiểu sai rằng có sự khác biệt giữa ngoại trưởng và tổng thống trong vấn đề này.

Hillary không xin phép để từng bước đẩy mạnh việc gây sức ép công khai với các nhà lãnh đạo Pakistan, và khi những bình luận về bà trở thành tâm điểm của báo chí quốc tế, Jake Sullivan đã gọi điện về Washington để báo cáo điều này với Ben Rhodes ở Nhà Trắng. Hillary không yêu cầu sự khoan dung, mà muốn tìm ra một sáng kiến hay hơn về điều mà tổng thống mong muốn bà thực hiện, khi bà được hỏi ý kiến về việc này một lần nữa – điều chắc chắn sẽ xảy ra vào lần kế tiếp khi bà bị phỏng vấn. Những gì bà ấy đã nói đều đúng cả chứ? Bà ấy đã đi quá xa chẳng? Bà ấy có nên rút lại quan điểm về vấn đề này không?

Thay vì phản đối, viên cố vấn của tổng thống nói rằng ông thích tính thẳng thắn và mạnh mẽ của Hillary. Dù thế nào chẳng nữa, tầm nhìn của Obama về chính sách của Mỹ trong khu vực “Af/Pak” đã khiến ông càng nghi ngờ Pakistan. “Hãy nhắc lại lần nữa,” Rhodes bảo Sullivan, khuyến khích Hillary nhắc lại mệnh lệnh trong chuyến công du kia.

Bin Laden chính là “chiếc chén thánh” về an ninh quốc gia đối với Obama. Nhưng chính tại Pakistan, người Mỹ phải thực hiện một sứ mạng cực kỳ nhạy cảm. Ngoài vấn đề Bin Laden, Mỹ cần Pakistan hỗ trợ chống lại lực lượng khủng bố Taliban tại Afghanistan và tiêu diệt những phần tử khủng bố hoạt động trong lãnh thổ của Pakistan dọc theo biên giới Afghanistan. Các nhân viên tình báo Mỹ cần phải được tạo điều kiện để hoạt động trong lãnh thổ Pakistan, Lầu

Năm góc cần phối hợp các hoạt động quân sự với Pakistan, chia sẻ thông tin tình báo, Mỹ phải được sử dụng các tuyến vận tải từ cảng Karachi của Pakistan tới Afghanistan.

Mỹ đã phải duy trì quan hệ tốt đẹp ngắn hạn với Pakistan – với cả chính phủ và người dân – để bảo đảm sự hợp tác tiếp theo, thậm chí cả thời điểm Mỹ và NATO thực hiện những nhiệm vụ bí mật trong lãnh thổ Pakistan, vốn ngày càng gia tăng tần suất và đôi khi giết nhầm đối tượng. Nhưng ít nhất tại thời điểm khởi đầu của chính quyền Obama, các quan chức Mỹ đều lạc quan cho rằng họ có thể xây dựng được mối quan hệ lâu dài tốt hơn với Pakistan.

Mục đích chuyến công du của Hillary là nhằm tới hai mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Phối hợp với Holbrooke, bà chịu trách nhiệm cung cấp cho Pakistan các dịch vụ cứu trợ dân thường, gồm tiền và quan trọng hơn là kỹ thuật, trong mọi lĩnh vực, từ nông nghiệp, điện năng đến giáo dục. Ở Mỹ, Hillary tập trung xây dựng mối quan hệ giữa Bộ Ngoại giao Mỹ và cộng đồng Pakistan sống tại Mỹ thông qua nỗ lực cung cấp hàng cứu trợ đến đúng nơi cần thiết và biến người Mỹ gốc Pakistan thành những đại sứ không chính thức với chính gia đình họ ở Pakistan. Cũng giống các nhóm Do Thái mà Hillary đã kết nối thông qua Kris Balderston và Văn phòng Đối tác Toàn cầu của ông ta, cộng đồng người Pakistan cũng tạo ra cơ hội vừa củng cố quan hệ giữa Mỹ và người dân Pakistan, vừa giúp Hillary củng cố quan hệ với các nhà hoạt động và tài trợ trong các cộng đồng người Mỹ gốc Pakistan. Tất nhiên, sự giận dữ của người Pakistan về những hành động của Mỹ trong việc vi phạm chủ quyền nước họ và cả việc giết hại dân thường sẽ không bao giờ nguôi, cho dù Mỹ đang nỗ lực xây dựng cầu đường, tham gia viện trợ người dân Pakistan hoặc giúp đỡ quá trình hiện đại hóa cơ sở vật chất điện năng của nước này. Nhiệm vụ của Hillary là giảm nhẹ sự chống đối của Pakistan đối với sự hiện diện của người Mỹ trên đất nước họ.

Mỹ có cả một câu chuyện hay để kể về việc họ đã viện trợ Pakistan như thế nào, nhưng Hillary tin rằng, chẳng ai ở đất nước này lắng nghe câu chuyện đó. Mỗi lần Trung Quốc xây dựng một con đường hay một cây cầu ở Pakistan – một sự viện trợ rõ ràng – là một lần họ có thêm sự tín nhiệm. Nhưng viện trợ của người Mỹ, mặc dù gồm cả cứu trợ nạn nhân động đất, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và các dự án cấp thấp khác, lại chỉ được ghi nhận khá hạn chế. Hillary cố gắng khiến người dân chú ý đến những điều tốt đẹp mà nước Mỹ đang làm cho họ. Bà nói, “Nếu những người đóng thuế ở Mỹ trả tiền cho những việc ở Pakistan để chúng ta giành lấy những đặc ân, sự cảm thông cũng như sự công nhận, thì chúng ta cần phải làm ngay.”

Ở Pakistan, Hillary không chỉ gặp các quan chức chính phủ cấp cao mà còn gặp các nhà lãnh đạo tinh thần và người dân, đây là một ví dụ cho thấy việc bà thiết lập quan hệ trực tiếp với người dân của một đất nước – và những công dân Mỹ là người thân của họ – để gây ảnh hưởng lên chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Trong một mô hình quá quen thuộc suốt nhiệm kỳ của mình, bà đã gặp gỡ người dân và các nhà báo Pakistan trong các sự kiện được tổ chức tại các hội trường thành phố, giống như lần tranh cử chức thượng nghị sĩ New York. Tại một diễn đàn, một sinh viên Đại học Peshawar so sánh các cuộc tấn công khủng bố nhằm vào dân thường với các cuộc không kích nhằm của quân đội Mỹ. Sinh viên đó hỏi bà, “Ở nước Mỹ, bà có xem nạn nhân của cả hai trường hợp này đều là nạn nhân của chủ nghĩa khủng bố không?”

Hillary trả lời, “Không, tôi không nghĩ vậy.”

Về phương diện ngoại giao và cả trên thực tế, Hillary là bộ mặt phản ánh nỗ lực của Mỹ trong việc xây dựng mối quan hệ lâu dài hơn với Pakistan. Nhưng về mặt kỹ thuật, bà lại tạo ra khoảng trống để CIA và quân đội tiếp tục thực hiện các chiến dịch có thể gây tổn hại đến người Pakistan, cũng như làm cho Chính phủ Pakistan khó hợp tác với Mỹ hơn, đó là nhận định từ các nguồn tin tình báo và cộng đồng ngoại giao.

“Bà ấy có các chủ đề nổi và cả những chủ đề ngầm,” một quan chức cấp cao Mỹ chuyên nghiên cứu về vấn đề Pakistan nói. “Những chủ đề nổi bao gồm phát triển, ngoại giao, viện trợ nước ngoài, thậm chí là trợ giúp an ninh. Những chủ đề này dễ nhận ra, cho nên bà có thể thực hiện các chủ đề ngầm kèm theo đó. Đó là các cuộc không kích, hợp tác chống khủng bố và chia sẻ thông tin tình báo với Pakistan.”

Ngày 1 tháng Năm năm 2010, Faisal Shahzad, một người Mỹ gốc Pakistan có liên hệ với lực lượng Taliban hoạt động ở Pakistan đã thất bại trong việc kích nổ xe bom đặt trên quảng trường Thời đại. Sau đó, các quan chức Mỹ đã triển khai gấp đôi số nhân viên ở các địa bàn. Vài ngày sau vụ đánh bom bất thành đó, Panetta và cố vấn an ninh quốc gia Jim Jones bay sang Pakistan mang theo một cảnh báo cứng rắn. Họ đưa cho phía Pakistan những thông tin về mối liên hệ giữa Al Qaeda, Taliban, những tín đồ Hồi giáo thánh chiến ở Pakistan và những tổ chức tôn giáo đang hoạt động ngoài biên giới nước này. Tân dụng vụ quảng trường Thời đại làm cái cớ để tăng cường các hoạt động tình báo trên lãnh thổ Pakistan, các nhân viên an ninh Mỹ đã nói với các đồng sự Pakistan rằng đất nước Pakistan của họ đang bị bao vây và họ thậm chí không nhận thấy điều này.

Panetta nói, “Nếu xảy ra một vụ như thế nữa, và nó thành công – nếu một ai đó đánh bom vào mục tiêu nào đó ở Mỹ – và nó liên quan đến Pakistan, chúng tôi sẽ phải làm gì đó.” Tổng thống Asif Ali Zardari đáp lại rằng, Shahzad là người Mỹ, và Mỹ cần phải tiến hành nhiều biện pháp hơn nữa để kiểm soát những công dân Mỹ có liên hệ với bọn khủng bố.

Một nhân viên có mặt trong cuộc họp đó nói, “Tôi thấy [Panetta và Jones] đang cố gắng tạo ra những điều kiện để thực hiện những hành động đơn phương thông qua những sai lầm đang diễn ra.” Nguồn tin từ cuộc họp còn cho biết thêm, thái độ của Mỹ là thái độ ủng hộ việc đẩy tới giới hạn cao nhất các hoạt động ngầm ở Pakistan theo quan điểm cho rằng các quan chức Pakistan đang dung dưỡng bọn khủng bố. “Theo tôi, tất cả quá trình này tạo điều kiện cho việc điều tra nơi trú ẩn của Bin Laden. Hai ông này đang cố gắng xây dựng một môi trường thuận lợi như vậy,” nhân viên này nói.

Tất nhiên, vào năm 2010, số lượng các cuộc không kích tiến hành theo thông tin tình báo trên lãnh thổ Pakistan đã tăng lên gấp đôi và khiến phía Pakistan tức giận, đặc biệt vì họ không được thông báo chính xác, hoặc các cuộc không kích đó đã sát hại nhầm dân thường. Điều này đặt Hillary trước một sứ mệnh phức tạp khi hoạt động như tấm đệm cho quân đội và các cộng đồng tình báo. Một quan chức tình báo cho biết, “Bà ấy đã tổ chức nhiều cuộc họp, đã phát biểu rất nhiều ở các tòa thị chính, tổ chức nhiều cuộc họp báo và thực hiện nhiều chuyến công du; điều này đã làm thay đổi toàn bộ tiến trình thảo luận. Nó đã thật sự dọn đường cho chúng tôi làm việc của mình.”

Căng thẳng giữa hai nước lên đến đỉnh điểm vào cuối tháng Một năm 2011 khi Raymond Davis, nhân viên CIA dưới vỏ bọc ngoại giao, đã bắn chết hai dân thường Pakistan đang đi xe máy tiến lại gần ô tô của anh ta. Chính quyền Pakistan đã phát hiện trong chiếc máy ảnh tìm thấy trong ô tô của anh ta có những bức ảnh chụp các mục tiêu quân sự, một số người cho rằng anh ta đang cố gắng thu thập thông tin về mối liên hệ giữa tình báo Pakistan và các nhóm khủng bố đã tổ chức cuộc tấn công đẫm máu ở Mumbai, Ấn Độ cuối năm 2008. Đó thật sự là cơn ác mộng về ngoại giao đối với Mỹ: một gián điệp Mỹ giết hại hai dân thường Pakistan. Obama đột nhiên bị đẩy vào tình huống phải tranh biện để bảo vệ nhân viên tình báo này khỏi bị xét xử, theo quy định miễn trừ ngoại giao quốc tế – mặc dù mọi người đều hiểu rằng anh ta không phải là nhân viên ngoại giao. Vì chỉ quan tâm đến việc truy tìm Bin Laden và chỉ có một vài quan chức cấp cao của chính phủ được biết, nên không đại gì Mỹ lại để lộ thông tin này với Pakistan. Nhưng Mỹ cũng không thể ngồi cùng bàn với Pakistan nếu nước này xử tử nhân viên tình báo Mỹ. Hillary đã ép Zardari phải thả Davis và thể hiện sự không hài lòng với Chính phủ Pakistan khi họ từ chối. Bộ Ngoại giao Mỹ đã hủy kế hoạch hội đàm giữa Mỹ, Pakistan và Afghanistan.

Rất may cho Davis và cho cả nước Mỹ khi mối căng thẳng này được giải quyết vào ngày 16 tháng Ba bằng việc bồi thường 2,3 triệu đô-la cho gia đình các nạn nhân, nhờ các nỗ lực đàm phán của Thượng Nghị sĩ John Kerry – người giữ vai trò chính về phía Nghị viện trong việc cung cấp viện trợ của Mỹ cho Pakistan, và của Panetta – người góp phần quan trọng trong một thỏa thuận lớn hơn về yêu cầu lâu dài của Pakistan đòi Mỹ chia sẻ thông tin tình báo trên đất Pakistan. Khi phát biểu ở Ai Cập trong chuyến công du nhằm xây dựng mối quan hệ đồng minh cho việc can thiệp quân sự vào Libya, Hillary đã phủ nhận việc Mỹ trả tiền bồi thường cho các gia đình nạn nhân để Davis được thả, nhưng điều này cũng đồng thời thừa nhận họ đã có cách

bồi thường. Một quan chức cấp cao của Pakistan trả lời phỏng vấn của phóng viên Josh Rogin của tạp chí Foreign Policy rằng, “Chúng ta có thể hiểu rằng Chính phủ Pakistan sẽ dàn xếp với gia đình của nạn nhân và Chính phủ Mỹ sẽ đền bù Pakistan bằng cách này hay cách khác.”

Như vậy đã có sự chuyển đổi lớn trong cách Mỹ tiếp cận Pakistan từ khi Obama nắm quyền. Trong khi một số quan chức cấp cao Mỹ tin rằng Hillary sử dụng một cách hiệu quả các phương tiện quyền lực mềm trong ngoại giao và phát triển chúng để tạo điều kiện cho các hoạt động quân sự và tình báo Mỹ ở Pakistan ngay từ khi bà bắt đầu nhiệm kỳ, thì những người khác lại cho rằng bà bị ép vào tình thế phải làm nhiệm vụ của mình.

Một trợ lý an ninh quốc gia của Obama cho biết: “Ngay từ đầu, đã có luồng thông tin rằng có thể phát triển một mối quan hệ sâu sắc hơn với Pakistan. Những mục tiêu sẽ lớn lên từ một hay nhiều bước tiến trong sự hợp tác kiểm soát khủng hoảng... Liệu đó là nhận thức về vai trò của hai bên hay là một tình thế buộc chúng tôi phải thực hiện bước đi này, khó mà nói chính xác được.”

Với Hillary, chẳng có sự lưỡng lự nào cả. Cả hai bên đều gắn kết với nhau. “Chúng ta phải nhìn nhận vấn đề theo cách đó,” bà nói.

Vụ Davis có thể đã không xảy ra trong thời điểm ít thuận lợi hơn đối với Mỹ, khi một vài quan chức cấp cao biết rằng Mỹ sẽ thực hiện cuộc tấn công đơn phương nhằm vào Bin Laden. Một quan chức an ninh của Nhà Trắng nói, “Có thể chiến dịch tấn công Bin Laden sẽ khó triển khai hơn nhiều khi tình hình trước mắt vẫn chưa giải quyết xong. Nói vậy không có nghĩa là chúng ta đã không thực hiện theo cách đó.”

Trong thời điểm này, CIA đã xác định được danh tính người đưa tin của Bin Laden, theo dõi anh ta đến một khu nhà ở Abbottabad, mất hàng tháng để phát hiện xem liệu Bin Laden có sống ở đó hay không. Nhưng tình trạng mất niềm tin giữa Pakistan và Mỹ đang vào lúc căng thẳng nhất và cũng không thể nói được liệu khi nào cuộc truy tìm Bin Laden sẽ chấm dứt. Panetta tin đây là thời điểm hành động và Hillary sẽ giúp thúc đẩy hành động này.

Bà giữ kín bí mật, thậm chí không tiết lộ những gì bà biết được từ Panetta với những trợ lý cấp cao nhất. Nhưng họ vẫn có cảm giác rằng sẽ có chuyện lớn xảy ra. Hillary đến dự các cuộc họp không nằm trong lịch công tác của mình. Thi thoảng, bà mất tích vài giờ, và không giải thích mình đi đâu hay gặp ai. Đôi khi bà xuất hiện tại Nhà Trắng mà hầu như những nhân viên ngoại giao chẳng biết làm thế nào bà đến đó được. Nhà Trắng đã cử Lona Valmore, một nhân viên chuyên sắp lịch làm việc đáng tin cậy, sắp xếp kế hoạch cho Hillary và chỉ ghi mỗi chữ “họp” vào mục lịch làm việc cá nhân được gửi đến các trợ lý của Hillary. Nó là một ghi chú bất thường.

Từ giữa tháng Ba năm 2011, khi vấn đề Libya trở thành tâm điểm chú ý, đến cuối tháng Tư, Tổng thống Obama đã chủ trì ít nhất năm cuộc họp của Ủy ban An ninh Quốc gia về nơi trú ẩn của Bin Laden và những phương án tiêu diệt trùm khủng bố; đã có hàng loạt các cuộc họp diễn ra tại Phòng Tình huống giữa các quan chức hàng đầu về quân sự, ngoại giao, tình báo và chống khủng bố. Bill Burns, thứ trưởng ngoại giao phụ trách về chính sách, là người duy nhất trong số những phụ tá cấp cao của Hillary tham gia cuộc họp về Bin Laden tại Phòng Tình huống. Ông ấy và Hillary phụ trách việc đàm phán với Pakistan sau cuộc tấn công, đặc biệt nếu nó lan sang phía nam. Thậm chí nếu như cuộc tấn công được thực hiện một cách hoàn hảo, Bộ Ngoại giao cũng cần phải sẵn sàng trước những phản ứng mạnh mẽ không chỉ từ Pakistan, mà còn từ các quốc gia khác. Cần phải có sẵn kế hoạch để bảo vệ các đại sứ quán và lãnh sự quán trước những hành động trả đũa.

Cuộc thảo luận quy mô nhỏ ở Washington xoay quanh hai câu hỏi chính: Nếu các nhân viên tình báo không chắc chắn việc Bin Laden ẩn náu trong khu nhà đó, thì liệu Obama có nên phát lệnh tấn công? Và nếu ông ấy ra lệnh tấn công, thì có nên sử dụng bom, lực lượng đột kích hoặc máy bay không người lái loại nhỏ để nhắm vào mục tiêu hạn chế là Bin Laden?

Hillary thường tự tạo ra một khoảng trống để tiện hoạt động trong các cuộc họp ở Phòng

Tình huống. Theo nguồn tin của những quan chức Lầu Năm góc và tình báo tham gia cuộc thảo luận về Bin Laden, mọi người có thể nhận ra rằng ngay từ những ngày đầu thảo luận, Hillary luôn ủng hộ một cuộc tấn công, có thể bằng máy bay thường, máy bay không người lái, hoặc lực lượng biệt kích SEAL.

“Ngoại trưởng Clinton rất chú trọng đến thực tế rằng chúng ta phải hành động sớm hơn, không được để muộn,” một quan chức tình báo cao cấp nói. “Đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta bắt Bin Laden kể từ sau sự kiện Tora Bora(46); chúng ta không được để bất cứ quốc gia nào, kể cả Pakistan, tham gia chiến dịch lần này, hoặc than phiền về họ theo bất cứ cách nào; chúng ta phải làm bằng được. Lúc đầu, cuộc thảo luận tập trung vào cách thức không kích, tôi nghĩ đó có lẽ là điều làm Hillary hài lòng.”

Suốt sáu tuần, nhiều quan chức đã đưa ra hàng loạt những lo ngại và cảnh báo, điều quan trọng nhất là họ vẫn chưa chắc chắn liệu Bin Laden có thật sự ẩn náu trong khu nhà ở Abbottabad hay không. Trong một cuộc họp, các cố vấn của Obama đã thảo luận về việc có nên hợp tác với Pakistan trong chiến dịch này hay không. Ý kiến này nhanh chóng bị bác bỏ vì nguy cơ lộ kế hoạch – hoặc phía Pakistan có thể đánh động cho Bin Laden.

Sau đó, một câu hỏi khác được đưa ra một cách vô tình về việc liệu danh dự của Pakistan có bị xúc phạm hay không vì một cuộc tấn công đơn phương. Hillary thốt lên: “Thế còn danh dự của chúng ta thì sao!?”

Một nỗi lo ngại khác đã khiến một số quan chức phải bận tâm đôi chút khi nghe về những gì đang xảy ra bên ngoài biên giới Mỹ. Một quan chức cho biết, cuộc đột kích Bin Laden được chuẩn bị triển khai ngay trong đêm – đêm thứ Bảy – khi Nhà Trắng tổ chức bữa cơm tối dành cho Hội Nhà báo, một bữa tiệc đặc biệt trang trọng dành cho giới truyền thông hàng đầu ở Washington, những nhân vật đứng đầu Chính phủ và thậm chí một số diễn viên Hollywood nổi tiếng. Cũng có ý kiến ngờ vực liệu mọi người có chú ý nếu như toàn bộ lực lượng tình báo bỏ qua bữa tiệc đó, hoặc liệu mọi chuyện sẽ trở nên xấu hơn không nếu như tất cả đều có mặt tại bữa tiệc mà cuộc tập kích lại thất bại.

“Quan điểm của bà ấy là chúng ta phải làm bất cứ điều gì để bảo đảm giữ bí mật về chiến dịch,” theo một nguồn tin có mặt tại phòng họp. Khi đã nghe đủ những ý kiến tiến-và-thoái về các phương án, Hillary nói, “Quên ngay cái bữa tiệc chiêu đãi nhà báo ở Nhà Trắng đi.”

Bà còn có một lo ngại lớn hơn. Bà tin rằng phạm vi những người được biết kế hoạch đã bị mở rộng, khiến việc giữ bí mật về chiến dịch ngày càng khó khăn. Nếu kế hoạch bị lộ, Bin Laden sẽ thoát khỏi tay Mỹ một lần nữa, giống như trong sự kiện Tora Bora khi người Mỹ xâm nhập Afghanistan.

Sau một thời gian, chủ đề thảo luận đã không hướng đến cuộc không kích, vì cần quá nhiều vũ khí để chắc chắn tiêu diệt được Bin Laden, và mọi người chuyển sang thảo luận về việc sử dụng lực lượng đột kích đặc biệt. Ý tưởng thứ hai được Hillary ủng hộ và bà có vẻ bị thuyết phục bởi yêu cầu cần phải tóm được Bin Laden, hơn là việc “tìm dấu ADN trên một viên đá nào đó” sau khi tiến hành tập kích bằng không quân.

Đô đốc Bill McRaven, chỉ huy trưởng lực lượng bộ binh, đã thuyết phục được Hillary đi đến quyết định cuối cùng là xem đội tập kích SEAL là lựa chọn tốt nhất.

McRaven nói, “Chúng tôi biết mình phải thực hiện chiến dịch như thế nào. Chúng tôi đã tiến hành nhiều lần ở Iraq và Afghanistan rồi. Giờ thì chúng tôi rất thành thạo.”

“Nếu ông tiến sâu vào lãnh thổ Pakistan, thì ông phải hoạch định chu đáo cho mọi việc,” Hillary đáp.

Họ thảo luận về tất cả những yếu tố bất ngờ có thể xảy ra, kể cả khả năng quân đội Pakistan can thiệp ngay giữa cuộc tập kích. Cuối cùng, Hillary cho rằng kế hoạch của McRaven là hoàn hảo.

Phó Tổng thống Joe Biden và Bộ trưởng Quốc phòng Roberts Gates, hai người có tiếng nói

manh mẽ nhất trong số ít những cố vấn của tổng thống, đã không nhất trí. Biden không bị thuyết phục hoàn toàn rằng Bin Laden đang lẩn trốn trong khu nhà đó. Gates thì nghi ngờ về sự khôn ngoan của hành động lần này. Ông đề cập đến Chiến dịch Eagle Claw⁽⁴⁷⁾ (Móng vuốt đại bàng) – thảm họa năm 1980 đã làm thiệt mạng nhiều binh lính Mỹ tham gia nhiệm vụ giải cứu con tin Iran, và Chiến dịch Black Hawk Down (Ô đen gãy cánh)⁽⁴⁸⁾ ở Somalia dưới thời Bill Clinton, gây tổn hại sinh mạng lính Mỹ và trực thăng.

Điều này khiến sự ủng hộ của Hillary càng mang tính quyết định. Obama có thể không nghe theo tư vấn của phó tổng thống và bộ trưởng quốc phòng, nhưng không thể nào phủ quyết cả ba nhân vật đứng đầu nội các của mình. Nếu cả ba đều khuyên ông không làm mà ông vẫn cứ thực hiện, thì một thất bại sau đó sẽ gây ra những tổn thất không thể phục hồi cho uy tín của ông trong những vấn đề an ninh quốc gia vốn đang ảnh hưởng không nhỏ đến chiến dịch tái tranh cử của ông.

Ngày 28 tháng Tư, trong buổi họp cuối cùng về vấn đề Bin Laden, chỉ những quan chức an ninh quốc gia chủ chốt tham dự, không cho phép ai mang theo trợ lý. Đây là thời điểm mà Hillary thể hiện quan điểm của mình, bà làm những gì mà các quan chức hàng đầu thường làm tại Phòng Tình huống: nêu ra những thuận lợi và những rủi ro từ cách nhìn nhận của Bộ Ngoại giao, gồm cả những thiệt hại có thể xảy ra đối với quan hệ Mỹ-Pakistan. Nhưng mọi người đều biết rõ quan điểm của bà. Bà sẽ ủng hộ Obama về vấn đề này, cho dù thất bại hay thành công, hoặc thậm chí bị đả kích về mặt chính trị. Hillary bỏ phiếu thuận cho cuộc tập kích.

Lần thứ hai liên tiếp, sau quyết định tiến hành tấn công Muammar Gaddafi, Hillary đã tách khỏi Gates – vị bộ trưởng quốc phòng mà giờ đây bà nghĩ rằng thiếu đi sự quyết đoán về mặt chiến lược để bà liên kết – khi một lần nữa bà khuyên Obama thực hiện hành động quân sự này. Tính điều hâu của bà một lần nữa đối lập với thiên hướng hòa hoãn của Biden, người đã phản đối các việc như gửi thêm quân vào Afghanistan, sứ mạng ở Libya và bây giờ là cuộc tập kích bắt Bin Laden. Trong cả ba trường hợp Hillary và Obama đều chung quan điểm.

Những người cũ trong chính quyền Clinton cho biết đây là quyết định của Obama, và khi Hillary nghiêng về phía có quyền quyết định, thì vai trò của bà là ủng hộ quan điểm của tổng thống. Một trong những cố vấn thân cận nhất của Hillary nói, “Khi bạn là tổng thống và cố vấn quốc phòng nói rằng họ không thấy thoải mái khi tiến hành một hoạt động quân sự nào đó, thì bạn sẽ phải đưa ra một quyết định khó khăn. Tôi nghĩ rằng khi có Hillary ở bên theo kiểu ‘cứ để chúng tôi làm đi, cứ để chúng tôi làm theo cách này,’ thì sẽ giúp ích rất nhiều cho Obama và những người khác trong phòng họp. Tôi không nghĩ tổng thống cần quan điểm của bà ấy, nhưng tôi biết những người khác trong phòng họp bị sự tự tin quả quyết của bà làm cho dao động hoặc yên tâm.”

Cuộc họp hôm thứ Năm đó của Ủy ban An ninh Quốc gia đã kết thúc mà Obama không đưa ra quyết định nào. Ngày hôm sau, Gates gọi cho Tom Donilon để gửi một thông điệp cho tổng thống. Hai quan chức cấp cao của Lầu Năm Góc là Mike Vickers và Michèle Flournoy tham gia quá trình lên kế hoạch tác chiến đã thuyết phục ông rằng, cuộc tấn công này hoàn toàn đảm bảo về mặt chiến lược. Thông điệp của Gates là ông ủng hộ tổng thống. Donilon nói với Gates rằng, tổng thống đã đồng ý tiến hành chiến dịch. Cuộc tập kích dự kiến diễn ra vào thứ Bảy, cùng ngày với bữa tiệc chiêu đãi giới truyền thông tại Nhà Trắng.

Tối thứ Bảy, ngày 30 tháng Tư, các trợ lý của Obama tập trung tại Phòng Bầu dục nói chuyện phiếm trước bữa tiệc lớn. Họ phải chờ vì tổng thống bận trao đổi qua điện thoại với một viên tướng ở Afghanistan. Họ không biết rằng, người ở đầu dây bên kia là McRaven, chỉ huy chiến dịch đặc biệt, người đã lên kế hoạch bắt Bin Laden, và rằng tổng thống gọi điện chúc ông may mắn. Sau khi dập máy, Obama nói với những trợ lý rằng ông muốn xem lại bài phát biểu của mình.

“Tôi nghĩ Bin Laden đã hết trò diễn rồi và chúng ta không cần phải nói về hắn nữa,” Obama nói, chỉ tay vào một dòng trong bài phát biểu chế giễu đối thủ cạnh tranh tiềm tàng của mình trong cuộc tranh cử tổng thống 2012, trong đó có đoạn “Tim ‘Osama Bin’ Pawlenty.” Jon

Favreau, người viết diễn văn hàng đầu của Obama, thoáng nghĩ ngay ra việc đổi tên lông của Pawlenty thành “Hosni.”

Tổng thống yêu cầu ông thêm câu “Xin Chúa ban phước lành cho các chiến sĩ” vào bài diễn thuyết.

Sau khi bày tỏ thái độ rõ ràng về bữa tiệc chiêu đãi ở Nhà Trắng trong cuộc họp về trận tập kích, Hillary đã không dự buổi chiêu đãi, mà tham dự lễ cưới bạn thân của Chelsea. Tại bữa tiệc cưới, trong những câu đối thoại thông thường giữa những người quen biết, một người khách tình cờ hỏi, “Bà có nghĩ rằng chúng ta sẽ tóm được Bin Laden không?” Ngay lúc đó, bà biết rằng chuyện gì sẽ sớm xảy ra cách đây nửa vòng Trái Đất. Bà biết rằng tổng thống đã ra lệnh tấn công vào nơi ẩn nấp của Bin Laden trên đất Pakistan và nhóm SEAL đang chuẩn bị thực hiện mệnh lệnh đó. Bà nhìn người khách đó và mỉm cười, nhẹ nhàng nói, “Tôi thật sự không biết, nhưng tôi có thể nói với bạn rằng chúng tôi sẽ cố gắng.” Bà chấp tay sau lưng khi kể lại việc đó với đài NBC. Ngày hôm sau, Hillary đến Phòng Tình huống để theo dõi cuộc tập kích cùng Obama và nội các.

Sau này Hillary thổ lộ, “Có 38 khoảnh khắc căng thẳng nhất.” Bà bị chụp ảnh khi đang lấy tay che miệng nhưng từ chối bình luận về việc có phải bức ảnh đó được chụp khi chiếc trực thăng bị rơi ngay lúc diễn ra cuộc tập kích. “Tôi không nhớ chúng tôi thấy điều gì trong mili-giây đặc biệt đó. Khi bức ảnh được chụp, hình như tôi hơi lo bị bật ra tiếng ho do dị ứng thời tiết đầu xuân. Dù sao bức ảnh đó cũng không có nhiều ý nghĩa lắm.”

Sự thật là bà sợ. Bà kể, “Chúng tôi ngồi trong căn phòng nhỏ. Tôi ngồi đó và nín thở theo dõi.”

Sau chiến dịch, Obama đã gọi điện cho Bill Clinton, lúc đó đang ở nhà riêng ở Chappaqua. “Hillary hẳn đã kể cho ông,” Tổng thống mở đầu, theo lời kể của một trợ lý Hillary.

Bill Clinton đáp, “Tôi không biết là ông đang nói về điều gì.” Hillary đã chẳng hề đề cập gì về chiến dịch.

12. Chính trị của Hillary

Lịch trình chiến dịch của Hillary được ấn định khởi động vào ngày 25 tháng Năm, chỉ ít tuần sau cuộc tập kích Bin Laden. Đó là một buổi sáng sớm ở London, bà vừa dự bữa tiệc tối chiêu đãi cấp quốc gia ở cung điện Buckingham cùng Tổng thống Obama và Nữ hoàng Elizabeth. Trong phòng ăn của cung điện còn có mặt một vài người nổi tiếng, trong đó có người sáng lập Virgin Group là tỉ phú Richard Branson và hai diễn viên Hollywood, Tom Hanks và Kevin Spacey. Phần lớn sự nghiệp của Hillary diễn ra trong những căn phòng của thế giới quyền lực, nhưng vẫn có những khoảnh khắc, giống như lúc này, đem lại cho bà cảm giác thư thái và ấn tượng. Được người phục vụ quan tâm, và ngủ trong một căn phòng gần ban công nổi tiếng của hoàng gia, Hillary cảm thấy mình như một công chúa – như bà đã thổ lộ với nhân viên của mình sau này.

Lúc trời chuyển từ đêm về sáng, tâm trí Hillary không còn tập trung vào những người thuộc hoàng gia và minh tinh màn bạc đang có mặt tại cung điện Buckingham nữa, mà chuyển sang quận Erie của New York và viên thư ký mà bà vừa phải gọi điện. Kathy Hochul vừa thực hiện cuộc chạy đua bầu cử rất quyết liệt để kế nhiệm Chris Lee, người đại diện của Đảng Cộng hòa chiếm đa số ở quận Buffalo, ngoại ô New York. Lý do duy nhất để một người Dân chủ có được cơ hội như vậy là vì ông Lee, đã có gia đình, bất ngờ từ chức vì đã gửi một bức hình ông không mặc áo cho một phụ nữ ông quen trên Internet. Vụ bê bối như thường lệ mở ra một cơ hội chính trị hiếm có.

Chiến dịch nhanh chóng trở thành cuộc trưng cầu dân ý về Obamacare và những kế hoạch của Đảng Cộng hòa muốn cắt giảm chính sách cải cách y tế Medicare của tổng thống. Thành công hay thất bại của Hochul sẽ ảnh hưởng đến cách thức Đảng Dân chủ, và xét đến cùng là cả Obama, giải quyết chủ đề chính sách y tế trong chiến dịch tranh cử 2012. Nhưng Hillary không chỉ có lợi ích đảng phái trong cơ hội chiến thắng của Hochul. Khi còn là thư ký quận năm 2008, Hochul đã ủng hộ Hillary. Đúng đêm trước cuộc bầu cử đặc biệt 24 tháng Ba, Bill Clinton gọi điện và để lại lời nhắn trong hộp thư thoại cho Hochul, nhấn mạnh việc công kích thái độ của Đảng Cộng hòa với chính sách y tế. “Cô có thể dựa vào Kathy để nói không với thứ chính trị đảng phái muốn đặt dấu chấm hết cho Medicare, bởi chúng ta đều biết rằng chương trình này sẽ cắt giảm nhiều thuế hơn cho các tỉ phú.” Đó là lời nhắn của Bill Clinton, và nó được công khai khắp quận, tới những người của Đảng Cộng hòa, những người trung lập và cả những người thuộc Đảng Dân chủ. Với sự hỗ trợ đắc lực của Jack Davis – niềm hy vọng một thời của Đảng Dân chủ, người từng chạy đua với tư cách ứng viên của phong trào Tea Party và đã giành được hơn 10.000 phiếu – Hochul đã đánh bại Jane Corwin, ứng viên của Đảng Cộng hòa, với số phiếu 5.526, ít hơn một chút so với số phiếu mà Davis đã đánh bại Corwin.

Sau khi ăn mừng chiến thắng ở khu vực ngoại ô New York, Hochul kiểm tra hộp thư thoại và nghe thấy giọng nói không lẫn vào đâu được của Hillary, “Tôi đang ở London với tổng thống. Chúng tôi đang theo dõi kết quả chiến dịch của cô và chúng tôi rất vui mừng. Tôi rất mong sớm được cộng tác với cô.”

Đó là một cử chỉ nhỏ, một trong hàng nghìn cuộc gọi, thiệp mừng và sự quan tâm tương tự mà bạn bè và người thân của gia đình Clinton nhận được hằng năm. Thêm một hành xử khác biệt dễ thấy giữa gia đình Clinton và Obama, người dường như lạnh nhạt và thờ ơ thậm chí với cả những người ủng hộ ông mạnh mẽ nhất. Gia đình Clinton biết cách gắn kết mọi người, khiến những người chống đối phải quý mến mình, và làm quan hệ thông thường trở nên thân thiết. Họ biết cách kết nối.

Hochul nói về tin nhắn thoại của Hillary: “Tôi đã lưu tin nhắn đó, tôi giữ gìn nó. Bà ấy đang đi công tác với Tổng thống Mỹ ở London, chắc chắn đang bận việc nhưng vẫn dành thời gian gọi điện cho tôi ở Buffalo lúc đêm khuya như thế. Bà ấy không cần làm thế. Tôi không hề nghĩ là bà ấy sẽ làm thế. Bà đã quan tâm đến tôi và điều này rất có ý nghĩa với tôi.”

Gia đình Clinton còn quan tâm hơn nữa đối với một số trợ lý và bạn bè thân thiết. Từng người trong số họ đều có thể kể lại một cách chi tiết những câu chuyện cảm động về việc các thành viên gia đình Clinton đã giúp đỡ khi họ gặp khó khăn ra sao, có thể là gọi điện cho bác sĩ ở bệnh viện, tới thăm hỏi họ hàng của họ bị ốm, thậm chí là đến dự đám tang.

Vì thế, tháng Sáu năm 2011, khi sản phụ Huma Abedin bị các báo lá cải đưa lên mặt báo bởi vấn đề ngoại tình của người chồng Anthony Weiner, gia đình Clinton, đặc biệt là Hillary, đã bảo vệ cô hết mực. Hillary, người từng trải qua nhiều đêm mất ngủ trong vụ bê bối tình ái của Bill với Monica Lewinsky, đã tư vấn cho Huma và vỗ về cô khi chồng cô ngày càng tồi tệ.

Ngoài ra, gia đình Clinton còn là những “chính trị gia bán lẻ” siêu hạng. Obama cần sự giúp đỡ của gia đình này, đặc biệt trong cuộc chạy đua 2012 ông muốn vẽ nên chân dung đối thủ Mitt Romney như kẻ sống trong nhung lụa. Gia đình Clinton vẫn tồn tại và phát triển sau thất bại 2008. Tỷ lệ ủng hộ Hillary là 66%, và chồng bà, Bill Clinton, chỉ được hơn 60% một năm trước đó. Obama chỉ đạt tỷ lệ ủng hộ 50% vào mùa xuân năm đó, giờ đang đứng trước nhiều cơ hội khi có sự ủng hộ của cặp vợ chồng quyền lực nhất trong Đảng Dân chủ.

Những nỗ lực của Hillary mạnh mẽ đến mức người ta đồn rằng, trong suốt bốn năm công tác tại Bộ Ngoại giao, bà luôn đứng trong danh sách hẹp đề cử cho các vị trí trọng trách lớn, từ chánh án Tòa án tối cao, bộ trưởng Quốc phòng cho đến chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB: World Bank). Tháng Ba năm 2012, Obama đề bạt Jim Yong Kim làm Chủ tịch WB, nhiều tháng sau, những lời đồn đại lần đầu tiên xuất hiện trên báo chí, trợ lý báo chí của Hillary, Nick Merrill, đã chuyển lời cảnh báo nóng hổi của tờ *Politico* cho Philippe Reines, kèm theo một câu đùa ám chỉ rằng Kim chỉ giữ vị trí này đến tháng Một năm 2013. Merrill muốn Reines xem đây là một câu chuyện vui về viễn cảnh đăng tải một loạt các bài báo về câu chuyện giữa Hillary và WB trong thời gian vài tháng tới. Nhưng, Reines vốn cẩn tin, nên đã nói lại với Mills chuyển lời đến Hillary rằng Kim chỉ giữ chức trong vài tháng mà thôi, và Hillary đã đề cập vấn đề này với tổng thống tại Phòng Bầu dục ngay hôm đó, gây ra một cuộc tranh luận căng thẳng về những dự tính của Kim. Huma đã gửi thư điện tử cho Reines với câu hỏi, “Thiên tài nào đã nói chuyện này với ông thế?”

Một số đảng viên Dân chủ nghĩ rằng Obama sẽ tạm dừng chiến dịch tái tranh cử bằng việc hoán đổi vị trí, đưa Phó Tổng thống Joe Biden vào Bộ Ngoại giao và liên danh tranh cử với Hillary. Thậm chí, chiến dịch tranh cử của Obama để thăm dò xem Hillary được ủng hộ như thế nào, số phiếu thuận có đủ để tạo ra một thay đổi lớn hay không. Lại một lần nữa, mọi phỏng đoán đều không đúng và bị loại trừ. Nhưng vẫn còn một vị trí mà những trợ lý của Hillary khẳng định rằng bà sẽ đảm nhận, và nghĩ rằng điều này sẽ được thông báo sau vài tháng nữa. Thông tin đại chúng dường như không mặn mà với tin đồn ấy, bởi có lẽ các quan chức khác đã phủ nhận.

Một trợ lý của Hillary trích dẫn một bài báo trên tờ *Washington Post* về vấn đề này, kể lại câu chuyện theo cách sau: mùa hè năm 2011, Bill Daley, Chánh Văn phòng Nhà Trắng, đã đến thăm Hillary ở Bộ Ngoại giao để thăm dò ý kiến của bà về việc đảm nhận chức vụ bộ trưởng Tài chính. Ông Tim Geithner, hiện đang tại chức, đã đề cử Hillary đứng đầu danh sách người kế nhiệm tương lai của mình, và Nhà Trắng đang xem xét gợi ý này một cách nghiêm túc.

Hillary đã từ chối một cách lịch sự. Theo lời của một trợ lý, bà nhận định tình hình “không khả quan”. Nhưng Daley đã phủ nhận việc này. “Tôi chưa bao giờ nói như vậy. Thật là lỗi bịch,” ông ta nói khi tham dự diễn đàn Sáng kiến toàn cầu Clinton ở Chicago, tháng Sáu năm 2013. “Sự thật là tôi chưa bao giờ nói với Hillary về điều đó.”

Theo một nguồn tin đáng tin cậy của Geithner, toàn bộ câu chuyện đã bị thổi phồng quá mức. Tên của Hillary nằm trong danh sách mà Geithner đã gửi đến Nhà Trắng, nhưng bà không phải là đề cử duy nhất.

Tất nhiên, có thêm sự tín nhiệm của ngành tài chính cho một công việc ở Ngân hàng Thế giới hoặc Bộ Tài chính giữa lúc đang đảm đương công việc tại Bộ Ngoại giao có thể tô điểm thêm lý lịch của Hillary trong cuộc đua vào chiếc ghế tổng thống lần hai, nhưng vị trí tại Bộ Tài chính

có thể gắn với nguy cơ suy thoái kinh tế lần thứ hai. Cho dù theo hướng nào đi nữa, thực tế Hillary chưa bao giờ có kế hoạch tham gia chính quyền thêm bốn năm nữa, và có quá nhiều việc mà bà phải hoàn tất tại Bộ Ngoại giao, theo thông tin từ những trợ lý của bà.

Khi đó Hillary biết rất rõ mình đang đứng ở đâu, và ít nhất một người bạn thân của bà đã cảnh báo rằng tỉ lệ ủng hộ là một biểu hiện của sự nhìn nhận bà về mặt chính trị của cử tri, nó khó có thể duy trì nếu bà rơi vào cuộc tranh cãi sau khi rời Bộ Ngoại giao. Giữa tháng Chín năm 2011, Ellen Tauscher, một người bạn lâu năm, thứ trưởng phụ trách kiểm soát vũ khí, đã bắt xe từ Waldorf-Astoria đến thăm Hillary tại tòa nhà Liên Hợp Quốc ở Manhattan khi Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đang họp. Tờ *Bloomberg News* đăng tải kết quả trưng cầu dân ý cho thấy, 64% người dân Mỹ ủng hộ Hillary, và Tauscher đã biết tin này trong chương trình *Morning Joe* của kênh truyền hình MSNBC. Một cuộc trưng cầu dân ý tương tự cũng cho thấy 34% người dân Mỹ tin rằng nước Mỹ sẽ tốt hơn nếu Hillary, chứ không phải Obama, làm tổng thống; 47% tin rằng mọi việc vẫn như cũ; và 13% cho rằng nước Mỹ sẽ tồi tệ hơn nếu bà nắm quyền. Các hãng thông tấn chính của Mỹ đều đưa tin các cử tri rõ lên tâm trạng kiểu “hối hận của người mua hàng” khi đã bầu cho Obama, chứ không phải Hillary, làm tổng thống. Khi Tauscher bước vào xe, Hillary đã ngồi ở hàng ghế sau và mỉm cười; và Tauscher cho rằng đó là nụ cười vì những con số ủng hộ bà.

Những con phố dài nối liền Waldorf và Liên Hợp Quốc bị cấm nên các quan chức chỉ có thể di chuyển tự do trong tòa nhà Đại Hội đồng, khiến khu vực hành chính trống trải kỳ lạ. Tauscher cảnh báo Hillary thận trọng với sự nổi tiếng của bà, “Điều khiến tôi lo lắng là việc bà có tỉ lệ ủng hộ cao và mọi người đã công khai muốn bà tham gia chính trị cũng như đã chấp nhận bà. Nếu có một người Cộng hòa nói với tôi rằng họ muốn bà trở thành tổng thống, thì tôi sẽ lập tức cho anh ta một cú bạt tai.”

Hillary im lặng nghe, rồi bật cười vì cú bạt tai. Nhưng Tauscher vẫn muốn đưa ra ý kiến quan trọng. Tauscher muốn Hillary bảo đảm vị trí trong lòng công chúng vẫn lớn như thế sau khi rời Bộ Ngoại giao. Tauscher, từng là nghị sĩ, nói, “Bà ấy cần phải biết được những điều không hay từ việc này. Thời điểm bà ấy quay lại chính trường, tỉ lệ ủng hộ sẽ giảm từ 66% xuống 46%, thậm chí 26% chỉ trong tích tắc. Đây là trung tâm chính trị thật sự, không phải là trung tâm chính trị thông thường, và đó là sự thật. Làm thế nào bà có thể duy trì được điều này khi rời Bộ Ngoại giao?”

Tất nhiên, Hillary không từ bỏ hoàn toàn chính trị, đặc biệt khi chồng bà đang sắp xếp một cuộc chiến bầu cử cho bà từ ba năm trước. Tháng Tám, Bill Clinton đã ủng hộ Brad Sherman, đại diện Đảng Dân chủ ở San Fernando Valley, Nam California, tham gia tái tranh cử. Sherman là người ủng hộ trung thành tuyệt đối của Hillary, thậm chí đã cổ vũ bà từ khán đài trong một lần bà phát biểu về chuyện xây dựng Bảo tàng. Việc Bill Clinton đứng sau lưng Sherman không thu hút nhiều sự chú ý, ngoại trừ thực tế là người ta mong muốn ủy ban phân định địa danh hành chính bang chia lại ranh giới chính trị khu vực Los Angeles, đẩy Sherman và Howard Berman – Nghị sĩ 30 năm của Hạ nghị viện, người đứng đầu phe Dân chủ tại Ủy ban Đối ngoại – đối đầu với nhau trong đợt tranh cử đầu tiên. Berman là một trong những đảng viên Dân chủ được nhiều người tôn trọng nhất ở Washington, và đã gắn bó với Hillary trên bất cứ vấn đề chính sách đối ngoại hóc búa nào, gồm cả biện pháp trừng phạt Iran và viện trợ Pakistan. Còn Sherman đã có một thời gian khó khăn tìm một ai đó ở Washington, ngoài những người làm việc cho ông, nghĩ rằng ông sẽ là nghị sĩ tốt hơn Berman. Nhưng người dân yêu quý Sherman, và các tính toán của Bill rất rõ ràng: Sherman đã sớm ủng hộ Hillary, còn Berman ủng hộ Obama.

Berman đã chuyển sang chế độ kiểm soát thiệt hại, bấm tất cả các nút có thể nhằm cố buộc Bill dừng ủng hộ và không vận động, hoặc quyên góp tiền cho Sherman. Ông ta gọi điện cho Mickey Kantor, từng là đại diện thương mại của Bill Clinton để được giúp đỡ. Ông ta yêu cầu Chủ tịch DNC là Debbie Wasserman Schultz can thiệp. Ông ta dựa vào bạn bè tại Bộ Ngoại giao để bắn tin tới Hillary. Berman biết được từ các tổ chức trung gian rằng Bill hiểu ai trong hai người làm luật là nghị sĩ tốt hơn, nhưng sẽ không rút lại lời tuyên bố ủng hộ Sherman. Hơn nữa, gia đình Clinton từ chối cho biết liệu Bill có làm nhiều hơn để giúp đỡ Sherman hay không.

Đặc biệt về chính trị, Berman cảm thấy có lẽ Bill Clinton nợ ông ta một điều gì đó. Đầu những năm 1990, Berman là một người ủng hộ hàng đầu trong Nghị viện đối với dự án Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ của Bill Clinton, bất chấp tổn thất về chính trị vì các công đoàn lao động luôn phản đối hiệp định này. Có thời điểm, Berman thậm chí còn hy vọng Bill có thể dừng việc ủng hộ Sherman và chuyển sang ca ngợi Berman vì ông ta ủng hộ các vấn đề thương mại. Tháng Mười năm 2011, khi Hillary vận động Đảng Dân chủ bỏ phiếu cho ba hiệp định thương mại tự do được Obama hậu thuẫn, cá nhân Berman đã nhắc bà về vấn đề Bill ủng hộ Sherman.

“Tôi nói thẳng rằng thật trớ trêu khi bà ấy đã yêu cầu tôi bỏ phiếu cho hiệp định thương mại tự do và bỏ qua một cơ sở quan trọng trong khu vực của tôi, trong khi chồng bà ấy lại ủng hộ đối thủ của tôi,” Berman nhớ lại. “Bà ấy cười ngượng và nói rằng mình không tham gia chính trị.”

Vừa dành số vốn chính trị để ban tặng những người ủng hộ Hillary vào năm 2008, Bill vừa đổ tiền để hỗ trợ Barack Obama. Nhưng ông đầu tư có tính toán. Nếu Obama thắng, và nếu Bill và Hillary trợ giúp một phần – chiến thắng đó sẽ củng cố vị trí của gia đình Clinton trong và ngoài Đảng Dân chủ. Quay trở lại năm 2008, khi Obama bắt đầu những bước đi vững chắc tiến vào Nhà Trắng, những trợ lý hàng đầu trong chiến dịch tranh cử của ông đã do dự khi để Bill Clinton tham gia vận động cho đợt tranh cử cuối cùng, vì lo rằng “một Clinton với nửa trái tim” xuất hiện bên phía cựu đối thủ và đơn giản bị xem là không có nhiều cảm xúc. Và ngay cả khi Clinton đã đồng ý với chiến dịch ủng hộ Obama tại các bang chủ chốt – bao gồm cả bang cần phải thắng là Florida – vẫn có những nghi ngại nội bộ về quyết định sử dụng ông ta, những trợ lý thừa nhận.

Nhưng khi nhóm Obama bắt đầu vạch kế hoạch tái tranh cử tổng thống mùa hè năm 2011, ngày càng thấy rõ rằng họ cần một chút ma thuật của gia đình Clinton. Một lần nữa Bill là người đứng đầu Đảng Dân chủ, do nhận được sự ủng hộ rộng rãi của người dân khi số lượng người yêu quý Obama giảm trong suốt hơn hai năm ông làm tổng thống. Các cố vấn của Obama thừa nhận, đây là sự trớ trêu lớn nhất khi tiến hành chiến dịch tái tranh cử. Họ phải cần đến người đã một lần cố gắng hạ bệ tổng thống, người từng bị cáo buộc có tư tưởng chế nhạo sắc tộc để giúp giành chiến thắng lần thứ hai.

Mặc dù mối quan hệ giữa hai vị tổng thống này phát triển từ chỗ hầu như không thể chịu đựng được nhau đến chỗ thân mật, đây sẽ là một nhiệm vụ nhạy cảm, buộc Clinton ủng hộ hết mình cho Obama. Không có chuyện sút mẻ tình cảm giữa Jim Messina, người quản lý chiến dịch tranh cử của Obama, với Doug Band, người chuyên nhắc Clinton về các cuộc điện thoại, lịch làm việc và hồ sơ ủng hộ chính trị quan trọng. Vì thế, các trợ lý của Obama kêu gọi Wasserman Schultz, đại diện bang Florida trong Hạ viện, làm người kết nối hai tổng thống.

Mùa hè nóng nực năm 2011 ở Washington, Wasserman Schultz đã gọi điện cho Band để bắt đầu “vũ điệu” mời gọi Bill tham gia chiến dịch. Band vốn luôn là nhà điều hành chính trị hiểu biết, thường trả lời các cuộc điện thoại theo lịch hẹn của mình, đã biết lý do bà nghị sĩ này gọi điện cho mình. Ông chần chừ chưa gọi lại. Bill Clinton đang chơi trò trốn tìm, hoặc ít nhất là Band. “Không có chuyện vội vàng hăng hái nhảy lên thuyền được,” một đồng minh của Clinton nói.

Vài tháng trôi qua và Wasserman Schultz cuối cùng đã gọi được cho Band vào cuối mùa thu. Messina, Giám đốc chiến lược của Obama là David Axelrod, Giám đốc điều hành DNC Patrick Gaspard, và cố vấn thăm dò dư luận Joel Benenson muốn gặp trực tiếp Clinton. Họ ấn định ngày 9 tháng Mười một, chưa đầy một năm trước khi diễn ra bầu cử, tại văn phòng Harlem của Bill.

Cuộc gặp gỡ là bài tập kinh điển về sự kết nối, nhưng nó cũng là một cơ hội cho các trợ lý của Obama hỏi tất cả những điều cần thiết cho chiến dịch bầu cử và xin lời khuyên từ cựu tổng thống. Họ cần Clinton ủng hộ Obama và sẵn sàng để ông thể hiện tầm quan trọng của mình.

Trong một phòng họp tại văn phòng Clinton, Messina thuyết trình bằng PowerPoint, trình bày chi tiết chiến lược tranh cử của Obama tại từng bang một, và giải thích rất cụ thể con

đường dẫn đến chiến thắng. Khi Messina hùng hồn đưa ra số liệu thống kê, với sự tham gia của Band và người kế nhiệm là Justin Cooper, Clinton đã cẩn thận xem xét và chăm chú lắng nghe mỗi slide. Cooper, người sau này tiếp quản vị trí của Band trong gia đình Clinton, giống người hướng dẫn của mình ở cách ăn mặc, nói năng phạm đầy lỗi ngữ pháp. Khi Messina trình bày xong, Bill đề nghị được đưa ra những suy nghĩ về các bang, các quận khác nhau. Ít người biết được những con số và chi tiết cụ thể của từng bang tốt hơn Bill, người có thể đánh dấu ngay những quận nào ở bang Colorado có số dân cư trong độ tuổi học đại học lớn nhất để tăng thêm số cử tri ủng hộ, và nơi nào tại Ohio là nơi phải-chiến-thắng.

Messina, vừa rời vị trí Phó chánh Văn phòng Nhà Trắng hồi đầu năm để tập trung vào các hoạt động tranh cử của Obama, đã dành thời gian đọc các sách báo về các chiến dịch tái tranh cử, gồm cả chiến thắng của Bill Clinton năm 1996. Ông đặc biệt chú ý đến chiến lược Clinton đã sử dụng để xác định đối thủ chính của mình là Bob Dole ngay trước khi chiến dịch bắt đầu, và suy nghĩ phương cách áp dụng tư duy của Clinton trong chiến dịch tái tranh cử 2012.

Các cố vấn hàng đầu của Obama đưa ra hai hình dung về Romney, một Romney chính khách luôn thay đổi quan điểm, và hai là một Romney bảo thủ cực đoan có quan điểm phù hợp với Tea Party. Clinton gợi ý họ nên tập trung vào hình tượng thứ hai. Ông nói với những trợ lý của Obama rằng, các nhà tài trợ đặc biệt hoan nghênh trước một chiến lược như vậy. Ngoài ra, ông còn nói chiến thuật công kích đối thủ như một nhân vật hay thay đổi quan điểm thường không hiệu quả.

Theo lời các trợ lý, cuộc họp dự kiến kết thúc trong một tiếng, nhưng đã kéo dài đến hai tiếng rưỡi, khi nhóm của Obama trình bày chiến lược tái tranh cử với Clinton. Bill có lối nói về chính trị đầy hương vị, từng giây một. Những người bạn của Obama, sau từng ấy năm, cuối cùng đã bắt đầu dùng chính ngôn ngữ của Clinton để nói với ông ta. Cách này rất hiệu quả để hiểu được quan điểm chính trị của vị cựu tổng thống, tham vấn ông, nói chuyện với ông về những con số, và để ông tiếp năng lượng cho chiến dịch. Các cố vấn của Obama rời cuộc họp và hài lòng, biết ơn về sự giúp đỡ của Clinton. Trở lại Chicago và Washington, họ khoe toáng lên rằng cuộc họp đã diễn ra “thật sự, thật sự tốt đẹp.”

“Những lời khuyên của cựu Tổng thống Clinton là hữu ích và chính xác,” một trong những trợ lý của Obama cho biết.

Hội nghị Harlem về tranh cử đã mở đường cho mối quan hệ gắn bó giữa Obama và gia đình Clinton theo cách mà đa số những người làm chính trị đều quan tâm nhất: tài chính. Những ngày sau cuộc họp đó, Band đã gọi điện thoại cho Gaspard, Giám đốc điều hành DNC, để chuyển tiếp một yêu cầu của Bill tới Obama. Cựu tổng thống muốn Obama cố gắng giảm nợ cho Hillary từ lần tranh cử tổng thống năm 2008. Số nợ đó từng lên tới trên 25 triệu đô-la và giờ giảm xuống còn 274 nghìn đô-la. Khi Hillary công du khắp thế giới với tư cách nhà ngoại giao hàng đầu, Bill gửi nhiều e-mail cho các nhà tài trợ theo danh sách nợ, trong đó có một email nói rằng nợ từ chiến dịch của bà “sắp trả hết – nhưng bà ấy không có mặt ở nhà.”

Nhưng gần như mỗi đồng đô-la đều đã bị vét sạch. Món nợ của Hillary không hẳn là lớn nhưng vấp phải rất nhiều trở ngại trong việc thanh toán. Trước hết, nhiều nhà tài trợ Đảng Dân chủ ủng hộ bà và Obama đã đóng góp tối đa – hoặc vào việc tài trợ cho chiến dịch ban đầu, hoặc cho việc trả hết nợ sau lần tranh cử đầu tiên. Gia đình Clinton đang rất cần các nguồn tiền mặt mới. Vẫn còn các nhà tài trợ ủng hộ Obama đã từ chối ký séc cho Hillary, thậm chí sau khi Obama kêu gọi họ làm việc đó trong năm 2008. Bill cần Obama thúc giục những người ủng hộ chi thêm.

Mặc dù một số nhà tài trợ cho Obama vẫn khó chịu từ năm 2008, có những nhà tài trợ khác giờ đã sẵn sàng chi cho gia đình Clinton. “Có sự khác biệt rất lớn, là số một, bà sẽ tiến rất xa; còn số hai, bà sẽ chỉ là ngoại trưởng.” Đó là nhận xét của một nhà tài trợ cho Obama, về sau góp tiền cho Hillary, đã gọi Hillary là “cầu thủ số một” trong nội các của Obama. Đây cũng là lý do có đi có lại hợp lý đối với nhóm của Obama trong nỗ lực trả nợ cho Hillary: Bill đồng ý đảm nhận công việc của ba người gây quỹ cho Obama vào mùa xuân.

Ít tuần sau khi các trợ lý của Obama đến thăm Clinton tại New York, hai tổng thống gặp nhau một lần nữa tại trung tâm Washington.

Khi nền kinh tế bắt đầu hồi phục sau thời kỳ sụt giảm mạnh, Obama đã tổ chức một sự kiện ở tầng 12 của một tòa nhà thân thiện với môi trường, để công bố sáng kiến 4 tỷ đô-la đầu tư xây dựng xanh và tạo việc làm. Ông mời Clinton tham gia. Lúc này, Clinton đang hoạt động mạnh mẽ trong lĩnh vực xây dựng xanh thông qua Tổ chức Sáng kiến toàn cầu.

Thậm chí, sau khi nhóm của Obama đã tranh thủ và tìm kiếm lời khuyên của Clinton về chương trình tái tranh cử, trao đổi giữa hai vị tổng thống vẫn có vẻ lịch sự chiếu lệ. ‘Họ là bạn bè trong công việc,’ một phụ tá Nhà Trắng gọi họ như vậy, và nói thêm rằng cả hai sẽ không nhất định phải gặp nhau uống bia vào tối thứ Bảy để ôn lại chuyện cũ. Về bản chất, họ có rất ít điểm chung, cả công khai lẫn riêng tư.

Nhưng Bill Clinton đã tận lực để cho thế giới thấy rằng, ông đang ở bên cạnh Obama hơn bao giờ hết. “Tôi không bao giờ dự khai mạc ban nhạc Rolling Stones, nhưng tôi sẽ tận lực vì tổng thống,” ông nói, trước khi giới thiệu Obama tại một sự kiện ở Washington.

Hai vị tổng thống đã có lúc dành thời gian cho nhau sớm hơn, vào mùa thu trên sân golf tại Căn cứ Không quân Andrews, trong lần đầu tiên Obama mời Clinton để thắt chặt quan hệ. Họ chơi golf trong bốn tiếng vào một ngày nhiều mây, cùng đi có Chánh Văn phòng Nhà Trắng Daley, và Band luôn có mặt. Chính Band đã gợi ý với Patrick Gaspard rằng Obama nên mời cựu tổng thống chơi golf để hai bên gần nhau hơn. Tại sân golf, vừa đánh golf, Bill vừa đưa ra những quan điểm của mình với Obama. Ý kiến của Bill quá nhiều, trong khi Obama nói ông chỉ có thể tiếp thu ý kiến của Bill một cách “đủ liều lượng.”

Hai tháng sau, khi các trợ lý của Obama đến văn phòng của Bill Clinton để lôi kéo ông, cựu tổng thống tiếp tục bày tỏ ý kiến của mình với Obama trong một cuốn sách do ông viết, *Back to Work* (Trở lại làm việc). Cựu Tổng thống bị thất vọng một thời gian, cảm giác như thể Obama không lắng nghe thông điệp của mình. Ông phàn nàn việc này với những người lắng nghe ông, gồm bạn bè, những trợ lý cũ và cả những người có mối quan hệ với tổng thống. Cuốn sách là cách giải thích các chính sách theo phong cách cổ điển Clinton: đơn giản và nhẹ nhàng.

Một số trợ lý Nhà Trắng cằn nhằn với nhau về cuốn sách tại Hội trường khu West Wing. Nhưng Axelrod, chiến lược gia chính của Obama, nói với tờ *New York Times*, “Chúng tôi đánh giá cao hiểu biết và sự ủng hộ của ông ấy.” Các trợ lý của cả hai bên đã luôn khẳng định là có khoảng cách nhỏ giữa hai vị tổng thống về chính sách. Trong phát biểu về dự án xây dựng xanh, Tổng thống Obama nhắm đến hợp tác với cựu Tổng thống Bill Clinton trong chương trình của mình.

“Khi Bill Clinton là tổng thống, chúng ta đã không cắt xén đầu tư,” Obama nói. “Chúng ta đã sống với giá trị của mình. Chúng ta đầu tư cho tương lai của mình. Chúng ta yêu cầu tất cả mọi người đều trả chi phí cho chính họ một cách công bằng. Các bạn biết chuyện gì đã xảy ra không? Khu vực tư nhân phát triển mạnh, công việc được tạo ra, tầng lớp trung lưu phát triển, thu nhập của họ tăng lên, hàng triệu người thoát cảnh đói nghèo, chúng ta đã tích lũy được thặng dư. Chúng ta đã thật sự đi đúng hướng để có thể trả tất cả nợ của chúng ta. Chúng ta đã khởi động tất cả động lực của nền kinh tế. Chúng ta có thể trở thành một quốc gia như vậy một lần nữa.”

Quả thật là thông minh khi đề cập đến sự tương đồng với người tiền nhiệm Đảng Dân chủ. Nhưng đây lại là sự nhắc nhở về những ngày cũ tươi đẹp dưới chính quyền Clinton, trong khi biến Obama thành một lãnh đạo thiếu kinh nghiệm, như từng được mô tả trong chiến dịch năm 2008. Cuối cùng, Obama chấp nhận hy sinh một chút kiêu hãnh nhằm giành chiến thắng trong nhiệm kỳ thứ hai.

Khoảnh khắc sau khi Obama kết thúc bài phát biểu, Ed Henry, phóng viên cấp cao của đài Fox News tại Nhà Trắng, đã hỏi cựu Tổng thống Clinton: “Thưa Tổng thống Clinton, ông có lời khuyên nào cho Tổng thống Obama về kinh tế?” Clinton, người hiếm khi tránh xa các máy ảnh

trong nhiệm kỳ tổng thống của mình, mỉm cười vì cảm thấy rất vui. Trong khi đó, Obama cố lờ đi câu hỏi đó.

“Ồ, ông ấy luôn cho tôi những lời khuyên,” Obama cười vang, bắt tay Clinton và cố hết sức kết thúc cuộc trò chuyện. Các trợ lý báo chí Nhà Trắng, vốn luôn đề phòng nguy cơ xuất hiện những khoảnh khắc không có trong kịch bản, bắt đầu yêu cầu các phóng viên rời khỏi cuộc họp. Nhưng, khi Obama còn đang bắt tay những người tham dự, thì Clinton, trong bộ vét màu nâu sôcôla, bước lên bục phát biểu gắn huy hiệu tổng thống và trả lời thẳng vào câu hỏi.

“Tôi nói lại một lần nữa, hôm nay tôi chỉ muốn thông báo lý do khiến các bạn phấn khích, đó là con số việc làm sẽ được tạo ra,” cựu Tổng thống mở đầu. Sau đó Obama đứng sang một bên nhìn Clinton một lần nữa làm chủ chiếc micro. Hình ảnh đó gợi lại thời điểm một năm trước, khi Clinton thoải mái chiếm lĩnh bục nói chuyện tại Nhà Trắng, trả lời các câu hỏi từ các phóng viên trong gần nửa giờ. Bây giờ, khi Obama đứng nhìn, Clinton cảm thấy như đang ở nhà, dựa khuỷu tay vào bục, chân phải thoải mái vắt lên chân trái.

Ông không bao giờ trả lời thẳng vào câu hỏi về lời khuyên ông dành cho Obama. Trợ lý thân cận với Clinton nói ông không thích nói về những vấn đề mà ông và Obama thường xuyên thảo luận, hoặc họ đã thống nhất được những vấn đề gì. Nhưng Clinton đã xác nhận việc ông thấy thích bài phát biểu của tổng thống.

Ông nói: “Bằng cách đó, tổng thống có thể tạo ra những điểm thu hút đầu tư để bạn có thể xây nhiều tòa nhà thế này.” Cái gật đầu dường như tập trung vào một vấn đề cụ thể, nhưng những gì Clinton thật sự đang làm là khẳng định sự ủng hộ từ sớm của mình cho chiến dịch tái tranh cử năm 2012, và hơn bất cứ điều gì, ông muốn nói rằng quá khứ chỉ là quá khứ.

Đến giữa tháng Mười hai, Hillary tham dự tiệc mừng em bé sắp chào đời của Huma Abedin ở Đại sứ quán Kuwait tại Washington. Việc Huma mang bầu đã được tiết lộ lần đầu tiên vào mùa hè, như một sự kết thúc cho vụ bê bối tin nhắn của Weiner, phản ứng phần nộ cuối cùng cho sự phản bội của anh ta. Rất nhiều người có mặt tại buổi tiệc gắn họ với nhau bằng thứ “tình cảm chị em vĩ đại” trong Hillaryland, như mô tả của một vị khách mời. Danh sách khách mời có cả Alyssa Mastromonaco, trợ lý lên lịch làm việc kỳ cựu của Obama, người đã liên lạc với Huma ngay lần đầu để tổ chức một cuộc họp mà ở đó Hillary được đề nghị tham gia chính quyền cùng hai đồng minh chính trị quan trọng đang nổi lên trong Đảng Dân chủ là Thượng Nghị sĩ New York Kirsten Gillibrand và Wasserman Schultz.

Khi bạn bè Huma nâng cốc chúc mừng cô, Hillary được yêu cầu phát biểu. “Hôm nay không phải là ngày của tôi. Hôm nay là ngày của Huma,” Hillary e dè. “Tôi quý cô ấy, và tôi chúc cô ấy những điều tốt đẹp nhất.”

Một người khách cho biết, “Huma là thành viên trong gia đình Clinton.” Hillary “chỉ muốn Huma được hạnh phúc, và mọi người để cô ấy yên”. Nhưng điều đó là không thể, khi Weiner sẽ chạy đua chức Thị trưởng New York vào năm 2013, và cuộc sống cá nhân của Huma sẽ gắn với chính trị của Hillary khi chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2016 đến gần. “Trong một thế giới hoàn hảo, bà ấy sẽ không kết hợp với Anthony sao cho những điều tồi tệ biến mất hoặc chỉ còn ở mức độ thấp hơn,” một nguồn tin gắn bó lâu năm với Clinton nói. “Anh ta là một trở ngại. Nhưng sự tổn hại đã xảy ra rồi. Nếu Hillary tranh cử, đây sẽ là một phần của câu chuyện. Đảng Cộng hòa sẽ đưa chuyện này lên báo chí để nhắc nhở người dân.” Nguồn tin cho biết thêm, “Dù vậy, ngay cả khi Huma vẫn là sợi dây nối kết với chồng mình chẳng nữa, thì cô vẫn là một tài sản, hơn là một món nợ.”

13. Thương hiệu HRC

Hillary chỉ vừa mới bắt đầu một buổi phỏng vấn của hãng tin CBS ở Kabul, Afghanistan, thì Huma Abedin đưa cho bà chiếc BlackBerry để bà biết tin Muammar Gaddafi đã bị giết, đó là vào ngày 20 tháng Mười năm 2011.

“Chúng ta đã đến, đã thấy, hắn đã chết.” Hillary vui mừng, cười to và vỗ tay. Có thể thấy phản ứng thiếu suy nghĩ của bà không gây ra vấn đề gì, dù đó là sự huênh hoang không đúng lúc của kẻ chiến thắng, niềm sung sướng thái quá trước cái chết của kẻ thù bại trận. Sau đó, Hillary nói rằng lúc đó bà không biết hoàn cảnh Gaddafi bị giết – ông ta đã bị quân nổi dậy bắt, đánh đập và sau đó hành quyết tại chính quê hương Sirte của mình mà không cần xét xử. Nhưng ngay cả nhiều ngày sau đó, trong bối cảnh quốc tế kêu gọi mở một cuộc điều tra việc lực lượng nổi dậy có phạm tội ác chiến tranh hay không khi giết Gaddafi mà không xét xử, Hillary vẫn từ chối nói rằng bà lấy làm tiếc về phản ứng thái quá lúc đầu của mình.

Hillary muốn Gaddafi chết, và bà sẽ có được uy tín vì trừ khử được ông ta. Hai ngày trước đó, trong một chuyến thăm bất ngờ tới Libya, bà đã đưa ra một lời kêu gọi phi ngoại giao rằng, ông ta “phải bị bắt và hành quyết sớm.” Giờ đây, khi quân nổi dậy bắt được, đánh đập, và bắn chết ông ta, thì Gaddafi hứng chịu cả hai điều đó: bị tóm cổ và hành quyết. Bảy tháng sau khi Hillary tập hợp liên minh để chặn đứng bước tiến của ông ta ở thành trì của quân nổi loạn tại Benghazi, Hillary tiếp tục tăng cường hậu thuẫn của Mỹ cho chính phủ mới hình thành ở Libya, đa phần là trợ giúp kỹ thuật, chứ không phải những khoản tiền mặt trực tiếp. Cái chết của Gaddafi đánh dấu bước ngoặt quan trọng của điều được mô tả là cuộc hành quân nhanh đến với một Libya tự do, cũng như trong những câu chuyện về nhiệm kỳ của bà với tư cách ngoại trưởng.

Trong nhiều chuyện, từ tin đồn về việc bà giữ một vị trí khác trong chính quyền, tới lời khuyên của Ellen Tauscher về việc gìn giữ vốn chính trị sau khi Hillary rời vị trí, đến nỗ lực của Mỹ thúc đẩy các phong trào cải cách dân chủ ở Trung Đông và châu Á, cả Hillary và chính giới Mỹ đều không thể không nghĩ về tương lai của bà vào khoảng thời gian cuối năm 2011. Về điểm này, Libya là cơ hội tốt nhất để có được một thành tích hàng đầu – một sự “chuyển giao,” theo cách nói chính trị – sẽ vinh danh mãi về di sản của bà như một ngoại trưởng có quyền lực thông minh.

Trong chuyến công du của Hillary đến Libya, ngay trước khi Gaddafi chết, tạp chí *Time* và Diana Walker, nhiếp ảnh gia của tạp chí này, đã tiếp cận được Hillary và đoàn tùy tùng một cách bất thường, để viết một câu chuyện về việc sử dụng quyền lực thông minh của Hillary. Việc đó chứng tỏ Bộ Ngoại giao tin rằng Libya sẽ là một thành tích riêng của Hillary, vì bà đặc biệt cẩn trọng trước việc hãng truyền thông nào và khi nào được tiếp cận. Một cố vấn đi cùng ngoại trưởng tới Libya cho biết, “Có một cảm giác rằng họ đã sang trang. Đó là minh họa cho việc dùng quyền lực thông minh.”

Trong một chuyến bay vận tải quân sự từ Malta đến Libya, Walker đã ghi lại hình ảnh nhân vật kiên cường nhất của Hillary trong tư cách một chỉ huy. Walker chụp hình bà đang ngồi trên một trong những ghế hạng thương gia ở khoang giữa máy bay. Như thường lệ, bao quanh Hillary là những bản báo cáo nhanh, xếp chồng chất trong những kẹp hồ sơ. Bà đeo kính râm, nét mặt cứng rắn, nhìn chăm chăm vào màn hình chiếc BlackBerry. Bức hình đó truyền tải một vẻ mặt không thể nhầm lẫn: bà đang làm việc.

“Bạn có được cảm giác về sức mạnh trong con người bà ấy, và tôi nghĩ rất nhiều người bị cuốn hút vì thế,” Stacy Lambe, người mà vài tháng sau đã đưa bức ảnh đó lên thành tin giật gân trên Internet với cái tên “Những tin nhắn từ Hillary” cho biết. “Bức ảnh đã chụp được khoảnh khắc của bà ấy theo cách mà tôi nghĩ rất nhiều người chưa từng được thấy.”

Giống như một trọng tài bóng chày, một nhà ngoại giao chỉ hoạt động có hiệu quả nhất khi công việc của người đó không bị soi mói. Nhưng đó lại là điều tối kỵ với một chính trị gia. Để chiến thắng trong các cuộc bầu cử và giành thế lực trong chính quyền, họ cần sự minh bạch cùng khả năng thể hiện những gì mình làm được. Trong giai đoạn đầu của nhiệm kỳ bốn năm, vốn chính trị của Hillary cao hơn bao giờ hết, phía Obama tranh thủ sự giúp đỡ của chồng bà, và gần hai phần ba người Mỹ ủng hộ công việc bà đang làm. Chỉ có một thành viên cứng đầu nhất trong số trợ lý của Obama vẫn nuôi dưỡng ác cảm với bà từ chiến dịch tranh cử năm 2008. Món quà kỷ niệm Obama tặng Hillary là một chiếc iPad màu đen có ký hiệu “HRC” màu vàng dập nổi trên vỏ, và chữ “Sec State” (Ngoại Trưởng) ở bên sườn.

Nhưng đa phần công việc của Hillary là ở hậu trường. Bà tránh thu hút sự chú ý trong gần hai năm đầu tiên, nhưng trong năm thứ ba, bà nổi lên như là một nhân vật ảnh hưởng đối với những tính toán nội bộ của Nhà Trắng trong vấn đề chiến tranh và hòa bình. Bà đã sát cánh cùng Obama trong việc truy lùng Bin Laden – loại trừ những rủi ro chính trị dù nhỏ, nếu cuộc đột kích diễn biến xấu đi – và tập hợp liên minh cho cuộc chiến ở Libya. Libya thật sự là tài sản của Hillary, nó là thành quả định hình di sản mà bà để lại. Nhưng đòn mạnh giáng lên bà là việc bà không có chính sách ngoại giao đột phá nào. Tạp chí *Time* đưa tin, Hillary có niềm tin và quyết tâm chính trị để nâng cao hình ảnh của mình. Nếu tất cả mọi chuyện đi đúng hướng, thì Libya sẽ là viên đá quý trên vương miện của Hillary.

Di sản ấy hiện rõ trong đầu Hillary khi bà tập hợp đội ngũ giúp việc cho các nhiệm vụ bên ngoài văn phòng, hồi đầu tháng Một năm 2012. Một chiếc sofa và những chiếc ghế bọc màu xanh ngọc xếp quanh chiếc bàn nhỏ đặt trên tấm thảm Ba Tư xanh đỏ khổng lồ. Tại đó, trong những lần trao đổi riêng với các nhân vật quan trọng đến thăm, như Tổng thống Afghanistan Hamid Karzai, bà ngồi trên một góc sofa trong khi vị khách ngồi trên chiếc ghế bành màu cẩm chương hồng. Trong phòng có một lò sưởi cũ không dùng được nữa, một chiếc bàn họp với khoảng 8 hay 10 chiếc ghế xếp quanh đặt ở góc căn phòng, gần lối vào phòng riêng của Hillary.

Hôm đó, khi chỉ còn một năm trong nhiệm kỳ của Hillary, Cheryl Mills, Jake Sullivan, Tom Nides, Bill Burns, Wendy Sherman, Harold Koh, cùng một vài cộng sự khác đã tập trung quanh Hillary. Bà viết những mục hành động lên từng trang trong tập giấy. Trong khi bà công du khắp thế giới, trước những xung đột bế tắc này nổi tiếp xung đột bế tắc khác, tìm những phương cách hiệu quả mới, xem những nỗ lực nào cần tăng gấp đôi nhằm đột phá, vẫn có tiếng thở dài mệt mỏi khe khẽ không thể nghe rõ được. Ba năm sau khi Burns thuyết trình trước Hillary về công việc ngoại giao trên khắp thế giới, trong không khí của giai đoạn chuyển tiếp ở tầng trệt toà nhà Bộ Ngoại giao, nơi khuôn viên tao nhã tại văn phòng trên tầng bảy, Hillary giờ đây cũng đang đưa ra cùng một quan điểm phân tích tình hình theo danh sách các quốc gia và chủ đề.

Theo một nguồn tin có mặt tại văn phòng, “Đó là cuộc thảo luận nhìn lại toàn bộ sự thất bại của ‘Mùa xuân Ả-rập.’” Bắt đầu từ Libya, khu vực này đang tạo cơ hội tốt nhất để chứng minh cho sự khôn ngoan của việc sử dụng quyền lực thông minh. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều việc cần thực hiện ở đó – và ở cả Burma, triển vọng tốt nhất cho Bộ Ngoại giao đánh dấu chính sách xoay trục từ phương Tây sang châu Á rùm beng của Mỹ.

Hillary vừa công du tới Burma tháng trước đó, đặt dấu mốc đầu tiên một ngoại trưởng Mỹ thăm nước này sau hơn nửa thế kỷ, và báo hiệu cho một câu chuyện thành công của quyền lực thông minh, trong đó chính quyền Burma thúc đẩy cải cách chính trị và kinh tế, còn Mỹ đáp lại bằng sự nới lỏng các lệnh cấm vận lâu nay.

Đã hàng thập kỷ, Mỹ và các đối tác quốc tế của mình gia tăng áp lực lên chính quyền Burma – chính quyền độc tài quân sự tại đây gọi nước mình là Myanmar – nhưng chưa có hành động gì đối với nước này cho đến khi Obama nhậm chức. Chiến dịch trừng phạt của Mỹ, một nỗ lực của cả hai đảng trong suốt bốn nhiệm kỳ tổng thống, thu hút các nghị sĩ hai đảng gồm cả lãnh đạo Đảng Cộng hoà ở Thượng viện Mitch McConnell và lãnh đạo Đảng Dân chủ ở Hạ viện Nancy Pelosi, đã hoàn toàn vô tác dụng. Quan điểm của Hillary, bị xem là mâu thuẫn với nhiều đồng

minh của bà trong nỗ lực của cả hai đảng nhằm thúc đẩy tự do ở Burma, đó là phải có cả một kết hợp cây gậy cầm vận.

Nếu Burma mở cửa, thì như Hillary cam kết từ năm 2009, Mỹ sẽ phản hồi bằng việc rút lại lệnh trừng phạt từng gây thiệt hại lớn và thúc đẩy quan hệ mới giữa Burma với cộng đồng doanh nghiệp Mỹ. Mỹ có hai mối quan tâm chính ở Burma, đó là nhân quyền và sự cân bằng quyền lực địa chính trị. Chế độ này đã vi phạm nhân quyền của những người bất đồng chính kiến một cách có hệ thống, gồm cả Aung San Suu Kyi – nữ chủ nhân Giải Nobel Hòa bình, bị quản thúc tại gia suốt hai thập kỷ trước đó. Đất nước nhỏ bé này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc, đối thủ hàng đầu của Mỹ về quyền lực quốc tế. Cuối năm 2010, chính quyền quân sự Burma đã thể hiện thiện ý bằng việc phóng thích Suu Kyi, và chuyến thăm của Hillary một năm sau đó đã cho thấy rõ mối quan tâm liên tục của Mỹ trong việc thúc đẩy các cải cách dân chủ. Quan hệ Burma và Mỹ được tái sinh đã đặt ra thử thách cho địa vị của Trung Quốc tại Burma. Mối quan hệ đó cũng sẽ giúp hàng trăm tù nhân chính trị được trả tự do, thúc đẩy chuyển hướng quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Bởi vậy, đất nước nhỏ bé này nắm giữ tầm quan trọng ngoại hạng đối với cả việc sử dụng quyền lực thông minh trong chính sách đối ngoại, lẫn mục tiêu của Mỹ về tăng cường ảnh hưởng tại châu Á.

Burma đang trên con đường trở thành một câu chuyện thành công phi thường cho Hillary và cả Obama; nhưng khi Hillary và những trợ thủ của mình gặp gỡ hồi tháng Một năm 2012, nhiều mối lo ngại về chính sách đối ngoại rộng lớn hơn của Mỹ vẫn chưa được giải tỏa. Họ thảo luận về phong trào dân chủ ở Syria, sự hồi sinh của nước Nga, đàm phán Israel-Palestine (cuộc đàm phán mà cả hai bên đã từ bỏ hơn hai năm trước đó), bầu cử ở Kenya, ngay cả những nỗ lực chống buôn bán động vật hoang dã, và việc đã rót tiền vào túi của các thủ lĩnh quân phiệt. Có lẽ, dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy Hillary lo ngại về những di sản của mình, theo nguồn tin tại cuộc họp trên cho biết, đó là việc bà thúc đẩy các thuộc cấp tìm cách thể chế hóa những thay đổi đa dạng mà bà đã tạo ra ở Bộ Ngoại giao trong ba năm đầu của nhiệm kỳ. Bà đã phát triển QDDR, làm rõ hơn tầm nhìn và tái cấu trúc Bộ Ngoại giao, tạo ra một loạt mối quan hệ giữa cơ quan công quyền và tư nhân để giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em gái, xây dựng mối quan hệ tốt giữa Bộ Ngoại giao với Lầu Năm Góc và các cơ quan an ninh khác. Hillary lo ngại nếu các thuộc cấp của mình không dành thời gian và công sức để gắn kết những đổi mới ăn sâu vào cơ cấu của Bộ Ngoại giao, mọi thứ sẽ dễ dàng tiêu biến trong dưới thời ngoại trưởng tiếp theo.

Sau cuộc họp, Thứ trưởng Ngoại giao Sherman phụ trách các vấn đề chính trị, bước xuống sảnh đi về văn phòng rộng rãi của mình, nơi có quả địa cầu khổng lồ chạy bằng điện mô tả đường biên giới cũ của quốc gia. Bà triệu tập các trợ lý ngoại trưởng phụ trách bảy khu vực trên thế giới để thông báo rằng, chặng cuối trong cuộc chạy tiếp sức kéo dài bốn năm của Hillary sẽ là một cuộc đua nước rút cực kỳ căng thẳng. Bà mở chai rượu, bày một chút đồ ăn nhẹ, nhằm làm dịu bầu không khí. “Quý vị có thể nghĩ là chúng ta sắp trải qua năm cuối cùng,” Sherman bắt đầu. “Và đây là chương trình nghị sự.”

Đó sẽ là một năm bận rộn – bận rộn và nguy hiểm hơn nhiều so với những gì mà Hillary dự kiến, và bà đang tận lực tìm kiếm một thành quả để lại lâu dài trước khi rời vị trí. Khi xây dựng các chính sách giai đoạn 2011 và 2012, bà may mắn gặt hái được “quả ngọt” trong quan hệ công chúng, điều mà đội truyền thông của bà không tài nào tạo ra được dù là trong những giấc mơ ngông cuồng nhất. Hình ảnh Hillary gần như được nâng cao một cách bất ngờ, đến nỗi có thể đóng vai trò như một “cổ phần có giá” làm đổi mới quan niệm của công chúng về phong cách làm ngoại trưởng của bà.

Một buổi tối thứ Tư yên tĩnh đầu tháng Tư, lúc Nghị viện nghỉ họp, Stacy Lambe và Adam Smith, những nhân viên phụ trách quan hệ công chúng trẻ trung và đầy tham vọng, đang nâng ly ở quán Nellie’s, quán đi đầu trong ngành công nghiệp quán bar thể thao đồng tính nam.

Cùng với vodka và soda rẻ tiền, hai người đàn ông bắt đầu nói chuyện về hình ảnh của Hillary trên tạp chí *Time* do Diana Walker chụp, đang nhanh chóng lan truyền trong nhóm bạn bè.

Hillary trông hết sức đặc sắc, Lambe nghĩ.

Lambe hỏi thành tiếng: “Bà ấy nhắn tin cho ai vậy? Bà ấy nhắn gì nhỉ?” Anh ta không thể rời bỏ ý nghĩ đó suốt trên đường trở về nhà, và anh ta bắt đầu tìm những hình ảnh tương tự với bức ảnh của tạp chí *Time*. Anh ta tìm thấy một bức ảnh của Obama đang nằm trên ghế dài, mắt nhìn vào chiếc điện thoại BlackBerry, với David Axelrod và dòng chữ “Chúng ta có thể tin tưởng vào sự thay đổi,” ký tên ở dưới. Bingo.

Lambe đã tạo ra một cuộc trao đổi giả và đưa những hình ảnh đó lên Tumblr, một dạng blog, nơi mà các bức ảnh có thể được gắn với nhau để tạo thành một câu chuyện. Trang mạng mà Lambe chia sẻ với Smith được dùng để tạo ra hình ảnh giả thiết về những nội dung mà Hillary và những nhân vật nổi danh trong giới chính trị và giải trí có thể nhắn tin cho nhau.

Lambe viết trên bức ảnh của Obama, “Chào Hil, bà đang làm gì vậy?”

Và viết trên bức hình của Hillary, “Đang điều hành thế giới.”

Tương tự, lúc 1 giờ sáng, một meme⁽⁴⁹⁾ đã được tạo ra. Tiếp tục tìm hiểu tại trang mạng truyền thông *BuzzFeed* và tại VH1, Lambe đã dõi theo ý kiến công chúng để tìm hiểu tính cách của Hillary. Một trang Tumblr có tên là *Những tin nhắn từ Hillary* đã nhanh chóng biến thành đề tài cuốn hút tại các phòng tin tức ở Washington và New York, sau đó vượt ra khỏi phạm vi của chính nó để trở thành tiêu chuẩn văn hóa cho giới trí thức chính trị. Các cộng sự của Hillary đã không tạo meme, nhưng họ công nhận khả năng lan truyền của công cụ này, biến một lãnh đạo vốn bị xem chỉ như một máy tính kết nối với chiếc Mackintosh của Obama thành một đề tài trong Technorati⁽⁵⁰⁾. Trong chiến dịch bầu cử năm 2008, Hillary đã phát hiện rằng cử tri thích bà bộc lộ phẩm cách cá nhân và tinh thần nhân văn. Bất kỳ vị chỉ huy chính trị hay quân sự nào cũng đều cam đoan rằng bà là một người “nổi loạn” tại các cuộc họp phía sau cánh cửa đóng kín. Nhưng là một ngoại trưởng, đó thường chỉ là lời nói hơn là biểu hiện.

Chẳng hạn có hai gã xuất hiện bên ngoài khung hình giới thiệu về bà cùng lúc rất oai nghi, rất con người và cũng rất hài hước. Hillary nói với con gái Chelsea rằng, cuộc hội thoại chế mà bà ưa thích là cuộc nói chuyện với Ryan Gosling.

“Này, cô gái...” – Gosling bắt đầu cuộc trò chuyện.

“... Đây là Bà Ngoại trưởng,” tiếng đáp lại.

Chelsea không thể tin mẹ mình thậm chí biết về ngôi sao điện ảnh này. Có lần, Hillary còn tham gia một chuyện khôi hài, khi Reines mời Lambe và Smith đến gặp bà ở Bộ Ngoại giao. Ông ta thậm chí gửi cho họ đề nghị của Hillary, điều mà họ không dám chắc là thật.. Nhưng họ đã tin khi đến Bộ Ngoại giao để thảo luận công khai và chuyển tải nội dung cuộc đối thoại đã được các nhân viên của Hillary ghi chép lại ra toàn thế giới.

Hillary gặp chớp nhoáng Lambe và Smith, chụp ảnh với họ, và chụp các bản in những gì chính bà viết trên trang Tumblr. Bà ký tên với dòng chữ “Thích trang này, ‘Hilz’”.

Sau này Lambe nói: “Trong vài năm cuối, bà ấy thành công, và đây là bức ảnh không liên quan đến *Những tin nhắn từ Hillary* của chúng tôi, bức ảnh chụp bà ấy trong khoảnh khắc ấy, và tôi nghĩ đó là lý do mà rất nhiều người chia sẻ nó.” Trang Tumblr cập nhật chỉ trong một tuần, nhưng đó là một trong những bài đáng nhớ nhất, và có giá trị chính trị, về những tình tiết quan trọng liên quan đến Hillary trong nhiệm kỳ bốn năm ở Bộ Ngoại giao.

Hai tuần sau đó, Hillary bị chụp ảnh lúc bà đang uống bia và nhảy tại hộp đêm Colombian, các trang *Huffington Post*, *Washington Post*, và *New York Post* đã đưa những bức ảnh đó lên trang web của họ. Tuy nhiên, vụ này bị chìm ngấm bởi vụ bê bối về mại dâm trong lực lượng Bảo vệ bí mật được nêu lên trong một cuộc họp mà cả Hillary và Obama tham dự. Nhưng, mùa hè năm đó, Hillary lại có một buổi khiêu vũ khác – lần này bị ghi hình – tại một bữa tiệc do Bộ trưởng Ngoại giao Nam Phi tổ chức ở Pretoria.

Hillary, buộc tóc kiểu đuôi ngựa, theo sự hướng dẫn của một nữ ca sĩ vừa lắc vừa vỗ tay và

cười. “Đó thật sự là một khoảnh khắc kỳ diệu bởi tất cả chúng tôi đều có thời gian vui vẻ,” Thứ trưởng Bob Hormats nói, ông cùng tham gia nhóm nhảy cùng Đại sứ Mỹ Don Gips và Chủ tịch Ngân hàng Xuất nhập khẩu Fred Hochberg. Một trong những bài hát họ nhảy theo nhạc là “Shosholoza,” dân ca của người Zulu được dùng làm nhạc chính của bộ phim *Invictus*. Hillary không khó chịu với tên bài hát, có nghĩa là “bước đến người đàn ông kế tiếp.”

Nhưng hôm sau, trong chuyến thăm Nelson Mandela, Hillary tâm sự với Hormats rằng bà không thể hiểu tại sao video ấy lại có trên Internet. “Tôi thật sự không biết phải làm gì với nó,” bà nói. “Tại sao mọi người lại quan tâm đến việc nhảy múa của tôi ở Nam Phi?” Đặt cốc xuống, “bà ngoại trưởng” hằng ngày nghiêm túc lại biến thành một Hillary vui vẻ trong mắt của những người mến mộ. Đó chính xác là kiểu hình tượng mà một chính trị gia muốn xây dựng trước khi chạy đua quyền lực.

Hillary sẽ phải tiếp tục bảo vệ, che chắn những sơ hở đối ngoại của Obama khi ông tái tranh cử, vì ứng viên Đảng Cộng hòa Mitt Romney đã tìm cách khai thác những gì mà các chiến lược gia của ông tin là nhược điểm, ngoài những ưu thế trong chính sách đối ngoại của Obama mà các cử tri ủng hộ. “Sẽ luôn có sức mạnh về chính sách đối ngoại khi bạn đương nhiệm. Nhưng chúng tôi luôn thấy, những con số ủng hộ ông ấy lúc tại vị lẽ ra phải cao hơn thế, và phải cao hơn nữa,” cố vấn Kevin Madden của Romney nói. “Những con số đó rất tốt, nhưng không tuyệt vời. Chúng tôi thấy vẫn có thể thuyết phục và giành thêm sự ủng hộ của cử tri.”

Cuộc công kích của Romney vào chính sách đối ngoại của Obama nổi lên hai vấn đề tranh cãi: Obama thực hiện một “chuyến đi tạ lỗi” làm hạ thấp vị thế kiêu hãnh của người Mỹ trước các nước khác, và Obama đã không làm những việc cần thiết đủ để thúc đẩy các phong trào dân chủ trên thế giới. Những tuyên bố của Romney không có đủ bằng chứng, nhưng điều này đặc biệt quan trọng đối với nỗ lực tái cử của Obama để tránh rơi vào kịch bản mới trong chiến lược của Romney. Trong giai đoạn đầu của chiến dịch, Hillary đối mặt với hai vấn đề góp phần gia tăng sức mạnh cho các cuộc công kích của Romney: một là, năng lực của Chính phủ trong việc thúc đẩy các giá trị dân chủ; và hai là, thông qua Hillary, thực sự Mỹ đã xin lỗi Pakistan.

Vào một đêm tháng Tư, Hillary nhận được điện thoại của Jake Sullivan. Anh nói với bà rằng mình đang trên đường đến Bộ Ngoại giao tổ chức một cuộc trao đổi bí mật trực tuyến để Hillary có thể thảo luận các vấn đề nhạy cảm với các trợ lý cấp cao. Luật sư khiếm thị Chen Guangcheng (Trần Quang Thành), một nhân vật bất đồng chính kiến người Trung Quốc bị cầm tù vì chỉ trích vấn đề phá thai cưỡng bức, đã chạy trốn khỏi nơi bị quản thúc tại gia ở tỉnh Sơn Đông. Ông ta bị ngã gãy chân khi chạy trốn, và hiện có mặt ở Đại sứ quán Mỹ ở Bắc Kinh để xin tị nạn.

Giúp đỡ hay từ chối ông ta đều có sự rủi ro. Cung cấp nơi ẩn náu an toàn cho một tù nhân Trung Quốc chạy trốn có thể phá hỏng quan hệ hai nước. Nhưng giao trả ông ta sẽ là một cái tát vào nhân quyền và những tuyên bố hùng hồn về tự do của Mỹ. Và khi lực lượng chống nạo phá thai ở Mỹ ủng hộ ông ta, rủi ro càng cao.

Sullivan và Kurt Campbell, trợ lý ngoại trưởng về các vấn đề Đông Á và Thái Bình Dương, họp mặt tại Bộ Ngoại giao và thực hiện một loạt các cuộc gọi bảo mật tới Đại sứ quán Mỹ với một vài quan chức cấp cao, trong đó có Hillary và Thứ trưởng Ngoại giao Bill Burns, Cheryl Mills, và Harold Koh – luật sư chủ chốt của Bộ Ngoại giao, nhà hoạt động nhân quyền kỳ cựu và là người, theo lời một đồng nghiệp, “đã có mặt tại nơi xa xôi hẻo lánh nào đó ở Trung Quốc.”

Có hai vấn đề cần giải quyết. Đầu tiên, liệu Mỹ có thừa nhận Trần đã đến Đại sứ quán Mỹ đúng với luật pháp quốc tế hay không? Thứ hai, lý do nào để Mỹ chấp nhận ông này mà không dẫn đến tình huống bất kỳ người bất đồng chính kiến nào trên khắp thế giới cũng có thể xin tị nạn với cách thức tương tự?

Nhóm của Hillary đã phải đối mặt với một câu hỏi hóc búa tương tự trong tháng Một, khi Wang Lijun (Vương Lập Quân), một quan chức địa phương tại thành phố Trùng Khánh, xin tị nạn vì sợ bị trả thù khi ông buộc tội vợ của một quan chức tham gia vụ giết một doanh nhân

người Anh. Vương được cho phép trú chân trong Lãnh sự quán Mỹ để bảo đảm tính mạng của mình trước sự truy lùng của các quan chức Trung Quốc, nhưng ông ta không được hưởng quy chế tị nạn lâu dài vì Bộ Ngoại giao xác định ông ta không có đủ yếu tố hợp pháp để xin định cư ở Mỹ theo luật pháp của Mỹ, theo hồ sơ vi phạm nhân quyền. Tuy nhiên, vụ này đã cho các nhân viên ngoại giao Mỹ một trải nghiệm hữu ích để xử lý vấn đề nhạy cảm liên quan đến yêu cầu tị nạn.

“Tất cả những người ở Bộ Ngoại giao phụ trách vụ việc [Trần] đều tham gia giải quyết vụ Vương Lập Quân,” một quan chức Bộ Ngoại giao cho biết.

Koh quả quyết là có đủ tiền lệ để cấp cho Trần nơi ẩn náu trong ngắn hạn, và được chăm sóc y tế. Thật trớ trêu, chính cái chân bị gãy đã giúp ông được phép bước vào Đại sứ quán. Nhưng còn có những vấn đề phức tạp khác nữa, không chỉ là một cuộc khủng hoảng ngoại giao phát sinh nếu Mỹ can thiệp vào mối quan hệ giữa chính quyền Trung Quốc với công dân của họ. Hillary sắp có chuyến công du Trung Quốc để tham gia vòng đàm phán Đối thoại Chiến lược và Kinh tế, và bà biết rõ vụ của Trần có thể gây cản trở cuộc đàm phán.

“Thật ra, việc này dễ dàng với tôi,” Hillary nói lúc 1 giờ sáng. “Chúng ta không thể quay lưng với ông ấy được. Tôi hiểu rất rõ những vấn đề sẽ phát sinh, nhưng chúng ta xử lý được, và tôi thấy tự tin về việc này. Cứ làm đi. Cho Nhà Trắng biết được chúng ta làm điều này thế nào, để họ có cái nhìn khác. Đưa ông ta đến đây.”

Sau đó, bà tiếp tục ngủ, để các trợ lý của mình hoàn tất nốt các thủ tục cuối cùng.

“Đó là một ví dụ nữa về việc bà không né tránh vấn đề phức tạp,” một người tham gia cuộc thảo luận nói. “Bạn có thể lập luận rằng trước những vấn đề đặc biệt liên quan đến tính mạng, nếu bạn không muốn dính líu, bạn sẽ im lặng, và sự im lặng cũng có sức nặng của nó, như vậy rồi cuộc ông ta sẽ không vào được Đại sứ quán.”

Nếu đó là quyết định dễ dàng, thì sự khó khăn trong việc thi hành lại chứng tỏ vấn đề phức tạp hơn. Trên thực tế, Trần là một kẻ chạy trốn. Nếu ông ta đi nhờ xe của một người bạn Trung Quốc đến Đại sứ quán, có thể cả hai sẽ bị chặn lại và bị bắt giữ. Cách giải quyết là Mỹ đưa một chiếc xe tải nhỏ đến điểm hẹn để đón, còn Trần cũng đến điểm hẹn bằng một chiếc xe tải nhỏ khác. Xe của Mỹ sau đó sẽ đưa ông ta đến Đại sứ quán an toàn. Về mặt kỹ thuật, ông ta không có quyền ưu tiên miễn trừ ngoại giao chỉ nhờ việc nhảy lên xe của Đại sứ quán Mỹ, nhưng các quan chức Bộ Ngoại giao khẳng định không có khả năng Trung Quốc sẽ tạo ra một vụ đụng độ để chặn chiếc xe của người Mỹ lại.

Giống một cảnh rượt đuổi xe trong phim, nhưng ở ngoài đời thực, lái xe của cả hai chiếc xe tải nhận ra họ bị theo đuôi đến điểm hẹn. Một xe tải rẽ vào một con hẻm, chiếc còn lại đã ở đó, hướng theo chiều ngược lại. Cửa xe trượt mở và các nhân viên sứ quán Mỹ nắm lấy vạt áo của Trần, kéo mạnh ông ta vào xe họ, rồi phóng nhanh đến nơi an toàn là Đại sứ quán. Các xe của Trung Quốc đang ráo riết truy đuổi, đành dừng lại khi xe chở Trần đi vào trong cổng sứ quán.

Vài ngày sau, Đại sứ Mỹ Gary Locke, cùng Koh và Campbell đến Bắc Kinh để “tìm hiểu Trần muốn gì và sau đó thỏa thuận với Trung Quốc đáp ứng những gì ông ta muốn,” theo một nguồn tin tham gia các cuộc thảo luận.

Trần là người nổi tiếng trong cộng đồng nhân quyền quốc tế, nhưng không nổi tiếng với công chúng. Ông muốn được điều trị ở một bệnh viện và đoàn tụ với gia đình, sau đó được phép nhập học tại một trường đại học ở Trung Quốc. Ông ta không muốn tị nạn lâu dài tại sứ quán hoặc tới Mỹ. Phía Trung Quốc cơ bản đồng ý yêu sách đó. Campbell gọi điện cho Hillary khi máy bay của bà đang trên đường đến Bắc Kinh để dự Đối thoại Chiến lược và Kinh tế, thông báo rằng thỏa thuận đã được thông qua. Bộ Ngoại giao đã tung một đòn mạnh mẽ vì tự do. Hoặc gần như thế.

Ít giờ sau, Campbell gọi điện lại thông báo Trần có thái độ ngần ngại và vẫn ở trong Đại sứ quán Mỹ, không muốn rời nơi trú ẩn an toàn này để đến điều trị ở bệnh viện, dù chính quyền Trung Quốc đã bảo đảm không bắt giữ ông ta. Một quan chức Mỹ cho biết, “Trần là người dễ bị

kích động. Ông ta có lý do để lo sợ.” Dù trong tay đã có thỏa thuận giữa Trung Quốc và Mỹ, nhưng ông ta vẫn không thấy an toàn.

Khi máy bay chở Hillary hạ cánh, bà đến dự khai mạc cuộc đối thoại, còn Sullivan quay lại sứ quán để thuyết phục Trần tới bệnh viện điều trị. Cuối cùng, ông ta đồng ý đi với sự hộ tống của nhân viên Đại sứ quán Mỹ. Trên đường đến bệnh viện, ông ta yêu cầu được nói chuyện điện thoại với Hillary. “Tôi muốn hôn bà để cảm ơn,” ông ta nói.

Hillary ra tuyên bố, khẳng định Trần đã được đưa ra khỏi sứ quán.

Trong một nỗ lực nhằm giữ thể diện, Trung Quốc đưa ra chỉ trích cay nghiệt với tuyên bố này. Sự can thiệp của Mỹ là “hành động can thiệp công việc nội bộ của Trung Quốc và hoàn toàn không chấp nhận được,” yêu cầu Mỹ phải “xin lỗi về điều đó” và “tiến hành điều tra kỹ lưỡng vụ việc này, giải quyết với tinh thần trách nhiệm và hứa sẽ không để lặp lại sự việc tương tự.” Việc chỉ trích công khai đó chỉ là cái giá nhỏ mà Mỹ phải trả để bảo đảm tự do của Trần. Nhưng sau đó tình hình diễn biến phức tạp hơn. Sáng hôm sau, Trần nói với các quan chức Mỹ là đã đổi ý. Ông ta muốn rời Trung Quốc đến Mỹ cùng gia đình, và điều này bắt đầu gây áp lực chính trị mạnh mẽ với Hillary.

Khi các quan chức Trung Quốc và Mỹ còn đang nỗ lực giải quyết vụ việc, Trần đã tận dụng các mối quan hệ với giới hoạt động nhân quyền nhằm kêu gọi một buổi điều trần tại Ủy ban về vấn đề Trung Quốc của Nghị viện, cơ quan do Nghị viện lập ra để giám sát mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Phiên điều trần do Nghị sĩ Chris Smith (R-N.J.), một nhân vật bảo thủ hàng đầu chuyên vận động về quyền con người và là người luôn chỉ trích Hillary, chủ trì; tại đó Trần cho biết ông ta không hài lòng với thỏa thuận về vụ việc vừa qua.

Sau khi kết thúc cuộc đua trở thành ứng viên tổng thống của Đảng Cộng hòa, Romney đã chớp ngay được cơ hội từ vụ việc đó. Ông ta có thể tấn công tổng thống vì buông lỏng chính sách đối ngoại, và chia rẽ Obama với Hillary. Romney phát biểu trong chiến dịch tranh cử ở bang Virginia, “Theo các báo cáo, và nếu những thông tin đó là đúng, dường như Đại sứ quán của chúng ta đã thất bại trong việc áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho Trần và gia đình ông ta. Nếu các báo cáo trung thực, thì đây là một ngày đen tối của tự do và cũng là ngày tủi hổ của chính quyền Obama. Chúng ta ủng hộ tự do tại đất nước này và cả trên thế giới, chúng ta phải bảo vệ tự do khỏi bị xâm phạm, ở bất cứ nơi nào.”

Chuyện này đã tiếp thêm sức nặng cho chỉ trích của Romney rằng chính quyền Obama đang suy yếu trong việc đề cao các giá trị dân chủ. Romney thậm chí đã sử dụng từ “tự do” đến ba lần để đóng đinh quan điểm này. Một số nhân viên ngoại giao đã đọc các bài báo được chuyển đến từ Mỹ, trong đó dường như đang đổ lỗi cho họ vì đã quá tin người Trung Quốc – mặc dù đó chỉ là Trần, chứ không phải chính quyền Trung Quốc – trong khi họ đã không giữ lời hứa.

Sullivan và Campbell đã gặp Thứ trưởng Ngoại giao Cui Tiankai (Thôi Thiên Khải). Campbell nói rằng, nước Mỹ cảm ơn phía Trung Quốc về những nỗ lực chung, nhưng hai bên phải thay đổi thỏa thuận.

Sẽ không có thay đổi nào cả, Thôi nói.

Campbell cố thuyết phục rằng Sullivan rất có ảnh hưởng với Hillary và Obama, và ông ta sẽ trực tiếp chuyển thông điệp tới họ.

Khi đoán rằng chuyện có vẻ đã đi quá xa, Sullivan liền quay lại với nội dung chính. Sullivan nói, tổng thống và ngoại trưởng đều muốn thực hiện những điều đó cho Trần.

Nhà ngoại giao kỳ cựu Thôi vẫn không đổi thái độ.

Hai nhân viên cấp cao của Mỹ, vốn đang mệt và đói sau các chuyến ngoại giao con thoi liên tục, đã nhận ra đây là sự trách phạt nghiêm trọng khi Thôi không cho đem đồ ăn ra.

Khi vụ bê bối này bị tiết lộ, Hillary nhận được những thông tin cập nhật từ các trợ lý trong giờ nghỉ tại cuộc họp Đối thoại Chiến lược và Kinh tế. Sau đó, bà triệu tập một số quan chức

cấp cao của Bộ Ngoại giao vào một phòng họp nhỏ để lên dây cót tinh thần.

Bà nói, “Chẳng ai làm sai điều gì cả.” Cả Bộ Ngoại giao và nhân viên Đại sứ quán đã làm việc “bằng niềm tin” và nỗ lực hết mình trong mọi tình huống. Bà không muốn việc Trần thay đổi quyết định lại gây ảnh hưởng xấu đến những người đang làm việc chăm chỉ để bảo vệ ông ta. Vẫn còn thời gian để cứu vãn mọi thứ.

Một nhân viên có mặt trong phòng cho biết, “rõ ràng Hillary đang bảo vệ nhân viên của mình.”

Khi trở về Washington, các quan chức Nhà Trắng quan tâm sát sao tình hình đang diễn biến phức tạp, được đưa tin trên mặt báo và trở thành vấn đề lớn trong chiến dịch tranh cử. Sullivan gọi cho Denis McDonough thông báo rằng vẫn có một số vướng mắc trong việc giải quyết tình hình.

McDonough trả lời ngắn gọn, “Tôi biết rồi.”

Tham khảo ý kiến các trợ lý của Nhà Trắng sau khi trở về Washington, các quan chức Bộ Ngoại giao quyết định rằng chỉ có Hillary mới có thể ép phía Trung Quốc đồng ý với bản thỏa thuận thứ hai – và sẵn sàng đối mặt với thất bại.

Một quan chức Mỹ đang làm việc tại Trung Quốc nói, “Chúng tôi biết rằng bà ấy sẽ có một vở diễn lớn.”

Kế hoạch là ngày hôm sau phải đưa Hillary tới gặp Dai Bingguo (Đới Bình Quốc), Ủy viên Bộ Chính trị Trung Quốc đầy quyền lực, bà sẽ trình bày trực tiếp, rõ ràng sự việc với ông ta và khẳng định đây là thời điểm tốt nhất để cả hai bên điều chỉnh tình hình. Theo một nguồn tin khác, “chúng tôi đã thống nhất về kế hoạch, các điểm cần thực hiện.”

Sáng hôm sau, các trợ lý của Hillary đã chuyển lời đến các đồng cấp Trung Quốc rằng Hillary muốn gặp riêng Đới bên lề bữa sáng chính thức của hội nghị. Phía Trung Quốc từ chối, nhưng người Mỹ đã chuẩn bị sẵn lý lẽ thuyết phục. Họ nói đây là lời đề nghị cá nhân của Hillary, và rằng Đới sẽ khó từ chối một lời đề nghị lịch sự. Khi Hillary gặp Đới ở trong phòng nhỏ, bà nói với ông ta rằng vấn đề của Trần đang nóng ở Mỹ. Hôm trước, Trần đã yêu cầu một buổi điều trần tại Nghị viện Mỹ.

Đới rất ngạc nhiên. Ông nói, Hillary đã nghe sai thông tin. Hẳn là Trần đã không gọi điện để yêu cầu điều trần tại Nghị viện Mỹ, đúng không?

Quyền lực và uy tín của Hillary có thể sẽ tạo cho bà không gian để hành động, nhưng bà cũng phải đặt uy tín bản thân lên hàng đầu. Mỹ đã phớt lờ tính hợp pháp để dành cho Trần quy chế tị nạn, rồi còn thương lượng với chính quyền Trung Quốc về tự do của ông ta, nhưng sau đó lại quay lưng với chính thỏa thuận đã được công khai giữa hai bên. Trần có thể là một người lập dị, nhưng có nhiều vấn đề đặt ra cho Hillary, cho Obama, và tất nhiên cho cả nhân vật bất đồng chính kiến khiếm thị thiếu tính nhất quán đó.

Nhưng Hillary vẫn cứng rắn, thể hiện bản lĩnh của mình. Bà nói, nếu Trung Quốc không thỏa thuận, thì niềm tin đang dần được xây dựng giữa hai quốc gia thông qua Đối thoại Chiến lược và Kinh tế cũng như các hoạt động khác sẽ đổ vỡ. Các quan chức Mỹ và Trung Quốc chuẩn bị hoàn tất cuộc đối thoại, và đã đi được nửa chặng trong nhiều vấn đề, từ biến đổi khí hậu đến luật biển quốc tế. Nhưng, một số vấn đề có thể không có kết quả cuối cùng nếu giải pháp cho câu chuyện của Trần không đạt được.

“Với cái nhìn sắc sảo và giọng nói bình tĩnh nhưng cương quyết, bà ấy đã cho Đới biết rằng, chúng tôi không nói đùa – đây là một vấn đề nghiêm trọng,” một quan chức Mỹ cho biết.

Hillary nói, “Nếu chúng ta không giải quyết vấn đề này, thì giữa chúng ta sẽ nảy sinh vấn đề.”

Nếu đây là một trò bịp, thì Đới đã không nhìn nó như thế.

Hillary nghĩ bà có giải pháp phù hợp với tất cả các bên. Nếu Trung Quốc tuyên bố Trần tự do

và cấp hộ chiếu cho ông ta, thì ông ta sẽ có thể đến Mỹ. Trung Quốc có thể nói họ đã xử lý vụ việc trực tiếp với công dân của họ. Phía Mỹ có thể chắc chắn rằng, nỗ lực bảo vệ Trần không vô ích. Và Trần có thể đưa gia đình tới Mỹ. Đói đồng ý với quan điểm đó và bảo trợ lý của mình làm việc với người của Hillary để lập kế hoạch cụ thể trình Thủ tướng Ôn Gia Bảo và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào.

Hồ đã gặp Đới và Thôi sau cuộc tiếp đoàn Mỹ, các quan chức xem đây là tín hiệu cho thấy kế hoạch được xem xét một cách nghiêm túc. Giữa ngày hôm đó, sau khi làm việc với các cộng sự Mỹ, các quan chức Trung Quốc đưa ra tuyên bố rằng Trần có quyền hợp pháp nộp đơn xin cấp hộ chiếu. Sau đó, phải mất vài tuần để mọi thứ được thực hiện đúng kế hoạch. Cuộc nói chuyện mặt đối mặt của Hillary với Đới đã biến một thảm họa chính trị thành một thành công ngoại giao cho chính quyền Obama và bảo toàn thành công cuộc Đối thoại Chiến lược và Kinh tế mà Hillary đã dày công xây dựng.

Một trợ lý cấp cao của Hillary cho biết, “Bà ấy đầu tư rất nhiều vào các mối quan hệ cá nhân. Bà dành nhiều thời gian trong các cuộc họp, không chỉ đưa ra những vấn đề cần xử lý, mà còn để tìm hiểu về những người khác, hỏi về những điều họ quan tâm. Vì thế bà ấy tạo dựng niềm tin cơ bản với người khác rằng mình không phải có mặt ở đó chỉ để làm việc, mà thực chất đang xây dựng các mối quan hệ. Với Đới, bà ấy có mối quan hệ từ rất lâu rồi.”

Thay vì là “ngày đen tối cho tự do” và “ngày tử huyệt” của Obama như Romney tuyên bố, hoạt động ngoại giao của Hillary đã tạo ra thành công lớn về nhân quyền. Nước Mỹ đã giải phóng được một người Trung Quốc xin tị nạn bằng chính sự đồng ý của Trung Quốc. Bà đã quyết định giải quyết vấn đề của Trần mà không xin phép Nhà Trắng, và trong ít nhất một ngày, mọi chuyện diễn ra như thể bà sẽ thất bại, mất mặt và gây thiệt hại ghê gớm cho chiến dịch tranh cử của Obama. Nhưng cuối cùng, chỉ trích của Romney đã thất bại ngay từ đầu. Phần thắng trong “vở kịch” Trần đã thuộc về Obama.

Cùng thời gian đó, Hillary đang vận động Nhà Trắng về một vấn đề khác có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng đối với chiến dịch tranh cử. Bà muốn đưa ra lời xin lỗi với Pakistan về sự kiện NATO không kích vào Peshawar khiến hơn hai tá binh lính Pakistan thiệt mạng hồi tháng Mười một năm 2011. Cuối năm 2010 và đầu 2011, khi những nỗ lực của Hillary nhằm lôi kéo các lãnh đạo phụ trách ngoại giao và phát triển của Pakistan bị phá hỏng bởi các cuộc không kích bằng máy bay không người lái và các chiến dịch chống khủng bố của Mỹ, mối quan hệ giữa hai nước xấu đi, không còn nhiều lý do để Mỹ trở lại chú trọng vấn đề đó nữa. Mối quan hệ giữa hai nước hầu như tan vỡ khi biệt đội SEAL 6 của Mỹ tập kích khu nhà mà Bin Laden ẩn náu và NATO tấn công, phá tanh bành những gì còn lại của khu nhà. Ngay lập tức, Pakistan yêu cầu CIA ngừng ngay các hoạt động của máy bay không người lái ở một căn cứ không quân; và quan trọng hơn, Pakistan đóng cửa các tuyến tiếp viện từ cảng Karachi ở biển Ả-rập, đến Afghanistan, buộc Mỹ phải dựa vào tuyến đường phía bắc đi qua Nga. Điều này đã giúp Nga có thêm đòn bẩy trong mối quan hệ chính trị nhạy cảm với Mỹ.

Hillary cho rằng, Mỹ cần làm theo yêu cầu của Pakistan và đưa ra lời xin lỗi – một lỗi lầm đã cướp đi sinh mạng của các binh lính Pakistan, và ít nhất trước khi trả lời câu hỏi liệu việc làm này là đúng hay sai, thì một lời xin lỗi sẽ phục vụ tốt nhất lợi ích của Mỹ, gìn giữ mối quan hệ đang dần lạnh nhạt với một đất nước vừa là nơi ẩn náu của bọn khủng bố vừa là nơi cất chứa đầu đạn hạt nhân. Hơn nữa, sử dụng tuyến đường qua Nga sẽ tiêu tốn tiền và thời gian của Mỹ. Bà nghĩ, việc đứng lên xin lỗi công khai chẳng gây hại gì cho nước Mỹ, trong khi việc từ chối xin lỗi sẽ phải trả giá cả bằng tiền của lần cuộc chiến ở Afghanistan.

Nhưng Hillary vấp phải phản ứng của Nhà Trắng, Lầu Năm góc và cộng đồng tình báo. Bộ Quốc phòng và CIA nghĩ rằng, Pakistan nợ nước Mỹ một lời xin lỗi vì ít nhất họ đã thất bại trong việc ngăn chặn các cuộc tấn công vào quân đội Mỹ. Một số quan chức tin rằng chính quyền Pakistan phải chịu trách nhiệm về điều này.

Thứ trưởng Quốc phòng Tom Nides, người kế nhiệm Jack Lew, nói rằng, “Có nhiều lo ngại về những hành vi của phía Pakistan, họ nên xin lỗi chúng ta vì những gì họ gây ra cho binh lính Mỹ

trên đất Pakistan.”

Việc Romney cáo buộc Obama thực hiện “chuyến đi tạ lỗi” càng khiến tình hình trở nên khó khăn hơn để tổng thống có thể đưa ra lời xin lỗi Pakistan, nơi mà người Mỹ biết rằng Bin Laden đã lẩn trốn từng đó thời gian. Romney có thể lợi dụng điều này để công kích Obama rằng tổng thống thích xin lỗi.

Nides, nhà phân tích kỳ cựu về Wall Street và các vấn đề chính trị trong nước, nói về mối lo ngại ngấm ngầm hiện nay trong các cuộc tranh cãi nội bộ như sau, “Khi bạn ra trước công chúng và nói xin lỗi, thì một số người thuộc Đảng Cộng hòa sẽ nhảy lên và hỏi ‘Ồi Chúa ơi, tại sao bạn phải xin lỗi Pakistan?’”

Nhưng Hillary nghĩ rằng, việc xin lỗi rất quan trọng đối với lợi ích của Mỹ và bà sẵn lòng chấp nhận chỉ trích nếu đó là một bước lùi chính trị của Mỹ. Bà nói, “Nếu người ta chỉ trích tôi vì đã nói xin lỗi, kệ họ. Tôi chấp nhận hết.”

Bà cử Nides đến Pakistan để mở một kênh liên lạc không chính thức với Bộ trưởng Tài chính Abdul Hafeez Shaikh. Pakistan đang mất dần nguồn thu do đóng cửa tuyến tiếp viện, và Hillary tin rằng họ cũng muốn giải quyết xung đột vì lợi ích của chính mình.

Nides và Shaikh thảo luận kỹ lưỡng về ngôn từ mà Hillary muốn thể hiện nhẹ nhàng trong lời xin lỗi, và Pakistan sẽ mở lại tuyến tiếp viện. Hillary tin rằng “khả năng chấp nhận mình có lỗi thể hiện sức mạnh, chứ không phải nhược điểm.”

Sự đề cao Pakistan của Hillary thông qua những chuyến công du và gặp mặt trực tiếp với các nhà lãnh đạo và người dân hai nước, đã giúp bà trở thành quan chức Mỹ có uy tín cao nhất ở đất nước này. Một quan chức cấp cao trong chính quyền Obama phụ trách về Pakistan nói, “Tôi thật sự ngạc nhiên khi thấy người dân Pakistan yêu quý Hillary và ghét Obama, về cùng một chính sách. Đây đúng là một thành công.”

Văn bản đó được hoàn thành sau một cuộc điện thoại đường dài vào ngày 3 tháng Sáu giữa Hillary và Hina Rabbani Khar, người đồng cấp phía Pakistan. “Chúng tôi rất lấy làm tiếc về những mất mát mà quân đội Pakistan đã phải gánh chịu. Chúng tôi cam kết hợp tác chặt chẽ với chính quyền Pakistan và Afghanistan để không xảy ra điều tương tự,” Hillary nói trong phát biểu xin lỗi. “Bộ trưởng Khar đã thông báo với tôi rằng các tuyến tiếp viện trên bộ đến Afghanistan đã được mở cửa trở lại.”

Romney, người đặt tên cho cuốn sách trước chiến dịch tranh cử là *No Apology* (Không xin lỗi), đã chấp nhận không chỉ trích Obama vì đã đáp ứng yêu cầu đòi Mỹ xin lỗi của Pakistan. Ông ta bảo các cố vấn rằng mình thấy có sự khác biệt giữa một lời xin lỗi vô hại vì nước Mỹ và nói “lấy làm tiếc” trong một tình huống cụ thể. “Đại diện cho một quốc gia, bạn không xin lỗi vì quốc gia của mình, vì lợi ích quốc gia của mình hay vì quan điểm của mình.” Romney nói. “Tất nhiên bạn phải xin lỗi vì lỗi lầm, nhưng điều đó khác với việc xin lỗi vì bạn là ai.”

Một trong những cố vấn của Romney nhớ lại, “Đó là một trong những tình huống mà ông ta không muốn dự vào.”

Thông qua Nides, Hillary đã tìm ra cách thức vượt qua mối quan hệ đang căng thẳng giữa các lực lượng quân đội và tình báo hai nước để tìm ra giải pháp mang lại lợi ích cho cả Mỹ và Pakistan. “Lời xin lỗi đầy nghệ thuật” của Hillary – một trợ lý cấp cao của bà gọi như vậy – đã mở lại những tuyến tiếp viện, chứ không mở ra cơ hội nào cho Romney lợi dụng cả.

14. Hóa đơn đáo hạn

Ngày 29 tháng Tư năm 2012, hơn 500 nhà tài trợ tập trung tại sân sau tòa lâu đài rộng 7 nghìn ha của Terry McAuliffe nằm trên đường Old Dominion Drive, McLean, khu ngoại ô sang trọng ở Washington, nơi con cái của Robert F. Kennedy lớn lên. Vấn đề nóng bỏng nhất thời điểm này là việc ông trở thành người gây quỹ nổi tiếng, McAuliffe đang muốn tranh cử thống đốc lần thứ hai năm 2013. Nhưng ông chưa mở hết các rào chắn vào buổi tối 60°F ấy để thu đầy tiền vào kết quả của mình. Những nhà tài trợ có mặt tại lâu đài để chứng kiến hai vị tổng thống – Bill Clinton và Barack Obama – tại sự kiện đầu tiên trong một loạt hoạt động gây quỹ cho chiến dịch tái tranh cử.

Việc ve vãn của Obama đối với Bill Clinton đang phát huy tác dụng. Bằng giá đã tan, kể cả khi sự hưởng ứng của Bill mang tính tư lợi hơn là chân thành. Quyền góp tiền cho Obama sẽ mở ra những cánh cửa đến với các nhà tài trợ mà Hillary cần để trả những khoản nợ cuối cùng. Nhưng trước khi tiền được đổ vào tài khoản của bà, Bill phải chứng minh được mình là thống soái tận tụy trong chiến dịch của Obama.

Bill thông báo trong buổi tối hôm đó rằng ông đang ủng hộ cho tổ chức Priorities USA, Ủy ban Hành động Chính trị ủng hộ Obama do các trợ lý cũ của Nhà Trắng là Bill Burton và Sean Sweeney sáng lập. Tổ chức này khởi đầu chậm chạp chủ yếu do Obama đã dành quá nhiều thời gian chỉ trích công khai các Ủy ban Hành động Chính trị, đến nỗi nhiều nhà tài trợ tự do không muốn dính líu đến các tổ chức đó. Đến lúc đó mới được vài tháng kể từ khi Obama có những lời khen ngợi tổ chức Priorities USA, và vấn đề quyền góp tiền vẫn chưa được giải quyết. Từng là người gây quỹ tiên phong trong kỷ nguyên “tiền mềm” vô tận, Bill đã ủng hộ Obama để kêu gọi một nhóm nhỏ các nhà tài trợ đóng góp những khoản tiền lớn.

Nhân tố quan trọng hơn với Obama, người đang phải vật lộn với nền kinh tế kém năng động và các khoản nợ công ngày càng cao, đó là các chính sách của mình được thông qua nhờ vị tổng thống tiền nhiệm có được thắng dư ngân sách. Vào thời điểm đó, lời khen ngợi của Bill dành cho Obama có vẻ yếu ớt hơn so với thời gian sau này.

Bill nói, “Obama xứng đáng tái cử. Tôi nghĩ ông ấy đã làm tốt trong nhiệm kỳ vừa qua. Ông ấy đang đấu tranh với những chuẩn mực lịch sử đã gây sụp đổ thị trường tài chính và chứng khoán. Tôi cho rằng, điều cuối cùng bạn nên làm là nhìn quanh mình và khoanh vùng những chính sách đã đẩy chúng ta vào khó khăn.”

Clinton thật sự đã làm nóng bầu không khí. Trong cuộc phỏng vấn trực tiếp sau đó được tổ chức trong một trang trại lớn, đủ cho 80 nhân vật quan trọng, bộ đôi tổng thống tỏ ra khá thoải mái. Ngồi cạnh nhau trên một chiếc ghế dài, Obama và Clinton chơi trò tung hứng, trong đó Clinton đảm nhận vai phụ xuất sắc nhất. Ca sĩ will.i.am [William James Adams Jr] hỏi Obama về chính sách giáo dục. Khi chưa hài lòng với câu trả lời, anh ta ép Obama phải trả lời tiếp. Clinton đã đứng ra trả lời và bảo vệ tổng thống. Phiên trả lời trực tiếp kéo dài gần một tiếng. Khi cuộc tung hứng giữa hai người kết thúc, Clinton chào tạm biệt Obama. Không có máy quay hay bóng dáng của phóng viên, hai tổng thống đã chia sẻ với nhau giây phút riêng tư, không bị quấy nhiễu.

Obama nói với Clinton, “Cảm ơn ông đã giúp đỡ.”

Clinton đáp, “Tôi đến đây để làm những gì tôi có thể.”

Họ không bắt tay. Họ ôm nhau.

Một quan chức Đảng Dân chủ chứng kiến cái ôm thắm thiết cả về tình cảm và chính trị giữa hai người đàn ông, nói, “Trong buổi tối hôm đó, có thể thấy rằng cho dù họ có vấn đề gì trong quá khứ, thì sự kiện này đã kéo họ lại gần nhau hơn.”

Ngay trước khi Bill thông báo chấm dứt cuộc mặc cả về các khoản nợ, thì Matthew Barzun – trưởng nhóm gây quỹ cho Obama, người từng tham dự bữa tối chiêu đãi các đặc sứ của tổng thống và nhóm Hillaryland, tại Cosmos Club hồi đầu năm 2009 – đã phát biểu trước những nhà tài trợ hàng đầu của Obama rằng, đây là thời điểm thanh toán dứt điểm món nợ cho Hillary Clinton. Sự kiện đồng quyền góp được tổ chức tại nhà của McAuliffe ngày 29 tháng Tư, đến tháng Năm và tháng Sáu, hàng chục nhà tài trợ của Obama, gồm cả Tổng Biên tập Anna Wintour của tờ *Vogue*, đã đóng góp trả nợ cho Hillary, giảm số nợ từ 245.000 đô-la xuống còn 100.000 đô-la vào cuối tháng Sáu. Tuy nhiên, không có nhà tài trợ lớn nào của Obama chi cho Hillary trong năm 2012 trước khi Bill xuất hiện tại buổi gây quỹ của Obama vào tháng Tư. Đó là hành động trả công cho việc Bill đã góp phần kêu gọi quyền góp cho Obama.

Các vết sẹo mà phe Obama và Clinton gây ra cho nhau không thể quên được, nhưng ít nhất chúng cũng được tha thứ. Tuy nhiên, lúc chiến dịch tranh cử bắt đầu nóng dần vào xuân và hè năm 2012, lại phát sinh một câu chuyện chính trị thú vị. Vừa cùng Obama chôn chiếc rìu xuống, Bill Clinton lại đào nó lên, đánh vào những nhà chính trị đã ủng hộ Obama trong chiến dịch tranh cử 2008, tên của những chính trị gia đó được đưa vào “danh sách đen” sau bầu cử sơ bộ. Vì vị trí chính trị của mình và vì tương lai của Hillary, Bill phải cố gắng tạo dựng mối quan hệ thân thiết với Obama, nhưng sẽ không có chuyện tha thứ và xí xóa cho những kẻ phản bội bạn bè và đồng minh. Một kỳ tranh cử tổng thống trôi qua, Bill vẫn quyết tâm lấy lại những gì thuộc về mình. Quá trình tái phân chia địa lý hành chính diễn ra 10 năm một lần đã tạo ra những nhân tố quan trọng của Đảng Dân chủ, trong đó cứ một ứng viên ủng hộ cho Obama thì lại có một ứng viên khác ủng hộ Hillary.

Chỉ vài ngày trước sự kiện gây quỹ tại nhà McAuliffe, tiếng chuông từ nhà Clinton đã vọng đến Jason Altmire, Nghị sĩ bang Pennsylvania, người từng rút lại sự ủng hộ siêu đại biểu của mình vào năm 2008 khiến Hillary tức giận. Đầu năm Bill đã vất vả giúp đỡ Kathleen Kane, một người ủng hộ Hillary, trong cuộc vận động sơ bộ cho chức chủ tịch bang Pennsylvania của Đảng Dân chủ. Bà đang chạy đua với Patrick Murphy, bạn của Altmire, một chính trị gia Đảng Dân chủ, đã ủng hộ ông Obama từ đầu chiến dịch tranh cử 2008 và đang cố gắng trở lại chính trường sau khi bị mất ghế ở Thượng viện vào tay một chính trị gia Cộng hòa năm 2010.

Khi Bill lên tiếng ủng hộ Kane vào cuối tháng Ba năm 2012, Altmire nhận ra đó sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Ông ta gọi cho một trong những chuyên gia cố vấn hàng đầu của mình là Rachel Heiser, và nói rằng thật đáng lo ngại nếu Bill can thiệp cuộc đua vào vị trí chủ tịch bang này chỉ để trả thù cho thất bại năm 2008, vì bước tiếp theo của Bill sẽ là đánh bại ông ta. Trong lúc đó, Altmire là ứng viên nặng ký để đánh bại Mark Critz, cũng là đại diện của Đảng Dân chủ trong lần chạy đua trước khi diễn ra việc thay đổi địa phận hành chính, vì địa phận hành chính mới sẽ có nhiều người ủng hộ cho Altmire hơn là cho Critz. Nhưng Bill đã giúp Critz có thành tích hơn cả ông chủ cũ của mình là John Murtha, đại diện Đảng Dân chủ và là người ủng hộ Hillary năm 2008.

Ngày 12 tháng Tư, khoảng hai tuần trước khi cuộc chạy đua quan trọng diễn ra, lo lắng của Altmire đã thành hiện thực. Bill phát biểu, “Tôi rất tự hào khi ủng hộ Mark Critz chạy đua vào Nghị viện. Tôi biết Mark sẽ tiếp tục các nỗ lực của mình để tạo thêm việc làm, củng cố tầng lớp trung lưu, bảo vệ các đạo luật về an ninh xã hội và y tế, và làm tất cả những điều có lợi cho bang Pennsylvania cũng như đất nước chúng ta.”

Critz lập tức biến sự ủng hộ của Bill thành một chương trình quảng cáo trên truyền hình, và trong ngày bầu cử chính thức ông ta giành được nhiều hơn Altmire 1.489 phiếu trong tổng số 63.000 cử tri đi bầu. Critz chiến thắng ở quận Cambria, nơi Bill đã vận động cho ông ta trong cuộc bầu cử đặc biệt năm 2010, với 91% phiếu ủng hộ. Không thể xác định Bill Clinton đã kêu gọi được bao nhiêu phiếu bầu ủng hộ, nhưng mọi người tham gia cuộc đua này đều đồng quan điểm rằng, sự ủng hộ của Bill đối với Critz mang tính bước ngoặt. Altmire nhận định, “Sự ủng hộ này quả thật có tác dụng lớn.”

Cũng trong ngày hôm đó, Kane tiếp tục đánh bại Murphy, người có sự ủng hộ từ cố vấn của Obama là David Axelrod, với tỉ lệ 53% so với 47%. Trong khi Kane tiếp tục chiến thắng ở cuộc

tổng tuyển cử, sự ủng hộ của Bill Clinton với Critz có thể khiến Đảng Dân chủ mất một ghế ở Hạ Nghị viện: tháng Mười một, Critz đã thua Keith Rothfus của Đảng Cộng hòa, người bị Altmire đánh bại năm 2010, với tỉ lệ phiếu cao hơn chưa đầy 4%.

Nhưng mọi thứ đã cân bằng lại. Bốn năm sau khi Michelle Obama lôi kéo Altmire và Murphy khi nói rằng Barack Obama sẽ tấn công vào góc mù của Hillary, thì giờ đây Bill cũng tấn công vào góc mù của hai nhân vật này.

Nó cũng giống câu chuyện doanh nhân John Delaney gây chấn động chính giới bang Maryland vì đánh bại Rob Garagiola, lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện trong cuộc bầu cử sơ bộ tại quận mà Đảng Dân chủ chiếm ưu thế, ở ngoại ô hạt Montgomery giàu có thuộc Washington. Garagiola và bạn bè làm trong ngành tư pháp đã vẽ lại bản đồ hành chính của quận này để ông ta có thêm nhiều phiếu bầu vào Hạ viện. Ông cũng nhận được sự ủng hộ của Thống đốc Martin O'Malley, người phụ trách tổ chức của phe thiểu số trong Hạ viện Steny Hoyer (D-Md.), và đa phần các nhóm tự do ở bang này.

Thế nhưng, Delaney, người vận động quyền góp cho Hillary, đã có Bill bên vực. Delaney giành chiến thắng khá dễ dàng, một phần nhờ cuộc gọi mà Bill đã ghi âm lại cho ông ta. Một cựu trợ lý Bộ Ngoại giao tham gia các hoạt động của Bill kể, "Bill Clinton tham gia và gánh vác nhiều trách nhiệm để Delaney giành chiến thắng như bất kỳ ai."

Tháng Sáu, Bill đối đầu với Obama trong cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ tại bang New Jersey, bỏ phiếu lựa chọn hạ nghị sĩ giữa Bill Pascrell, 75 tuổi chuyên hút xì gà và là thành viên Ủy ban Thuế, với Steve Rothman, 59 tuổi thành viên Ủy ban Dự trữ với quyền uy không kém. Cả hai đều lần đầu tiên được bầu vào Hạ viện nhờ ảnh hưởng và thành công của Bill Clinton năm 1996. Pascrell đã ủng hộ Hillary vào năm 2008, trong khi Rothman lại ủng hộ Obama. Khi là tổng thống, Obama quá cẩn trọng, thậm chí khiến một số người cho đó là hẹp hòi, trong việc giúp các ứng viên từng ủng hộ mình chống lại các đối thủ của họ, nhất là trong các cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ. Trong dịp này, tại chính tổng hành dinh của ông ta, một trong số cố vấn của Obama đã tuyên bố ủng hộ một ứng viên được trọng vọng, giống như trường hợp Axelrod đã dành cho Murphy.

Khi Bill có mặt ở Paterson để vận động cho Pascrell, Obama phản đối với tư cách cá nhân. Tổng thống mời Rothman tới gặp ở Nhà Trắng, người ta đã chụp được ảnh hai người đi qua Rose Garden (Vườn Hồng). Những bức ảnh này không phải giả mạo. Rothman nói, "Tổng thống nói, ông ấy mời tôi đến Phòng bầu dục là để mọi người biết rằng ông ấy ủng hộ tôi tái tranh cử vào Nghị viện, như vậy tôi sẽ có thể giúp đỡ được ông ấy trong chương trình nghị sự nhiệm kỳ tổng thống thứ hai, như tôi từng giúp ông ấy trong lần tranh cử thứ nhất."

Nhưng, Obama đã không ủng hộ Rothman hết mình như Bill ủng hộ Pascrell. Trong cuộc chạy đua được xem là ngang sức, Pascrell đã giành 61% số phiếu so với 39% của đối thủ.

Obama có rất nhiều lý do để tránh những mâu thuẫn trong Đảng Dân chủ càng xa càng tốt, và đặc biệt là tránh thay mặt ứng viên khác xuất hiện tại các sự kiện vận động trước công chúng. Đứng ngoài việc ủng hộ trong các cuộc chạy đua khác, ông không tránh khỏi phải xa lánh một số người ủng hộ mình; hoặc sẽ bị xem là một nhà chính trị bẽ phái trong thời điểm những hy vọng của chiến dịch tái tranh cử phụ thuộc khả năng của ông trong việc nắm được lực lượng chính trị trung lưu. Tất nhiên, ông không có nhiều thời gian để vận động cho người khác. Còn Bill lại không bị bó buộc bởi hai vấn đề đó, nhưng vì Hillary có thể tham gia chạy đua thêm một lần nữa, nên Bill phải tránh tham gia các hoạt động vận động tranh cử có thể chọc giận các cơ sở của Hillary.

Có một trường hợp thay đổi, đó là khi Bill thôi ủng hộ cho Howard Berman, người đã phát động một chiến dịch toàn diện để thuyết phục ông không quyền tiền hoặc vận động cho Brad Sherman. Do hệ thống bầu cử mới ở bang California, Berman và Sherman đã đối đầu nhau hai lần, lần đầu trong cuộc bầu cử sơ bộ quan trọng vào mùa xuân và lần thứ hai là cuộc tổng tuyển cử bang diễn ra vào tháng Mười một. Tháng Năm năm 2012, Obama chính thức ủng hộ Berman bằng cách cho phép ông ta đi cùng xe với mình đến nhà George Clooney, một ngôi sao điện ảnh

và cũng là nhà gây quỹ cho chiến dịch tái tranh cử của ông. Nhưng sau khi phát biểu công khai ủng hộ Sherman, Bill đã không tham gia cuộc đua này nữa.

“Tôi tin rằng nỗ lực đó đã ngăn cản ông ấy làm thêm bất cứ điều gì,” Berman nói. “Ông ấy đã cân nhắc... Ông ấy không tiếp tục gây quỹ cho Brad, cũng không tới các sự kiện của Brad. Tôi không hiểu cặn kẽ lắm chuyện này.”

Nhưng tuyên bố này đã gây ra nhiều tác hại. Sherman vượt Berman 10 điểm trong vòng bầu cử sơ bộ và 21 điểm trong vòng bầu cử cuối cùng diễn ra vào tháng Mười một.

“Tôi không đổ lỗi cho Bill Clinton hay những gì ông ấy đã làm,” Berman nói. “Đó là về lòng trung thành. Tôi không thích điều đó, nhưng đó không phải là một sự thù địch với tôi. Đó là chính trị.”

Với Berman, Bill và Hillary đã giành chiến thắng kék. Với bạn bè của Berman, Bill được xem là một người trí tuệ. Nhưng chiến thắng của Sherman được chào mừng trên báo chí như thêm một dấu ấn trong chuyên mục về Bill, nó nuôi dưỡng quan niệm trong Đảng Dân chủ cho rằng, vượt mặt nhà Clinton là việc rất nguy hiểm.

Tất nhiên những thành viên khác trong Đảng Dân chủ đều hiểu được thông điệp của Bill. Cái giá phải trả khi vượt mặt gia đình Clinton đôi khi đắt bằng cả sự nghiệp chính trị. Hạ Nghị sĩ Gerry Connolly (D-Va.), ngưỡng mộ Hillary, đã nói về chiến dịch trả đũa của Bill Clinton như sau, “Chúng ta cần thừa nhận rằng, họ thậm chí đã suy nghĩ về việc Hillary sẽ tranh cử tổng thống vào năm 2016. Nếu bà ấy bị đánh bại tại vòng bầu cử sơ bộ, thì sau đó, nhiều người sẽ phải suy nghĩ rất lâu và rất khó khăn để quyết định ủng hộ đối thủ của bà. Việc ấy sẽ phải trả giá.”

Ngay cả khi Bill và Obama đối đầu trong “cuộc chiến tranh ủy nhiệm” thông qua các ứng viên là Pascrell và Rothman, họ vẫn theo đuổi ý tưởng Clinton ủng hộ Obama tái tranh cử. Một vài ngày sau vòng bầu cử sơ bộ ở bang New Jersey, cố vấn của Obama là Jim Messina và Axelrod đến thăm Bill ở phòng trên tầng chót khách sạn Sheraton gần cửa sông Chicago. Clinton có mặt ở đây để tham dự đại hội toàn quốc hằng năm của Đảng Dân chủ cùng với Doug Band, Justin Cooper, Jon Davidson và phát ngôn viên Matt McKenna. John Podesta, từng là Chánh văn phòng Nhà Trắng dưới thời Bill và là Giám đốc nhóm chuyển giao chức vụ tổng thống dưới thời Obama, gốc Thụy Sĩ.

Đó lẽ ra phải là một cuộc nói chuyện căng thẳng. Bill chỉ đưa ra hai tuyên bố đang tồn tại trong công luận có thể gây suy yếu sức tấn công của Obama đối với Romney: câu hỏi về vấn đề không gia hạn luật cắt giảm thuế đối với những người có thu nhập từ 250 nghìn đô-la trở lên; tiếp theo là sự kháng cự của Romney cùng các công ty tư nhân khi chiến dịch của Obama nhắm tới chỉ trích hồ sơ của ứng viên Đảng Cộng hòa tại Bain Capital.

Nhưng các trợ lý của Obama lại cho rằng, những bình luận của Bill chỉ có tính phi thực tế, chứ không mang ý nghĩa phá hoại. “Tôi không nghĩ rằng có bất kỳ ai tham gia chiến dịch tranh cử này nghĩ rằng ông ấy cố ý xói tung mọi thứ lên,” một trợ lý cấp cao của Obama nói. “Ông ấy muốn để lại một tài sản, và bản thân ông ấy là một tài sản lớn.”

Messina, người từ cửa sổ của phòng khách sạn của Clinton có thể nhìn thấy trụ sở chiến dịch tranh cử của Obama, chỉ muốn chắc chắn rằng “tài sản” đó được sử dụng một cách đúng đắn. Ông bắt đầu nói rất chi tiết với Bill về thông tin bỏ phiếu, số lượng cử tri và cơ sở hạ tầng chiến dịch. Những người khác rời khỏi phòng khi Bill và Messina dành hẳn một tiếng đồng hồ để bàn về những chi tiết cần thiết của chiến dịch tranh cử.

Theo một nguồn tin trong buổi họp, đây là thời điểm Bill bắt đầu quan tâm đến chiến dịch tái tranh cử của Obama. “Giống như hai gã mọt sách chuyên phân tích dữ liệu lớn nhất mà tôi từng biết, họ rà soát số liệu từng khu vực bầu cử, từ năm 2008 đến 2012.”

Messina đã thấy Bill Clinton đúng là người mà mình mong đợi – một cố vấn và chiến lược gia chính trị đẳng cấp thế giới. Trong khi đó, Clinton thích tính khăng khải của Messina khi đặt tất

cả những con bài trong chiến dịch tái tranh cử lên bàn. Cuộc trao đổi giữa hai người đi từ những thông tin chính trị sơ sài, đến những thông điệp chính trị và cách thức mà Bill có thể thể hiện được vai trò tích cực trong chiến dịch tranh cử. Clinton và Messina đã trao đổi thường xuyên suốt cả hè và thu.

Bill có một khả năng đặc biệt mà chỉ thấy ở một người khác: ông đã đánh bại một tổng thống đương nhiệm. Trên thực tế, kỳ tích này chỉ xuất hiện ba lần kể từ năm 1932 – một trong những người đang tại vị bị đánh bại trong các cuộc bầu cử là Tổng thống Gerald Ford. Chiến thắng của Bill trước Tổng thống George H. W. Bush vào năm 1992 và tái cử thành công trước Bob Dole vào năm 1996 đã cho ông cái nhìn đặc biệt sâu sắc về những điều cấu thành nên những quan điểm và đánh giá của cử tri đối với một tổng thống đương nhiệm. Yếu tố phổ biến gây ra thất bại khi tái tranh cử chính là nền kinh tế yếu kém và những nỗ lực của Obama trong việc vực dậy nền kinh tế Mỹ đã không thành công như mong đợi. Nếu Romney giành chiến thắng và nền kinh tế hồi phục, như nhiều chuyên gia dự đoán, điều này sẽ gây nhiều khó khăn cho Hillary khi bà tranh cử tổng thống năm 2016. Vì thế, kết quả tốt nhất cho Hillary là một chiến thắng của Obama kéo theo sự bùng nổ kinh tế. Cuối cùng, Bill không có lý do gì để ủng hộ Obama nửa vời, mà có đủ lý do để ủng hộ hết mình.

Do ngày càng không thích Romney, Bill lôi kéo được những người ủng hộ chủ chốt ở Charlotte tại DNC. Thời điểm mọi thứ bộc lộ là tháng Tám, khi Romney cố gắng khắc chế Obama bằng việc đề xuất quay lại luật cải cách phúc lợi xã hội mà Bill ký khi còn là tổng thống. Một nguồn tin thân cận của Bill Clinton cho biết, “Những người ủng hộ Romney quyết định nên tỏ ra thân thiện với Bill. Họ cố gắng chia rẽ Bill Clinton và Barack Obama trong vấn đề phúc lợi xã hội. Đó là một trong ba sai lầm chiến thuật lớn nhất của họ trong chiến dịch tranh cử.”

Một nửa nội dung cuốn sách của Bill viết rất hay về những thủ thuật lừa bịp hữu dụng trong cuộc chạy đua vào cơ quan chính quyền của một thị trấn, nhưng lại hoàn toàn vô ích trong chiến dịch tranh cử tổng thống. Nhảy cảm nghề nghiệp của ông bị xúc phạm một chút. Cuộc gặp Messina ở Chicago đã thuyết phục Bill đầu tư vận động cho Obama, và chương trình phúc lợi xã hội cho ông thêm động lực để đập lại Romney. “Càng ngày, người ta càng cảm thấy ông là một phần trong nhóm vận động tái tranh cử,” một cố vấn của Obama nhận xét.

Bill rất háo hức đẩy mạnh chiến dịch tái tranh cử không chỉ cho Obama, mà còn cho các ứng viên Thượng viện của Đảng Dân chủ – những chủ thể mạnh mẽ cho các cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng trong tương lai. Nhưng ông cần biến bài phát biểu của mình tại DNC thành bàn đạp thích đáng cho những nỗ lực đó. Romney đã chỉ trích Obama vì nền kinh tế thiếu vững chắc, và mục tiêu chính của Bill là biến thể giới quan của Romney thành cái nhìn của một gã nhà giàu cổ hủ, trong khi khoác lên vai Obama những thành tựu kinh tế mà nước Mỹ đạt được dưới thời ông làm tổng thống. Năm 2008 mọi người đều biết Bill bắt đầu ủng hộ Obama, nhưng thời điểm hiện nay khi chiến dịch tái tranh cử diễn ra, Bill đã có những hành động để mọi người hiểu rõ ông đang đứng ở bên nào.

Để chuẩn bị cho cuộc xuất hiện mang tính bước ngoặt trước công chúng – thời điểm của sự hồi sinh, hưng phấn về chính trị, Bill đã tập hợp quanh mình một nhóm như thời ông còn là tổng thống, những người có thể họp liên suốt 13 giờ: Paul Begala, Mark Penn, Joe Lockhart, Sandy Berger, Bruce Reed và Gene Sperling. Lockhart từng là Thư ký báo chí Nhà trắng dưới thời Bill, Berger là cố vấn an ninh quốc gia, Reed đứng đầu Hội đồng lãnh đạo Đảng Dân chủ theo hướng ôn hòa, và Sperling là cố vấn kinh tế hàng đầu. Reed và Sperling hiện làm việc cho Obama, họ là những nhân tố liên kết giữa hai nhóm Clinton và Obama. Người của Obama xem hai nhân vật này là cánh tay đắc lực làm nên điều thần kỳ cho Bill Clinton. Còn những người của Clinton xem họ là bạn bè cũ cho dù giờ họ đang làm việc với Obama. Theo thời gian, nhóm này đã thay đổi vai diễn, và khi Bill có bài phát biểu cổ điển đầy những nét thông thái tương phản, đã khiến người nghe nhớ đến cách ông nói hơn là nội dung bài phát biểu hơi dài.

Bill thu thập ý tưởng về bài phát biểu trước đó vài tuần, nói chung vẫn như bài phát biểu đã gửi cho Obama dù có chút thay đổi. Như cách Sinatra hâm nóng khán giả với bài “New York, New York”, [\(51\)](#) Bill không cần luyện tập nhiều. Ông tập dượt phát biểu chỉ một lần. Khi ông phát

biểu thử, công sự biết rằng ông sẽ phát biểu như vậy trên sân khấu. Văn bản bài phát biểu được chuyển đến văn phòng của Obama, nơi có David Plouffe, David Axelrod, Jon Favreau, và cả Obama đang lo lắng chờ đợi. Họ đã chỉnh sửa một chút. Sau đó, Bill bổ sung một số dữ liệu cũ không có trong bản nháp. Các nguồn tin nhanh chóng nhận ra những ghi chú mới của Bill so với văn bản được chuẩn bị sẵn mà nhóm vận động tái tranh cử của Obama gửi cho các báo. Đến 9 giờ 45 tối, Bill đã hài lòng với bài phát biểu; và nửa giờ sau, ông đã lên bục phát biểu.

Kế hoạch của Romney thiếu một phần quan trọng, như nhóm của Obama đã đề cập, đó là toán học. Nhưng Bill nói theo một cách khác. Với giọng điệu bình dân của một người thuộc tầng lớp thấp ở bang Arkansas dùng để nói với giới bình dân Mỹ trong hơn hai thập niên vừa qua, Bill đã sử dụng cách nói dài hơn để diễn đạt một khái niệm đơn giản mà mỗi người Mỹ từng học phổ thông đều hiểu được – đặc biệt là những từ ngữ cổ mà Obama thấy khó hiểu. “Hiện tại, mọi người luôn hỏi tôi, chúng ta đạt được thặng dư ngân sách bốn con số liên tục bằng cách nào? Những ý tưởng mới mà chúng ta mang đến Washington là gì? Tôi luôn có câu trả lời chỉ bằng một từ: Số học.” Số học, chứ không phải toán học. Đó là Clinton cổ điển, và khán giả nồng nhiệt tán thưởng. “Nếu họ áp dụng kế hoạch cắt giảm thuế năm tỷ đô-la – trong kế hoạch giảm thâm hụt ngân sách – thì dù họ có nói gì đi nữa số học sẽ cho chúng ta thấy một trong ba khả năng sẽ xảy ra.” Ông liệt kê ba vấn đề: các gia đình trung lưu phải nộp thuế nhiều hơn, những dịch vụ cơ bản bị cắt giảm, hoặc nợ công thậm chí cao hơn.

Sau đó, Clinton chuyển sự chú ý đến Paul Ryan, ứng viên phó tổng thống của Đảng Cộng hòa, người đã chỉ trích Obama về chương trình bảo hiểm y tế mặc dù Ryan cũng đề xuất cắt giảm ngân sách tương tự. Bill Clinton nói trong tiếng cười và vỗ tay tán thưởng, “Cái gã đó cần phải chịu vài roi vào mông vì đã làm đúng điều bạn làm.” Sperling sau này mới tâm sự rằng từ “roi” vốn không có trong bất cứ bản phát biểu nháp nào của Bill. Một trong những lời lẽ hay nhất được phát biểu trong đêm đó là do Bill ứng khẩu, hoặc được nhóm Obama thêm vào.

Obama theo dõi bài phát biểu từ một màn hình tivi ở bên cánh gà. Một trong những trợ lý quan trọng của tổng thống kể rằng, trong thời gian vận động tái tranh cử, có lúc Obama quên mình cũng cần phát biểu khi theo dõi Bill diễn giải những con chữ trong bài phát biểu thành một câu chuyện cuốn hút người nghe. Trợ lý của Obama nói, tổng thống thấy Bill rất “thú vị và vui tính,” và hứa với bản thân cùng những người khác rằng ông sẽ có những bài phát biểu cởi mở hơn khi không còn là tổng thống.

Có rất nhiều cách để nhìn nhận tình cảm mới mà Bill dành cho Obama, nhưng tựu trung ở một tính cách đặc trưng của gia đình Clinton trong công việc, đó là lòng trung thành. Từ quan điểm cao thượng nhất, Bill đã thể hiện được lòng trung thành với đất nước qua việc khích lệ ứng viên mà ông thấy là xứng đáng dẫn dắt đất nước nhất. Từ khía cạnh khác, Bill đã chứng minh được lòng trung thành với Đảng Dân chủ, như ông từng có từ ngày còn là lái xe cho Thống đốc Orval Faubus cho đến tận thời điểm bây giờ.

Ông cũng trung thành với việc đặt nền móng cho Hillary chạy đua chức tổng thống vào năm 2016. Nếu Hillary hy vọng giành được quyền đề cử rồi trở thành tổng thống, bà sẽ cần một Đảng Dân chủ thống nhất, vượt qua vết thương của cuộc bầu cử sơ bộ cay đắng năm 2008. Bill đã đề cập đến Hillary trong phần đầu bài phát biểu. Ông nói, Obama đủ khôn ngoan để lôi kéo những đối thủ của mình, với khả năng phán đoán rất tốt nên đã bổ nhiệm Hillary làm nhà ngoại giao. Kể từ năm 2008, một thế cờ chính trị được cả hai bên triển khai một cách hoàn hảo, Obama và Hillary liên kết với nhau trong vận mệnh chính trị của chính mình, cũng như trong những toan tính lợi ích của Bill nhằm chấn hưng hình ảnh của mình và đưa Hillary vào thế thuận lợi sẵn sàng cho cuộc vận động tranh cử tổng thống lần thứ hai. Mỗi lương duyên chính trị giữa Clinton và Obama mang lại nhiều trái ngọt hơn những gì họ có thể tưởng tượng trước đó bốn năm.

Một buổi chiều ở Dili, thủ đô của Đông Timor, Hillary kết thúc cuộc họp với tổng thống, thủ tướng nước chủ nhà và các nhân viên Đại sứ quán Mỹ sở tại. Trước khi bay sang Brunei để dự bữa tối với nhà vua, bà tới nhà riêng của Đại sứ Mỹ để xem lại bản ghi âm bài phát biểu của

Bill. Các trợ lý đã thực hiện vài thao tác để bà xem được hình ảnh. Đầu tiên, sau một vài thử nghiệm, họ khẳng định máy tính cá nhân của đại sứ là chiếc máy tính duy nhất tải được bản ghi mà Philippe Reines gửi bằng thiết bị Slingbox từ căn hộ của mình ở Washington DC.

Sau đó, không cảnh báo trước, họ ngắt kết nối Internet của tất cả phóng viên để bảo đảm đường truyền đến nhà đại sứ đủ mạnh. Khi Hillary ngồi xuống ghế, các trợ lý đã ngồi chặt kín giường của đại sứ đặt phía sau ghế bà ngồi để theo dõi đoạn ghi hình.

Nick Merrill, một thư ký báo chí có sở thích chụp ảnh, cố lén chụp bà khi bà đang dán mắt vào màn hình. Nhiệm vụ này khá khó khăn bởi âm thanh khá to phát ra từ chiếc máy ảnh Canon 7D khi ở chế độ chụp nhanh tám ảnh mỗi giây. Merrill chuyển sang chế độ chụp đơn, cúi người xuống phía sau tủ quần áo để chụp, tránh để Hillary nhận ra mình đang bị chụp trộm. Cuối cùng, ông ta rón rén lại gần và chụp được một bức ảnh đáng nhớ khi Hillary đang mỉm cười, bàn tay đặt lên ngực, một cử chỉ biểu hiện lòng tự hào khi bà xem đoạn ghi hình. Trong bức ảnh, người ta thấy một chiếc bánh sandwich ăn dở trên bàn làm việc. Hillary tỏ ra hài lòng khi Obama bước ra sân khấu chúc mừng chồng bà. Sau đó, những trợ lý của bà cũng hơi ngạc nhiên khi thấy Hillary như bị thôi miên cho dù bà đã nghe chồng bà diễn thuyết không biết bao nhiêu lần suốt hơn 30 năm qua.

Khi Bộ Ngoại giao cho đăng tải vào buổi sáng hôm sau, bức ảnh do Merrill chụp có đủ sức nặng để trở thành bức ảnh ấn tượng nhất trên gần như tất cả các tờ báo quan trọng của Mỹ. Không thốt ra một lời, không cần mạo hiểm xuất hiện gây tranh cãi hoặc gây mất đoàn kết nội bộ, Hillary chuyển tải thông điệp rằng bà luôn theo dõi cuộc chạy đua tổng thống, cũng như vai trò của chồng bà trong cuộc vận động này.

Mặc dù muốn theo truyền thống của đa số các ngoại trưởng từ chối tham gia tái tranh cử tổng thống, nhưng Hillary vẫn theo dõi tỉ mỉ diễn biến cuộc bầu cử, đặc biệt là cuộc chiến ở Thượng viện. Trong năm bầu cử 2012, theo một nguồn tin của Đảng Dân chủ ở Capitol Hill, Hillary đã nói chuyện với Harry Reid, lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện, Thượng Nghị sĩ bang Nevada, tới năm lần về chính trị bầu cử. “Câu chuyện mở đầu đơn giản như ‘Tôi chỉ muốn biết,’” một nguồn tin cho biết. “Bà ấy không yêu cầu ai làm bất cứ điều gì. Tất nhiên, chúng tôi cũng không yêu cầu phải làm bất cứ điều gì. Nhưng bà ấy vẫn muốn chỉnh sửa, một chút thôi.”

Hillary đã có thể thấy được Bill quan tâm đến sự nghiệp chính trị của bà trong khoảng cách rất gần. Bà tập trung phần lớn nỗ lực của mình để làm tốt công việc hiện tại. Trong một vài tháng nữa, bà sẽ rời nhiệm sở; và có vẻ bà sẽ rời khỏi công việc với một hồ sơ không tì vết.

15. Benghazi

Khi Hillary Clinton lần đầu gặp lãnh đạo phe đối lập Libya Mahmoud Jibril ở một căn phòng áp mái sang trọng trong một tòa nhà tại Westin Paris vào ngày 14 tháng Ba năm 2011, như một phần trong chiến dịch xây dựng liên minh chống Gaddafi, Chris Stevens là một trong số ít các quan chức Mỹ có mặt trong phòng. Stevens có ấn tượng mạnh về bài diễn văn của Jibril hôm đó – mang tầm nhìn về một Libya thời hậu Gaddafi – và ông muốn Hillary truyền đạt điều này tới Tổng thống Obama.

Là một nhà thực hành kiểu mẫu trong hoạt động ngoại giao theo hướng viễn chinh mà Hillary cho là nhân tố quan trọng để cải thiện vị thế của Mỹ ở nước ngoài, đặc biệt là tại thế giới Ả-rập và Hồi giáo, Stevens nổi bật trong lớp huấn luyện đối ngoại những năm trước. Thành thạo tiếng Ả-rập và tiếng Pháp, ông đã dành phần lớn sự nghiệp 20 năm của mình làm một quan chức chính trị tại các thủ đô ở Trung Đông và Bắc Phi, gồm Jerusalem, Damascus, Riyadh, và tại thành phố Tripoli – ông giữ vai trò tham tán và công sứ trong khoảng hai năm rưỡi ở mỗi nơi cho đến năm 2009. Trong chuyến công tác đầu tiên ở Libya, ông đã gửi về Washington những báo cáo đánh giá thẳng thắn về tính lập di của Gaddafi. Trong đó ông nhận xét người hùng Libya này “thường tránh nhìn thẳng vào mắt suốt phần đầu của cuộc gặp, và có thể giữ im lặng kéo dài rất khó chịu.”

Sự kết hợp giữa hiểu biết về khu vực, tinh thần phục vụ tận tụy cho quan điểm ngoại giao xem trọng sự tham gia tại chỗ của các tổ chức cộng đồng và dân sự, cùng với niềm tin vào tầm nhìn của Jibril về Libya đã giúp Stevens đương nhiên trở thành người liên lạc giữa Mỹ với phe đối lập Libya, chỉ vài tuần sau khi liên quân bắt đầu tấn công lực lượng Gaddafi.

Ngày 5 tháng Tư năm 2011, Stevens đến Benghazi, thành lũy của lực lượng nổi dậy, trên một tàu hàng của Hy Lạp. Chuyển đi được ông mô tả là một nhiệm vụ “ra ngoài và gặp càng nhiều thành viên ban lãnh đạo trong Hội đồng chuyển tiếp quốc gia càng tốt.”

Cách tiếp cận của Hillary với các khu vực xung đột – như được nêu trong QDDR và được thể hiện qua hoạt động của Bộ Ngoại giao với Lầu Năm góc ở Afghanistan, Pakistan và Iraq – đó là thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, tạo điều kiện để các nhà ngoại giao đặt chân tới những nơi nguy hiểm nhất trên thế giới. Còn rủi ro, theo bà, là cần thiết để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của nước Mỹ. Ban hành chỉ vài tháng trước khi Stevens tới Benghazi, QDDR trước hết lưu ý rằng “việc mở rộng sức mạnh viễn chinh của Mỹ đối với các cuộc xung đột và khủng hoảng được thiết lập trên kinh nghiệm của những quan chức trong lĩnh vực đối mới của Bộ Ngoại giao và USAID, những người đã lập nên các tiêu chuẩn mới tạo xung lực tại chỗ.” Báo cáo lập luận, “Những nỗ lực này phải trở thành một phần của ‘quy phạm mới’ cho người của chúng ta khi được cử đến những môi trường có xung đột và hậu-xung đột.” Nó cũng đề cập cách thức “quản lý rủi ro” ở những nơi như vậy, chứ không né tránh nó.

Stevens làm việc tại Benghazi đến tháng Mười một năm 2011 rồi rời Libya, sau đó trở lại vào tháng Năm năm 2012, lần này thì đến Tripoli làm Đại sứ Mỹ để cộng tác với một chính phủ non nớt. Stevens là người “nổi tiếng vì luôn giữ được bình tĩnh kiểu California, ngay cả khi phải đối mặt với các cuộc khủng hoảng ngoại giao thách thức nhất,” – Hillary đã phát biểu như thế tại Bộ Ngoại giao trong buổi lễ thăng chức cho Stevens. “Thách thức” là từ chính xác chỉ những gì Stevens gặp phải. Tháng Ba, Đại sứ tiền nhiệm Gene Cretz từ Tripoli điện về Washington yêu cầu thay đổi kế hoạch của Bộ Ngoại giao cho quá trình chuyển đổi từ tình thế an ninh khẩn cấp sang “các hoạt động an ninh bình thường.” Bộ Ngoại giao đang tiến hành rút quân theo từng giai đoạn đối với ba đội an ninh cơ động đặc biệt (MSD), gồm nhóm sáu chuyên viên an ninh của Bộ Ngoại giao, những người phối hợp chặt với các cơ quan khác như thủy quân lục chiến và FBI, và một đội an ninh của Lầu Năm góc gồm 16 thành viên (SST). Kế hoạch đưa ra đề xuất thay thế các nhóm này bằng các quan chức an ninh ngoại giao truyền thống từ Bộ Ngoại giao và lực lượng an ninh địa phương.

Nhưng do môi trường an ninh bất ổn ở Tripoli, trong suốt quá trình chuyển đổi chính trị dư kiến kéo dài ít nhất là một năm sau cuộc bầu cử tháng Sáu năm 2012, và do yêu cầu an ninh của những chuyến thăm thường xuyên của các “nhân vật quan trọng,” nên trong một bức điện ngày 28 tháng Ba, Cretz đã yêu cầu giữ lại một đội MSD để huấn luyện các lực lượng địa phương cho tới ngày 1 tháng Bảy năm 2012; Tripoli cần được tăng số nhân viên an ninh thường trực, và Bộ Ngoại giao cần bố trí hàng chục quan chức an ninh ngoại giao làm nhiệm vụ tạm thời thay cho các đội MSD rút về nước. Ngoài ra, ông còn yêu cầu Bộ Ngoại giao duy trì một nhóm năm nhân viên an ninh ngoại giao tạm thời, trong khoảng thời gian quay vòng 45 đến 60 ngày ở Benghazi.

Trong yêu cầu được tăng viện, Cretz làm việc chủ yếu với Eric Boswell, người đứng đầu an ninh ngoại giao của Bộ Ngoại giao tại trụ sở Washington. Vào thời điểm đó, người ta không tin có mối đe dọa cụ thể nào với các nhà ngoại giao hoặc các tài sản của Mỹ ở Libya, chẳng qua đó chỉ là một môi trường hỗn loạn mà chính phủ mới có rất ít uy quyền để kiểm soát hàng trăm nhóm dân quân khắp cả nước. Sau này Cretz nói rằng ông không đề xuất với Hillary, Cheryl Mills, hay bất cứ ai trong văn phòng thư ký của ngoại trưởng những yêu cầu bảo đảm an ninh.

“Nói thật lòng, tôi cảm thấy mình có thể đi qua quá trình chuyển đổi dần dần ở Libya,” Cretz nói về quyết định của ông không đứng trên các mệnh lệnh. “Nếu ai hỏi tôi ‘Bạn muốn an ninh được đảm bảo nhiều hay ít?’ tất nhiên tôi sẽ nói ‘Tôi muốn nhiều hơn.’ Nhưng thực tế, theo đánh giá của tôi, không có mối đe dọa thật sự nào, và chúng tôi đang phải đối mặt với những gì mà người khác đang phải đối mặt [tại các vùng xung đột trên thế giới], ít nhất chúng tôi đã có đủ nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ.”

Trước khi Cretz nhận được điện trả lời, trụ sở tại Benghazi đã bị tấn công bằng một quả bom nhỏ, và đoàn xe hộ tống ngoại giao Mỹ bị một thiết bị nổ tự tạo ném vào. Cuối cùng câu trả lời từ Washington cũng tới vào ngày 19 tháng Tư, tức là ba tuần sau khi bức điện được gửi đi, làm Cretz thất vọng. Câu trả lời ông ta nhận được nói rằng kế hoạch ban đầu sẽ được giữ nguyên.

“Cho dù đó có phải là một đánh giá sai lầm hay không, thì chúng tôi vẫn phải sống với quyết định đó, để về cơ bản vượt qua giai đoạn bình thường hóa tình hình này, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục nỗ lực thúc đẩy sự thay đổi,” Cretz nói. Thay vì tổ chức cuộc họp tại từng nơi, các nhà ngoại giao giờ đây sẽ ở một chỗ và gặp những người khác tại đó, như một cách để bảo đảm an ninh. “Khi đối mặt một tình huống, chúng tôi chấp nhận và thực hiện những điều chỉnh cần thiết.”

Vào tháng Năm, khi Stevens đến thay cho Cretz, tình hình đang diễn biến theo chiều hướng xấu đi. Nhưng yêu cầu của Stevens trong việc duy trì an ninh ở mức cao cũng vấp phải sự phản đối tương tự từ Washington. Sau chưa đầy một tháng đảm nhiệm công việc mới, ông đã gửi một e-mail yêu cầu giám đốc Văn phòng Triển khai An ninh cơ động của Bộ Ngoại giao cho phép duy trì hai đội MSD đang chuẩn bị rời đi. Ngày hôm trước, một thiết bị nổ tự chế đã đục một lỗ lớn trên bức tường bên ngoài trụ sở ở Benghazi. Nhưng yêu cầu không chính thức đó vẫn bị từ chối.

Trong tháng Bảy, Eric Nordstrom, một sĩ quan an ninh khu vực Tripoli đang soạn thảo bức điện chính thức yêu cầu 16 thành viên SST và hai đội MSD tiếp tục ở lại hỗ trợ. Tại Washington, Phó trợ lý ngoại trưởng Charlene Lamb phản ứng giận dữ khi nghe thông báo về điều này. “Không, tôi không [nhắc lại] không muốn họ yêu cầu đội MSD ở lại!” bà ta viết trong e-mail gửi các nhân viên khác trong Bộ. Stevens và nhóm an ninh bỏ ngoài tai lời phản đối ấy, ba ngày sau đó họ lại gửi một bức điện bày tỏ lo ngại về kế hoạch cắt giảm từ 34 nhân viên an ninh Mỹ hiện có ở Tripoli xuống còn 7 người vào giữa tháng Tám. Cụ thể, sứ quán yêu cầu tăng cường hỗ trợ, ít ra phải có thêm 13 nhân viên an ninh cấp cao, cho đến giữa tháng Chín năm 2012. Hoàn cảnh thực tế không cho phép cắt giảm lực lượng an ninh, ông lập luận, và chính quyền Libya không được trang bị để có thể hỗ trợ, cả trong các hoạt động bình thường lẫn trong trường hợp khẩn cấp.

Pat Kennedy, trợ lý ngoại trưởng phụ trách quản lý, đã từ chối yêu cầu, theo một cuộc điều tra

của Nghị viện sau này. Không có bằng chứng cho thấy yêu cầu trên được chuyển lên cấp trợ lý ngoại trưởng như Kennedy, tức là dưới Hillary hai cấp trong cơ cấu quyền lực của Bộ Ngoại giao. Cuộc chiến tích tụ giữa những người ở Tripoli với các quan chức cấp cao ở trụ sở Bộ Ngoại giao tại Washington đã leo thang suốt mùa hè. Các đội an ninh cấp cao vẫn đóng tại Tripoli và ít khi tới Benghazi. Trên thực tế, trong khi yêu cầu tăng cường an ninh được lập đi lập lại chủ yếu là cho vùng Tripoli ở phía tây đất nước, thì tình hình an ninh tại Benghazi ở phía đông tồi tệ hơn rất nhiều suốt năm 2012.

Ngoài những cuộc tấn công vào các phương tiện và nhân viên Mỹ, những kẻ khủng bố còn bắn súng phóng lựu vào tòa nhà của Hội Chữ thập đỏ quốc tế; các nhà ngoại giao Sudan và Tunisia cũng bị tấn công; và Anh đã đóng cửa Lãnh sự quán sau khi đoàn xe hộ tống của họ bị trúng đạn súng phóng lựu hai lần và có thể là cả bị bắn bằng AK-47. Mặc dù có sự hiện diện của lực lượng cảnh sát của Chính phủ Libya, Benghazi vẫn thật sự là một khu vực chiến tranh bị chi phối bởi các lực lượng phiến quân tranh giành lẫn nhau, một số trong đó sẵn sàng bảo vệ cho người Mỹ, nhưng với một mức giá nhất định.

Khi chuyển sang trạng thái an ninh bình thường tại Tripoli, Bộ Ngoại giao cũng tăng cường bảo vệ trụ sở tại Benghazi – xây cao các bức tường ngoài, củng cố trụ sở bằng rào chắn, cổng thép và một cánh cửa thép, bổ sung các chốt bảo vệ, lưới an toàn cho cửa sổ bằng cả một hệ thống liên lạc nội bộ mới. Về mặt kỹ thuật, đó là trụ sở tạm thời cung cấp chỗ ở và nơi làm việc cho đại sứ khi tới Benghazi, nhưng Bộ Ngoại giao đang chuẩn bị để nâng trụ sở này lên thành một lãnh sự quán.

Ngày 10 tháng Chín năm 2012, Stevens từ Tripoli đến Benghazi, chuyến công du cuối cùng của ông trước khi kết thúc nhiệm kỳ, tham dự buổi họp tại cơ sở bí mật của CIA cách khu ngoại giao Mỹ khoảng một dặm. Quan chức số hai của Bộ Ngoại giao có mặt vào thời điểm đó là Greg Hicks, sau này xác nhận rằng Stevens đã đến Benghazi để chuẩn bị cho chuyến thăm của Hillary tới Libya ngay trước khi bà kết thúc nhiệm kỳ.

Hicks nói, “Ít nhất, một trong những lý do Stevens đến Benghazi là nhằm thực hiện ý định của ngoại trưởng muốn biến cơ sở này trở thành trụ sở thường trực, và cũng bởi vì chúng tôi biết rằng ngoại trưởng có ý định thăm Tripoli dịp cuối năm. Chúng tôi hy vọng bà ấy sẽ có thể công bố với người dân Libya về việc thiết lập trụ sở thường trực của Mỹ tại Benghazi vào thời điểm đó.”

Stevens nói với Hicks rằng Hillary đã trực tiếp đưa ra thông điệp đó ngay trước khi ông đến Tripoli làm đại sứ mới vào mùa hè năm đó. Khi năm tài chính sắp kết thúc, Bộ Ngoại giao chỉ có thời gian đến ngày 30 tháng Chín để giải ngân từ quỹ tái thiết Iraq, nếu Hillary có thể công bố sự chuyển đổi nhân chuyển thăm Tripoli vào dịp cuối năm. Sau này Hicks xác nhận như vậy.

“Lên lịch cho quyết định này là quan trọng,” Hicks trình bày với một ủy ban của Hạ viện. “Chris cần báo cáo trước ngày 13 tháng Chín, thời điểm kết thúc năm tài khóa, về tình hình chính trị và tình trạng an ninh ở Benghazi, để từ đó đưa ra một thông cáo chuyển Benghazi từ một cơ sở tạm thời thành một trụ sở thường trực.”

Nhưng Benghazi rơi vào tình trạng nguy hiểm hơn bao giờ hết, và khi Stevens lập kế hoạch cho chuyến thăm năm ngày từ ngày 10 tháng Chín năm 2012, nhà ngoại giao Mỹ dằn dặt nhất tại khu vực này đã ý thức được điều đó. Cảnh giác với khả năng xảy ra bạo lực đúng vào dịp kỷ niệm vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001, cũng như vì tin rằng mình là một trong các mục tiêu của những kẻ cực đoan, Stevens quyết định tổ chức các cuộc họp và làm việc trong trụ sở vào hôm đó.

Trước 7 giờ sáng, một người nào đó bị phát hiện đang chụp ảnh trụ sở, nơi được các nhân viên an ninh Mỹ, dân quân địa phương và lực lượng cảnh sát của Chính phủ bảo vệ. Sáng hôm đó, Stevens gửi báo cáo về Washington, trong đó trình bày chi tiết rằng, để phản đối sự ủng hộ của Mỹ đối với việc Jibril ứng cử chức vụ thủ tướng, lực lượng phiến quân địa phương đã dọa sẽ ngừng bảo vệ người Mỹ. Trong cuộc họp hai ngày trước đó, các lãnh đạo phiến quân nói rằng,

“những mối quan hệ rất lỏng lẻo và các đường ranh giới mờ nhạt” xác định tính chất thành viên của các nhóm phiến quân khác nhau, và nhiều người là thành viên của nhiều nhóm. Thật khó để xác định tại bất kỳ thời điểm nào xem ai đang chiến đấu cho bên nào. Ngoài ra, còn có tranh chấp nhân lực với một trong các lực lượng phiến quân địa phương lớn.

Cuối buổi chiều hôm đó, Hicks, phó đoàn ngoại giao tại Libya, đã gửi một tin nhắn từ Tripoli hỏi Stevens đã biết về vụ tấn công Đại sứ quán Mỹ ở Cairo hay chưa. Lo ngại sự giận dữ ngày càng tăng do một video chống Hồi giáo được sản xuất tại Mỹ gây ra, đến giữa trưa, các nhân viên Đại sứ quán Mỹ tại Cairo đã tuyên bố lên án “những hành động liên tiếp của các cá nhân sai lệch đã gây tổn thương tình cảm tín ngưỡng của người Hồi giáo.”

Tuyên bố không dập tắt được sự phẫn nộ, và vài giờ sau một cuộc biểu tình phía ngoài Lãnh sự quán đã biến thành bạo động. Những người biểu tình xông vào sân, hạ cờ Mỹ, giương lên một biểu ngữ màu đen bằng tiếng Ả-rập. Bộ Ngoại giao bận rộn với tình hình đang xảy ra tại Cairo và lo sợ rằng các cuộc biểu tình, có lẽ là cả bạo động, có thể lan khắp khu vực.

Cho đến thời điểm ấy, đó là một ngày bình thường tại Benghazi, Stevens vẫn làm việc tại trụ sở. Ông gặp một quan chức Thổ Nhĩ Kỳ vào buổi tối và tiễn khách ra tận cửa chính, lúc 19 giờ 40 phút theo giờ địa phương, hay 13 giờ 40 phút tại Washington. Hai tiếng sau đó, lúc 21 giờ 42 phút, một xe cảnh sát địa phương rời vị trí bên ngoài trụ sở. Lập tức một nhóm hàng chục phiến quân có vũ trang xông vào trụ sở, nhanh chóng tiếp cận mục tiêu. Thời điểm đó, có bảy người Mỹ ở bên trong, gồm năm quan chức an ninh ngoại giao, Stevens, và Sean Smith – một cựu quân nhân không lực và là chuyên gia quản lý thông tin. Vẫn chưa biết chính xác có bao nhiêu kẻ tấn công, nhưng ước tính có khoảng ít là 20 cho đến nhiều là 125 tên. “CHẾT TIẾT,” Smith đã viết cho một người bạn mà ông đang trò chuyện thông qua dịch vụ tin nhắn trực tuyến Jabber. “Nổ súng rồi.” Những tiếng nổ chát chúa ở trụ sở Lãnh sự quán có thể nghe thấy từ bất cứ đâu ở Benghazi, dĩ nhiên từ cả cơ sở của CIA cách đó một dặm.

Những kẻ tấn công đột trụ sở bằng xăng có phát ra khí cyanide. Trong vòng vài phút, một nhân viên an ninh ngoại giao trong trung tâm hoạt động chiến thuật của trụ sở đã liên lạc với cơ sở của CIA, Đại sứ quán tại Tripoli và trung tâm điều khiển hành động của Bộ Ngoại giao tại Washington. Scott Wickland, sĩ quan an ninh ngoại giao có nhiệm vụ bảo vệ Stevens, hướng dẫn Stevens và Smith mặc áo chống đạn. Họ di chuyển đến khu vực an toàn có cửa chắn thuộc khu Biệt thự C, nơi Stevens sống khi ở Benghazi.

Stevens bắt đầu gọi điện ra ngoài kêu gọi giúp đỡ. Ông đã cố gắng hai lần dùng hai số điện thoại khác nhau để gọi Hicks, khi ông này đang xem tivi trong biệt thự ở Tripoli và không nhắc máy.

Ngay sau đó, Hicks đã được báo về tình hình nguy cấp, khi một sĩ quan an ninh xông vào. “Greg, Greg, Lãnh sự quán bị tấn công,” viên sĩ quan hốt hoảng thông báo.

Hicks nhìn điện thoại và thấy hai cuộc gọi nhớ từ Stevens cũng như từ một số mà sau đó ông được biết là của Wickland. Một nguồn tin Bộ Ngoại giao sau đó cho biết Hicks thật ra đã nhìn thấy các cuộc gọi đến nhưng không nhắc máy. Hicks cuối cùng đã gọi Wickland và gặp Stevens.

“Greg, chúng tôi đang bị tấn công,” Stevens nói.

Cuộc gọi đột ngột bị cắt.

Trong khu vực an toàn, Wickland, Stevens và Smith có thể nghe thấy phiến quân đã xâm nhập Biệt thự C và đang châm lửa. Khói ngùn ngụt, không thể thở nổi, vì vậy Wickland, Stevens, và Smith nằm thụp xuống sàn và bò đến một phòng tắm trong khu vực an toàn. Tuyệt vọng khi không tìm thấy nguồn không khí để thở, Wickland mở một cửa sổ trong phòng tắm. Khói tràn qua lỗ cửa, càng khiến ba người đàn ông nghẹt thở. Khói đen rất dày, họ không thể nhìn thấy gì cách ngay đó một vài bước chân. Wickland quyết định nắm lấy cơ hội duy nhất là rời khỏi khu vực an toàn.

Ông trườn về phía một cửa thoát hiểm khẩn cấp trong khu biệt thự, gõ xuống sàn nhà để

Smith và Stevens có thể di chuyển theo tiếng gõ. Ông và phải cánh cửa ra sân, và nhận ra mình đang bị bắn. Stevens và Smith không tìm thấy đường ra. Ông đã liên tục cố gắng quay lại biệt thự, nhưng phải dừng lại vì ho và khó, rồi bất tỉnh. Cùng với một nhân viên vẫn còn kẹt trong trung tâm hoạt động chiến thuật khi tìm cách liên lạc với CIA, Washington và Đại sứ quán ở Tripoli, ba nhân viên an ninh nữa tìm được đường từ một tòa nhà khác để tới Biệt thự C, nơi họ tìm thấy Wickland trong tình trạng nguy kịch. Họ lao vào tòa nhà đang cháy để cố tìm Stevens và Smith.

Lực lượng CIA ở trung tâm đã nghe thấy những tiếng nổ phát ra từ hướng trụ sở, và khi nhận được tin về vụ tấn công, họ lập tức chuẩn bị cho nhiệm vụ giải cứu. Nhưng họ chờ đợi, hy vọng lực lượng dân quân địa phương hỗ trợ tại đó với súng máy hạng nặng đặt trên xe. Nhưng không có sự hỗ trợ nào cả, và khoảng hai mươi phút sau khi cuộc tấn công xảy ra, đội của CIA tiến về trụ sở.

Từ trung tâm điều khiển hoạt động của Bộ Ngoại giao tại Washington – nơi theo dõi các sự kiện khắp nơi trên thế giới và kết nối ngoại trưởng Mỹ với ngoại trưởng các quốc gia khác – một cảnh báo được gửi đến cho các quan chức hàng đầu Bộ Ngoại giao và Phòng Tình huống của Nhà Trắng đúng thời điểm lực lượng CIA rời khỏi cơ sở, tức 16 giờ 5 phút, theo giờ Washington. Thông tin từ trung tâm điều khiển hành động cho biết, “Khoảng 20 người có vũ trang đã nổ súng, có cả những tiếng nổ lớn.” Stephen Mull, thư ký điều hành, vào văn phòng của Hillary để thông báo cho bà về cuộc tấn công. Bộ máy an ninh quốc gia đã ở mức báo động cao vì những mối đe dọa đối với các sứ quán khác, đặc biệt là ở Cairo. Tình hình căng thẳng không chỉ diễn ra ở Bộ Ngoại giao mà còn ở Nhà Trắng.

“Tin đầu tiên mà chúng tôi nhận được là tại Cairo, Ai Cập, biểu tình đã biến thành bạo lực,” một cố vấn an ninh Nhà Trắng cho biết. Nhân viên Nhà Trắng đã tổ chức các cuộc họp khẩn cấp về biểu tình tại Ai Cập trong văn phòng của Jack Lew, Chánh Văn phòng Nhà Trắng và Cố vấn an ninh quốc gia Tom Donilon. “Mọi người đều thật sự lo lắng về Cairo, bởi Đại sứ quán ở đó khá lớn. Hàng trăm người của chúng tôi có thể [bị thương]... Đại sứ quán tại Cairo không có cùng những tiện nghi như trụ sở tại Benghazi. Chúng tôi không có cùng một kiểu thông tin liên lạc theo thời gian thực.” Các quan chức Mỹ có thể tin rằng những người biểu tình Ai Cập đang phản ứng với bộ phim châm biếm Hồi giáo do nhóm Công giáo Ai Cập ở Mỹ sản xuất và do Terry Jones – một cha xứ ở Florida, vốn nổi tiếng về việc kích động bạo lực trong thế giới Hồi giáo bằng cách đốt kinh Koran – châm ngòi.

Khi nghe tin Benghazi bị tấn công, Hillary tập hợp một số nhân viên trong văn phòng của mình và yêu cầu báo cáo đầy đủ về những gì xảy ra ở Libya, và đưa ra mệnh lệnh. Mills, Sullivan, Burns, Boswell và một trợ lý thuộc Phòng Cận Đông được triệu tập.

Ở Benghazi, khi nhóm CIA đến trụ sở ngoại giao, họ tản ra các hướng. Một số tới trung tâm hoạt động chiến thuật để cứu nhân viên sĩ quan an ninh đang bị mắc kẹt, những người khác tham gia tìm kiếm Stevens và Smith. Cuối cùng, các nhân viên an ninh đã tìm thấy Smith trong biệt thự đang cháy nhưng không thể cứu được ông ta. Smith đã chết. Họ vẫn không thể tìm thấy Stevens. Năm quan chức an ninh ngoại giao nhảy lên một chiếc xe bọc thép và đi về cơ sở của CIA. Trên đường ra khỏi trụ sở, họ bị những người ở hai bên đường xả súng. Đội CIA ở lại trụ sở để chống đỡ đợt tấn công thứ hai, khoảng mười lăm phút dưới làn đạn và hỏa lực của súng phóng lựu.

Xoay quanh thời điểm đó, một trong những trợ lý của Pat Kennedy nói với Hillary rằng Smith đã chết và Stevens vẫn mất tích. Mỗi quan tâm của Hillary, cũng là của Bộ Ngoại giao, là tìm thấy Stevens và đảm bảo sự an toàn của người Mỹ tại cả Benghazi lẫn Đại sứ quán ở Tripoli, nơi các quan chức lo ngại rằng họ có thể cũng sẽ bị tấn công. Hillary gọi Donilon. Chúng ta đang có vấn đề, bà nói, và cần ông theo sát.

Hàng loạt thông tin nhanh chóng và dồn dập được chuyển đến Hillary qua e-mail và điện thoại, và rất khó cho các quan chức thuộc các cơ quan khác nhau có được một bức tranh hoàn chỉnh về những gì đang xảy ra ở Libya ngay thời điểm đó. Hillary được thông báo rằng CIA có

một cơ sở riêng và đã tiến hành nhiệm vụ giải cứu. Bà gọi David Petraeus, người đang điều hành CIA.

Một cựu quan chức cấp cao cho biết, “Bà ấy rất muốn biết rõ tình hình để chắc rằng Giám đốc CIA cũng biết và theo dõi một cách sát sao những gì đang diễn ra, cũng như để bảo đảm rằng mọi thứ phải được thực hiện, với mọi nguồn lực có thể để tìm và giải cứu vị đại sứ.”

Bà cũng đặc biệt muốn biết liệu Petraeus có máy bay giám sát không người lái sẵn sàng cung cấp thông tin tình báo về diễn tiến tấn công hay không. “Ông có phương tiện gì tại khu vực đó không?” bà hỏi – theo lời kể của một nguồn tin biết về cuộc gọi ấy. Lầu Năm góc, chứ không phải là CIA, kiểm soát các máy bay không người lái qua Libya vào thời điểm đó, cuối cùng đã đổi hướng tới Benghazi. “Hãy cho chúng tôi biết nếu ông cần bất cứ cái gì,” Hillary nói với Petraeus. “Hãy giữ liên lạc.”

Leon Panetta, người được bổ nhiệm làm bộ trưởng Quốc phòng, và Martin Dempsey, chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân đã thảo luận về cuộc khủng hoảng đang gia tăng với Tổng thống Obama tại cuộc họp định kỳ lúc 17 giờ vào thứ Ba tại Nhà Trắng. Panetta sau đó đã chỉ đạo một đơn vị thủy quân lục chiến chống khủng bố ở Tây Ban Nha sẵn sàng triển khai tới Benghazi hoặc Tripoli. Ông cũng chỉ đạo các lực lượng đặc biệt ở Croatia và Mỹ chuẩn bị di chuyển tới một cơ sở trung gian đặt tại miền nam Italy. Tại Bộ Ngoại giao, Hillary và các trợ lý thảo luận những vấn đề tế nhị, như làm cách nào để thông báo cho công chúng về cái chết của một người Mỹ trong khi một người khác vẫn mất tích. Họ lo rằng nếu công bố thông tin về cái chết của Sean Smith thì gia đình Chris Stevens có thể nghĩ rằng vị đại sứ đã an toàn.

Đến 23 giờ 30 phút tại Benghazi – tức 17 giờ 30 phút tại Washington – nhóm CIA và những người sống sót sau cuộc tấn công trở về cơ sở của CIA, nơi họ ngay sau đó lại bị các tay súng tấn công. Một đội an ninh của Mỹ đã lên máy bay từ Tripoli đến Benghazi để hỗ trợ. Tại Washington, các cơ quan an ninh quốc gia, kể cả Hội đồng An ninh quốc gia, Bộ Ngoại giao, Lầu Năm góc và CIA triệu tập “cuộc họp cấp đại diện” thông qua hệ thống hội thảo trực tuyến bảo mật. Phó Cố vấn an ninh quốc gia Denis McDonough chủ trì buổi họp, và những người tham gia giữ vị trí số hai hay số ba tại các bộ phận tương ứng.

“Chúng tôi có một cuộc họp video trực tuyến với mọi người suốt đêm,” một quan chức an ninh quốc gia của Nhà Trắng nhớ lại. McDonough điều khiển cuộc họp trực tuyến từ Phòng Tình huống, với Giám đốc Trung tâm Chống khủng bố John Brennan cùng một vài trợ lý của ông, với Tony Blinken – nhân viên của Phó Tổng thống Joe Biden, Ben Rhodes và Tommy Vietor của đội an ninh quốc gia trực thuộc tổng thống. Kurt Tidd, sĩ quan tác chiến thuộc Bộ chỉ huy tác chiến liên hợp đặc biệt (JSOC: Joint Special Operations Command) từ Lầu Năm góc, và Mills đại diện cho Hillary tại tầng thứ bảy của Bộ Ngoại giao.

Đột nhiên, Hillary xuất hiện tại trung tâm hành động của cuộc họp. Mọi người đều ngạc nhiên khi thấy bà có mặt trên màn hình của họ vào cuối buổi chiều. Đây là điều rất hiếm thấy khi một bộ trưởng trong nội các tham gia một cuộc họp như vậy. “Bà ấy muốn vấn đề được thảo luận kỹ lưỡng,” một phụ tá cao cấp của Hillary cho biết. “Tôi nhớ bà ấy đi vào phòng khi chúng tôi đang họp [video trực tuyến] ở cấp đại diện, và bà ấy ngồi vào vị trí đầu bàn,” một trợ lý an ninh quốc gia của Nhà Trắng nói. “Đó rõ ràng là tất cả những gì họ đang làm tại Bộ Ngoại giao.”

Hillary thông báo ngắn gọn cho McDonough rồi lắng nghe thông tin cập nhật từ các cơ quan khác. “Bạn có thể nói rằng dù là ai đang nói, dù giọng điệu ra sao, bà ấy đều thật sự lắng nghe hết,” một quan chức bậc hai tại Nhà Trắng cho biết. “Bà ấy thật sự lo lắng cho người của mình, nắm được tất cả các chi tiết và tóm lược những nội dung thật giá trị, với các thông tin cập nhật. Bà ấy đã tham gia hết mức có thể.”

Tại Nhà Trắng, các trợ lý chạy ra chạy vào Phòng Tình huống vì họ không thể sử dụng BlackBerry của mình để nhận e-mail hoặc thực hiện các cuộc gọi trong khu vực bảo mật. Trong Foggy Bottom, các quan chức đang rất căng thẳng.

Gần như cả đêm, Hillary di chuyển như con thoi giữa các cuộc họp bên ngoài văn phòng của mình, tại trung tâm hành động, và ở một trung tâm chỉ huy trong một phòng họp nơi các lãnh đạo cấp dưới của các bộ tập trung. Hillary bước nhanh ra ngoài trung tâm chỉ huy và về văn phòng mình để gọi và nghe điện thoại của các nhà lãnh đạo nước ngoài và các quan chức đồng nghiệp khác.

Bà không ngồi chờ cuộc gọi của Mohamed Magariaf, Tổng thống Libya. Bà gọi cho ông ta và nói rằng bà cần sự giúp đỡ của ông ta một cách nhanh chóng. Bà muốn ông ta giúp bảo vệ người Mỹ ở Benghazi và Tripoli. Magariaf cam kết hỗ trợ, nhưng những tuần sắp tới sẽ cho thấy rõ những vấn đề nghiêm trọng về mặt hậu cần và chính trị trong sự hợp tác giữa siêu cường số một thế giới với một chính phủ mới, non nớt nhất. Thứ trưởng Tom Nides cho biết Hillary đã có các cuộc gọi tương tự với các nhà lãnh đạo ở Ai Cập, Yemen, Tunisia và những nước khác trong khu vực. Nhưng thật khó để nắm được tất cả những gì đã xảy ra đêm đó.

Một nhân viên ngoại giao cấp cao thông báo tin cho Hillary vào đêm hôm đó, nói, “Mọi chuyện xảy ra quá nhanh, nên rất khó diễn tả. Thật quá khó để nắm bắt được những gì đang diễn ra trên thực tế bởi vì ở đó mọi thứ đã hỗn loạn. Người dân giận dữ và náo loạn, đặc biệt là khi chúng tôi không thể tìm thấy Chris.”

Khoảng 2 giờ sáng tại Libya – tức 8 giờ tối tại Washington – Hillary và các nhân viên cấp cao của mình gọi Hicks ở Tripoli để kiểm tra xem có tin gì mới về Stevens chưa, đồng thời nắm được những hành động mà Hicks định thực hiện để bảo vệ Đại sứ quán an toàn trong hoàn cảnh Tripoli bị tấn công. Hicks nói ông ta muốn sơ tán đến một cơ sở khác, Hillary đã đồng ý.

Cùng lúc đó, một cuộc gọi đến Đại sứ quán Mỹ ở Tripoli từ số điện thoại di động mà Stevens từng sử dụng. Người đàn ông đầu máy bên kia nói tiếng Ả-rập, bảo rằng Stevens đang ở bệnh viện nhưng không thể đưa điện thoại cho Stevens nói chuyện được. Đại sứ quán liên lạc với Beth Jones, quyền trợ lý ngoại trưởng phụ trách các vấn đề Cận Đông, người nói với Sherman rằng họ đã tìm ra vị trí của Stevens rồi. “Thông tin đó được thông báo cho Thứ trưởng Tom Nides trên một mẫu giấy, tạo ra một bầu không khí thoải mái trong phòng,” Nides nói.

Nhưng vẫn không có thông tin xác nhận về tình trạng của Stevens. Các quan chức Mỹ yêu cầu người đàn ông đang gọi điện thoại hãy chụp ảnh người đàn ông ở bệnh viện. Một nhân viên ngoại giao Mỹ, người đã từ chối trực tiếp xác nhận rằng bức ảnh đó đã được chụp và chuyển về cho Washington, nói, “Không thể biết thông tin đó là thật hay không, đến khi chúng tôi, sau nhiều yêu cầu, bảo họ phải dùng điện thoại di động chụp bất kỳ ai đang nằm ở bệnh viện đó. Quả là một tình huống khó khăn.”

Hicks nhận được một cuộc điện thoại vào 3 giờ sáng từ Bộ trưởng Ngoại giao Libya Abdurrahim Abdulhafiz el-Keib, thông báo Stevens đã chết. Ông chuyển thông tin này về Washington và Hillary lập tức được một trợ lý thông báo bằng điện tín lúc 9 giờ tối. Cái chết của Stevens chưa được xác nhận cho đến khi nhân viên Mỹ trực tiếp đến nhận dạng, nhưng dường như tại thời điểm đó chỉ hai nhân viên công vụ ở Benghazi là Smith và Stevens bị sát hại.

Trong lúc đó, nhóm CIA và những người sống sót ở trụ sở Benghazi đang phải cố ẩn nấp trong cơ sở. Họ phải chịu những đợt tên lửa chống tăng nã vào suốt cả đêm trong khi chờ tiếp viện từ Tripoli, vốn đã có mặt ở Benghazi nhưng phải mất vài giờ nữa mới xuất hiện tại đây do liên tục gặp trục trặc về hậu cần. Ngay sau khi lực lượng tiếp viện có mặt, phiến quân lại nã súng cối và tên lửa vào cơ sở. Không giống như đợt tấn công đầu, lần tấn công thứ hai có cả pháo hạng nặng. Người ta đếm được năm tiếng nổ của súng cối trong 90 giây, trong đó có ba quả nhắm trúng một nóc nhà trong cơ sở này. Hai nhân viên CIA là Glen Doherty và Tyrone Woods, thiệt mạng trong vụ này.

Ở Washington, mọi người đang tập trung vào việc tìm Chris Stevens và bảo đảm an ninh cho nhân viên Mỹ ở Tripoli và ở các sứ quán Mỹ trong khu vực. Họ rùng mình khi nghe tin về cuộc tấn công thứ hai. Đại đa số người Mỹ biết được tin về hai cuộc tấn công này trong bản tin nóng sáng hôm sau, nhưng đối với những người đang cố gắng giải quyết cuộc khủng hoảng ngay

trong thời gian thực thì vụ tấn công vào trụ sở và đại sứ thiết mạng dường như là điểm kết thúc của cuộc tấn công. “Có khoảng lặng nhiều giờ đồng hồ trôi qua,” một nhân viên an ninh Nhà Trắng nói. “Từ những thông tin nhận được, tôi không nghĩ có một cuộc tấn công nào khác đang diễn ra.” Các quan chức chính phủ không tiên lượng được một cuộc tấn công thứ hai.

Sau những đợt nã đạn cối vào căn cứ, một nhóm quân đội Libya thân Mỹ đã hộ tống những nhân viên Mỹ còn lại ra sân bay ở Benghazi để lên máy bay đến Tripoli. Chuyến bay này khởi hành lúc 7 giờ 30 phút tối theo giờ Tripoli và 1 giờ 30 phút sáng theo giờ Washington, cùng giờ với một chiếc máy bay thứ hai mang theo bốn xác người Mỹ vừa hạ cánh xuống Benghazi mà không có sự hộ tống của lực lượng đặc biệt vì họ đang chuẩn bị rời đi.

Lúc đầu, lực lượng đặc biệt ở Tripoli hy vọng có mặt trong chuyến bay để hỗ trợ thêm. Sau này, Hicks xác nhận: “Mọi người ở Benghazi đã phải chiến đấu suốt đêm. Họ đã mệt. Đã kiệt sức. Chúng tôi muốn đảm bảo sân bay an toàn để họ rút lui.”

Nhưng qua đường dây chỉ huy từ Lầu Năm Góc, lực lượng đặc biệt đã phải từ chối lệnh rời đi. “Đó là lần đầu tiên trong đời binh nghiệp của tôi, một nhà ngoại giao có quyền hơn mấy vị chỉ huy quân đội,” một người thuộc lực lượng đặc biệt nói với Hicks.

Chuyến bay cất cánh mà không có một đơn vị nào hộ tống, kể cả đội cứu thương, và đáp xuống Benghazi sau khi cuộc đọ súng đã kết thúc. Mặc dù những nhân viên điều tra của Nghị viện tập trung vào việc tìm hiểu về người ra lệnh cho lực lượng đặc biệt phải chờ và lý do của việc đó, thì những binh lính này cũng chẳng thể nào làm gì khác để giảm thiểu thiệt hại.

Khoảng 7 giờ 30 phút sáng theo giờ địa phương, những người sống sót bị thương trong cuộc tấn công vào khu vực trụ sở và căn cứ ở Benghazi đã được chuyển đến Tripoli bằng máy bay của lực lượng hỗ trợ đến Benghazi vài giờ trước đó. Các nhân viên ngoại giao ở Tripoli làm việc với các quan chức Libya để bảo đảm việc sử dụng máy bay vận tải C-130, các nhân viên an ninh Mỹ vẫn đang ở Benghazi liên lạc với những lực lượng đồng minh địa phương, yêu cầu họ chuyển thi thể mà họ tin đó là Chris Stevens ra sân bay. Ông được nhận diện chính xác vào lúc 8 giờ 25 phút theo giờ địa phương.

Sau đó vào 1 giờ sáng ở Washington, Hillary rời Bộ Ngoại giao về nhà riêng trên phố Whitehaven. Bà thức làm việc tiếp đến 4 giờ sáng. Bà nhận được tin từ Mills lúc 2 giờ 30 phút sáng, rằng Stevens được xác nhận là đã chết.

Hillary là người đứng mũi chịu sào của nhóm làm việc trong trung tâm chỉ huy, đã bảo những người ở bên cạnh bà trong đêm đó cần giữ cân bằng giữa cảm xúc và yêu cầu của công việc.

Nides nói, “Bà ấy mang một khả năng hiếm có về lòng trầm ẩn cũng như khả năng chịu đựng. Bà ấy thực sự là một người điều hành giỏi. Tôi chứng kiến điều này trong suốt thời gian làm việc cùng, khi bà ấy giải quyết được một cuộc khủng hoảng thật sự. Tất nhiên, bà ấy không phải là một cái máy, đốc thúc mọi người, nhưng rất tình cảm, kiên quyết nhìn thực tế để giải quyết công việc.”

Khoảnh khắc một mình trong đêm đó, sau nhiều giờ giải quyết khủng hoảng và cơn đau tim tiềm ẩn, Hillary thật sự cảm thấy nỗi mệt mỏi đã hiện trên khuôn mặt mình. Bà đã cử Stevens đến Libya. Đó là lỗi của bà.

Sáng hôm sau, bà đến Nhà Trắng, đứng cạnh Obama ở Rose Garden trong ánh nắng, khi ông đang phát biểu trước công chúng bằng một giọng đầy thương tiếc. Trước bài phát biểu, tổng thống đã gặp riêng Hillary bên ngoài Phòng Bầu dục. Ông nói với bà, ông muốn làm nhiều hơn việc chỉ đưa ra những lời phát biểu với báo giới. Ông hỏi liệu mình có thể đến thăm Bộ Ngoại giao nơi bà đã làm việc với các nhân viên vào buổi sáng hay không. Ben Rhodes, phó cố vấn an ninh quốc gia về truyền thông chiến lược, gửi e-mail cho một trợ lý của Hillary để xếp lịch trình. Không đi cùng xe với tổng thống, Hillary đi xe riêng về Bộ Ngoại giao để đón tổng thống khi ông đến.

Họ từng là đối thủ của nhau, nay sánh bước đi vào khuôn viên của Bộ Ngoại giao, được vây quanh bằng những bức tường đá granite màu đen và bức tượng điêu khắc lớn của Marshall Fredricks⁽⁵²⁾ hình người đàn ông dạng chân bên quả địa cầu, mỗi tay cầm một chiếc đĩa. Hillary yêu cầu nhân viên của mình tập trung những người biết Chris Stevens nhiều nhất vào một chỗ. Bà phải gắng cất cao giọng nói một mình để đọc một bài diễn văn vì micro bị hỏng.

Được các nhân viên đưa cho một chiếc micro hoạt động tốt, Obama đã phát biểu trong 15 phút, không có văn bản, trước hàng trăm nhân viên được mời đến khuôn viên Bộ Ngoại giao và những người đứng trên cửa sổ của tòa nhà nhìn xuống. Không có bài viết được chuẩn bị, nhưng Obama thể hiện tình cảm cá nhân trong giây phút này bằng việc nói về thời thơ ấu của mình ở nước ngoài, cùng ý nghĩ và ấn tượng mà các nhân viên ngoại giao đã tạo ra trong tâm trí ông. Khi kết thúc, ông nhận ra trước mặt mình có rất đông bạn bè và đồng nghiệp của Stevens. Hillary giới thiệu họ, từng người một, với tổng thống khi ông bắt tay họ và thể hiện sự thương tiếc.

Nỗi tiếc thương bao trùm cả Bộ Ngoại giao. Đây là buổi tập trung bất thường của Bộ Ngoại giao, một phần bởi giá trị và kinh nghiệm chung của các nhân viên ngoại giao, những người cống hiến cuộc sống của mình để đi ra thế giới thay mặt cho nước Mỹ. Tập trung mọi người lại để khích lệ tinh thần vững bước đi tiếp được coi là hành động cân bằng tâm lý tinh tế.

Bà không muốn tạo thêm gánh nặng bởi các cuộc phỏng vấn trên truyền hình. Có ba hãng truyền thông muốn bà xuất hiện trong buổi phát sóng của họ tối hôm đó, nhưng bà đã nghe theo lời gợi ý của Reines từ chối tất cả. Trong vài giờ tổng thống đến thăm Bộ Ngoại giao – và trong vòng 24 giờ sau cuộc tấn công vào cơ sở CIA – những nhà sản xuất chương trình đối thoại trên truyền hình đặt câu hỏi với Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng là liệu Hillary có thể xuất hiện trên truyền hình vào cuối tuần được không.

Reines trả lời rằng ông ta không nghĩ là sẽ có việc đó. Do vậy, một giả thuyết đã được đưa ra là Hillary không bao giờ xuất hiện trên tivi vào sáng Chủ nhật. Nhưng trong suốt nhiệm kỳ ngoại trưởng, bà xuất hiện đến chín lần trên chương trình *Meet the Press*. Nói đúng hơn, bà không thích xuất hiện trên các show truyền hình. Bà rất cân nhắc về tần suất theo từng trường hợp, và chẳng có lợi gì khi xuất hiện trên truyền hình để nói về Benghazi cả.

Nhưng Nhà Trắng muốn bà xuất hiện. Một nhân viên Nhà Trắng, phụ trách việc lựa chọn người đại diện cho Chính phủ xuất hiện trên truyền hình, nói, “Chúng tôi nghĩ rằng việc một quan chức ngoại giao cấp cao xuất hiện và nói về công việc ngoại giao mà họ đã thực hiện là hoàn toàn có ý nghĩa. Nhưng vấn đề hôm đó không chỉ có vậy. Chúng tôi cũng muốn có ai đó xuất hiện và nói về Mùa xuân Ả-rập, cố gắng giải tỏa sự cuồng tín về các đoạn video trên mạng, thông báo với toàn thế giới lại một lần nữa là đó không phải do nước Mỹ gây ra.”

Nhà Trắng cũng tiên liệu được những câu hỏi về Iran và Israel, bởi Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu sẽ lên truyền hình vào sáng Chủ nhật hôm đó, nên Nhà Trắng có lý do để lo lắng, vì chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử, ông ta có thể khiến Obama bẽ mặt về vấn đề Iran đang nỗ lực phát triển vũ khí hạt nhân. Nói chung, điều này cho thấy, những ai đang làm công tác ngoại giao sẽ phải đối mặt với những chuyên gia “hỏi xoáy” của năm chương trình truyền hình. Nhân viên Nhà Trắng nói tiếp, “Chúng tôi nghĩ rằng hoặc Hillary hoặc Susan Rice xuất hiện sẽ có hiệu ứng tốt.” Các trợ lý của tổng thống hiểu được sự bận rộn của Hillary sau vụ tấn công ở Libya, đã tế nhị yêu cầu Bộ Ngoại giao về việc Hillary xuất hiện trên truyền hình. Reines, thay mặt Hillary, đã từ chối yêu cầu đó.

Đến sáng thứ Sáu, Nhà Trắng đã tiếp cận Rice, yêu cầu bà xuất hiện trên cả năm chương trình truyền hình vào Chủ nhật, *Meet the Press* của NBC, *Fox News Sunday*, *Face the Nation* của CBS, *This Week* của ABC, và *State of the Union* của CNN. Sự tinh tế, nhạy cảm và điều luyện để xuất hiện trên cả năm chương trình truyền hình trong một ngày Chủ nhật được cả Washington biết đến như “Ginsburg” – lấy theo tên của William H. Ginsburg, luật sư của Monica Lewinsky, người cũng đã xuất hiện trên cả năm chương trình truyền hình trong một ngày vào năm 1998.

Đối với Rice, các chương trình Chủ nhật là một cơ hội cực lớn để bà có thể thử sức gánh vác công việc lớn hơn trong nhiệm kỳ thứ hai của Obama. Đối với Hillary, những chương trình này là một gánh nặng cần tránh, trừ khi bà muốn gửi đi một thông điệp như khi bà bắt đầu chiến dịch tranh cử của mình hoặc khi các tờ báo đăng tin rằng bà đang bị gạt khỏi Bộ Ngoại giao sau sáu tháng đầu tiên trong nhiệm kỳ. Bà không cần bàn đáp này, đó có thể là sự bấp bênh về mặt chính trị ngay giữa cuộc khủng hoảng, và đúng là bà không có dư dả thời gian cho công cuộc chuẩn bị đầy gian truân như đòi hỏi của bất kỳ một chính khách nào trong những chương trình chính trị lớn.

Khi cả Bộ Ngoại giao đang rất đau buồn về cái chết của Stevens, Capricia Marshall và nhóm của bà vượt qua nỗi đau để làm việc. Họ liên lạc với văn phòng lễ tân để tổ chức đón nhận thi thể ở căn cứ không quân Andrews. Tại đây, Obama và Hillary cùng những người khác sẽ đón nhận bốn thi thể của nhân viên Mỹ, được một chiếc máy bay quân sự chuyển từ căn cứ không quân Ramstein ở miền tây nước Đức đến. Thứ trưởng Bill Burns, người biết rõ Stevens, đã nhanh chóng bay đến Baghdad để hộ tống những người còn lại trở về nhà trên một chuyến bay dài và cô đơn từ Ramstein về Andrews.

Marshall và nhân viên của bà phải lật lại đồng hồ sơ để tìm ra những tiền lệ về nghi lễ. Họ gặp các quan chức Lầu Năm Góc và phối hợp với Nhà Trắng. Chuyến bay đưa thi thể sẽ hạ cánh vào thứ Sáu, ngày 14 tháng Chín, tại căn cứ không quân Andrews. Marshall, cựu bộ trưởng các vấn đề xã hội của Nhà Trắng, là chuyên gia giải quyết các sự kiện lớn. Nhưng bà chỉ có hai ngày để chuẩn bị rất nhiều việc.

Reines bảo Marshall rằng bà cần nói chuyện với gia đình của những người thiệt mạng. Mặc dù Bộ Ngoại giao đã yêu cầu các chuyên gia tâm lý đến gặp các gia đình đó, nhưng việc đưa các thân nhân trải qua những nghi lễ trong buổi tiếp nhận thi thể mới là quan trọng. Sáng thứ Sáu, Marshall đến Ritz-Carlton ở Georgetown uống cà phê và nước hoa quả với các gia đình. Mọi người đều hài lòng với kế hoạch, trừ một gia đình đã suy sụp trước phóng viên và camera. Marshall gọi Reines để đưa ra giải pháp: báo giới sẽ bị hạn chế hoạt động sau khi tất cả các gia đình đã ổn định chỗ ngồi, truyền hình chỉ quay hình ảnh phía sau họ mà thôi.

Hillary đã có mặt từ sớm tại buổi lễ diễn ra vào chiều tại căn cứ không quân Andrews vì bà muốn gặp gỡ các gia đình của nạn nhân. Marshall tỏ ra cứng rắn khi các gia đình chia sẻ các câu chuyện của mình, nhưng Hillary thì không.

Theo một nguồn tin tại căn cứ không quân, thì, “Cứ như thể họ òa lên trút hết tất cả nỗi đau thương lên bà. Mọi người gục khóc, trẻ con vây xung quanh. Tôi không thấy bà khóc nhưng tôi thấy bà cảm nhận được nỗi đau. Trên mặt bà thể hiện ‘tôi đã ở đây rồi.’ Tôi nghĩ nó bắt nguồn từ niềm tin vào Chúa của bà ấy, và nó kiểu như ‘Tôi ở đây để làm gì? Tôi ở đây để thay mặt Chúa.’ Bà ấy tin vào tinh thần phục vụ đất nước và Chính phủ, và một phần nữa là lòng trắc ẩn của mình.” Marshall đã lên kế hoạch giới thiệu Obama với các gia đình, nhưng khi tổng thống đến thì Hillary đã đảm nhiệm việc đó.

Đó là thời điểm đen tối nhất đối với Obama và Hillary. Tại căn cứ không quân này, nơi Obama thường chơi golf dịp cuối tuần, họ đang đứng cạnh nhau chứng kiến sự trở về đầy đau thương. Những chiếc quan tài phủ quốc kỳ đựng những gì còn lại của bốn công dân Mỹ đã chết được chuyển xuống từ một máy bay quân sự để thực hiện nghi lễ tiếp nhận chính thức của nước Mỹ. Trong giờ phút cầu nguyện mở đầu, Obama và Hillary đứng lẫn trong đám đông, cúi đầu, hai tay bắt chéo phía trước.

Như thể nói về sự cứng rắn của bản thân, Hillary kêu gọi sự ngoan cường. Bà nói, “Chúng ta hãy lau sạch nước mắt, đứng thẳng và đối mặt với tương lai đầy khó khăn.” Giọng bà ngập ngừng, những mệt mỏi và cảm xúc trong tuần vừa qua hiện rõ trên gương mặt. Bà mất đi một người bạn mới, người mà bà đã cử đến Libya với tư cách là đặc phái viên, còn giới chức chính quyền và báo chí lại đang đặt ra những câu hỏi phức tạp.

Đến lượt mình, tổng thống trích một câu trong Phúc âm John: “‘Không ai có tình thương lớn hơn tình thương của người hy sinh mạng sống mình cho bạn hữu.’”(53) Sự hy sinh của họ sẽ

không bao giờ bị lãng quên.”

Trong bối cảnh cuộc bầu cử đang đến gần, áp lực cũng đang tăng dần với nhân viên của Bộ Ngoại giao vừa mất đi bốn đồng nghiệp, với Hillary đang điều hành Bộ Ngoại giao, với Obama người đã tuyên thệ danh thếp nhất về việc bảo vệ đất nước, và với cả chính sách hỗ trợ những cuộc cách mạng ở thế giới Ả-rập và Hồi giáo. Cả Obama và Hillary có rất nhiều việc cần giải quyết – họ sẽ bị đánh giá, liệu chính sách này cuối cùng có giúp cho nước Mỹ an toàn hơn hay dễ bị tổn thương hơn trước cơn thù hận và những biến động trong khu vực. Cần phải vượt qua thời điểm này, Hillary nói tại Andrews, “Người dân Ai Cập, Libya, Yemen và Tunisia đã thay chế độ chuyên chế của một kẻ độc tài bằng chế độ chuyên chế của đám đông. Những người dân biết suy nghĩ và những nhà lãnh đạo có trách nhiệm ở những đất nước này cần làm mọi thứ để tái lập nền an ninh và buộc những kẻ đứng sau những hành động này phải chịu trách nhiệm.”

Mọi người vẫn rất ngạc nhiên khi chứng kiến Obama và Hillary, từng là đối thủ chính trị gay gắt của nhau, lại đang đứng cạnh nhau và nói cùng một giọng. Trong suốt bốn năm qua, bất kỳ khi nào đất nước trải qua một thời điểm với những sự kiện quốc tế quan trọng – từ sự trỗi dậy của Taliban ở Afghanistan đến vụ tập kích Bin Laden, rồi Mùa xuân Ả-rập và những sự kiện sau đó – họ vẫn đứng cạnh nhau như vậy. Hillary là người thực thi đầy trách nhiệm các chính sách của Obama. Vài ngày trước, ông đã thể hiện sự trung thành chính trị, vốn không quen thuộc với ông, bằng việc mời Hillary đến Rose Garden trong buổi diễn thuyết trước công chúng một ngày sau khi cuộc tấn công diễn ra. Trong ngày hôm đó, ông cũng đã đến Bộ Ngoại giao để phát biểu trước toàn thể nhân viên Bộ Ngoại giao và đã vòng tay ôm Hillary khi họ tham dự lễ tiếp nhận thi thể của những người yêu nước ngã xuống. Khi hai người kết thúc bài phát biểu, Hillary đưa tay trái của mình nắm tay phải của Obama. Ông đã có mặt bên cạnh bà trong suốt thời điểm đau lòng nhất trong nhiệm kỳ bốn năm làm việc tại Bộ Ngoại giao. Bà nói thầm vào tai ông, “Cảm ơn.”

Khi Obama và Clinton có mặt tại Andrews, đội an ninh quốc gia của tổng thống vừa mới bắt đầu tranh luận về các luận điểm trái chiều. Tại một buổi họp báo, Dutch Ruppersberger, đại diện bang Maryland, đại biểu hàng đầu Đảng Dân chủ trong Ủy ban Tình báo Hạ viện, đã yêu cầu David Petraeus, Giám đốc CIA cung cấp những điểm có thể đưa ra thảo luận về cuộc tấn công ở Benghazi, sự kiện mà các nhà lập pháp lặp đi lặp lại trên truyền hình, đài phát thanh và trả lời bài phỏng vấn báo chí. Điều này hoàn toàn bình thường đối với các thành viên Nghị viện, đặc biệt là với những người cùng đảng với tổng thống, nhằm đưa ra những gợi ý về những gì nên hoặc không nên nói trước công chúng khi phát sinh các vấn đề an ninh quốc gia. Sự vi phạm luật cấm tiết lộ các thông tin mật được phân loại vẫn dễ xảy ra, đôi khi là tình cờ.

Nhóm nhân viên CIA đã soạn ra một số nội dung chính để cung cấp cho các thành viên Ủy ban. Bản thảo đầu tiên xác nhận vụ tấn công ở Benghazi được “khơi nguồn” từ vụ tấn công ở Cairo nổ ra trước đó: đã có một đám đông tập trung trước tòa nhà trước khi bạo lực bùng phát, quân đội có quan hệ với Al Qaeda đã tham gia vụ tấn công, một nhóm cực đoan có tên là Ansar al-Sharia đã phủ nhận sự tham gia, việc dễ dàng có được vũ khí ở Libya được xem là nguyên nhân gây ra cái chết của các nhân viên Mỹ, những hành động khủng bố trước đây đã được thực hiện ở Benghazi, và cộng đồng tình báo đang làm việc với các quan chức Libya và các bộ phận khác của Mỹ để tìm ra những kẻ chủ mưu.

Nhưng một số quan chức CIA không hài lòng với dự thảo này, bởi nó không đề cập những việc CIA đã cảnh báo và cung cấp thông tin cho Bộ Ngoại giao về những nguy cơ bất ổn có thể xảy ra đối với Đại sứ quán Mỹ ở Cairo. Trong một thư điện tử nội bộ được gửi đi lúc 4 giờ 42 phút chiều thứ Sáu, một báo cáo mới về những chủ đề lớn đã xóa đi mục đề cập cụ thể về nhóm khủng bố Al Qaeda. Bản báo cáo trước đó đã đề cập “các vụ tấn công” ở Benghazi là do các cuộc biểu tình ở Ai Cập “châm ngòi” và biến thành “một cuộc đột kích trực tiếp” vào trụ sở của Mỹ tại Benghazi. Điều này không có ý nghĩa gì cả – khi trong bản báo cáo nói rằng các cuộc tấn công phát triển thành một cuộc đột kích. Cụm từ “các cuộc tấn công” bị sửa thành “các cuộc biểu tình” trong thư điện tử nội bộ của CIA. Có hai dòng mới được thêm vào. Gạch đầu dòng thứ nhất, “ngày 10 tháng Chín, chúng tôi đã cảnh báo trong những bản báo cáo về việc đang có

lời kêu gọi biểu tình trước Đại sứ quán trên phương tiện truyền thông xã hội và những tin đồn Jihad đang đe dọa xâm phạm sứ quán.” Gạch đầu dòng thứ hai nói rằng CIA “đã có rất nhiều cảnh báo” về sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố liên quan tới nhóm Al Qaeda ở Libya.

Chắc chắn một nhân viên tình báo hàng đầu thế giới sẽ hiểu rằng Benghazi là một nơi nguy hiểm, đầy những kẻ quá khích được trang bị vũ khí. Những dòng thêm vào như vậy đồng nghĩa với việc nói rằng CIA theo dõi sự việc qua mạng xã hội Twitter và báo chí công khai, nhưng cũng là một dấu hiệu cho thấy CIA và Bộ Ngoại giao đang đổ trách nhiệm cho nhau. Có phải CIA đã thất bại trong việc dự đoán và ngăn chặn các cuộc tấn công đó, hoặc lẽ ra Bộ Ngoại giao phải cảnh giác hơn nữa theo đúng những thông tin tình báo mà CIA cung cấp?

Trong một diễn biến khác, Dag Vega, người đảm nhiệm công việc đặt lịch cho các buổi phát sóng truyền hình cho Nhà Trắng, khẳng định lúc 18 giờ 16 phút chiều rằng Rice sẽ xuất hiện trên cả năm chương trình truyền hình vào Chủ nhật. Trong một e-mail gửi các nhà sản xuất mà ông thảo luận về một số nguyên tắc cơ bản, Vega đã phác thảo thứ tự của các cuộc phỏng vấn trong trường quay sẽ được phát sáng Chủ nhật theo lịch như sau: CNN lúc 7 giờ 15 phút, Fox 7 giờ 45 phút, ABC 8 giờ 15 phút, NBC lúc 9 giờ và CBS là 9 giờ 40 phút.

Vega viết, “Mỗi buổi phỏng vấn không quá 10 phút”. Cả Bộ Ngoại giao lẫn nhóm làm việc của Rice ở Liên Hợp Quốc đều không được tham gia thảo luận về các luận điểm chính của Ủy ban tình báo Hạ viện qua e-mail.

Toria Nuland, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao, là người đầu tiên có được bản sao dự thảo vào buổi sáng sớm sau khi CIA và Nhà Trắng cùng điều chỉnh những thay đổi cần thiết trong vài giờ. Nuland tự hỏi tại sao lại cung cấp những luận điểm đó cho các thành viên Nghị viện, điều có thể khiến FBI chú ý, khi cơ quan này theo đúng quy trình đang điều tra tội phạm trên lãnh thổ Mỹ về vụ Lãnh sự quán ở Benghazi. Bà cũng chỉ ra những nguy hiểm nếu CIA đã đưa thêm vào những dòng ý kiến đó.

Trong e-mail gửi cho cả Sullivan và một quan chức khác của Bộ Ngoại giao là David Adams lúc 19 giờ 39 phút, bà viết, “Điểm cuối cùng có thể bị các thành viên [Nghị viện] sử dụng để công kích Bộ Ngoại giao là đã không chú ý đến những cảnh báo [của CIA], vậy tại sao chúng ta lại muốn trả lời các cuộc phỏng vấn đó? Đáng lo ngại.”

Adams hồi âm, “Tôi đang ở cùng Toria. Gạch đầu dòng cuối cùng sẽ được đọc cho các thành viên như thể chúng ta đã được cảnh báo nhiều lần.”

CIA đã sửa lại những điểm chính nhưng đã không xóa đi những dòng đề cập việc họ đã cảnh báo nguy cơ. “Những điểm này không giải quyết được tất cả các vấn đề của tôi hay của vị trí lãnh đạo mà tôi đang xây dựng,” Nuland viết trong một e-mail mà sau đó bà chuyển tiếp đến Sullivan cùng một lời chú thích để bảo đảm rằng phải biết có những nguy cơ đe dọa Bộ Ngoại giao. “Họ đang tham khảo [Ủy ban An ninh Quốc gia].”

Sau đó, những người Cộng hòa đã sử dụng cụm từ “xây dựng khả năng lãnh đạo” để nói rằng Hillary đã tham gia soạn thảo những điểm chính. Hillary phủ nhận. Nhưng theo các e-mail được công bố, Sullivan hành động vì lợi ích của sếp mình và Bộ Ngoại giao, bằng việc nêu trường hợp này với Vietor và Rhodes – thành viên của Ủy ban An ninh Quốc gia – rằng những gạch đầu dòng mà CIA thêm vào cần phải được bỏ đi.

Sullivan gửi e-mail cho Nuland vào lúc 9 giờ 32 phút tối: “Đã nói với Tommy. Chúng ta có thể sửa.”

Vào lúc 9 giờ 34 phút tối, Rhodes yêu cầu tạm dừng thảo luận. Vấn đề này sẽ được nêu tại cuộc họp đại diện vào sáng hôm sau. Trong số nhiều vấn đề, một điều hết sức quan trọng đó là đảm bảo rằng bất cứ quyết định nào đưa ra cũng trên cơ sở có mặt của mọi người, tránh việc trao đổi qua lại bằng e-mail vốn có thể bị rò rỉ hoặc sau này phải công bố dưới dạng tài liệu lưu trữ hoặc theo yêu cầu của báo chí chiếu theo Luật Tự do Thông tin.

Dưới áp lực chính trị đòi làm rõ căn nguyên của những sự kiện, Nhà Trắng cuối cùng đã phải

công bố khoảng 100 trang e-mail các sự kiện liên quan đến vụ việc ở Benghazi. Nhưng dữ liệu đó ngày càng dài thêm do bao gồm các chuỗi e-mail trả lời và chuyển tiếp. Quan trọng hơn, đối với những cố gắng phân tích pháp lý về quá trình ra quyết định, những e-mail này chỉ thể hiện một phần các cuộc đối thoại diễn ra trong và giữa các cơ quan bằng điện thoại và các kiểu liên lạc khác.

Một quan chức cấp cao đã quen với những cuộc tranh luận như vậy nói, “Chẳng cần phải nói gì cả, có sự trao đổi giữa các hệ thống đấy thôi.”

Cuối cùng, những luận điểm chính gửi cho các nhà lập pháp – và cả Susan Rice – ngày hôm sau được gom lại thành ba gạch đầu dòng. Ngôn ngữ cổ phần gây ảnh hưởng tiêu cực đến Bộ Ngoại giao đã bị loại bỏ. Việc làm này được xem là nỗ lực thực hiện yêu cầu của một nhà lập pháp phụ trách về vấn đề an ninh quốc gia. Sau đó, những luận điểm đó được tổng kết và chuyển cho bộ phận quan hệ công chúng, các quan chức cấp cao hơn và các bộ phận khác có liên quan.

Theo nguồn tin của Nhà Trắng, vào một thời điểm nào đó, Phó Giám đốc CIA Michael Morrell cũng đã thực hiện những thay đổi tương tự nhưng không chia sẻ với các bộ phận khác. Petraeus, sếp của ông, không hài lòng với việc đó. Petraeus viết cho các nhân viên trong CIA, đề cập đến những nỗ lực của CIA trong việc cảnh báo cho Bộ Ngoại giao về những cuộc biểu tình có kế hoạch ở Ai Cập, “Không đề cập gì đến những bức điện gửi tới Cairo sao? Thành thật mà nói, tôi sẽ không muốn nói về vấn đề này ngay lúc này...”

Rice đã tham gia các chương trình truyền hình hôm Chủ nhật từ sáng đến tối, và nói theo các luận điểm đã được Capitol Hill soạn thảo. Điều khác biệt là bà đã tạo ra một sự liên mạch từ đoạn video chống Hồi giáo, tới cuộc biểu tình ở Cairo, cho đến cuộc tấn công ở Benghazi, dù bà đã sai khi nói rằng cuộc biểu tình biến thành đột kích.

Rice phát biểu trên *Meet the Press*, “Khi tập hợp tất cả những thông tin tốt nhất mà hiện giờ chúng ta có được, những đánh giá hiện tại của chúng ta là những gì đã xảy ra ở Benghazi thực chất là một phản ứng tự phát với những gì đã xảy ra nhiều giờ trước đó ở Cairo, mà tất nhiên là do đoạn video châm ngòi. Chúng tôi cho rằng những gì sau đó xảy ra ở Benghazi là do những phần tử cực đoan cơ hội đã đột kích vào Lãnh sự quán khi bạo lực bùng phát.”

Nhưng chẳng có cuộc biểu tình nào diễn ra ở Benghazi cả. Rice đã đưa ra những phiên bản của các luận điểm đã được thay đổi chút ít trong cả năm chương trình truyền hình. Có một chút nghi ngại, rằng những ai đại diện chính quyền ngồi vào chiếc ghế nóng đó liệu có nói những điều giống nhau hay không. Hillary đã thoát khỏi bãi mìn chính trị – vì thế sau này, những người Cộng hòa tập trung vào sự hiện diện của Rice trong các chương trình truyền hình hôm Chủ nhật như là chứng cứ về sự bao biện của chính quyền Obama. Cùng lúc đó, những người Cộng hòa đang muốn hạ điểm Obama trong tiến trình tranh cử căng thẳng với Romney. Tốt nhất là hạ bệ Obama thông qua Rice, hơn là thông qua Hillary vốn vẫn còn uy tín cao. Rice sẽ phải trả một cái giá rất đắt về sự thất bại của các luận điểm đó, vì không phù hợp với mong muốn của các thượng nghị sĩ, và đánh mất sự đề cử của Hillary ở Bộ Ngoại giao.

Một quan chức Nhà Trắng nói: “Susan [Rice] tiêu rồi.”

Bốn ngày sau, ngày 20 tháng Chín, Hillary tổ chức các cuộc họp bí mật và riêng lẻ về vụ tấn công ở Benghazi với Hạ viện và Thượng viện. Cùng với Thứ trưởng Quốc phòng Ash Carter, Phó Tổng Tham mưu trưởng Liên quân Sandy Winnefeld, Giám đốc Tình báo quốc gia James Clapper và các quan chức cấp cao khác, Hillary có bài thuyết trình trước các thành viên của Hạ viện tại phòng lớn trong trung tâm tiếp khách ở Capitol và tham gia màn hỏi đáp. Cuộc họp diễn ra bình lặng, không có sự kiện bất thường và kéo dài – vì Hillary đã nhìn xoáy vào Hạ Nghị sĩ Michele Bachmann sau mỗi câu hỏi.

Điều này có nghĩa là các thượng nghị sĩ phải chờ nhóm của Hillary cùng các vị thứ trưởng và phó giám đốc của các bộ phận khác nhau đến Capitol. Các thượng nghị sĩ, vốn không quen chờ

đợi ai, thường không phải là thành viên Chính phủ hay là đồng nghiệp cũ của các quan chức, đang cảm thấy khó chịu; và nhóm phụ trách các vấn đề pháp lý ở Thượng viện của Hillary đã thông báo cho bà biết trước rằng Harry Reid, người đứng đầu nhóm nghị sĩ này, đang đi đến chỗ muốn giải tán nhóm của bà.

Khi bước vào phòng, Hillary và các trợ lý của mình đều cảm thấy sự căng thẳng. Nhìn quanh căn phòng, Hillary nói bà sẽ trình bày những điểm chính và sẽ trả lời mọi câu hỏi. Clapper nói với các thượng nghị sĩ rằng ông sẽ bắt đầu trước vì biết rằng Hillary sẽ mất ít nhất 15 phút trình bày như ở Hạ viện. Reines chú ý nhận ra Thượng Nghị sĩ John McCain (R-Ariz) đang ngày càng khó chịu. Reines nói với Mills, “Nhìn kìa. Ông ta sắp nổ tung.”

Khi Clapper kết thúc phần của mình, Carter bắt đầu phát biểu với cái giọng đau khổ cố ý của mình chỉ vừa đủ nghe, khiến những thượng nghị sĩ ngồi phía sau phản ứng rằng các quan chức chính quyền đang làm mất thời gian của họ. McCain, từng là phi công hải quân và là thành viên cứng rắn của Ủy ban Quốc phòng lâu năm, ngắt lời Carter và nói rằng ông ta không cần nghe đánh giá về những cơ sở của hải quân. Khi Carter nói tiếp, McCain bực tức ra khỏi phòng. Winnefeld dường như hiểu ra vấn đề và nhanh chóng bắt đầu phát biểu của mình.

Theo một nguồn tin của Bộ Ngoại giao, “Họ đi thẳng vào các câu hỏi, đó là những câu hỏi khó. Chính thời điểm ấy, họ đã khẳng định rằng Susan Rice đã nói dối.”

Thượng Nghị sĩ Lindsey Graham (R-S.C) ủng hộ Đảng Cộng hòa đã chuyển các câu hỏi cho các đồng nghiệp để họ hỏi. Cuối cùng, ông cũng đứng dậy để tự đưa ra quan điểm của mình. Ông nói, “Mỗi khi chúng tôi hỏi mà bà không muốn trả lời, bà nói với chúng tôi rằng bà không thể nói về cuộc điều tra hoặc bà không biết câu trả lời. Nhưng thực tế, mỗi khi bà muốn chúng tôi biết điều gì đó, bà ngồi đó và bắt chúng tôi phải lắng nghe nó trong 20 phút.”

Thượng Nghị sĩ Susan Collins (R-Maine), người mà Hillary từng tổ chức tiệc chiêu đãi, hỏi rằng làm thế nào mà năm nhân viên an ninh ngoại giao thoát khỏi trụ sở trong khi những người mà họ phải bảo vệ lại bị giết.

Trong buổi họp, những nhà lập pháp sau đó nhớ lại, Hillary đã trả lời rằng những kẻ khủng bố đã gây ra cuộc tấn công, một điểm nhấn trái ngược đôi chút nhưng rất quan trọng so với bản báo cáo của Rice.

Ngay sau đó, các quan chức chính phủ có các cuộc họp bí mật khác nhau với các ủy ban khác nhau ở Capitol Hill, những mối ràng buộc đảng phái bị tháo bỏ và Susan Rice trở thành mục tiêu chính của các thành viên Nghị viện. Nguồn tin của Bộ Ngoại giao cho biết, “Trong các buổi điều trần sau đó, nếu nhắm mắt thì ta không thể phân biệt đâu là bạn, đâu là thù. Chủ yếu vì chẳng có ai là bạn cả. Điều nổi bật về các cuộc họp đó là chúng tôi chủ động tổ chức. Chẳng ai yêu cầu cả. Chúng tôi nói với nhau rằng, ‘Hãy đến đó và nói cho cả Nghị viện biết,’ và việc đó giống như chọc tổ ong vậy.”

Ngay sau đó, Rice đã “bị đốt đau.” Obama đã có kế hoạch cử bà ta làm ngoại trưởng, nhưng vụ này đã cướp đi cơ hội để Thượng viện phê chuẩn. Hơn nữa, vụ tấn công ở Benghazi cũng đã lấy đi cơ hội để Hillary đánh lên vương miện thành công cái tên Libya. Khi cuộc bầu cử năm 2012 kết thúc, những người Cộng hòa còn muốn bà phải trả giá nhiều hơn thế.

Phần Bốn

16. “Chiến binh mở đường”

Về nhà với bản kế hoạch chi tiết về tranh cử tổng thống 2012, Bill Clinton cùng các trợ lý đã kiểm tra kỹ lưỡng. Một người là quản lý chiến dịch vận động Jim Messina và người kia là Giám đốc điều hành Ủy ban vận động Thượng viện của Đảng Dân chủ Guy Cecil. Với mỗi người, Bill đều đã xây dựng được quan hệ vững chắc dựa trên cơ sở chính trị. Cecil, từng là linh mục đồng tính và là giáo viên trung học, đã tham gia với gia đình Clinton trong giai đoạn đầu của chiến dịch tranh cử năm 2008, thời điểm mà nhiều thành viên Hillaryland yêu cầu vị cựu tổng thống này rời xa các chiến dịch tranh cử hiện tại càng xa càng tốt. Cecil rất gần gũi với nhóm của Bill và tham gia các hoạt động chính trị của gia đình Clinton, nên ông nhanh chóng trở thành đối tác của Mark Penn (Giám đốc Chiến lược của Microsoft) sau cuộc bầu cử sơ bộ, trước khi trở thành cố vấn cấp cao của Thượng Nghị sĩ Michael Bennet. Cuối năm 2011 tại Harlem và tháng Sáu năm 2012 tại Chicago, Messina đã cung cấp thông tin tóm lược cho Bill Clinton, lúc đó đang gặp khó khăn khi xử lý dữ liệu bầu cử; từ đó họ thường xuyên trao đổi với nhau qua điện thoại.

Giờ đây, cả Messina và Cecil đều trở thành điều phối viên của nhiệm vụ chính trị là quyền góp nhiều tiền hơn cho Bill và Hillary ngay trong Đảng Dân chủ. Quỹ này vừa cho phép gia đình Clinton hỗ trợ Obama, vừa tiếp tục chăm chút cho những ưu tiên của gia đình này. “Họ không nhất định phải sắp xếp lịch trình của Bill trùng với Obama,” một quan chức của Đảng Dân chủ gần gũi với chiến dịch vận động của Bill năm 2012 nói.

Sau cuộc tranh luận cuối cùng giữa Obama và Mitt Romney vào cuối tháng Mười, Messina bắt chuyến máy bay ngay sáng sớm từ Boca Raton đến Chicago, tại đây ông gặp Bill ở tầng 34 của khách sạn Hyatt Regency nhìn ra sông Chicago. Chỉ còn hai tuần nữa là tới ngày bầu cử, đó là thời gian để Bill tìm kiếm sự ủng hộ cuối cùng cho Obama. Hai người nhất trí rằng, không có các cuộc phỏng vấn, chỉ có các diễn đàn vận động bầu cử. Một người tham gia chiến dịch vận động cho Obama nói với phóng viên, “Thời gian dành cho các buổi diễn thuyết có ý nghĩa hơn cả, và đó là nơi tốt hơn cho ông ấy.”

“Chúng tôi muốn ông ấy nói chuyện với các cử tri, chứ không phải với các anh.” Một nhân viên nhóm vận động bầu cử của Clinton nói với các phóng viên.

Messina đã lên lịch dày đặc cho Bill, nhưng cựu tổng thống không muốn chỉ như vậy. Ông liên tục lặp lại cùng một thông điệp, theo lời một nguồn tin thân cận với chiến dịch ủng hộ Obama. “Nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều hơn. Tôi muốn nhiều hơn thế,” Bill nói. Điều duy nhất Bill sẽ không vì Obama mà làm là hủy buổi hẹn đến xem cháu trai mình là Zach Rodham thi đấu trong trận chung kết bóng đá giữa trường Maret và trường Sidwell Friends – trường dạy múa của Chelsea tại Washington, ba ngày trước khi cuộc bầu cử chính thức diễn ra. Điều này thậm chí tốt hơn cho Bill, rất nhiều điểm dừng chân của Obama đều có dấu ấn của hai người, nơi Bill có thể khẳng định vị trí tổng thống của Obama và cũng yêu cầu các cử tri ủng hộ các ứng viên Hạ nghị viện, Thượng nghị viện và Chính phủ, những người sẽ trả ơn Hillary trong thời gian vài năm nữa.

Tờ *New York Times* thống kê được 37 liên minh vận động tái tranh cử mà Bill Clinton tạo ra cho Obama trong bảy tuần cuối cùng của chiến dịch tranh cử. Rất nhiều cuộc vận động dồn vào những tuần cuối. Bill có sự hỗ trợ mà những người ủng hộ khác không thể có. Bên cạnh những gì mà Messina gọi là “người bảo đảm kinh tế” cho chiến dịch vận động tranh cử của Obama vì kỷ lục mà ông giữ vững suốt thời gian dài, ông có thể tập hợp được những thành viên Đảng Dân chủ thuộc các ý thức hệ khác nhau.

Một quan chức vận động cấp cao của Obama nói, “Ông ấy là người đóng thế vĩ đại trong chiến dịch vận động, bởi vì bạn có thể cử ông ấy đến cả các khu vực chính và phụ để vận động.” Chính Bill khẳng định cần tổ chức thêm các sự kiện vận động ở Minnesota và Pennsylvania trong những ngày cuối của chiến dịch tranh cử. Obama đã làm tốt công việc ở đó, nhưng Đảng Dân chủ vẫn có những ứng viên khác có thể tạo thêm chút động lực. Với Đảng Dân chủ, lợi ích của việc Bill tham gia các buổi diễn thuyết nhiều hơn là rủi ro, nên Obama cần lo lắng tại những bang được cho là không thuận lợi. Điều này lại tạo ra ảo tưởng cho chiến dịch vận động của Romney rằng họ có thể mở rộng phạm vi vận động.

Những tổng thống rời nhiệm sở một cách tốt đẹp thường lo ngại tính đảng phái chính trị có thể ảnh hưởng xấu đến vị thế của mình trong những cử tri độc lập và thành viên của đảng khác. Đối với Bill, làm ngược lại điều đó mới có hiệu quả, và ông đã không ngần ngại công kích Romney. Sau năm 2008, đó là chính sách tốt đã giúp ông củng cố vị trí của mình trong Đảng Dân chủ. Giữa tháng Mười, ông đã cắt một đoạn video phục vụ chiến dịch tranh cử của Obama, trong đó ông nhìn thẳng vào máy quay và buộc tội Romney đã nói dối về kế hoạch kinh tế. Trên các diễn đàn vận động công khai, Bill thậm chí còn quyết liệt hơn. Ông đã hỏi cử tri tại một điểm tiếp xúc ở Parma, bang Ohio, hồi giữa tháng Mười, “Ông ấy là người điều hành hãng Bain Capital và là một doanh nhân, như vậy, ông ấy có giấu giếm ngân sách của mình không? Điều đó có thể cho các bạn biết một điều. Ông ấy, umm, ông ấy cũng đang trốn thuế. Ông ấy đang giấu mọi thứ.”

Những nỗ lực làm “người đóng thế” của Bill ngày càng quan trọng với Obama khi cơn bão Sandy ập xuống Bờ Đông; Obama buộc phải hủy các hoạt động tranh cử để có thể theo dõi và điều hành hoạt động cứu trợ từ Washington, mà không thể hiện quá mức tính chính trị trong thảm kịch. Sáng sớm 28 tháng Mười, Obama gặp Bill trong một căn phòng tại khách sạn Doubletree ở Orlando để yêu cầu ông tiếp tục thực hiện kế hoạch vận động cử tri ở một khu vực thuộc bang Florida vốn rất quan trọng đối với kết quả bầu cử của Đảng Dân chủ, trong khi Obama sẽ phải bay về Washington để nghe báo cáo tình hình tại Phòng Tình huống. Nhà Trắng cho đăng bức ảnh của hai người, trong đó Obama xắn tay áo, còn Bill mặc quần jeans và chiếc sơ mi màu xanh nhạt hơi phai, họ đang trao đổi với nhau trong một căn phòng chỉ có ánh sáng phát ra từ chiếc đèn làm việc xua đi màu tối của buổi sáng sớm. Chân của Obama bị cúp khỏi bức hình, điều đó gây tò mò, do ông không đi giày – theo lời một trợ lý của ông.

Bất cứ nơi nào Bill đến, từ New Hampshire đến Virginia, Colorado, Florida, hay Ohio, ông đều nhắc các cử tri giống như khi ông nói tại một điểm tiếp xúc rằng Obama có “riêng hẳn một ngoại trưởng.” Những người ủng hộ Obama không thể đòi hỏi gì hơn nữa từ Bill trong chiến dịch tranh cử này; họ tiếp tục quyên góp tiền để trả nốt số nợ của Hillary.

Một trợ lý cấp cao của Obama nói, “Bill trở thành chiến binh mở đường vĩ đại cho chúng tôi.”

Thời gian bầu cử quả là mùa bội thu cho ngân quỹ đã chi năm 2008 của Hillary, nhưng lại có tin đồn rằng Obama sẽ tặng bà một món quà chia tay để trả hết nợ, thật ra sự hỗ trợ lớn nhất của Obama là giúp bà trả hết nợ từ mùa hè năm 2012. Sau khi tăng lương hơn 200 nghìn đô-la cho Hillary trong khoảng giữa tháng Năm và tháng Bảy, 85 nhà tài trợ mới đã quyên quỹ tối đa 2.300 đô-la cho bà trong giai đoạn này, và những cử tri ủng hộ Obama cũng chi những tấm séc có trị giá nhỏ hơn – Obama cũng thuê cả một loạt nhân viên từ chiến dịch tranh cử của Hillary trong tháng Mười với chi phí 62.782 đô-la. Chuyên gia thăm dò ý kiến Celinda Lake và các ứng viên Elizabeth Warren, Joe Kennedy và Christie Vilsack cũng có được danh sách các nhà tài trợ của Hillary với một mức giá thấp hơn; Bill đã gửi thông điệp yêu cầu giúp đỡ vào cuối tháng Mười một và thu được 63.284 đô-la chỉ trong tám ngày, gần như đã hết nợ với cam kết nỗ lực trả xong nợ trước khi rời nhiệm sở. Trên thực tế, về mặt kỹ thuật, Hillary đã có tiền trong tài khoản từ cuối tháng Chín; bà đã có nhiều hơn số tiền 73.000 đô-la đang nợ tại thời điểm đó. Món tiền thú vị nhất trong hồ sơ tài chính của bà, đó là khi Obama nâng lương cho bà vào xuân và hè năm 2012, thì bà lại có được số tiền ủng hộ lớn hơn sau khi cuộc bầu cử kết thúc. Chỉ có 238 nhà tài trợ cá nhân cho chiến dịch của Hillary trước cuộc bầu cử, và sau bầu cử, đã có đến 1.026 nhà tài trợ. Rõ ràng là có một nguồn lực lớn từ những thành viên Dân chủ cấp cơ sở muốn bảo đảm Hillary có bản tổng kết tài sản tốt. Bà sẽ có hơn 200 nghìn đô-la trong tay vào

cuối tháng Mười hai và chấm dứt vận động tài trợ đầu năm 2013.

Trong nỗ lực vận động, Bill có những lần dừng chân giúp đỡ một số ứng viên vào Hạ viện, trong đó có Kathy Hochul, nữ Thượng Nghị sĩ New York mà Hillary đã gọi điện từ London sau cuộc bầu cử năm 2011. Bill xuất hiện tại một cuộc họp chung ở Rochester với Hochul và Hạ Nghị sĩ Louise Slaughter, một trong những người ủng hộ Hillary mạnh nhất trong cuộc vận động tranh cử năm 2008. Hochul đang trong một cuộc chiến mà chỉ cần hơn 1% số phiếu cũng đã quyết định được thắng lợi thuộc về ai, nhưng Clinton cũng nhất quyết giành phần cho New York.

Hochul nói, “Họ không xuất hiện giống như một phần thưởng trong các cuộc vận động dễ dàng. Sau này, tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ ra máy bay, nhưng ông ấy đứng lại và cho tôi những lời khuyên về chiến dịch vận động... Con gái tôi, năm nay 23 tuổi, không thể có mặt, vì thế ông ấy muốn gửi lời nhắn cho con bé bằng cách viết lên một tấm áp phích. Đó là cách quan tâm mang đặc trưng cá nhân, cho thấy sự khác biệt giữa gia đình Clinton với những người đương nhiệm mà tôi đã gặp trong suốt cuộc đời làm việc của mình.”

Chuyến vận động cuối cùng của Bill tại bang Minnesota đã khiến báo giới phải đặt câu hỏi, liệu Obama có yếu thế ở bang này không. Obama thì không, nhưng Rick Nolan thì có. Ông ta đang cố gắng trở lại Nghị viện sau 30 năm và đang ráo riết chạy đua. Bill đã từng ủng hộ đối thủ chính của ông ta là Tarryl Clark, cũng là người ủng hộ Hillary mạnh mẽ vào năm 2008, nhưng Nolan cần mọi sự giúp đỡ có thể trong đợt tổng tuyển cử. Chuyến đi đến Duluth – dù không cần thiết ở mức vận động tranh cử tổng thống và thượng nghị sĩ – đã xoa dịu phần nào nỗi bất bình dai dẳng của Nolan, người cuối cùng đã thắng.

Hơn nữa, Bill bị mất giọng do liên tục phát biểu trước công chúng vì Obama, và Bill còn bận rộn với hàng loạt các cuộc điện thoại và thư thoại với những ứng viên Đảng Dân chủ trung thành với Hillary. Đại biểu Hạ viện Steve Israel, Chủ tịch Ủy ban tranh cử của Đảng Dân chủ, bắt đầu lo lắng về số lượng cử tri có mặt tại quận Long Island sau thảm họa bão Sandy. Ông ta đã gọi điện đến nhóm của Bill xin giúp đỡ, và Bill nhanh chóng trả lời qua thư thoại.

Trong khi Messina lên lịch trình cho Bill theo chiến dịch tranh cử của Obama, thì vị cựu tổng thống cũng tự lên kế hoạch cho những chuyến đi ngoài lề và những nhiệm vụ chính trị của riêng mình. Đa phần những kế hoạch đó tập trung hỗ trợ cho các ứng viên Thượng viện. Mỗi quan tâm chính của ông là Cecil, người đã ủng hộ hết mình cho chiến dịch tranh cử tại New Hampshire của Hillary, trong khi đội ngũ của bà bận rộn ở Iowa hồi năm 2008.

Tại một thời điểm trong chiến dịch tranh cử, người ta nói với Bill rằng Mike Easley, Thống đốc Bắc Carolina, người từng ủng hộ Hillary, nay đã ủng hộ Obama. Bill gọi điện thoại cho Cecil, lúc này đang tắm, và để lại tin nhắn, “Chết tiệt! Làm thế nào mà chuyện quái quỷ này xảy ra?” Bill đã hét vào ống nghe, “Có người vừa nói với tôi rằng, Thống đốc Bắc Carolina đã quay sang ủng hộ Obama. Tôi đi bộ một chút. Gọi lại cho tôi lúc tôi ở nhà nhé.”

Cecil cố gắng tìm hiểu xem đó có phải sự thật hay không. Hóa ra không phải vậy. Ông gọi lại cho Bill, “Tôi chỉ muốn ông biết rằng đó không phải là thống đốc.” Cecil giải thích, đó là Phó Thống đốc Bev Perdue đang chạy đua ghế thống đốc.

Bill nói, “Được rồi, tốt lắm,” cảm thấy thoải mái hơn. Ngày hôm sau, ông gọi điện lại để hàn gắn quan hệ.

Họ vẫn giữ quan hệ thân thiết với nhau, mặc dù Bill ủng hộ Andrew Romanoff trong một cuộc bầu cử sơ bộ ở bang Colorado, chống lại sếp sau này của Cecil là Michael Bennet. Cuối năm 2012, Bill và Cecil gặp nhau mỗi tháng một lần để đề ra chiến lược hỗ trợ những ứng viên Thượng viện vốn rất trung thành với Hillary. Các ứng viên của Đảng Dân chủ thấy rõ những ưu tiên của Bill. Một thượng nghị sĩ Dân chủ nói, “Chúng tôi đã không yêu cầu ông ấy đi vận động những người ủng hộ nhiệt thành cho Obama. Ông ấy đã làm nhiều việc cho những người ủng hộ và tán thành Hillary.”

Nơi duy nhất ông được yêu cầu đi vận động nhưng lại từ chối là bang Massachusetts, nơi một

linh mục ủng hộ Obama là Elizabeth Warren đang chạy đua vào Thượng viện. Bill giúp đỡ bằng cách viết một e-mail mời gây quỹ, nhưng ông không xuất hiện cùng Warren, người được xem là đối thủ tiềm năng của Hillary vào năm 2016. Cả khi đã tha thứ cho Claire McCaskill, Bill Clinton vẫn đứng ngoài chiến dịch tái tranh cử của bà ta tại bang Missouri. Ông giúp vạch chương trình tranh cử cho Bill Nelson ở Florida, Joe Donnelly ở Indiana, Tammy Baldwin ở Wisconsin, Sherrod Brown ở Ohio, Amy Klobuchar (người không cần sự giúp đỡ) ở Minnesota, Shelley Berkley ở Nevada, và hai lần giúp Heidi Heitkamp ở Bắc Dakota.

“Ông ta yêu chính trị”, nguồn tin cho hay. “Bill đã nỗ lực cho những người thuộc phe Obama hơn bất cứ vị cựu tổng thống nào trong quá khứ đã từng cố gắng trong một cuộc đua bầu cử. Do đó có nhiều điều cần phải giải quyết với những người thuộc phe Obama khi họ không muốn ông ta hoặc khi họ sẵn sàng buông xuôi để chúng ta có thể thoải mái tiến – lui.”

Khi Bill vận động chính trị khắp nước Mỹ thì Hillary đang là tâm điểm của dư luận bởi những hậu quả của vụ Benghazi. Ngày 15 tháng Mười, một ngày trước cuộc tranh luận tổng thống lần thứ hai, Hillary khẳng định rằng đã đủ tiền trả nợ, và rằng Obama cùng Phó Tổng thống Joe Biden đã không thể điều hành Bộ Ngoại giao như trước được nữa.

“Tôi là người chịu trách nhiệm,” bà phát biểu trên CNN trong chuyến thăm Lima, Peru.

Dường như hiện thời bà đang hứng chịu những sức ép chính trị thay cho Obama, những nhận xét của bà tạo điều kiện cho tổng thống trả lời những chất vấn trong cuộc tranh luận diễn ra vào buổi tối hôm sau, tại Hempstead, New York. Nhóm của Obama nhìn thấy nhược điểm của Romney khi đề cập vấn đề Benghazi, một phần do ông ta đã có một tuyên bố đúng thời điểm nổ ra vụ tấn công, nên đã gây ra những phản ứng chính trị dữ dội.

Sau khi tự tìm cách bảo vệ quan điểm chính trị trong vụ tập kích và tiêu diệt Osama bin Laden, Obama nói, “Trong khi chúng tôi đang phải giải quyết việc những nhà ngoại giao của chúng ta bị đe dọa, thì Thống đốc Romney đã tổ chức một cuộc họp báo chỉ nhằm tạo dấu ấn chính trị. Đó không phải là điều một người chỉ huy thường làm. Quý vị không thể biến một vấn đề an ninh quốc gia thành một vấn đề chính trị được, nhất là đúng lúc nó xảy ra. Khi tôi nói rằng chúng ta sẽ tìm ra được chính xác những gì đã xảy ra, thì mọi người sẽ cùng có trách nhiệm, và tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì đang xảy ra ở đó vì nơi đó có những người bạn của tôi, cũng chính tôi là người tiếp nhận những cổ quan tài đưa họ trở về nhà, quý vị hiểu điều tôi nói đây có nghĩa là gì. Ngoại trưởng Clinton đã làm những việc phi thường. Bà ấy làm việc cho tôi. Tôi là tổng thống. Và tôi luôn chịu trách nhiệm.”

Cùng lúc đó, nhóm nghiên cứu của Ủy ban quốc gia của Đảng Cộng hòa (RNC: Republican National Committee) đã đưa một đoạn video dài 42 phút lồng ghép một đoạn quảng cáo nổi tiếng về cuộc điện thoại của Hillary gọi lúc 3 giờ sáng năm 2008 với cuộc tấn công ở Benghazi. Hillary cho rằng Obama không sẵn sàng giải quyết cuộc khủng hoảng xảy ra khi đang nửa đêm, và những trợ lý ở RNC nghĩ rằng Benghazi có thể chứng minh cho điều đó. Trên những bức ảnh gốc lấy từ đoạn quảng cáo về Hillary và cảnh Lãnh sự quán của Mỹ bị cháy, có dòng chữ in hoa màu trắng, “Cuộc điện thoại diễn ra ngày 11 tháng Chín năm 2012.” Trong hình nền, chuông điện thoại reo lên liên tục. Dòng chữ tiếp tục chạy với nội dung, “Các yêu cầu an ninh bị từ chối. Bốn người Mỹ thiệt mạng. Một Chính phủ đang thay đổi.” Chương trình quảng cáo kết thúc với tín hiệu máy bận.

RNC không có tiền để đăng quảng cáo đó trên truyền hình quốc gia, nhưng những trợ lý có mặt ở đó nghĩ rằng các nhà báo sẽ phát tán đoạn video này nếu nó được đăng lên Internet hoặc đường link chia sẻ. Trong cuộc họp thường kỳ ngay trước khi cuộc tranh luận thứ hai diễn ra, RNC cho phát đoạn quảng cáo chiến dịch tranh cử của Romney. Nhưng việc đó lại không hẳn là tốt cho Romney, người đã hai lần sử dụng vụ tấn công Benghazi một cách sai lầm – lần đầu tiên với lời tuyên bố thiếu khôn ngoan vào đêm xảy ra vụ tấn công; và lần thứ hai là trong buổi tranh luận khi người điều hành lại ngả về phía Obama khi tranh cãi việc liệu tổng thống có gọi vụ tấn công đó là hành động khủng bố hay không. Các trợ lý vận động tranh cử của Romney,

những người rất quan tâm vấn đề kinh tế trong cuộc vận động tranh cử lần này, đã thông báo với các phụ tá RNC rằng, Benghazi “không phải là thông điệp của tuần này,” theo một nguồn tin quen thuộc với các cuộc thảo luận cho hay. Nguồn tin này không bàn về việc liệu có phải những sai lầm riêng của Romney về vấn đề Benghazi đã khiến ông ta thua Obama khi tranh luận hay không.

Thất bại của Romney trong việc biến vấn đề Benghazi thành một nội dung tranh cử cuối cùng lại ghi điểm cho Hillary – ít nhất vào thời điểm hiện tại – và cũng tăng thêm hiệu quả của việc vận động cho Obama và các ứng viên được lựa chọn khác mà Bill đang tiến hành. Thành công của những đảng viên Dân chủ trong các cuộc đua ở Thượng viện cho thấy vai trò to lớn của Bill trong các cuộc đua lớn, mặc dù có thất bại ở các cuộc bỏ phiếu sơ bộ và tổng tuyển cử.

Ngày 6 tháng Mười một, Obama đã tái đắc cử, trở thành tổng thống thứ hai của Đảng Dân chủ kể từ thời Franklin Roosevelt làm được điều này. (Bill là người thứ nhất.) 60% cử tri xác định kinh tế là vấn đề quan trọng nhất mà nước Mỹ đang đối mặt. Vì vậy, thậm chí với tỉ lệ thất nghiệp lên tới 7,9%, Obama vẫn cố gắng thuyết phục cử tri rằng mình điều hành nền kinh tế tốt hơn Romney. Sau chiến thắng, Obama có trao đổi ngắn với Romney, sau đó gọi điện cho Bill Clinton.

17. Xin đừng ra đi

Trên máy bay Air Force One đang bay qua những cánh rừng lớn của Đông Nam Á vào ngày 19 tháng Mười một năm 2012, trong cabin riêng của tổng thống, Barack Obama và Hillary Clinton ngồi nói chuyện riêng với nhau. Như những người bạn lâu năm, họ nhắc lại khoảng thời gian làm việc cùng nhau trong năm năm qua, kể từ sau chiến dịch tranh cử 2008. Khi họ yên vị trong cabin có những chiếc ghế, ghế dài bọc da và một chiếc bàn gỗ lớn để tổng thống làm việc, Obama đặt ra câu hỏi nghiêm túc với Hillary về tương lai của bà. Một năm đã qua kể từ khi Hillary nói với Obama rằng bà sẽ không làm thêm một nhiệm kỳ nữa.

Bà nói với Obama: tôi tin rằng ông sẽ tái đắc cử và nhóm của tôi sẽ làm mọi thứ trong khả năng của mình để giúp đỡ ông. Nhưng tôi đã sẵn sàng tạm rút khỏi đời sống chính trị. Bà cũng đã khuyến cáo tổng thống dành nhiều thời gian tìm người thay mình.

Obama đã ngăn lại và nói rằng họ sẽ thảo luận về vấn đề này sau cuộc bầu cử.

Giờ đây Obama đã tái đắc cử. Vào ngày bầu cử, Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta đã khiến Obama choáng váng khi thông báo rằng ông cũng sẵn sàng rời nhiệm sở. Một nguồn tin thân cận nói, “Tin đó làm ông ấy rất sững sờ.”

Susan Rice, người mà Obama muốn lựa chọn để kế nhiệm Hillary, lại đang chịu những chỉ trích gay gắt của Đảng Cộng hòa ở Capitol Hill, nên rõ ràng sẽ không thể vượt qua cuộc bỏ phiếu phê chuẩn. Obama đối mặt nguy cơ mất cả hai thành viên cao cấp của hội đồng chiến tranh và đang chật vật tìm người thay thế cho một trong hai người. Hillary đã chứng tỏ là một đồng minh quan trọng trong nhiệm kỳ thứ nhất, trở thành cặp đôi hoàn hảo với người từng một thời đối đầu, họ đã hợp tác rất ăn ý. Tại sao điều kỳ diệu này lại kết thúc?

Bà có cân nhắc lại không? Obama hỏi, thêm một năm nữa thôi?

Không, Hillary trả lời. Đây là thời điểm bà rời nhiệm sở.

Thậm chí, dù Obama liên tục từ chối câu trả lời không và yêu cầu bà tiếp tục công việc, nhưng ông chỉ gắng hỏi bà thêm một lần nữa, một cách nhẹ nhàng, liệu bà có thể ở lại thêm một thời gian ngắn nữa hay không.

Câu trả lời vẫn vậy. Obama đành chấp nhận.

Năm 2008, Hillary đã không thể từ chối yêu cầu làm việc, nhưng giờ đây sau bốn năm làm việc và với triển vọng mờ mờ của cuộc bầu cử năm 2016 – tính toán của bà đã thay đổi. Obama cũng phần nào hiểu rằng bà đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Theo một nguồn tin tường thuật về cuộc nói chuyện đó, “Tổng thống đã không thúc ép bà ấy. Nếu ông ấy ép, thì Hillary cũng sẽ ở lại thôi.”

Năm 2008, khi Obama đề nghị Hillary làm ngoại trưởng, những cố vấn cấp cao của ông đã xì xào bàn tán việc làm sao lại có sự sắp xếp như vậy, vì hai người đã đối đầu rất gay gắt trong cuộc bầu cử sơ bộ, họ cũng lo ngại liệu Hillary có trung thành thực hiện những chỉ thị của Obama hay không. Giờ đây, sau bốn năm, Hillary đã trở thành một thành viên không thể thay thế như bất kỳ thành viên nào trong nội các của tổng thống, và bà đang thực hiện chuyến công du kéo dài 10 ngày để khẳng định khả năng của một chuyên gia chiến lược về quyền lực thông minh thúc đẩy cải cách dân chủ ở Burma, cũng như lòng nhiệt thành sẵn sàng lao vào những khủng hoảng khi đảm nhận vai trò người thương thuyết hòa bình ở Trung Đông.

Trong chuyến công du đến Thái Lan, Burma và Campuchia, chuyến công tác cuối cùng giữa hai người với tư cách là tổng thống và ngoại trưởng, Obama và nhóm của ông đều hồi tưởng những hoài niệm sâu sắc về người đối đầu kỳ cựu. Các trợ lý của Obama thể hiện rõ lòng biết ơn nhóm của Hillary ngay trên chiếc Air Force One. Hillary không phải là người duy nhất ở Bộ

Ngoại giao nhận được lời đề nghị tiếp tục làm việc trong chuyến công du của tổng thống tới Đông Nam Á. Gần kết thúc bốn năm nhiệm kỳ đầu, quả thật, gần như không thể hiểu tại sao các trợ lý của Obama đã từng phản đối Capricia Marshall làm Trưởng ban lễ tân quốc gia. Qua thời gian, những thành viên trong Hillaryland trở thành các nhân vật danh dự trong lực lượng ngoại giao của Obama, xây dựng mối quan hệ gắn bó với những trợ lý thân cận của ông hiện đang có mặt trên chiếc Air Force One thông qua quá trình làm việc cần mẫn, sự duyên dáng và khiếu hài hước.

Trong một chuyến công du, Marshall và các trợ lý ngoại giao trẻ tuổi của Obama, đa phần là nam giới, tập trung tại khu vực dành cho nhân viên ngay phía sau cabin của tổng thống để xem bộ phim *The Sitter* (Bảo mẫu) sản xuất năm 2011. Ben Rhodes ngồi cạnh Marshall và Tommy Vietor ngồi dọc hành lang; Marshall há miệng, trợn mắt khi bộ phim bắt đầu với cảnh nam diễn viên Jonah Hill đóng cảnh yêu bằng miệng với nữ diễn viên Ari Graynor. Marshall, đôi khi cũng chia sẻ một chút tính hài hước với Hillary, cảm thấy vừa thích thú vừa xấu hổ. Khi cảnh nóng vừa kết thúc thì Obama bước ra khỏi cabin và đi qua khu vực nhân viên trên máy bay. Marshall chia sẻ cái liếc nhìn tỏ ra hiểu chuyện với những trợ lý của ông, vốn là những người ủng hộ bà mạnh mẽ nhất. “Chết tiệt,” một trợ lý nghĩ. “Ơn Chúa, ông ấy đã không nhìn thấy.” Marshall không nói một lời.

Mặc dù Obama không biết về chuyện đó, ông vẫn hiểu rõ những việc Marshall đã làm để chuẩn bị cho các chuyến thăm của Nhà Trắng nhằm đảm bảo mọi việc trơn tru khi tổng thống công du nước ngoài. Ông giao nhiệm vụ cho người bạn thân thiết nhất của mình trong nhóm cố vấn Nhà Trắng là Valerie Jarrett tiếp cận Marshall và thuyết phục bà ấy tiếp tục làm việc.

“Tổng thống muốn bà ở lại,” Jarrett nói với Marshall trong một chuyến công du.

“Vâng,” Marshall trả lời, không do dự.

Obama và Hillary đã dành toàn bộ chuyến bay kéo dài một giờ từ Rangoon đến Phnom Penh để cùng ngồi trong cabin, nhìn lại thời gian họ làm việc bên nhau và thảo luận về chuyến đi khẩn cấp tới Trung Đông của Hillary để đàm phán một thỏa thuận ngừng bắn giữa Israel và Palestine.

Một vài ngày trước khi Hillary gặp Obama tại Thái Lan, ngay trước khi ông kết thúc chuyến công du kéo dài ba ngày đến Đông Nam Á, Hillary đã có mặt tại Úc, nơi bà nghe tin Israel đang có kế hoạch tiến công dải Gaza để đáp trả hành động bắn tên lửa của Palestine. Hai năm trước, Israel và Palestine đã cắt đứt các cuộc đàm phán hòa bình trực tiếp, sau khi lệnh cấm xây dựng các khu định cư mới ở Bờ Tây và Đông Jerusalem của Israel hết hạn vào tháng Chín năm 2010. Người Palestine đã ra điều kiện cho một thỏa thuận hòa bình trên phần đất mà Israel nhượng lại, bao gồm các khu vực mà ở đó các khu định cư đang được xây dựng. Tranh cãi nội bộ trong những ngày đầu của chính quyền về việc lựa chọn ai là người thương thuyết hàng đầu đối với các vấn đề Trung Đông – George Mitchell, Dennis Ross, Joe Biden, hoặc bất kỳ ai muốn giải quyết những vấn đề hóc búa trong chính sách đối ngoại – đã rơi vào tình trạng đóng băng trong hầu hết thời gian của nhiệm kỳ đầu của Obama, bởi Mỹ không thể nào tạo ra một nền hòa bình bền vững ở Trung Đông nếu Israel và Palestine không muốn đàm phán với nhau.

Nhưng nay, thay vì giữ yên tình trạng cũ hoặc hướng tới hòa bình, cả hai bên đang quay lại lối mòn quen thuộc: phía Palestine bắn tên lửa sang Israel và Israel đáp trả quân sự. Ehud Barak, Bộ trưởng Quốc phòng Israel, gọi điện cho Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta, khi đó đang tham dự một hội nghị ở Perth cùng Hillary và các quan chức cấp cao khác, để cảnh báo rằng Israel đã lên kế hoạch tấn công Palestine. Đường dây liên lạc gián đoạn trước khi Ehud Barak có thể truyền đạt hết thông điệp, và khi ông kết nối lại được, đầu dây bên kia là chỉ huy trưởng Jeremy Bash. Để chắc chắn không có sự nhầm lẫn nào, Bash ghi cẩn thận những chi tiết được thêm vào. Sau đó ông nhìn thấy Panetta đang đi với Tham mưu trưởng Liên quân Martin Dempsey và Hillary.

Panetta và Hillary từng là đồng minh trong vụ tấn công Bin Laden, nhưng gần đây họ lại bất đồng quan điểm tại các phiên họp của Hội đồng An ninh Quốc gia. Cuộc va chạm tồi tệ lần đầu

xảy ra vào mùa hè năm 2011, khi Hillary ủng hộ yêu cầu của Cameron Munter, Đại sứ Mỹ ở Pakistan, rằng lẽ ra ông ấy phải được cảnh báo trước khi nổ ra các cuộc không kích bằng máy bay không người lái của Mỹ ở Pakistan. Panetta phản pháo, “Không, Hillary, bà sai rồi.” Ngay cả khi gần kết thúc nhiệm kỳ đầu tiên của Obama, họ vẫn đối đầu như thể họ đang dùng mọi cách để giành được chỗ ngồi tại bàn ăn. Vài ngày trước khi họ đến Úc, Iran đã bắn rơi một máy bay không người lái của Mỹ. Trong Phòng Tình huống, một cuộc họp được triệu tập mà không có mặt tổng thống. Panetta thúc ép những người đứng đầu các cơ quan an ninh quốc gia đồng ý đưa ra một tuyên bố mạnh mẽ gửi tới Iran rằng, Mỹ không xem nhẹ hành động gây hấn đó.

“Thật nực cười,” Hillary, vốn vừa tranh luận với Panetta thông qua hội nghị trực tuyến về một vấn đề khác, nói, “Tại sao chúng ta lại làm thế? Thật không cần thiết.”

Hai người to tiếng với nhau vài phút, khiến bầu không khí trong phòng căng thẳng. Sau đó Hillary phá vỡ khoảnh khắc đó.

“Ôi, Leon [Panetta], tranh cãi với ông một lần nữa cũng vui thật đấy. Lần trước, ông có tham dự hội nghị trực tuyến, nhưng tôi không thấy vui như lúc này,” Hillary nói. Mọi người trong phòng, cả Panetta, đều bật cười.

Giờ đây, một vài ngày sau đó, họ đang đứng cùng Dempsey khi Bash gửi đi thông điệp của Ehud Barak. Bash nói với họ, Israel đang lên kế hoạch tấn công trả đũa bằng một chiến dịch nhằm vào các chiến binh ở Gaza, được gọi là Trụ cột phòng vệ.

“Chúng tôi phải hỗ trợ Israel 110%,” Hillary nói. “Họ đúng và họ có quyền tự vệ.”

Lúc đầu, Israel đã đáp trả bằng các cuộc không kích hạn chế, nhưng những ngày sau đó, Nhà nước Do Thái rõ ràng đang cân nhắc việc đưa hàng nghìn bộ binh vượt qua biên giới ở Gaza, một hành động mà Obama hy vọng sẽ bị ngăn chặn. “Một cuộc tấn công trên bộ của Israel tại Gaza có thể chấm ngòi thiêu hủy mọi thứ trong khu vực, đó là Ai Cập, đó là Palestine, và là một đòn đáp trả chúng ta,” một quan chức cấp cao của Nhà Trắng giải thích.

Kết thúc chuyến công du kéo dài một tuần, Hillary gặp Obama tại Thái Lan ngày 18 tháng Mười một để tham gia một loạt các cuộc họp với các quan chức Thái Lan và dự bữa cơm tối tại cung điện ở Bangkok. Buổi tối, các nhân viên của họ bắt đầu thảo luận xem liệu việc đưa Hillary đến Trung Đông làm người chủ trì đàm phán một hiệp định ngừng bắn có phải là điều khôn ngoan hay không. Thông thường, ngoại trưởng Mỹ chỉ được cử đi nếu có đủ lý do để tin rằng sẽ có bước đột phá. Còn không, ngoại trưởng, cao hơn nữa là tổng thống và Chính phủ Mỹ, sẽ để mọi việc diễn ra theo cách của nó.

Tại cuộc thảo luận đêm Chủ nhật đó, các quan chức ngoại giao cũng như quan chức Nhà Trắng đều không nghĩ rằng giữa Israel và Palestine sắp đạt được một thỏa thuận nào. Một quan chức Nhà Trắng cho biết, “Thậm chí sau đó, nếu tình hình có nguy cơ đi lệch khỏi quỹ đạo thì chúng ta vẫn cần bà ấy đến đó, cả khi không có khả năng thành công nào.” Jake Sullivan, người thường xuyên phát biểu thay mặt Hillary, kiên quyết ủng hộ ý kiến Hillary nên đi, ngay cả khi không chắc chắn nỗ lực đó sẽ đi đến đâu; nhưng các nhân viên khác ở Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng lại cho rằng sự xuất hiện của bà có thể lợi bất cập hại.

“Đó quả thật là một quyết định khó khăn, bởi không ai muốn đi vào thời điểm không thích hợp, và có những quan điểm hợp lý cho rằng ‘nếu chúng ta đến Trung Đông, thậm chí việc đó còn giúp trì hoãn ngừng bắn vì các bên sẽ vây quanh ve vãn chúng ta theo các cách khác nhau,’ một nguồn tin đi cùng chuyến công tác với Hillary cho biết. “Bà ấy và chồng đều có những câu nói yêu thích như ‘Cố gắng bao giờ cũng tốt hơn.’ Bản thân bà cũng muốn nói rằng ‘Tôi sẽ đảm nhận việc này.’”

Obama nói với các trợ lý rằng ông đang suy nghĩ về việc cử Hillary đến Trung Đông, nhưng ông muốn biết liệu người Palestine và Israel có thể đạt được một thỏa thuận trước khi ông đánh liều cử ngoại trưởng công du trong tình hình hỗn loạn này. Ông nói với các trợ lý rằng, chúng ta sẽ cho họ 24 giờ trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Vì thế, vào đêm đó, đêm Chủ nhật trước Lễ Tạ ơn, vẫn không có một quyết định nào của tổng thống về việc Hillary có dừng

chuyến công du cùng tổng thống để mạo hiểm làm trung gian cho một lệnh ngừng bắn ở Trung Đông hay không.

Sáng thứ hai, Obama và Hillary bay tới Burma, nơi Hillary đã đạt được thành công rõ ràng nhất trong tư cách một người ủng hộ mạnh mẽ cho quyền lực thông minh, sử dụng quyền lực cứng và mềm để thuyết phục chế độ quân sự thực hiện cải cách dân chủ.

Bốn năm qua, Hillary đã coi Burma là nơi thử nghiệm để chứng minh rằng nước Mỹ có thể dùng mọi đòn bẩy khác nhau để tác động tới suy nghĩ của các nhà lãnh đạo các nước khác. Bà phát biểu trong một chuyến công du ở Đông Nam Á vào tháng Hai năm 2009, “Rõ ràng, cách chúng ta áp đặt các lệnh cấm vận đã không gây ảnh hưởng gì lên các nhóm quân sự ở Burma.” Thay vào đó, bà dùng cả củ cà rốt với cây gậy cấm vận: nếu Burma tiến hành cải cách, các lệnh cấm vận với chế độ quân sự có thể được dỡ bỏ hoặc nói lỏng, và các công ty Mỹ có thể bắt đầu kinh doanh tại Burma.

Lời hứa dỡ bỏ lệnh cấm vận và mở ra mối quan hệ thương mại Mỹ-Burma đã thuyết phục được các nhà độc tài Burma thay đổi hành vi. Aung San Suu Kyi, người giành giải Nobel Hòa bình đã được trả tự do, và không còn bị quản thúc vào cuối năm 2010; Tổng thống Thein Sein cũng tỏ rõ mong muốn khôi phục quan hệ ngoại giao với Mỹ bằng việc trả tự do cho các tù nhân khác, dỡ bỏ kiểm soát một số trang web nhất định và kêu gọi tổ chức một cuộc bầu cử mới. Chính quyền Obama cũng đáp lại bằng cách nói lỏng các biện pháp trừng phạt mà Mỹ đã áp đặt; Hillary đã đến thăm cả San Suu Kyi và Thein Sein vào cuối năm 2011 trong tư cách ngoại trưởng Mỹ thăm Burma lần đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ.

Câu chuyện về thành công đang diễn ra tại Burma lại khiến Trung Quốc tức giận. Trung Quốc vốn là thế lực chi phối chính trị Burma. Một quan chức Mỹ đang công tác tại khu vực này nói, “Trung Quốc nghĩ rằng chúng tôi đang cố kéo Burma khỏi Trung Quốc, xem đây là âm mưu cơ bản nhằm kiềm chế và cô lập Trung Quốc, hạ thấp Trung Quốc.”

Đến tháng Một năm 2012, khi Hillary thảo luận với những trợ lý cấp cao về vấn đề Burma trong khi phác thảo kế hoạch làm việc cho năm cuối cùng của mình, thì Suu Kyi cũng đang cân nhắc tranh cử tổng thống, và Mỹ chuẩn bị tuyên bố khôi phục quan hệ ngoại giao toàn diện với Burma.

Suu Kyi đến thăm Mỹ vào tháng Chín năm 2012, ngay sau khi nổ ra cuộc tấn công ở Benghazi, để nhận huy chương vàng của Nghị viện và vận động các nhà lãnh đạo Mỹ dỡ bỏ những lệnh cấm vận còn lại đối với Burma. Suu Kyi đã gặp và nói chuyện riêng với Laura Bush trong một phòng riêng tại khách sạn Ritz-Carlton ở Georgetown. Bush và Suu Kyi nói chuyện gần một tiếng, nhưng Suu Kyi chuyển một thông điệp cốt lõi của bà đến các nhà lãnh đạo Mỹ chỉ trong vài từ.

“Các biện pháp trừng phạt đã có hiệu quả,” bà ấy nói với Laura Bush, theo một nguồn tin có mặt tại cuộc gặp. Theo quan điểm của chính quyền Obama, các biện pháp trừng phạt đã thật sự phát huy tác dụng, nhưng việc dỡ bỏ các lệnh trừng phạt này sẽ mở rộng quan hệ thương mại giữa hai nước. Và Nhà Trắng hài lòng chúc mừng Hillary cùng đội ngũ nhân viên Bộ Ngoại giao đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Một trợ lý an ninh Nhà Trắng cho biết, “Có thời điểm Hillary đề xuất với tổng thống một số vấn đề, trong đó có Burma, và nói rằng ‘Chúng tôi nghĩ đây thật sự là cơ hội. Họ xứng đáng có những điều đó.’”

Cũng trong tuần đó, phóng viên Ann Curry của đài NBC hỏi Suu Kyi liệu bà có từ bỏ ý định tranh cử tổng thống ở đất nước mình hay không, câu trả lời của Suu Kyi có thể được xem là cái nhìn sâu sắc về suy nghĩ của Hillary.

“Không,” bà nói. “Nếu bạn là một chính trị gia, bạn không bao giờ bỏ qua một cơ hội như vậy.”

Trong di sản của Hillary, nền dân chủ Burma đã được bà xác định từ sớm, và tiến hành các biện pháp cần thiết một cách có phương pháp trong vài năm trước khi đệ trình thành quả lên Obama. Khi câu chuyện Libya thất bại ở Benghazi, Burma trở thành bằng chứng hỗ trợ chứng minh cho thể mạnh của quyền lực thông minh. Một quan chức ngoại giao cấp cao vẫn tiếp tục làm việc ở Bộ Ngoại giao sau khi Hillary rời nhiệm sở nói, “Đó chỉ là một biểu tượng về những gì đang diễn ra đúng hướng. Nó cho thấy tầm quan trọng của cách thức hợp tác và áp lực chính trị trong việc tạo ra sự thay đổi mà không cần phải thả một quả bom, và cũng là một đề tài mới cho báo giới, một ví dụ tuyệt vời cho phần còn lại của thế giới.”

Trong khi những người trung thành của Hillary xem chiến thắng này là sự xác nhận cho lý thuyết của bà về chính sách đối ngoại và là một mô hình về cách bà tiếp cận trong việc xây dựng nền dân chủ nếu bà là tổng thống, thì các nhà phê bình lại nhìn nhận việc xem Burma như một thành công của Hillary là bằng chứng cho thấy bà đã có một nhiệm kỳ không nổi bật trong tư cách ngoại trưởng. Tháng Một năm 2013, phóng viên Brit Hume của Fox News nói rằng, những thành công như ở Burma “chỉ làm rõ thêm năng lực của bà” với tư cách ngoại trưởng, “chứ không phải một việc gì vĩ đại.”

Tương tự, người của Đảng Cộng hòa cũng chế giễu “thành quả” của Hillary. “Burma ư?” một người đã cười. “Thật hả?”

Khi đặt chân đến Burma, Obama và Hillary đã đến cung điện của Chính phủ, một ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng, và cuối cùng đến thăm nhà riêng của San Suu Kyi, nơi bà từng bị quản thúc tại gia nhiều năm. Khi Hillary vẫn còn nán lại trong xe limousine thì Obama đã chào đón Suu Kyi bằng một cái cúi mình nhẹ và bắt tay. Cả hai đều quay lại phía chiếc limousine để nhìn Hillary bước ra. Gần một năm trước, Hillary đã đến thăm Suu Kyi, hai người phụ nữ ôm chầm lấy nhau và dắt tay nhau đi về phía ngôi nhà.

Trong bài phát biểu sau khi gặp Suu Kyi, Obama đánh giá cao Hillary về những gì bà đã làm ở Burma.

“Tôi vô cùng biết ơn Hillary, không chỉ về công việc của bà mà còn về thông điệp mạnh mẽ mà bà và Aung San Suu Kyi đã gửi tới mọi người trên thế giới về tầm quan trọng của việc phát huy giá trị dân chủ và nhân quyền.” Sau đó, Obama và Hillary bước lên chiếc Air Force One để bay đến Campuchia; suốt thời gian đó, hai người đã nói về quyết định rời nhiệm sở của bà và việc bà tham gia giải quyết cuộc khủng hoảng đang leo thang ở Trung Đông.

Trong khi đó, các trợ lý của Obama và Hillary đã thảo luận với nhau, với Anne Patterson và Dan Shapiro, các Đại sứ Mỹ ở Ai Cập và Israel. Người Ai Cập, đã tiếp xúc trực tiếp với các lãnh đạo của lực lượng Hamas ở dải Gaza, là những người trung gian then chốt trong các cuộc đàm phán ngừng bắn.

Tối hôm đó, Obama cáo lui sớm tại bữa tối ở Phnom Penh để gọi điện cho Tổng thống Ai Cập Mohamed Morsi. Obama cảm thấy thỏa thuận có thể rơi vào tình trạng bế tắc, ông yêu cầu Morsi hãy thông báo nếu có bất cứ tiến triển nào. Obama nói, “Ngài có thể gọi cho tôi bất kỳ lúc nào, dù là muộn hay sớm, nếu ngài có thông tin muốn để tôi biết.”

Một vài giờ sau, khoảng 1 giờ sáng ở Campuchia, Ben Rhodes đánh thức Obama trong phòng khách sạn. Tổng thống Morsi ở đầu dây bên kia. Những nội dung chính của thỏa thuận dần hiện ra. Obama nói với Morsi rằng ông đang cân nhắc cử Ngoại trưởng Hillary đến Trung Đông, vì cho rằng bà ấy có thể giúp Israel có được một thỏa thuận ngừng bắn. Tuy nhiên, ông chỉ sẵn sàng làm vậy nếu Morsi cam kết gặp riêng Hillary. Ông không thể cử bà đến đó để gánh chịu những điều không hay. Phần lớn nghệ thuật quản trị nhà nước là nghệ thuật sắp đặt, và Obama muốn chắc chắn Hillary có một kịch bản vững chắc trong tay trước khi đến Trung Đông. Giữa hai cuộc điện thoại liên lạc với Morsi, Obama đã nói chuyện với Hillary, và ngày càng nghiêng theo hướng cử bà đến Trung Đông.

Sáng hôm sau, ông đã chắc chắn. Ngay tại Trung tâm hội nghị Phnom Penh, nơi họ tham dự Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN, Obama hội ý với Hillary, Jake Sullivan, và trợ lý an ninh quốc gia của Nhà Trắng Rhodes cùng Tom Donilon.

“Chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện việc này,” Obama nói.

Với tất cả khả năng lên kế hoạch chiến lược, Hillary thường cho thấy bà luôn sẵn sàng và kiên quyết trước khủng hoảng. Hillary giống như một chiến binh kỳ cựu luôn chống chọi áp lực; sự vững vàng được sinh ra và song hành cùng kinh nghiệm của bà. Hillary đã trải qua rất nhiều vụ việc, thậm chí có khi cả thế giới như đổ sập lên đầu bà. Kế hoạch tham gia chuyến công du châu Á của Obama mang lại cho Hillary uy tín với chính sách ngoại giao dài hạn và ấn tượng ở Burma. Nhưng lần này là cuộc xung đột đang xấu đi ở Gaza và Israel đã trở thành tâm điểm của chuyến công du nước ngoài quan trọng cuối cùng của bà.

Một phần lý do đưa Hillary trở thành người trung gian hòa giải ngay từ lúc đầu là bởi bà có quan hệ với Israel tốt hơn so với Obama. Đại diện Hạ viện Ileana Ros-Lehtinen, thành viên Đảng Cộng hòa ở bang Florida, người đứng đầu Ủy ban Đối ngoại, nói, “Trong tất cả trợ lý của tổng thống, Hillary là người thích hợp nhất có mặt ở đó. Tôi tin chắc rằng người Israel cũng như tôi sẽ cảm thấy bà ấy đóng vai trò là một thượng nghị sĩ hơn là một ngoại trưởng. Nhưng các bạn biết đấy, bà ấy phải làm việc cho ông chủ của mình.”

Nhưng, trên chuyến bay từ Campuchia đến Israel, Sullivan bắt đầu nghĩ lại về sự khôn ngoan trong việc nhận nhiệm vụ này. Ông ủng hộ mạnh mẽ chuyến đi, nhưng quan điểm có chút khác biệt với các cố vấn của Hillary. Nguy cơ thỏa thuận ngừng bắn sẽ thất bại, hoặc tệ hơn nữa là sẽ bùng nổ một cuộc chiến tranh toàn diện khi bà đặt chân đến Trung Đông là có thật, nên Sullivan không thể bỏ khỏi đầu hình ảnh binh lính Israel ào qua biên giới Gaza.

Thứ Ba, ngày 20 tháng Mười một, họ hạ cánh xuống Jerusalem trước 10 giờ tối theo giờ địa phương – khoảng 48 giờ trước khi các vị khách được mời đến dự bữa tiệc nhân Lễ Tạ ơn hằng năm của Hillary ở Chappaqua. Hillary và nhóm của bà đã trực tiếp gặp Thủ tướng Benjamin Netanyahu. Các cố vấn của Netanyahu và Hillary tập trung đông đủ tại phòng làm việc, người ta phải lấy thêm ghế mới đủ chỗ ngồi. Shapiro, David Hale, người thay George Mitchell làm đặc phái viên ở Trung Đông, luật sư Jonathan Schwartz và Jake Sullivan cùng tham gia trong nhóm thương thuyết của Mỹ với Hillary. Với người Mỹ, có vẻ toàn bộ ban lãnh đạo Israel đều có mặt ở trong phòng. Ngoài Netanyahu, có Bộ trưởng Quốc phòng Ehud Barak, Bộ trưởng Ngoại giao Avigdor Lieberman, cố vấn an ninh quốc gia Yaakov Amidror và cố vấn của Netanyahu là Ron Dermer, người sinh ở Miami.

Hillary dự định dành một tiếng họp với các nhà lãnh đạo Israel, nhưng cuộc họp đã kéo dài đến tận sáng sớm, các cố vấn luôn phải chạy qua chạy lại và tiếp năng lượng bằng trái cây và bánh quy. Đây không phải là cuộc tranh luận, nên hai bên cố gắng cùng nhau tìm ra một đề xuất vừa mang tính nhượng bộ, vừa đúng với quan điểm của Netanyahu và đáp ứng được yêu cầu của người Palestine để hướng tới một thỏa thuận ngừng bắn. Một số người Mỹ cảm thấy ấn tượng về “phong cách Talmud” trong các thảo luận giữa những người Israel. Netanyahu đưa ra một giải pháp khả thi, nhưng một trong những cố vấn của ông ấy chất vấn trực diện, hoàn toàn khác với cách thức tôn kính mà Tổng thống Mỹ mong đợi trong các cuộc gặp khách nước ngoài.

Buổi thảo luận cởi mở nhưng lại không tiến triển lắm, mặc dù cả hai bên có chung mục tiêu. Một trong những người tham gia cuộc thương lượng cho biết, “Mọi người chỉ cố gắng tìm ra giải pháp chung,” nhưng vẫn tồn tại một khoảng cách lớn giữa yêu cầu của người Palestine và những gì Israel có thể đáp ứng. Cuộc thương lượng đã không suôn sẻ.

“Tôi không chắc là chúng ta có nên đến đây hay không,” Sullivan nói với một đồng nghiệp lúc nghỉ giải lao. “Mọi chuyện chẳng đi đến đâu cả. Đây có thể là một sai lầm lớn.”

Theo kế hoạch, Hillary sẽ đến Ramallah vào ngày hôm sau để nói chuyện với Mahmoud

Abbas, Tổng thống Palestine, nhưng giờ đây bà rời khỏi phòng làm việc của Netanyahu mà chẳng đạt được gì.

Một người tham gia cuộc thương lượng nói, “Chỉ cần quả tên lửa bắn vào một nơi nào đó là có thể lập tức dẫn đến một cuộc tấn công bằng bộ binh. Mọi thứ như nghìn cân treo sợi tóc. Khi chúng tôi rời khỏi văn phòng vào đêm hôm đó, tôi không chắc là chúng tôi sẽ có một giải pháp.”

Nhưng hôm sau, các trợ lý của Netanyahu gọi nhóm trợ lý của Hillary và đề nghị tổ chức một cuộc họp khác ngay sáng hôm đó. Hillary đồng ý gặp Netanyahu sau khi đã gặp Abbas; Sullivan và Schwartz trở lại văn phòng thủ tướng để sắp đặt công việc. Khi Hillary trở lại Jerusalem, Netanyahu đã đưa ra một số nhượng bộ mà ông thấy hài lòng. Theo lời một trợ lý của Hillary, Netanyahu đã cho bà đủ những hành trang cần thiết để đến Cairo và hoàn thành thỏa thuận. Về cơ bản, để đổi lấy việc Palestine chấm dứt bắn tên lửa vào Israel, Israel sẽ dừng cuộc tấn công và đồng ý mở các lối vào Gaza, cho phép người Palestine đi lại tự do và nối lại các hoạt động thương mại.

Ở Cairo, Hillary có cuộc gặp với Tổng thống Ai Cập Morsi, Bộ trưởng Ngoại giao Mohamed Kamel và cố vấn an ninh quốc gia hàng đầu của Morsi là Essam al-Haddad. Mỹ không đàm phán trực tiếp với Hamas, nhóm quân Hồi giáo nắm quyền ở dải Gaza, nên mối quan hệ giữa Ai Cập với Hamas là chìa khóa để người Palestine thương lượng và nhất trí về một lệnh ngừng bắn. Hillary nói chuyện điện thoại với Thủ tướng Netanyahu từ Cairo. Obama cũng điện đàm với Netanyahu và Morsi. Lễ Tạ ơn đang đến gần, bà phải kết thúc chuyến công tác này sớm để về nhà với gia đình mình.

Cuối cùng, Hillary nói với người Ai Cập, thỏa thuận này không thể tốt hơn được nữa. Israel đã ký thỏa thuận, và bây giờ Morsi cũng nên làm như vậy.

Hillary tỏ ra cứng rắn khi nói với Morsi, Haddad và Amr, “Đây là thỏa thuận mà chúng tôi đang công bố trong tối nay. Nó đang diễn ra.”

Người Ai Cập đã mạo hiểm để xảy ra một cuộc xâm lược của Israel vào Gaza, giờ lại tiếp tục mạo hiểm với tính mạng của người dân Palestine. Đối với Chính phủ non nớt của Tổng thống Morsi, đây có thể là một ván bài lớn. Vì muốn chứng tỏ mình có thể là một chủ thể quan trọng trên trường quốc tế, Morsi đã đồng ý với các điều khoản của thỏa thuận.

Hillary và Amr đã tổ chức một cuộc họp báo ở Cairo ngay đêm hôm đó và công bố các điểm chính của một thỏa thuận ngừng bắn chính thức. So với phiên bản sau này được Nhà Trắng công bố, thì một số điều khoản bên lề đã bị cắt bỏ theo quan điểm của Hillary và Obama, nhưng phần quan trọng là việc người Palestine đồng ý chấm dứt nổ súng với người Israel và ngược lại. Như vậy, cùng với vinh quang trong chuyến thăm Burma, Hillary có thêm chiến công thứ hai trong cùng chuyến công du.

Một trợ lý so sánh tâm trạng của Hillary lúc này với lúc phóng thích Chen Guangcheng (Trần Quang Thành), “Chúng tôi rơi vào một tình huống khó khăn và khó lường, vì có những lúc gần như bế tắc, vậy mà cuối cùng chúng tôi đã làm được”.

Một trong những trợ lý của Hillary chúc mừng khi bà bước lên máy bay cho một hành trình dài vượt Đại Tây Dương.

“Uhm, hãy chờ xem,” bà nói, hơi đùa cợt khi tỏ vẻ hoài nghi về tuổi thọ của một thỏa thuận hòa bình ở Trung Đông. “Nó đã bị phá vỡ chưa nhỉ?”

18. Bốn người Mỹ thiệt mạng

Darrell Issa, vị chủ tịch năng động của Ủy ban Giám sát và Cải cách Chính phủ Hạ viện, đã đến Nhà Trắng, ngoài các việc khác, để thúc đẩy việc ký Tu chính án Bảo vệ người tố giác; ông ta xô phải Hillary tại một cầu thang ở khu West Wing. Đó là vào ngày 27 tháng Mười một, khoảng ba tuần sau ngày Obama tái đắc cử, và Issa thì đang đấu tranh với các quan chức Bộ Ngoại giao để có thêm thông tin về vụ Benghazi, cả các bản ghi chép lẫn điện tín. Là cháu của một người di dân Li-băng gốc Toledo, tóc đen, da ngăm, Issa rất ngưỡng mộ Hillary sau gần một chục năm tiếp xúc làm việc. Bà luôn lịch sự, nhớ tên ông ta từ những ngày đầu tiên của ông ta ở Hạ viện, và đáp “vâng” gần như với mọi câu hỏi quen thuộc. Nếu quan hệ của họ không phải là nồng nhiệt, thì ít ra cũng thân thiện.

Ngay sau vụ Benghazi, Hillary đã gọi cho Issa đề nghị giúp ông tìm hiểu vấn đề. “Tôi từng ở Thượng viện – tôi biết ông có bốn phận,” bà nói lúc ấy. “Tôi có cùng cách cảm nhận, và tôi muốn hợp tác. Tôi sẽ cung cấp cho ông hết mức có thể. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng điều này sẽ không bị chính trị hóa.”

Bà cũng hứa cung cấp chứng cứ, thậm chí nhiều hơn những gì mà ủy ban điều tra cần, và còn giúp đảm bảo rằng Issa được tiếp cận sớm với thông báo nhanh cho các thượng nghị sĩ trên Capitol Hill. Trước khi xảy ra vụ Benghazi, Hillary từng mời ông ta cùng các nghị sĩ quan tâm đến chính sách đối ngoại của Bộ Ngoại giao dự một vài buổi ăn trưa xã giao mang tính cá nhân. Ông ta luôn có ấn tượng tốt về khả năng của bà trong việc đi sâu vào bản chất vấn đề và điều khiển các cuộc đối thoại mà trước đó tưởng như không đem lại kết quả.

Vậy nên khi va vào nhau ở cầu thang và thoát khỏi các tai nghe trang bị ngấm của khu West Wing, Issa không hề ngạc nhiên khi Hillary đã sẵn sàng trả lời các câu hỏi vặt vãnh của ông ta về Bộ của bà. Bà lần lượt nói cho ông ta hiểu từng vấn đề mà bà đang xử lý. Ông ta bắt đầu nhận ra rằng – có lẽ gần như xác nhận thành kiến mà ông ta vốn có đối với một chính quyền từng đối chọi với ông ta trên hàng loạt cuộc điều tra – chính Nhà Trắng, chứ không phải Clinton, mới là người cản trở mình. Trong mắt ông ta, Nhà Trắng đã lách luật và tạo ra tình trạng chỉ chịu cung cấp cho ông ta những tư liệu và lời khai nào mà các quan chức Nhà Trắng cho là cần thiết đối với điều tra của ông ta mà thôi.

Issa chất vấn bà về việc Thứ trưởng Pat Kennedy từ chối đưa ra tài liệu. Không thể bỏ rơi Pat Kennedy, bà nói bà hiểu vì sao Issa lo lắng rồi. Tôi hiểu sự thất vọng của Kennedy, bà nói, và đang làm việc để có thêm thông tin cho ông ta. Dù tốt hay không, ông ta coi bà như một người trung gian thật thà bị trói buộc bởi một chính quyền mà sự minh bạch ngang với con buôn. Ông ta nghĩ bà đã vượt qua được thứ thuốc độc của nền chính trị Washington tốt hơn những vị ngoại trưởng khác, kể cả những người Cộng hòa như Colin Powell và Condi Rice, do đó ông ta hy vọng buộc Obama phải đáp ứng những đòi hỏi của mình.

Điều ấy giúp ông ta tự trả lời câu hỏi mà mình nêu ra ngay trước khi họ tạm biệt nhau.

“Hillary, bà vẫn ở đây cho đến khi vấn đề này được giải quyết xong chứ?” Issa hỏi.

Với Hillary, đó là một câu hỏi thật sự khó trả lời trong cuộc đối thoại ngắn ngủi giữa họ. Bà không trả lời bằng tiếng cười khước từ đặc trưng của mình, mà bằng nụ cười mỉm tinh tế, rồi rời đi.

Cuộc trao đổi giữa họ là bức ảnh biết nói về một thời điểm khi những người Cộng hòa chĩa mũi nhọn vào Obama nhiều hơn là vào Hillary. Có một sự thay đổi, tập trung vào việc điều tra chính quyền và chứng minh rằng chính quyền cố ý che đậy các vụ bê bối nhằm phục vụ cuộc tranh cử. Chẳng hạn, Chủ tịch Ủy ban Tình báo Nghị viện Mike Rogers (R-Mich.) quý kết rằng tổng thống có thể đã biết việc Bộ Tư pháp điều tra vụ bê bối (tình ái) của Giám đốc CIA David Petraeus với người viết tiểu sử Paula Broadwell, khiến ông này phải từ nhiệm ngay sau Ngày

Tuyển cử. (Hillary chứng tỏ cho Petraeus thấy đức tính tử tế của bà về hậu quả của vụ bê bối này bằng một bức thư và gọi điện cho ông này bày tỏ lòng cảm thông. “Tôi có chút kinh nghiệm,” bà pha trò, ngụ ý về sự không chung thủy của chồng bà.

Thậm chí ba tuần lễ sau tuyển cử, khi vẫn là ngoại trưởng, Hillary vẫn rất hữu ích cho Issa. Bà có nhiều ưu thế, hay ít ra là cố gắng chiếm ưu thế, để tổng thống hợp tác nhiều hơn. Trong một cuộc phỏng vấn của Issa vào tháng Mười hai tại Ủy ban Xây dựng Tru sở Rayburn của Nghị viện, khi ông ta sắp đến dự lễ Noel tại Nhà Trắng, ông ta đã gọi Hillary là một điểm sáng trong chính quyền.

“Tốt dẫn đầu của chính quyền, mà Hillary đứng đó, là rất tốt. Cho đến khi xuất hiện Thứ trưởng Ngoại giao Kennedy bước vào với kịch bản tiêu chuẩn của Obama,” Issa nói. “Tôi không nghĩ bà ấy lừa dối tôi. Trong cảm nhận của mình, tôi luôn nghĩ đến bà ấy là một nhà chính trị, và đặc biệt, là nhà ngoại giao – mọi lời nói khẳng định đều phải thận trọng để bảo đảm chắc chắn là bạn sẽ hiểu nó một cách chính xác. Nhưng, khi nghĩ đến Eric Holder, tôi không thấy thế. Ông ấy không đáng tin. Tôi không tin ông ấy trung thực, lương thiện. Còn về Ngoại trưởng Clinton, tôi nghĩ tư cách cá nhân của bà ấy – di sản vững mạnh và trung thực của bà, ngoại giao nhưng không gian xảo – nó rất quan trọng đối với bà ấy.”

Issa trách Obama, chứ không trách Hillary về việc mà ông ta cho là một hành xử không thỏa đáng đối với vụ tấn công. “Khi cuộc gọi đến vào lúc 3 giờ, đã có một sai sót mà người ta đã không xét lại ở đây, ít nhất cũng như quan điểm hôm nay Ngoại trưởng Clinton đã trình bày,” ông ta nói. “Đó quả thật là một sai sót của Obama.”

Thậm chí ông ta nói rằng “di sản của bà ấy chắc chắn còn nguyên vẹn cho đến 2016, nếu bà ấy ra ứng cử,” nhưng ông ta dừng lại một lúc rồi nói rằng người Cộng hòa sẽ không truy cứu bà ấy về vụ Benghazi, và việc điều tra của ông ta sẽ ngày càng tập trung vào chuỗi các quyết định về an ninh tại Libya diễn ra tại Bộ Ngoại giao đã tới cấp cao nào.

Các động cơ về vụ Benghazi đã thay đổi theo từng lập luận của Issa. Các đảng viên Cộng hòa đã không để Hillary rời khỏi Bộ Ngoại giao – và có khả năng giành chức tổng thống vào năm 2016 – mà không trả lời các câu hỏi quanh vụ Benghazi bằng thủ tục tuyên thệ. Các cuộc điều tra do hơn nửa tá các ủy ban thuộc Hạ viện và Thượng viện đã cung cấp cho đảng viên Cộng hòa đầy đủ các công cụ cần thiết để thường xuyên lôi vụ Benghazi ra làm lợi thế trong vòng bầu cử tổng thống.

Với việc Hillary sắp từ nhiệm, và tên tuổi của bà đã được tô đậm thành tay đua hàng đầu cho cuộc tranh cử 2016, giờ đây bà đã thành mục tiêu chính cho người Cộng hòa nào toan tính về cuộc bầu cử tiếp theo. Bên cạnh nhiều ủy ban Hạ viện thông thường vốn có quyền hạn điều tra các khía cạnh trong vụ Benghazi, Hạ Nghị sĩ Frank Wolf của Virginia và Thượng Nghị sĩ John McCain của Arizona đã kêu gọi thành lập một “ủy ban đặc biệt” tra xét kỹ vụ tấn công này. Dù nhiều nghị sĩ không cho rằng Hillary gây ra sai lầm gì, nhưng nhiều cử tri của họ lại không nghĩ thế, và các nhà bình luận viết báo hữu khuynh cũng vậy.

Bà không lạ gì những việc như vậy. Bà và chồng mình từng trải qua tám năm vật lộn chống chọi với các ủy ban của Thượng viện trong các vụ Whitewater, Travelgate hay bê bối Monica Lewinsky. Thực tế, bà không dễ dàng tự biến mình thành mục tiêu. Dù bà có thiên hướng tìm cách để các thành viên Thượng viện tiếp cận những thông tin mà bà cho là họ có quyền, vẫn có những giới hạn nhất định về những tài liệu và các văn bản mà bà cung cấp. Chẳng hạn, các thượng nghị sĩ được phép xem xét các hồ sơ nhất định của Bộ Ngoại giao theo hình thức “qua camera”, nghĩa là họ có thể xem nhưng không được phát tán hay sao chụp, và khi các nghị sĩ xem xét tài liệu có một nhân viên Bộ Ngoại giao ngồi ở khoảng cách xa giám sát và ghi chép. Cơ chế này từng áp dụng với các thượng nghị sĩ Isakson và Corker trong cuộc điều trần hồ sơ Hiệp ước START mới.

Tuy nhiên, các hạ nghị sĩ thuộc Đảng Cộng hòa lại không được tiếp cận các tài liệu như vậy khi họ điều tra vụ Benghazi. Một nghị sĩ từng tiếp cận các tài liệu tại Hạ viện cho biết, thực tế có tới 25 nghìn e-mail liên quan trong vụ Benghazi, nhiều hơn rất nhiều so với 100 trang e-

mail chọn lựa mà Nhà Trắng sau này công bố. Hai phe đang chơi trò khiêu vũ chính trị gian dối có thể khiến vụ tấn công kia hoặc gây tổn hại cả một chiến dịch tranh cử tổng thống, hoặc khiến những người Cộng hòa trở thành các chính trị gia chuyên bới móc tệ hại, hoặc cả hai. Hillary có nhiều điều để bị mất mát hơn so với các nghị sĩ Cộng hòa tại Hạ viện, nếu ai trong số đó dám ủng hộ bà, họ sẽ bị cử tri trừng phạt tại các quận và bang mà người Cộng hòa chiếm ưu thế.

Dấu hiệu của những hành động quá mức bắt đầu xuất hiện vào tháng Mười hai năm đó, khi việc Hillary suy sụp sức khỏe trở thành cái cớ để những kẻ cực đoan trong Đảng Cộng hòa buộc tội bà lẩn tránh trách nhiệm trong vụ Benghazi. Trong danh sách những người cho rằng Hillary đã lao lực vì công việc, có ông chủ của bà. Obama đã nêu gương bà trong một cuộc họp nội các năm 2009. Hillary đã trải qua 401 ngày trên các con đường dài tổng cộng gần một triệu dặm, tới 112 quốc gia – một con số kỷ lục – đôi khi tới cả những nơi khốn khổ nhất trên thế giới. Thời gian ở nhà của bà cũng kiệt lực như vậy, bởi chương trình nghị sự thường đòi hỏi bà lên những chuyến bay quốc tế, sau đó bước sang một ngày mới đầy rẫy những cuộc gặp gỡ vào những múi giờ khác nhau... Điều đáng nể là bà hiếm khi mất tập trung.

Một lần, vào tháng Bảy năm 2010, Hillary đã bay xuyên đêm từ Hà Nội trở về căn cứ không quân Andrews để tham dự buổi họp với các nhân viên tại Blair House – dãy nhà màu vàng có từ thế kỷ XIX và là nơi nghỉ dành cho các vị khách quốc tế, từ Nữ hoàng Elizabeth II đến Tổng thống Afghanistan Hamid Karzai. Mỗi nhân viên cấp cao của Hillary đều được giao nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo khoảng hai phút về những vấn đề trong chuyên môn của họ. Trời nóng còn căn phòng thì chật cứng người, nhưng không ngăn cản Richard Holbrooke trình bày báo cáo của mình kéo dài tới 6,5 lần so với thời gian quy định. Thứ trưởng Jim Steinberg cũng mất 10 phút trình bày. Mãi đến trưa, tức là sau gần bốn tiếng đồng hồ, gần như các nhân viên đều đã mệt mỏi, thậm chí một số người còn lướt ngón tay đọc tin nhắn trên điện thoại BlackBerry của mình.

Phiên họp đó kéo dài thêm năm tiếng nữa, nhưng Hillary có vẻ không hề giảm chú ý hay bị mất tập trung. “Bà ấy không nhìn điện thoại BlackBerry của mình. Bà ấy đặt câu hỏi. Nhìn chăm chú. Nghe mọi thứ. Bà ấy tập trung chú ý suốt cả buổi,” một người dự cuộc họp đó cho biết. Sau đó, các cộng sự của Hillary được mời tới dự chiêu đãi tại Whitehaven. Hillary chuyển rất nhanh từ trạng thái công việc sang đời thường. Ở phòng khách hay trong bếp, bà chào hỏi các vị phu nhân và hỏi han về con cái họ.

Khi buổi tiệc sắp kết thúc, khoảng gần 21 giờ, một cộng sự của Hillary khi ra xe để về nhà đã vô tình bắt gặp cảnh bà đang chạy khỏi bữa tiệc trong chính cơ quan mình. Bà đang chất những túi đồ lên chiếc xe thể thao để chuẩn bị ra sân bay tới Chappaqua, bà sẽ dành trọn vẹn những ngày cuối tuần ở đó.

“Tôi cứ nghĩ mãi, làm sao bà ấy có thể làm được như vậy? Làm sao bà ấy tỉnh táo suốt ngày? Làm thế nào để giữ tập trung? Làm thế nào để giữ được vẻ đáng mến đến vậy? Chúa ơi, bà ấy còn chuẩn bị lên máy bay nữa,” sau này người cộng sự đó kể lại. “Rõ ràng bà ấy không phải người máy. Bà ấy có khả năng tập trung suốt cả ngày dài, với tất cả mọi người như vậy. Bà ấy cười nói, chú ý tới mọi người, và đáp lại dù trước cả những điều vớ vẩn nữa...”

Khoảng cuối nhiệm kỳ, Hillary đùa với bạn bè rằng mình đang mong chờ khoảng thời gian mà chương trình nghị sự của bà chỉ có “những bãi biển và các bài phát biểu.” Nhưng, khi Hillary chưa kịp rời nhiệm sở để tới một khu nghỉ dưỡng bên bờ biển, thì tinh thần làm việc miệt mài lại đánh thức bà, nhắc bà về cuộc tranh cử tổng thống 2016. Trong số những lưu ý quanh cuộc chạy đua này, có lẽ vấn đề lớn nhất là liệu Hillary (sẽ tròn 69 tuổi vào ngày nhậm chức năm 2017) có đủ sức khỏe đáp ứng cả hai nhiệm vụ, đó là thực hiện chiến dịch tranh cử hiện đại và đảm nhiệm công việc tổng thống, hết việc này đến việc khác. Sáu năm qua, vừa giữ cương vị điều hành vừa tham gia tranh cử không một mệt mỏi, Hillary đã lao lực, thậm chí bệnh tật từng khiến bà kiệt sức.

Chỉ riêng trong Lễ Tạ ơn, Hillary đã đi gần như một vòng Trái Đất: từ Úc, tới Singapore, Thái

Lan, Burma, Campuchia đến Trung Đông (nơi bà làm trung gian hòa giải cho một lệnh ngừng bắn), rồi tới Cộng hòa Séc, Bỉ, Ireland và Bắc Ireland. Khi ấy bà bị đau dạ dày do vi khuẩn. Về đến nhà, từ căn cứ không quân Andrews đêm thứ Sáu, ngày 7 tháng Mười hai, bà đau kinh khủng. Đến cuối tuần, bị mất nước nhiều, Hillary đã ngã trong nhà tắm, đầu va vào tường. Tình trạng của bà nghiêm trọng đến mức Bộ Ngoại giao phải hủy chuyến công tác của bà tới Tunisia, Morocco và Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE). Vì thế, Hillary đã lỡ cuộc họp quan trọng với nhóm Những người bạn của nhân dân Syria – gồm các nước ủng hộ cải cách ở quốc gia Trung Đông này.

Suốt hè và thu, Hillary cùng David Petraeus tiến hành vận động nội bộ nhằm đề nghị Obama cung cấp vũ khí cho các nhóm phiến quân ở Syria. Tuy nhiên, những người phản đối đề xuất này đã chiến thắng, với lập luận về nguy cơ vũ khí được cung cấp sẽ rơi vào tay những nhóm cực đoan vốn là kẻ thù của Mỹ và đồng minh.

Vài ngày sau thất bại này, đến gặp bác sĩ, Hillary biết mình đã bị một cú đột quỵ.

Hillary được yêu cầu điều trần tại Capitol Hill, cùng việc công bố bản báo cáo của Ủy ban Xem xét Trách nhiệm Giải trình (ARB: Accountability Review Board) về vụ Benghazi. Bà đã lập một nhóm để xem xét những gì đã xảy ra; xác định ai (nếu có) đã không hoàn thành nhiệm vụ trước, trong hoặc sau khi xảy ra vụ tấn công; và đề xuất các giải pháp cho Bộ Ngoại giao nhằm tránh tái diễn một thảm họa tương tự. Lãnh đạo nhóm này là tướng về hưu Mike Mullen, cựu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, người từng kết bạn với Hillary trong những ngày đầu tiên làm việc chung tại Hội đồng An ninh quốc gia; và cựu đại sứ Thomas Pickering, một cựu nhân viên cẩn mẫn và nhiệt thành của ngành ngoại giao. Nhóm này về mặt kỹ thuật là độc lập, nhưng cũng gần gũi với những người ủng hộ quan điểm cho rằng ngoại trưởng không phải chịu trách nhiệm trực tiếp về các sai phạm của thuộc cấp.

Trong thời gian làm việc ở nhà, chứng đau dạ dày của Hillary tạm ổn, nhưng những hậu quả của vụ tai biến vẫn còn.

Hillary lên kế hoạch điều trần về vụ Benghazi tại cả Hạ viện và Thượng viện vào ngày 20 tháng Mười hai. Nhưng bác sĩ nói bà không thể làm việc vì chứng mất nước. Các trợ lý dự định vào thứ Sáu, ngày 14 tháng Mười hai sẽ thông báo rằng Hillary phải hoãn kế hoạch điều trần tại Capitol Hill. Nhưng họ lại phải lùi một ngày, do sự kiện xả súng tại trường học ở thị trấn Newtown, bang Connecticut. Đến thứ Bảy, Mills gọi điện cho các lãnh đạo hai viện là Hạ Nghị sĩ Ileana Ros-Lehtinen và Thượng Nghị sĩ John Kerry, thông báo với họ trước khi công bố với công chúng.

Phe Cộng hòa và truyền thông cánh hữu chỉ trích Hillary lợi dụng bệnh tình để đánh lạc hướng điều tra. Ngày 18 tháng Mười hai, bình luận trên tờ *New York Post* gọi đó là trò “đánh trận giả”. Xuất hiện trên kênh truyền hình Fox News đêm hôm trước, John Bolton – cựu Đại sứ Mỹ tại Liên Hợp Quốc dưới thời Tổng thống George W. Bush – đã cáo buộc Hillary bịa ra câu chuyện “ốm ngoại giao”. Hạ Nghị sĩ Allen West của bang Florida còn tô đậm thêm bằng cách gọi đó là “cúm Benghazi.” Nhưng đây không phải lần đầu trong năm cuối cùng của bà tại Bộ Ngoại giao, Hillary và những người thân cận của bà bị “đánh hội.” Suốt mùa hè, Hạ Nghị sĩ Michele Bachmann của bang Minnesota, thành viên Đảng Cộng hòa tại Ủy ban Tình báo Hạ viện, đã cáo buộc Huma Abedin có liên hệ với bọn khủng bố. Khi Hillary thất bại, bộ máy âm thầm chống bà lâu nay đã kích hoạt ở mức mạnh hơn. Với những người chỉ trích Hillary, thời gian bà ốm đau là quá thuận lợi, chỉ cần đơn giản là thúc Bộ Ngoại giao công bố kết quả đánh giá của ARB.

Các cuộc công kích cá nhân Hillary đã gây ra phản ứng dữ dội từ những nhân viên của bà. Vào đêm trước Giáng sinh, Bolton nhận được một e-mail. Sau một tháng trời, Reines đã viết cho Bolton lá thư đầu tiên, rồi một vài thư nữa, trong đó bộc lộ nỗi tức giận về những lời bôi bác kiểu “ốm ngoại giao,” và cung cấp thông tin cập nhật về sức khỏe của Hillary. Thư cuối cùng gửi ngày 23 tháng Một, ngay sau khi Hillary điều trần trước các ủy ban của Hạ viện và Thượng viện. “J- không nhận được phản hồi từ ông, và tôi thật sự quan tâm,” Reines viết. “Tôi hy vọng

ông không thiệt hại về bất cứ điều gì. Có vài thứ vẫn đang diễn ra. CDC cho biết, dịch cúm xảy ra nghiêm trọng gần như khắp nước Mỹ. Họ đã công bố báo cáo đánh giá rất hữu ích về bệnh cúm.” Để thuận tiện, Reines chỉ cả đường link báo cáo. “Nhưng, có trời mới biết vào thời điểm này, điều gì là bịa đặt và điều gì không – rất có thể hàng triệu người trên cả nước đang nói dối,” Reines viết. “Dù sao đi nữa, tôi cam đoan sẽ cập nhật thông tin tới ông, và tôi bảo đảm ông sẽ có văn bản nội dung điều trần của ngoại trưởng trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện và Ủy ban Ngoại giao Hạ viện. Chúc tốt lành, Philippe.” Reines đính kèm file nội dung đầy đủ của cả hai buổi điều trần, mỗi cuộc kéo dài vài tiếng đồng hồ. Reines chuyển tiếp thư cho cả trợ lý của ông ta. Bolton đã không phản hồi, nhưng trợ lý của ông ta trả lời một tiếng sau đó. Trong thư viết, lãnh đạo của cô ta đã đọc thư, và kết thư bằng câu “Cảm ơn.”

Ngày 19 tháng Mười hai, hai ngày sau khi Bolton đưa ra những nhận định ban đầu, Obama đến dự tiệc thường niên của Bộ Ngoại giao, nhưng Hillary vắng mặt vì chưa bình phục. Từng làm việc gần gũi với Hillary trong chuyến công du mới nhất tới Đông Nam Á vừa rồi, Obama hiểu được bệnh tình của bà, nên rất quan tâm tới sức khỏe của Hillary. Vừa đến Bộ Ngoại giao dự tiệc, Obama gặp Capricia Marshall ra đón.

“Cô gái của tôi sao rồi?” Obama hỏi.

“Bà ấy rất xúc động vì được ngài gọi điện,” Marshall đáp.

Obama dừng lại, nhìn vào mắt Marshall, để đảm bảo rằng thông điệp của ông rất sâu đậm.

“Tôi yêu quý bà ấy, yêu quý bà ấy,” ông nói. “Tôi yêu quý người bạn của tôi.”

Bộ Ngoại giao công bố báo cáo của ARB trước đó trong cùng ngày. Cùng với đó, Hillary đã gửi một bức thư tới Hạ viện, trong đó phác thảo các quy định đối với Bộ Ngoại giao để triển khai toàn bộ 23 điểm khuyến nghị của ARB, nhằm ngăn chặn tái diễn các vụ tấn công tương tự trong tương lai. Ủy ban xem xét đã khiển trách một số quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao dưới quyền Hillary mấy bậc, nhưng không liên can đến bà.

ARB kết luận, “Các sai lầm có hệ thống và những thiếu sót về năng lực lãnh đạo và quản lý của quan chức cấp cao thuộc hai bộ phận của Bộ Ngoại giao đã dẫn đến tình trạng mất an ninh của Sứ bộ đặc biệt (Lãnh sự quán) ở Benghazi cũng như không đủ để đối phó một vụ tấn công như đã xảy ra. Một số quan chức ngoại giao cấp cao thuộc hai cơ quan này thiếu khả năng lãnh đạo và xử lý nhanh để đáp ứng được nhu cầu an ninh mà Sứ bộ đặc biệt ở Benghazi đã đề xuất, trong hoàn cảnh môi trường đầy đe dọa và thiếu sự bảo vệ đáng tin cậy của chính quyền sở tại.” Tuy nhiên, ARB không chỉ ra được nguyên nhân hợp lý cho thấy quan chức hay nhân viên nào của Chính phủ Mỹ không làm đúng chức trách.

Bốn nhân viên Bộ Ngoại giao lập tức phải thôi việc sau kết luận của ARB. Eric Boswell, trợ lý Bộ trưởng về an ninh ngoại giao, đã từ chức. Tuy nhiên, trên thực tế, ông này không rời Bộ Ngoại giao, mà đảm nhiệm một vị trí khác trong Bộ. Những người từ chức còn có Charlene Lamb, từng ra điều trần trước ủy ban của Issa, và hai người nữa bị thuyên chuyển, chờ xem xét sau đó. Ba trong số bốn người nêu trên làm việc trong lĩnh vực an ninh ngoại giao. Người thứ tư, Raymond Maxwell, từng là phó trợ lý an ninh Bộ Ngoại giao về các hoạt động ở Trung Cận Đông, về sau nói với Josh Rogin của tờ *Daily Beast* rằng mình “không dính dáng gì tới các quyết định về an ninh và bảo đảm an ninh của sứ bộ ngoại giao Mỹ tại Benghazi.”

Maxwell tỏ ra là một kẻ ngoài cuộc với những quyết định an ninh ở cấp cao hơn của anh ta. Nhưng sự không biết của anh ta lại bị Ủy ban quy kết là không chịu đọc các tư liệu được phân cho anh ta – điều làm thom tho cho Mike Mullen – theo một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao cho hay.

Phó ngoại trưởng Bill Burns sau này điều trần trước Ủy ban Cải cách Đối ngoại Thượng viện rằng các đường truyền từ Tripoli có độ bảo mật cao hơn “phải được tái giám sát ở cấp trợ lý ngoại trưởng, và cả một số đồng nghiệp của tôi ở tầng bảy cũng phải được xem các thông tin này.” Những quan chức hàng đầu Bộ Ngoại giao, gồm cả những quan chức chuyên nghiệp lẫn những nhân sự riêng của Hillary, làm việc trên tầng bảy.

Tháng Tám năm 2013, John Kerry kể nhiệm Hillary và phục chức cho bốn nhân viên ngoại giao bị đình chỉ nhiệm vụ, với lý do được phát ngôn viên Bộ Ngoại giao công bố là “toàn thể” công việc của họ và cả điều tra của ARB đều chứng tỏ hoạt động của họ không hề “vi phạm chức trách.”

Vấn đề trách nhiệm đã đặt Hillary vào thế “lưỡng đầu thọ địch” giữa hai quái thú Scylla-và-Charybdis. Nếu bà chấp nhận bị khiển trách trong việc đáp ứng các yêu cầu an ninh, điều đó sẽ hủy hoại cả hai di sản mà bà cần đến, đó là danh tiếng của một nhà quản lý giỏi và một nhà lãnh đạo mạnh mẽ, nếu bà tranh cử tổng thống. Nhưng, nếu bà chối từ nhận trách nhiệm về những gì xảy ra tại Bộ do bà quản lý, điều này cũng gây hậu quả tai hại về mặt chính trị.

Hillary cố gắng lái con thuyền qua dòng kênh hẹp để tránh cả hai quái thú. Một mặt, bà công khai nhận trách nhiệm về vụ tấn công. Mặt khác, Hillary đã có sẵn bản báo cáo chính thức của Chính phủ trong đó chỉ cáo buộc mấy nhân viên cấp thấp dưới bà nhiều – một bản báo cáo do nhóm mà bà lập soạn ra. Nó quy lỗi từ chối chức trách cho một số khá đông nhân viên các đội an ninh ít ra ở ba cấp thấp hơn Hillary. Bà nhận trách nhiệm, nhưng không thể bị đổ lỗi, theo đúng điều tra của ARB, ăn khớp tới tận chi tiết với câu chuyện của chính bà.

Chi tiết kết luận của ARB về các cá nhân không có trong bản báo cáo được công bố, nhưng xuất hiện trong một văn bản được phân loại riêng. Bản báo cáo loại bỏ vai trò của Kennedy, nhân viên ngoại giao chuyên nghiệp, vốn là người được Hillary sử dụng để quản lý các nguồn lực của Bộ, nhưng các nhà điều tra của Hạ viện lại nhắm đến ông ta.

Một quan chức ngoại giao cấp cao xác nhận, Kennedy chịu sức ép từ Lầu Năm góc phải trả món nợ ở Libya cho các quan chức an ninh, nhưng lại từ chối để các quan chức Bộ Quốc phòng giúp đỡ.

Burns và Nides đã thay mặt Hillary điều trần vào tháng Mười hai; và đúng Ngày đầu Năm mới, thông tin về tình trạng sức khỏe của Hillary cho biết tình trạng của bà xấu hơn nhiều so với những gì người ta nghĩ trước đó. Bác sĩ đang cố điều trị để làm tan cục máu đông trong đầu bà. Thế nhưng, phe Cộng hòa lại làm rùm beng nhằm đưa Hillary trở lại các cuộc điều trần tại Nghị viện và trước các ống kính truyền hình. Lời cảnh báo của Issa rằng vụ bê bối Benghazi sẽ còn tiếp diễn đã trở thành hiện thực. Đảng Cộng hòa muốn gắn vụ Benghazi với Obama, nay mũi nhọn mới lại nhắm tới Hillary. Chắc chắn, họ sẽ quan tâm lắng nghe xem ngoại trưởng nói gì. Nhưng họ mới dừng ở việc tạo ra một khoảnh khắc trên truyền hình gây tác động xấu tới Hillary nếu bà tranh cử năm 2016. Hillary nghĩ, Issa đang chống chọi sức ép từ Đảng của ông ta, chứ chưa thể chuyển mũi nhọn điều tra từ Obama sang bà.

Trong suốt quá trình điều tra hơn một năm, gồm cả các phiên điều trần kín và công khai, các nhà điều tra của Nghị viện đã chia thảm họa Benghazi làm ba giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất làm rõ tình hình an ninh ở Benghazi, nơi các phiến quân vũ trang (một số có liên hệ với các nhóm khủng bố lớn như Al Qaeda và Ansar al-Sharia) đang tìm cách lấp đầy khoảng trống quyền lực sau khi Gaddafi bị lật đổ. Các nghi vấn chính nhắm vào quyết định của các quan chức Bộ Ngoại giao giảm số lượng nhân viên an ninh quân sự ở Libya và bắt đầu chuyển giao trách nhiệm bảo đảm an ninh cho các nhân viên ngoại giao và lực lượng dân quân địa phương vào thời điểm bạo lực đang leo thang. Đặc biệt, các nhà điều tra muốn biết vì sao các quan chức Bộ Ngoại giao ở Washington lại từ chối yêu cầu của các công dân Mỹ có mặt tại Libya, trong đó có cả Chris Stevens, muốn duy trì sự hiện diện của Lầu Năm góc. Họ cũng muốn biết quyết định đó được đưa ra ở cấp nào. Liệu nó xuất phát từ các quan chức ngoại giao chuyên nghiệp, hay những người đứng đầu Bộ Ngoại giao, có thể ở tận cấp cao như Hillary chẳng hạn?

Giai đoạn thứ hai là cuộc tấn công. Các nhà điều tra chưa từng cố gắng cáo buộc Hillary đã phản ứng thiếu kịp thời và chính xác trước vụ tấn công Benghazi. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy, với tất cả các thiết chế an ninh quốc gia hàng đầu ở Washington, lẽ ra bà đã phải gần như kiểm soát được tình hình. Bà đã trao đổi trực tuyến qua video và điện thoại với các quan chức Libya, với các bộ trưởng của những nước mà Mỹ có thể gặp rủi ro, với Nhà Trắng, Lầu Năm

góc, CIA và nhiều cơ quan khác.

Thay vào đó, các nhà điều tra lại xem xét khả năng liệu Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta, Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng Liên quân Martin Dempsey, hay cả Obama đã hành động đầy đủ để cứu người Mỹ thoát khỏi nguy hiểm hay chưa. Phe Cộng hòa đặc biệt khó chịu về việc trục trặc và các đội đặc nhiệm không được triển khai để bảo vệ cơ sở CIA, bởi vào thời điểm đó đã không có thông tin nào cho hay vụ tấn công kéo dài bao lâu.

Vấn đề thứ ba tiêu tốn nhiều thời gian của các nhà điều tra là liệu chính quyền có che giấu bản chất vụ tấn công nhằm bảo vệ Obama và các quan chức khác, gồm cả Hillary hay không. Phe Cộng hòa tin rằng, chính quyền đã đánh lạc hướng dư luận khi cho đây là vụ “khủng bố” nhằm vào hình ảnh tổng thống, người đang chuẩn bị vận động tái cử vào thời điểm đó.

“Đó là thời điểm năm ngày sau Đại hội Toàn quốc của Đảng Dân chủ, nơi Tổng thống Obama đứng lên và nói rằng ‘Al Qaeda đang tháo chạy, chúng ta đã tiêu diệt được Osama bin Laden. Chúng ta đang tiếp tục truy đuổi những kẻ khủng bố.’ Không ai mong muốn bị bắt và rơi vào tình cảnh xấu hổ như vậy. Đó là vấn đề mang tính chính trị. Đó là thực tế chính trị hào nhoáng. Còn thương vong mới là sự thật,” Hạ Nghị sĩ Jason Chaffetz (R-Utah), chủ tịch nhóm điều tra vụ Benghazi thuộc Ủy ban Giám sát và Cải cách Chính phủ nói như vậy.

Một phần kết quả điều tra đã lý giải cho các luận điểm mà Susan Rice theo đuổi, đó là loại bỏ tên các nhóm khủng bố trong báo cáo cuối cùng, không xem xét đầy đủ những cảnh báo mà CIA gửi tới Bộ Ngoại giao, nhưng lại thêm vào quan điểm phản đối điều mà thực tế đã không xảy ra, và mức độ can dự của các quan chức cấp cao Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đối với những đánh giá của cộng đồng tình báo. Tất nhiên, Hillary quan tâm một vài yếu tố trong cuộc điều tra, không chỉ vấn đề Bộ Ngoại giao lẽ ra phải sẵn sàng hơn để đối phó các cuộc tấn công sau những cảnh báo của CIA về làn sóng phản đối ngoài Đại sứ quán tại Cairo, hay nguy cơ xảy ra bạo lực vào dịp kỷ niệm vụ khủng bố 11 tháng Chín năm 2001.

Tất cả các câu hỏi này dấy lên ngay sau thời điểm 8 giờ sáng ngày 23 tháng Một năm 2013, khi các nhà báo, điều tra viên và các thành viên Thượng viện có mặt đông đảo tại phòng điều trần ở tầng 2 Tòa nhà Văn phòng Hart của Thượng viện – nơi ủy ban đặc biệt tiến hành điều tra vai trò của Hillary trong vụ bê bối Whitewater hơn 15 năm trước.⁽⁵⁴⁾ Được sử dụng cho các sự kiện cấp cao, gồm cả phiên điều trần bổ nhiệm các thẩm phán Tòa án Tối cao là David Souter và Sonia Sotomayor, phòng Hart 216 là không gian rất được ưa thích bởi sự kết hợp hoàn hảo cả về kích thước lẫn tiện nghi hiện đại. Trên tầng lửng cao hơn chừng một mét phía trên sảnh chính, nơi được mở cửa cho phóng viên báo chí và truyền hình, các thượng nghị sĩ ngồi vào các vị trí sắp xếp theo hình chữ U, các thành viên cấp cao của ủy ban ngồi ngay trước bức tường đá cẩm thạch có gắn biểu tượng Thượng viện, còn thành viên cấp thấp ngồi hai bên, thấp hơn vùng dành cho máy quay. Nhân chứng ngồi sau một chiếc bàn nhỏ cách đó khoảng 3 mét, đối diện với các thượng nghị sĩ, phía sau là phóng viên và khách mời.

Rand Paul – 50 tuổi, thành viên Đảng Cộng hòa – từ Tòa nhà Văn phòng Russel của Thượng viện đi qua Capitol Hill tới dự phiên điều trần, đi cùng có Rachel Bovard – cố vấn pháp lý của ông ta về các vấn đề đối ngoại. Đây là phiên điều trần đầu tiên mà ông này tham dự với tư cách thành viên Ủy ban Đối ngoại Thượng viện. Trên đường Paul tới Văn phòng Hart, Bovard báo cáo ngắn gọn về nội dung điều trần của Hillary mà Bộ Ngoại giao gửi tới đêm hôm trước.

Trong 10 phút sau cùng trên đường tới đó, và chỉ vài phút trước khi tới phòng điều trần, Paul đã nắm được các chi tiết về diễn biến vụ việc, về một loạt các cuộc điện thoại cùng các ghi chú về an ninh giữa Tripoli và Washington trước vụ tấn công, về nguyên nhân Hillary đã không được thông báo về các diễn biến có nguy cơ mất an ninh cao ở Libya, và tại sao các quan chức Bộ Ngoại giao được rời đi hoặc chuyển công việc khác, chứ không phải bị chỉ trích như trong báo cáo của ARB. Thay vì đặt một danh sách dài các câu hỏi, Paul sắp xếp lại thông tin về các yếu tố then chốt trong câu chuyện Benghazi, để Bovard có thể giúp ông điều chỉnh khi cần. Nếu định tỏ thái độ cứng rắn với Hillary trong phiên điều trần, ông ta sẽ không chia sẻ về kế hoạch hoặc các câu hỏi với cộng sự của mình trước đó.

Paul là một trong hai thành viên Cộng hòa trong ủy ban này, những người được cho là quan tâm đến việc chạy đua vào ghế tổng thống năm 2016. Người thứ hai là Marco Rubio, một người Mỹ gốc Cuba, 41 tuổi, đến từ bang Florida. Ông ta đã theo sát vụ Benghazi suốt nhiều tháng, trong cả hai tư cách là thành viên Ủy ban Tình báo và Ủy ban Đối ngoại Thượng viện. Không như Paul, Rubio dựa nhiều vào các cộng sự an ninh quốc gia để đưa ra các câu hỏi trong phiên điều trần. Ông ta tham dự cả hai phiên điều trần công khai và kín về vụ Benghazi, với quyết tâm tận dụng khoảng thời gian làm việc với Hillary lần này để gây sức ép buộc bà trả lời các câu hỏi của cá nhân ông ta với Bộ Ngoại giao. Ông ta muốn tỏ ra như một nhà điều tra nghiêm túc, hăng hái tìm cách lấp đầy khoảng trống thông tin mình có được từ Bộ Ngoại giao, truy xét đến tận cùng các câu trả lời, thậm chí với cả những câu trả lời mà ông ta biết rằng chẳng để làm gì.

Để chuẩn bị, Hillary đọc các bản tóm tắt và nội dung của hơn 30 cuộc thông báo riêng rẽ của Capitol Hill và các cuộc điều trần trong suốt bốn tháng rưỡi kể từ sau vụ tấn công, cả những phiên bà tham dự lẫn những phiên các quan chức chính quyền khác điều trần mà bà không có mặt. Bà e ngại sẽ có các câu hỏi liên quan đến những hành động của các bộ và cơ quan khác, và cố gắng để sẵn sàng trả lời các câu hỏi đó – thậm chí cả khi những câu hỏi đó chẳng liên quan gì đến vai trò ngoại trưởng. Hillary cũng đã họp kín với các cộng sự cấp cao vài ngày trước phiên điều trần để xem xét những câu hỏi mà các thượng nghị sĩ có thể đặt ra với bà. Các nhân viên nghĩ rằng Paul và Rubio sẽ tấn công Hillary.

Họ xem xét trình tự các luận điểm mà Susan Rice đưa ra trong chương trình truyền hình hôm Chủ nhật và cả thông tin đồn đại đã trở thành tâm điểm chỉ trích của phe Cộng hòa đối với chính quyền. Vì FBI tiến hành thẩm vấn những người còn sống sót sau vụ tấn công Ramstein ở Đức trước khi Rice phát biểu trên truyền hình, nên phe Cộng hòa vẫn tin rằng Nhà Trắng và Thượng viện biết chắc chắn là không có biểu tình phản đối bên ngoài cổng Lãnh sự quán trước vụ tấn công. Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao phản bác rằng, các quan chức ở Washington cố đợi để phỏng vấn người sống sót, bởi vì họ không muốn mang tiếng là can thiệp các cuộc thẩm vấn điều tra của FBI, và FBI đã không cung cấp thông tin về kết quả điều tra cho các cơ quan khác cho tới tận sau khi Rice xuất hiện trong chương trình truyền hình Chủ nhật.

Trong suốt phiên điều trần, Hillary đã thể hiện bức xúc trước sự tập trung của các thượng nghị sĩ Cộng hòa vào lập luận mà Rice đã sử dụng, cũng như trước câu hỏi thời điểm nào chính quyền mới bắt đầu gọi vụ việc đó là khủng bố. Ngay khi bà gọi vụ tấn công là khủng bố tại cuộc thông báo trước lưỡng viện vào tuần xảy ra vụ Benghazi, thì việc xác định động cơ của kẻ tấn công đã trở thành thứ yếu so với việc truy tìm và đưa chúng ra trước pháp luật.

“Tôi không thể hiểu nổi,” bà nói với các cộng sự. “Tại sao họ lại không chịu thấy điều đó.”

“Bất kỳ ai khi thông báo hay điều trần đều muốn đứng dậy và hét lên ‘Khác nhau cái quái gì đâu?’” Reines nói, vô tình đã gieo một hạt mầm.

Thực tế, đến cuối năm 2012, người đứng đầu ngành tình báo quốc gia, James Clapper, đã trở nên giận dữ trước các câu hỏi dồn dập từ Ủy ban Tình báo Hạ viện, một nghị sĩ đã hỏi ông ta học được gì từ vụ Benghazi làm ông ta mất bình tĩnh. “Điều tôi học được đó là không bao giờ có chuyện chúng tôi đưa ra quan điểm với quý vị một lần nữa,” Clapper nói.

Một nghị sĩ phe Cộng hòa phản ứng giận dữ với quan điểm này chính là Ron Johnson, Thượng Nghị sĩ bang Wisconsin nhiệm kỳ đầu; cũng như Paul, ông này đặt nhiều câu hỏi với Hillary ngay trong phiên điều trần mà mình tham gia lần đầu với tư cách thành viên Ủy ban Đối ngoại. Xuất thân từ giới doanh nhân chứ không phải từ chính giới hay từ ngành chính sách công, nên Johnson đòi hỏi các cuộc thông báo nội bộ phải bao quát khắp các chủ đề. Tuy nhiên, ông ta thường tự đặt ra các câu hỏi ngay khi đang diễn ra điều trần, chứ không chú ý đến những ghi chú đã được đánh dấu sẵn về những gì cần hỏi. Có lẽ, không ai ngoài Ron Johnson có thể chuẩn bị cho chính mình để có thể gây ấn tượng đáng nhớ nhất trong cuộc điều trần.

Hillary đến đúng giờ, xuất hiện từ căn phòng phía sau bức tường cẩm thạch. Bà đeo cặp kính có gọng dày màu đen, mắt kính được thiết kế để giúp bà chống chứng hoa mắt mỏi mắt phải sau

đột ngột. Bà nhanh chóng nhìn thấy và tới ôm người bạn cũ từ Ủy ban Quân vụ Thượng viện là John McCain. Sau đó, bà tới ôm Barbara Boxer, Thượng Nghị sĩ Đảng Dân chủ của bang California, con gái của Boxer kết hôn với em trai Hillary. Thượng Nghị sĩ phe Dân chủ của bang Maryland là Ben Cardin bắt tay và ôm hôn Hillary, trước khi bà tới chụp ảnh cùng Bob Corker – một nhân vật Cộng hòa cấp cao ngồi bàn chủ tọa, và với Bob Menendez – người chủ trì phiên điều trần này thay Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại John Kerry đã được tổng thống đề cử kế nhiệm Hillary.

Sau các màn chào hỏi xã giao, Hillary đi vòng ra sau bục phát biểu nói nhỏ gì đó với Reines, rồi ngồi xuống, đặt tập hồ sơ đóng gáy bằng vòng xoắn trắng to xuống bàn, ngay trước mặt. Reines ngồi xuống hàng ghế ngay phía sau, chếch phía bên phải Hillary. Sát ông là Mills, người cũng ôm một tập bản sao hồ sơ.

Khi Menendez khai mạc phiên điều trần, còn nhiều thượng nghị sĩ vẫn chưa tới. Paul và Johnson đều đến sớm, trong khi Rubio và một vài nghị sĩ bước vào lúc phiên điều trần đã bắt đầu. Mọi người trong phòng chờ đợi xem các thượng nghị sĩ phe Cộng hòa sẽ công kích Hillary ra sao và bà đáp trả thế nào. Còn các phóng viên thì chăm chú lắng nghe cuộc trao đổi để rình đưa tin nóng và gửi thông báo tin tức qua e-mail, hay những dòng tin ngắn chạy dưới màn hình.

Trong phát biểu khai mạc, Hillary lặng đi một chút khi nói về cuộc điện thoại gọi tới gia đình Sean Smith và Chris Stevens. Nhưng, bà không tiết lộ thông tin mới nào về vụ tấn công cũng như phản ứng của Bộ Ngoại giao. Thượng Nghị sĩ Jim Risch của bang Idaho ép Hillary phải định danh vụ tấn công.

“Tôi gọi đó là một vụ tấn công của phiến quân có vũ trang,” Hillary nói.

“Được lắm!” Risch xen vào, giọng có vẻ giễu cợt.

Điều đáng ngạc nhiên là trong khi báo chí và các cộng sự của Hillary chuẩn bị kỹ lưỡng cho trận chiến đầu tiên này, thì Rubio lại có vẻ bỏ qua cơ hội tranh luận và đánh bại Hillary. Điều quan trọng với Rubio đó là tập trung vào các dữ kiện, chứ không phải quan điểm chính trị. Có thể, ông ta đã thấy được quá nhiều rủi ro gây phương hại tới các cơ hội chính trị của bản thân nếu ông ta đứng về bên thua trong cuộc trao đổi một đổi một.

Còn Johnson – người mới tham gia chính trị, sau khi giành chiến thắng tại Wisconsin nhờ phong trào Tea Party năm 2010 – lại chẳng thể hiện một chút nào tính thận trọng như của Rubio. Ông ta chỉ gắn mình với câu hỏi liệu chính quyền có lừa dối công chúng về bản chất vụ tấn công, và cho rằng thật ra mình đã biết câu trả lời.

“Tôi đánh giá cao việc bà gọi đó là một vụ tấn công vũ trang, nhưng tôi muốn quay lại luận điểm của Đại sứ Rice đưa ra năm ngày sau đó trên các chương trình Chủ nhật; và tôi có thể nói, việc đó là cố tình đánh lạc hướng dư luận Mỹ,” Johnson bắt đầu nói.

“Vâng, kể từ khi...” Hillary đáp, nhưng Johnson đã cắt lời bà.

“Vì sao điều đó không được biết đến?” Ông ta hỏi, buộc Hillary giải thích lý do Bộ Ngoại giao không phỏng vấn những người sống sót sau vụ Benghazi để tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Mills nhào người từ hàng ghế phía sau đưa cho Hillary một mẫu giấy. Hillary đọc đoạn tin, trong đó nhắc bà những yếu tố cốt yếu của các mốc thời gian – thông tin tình báo của FBI về những gì đã xảy ra tại thực địa không được cung cấp cho các cơ quan liên bang vào thời điểm quan điểm cáo buộc được đưa ra.

“Tôi có thể nói rằng, vào thời điểm vụ tấn công xảy ra và người của chúng tôi được cứu khỏi hiện trường, thì mối quan tâm tức thì và số một của chúng tôi là chữa trị cho họ. Như tôi đã nói, một nhân viên an ninh ngoại giao của chúng tôi tại Walter Reed đã bị thương nặng. Khi đưa họ tới Frankfurt Ramstein để cứu chữa và FBI đã lập tức phỏng vấn họ, thì lúc đó chúng tôi không kịp nghĩ rằng lẽ ra phải nói chuyện với họ trước FBI tiến hành việc đó.

“Và chúng tôi đã không biết – tôi nghĩ điều này là chính xác, thưa ngài – chính tôi cũng không biết đến bất cứ báo cáo nào trái với quan điểm (của cộng đồng tình báo) vào thời điểm Đại sứ Rice phát biểu trong các chương trình Chủ nhật trên truyền hình,” – Hillary nói, thêm vào một sự trợ giúp chính trị dù là quá muộn để bảo vệ cho Rice. “Và quý vị cũng biết, tôi chỉ muốn nói rằng người ta buộc tội Đại sứ Rice cùng chính quyền đã lừa dối công luận. Còn tôi có thể nói rằng, hãy thử đặt mình trong câu chuyện này và hiểu xem chuyện gì đã thật sự xảy ra, thì không gì có thể vượt quá sự thật.” Tuy nhiên, dù cố tình hay không, thì cũng không nghi ngờ rằng Rice đã mô tả không đúng chuỗi sự kiện đã xảy ra tại Benghazi.

Hillary đã giành ưu thế trong cuộc tranh luận, nhưng Johnson không đầu hàng. Ông ta đưa thêm một vài luận điểm.

“Chúng ta bị đánh lạc hướng rằng, đã có cuộc biểu tình phản đối, rồi mọi chuyện bất ngờ vượt khỏi tầm kiểm soát – một cuộc tấn công đã nổ ra. Cũng dễ dàng xác định rằng, sự thật không phải như vậy...” Johnson phản bác.

Reines từng nói với Hillary rằng tại các cuộc họp kín, các quan chức cấp cao chính quyền từng sôi sục khi đối đầu với hàng loạt chỉ trích từ phía Đảng Cộng hòa về điểm đó.

Hillary nổi sung, bà và Johnson như lao vào trận đấu, cho đến khi vị thượng nghị sĩ cuối cùng phải từ bỏ quan điểm của mình.

“Người dân Mỹ lẽ ra đã biết chuyện trong vài ngày sau đó, nhưng sự thật là họ đã không được biết,” ông ta nói.

Nếu phe Cộng hòa muốn đưa lên truyền hình, Hillary sẵn sàng cho họ cơ hội ấy. Bà nói chậm rãi, nhấn mạnh từng từ cuối câu, “Với lòng kính trọng và tiếc thương, tôi xin thông báo, chúng ta đã có *bốn công dân Mỹ hy sinh*.” Âm điệu giọng nói của bà lên cao. Khi nhận ra sự thay đổi trong giọng của Hillary, Reines đang ngồi phía sau bên trái bà, đã vươn về phía trước để xem Hillary hướng về phía ai; và ông ta rất ngạc nhiên khi nhìn thấy Johnson, người mà ông ta chỉ biết rất ít.

“Liệu có phải do cuộc biểu tình?” Hillary tiếp tục. “Hay, vì những kẻ đó ban đêm đi ra ngoài rồi quyết định giết hại một vài người Mỹ? Hai điều đó khác nhau thế nào?”

“Nhiệm vụ của chúng tôi là tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra và làm tất cả những gì có thể để ngăn chặn nó tái diễn. Thưa ngài thượng nghị sĩ, tôi đang làm hết sức mình để trả lời câu hỏi đó của ngài, nhưng sự thật là mọi người lúc đó, theo dòng thời gian thực, đang cố gắng để có được thông tin tốt nhất. Tôi biết, họ (cộng đồng tình báo) đã có bước tiến, cùng các ủy ban khác để lý giải cho luận điểm nêu trên. Nhưng theo quan điểm của tôi, lúc này đây rõ ràng rằng việc xem xét chuyện đã xảy ra để tìm hiểu nguyên nhân khiến những phiến quân hành động như vậy không quan trọng bằng việc truy lùng chúng, đưa chúng ra trước pháp luật, còn sau đó, có thể chúng ta sẽ tìm hiểu điều gì đã xảy ra vào thời điểm đó.”

Với các quan chức Chính phủ vốn nghĩ rằng các nghị sĩ Cộng hòa chỉ muốn nắm lấy cơ hội chính trị từ thảm họa đó hơn là tìm ra bài học để có thể ngăn chặn các vụ tấn công khác, thì phản ứng của Hillary thật tuyệt vời. Còn với phe Cộng hòa, giờ đã có một đoạn băng hình về hình ảnh Hillary mất bình tĩnh khi trả lời chất vấn về vụ Benghazi.

“Okay,” Johnson đáp. “Cảm ơn bà ngoại trưởng.”

Tuy nhiên, trận chiến mới trôi qua một nửa thời gian. Phía sau Johnson vài hàng ghế, Paul đang ghi chép lại phản ứng của Hillary và quyết định đến lượt ông ta đặt câu hỏi, ông ta sẽ tiếp tục quan điểm cứng rắn của người đồng nghiệp từ Wisconsin. Không cần nhìn bản ghi chép, Paul nói, việc Hillary sắp rời khỏi Bộ Ngoại giao có liên quan đến vụ Benghazi; sau đó ông ta dội bom bằng nhận định, nếu là tổng thống – vị trí ông ta lên kế hoạch theo đuổi trong năm 2016 – ông ta sẽ sa thải Hillary.

“Rõ ràng là, bà sắp rời đi, nên bà chấp nhận cả tội ác như thảm họa tồi tệ nhất từ sau vụ 11 tháng Chín,” ông ta nói. “Nếu tôi đang là tổng thống, và tôi phát hiện bà đã không đọc điện báo

từ Benghazi, từ Đại sứ Stevens, thì tôi sẽ yêu cầu bà rời khỏi vị trí. Tôi nghĩ, việc đã xảy ra thật phi lý, không gì biện hộ được.”

Có thể Paul đang tô vẽ một khoảnh khắc nổi bật cho mình, song ông ấy lại dựa vào một điểm không vững. Hơn một triệu điện báo mỗi năm được gửi tới Bộ Ngoại giao từ các nhà ngoại giao trên toàn cầu; nếu vị ngoại trưởng nào đó đọc một cái thì đó là việc đương nhiên, vì nó đã được các trợ lý đánh dấu để sắp họ chú ý. Sau đó, các trợ lý của Paul đã tiết lộ đoạn băng hình này cho phóng viên.

“Bạn biết không, họ làm như là cạo râu mỗi sáng vậy,” một người bạn thân của Hillary nói. “Tôi có thể thấy *Rand Paul* cạo râu đến ba lần ngay cả khi xà phòng cạo đã hết nhẵn.”

Tất cả những “vai chính” đều có được thứ họ muốn trong phiên điều trần này. Rubio chứng tỏ được mình đứng trên cuộc chiến đảng phái; Johnson ghi tên mình vào tấm bản đồ chính khách bằng việc bức Hillary phải tức giận; Paul phù phép hình ảnh mình như một tổng thống; còn Hillary đã bảo vệ được Obama, Rice và chính mình qua việc tạo nghi vấn về động cơ của các thượng nghị sĩ mới thuộc nhánh Tea Party của phe Cộng hòa. Cơn giận của Hillary với Johnson là sự xúc động của một nhân chứng kỳ cựu, người biết chờ đợi khoảnh khắc thích hợp và sử dụng chính sự công kích của đối thủ để chống lại ông ta.

“Bà ấy có đủ mọi cung bậc của cảm xúc,” một cựu quan chức cấp cao của chính phủ nói. “Họ có nhiều cảm xúc, nhưng kiểm soát rất tốt... Tôi nghĩ, bà ấy rất mạnh mẽ, và tôi không cho rằng ai đó đã khiến bà ấy tổn thương bằng sự công kích. Đâu đó có một vài đoạn clip có thể gây bất lợi cho bà ấy, nhưng điều đó chẳng hề gì.”

Nhận định mang tính toàn diện nhất của Hillary về vụ Benghazi, trong suốt nhiều giờ điều trần trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện và Ủy ban Ngoại giao Hạ viện ngày hôm ấy, đó là bà đã khẳng định quan điểm cho rằng việc nước Mỹ chùn bước và rút lui còn nguy hiểm hơn nhiều so với việc duy trì và củng cố sự hiện diện tại các vùng bạo lực trên thế giới. Bà nhấn mạnh, Mỹ là ngọn hải đăng, và không thể nhượng bộ trước những kẻ khủng bố, những kẻ áp bức và bạo lực. Bản QDDR đã thể hiện triết lý của bà về việc biến ngoại giao viễn chinh ở những khu vực có xung đột trở thành “quy phạm mới” và “quản lý rủi ro” chứ không chỉ ngăn ngừa bằng cách né tránh nó.

Khi các cơ sở ngoại giao của Mỹ bị tấn công ở những nước mà các nhánh Hồi giáo cực đoan nổi lên, chẳng hạn vụ Lãnh sự quán Mỹ ở Peshawar, Pakistan hồi năm 2010, mà Hillary và các thứ trưởng ngoại giao cùng xem lại những hình ảnh trong một cuộc họp, thì phản ứng của Hillary là làm sao để chắc chắn rằng đội ngũ của bà tại Bộ Ngoại giao hiểu rõ các rủi ro mà các nhà ngoại giao phải đối mặt và tìm cách để giảm thiểu chúng, cũng như tăng gấp đôi các nỗ lực ngoại giao ở những khu vực như vậy.

“Chúng ta đã đi một chặng dài trong bốn năm qua, và chúng ta không được thoái lui. Nếu Mỹ vắng mặt, nhất là rút khỏi các môi trường bất ổn, thì sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Chủ nghĩa cực đoan đã bén rễ, lợi ích của chúng ta bị thách thức, an ninh trong nước chúng ta bị đe dọa,” bà nói. “Đó là lý do tôi cử Chris Stevens tới tuyển đầu ở Benghazi.”

Một nguồn tin từng thân cận với Hillary trong việc thực thi các khuyến nghị của ARB kể lại: bà ấy tin chắc rằng “chúng ta quá cẩn thận” khi cuộc tấn công nổ ra.

“Tôi nghĩ bà ấy tin rằng, nói thật chính xác, chúng ta sẽ chẳng bao giờ hoàn toàn loại trừ được hết rủi ro,” nguồn tin cho biết. “Quan niệm của bà ấy về nền ngoại giao viễn chinh, phần chủ đạo trong QDDR, là rất quan trọng đối với bà ấy. Nền ngoại giao không còn đơn thuần là các mối quan hệ giữa các chính phủ. Đặc biệt, các đại sứ và nhân viên ngoại giao cần có liên hệ với các tổ chức phi chính phủ (NGO), với những cá nhân hoạt động phi nhà nước, với doanh nghiệp. Và Hillary rất tin tưởng điều đó. Tôi nghĩ, bà ấy muốn đề cập đến những thiếu sót còn tồn tại, đến các vấn đề mang tính hệ thống về chức năng của an ninh ngoại giao. Tuy nhiên, bà ấy không thối phòng bài học này, mà muốn nhắc nhở các thành viên Nghị viện và người dân rằng, chúng tôi sẽ còn đối mặt với rất nhiều rủi ro ở đây, rằng chúng tôi sẽ tiếp tục tìm cách để

kiểm soát rủi ro này... Đó là bức tranh về ngoại giao hiện đại.”

Jason Chaffetz là Nghị sĩ Đảng Cộng hòa bang Utah, một người đàn ông 46 tuổi nhưng trông vẫn như đứa trẻ, một trong những người chỉ trích quan điểm của Hillary về chính sách ngoại giao viễn chinh; ông ta nhanh chóng trở thành cổ máy đứng sau cuộc điều tra vụ Benghazi của Ủy ban Giám sát và Cải cách Chính phủ của Hạ viện hồi mùa thu năm 2012. Vì có thời là bạn với cựu Nghị sĩ New York Anthony Weiner, Chaffetz từng đến nhà riêng của Hillary ở Washington, dự tiệc đính hôn gia đình Clinton tổ chức cho Weiner và Huma Abedin năm 2010. Khi ấy Chaffetz nghĩ, có lẽ Bill Clinton đã quá hăng hái khi đón khách với cái “bắt tay hai phút kiểu đàn ông,” gồm một tay bắt, một tay nắm chặt cánh tay khách. Trong nhiệm kỳ đầu của mình, Chaffetz cũng từng gặp Hillary tại buổi tiếp khách do Bộ Ngoại giao tổ chức để chào mừng các tân nghị sĩ.

Sự vụng về có duyên tự nhiên của Chaffetz khiến người ta dễ đánh giá thấp ông ta. Chính Reines cũng có lần hạ thấp tầm quan trọng của ông ta bằng việc ví ông này như “Jeremy Chaffetz.” Nhưng, nhân vật từng là chân sút mà truyền thông có thiện cảm trong đội bóng của Đại học Brigham Young này lại là một chính trị gia sắc sảo, người từng đánh bại Nghị sĩ Chris Cannon trong cuộc bầu cử sơ bộ năm 2008 dù không sống tại địa phương. Trước đó, ông ta từng tham gia chiến dịch tranh cử và hỗ trợ Jon Huntsman giành được chức Thị trưởng Utah năm 2004; sau đó làm Chánh văn phòng cho Huntsman.

Khi Chaffetz công du Libya hồi tháng Mười một năm 2012, một luật sư của Bộ Ngoại giao được cử theo sát ông ta trong các cuộc gặp với Tướng Carter Ham, người đứng đầu Bộ Tư lệnh châu Phi trong chặng dừng chân tại Đức, và với các quan chức Mỹ tại Thủ đô Tripoli của Libya. Chaffetz tham gia hai ủy ban điều tra vụ tấn công ở Benghazi – ủy ban của Issa và Ủy ban Tình báo Hạ viện – vì thế, chuyến công du của ông ta được xem là một phần của cuộc điều tra hơn là chuyến công du nước ngoài bình thường của một nghị sĩ. Dù Chaffetz không thích luật sư của Bộ Ngoại giao có mặt trong các cuộc gặp làm việc của ông ta – nhưng chỉ phàn nàn điều này với luật sư đó, chứ không báo về Bộ Ngoại giao ở Washington – và luật sư vẫn được phép tham dự, cho tới trước cuộc gặp giữa Chaffetz với Gregory Hicks, Phó trưởng Phái bộ Mỹ tại Tripoli, vì lý do nội dung được phân cấp bảo mật. Luật sư đó không có đủ tư cách an ninh liên quan đến chủ đề cuộc gặp, và buộc phải rời đi.

Hicks sau đó đã nhận được cuộc gọi từ Cheryl Mills. “Bà ấy không hài lòng việc luật sư đi cùng Hạ Nghị sĩ Chaffetz không được phép tham dự cuộc gặp,” Hicks nói tại phiên điều trần. “Lời lẽ không thể hiện sự chỉ trích trực tiếp, nhưng giọng điệu của cuộc hội thoại thì có – và đó là một phần của văn hóa Bộ Ngoại giao – sự thật là bà ấy đã gọi cho tôi, và qua giọng nói tôi cảm nhận rõ là bà ấy không hài lòng.”

Theo quan điểm của Bộ Ngoại giao, Mills đã có biện pháp bảo vệ hợp pháp và đúng chuẩn đối với Bộ và các nhân viên ngoại giao. Còn trong mắt Chaffetz, vị luật sư có mặt tại đó chỉ nhằm đe dọa chính các quan chức này. “Thật rất khác thường khi có mặt một ‘người giữ trẻ’ kiêm thư ký ghi chép trong suốt thời gian cuộc gặp, theo dõi từng cử chỉ của tôi,” Chaffetz nói. “Tôi nghĩ, điều đó đe dọa những ai muốn nói chuyện với tôi. Nó khiến tôi không thoải mái. Giống như ép buộc chia sẻ những thông tin không nên chia sẻ vậy.”

Một loạt cuộc điều tra của Nghị viện về vụ Benghazi chịu chung cảnh là thừa nhiệt tình nhưng thiếu tập trung – cụ thể là, ám ảnh về các luận điểm của Susan Rice và liệu tổng thống có gọi vụ tấn công vũ trang đó là một hành động khủng bố hay không, đã làm loăng hăng thông điệp của Đảng Cộng hòa. Giữa lúc đó Chaffetz đã phác thảo được một câu chuyện mạch lạc hơn nhằm chỉ trích Hillary đã quá tin vào chính sách ngoại giao viễn chinh.

Không như các hạ nghị sĩ khác, Chaffetz nghi ngờ cái chết của Stevens là kết quả của một triết lý sai lầm. Ông ta bị ám ảnh bởi cuộc nói chuyện với một thiếu tá đứng đầu nhóm thủy quân lục chiến chống khủng bố (FAST: fleet antiterrorism security team) ở Tripoli. Họ nhìn qua bờ tường phía nam của Đại sứ quán ở Tripoli về vùng ngoại ô quê mùa của thành phố, và người lính chỉ về phía một ngôi nhà nằm trên một khu vực diện tích chừng một nửa mẫu

Anh[55] cách đó không xa.

“Trước khi chúng tôi tới đây, họ có một cái thang, và chiếc thang từ ngôi nhà đó dựa vào tường của Đại sứ quán,” viên thiếu tá kể cho Chaffetz. “Ở đó không có hàng rào thép gai. Hằng ngày, họ xuất hiện, đổ rác xuống sân sứ quán. Ông cứ thử tới đó xem, vẫn còn cả đầu cá và đủ loại rác thải. Khi đến đó, chúng tôi đã bảo họ, ‘Mọi người hãy hạ cái thang đó xuống ngay. Nếu còn trèo lên bức tường, tôi sẽ bắn.’ Họ nhận được thông điệp và không còn ném rác xuống sân sứ quán nữa. Tuy nhiên, trước khi chúng tôi tới, bầu không khí ở đó dường như là thông điệp, ‘Chúng tôi không muốn xúc phạm ai. Chúng tôi không muốn để ai nghĩ xấu về mình.’”

Chaffetz nghĩ, sự năng động của ngoại giao phản ánh vấn đề cách tiếp cận khiến người Mỹ dễ dàng trở thành đối tượng bị tấn công. Lính thủy quân lục chiến sẵn sàng sử dụng, hoặc ít nhất là đe dọa sử dụng vũ lực, với những người không tôn trọng cơ sở của Mỹ, trong khi đó các nhà ngoại giao lại để điều đó xảy ra theo cách thức có thể khuyến khích những kẻ tấn công tiềm ẩn. “Chúng tôi trồng cây ngay cạnh tường sứ quán. Bạn có thể dễ dàng chạy tới, trèo lên cây và nhảy qua tường sứ quán. Thật quá dễ dàng,” như Chaffetz nói sau này. “Bất kỳ học sinh trung học nào cũng làm được điều đó. Lính thủy quân lục chiến đã thất bại, nhưng đó chính là cách tiếp cận mang tính văn hóa mà Bộ Ngoại giao theo đuổi.”

Từng phản đối quyết định của Obama gây chiến tranh ở Libya, Chaffetz cáo buộc rằng cái chết của Stevens là do tham vọng của Hillary muốn chứng tỏ cuộc can thiệp đó là đúng đắn. Ông ta nói, “Trước vụ tiến công, tôi từng nghĩ rằng, việc lật đổ Gaddafi và thiết lập sự hiện diện mạnh mẽ của nước Mỹ tại Libya có thể là khúc hát thiên nga bi ai cáo chung của bà ấy. Đó lẽ ra là một thành tựu lớn, nhưng toàn bộ các quân bài đã tuột khỏi tay bà ấy. Tôi không lên án bà ấy về việc chúng ta bị tấn công. Tôi chỉ nghĩ rằng, nỗ lực của bà ấy nhằm thúc đẩy bình thường hóa (các mối quan hệ ngoại giao) khi hy sinh công tác bảo đảm an ninh đã trả giá bằng mạng sống của công dân Mỹ; đó là kiểu thúc đẩy văn hóa của chính quyền này và của cá nhân bà ấy.”

Rõ ràng, những kẻ khủng bố đáng bị lên án vì hành động tấn công của chúng. Nhưng Hillary đã nôn nóng muốn xây dựng Libya thành một câu chuyện thành công bền vững; và theo những gì Hicks điều trần thì Stevens đã tới Benghazi hồi tháng Chín ít nhất một phần là do Hillary muốn nhanh chóng nâng cấp cơ sở ở đó thành một cơ quan thường trực. Cùng thời điểm ấy, khi Bộ Ngoại giao tìm cách chứng minh về sự tiến bộ ở Libya bằng cách bình thường hóa các hoạt động an ninh, thì đất nước này lại trở nên nguy hiểm hơn mỗi ngày. Điều đó càng đúng với tình hình Benghazi. Nhưng, Washington đã không chú ý tới các cảnh báo từ các nhân viên tình báo trên địa bàn Tripoli, từ Gene Cretz cho tới Chris Stevens. Không có bằng chứng cho thấy những yêu cầu của họ được chuyển tới bàn của Trợ lý ngoại trưởng Pat Kennedy hay tới những người thân cận nhất của Hillary, vì thế càng có lý do để đặt câu hỏi tại sao. Ủy ban Xem xét Trách nhiệm (ARB: Accountability Review Board) kết luận rằng tình hình an ninh đáng lo ngại ở cả Tripoli và Benghazi, và những nhân viên tại Benghazi thấy rằng việc bảo đảm an ninh của họ không phải là ưu tiên cao ở Washington. Kết cục, Chris Stevens chết khi đang thực thi nhiệm vụ được giao, mạo hiểm đi vào một trong những vùng nguy hiểm nhất trên thế giới, với sự hậu thuẫn an ninh ít ỏi, cốt để tránh gây sợ hãi cho những người mà ông ấy hy vọng có thể thiết lập quan hệ đối tác. Nhưng ARB cũng cho rằng, Bộ Ngoại giao đã để ông ấy hoạt động mà không có đủ mạng lưới chức năng. Hillary đã truyền đi thông điệp khắp cơ quan mình là bà ấy tin rủi ro của việc cử các nhà ngoại giao đến các vùng nguy hiểm là một cái giá xứng đáng; nhưng trong trường hợp này, ARB mạnh mẽ chỉ ra rằng, việc tính toán giữa rủi ro và phần thưởng nhận được từ đó là không tương xứng. “Bộ Ngoại giao cần lập tức xem xét lại sự cân bằng giữa ‘rủi ro chấp nhận được’ và ‘kết quả kỳ vọng,’ các nhà điều tra viết. “Trong khi chưa thể rút lại các hoạt động ở môi trường như vậy, Bộ Ngoại giao cần tiếp tục thực thi nhiệm vụ trên cơ sở bắt buộc như sau: (1) một nhiệm vụ xác định, có thể đạt mục tiêu và được ưu tiên; (2) sự đánh giá sáng suốt về rủi ro và thiệt hại liên quan; (3) một cam kết về nguồn lực đủ để giảm thiểu rủi ro và thiệt hại; (4) chấp nhận minh bạch những rủi ro và thiệt hại không thể tránh khỏi; (5) luôn chú trọng đến sự thay đổi tình hình, trong đó phải xác định khi nào cần từ bỏ hay thực thi nhiệm vụ ở một nơi xa.”

Bất chấp những hoài nghi về mặt học thuyết, Hillary đã giành được điểm cao cho cách mà bà phản ứng trước các vụ tấn công. David Petraeus đã giằng co với Bộ Ngoại giao về quan điểm quanh vụ Benghazi, tuy nhiên ông ta cho rằng, phản ứng của Hillary đã thể hiện rõ nét kỹ năng lãnh đạo của bà. “Cũng như với nhiều nhà lãnh đạo lớn, phẩm chất ấn tượng nhất được bà ấy bộc lộ rõ nét nhất vào những thời điểm khó khăn. Chẳng hạn, trong vụ Benghazi, tôi cho rằng bà ấy đã rất quả cảm, quyết đoán và kiềm chế,” ông ta nói. “Bài phát biểu của bà ấy tại căn cứ không quân Andrews, khi những chiếc quan tài phủ quốc kỳ Mỹ mang thi thể những người thiệt mạng ở Benghazi về nhà, đã thể hiện các phẩm chất đó của bà ấy, cũng như đã thể hiện trong việc gánh vác rất nhiều hoạt động khác ngoài những việc mà bà ấy chủ trương và điều hành.”

Nếu cuộc điều tra vụ Benghazi chứng minh được điều gì đó, thì Hillary – ứng cử viên hàng đầu trong cuộc đua giành tám vé đại diện Đảng Dân chủ tranh cử tổng thống năm 2016 – sẽ không còn đứng ngoài cuộc xung đột đảng phái mà bà đã cố gắng tránh trong gần bốn năm qua với vai trò ngoại trưởng. Trong bối cảnh nền chính trị tổng thống, mối quan hệ Hillary đã thiết lập được với phe Cộng hòa trong nhiệm kỳ vừa qua không có nhiều ý nghĩa. Chưa đầy một tuần sau khi bà điều trần trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện hồi tháng Một năm 2013, trên kênh Fox News, Lindsey Graham – thành viên ôn hòa của phe Cộng hòa, người đang bước vào vòng quay bầu cử ở South Carolina nổi tiếng bảo thủ – nói rằng Hillary đã “thoát tội giết người.”

Một tờ quảng cáo cũ về Benghazi của Ủy ban Quốc gia Đảng Cộng hòa (RNC) mà chiến dịch tranh cử của Romney đã không sử dụng trong những tuần cuối cùng, đã được phân phát ngay khi các cuộc điều tra mà phe Cộng hòa tiến hành tại Hạ viện trở nên nóng hơn. Lờ lẽ có thay đổi vài lần vào tháng Mười hai, khi phe Cộng hòa thay đổi hướng công kích từ Obama sang Hillary. Đến lượt mình, Hillary cũng thúc đẩy hệ thống phòng thủ chính trị của mình. Nếu muốn chạy đua vào ghế tổng thống, trong bốn năm tới bà sẽ phải đối phó với Darrell Issa, Jason Chaffetz, Lindsey Graham, Rand Paul và nhiều nhân vật đối kháng khác thuộc phe Cộng hòa – và nếu bà may mắn thì cũng phải bốn năm sau đó. Đến mùa xuân năm 2013 thì đã rõ là bà sẽ còn phải nghe về Benghazi nhiều lần nữa. Người phát ngôn RNC Sean Spicer thẳng thừng chỉ rõ, “Nếu chạy đua, bà ấy có thể phải làm quen với việc mắt bị tấm quảng cáo đó (Benghazi) tra tấn.”

19. “Rời chính trường” – ngay bây giờ

Mặc dù Hillary chưa chọn ngày chính thức để tuyên bố kết thúc nhiệm kỳ, điều này còn phụ thuộc việc Thượng viện phê chuẩn người kế nhiệm, nhưng bà đã nói với bạn bè và trợ lý của mình về việc sẵn sàng rời khỏi cương vị. Ngoài những câu chuyện vui giết thời gian về “những bãi biển và các bài phát biểu,” một trong những cố vấn lâu năm của bà cho rằng, Hillary đã từ bỏ một trong những đức tính nổi bật của mình là tính chăm chỉ, thậm chí trước cả khi ngã bệnh.

Một trợ lý nói ngay trước khi bà từ nhiệm, “Tôi thấy bà ấy không còn ghi chép gì nữa. Giờ đây, bà ấy bước vào một cuộc họp chỉ như muốn nói ‘hãy cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra?’ Nếu không có gì nữa thì ‘tôi sẽ ra khỏi đây’”.

Khi bà đổ bệnh vào tháng Mười hai, các trợ lý vẫn đang lên kế hoạch cho ít nhất một chuyến công du xuyên Đại Tây Dương nữa của bà. Nhưng trong cuộc kiểm tra sức khỏe cuối tháng đó, bác sĩ phát hiện một cục máu đông hình thành trong não của Hillary, ở khoang phía sau tai. Cục máu đông có thể gây tử vong, hoặc những tổn thương não nghiêm trọng, nếu không được điều trị. Hillary lập tức được đưa vào bệnh viện New York Presbyterian. Bà được tiêm thuốc làm loãng máu và lưu lại bệnh viện vài ngày để các bác sĩ theo dõi tình hình sức khỏe. Những người thân cận với bà nói rằng Hillary vốn chẳng quen ngồi yên một chỗ và nay mắc hội chứng “sốt cabin” ngay khi Năm Mới đang đến gần. Đây không phải lần đầu bà bị chứng máu đông. Trong cuốn hồi ký *Living History* của mình, bà viết về cục máu đông ở chân và các biện pháp chữa trị bằng thuốc loãng máu trong vài tháng sau khi được bác sĩ phát hiện. Căn nguyên của bệnh này bắt nguồn từ “những chuyến bay liên tục khắp đất nước.” Các bác sĩ khuyên bà không nên đi máy bay trong lúc điều trị để bình phục. Bay khắp thế giới cộng thêm việc ít ngủ sẽ ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của bà.

Việc bà không được phép đi máy bay khiến một vài trợ lý thân cận nhất của bà rất thất vọng. Reines và Sullivan đang chạy đua xem giữa hai người ai sẽ là người bay nhiều nhất trong những chuyến công du đến các quốc gia trong suốt nhiệm kỳ của bà (Sullivan thắng vì nhiều hơn một chuyến, còn Reines thua vì lỡ chuyến đi Hungary). Những người khác thì “thoải mái hơn chút” vì trước khi đổ bệnh, các điểm dừng chân mới luôn được bổ sung vào những chuyến đi cuối cùng đã được lên lịch của bà, một cố vấn – người từng gọi quá trình lập lịch trình cho các chuyến đi của bà là “quá sức” – cho biết.

Trong khi Hillary dần hồi phục sức khỏe, thì người kế nhiệm bà đã được lựa chọn. Ngày 13 tháng Mười hai, Susan Rice – vốn đã không gây được thiện cảm với các thượng nghị sĩ ngay lần đầu tiên họ xem xét quan điểm của bà này về sự kiện Benghazi, và lần sau đó là trong phiên điều trần trực tiếp nhằm mở đường để được Thượng viện phê chuẩn – đã rút lại ý định kế nhiệm Hillary. Những lời đồn đại ở Washington nhanh chóng hướng tới John Kerry, người đã đảm nhiệm những nhiệm vụ ngoại giao nhạy cảm cho Obama trong nhiệm kỳ đầu tiên; và ngày 21 tháng Mười hai, Obama đã thông báo sẽ bổ nhiệm Kerry. Thời gian chính xác mà Hillary rời khỏi trụ sở vẫn chưa được xác định, nhưng rõ ràng Chủ tịch Ủy ban đối ngoại John Kerry sẽ dễ dàng vượt qua các bước thủ tục để được phê chuẩn thay Hillary. Giờ đây, thời gian tại nhiệm của bà chỉ còn được tính bằng tuần, chứ không phải bằng tháng, bằng năm.

Các cuốn sổ tay và chiếc đồng hồ không còn cần thiết nữa, nhưng các nhân viên của Hillary nghĩ rằng bà cần một vài vật dụng cần thiết trong tháng cuối cùng ở Bộ Ngoại giao. Ngày 6 tháng Một, Hillary đi làm trở lại, bà xuất hiện ở cuộc họp với các thứ trưởng vào lúc 9 giờ 15 sáng, trong bộ quần áo màu hồng sáng, cặp kính hipster kiểu mới, cùng chiếc mũ tươi tắn và nổi bật. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Toria Nuland tuyên bố Hillary “đã khỏe mạnh.”

Hơn 70 người, từ thứ trưởng đến các đặc phái viên, nê-m chât cứng tại phòng họp để chào đón Hillary. Khi bà bước vào, mọi người đứng lên và vỗ tay chúc mừng. Trong nhiều tuần, rời

suốt kỳ nghỉ, bạn bè và các cố vấn rất lo lắng về sức khỏe của bà và cục máu đông, họ đã trao đổi e-mail và tin nhắn cập nhật về tình trạng sức khỏe của bà. Họ biết bà vẫn chưa hoàn toàn bình phục. Bà vẫn phải dùng thuốc làm loãng máu. Nhưng khi nhìn thấy bà vừa bước vào phòng vừa mỉm cười, mọi người cảm thấy thoải mái và bớt lo lắng. Một cố vấn cấp cao của bà cho biết, “Tôi thấy nhẹ nhõm. Bạn không bao giờ biết ai là người đem đến thông tin chính xác cho bạn, ngay cả trong thế giới của chúng tôi. Bà ấy cứ như chỉ vừa nghỉ phép ba tuần vậy, cho dù muốn hay không.”

Sáng thứ Hai đó, khi Hillary đã ngồi ở đầu bàn, phía sau là một tấm áp phích có chữ “S”, Thứ trưởng Tom Nides tặng bà một chiếc hộp. Ông nói khi đưa nó cho bà, “Bà biết đấy, Washington là môn thể thao đối kháng.” Ông cũng nói thêm, nó có thể “nguy hiểm” ở Bộ Ngoại giao, “thì nó cũng có thể nguy hiểm ở chính nhà mình.”

Hillary mở hộp thì thấy một chiếc mũ bảo hiểm của môn bóng bầu dục, có con dấu của Bộ Ngoại giao, và một chiếc áo thi đấu bóng đá có in tên CLINTON ở sau lưng. Số 112, con số quốc gia mà Hillary đã đến thăm, được in ở mặt trước. Hillary cười vang một cách nồng nhiệt theo đúng nụ cười đặc trưng của bà. Bà giơ chiếc mũ và áo lên cao, tất cả nhân viên có mặt trong phòng cùng cười và vỗ tay.

Sau đó một lát, mọi người trở lại làm việc. Các trợ lý có mặt trong phòng nói rằng bà rất quan tâm về chuyến thăm Mỹ của Tổng thống Afghanistan Karzai vào cuối tuần này, và bà muốn những đề xuất của ARB được thực hiện hết mức có thể, trước khi Kerry tiếp nhận công việc. Khi bà hỏi cận kề các nhân viên của mình về những diễn biến ở các nơi trên thế giới, tất cả đều nói rằng họ rất vui khi thấy bà quay lại làm việc.

Cuối buổi sáng hôm đó, trong cuộc họp báo thường nhật tại Bộ Ngoại giao, Nuland đã được hỏi về việc ngoại trưởng đã quay lại làm việc bình thường chưa, kiểu như, “Bà ấy có định làm việc chăm chỉ như bà ấy đã từng không?”

Nuland trả lời, “Tôi đoán là có, nếu xét theo những gì bà ấy thể hiện sáng nay.”

Với những người hâm mộ Hillary, lịch trình đi lại không nghỉ của bà vừa là dấu hiệu của nỗ lực làm việc hơn người, vừa cho thấy niềm tin rằng bà có thể sử dụng nền tảng của mình là vị trí ngoại trưởng Mỹ và biểu tượng quốc tế để chuyển tải những thông điệp tích cực về nước Mỹ, càng xa càng tốt, tới nhiều người nhất có thể. Số liệu thống kê chiều dài của các chuyến công tác và số lượng các nước mà bà đặt chân đến là cách định lượng thích hợp nhất để đo sự cống hiến và nỗ lực của bà để đạt các mục tiêu. Các chính khách khi làm việc trong chính quyền thường nói về “những sự chuyển giao,” đó là những thành công mà họ đạt được ở cuối nhiệm kỳ đã đưa họ lên vị trí cao hơn. Bản chất công việc của Hillary có xu hướng đi ngược những “những sự chuyển giao” đó. Phần lớn những gì mà bà đạt được với tư cách một nhà ngoại giao là ngăn chặn các cuộc khủng hoảng, hoặc kiểm soát khi chúng đã bùng nổ. Điều này cũng đúng với vai trò là một cố vấn cho Obama về các vấn đề an ninh quốc gia. Với mức độ thành công mà Obama đạt được trên lĩnh vực ngoại giao, bao gồm cả việc tiêu diệt Osama bin Laden, thì Hillary là một người chơi trong một đội bóng và Obama là tiền vệ. Nếu đạt được một thỏa thuận hòa bình chủ chốt trong nhiệm kỳ của mình, chắc chắn bà sẽ chia sẻ vinh quang đó, thậm chí là dành tất cả vinh quang đó, cho Obama.

Câu chuyện Libya tiếp tục lan rộng và vụ giết hai bốn người Mỹ ở Benghazi có thể là dấu hiệu về sự hỗn loạn sẽ ngự trị ở đó, hoặc một ngoại lệ mang tính bi kịch đối với sự chuyển giao từ chế độ chuyên chế hà khắc sang dân chủ toàn diện. Trong bất cứ trường hợp nào, Hillary đã chứng tỏ được khả năng tập hợp một liên minh quốc tế vốn rời rạc để thực hiện các mục tiêu đơn lẻ. Ở Burma, bà đã chứng minh rằng phương pháp sử dụng quyền lực thông minh có thể mang lại kết quả.

Nhưng dấu vậy những người hâm mộ bà một cách cuồng nhiệt nhất vẫn bàn tán về tính chính danh của bà với tư cách một chính trị gia lỗi lạc, xét trên khía cạnh về những kết quả ít nổi bật hơn, chẳng hạn như việc kéo dài hiệp định hòa bình ở Trung Đông. Nides, một người hâm mộ nhiệt thành của Hillary, đánh giá công việc của bà với các cơ quan an ninh quốc gia

bằng lời khen ngợi, “Di sản của Hillary Clinton tại Bộ Ngoại giao, trên thực tế, sẽ tồn tại trong mối quan hệ thân thiết hơn giữa Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng.” Trước khi Hillary đảm nhận công việc tại Bộ Ngoại giao, “có những sự cách biệt khiến hai cơ quan này không thể trao đổi với nhau, bởi vì ai cũng nghĩ Bộ Quốc phòng đang cố nắm quyền lập pháp của Bộ Ngoại giao. Và mọi chuyện trở nên rõ ràng khi Hillary tiếp quản công việc... Chúng ta có nhiều chương trình hợp tác giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao hơn, chúng ta sử dụng tiền của họ nhưng vẫn giữ thẩm quyền của mình.”

Một trong các thứ trưởng của Hillary cho rằng công việc xây hình lại hình ảnh của nước Mỹ trên trường quốc tế là chìa khóa mở ra các thị trường cho các doanh nghiệp Mỹ; sự quyết liệt của bà trước các vấn đề phụ nữ đã làm thay đổi cục diện, thúc đẩy các nhà lãnh đạo nước ngoài nâng cao vị thế phụ nữ trong xã hội; những nỗ lực sử dụng quyền lực thông minh là chìa khóa để thay đổi tính chất của Chính phủ Burma; bà nhấn mạnh công tác đào tạo kỹ thuật, chứ không chỉ cấp tiền, để có được công cụ tăng cường xã hội dân sự ở các nước, nhờ đó giảm nguy cơ khiến họ trở thành mối đe dọa an ninh quốc gia đối với Mỹ. Vị thứ trưởng này kết luận, “Ngoại trưởng Clinton giới thiệu nước Mỹ với cả thế giới thêm một lần nữa, và thế giới yêu thích Mỹ theo cách của họ. Họ cũng muốn trở thành một phần trong đó.”

Chắc chắn có những bằng chứng cho thấy thế giới đã ủng hộ vai trò lãnh đạo của Mỹ trong nhiệm kỳ của Clinton nhiều hơn so với trước khi bà đặt chân vào Bộ Ngoại giao. Thật khó xác định được thành công đó là do vai trò của bà, của Obama, hay các nhân tố khác. Nhưng trong hai năm cuối của chính quyền Bush, Gallup đánh giá sự ủng hộ của thế giới đối với giới lãnh đạo của Mỹ là hơn 30%, kém xa so với Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản và Trung Quốc. Trong năm 2009 và 2010, tỉ lệ này của Mỹ dẫn đầu nhóm các nước trên, bắt đầu từ 50% năm 2009, sau đó ổn định với 47% năm 2010, cao hơn 7% so các nước khác. Năm 2011, Mỹ và Đức chia nhau vị trí đầu bảng, với 41% sự ủng hộ.

Nhưng tới tháng Một, khi câu chuyện về di sản của Hillary xuất hiện trên báo chí, thì bà phải đối mặt trước sự chỉ trích của giới chuyên gia mô tả bà là người ủng hộ mạnh mẽ nước Mỹ nhưng lại không có khả năng tích lũy thành tựu lớn. Học giả ôn hòa Michael O’Hanlon viết, “Ngay cả một người hâm mộ như tôi cũng phải thừa nhận rằng, dưới thời Hillary, rất ít vấn đề lớn được giải quyết và cũng có rất ít thành công,” và kết luận, thành công trong nhiệm kỳ của Hillary “vững chãi hơn là ngoạn mục.”

Thậm chí, một số nhà phê bình nhắm vào khía cạnh quy cách trong công việc của Hillary là tự tôn vinh, hơn là hiệu quả. Trong một bài bình luận có tiêu đề *Hành trình cái tôi của Hillary Clinton*, Michael Kinsley của tờ Bloomberg viết, “Clinton trông rất thảm hại và xuống cấp theo thời gian. Tôi thích nhìn đầm lắm chứ. Nhưng rõ ràng bà đầy dọa bản thân đến chết với tư cách ngoại trưởng cũng như trước đây khi còn ở vị trí thượng nghị sĩ và đệ nhất phu nhân. Để làm gì cơ chứ? Mặc dù người ta ngưỡng mộ bà vì sự cống hiến và tận tụy, thì vẫn còn đó hư danh về số giờ công tác và số dặm đường của những chuyến công du (trong công việc hiện tại của bà).”

Tuy nhiên, Obama lại ít băn khoăn về những giá trị mà nỗ lực của Hillary mang lại. Vào mùa thu, ông nói với Ben Rhodes muốn làm một điều gì đó đặc biệt để thể hiện lòng biết ơn với Hillary. Rhodes bắt đầu thảo luận với các trợ lý của Hillary để tổng thống trả lời phỏng vấn một tạp chí lớn.

Một trợ lý của Hillary nói, “Ý tưởng ban đầu là chọn tạp chí *Time* và tổng thống sẽ có phần đánh giá tổng kết về bà ấy, người mà ông đã hợp tác chặt chẽ.” Cuộc trao đổi phải tạm dừng vì Hillary ốm suốt kỳ nghỉ. Nhưng khi bà hồi phục và trở lại làm việc ở Bộ Ngoại giao sau năm mới, thì người ta lại bàn chuyện đó.

Ngay sau đó, ý tưởng này có khả năng thành hiện thực hơn. Reines, vốn thích hình ảnh trên truyền hình hơn là báo in, nghĩ rằng ý tưởng để hai người ngồi với nhau trong cuộc trả lời phỏng vấn một tạp chí hoặc một tờ báo có vẻ hơi nhàm chán. Một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao nói, “Chúng tôi có chung quan điểm rằng ‘nếu chúng ta định làm việc này thì phải làm cho đúng cách, đưa họ lên truyền hình.’ Hình ảnh họ ngồi cạnh nhau trên ti vi sẽ mang đầy

sức mạnh.”

Rhodes và Reines trao đổi với nhau xem chương trình nào là tốt nhất. Họ loại bỏ các chương trình buổi sáng và tin tức buổi tối, vì sẽ chỉ có từ năm đến bảy phút phát sóng. Tương tự, họ nghĩ các chương trình Chủ nhật cũng không phải lựa chọn tốt nhất nhằm phác họa mối quan hệ giữa tổng thống và ngoại trưởng, bởi các chương trình này vẫn bị xem là “ngó ngẩn” theo suy nghĩ của khán giả Washington. Họ quyết định chọn chương trình *60 minutes* (60 phút), vì so với các chương trình khác, thì chương trình này là “không có đối thủ cùng hạng,” một trợ lý cấp cao của Bộ Ngoại giao nói thêm.

Tại buổi chuẩn bị chung diễn ra tại Nhà Trắng, trước khi có cuộc phỏng vấn do Steve Kroft của chương trình *60 minutes* thực hiện, Rhodes đề cập chủ đề mối quan hệ cá nhân giữa Obama và Hillary. Ông ta nói, “họ sẽ hỏi nhiều về điều gì đã làm hai người bỏ qua quá khứ vốn không ưa nhau.”

“Tôi chưa bao giờ có khúc mắc kiểu đó với Hillary,” Obama nói.

“Tôi nghĩ điều đó là do nhiều nhân viên nghĩ ra thôi,” Hillary nói.

“Đúng, tôi nghĩ rằng có lẽ một số nhân viên sẽ cần thêm thời gian để vượt qua cảm giác ban đầu,” Obama nói, nhìn thẳng về phía Reines. Reines, vốn là người luôn nhanh chóng đưa ra câu nói vui, đã khiến mọi người trong phòng bật cười với một câu chuyện đùa thâm thúy.

Obama đã nỗ lực để bảo đảm sẽ không có hành động bất lợi nào đối với Hillary hoặc nhân viên của bà. Khi các đồng nghiệp ở Bộ Ngoại giao tổ chức tiệc chia tay Cheryl Mills, Obama đã cử Jack Lew tới để gửi một thông điệp ngắn gọn rằng nhóm đối địch của ông nay đã thành “bạn.”

Trong cuộc phỏng vấn thực trên chương trình *60 minutes*, Obama nói với Kroft lý do ông quyết định tặng Hillary món quà chia tay trong lần cùng xuất hiện trên truyền hình với nhau.

“Hillary là một trong những cố vấn quan trọng nhất của tôi trong một loạt vấn đề,” Obama nói. “Bà ấy có khả năng đi khắp thế giới, đặt nền móng cho cách làm việc mới, thiết lập một ý nghĩa gắn kết, vì chính sách đối ngoại của chúng ta sẽ không xác định chỉ riêng bởi vấn đề Iraq, chúng ta sẽ phải thân trọng với chủ nghĩa khủng bố, nhưng vẫn sẽ bảo đảm triển khai tất cả mọi nhân tố quyền lực Mỹ, như ngoại giao, nguồn lực kinh tế và văn hoá xã hội, để đưa ra các giải pháp quốc tế mà chúng ta thấy cần thiết.”

Khi được hỏi liệu việc Obama đánh giá cao công lao của Hillary có kéo dài đến đợt tranh cử tổng thống 2016 hay không, thì cả hai đều tỉnh táo né tránh. Obama nói, “Chính xác là tôi nhậm chức cách đây bốn năm và bạn đang nói về các cuộc bầu cử sẽ diễn ra sau bốn năm nữa.” Và Hillary, người sẽ rời văn phòng sau chưa đầy một tuần nữa, vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ tấm áo chính trị mà công việc của bà đã tạo ra. “Tôi đã rời khỏi chính trường rồi,” bà trả lời, “thậm chí tôi đã tự cấm mình nghe những câu hỏi như vậy.”

Điều đó đã nói lên một thực tế rõ ràng: nói về chính trị không còn là hứng thú của Hillary nữa. Hơn nữa, bà muốn nghỉ ngơi, không tham gia hoạt động chính trị. Ngay cả những người gần gũi nhất với bà cũng biết rằng, sự khắc nghiệt của công việc hiện nay đã lấy đi sức khỏe của bà nhiều hơn hẳn trước đây. Chính bà đã làm thay đổi công việc của đệ nhất phu nhân như một thành viên tích cực của Chính phủ. Còn những đệ nhất phu nhân sau này là Laura Bush và Michelle Obama đã đảm nhận các vai trò mang nhiều tính truyền thống và ít lộ diện trong bộ máy chính quyền của chồng. Cuộc chiến chống bệnh béo phì ở trẻ em của Michelle Obama không hoàn toàn giống với việc đưa hệ thống y tế lên bàn thảo luận ở Capitol Hill.

Hillary chia sẻ với phóng viên Kim Ghattas của BBC, tác giả cuốn sách kể về những chuyến đi cùng bà, “Tôi không nói dối đâu. Tôi đã thật sự mệt mỏi. Bạn bè gọi điện thoại, gửi e-mail và nói ‘Ôi Chúa ơi, tôi thấy bà trên truyền hình. Trông rất mệt mỏi!’ Tôi chỉ biết trả lời, ‘Cảm ơn rất nhiều!’”

Thậm chí Hillary biết đây là thời điểm lùi bước một chút. Bạn bè của Hillary nói bà rút khỏi

đời sống chính trị đúng thời điểm hoàn hảo, để bà có thể hồi phục chấn thương và tận dụng thời gian quý báu của mình, thời gian mà bà chưa từng có trong suốt 20 năm trong các vai trò đệ nhất phu nhân, thượng nghị sĩ và ngoại trưởng.

Ngày 1 tháng Hai năm 2013, trong một buổi lễ diễn ra ngay trước tòa nhà chính của Bộ Ngoại giao, với tất cả vẻ trang trọng như lần ra mắt đầu tiên bốn năm trước, Hillary phát biểu với các nhân viên của mình trước khi bà bước qua cánh cửa chính bằng kính của Bộ lần cuối cùng. Hầu hết các cố vấn thân thiết nhất đều chấm dứt công việc ở Bộ Ngoại giao cùng bà, nhưng Marshall và Mills vẫn làm việc tại đó đến năm 2013, nhiều người trung thành với gia đình Clinton vẫn được giữ lại ở bộ máy này khi Kerry nỗ lực đưa người của mình vào các vị trí quan trọng.

Hillary nói, “Tôi tự hào về công việc chúng ta đã làm để nâng tầm ngoại giao và phát triển, để phục vụ đất nước mà tất cả chúng ta yêu mến, để hiểu những thách thức, những mối đe dọa và cả những cơ hội; và làm việc với tất cả trái tim và sức mạnh của chúng ta để đảm bảo nước Mỹ an toàn, lợi ích của chúng ta được thúc đẩy và các giá trị của chúng ta được tôn trọng.”

Tại bữa tiệc chia tay được tổ chức ở nhà riêng của Hillary cũng trong tuần đó, các trợ lý của bà cùng nhau ôn lại những kỷ niệm làm việc trong bốn năm qua. Marshall nhắc lại chuyện Jon Favreau với tấm bìa cứng hồi năm 2008. Hillary vui vẻ hỏi, “Cô vẫn nói về chuyện đó hả?” Những tổn thương cũ đã được tha thứ, nếu chưa hoàn toàn lãng quên.

Mặc dù có những lời chỉ trích rằng Hillary không đạt được thỏa thuận hòa bình lớn nào, nhưng trong cuộc trưng cầu dân ý mà Gallup thực hiện lần cuối trước khi bà kết thúc nhiệm kỳ, và sau vụ Benghazi tháng Mười một năm 2012, vẫn có 63% người Mỹ ủng hộ công việc bà đang làm, dù kém 3% so với thời kỳ đỉnh cao, nhưng cao hơn 9% khi bà tranh luận tại Đại hội toàn quốc của Đảng Dân chủ năm 2008. Khi bà tuyên thệ nhậm chức ngoại trưởng, tỉ lệ ủng hộ lúc đó chiếm khoảng 65%. Ít nhất là nó vẫn nằm trong giới hạn kiểm soát được, vì bà đã phục vụ một nhiệm kỳ bốn năm mà không gây ra tổn hại gì cho việc ra tranh cử tổng thống vào năm 2016, nếu có. Tất nhiên và có lẽ là không tránh khỏi, mối quan tâm của bà về việc tranh cử tổng thống trở thành một chủ đề nóng của báo chí trong nước, và có nhiều dấu hiệu chứng tỏ khả năng này thành hiện thực.

Trong những ngày cuối cùng tại Bộ Ngoại giao, Hillary tự tay đánh máy thư cảm ơn gửi tới 811 người. Gói trong những phong bì đặc biệt kèm những tấm thiệp đặc biệt – để họ có thể giữ lại làm vật kỷ niệm – chúng được gửi đến các quan chức chính phủ, quân đội, các nhân viên an ninh quốc gia, những người đứng đầu Thượng viện, và cả nhân viên Bộ Ngoại giao, những người làm công tác chính trị, lễ tân và dịch vụ dân sự... Tất nhiên, một số người nhận được thư cảm ơn đã xem đó là kỷ vật của vị tổng thống tương lai.

20. Sẵn sàng cho Hillary

Chiến dịch vận động tranh cử tổng thống năm 2016 của Hillary Clinton đã bắt đầu mà không cần có bà, vào ngày 6 tháng Mười hai năm 2012, đúng ngày Barack Obama tái đắc cử lần hai.

Đêm hôm đó Allida Black và Adam Parkhomenko, thành viên kỳ cựu trong chiến dịch tranh cử của Hillary năm 2008, bắt đầu bàn kế hoạch xây dựng một chiến dịch quốc gia mang tên “Ready for Hillary” (Sẵn sàng cho Hillary). Họ biết, Hillary đã đứng ngoài chính trường trong bốn năm và không thể xây dựng cho mình danh sách các nhà hoạt động và tài trợ mạnh mẽ như một nhân vật chính trị công khai, lại đúng thời điểm mà sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện truyền thông đại chúng đang tạo ra một cuộc cách mạng về nghệ thuật mở rộng phạm vi cử tri ủng hộ trong nước. Họ muốn xây dựng cho Hillary một tổ chức cơ sở dù bà vẫn chưa quyết định có tham gia tranh cử hay không.

Nữ giáo sư Black thuộc Đại học George Washington, người chuyên về các hoạt động chính trị xã hội từ những năm 1970, đi cùng với Hillary đến 14 bang để vận động tranh cử hồi năm 2008, đã từng tham dự hơn 500 bữa tiệc và gõ cửa hơn 5000 ngôi nhà.

Một phần lòng trung thành của bà với Hillary bắt nguồn từ câu chuyện về mẹ của Black. Bà Anna bị một cơn đau tim, Hillary đã lập tức gọi điện tới bệnh viện và cũng chính Hillary là người cuối cùng nói chuyện với cụ. “Tôi thật sự xin lỗi đã không gặp cụ trước đây,” Hillary nói. “Nhưng tôi muốn cụ biết rằng, cụ là người phụ nữ tuyệt vời vì đã nuôi dưỡng một cô con gái tuyệt vời.” Sau đó, mẹ của Black qua đời.

Black và Parkhomenko, người từng làm việc cho Patti Solis Doyle trong chiến dịch tranh cử 2008, đều có quan hệ chặt chẽ với cơ quan đầu não của nhà Hillary. Sau khi Doyle ra đi và Parkhomenko kết thúc chiến dịch vận động, Doyle và Black cùng làm việc cho cuộc vận động Vote Both (Bầu cho Cả hai) với hy vọng về “tấm vé mơ ước” mang tên Clinton/Obama hoặc Obama/Clinton. Khi Parkhomenko chạy đua ghế đại biểu Hạ viện của bang Virginia năm 2009, danh sách nhà tài trợ của ông chỉ gồm những người đã làm việc cho Hillary hoặc đã quyên góp số tiền lớn cho chiến dịch của bà. Ông nói đã nhận được đóng góp từ Elizabeth Bagley và José Villarreal, cặp đôi từng gây quỹ tại Shanghai Expo; từ Beth Dozoretz, nhà tài trợ lâu năm của gia đình Clinton và sau này được chỉ định làm người đứng đầu chương trình nghệ thuật ở các đại sứ quán của Bộ Ngoại giao; từ Alonzo Cantu, một nhà tài trợ lớn ở bang Texas; và từ một số trợ lý của Hillary như Capricia Marshall, Harold Ickes, Burns Strider, Minyon Moore và Jonathan Mantz, Giám đốc tài chính trong chiến dịch tranh cử của Hillary năm 2008.

Vốn biết rõ Maggie Williams, Melanne Verveer và Marshall, Black tin rằng nếu Hillary không thích những gì bà đang làm, thì một ai đó có vị trí cao trong nhóm Hillaryland sẽ gọi tới và nhắc “Allida này, dừng lại đi.” Nhưng điều đó chẳng bao giờ xảy ra, và theo thời gian ngày càng nhiều người trung thành với Hillary có vị trí cao cam kết chung tay tạo cho Ủy ban Hành động Chính trị nguồn tài chính dồi dào.

Không chỉ có những người ủng hộ Hillary nóng ruột về tiến độ của cuộc chạy đua tổng thống năm 2016. Một ngày sau cuộc bầu cử, tại trụ sở chính của tạp chí *Politico* ở Rosslyn, Virginia, các biên tập viên dự kiến đưa lên trang chủ website vào sáng hôm sau câu chuyện về sự ghép đôi có thể xảy ra giữa Hillary Clinton và Jeb Bush vào năm 2016. Câu chuyện mở đầu thế này, “Nền chính trị Mỹ có thể tái hồi,” được đăng tải lúc 4 giờ 34 phút sáng ngày 8 tháng Mười một, chưa đầy 36 tiếng sau khi Obama được tuyên bố là người thắng cử trong cuộc đua tổng thống 2012, và câu chuyện đã được truyền tải qua các tiêu đề của tờ báo hàng đầu với các phóng viên chính trị như Jonathan Martin và Maggie Haberman.

Không lâu sau đó, nhà nghiên cứu của RNC (Ủy ban quốc gia của Đảng Cộng hòa) chuyên xử lý các vấn đề chính sách đối ngoại, được giao trọng trách nghiên cứu đầy đủ về Hillary cho đến năm 2016. Trong khi Đảng Cộng hòa còn đang theo dõi các ứng viên tiềm năng khác của Đảng

Dân chủ, như Phó Tổng thống Joe Biden, Thống đốc New York Andrew Cuomo, Thống đốc Maryland Martin O'Malley, thì Giám đốc truyền thông của RNC Sean Spicer đã gọi Hillary là “gorilla 800 pound” [\[56\]](#) của Đảng Dân chủ.

Ngay cả cựu Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi, từng khiến người ủng hộ cả hai phía tức giận vì tuyên bố trung lập trong khi vẫn ngấm ngầm giúp Obama trong cuộc vận động tranh cử 2008, cũng tham gia liên minh từ giữa tháng Mười hai. Điều này báo hiệu xu hướng mà vị nữ chính trị gia từng đối đầu với Hillary hồi năm 2008 này từng nhìn nhận rằng cuộc chạy đua tổng thống năm 2016 là cơ hội để trở lại chính trường và được Hillary cũng như những người trung thành với bà ủng hộ. Pelosi nói với Andrea Mitchell của truyền hình NBC, “Tôi hy vọng bà ấy sẽ tranh cử. Nếu bà ấy quyết định tranh cử, tôi nghĩ bà ấy sẽ chiến thắng và bước vào Nhà Trắng với sự chuẩn bị tốt hơn đại đa số những ai từng phục vụ một thời gian dài ở đó.”

Những điểm nhấn trong bảng danh sách các vị lãnh đạo cho rằng Hillary có đủ phẩm chất để trở thành một ứng viên tổng thống và một tổng chỉ huy là rất ấn tượng. David Petraeus, từng được nhắc đến như một đối thủ thuộc Đảng Cộng hòa của Obama, là một trong những người nghĩ rằng Hillary sẽ làm được nhiều hơn cả bốn phần. Ông nói, “Bà ấy sẽ là một tổng thống vĩ đại.”

Tất cả mọi người trong giới chính trị, trừ Hillary, dường như đã sẵn sàng để chờ đón Hillary khởi động chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2016.

Sau khi rời Bộ Ngoại giao, Hillary tạm thời nghỉ ngơi. Mặc dù là đề tài của vô số các bản tin, nhưng bà rất ít phát biểu trước công chúng trong sáu tuần đầu tiên trở lại tư cách một thường dân. Giữa tháng Hai, Hillary thông báo rằng Harry Walker Agency sẽ điều hành các chương trình diễn thuyết của bà. Hillary thuyết phục Bill cùng bà gặp những người bạn là Meryl Streep và người sáng lập hãng Esprit Susie là Tompkins Buell cùng chồng của họ, cùng đi xem vở *Ann* của nhà hát Broadway. Hillary đã xem vở này rồi, trong đó có một người phụ nữ thủ vai cựu Thống đốc bang Texas Ann Richards, và bà rất muốn Bill cùng xem lại lần nữa. Họ cùng ăn tối tại quán Luxembourg ở Upper West Side, một cuộc vui ngoài trời mà Hillary hiếm khi có thời gian thưởng thức trong những năm qua. Người ta thấy bà xuất hiện một số lần ở New York và Washington, thành lập một tổ chức nhỏ hoạt động ủng hộ Chính phủ, đặt trụ sở ở đại lộ Connecticut. Văn phòng của tổ chức này lấy tên là Hillary Rodham Clinton, hoặc HRCO, cách viết tắt mà các trợ lý của bà quy ước khi sử dụng e-mail.

Sau đó, vào giữa tháng Ba, trước sức ép về thời gian của cuộc tranh luận trước khi Tòa án Tối cao đưa ra phán quyết về vụ kết hôn của một cặp đồng tính nam, Hillary đã trở lại tham gia tranh biện về vấn đề chính trị trong nước, lĩnh vực mà thái độ của người dân đã thay đổi đáng kể từ khi bà rời chính trường. Khi còn ở Bộ Ngoại giao, Hillary đã ủng hộ quyền của những người đồng tính nam theo cách mà bà thấy phù hợp với bốn trụ cột chính sách đối ngoại, nhưng Hillary chưa bao giờ bộc lộ quan điểm về hôn nhân đồng giới ở Mỹ. Một trợ lý nói, “Bà ấy và Cheryl đã vạch một lộ trình. Chúng tôi sẽ thực hiện nó trong khả năng của mình bằng những gì có thể, chúng tôi sẽ thực hiện khắp cả nước để giúp đỡ người dân, sau đó sẽ đưa vào chương trình nghị sự ngoại giao, và đó là cách chúng tôi triển khai lộ trình này.”

Sự ủng hộ mạnh mẽ của Hillary với quyền của người đồng tính trong lĩnh vực ngoại giao bị lu mờ bởi tính dễ dặt của bà trong các cuộc tranh luận thuộc về chính trị trong nước. Tuy nhiên, bà đã điều chỉnh các quy tắc của Bộ Ngoại giao để có thể giúp các nhà ngoại giao đồng tính đang làm việc ở nước ngoài được hưởng quyền và lợi ích như các cặp vợ chồng bình thường khác. Bà cũng kết hợp việc bảo vệ và thúc đẩy quyền của người đồng tính, coi đó là một phần nhiệm vụ của các nhà ngoại giao Mỹ. Bà cũng phát biểu tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc vào tháng Mười hai năm 2011, trong đó bà so sánh nhóm đồng tính với các nhóm thiểu số về sắc tộc, tôn giáo và dân tộc. Bằng tinh thần như trong bài phát biểu nổi tiếng của bà về nữ quyền tại Bắc Kinh dưới thời Tổng thống Bill Clinton, Hillary tuyên bố “quyền của người đồng tính cũng là quyền con người, và quyền con người cũng là quyền của người đồng tính.” Những gì bà nói tại Hội đồng Nhân quyền, trong đó ủng hộ quyền của những người đồng tính nữ, đồng tính nam, người lưỡng tính và người chuyển giới, đã thể hiện nhiều điều hơn cả

việc ủng hộ hôn nhân đồng giới. Bà nói rằng, họ có tất cả các quyền của con người, gồm cả quyền được pháp lý quốc tế bảo vệ chống lại bạo lực và phân biệt đối xử. Một người bạn của Hillary, cũng là nhà hoạt động trong lĩnh vực quyền của người đồng tính nói, “Bài phát biểu đó cũng nhằm vào các nhà ngoại giao Mỹ, ám chỉ rằng ‘các bạn không thể quay lưng, vì tôi sẽ bắt các bạn phải nhận phần trách nhiệm trong đó.’”

Hillary cũng bóng gió nói về các cuộc tranh luận ở Mỹ, “Thành tựu ở nước tôi về nhân quyền của người đồng tính chưa hoàn hảo.” Với tư cách cá nhân, Hillary cũng tổ chức chúc mừng đám cưới của các bạn bè đồng tính. Trong thư chúc mừng đám cưới của Allida Black với người bạn lâu năm là Judy Beck vào ngày 25 tháng Tư năm 2012, Hillary viết với tư cách cá nhân, “Chúc hạnh phúc trăm năm.”

Nhưng, trong khi công chúng và nhiều chính trị gia Mỹ tỏ rõ thái độ ủng hộ hôn nhân đồng tính, thì người ta vẫn chỉ nhắc tới quan điểm của Hillary về vấn đề này trong chiến dịch tranh cử năm 2008, đó là phản đối. Joe Biden đã thể hiện ủng hộ hôn nhân đồng giới trong một cuộc trả lời phỏng vấn của chương trình *Meet the Press*, thúc ép Barack Obama ủng hộ xu hướng này sớm hơn dự định. Hillary có thể đã đi trước một bước trong lĩnh vực nhân quyền quốc tế, nhưng lại tụt phía sau trên chính trường trong nước. Cũng như nhiều chính trị gia, gồm cả Thượng Nghị sĩ Đảng Cộng hòa Rob Portman của bang Ohio, Hillary cho rằng tranh luận trước Tòa án Tối cao là cơ hội để xem xét vấn đề một cách ý nghĩa và kịp thời.

Vì thế, đầu tháng Ba, bà đã họp với một số trợ lý, trong đó có chuyên gia viết diễn văn Dan Schwerin, nhằm thảo luận về những gì bà sẽ đề cập trong một video clip cho Chiến dịch Nhân quyền (HRC: Human Rights Campaign), tổ chức hoạt động về quyền của người đồng tính, có trụ sở tại Washington. Hillary muốn đưa ra hai điểm chính: ủng hộ hôn nhân đồng giới và tôn trọng những người không ủng hộ quan điểm này. Trong nhiều năm, bạn bè của Hillary đã chứng kiến bà đấu tranh với chủ đề liệu việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có vi phạm quyền lợi hoặc niềm tin của các nhóm tôn giáo hay không, và bà nói với các trợ lý rằng bà tôn trọng quan điểm của họ ngay cả khi vị trí chính trị của bà thay đổi. Một nguồn tin từ cuộc họp đó cho biết, “Đó không phải là cuộc nói chuyện về việc ‘vị trí của tôi lẽ ra phải như thế này.’ Quan điểm của Hillary rất rõ ràng. Nhưng bà ấy không phỉ báng những người không đồng thuận với bà trong vấn đề này.”

Ngày 18 tháng Ba, trước khi diễn ra tranh luận tại Tòa án Tối cao, HRC công bố đoạn băng ghi hình phát biểu của Hillary. Bà nhìn thẳng vào máy quay và nói, “Những người đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính và chuyển giới là đồng nghiệp của chúng ta, giáo viên của chúng ta, những người lính của chúng ta và là những người chúng ta yêu quý. Họ là công dân trọn vẹn và bình đẳng, xứng đáng có được tất cả các quyền công dân. Các quyền đó bao gồm cả hôn nhân. Vì thế tôi ủng hộ hôn nhân đồng giới.”

Giới phóng viên coi đây là một sự thay đổi động cơ chính trị. Chuck Babington của hãng thông tấn Associated Press viết, “Việc Hillary Rodham Clinton ủng hộ hôn nhân đồng giới là dấu hiệu cho thấy bà có thể đang cân nhắc tranh cử tổng thống vào năm 2016 một cách nghiêm túc, và cố gắng tránh tình trạng ‘chậm chân’ gây tổn hại cho nỗ lực đầu tiên của bà.”

Mặc dù đã rõ về lợi thế chính trị của việc tiếp cận nhanh chóng vấn đề này, và các cuộc thăm dò dư luận cũng đã cho thấy tỉ lệ ủng hộ Hillary tăng rất nhanh, nhưng các trợ lý của bà vẫn nhấn mạnh rằng quyết định của Hillary không liên quan gì đến việc bầu cử cả. “Những gì chúng tôi làm đều bị xem là chính trị,” một trợ lý nói, “tất nhiên đó không phải lý do bà ấy muốn làm việc này.”

Bất kể động cơ của Hillary là gì đi nữa, đoạn video là một tín hiệu chứng tỏ bà cảm thấy thoải mái khi một lần nữa tham gia các vấn đề trong nước, sau bốn năm tích lũy lợi thế chính trị để không rơi vào các xung đột đảng phái. Những người phe Cộng hòa quyết hạ bệ bà bằng cuộc chiến đảng phái. Ba ngày trước, lãnh đạo phe thiểu số tại Thượng viện, ông Mitch McConnell khoe khoang những lý do chính của việc Đảng Cộng hòa chống lại cả Hillary và Biden, đó là họ đã quá tuổi để làm tổng thống. McConnell gào to trước khán giả tại Hội nghị Hành động Chính

tri Bảo thủ (CPAC: Conservative Political Action Conference) tổ chức hàng năm tại Washington, “Đừng nói với tôi rằng Đảng Dân chủ là đảng của tương lai, khi họ hành động để giành tấm vé tổng thống năm 2016 giống như chiếu lại bộ phim *The Golden Girls* (Các cô gái vàng).” (57) Đảng Cộng hòa đã đưa ra một bản danh sách gồm những ứng viên trẻ tuổi đang nổi, như Marco Rubio, Rand Paul, Thượng Nghị sĩ Ted Cruz bang Texas, và Thống đốc Chris Christie của New Jersey – đối lập hoàn toàn với những ứng viên Đảng Dân chủ ra đời từ thập niên 1940.

Cuộc chạy đua vào Nhà Trắng rất căng thẳng và kỳ nghỉ của Hillary cũng kết thúc. Trong khoảng thời gian đó, bà bắt đầu gọi cho các cố vấn và bạn bè thân thiết để chuyển tải một thông điệp rõ ràng, “Tôi nghỉ ngơi xong rồi. Tôi đang sẵn sàng làm việc.”

Nền tảng để Hillary quay lại chính trường đã được những người khác sắp đặt. Trong khoảng hơn hai năm, đầu tiên là Chelsea và sau đó là Huma đã dành thời gian đánh bóng cho Quỹ Clinton và cả quỹ Sáng kiến toàn cầu Clinton. Không lâu sau đám cưới hồi mùa hè năm 2010, Chelsea từ bộ phận tư vấn doanh nghiệp cho công ty McKinsey & Company đã nhảy qua học cách vận hành văn phòng của bố mình. Cô con gái nhà Clinton, lúc đó 31 tuổi, nhận thấy tổ chức này rất cần người chăm lo việc quản trị –giữ nhà, chứ không phải là lau dọn quét nhà; vậy là bộ phận kiểm toán nội bộ được lập ra.

“Chelsea đã góp phần vào nỗ lực đó,” một người trong tổ chức nói. “Tin đồn Chelsea tới là để sắp đặt lại tổ chức và loại bỏ nhân vật X, Y và Z hoàn toàn thiếu chính xác. Tôi không nghĩ hành vi của cô ấy khác bất kỳ người con nào nhận thấy công ty của bố mẹ mình cần cải tổ.”

Trong việc tái cơ cấu tổ chức, Chelsea gợi ý xem xét đưa bạn học cũ của mình ở trường McKinsey là Eric Braverman vào vị trí giám đốc điều hành, sau này ý định đó đã được thực hiện.

Nhưng việc Chelsea làm cho tổ chức này dường như báo hiệu một sự thay đổi ấn tượng hơn cho thế giới Clinton. Không chỉ là về Chelsea, người sẽ trở thành phó chủ tịch hội đồng quản trị quỹ, lần đầu đóng vai trò người thừa kế triều đại chính trị và từ thiện của gia đình, mà giai đoạn chuyển tiếp này cũng khởi đầu cho sự kết thúc của Doug Band. Chelsea ngày càng lo ngại mối quan hệ kinh doanh của Band làm xấu thương hiệu Clinton mà cha cô đã vất vả xây dựng. Người ta nói Hillary đánh giá cao nỗ lực của Band trong việc quyên góp tiền cho thư viện Clinton và giúp trả các khoản nợ trong chiến dịch vận động tranh cử của bà. Nhưng, vai trò của Band như người gác cổng cho Bill lại gây hiểu lầm với một số cố vấn của Hillary, và tất nhiên, với cả người của Đảng Dân chủ.

Band đã tạo rào cản khiến Bill khó tiếp cận và hiếm khi lộ mình. Thậm chí nhân viên mật vụ của Obama đã phải theo đuổi ông ta nhiều tháng mới sắp xếp được cuộc gặp diễn ra tháng Mười một năm 2011, tại văn phòng Harlem của Bill. Sau đó, Band cũng dần tách ra khỏi để chế mà ông ta đã xây dựng cho Bill. Ông ta cùng hai đối tác khác thành lập một công ty tư vấn quốc tế có tên là Teneo Holdings, thuê Bill và cựu Thủ tướng Anh Tony Blair làm cố vấn. Chỉ sau hai năm thành lập, Teneo phát triển nhanh chóng, có 200 nhân viên làm việc tại 13 văn phòng trên khắp thế giới. Trên hết, công ty này xây dựng danh tiếng dựa trên sự truy cập và chia sẻ trên trang web của mình rằng nó làm việc “riêng với các CEO và lãnh đạo của các công ty lớn nhất thế giới, các thể chế và các chính phủ” và giải quyết các vấn đề bằng “tác động... từ các mối quan hệ toàn cầu sâu sắc.”

Một trong những đối tác của Band là Declan Kelly đã được Hillary bổ nhiệm làm phái viên kinh tế Mỹ ở Ireland trước khi thành lập công ty. Bộ Ngoại giao đã minh bạch vai trò cố vấn của Bill cho Teneo, nhưng nói chung việc đó đem đến cảm giác không tốt cho một số người trung thành với gia đình Clinton. Chẳng nhẽ lại không phát sinh xung đột lợi ích, nếu chồng của ngoại trưởng làm thuê cho một công ty có khách hàng trên toàn thế giới? Một số đồng minh của nhà Clinton nghĩ rằng, Band đã đặt Bill và Hillary vào một tình huống bất lợi để làm đầy túi tiền của ông ta và của cả vợ chồng họ.

Nhưng gia đình Clinton làm ngơ khi công ty đó liên quan đến những trợ lý thân cận nhất của

họ là Band và Huma Abedin. Lòng trung thành của gia đình Clinton đối với hai trợ lý này sẽ quay lại làm tổn hại đến Hillary.

Tuy nhiên, sự sắp xếp của Band để Bill làm việc cho Teneo và CGI không kéo dài. Vào tháng Hai năm 2012, tờ *Politico* viết rằng, Bill đã làm tổn hại mối quan hệ tài chính với công ty Teneo. Cùng thời gian đó, Band bị đẩy khỏi vai trò then chốt trong CGI do những người trung thành với Hillary hối thúc. “Ông có thể làm cho CGI hoặc Teneo, nhưng không thể làm cho cả hai”, Bill Clinton đã nói thể với Band, theo tin từ *New York Post*. “Doug đã chọn Teneo.”

Cựu tổng thống trả lời báo chí về việc ra đi của Band bằng một tuyên bố mơ hồ dài 362 từ, gần gấp đôi so với bài điều trần mà ông viết cho mẹ Teresa vào năm 1997. Bill nói, “Tôi đã không thể hoàn thành một nửa những gì tôi phải làm trong nhiệm kỳ tổng thống nếu không có Doug Band. Doug là cố vấn của tôi, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị quỹ Sáng kiến Toàn cầu Clinton, vốn cũng được lập ra theo sáng kiến của ông ấy. Ông ấy làm việc không biết mệt mỏi để mở rộng hoạt động của CGI và các công việc khác của tôi trên khắp thế giới. Trong 10 năm đầu tiên, tầm nhìn chiến lược và khả năng gây quỹ của Doug đã giúp cho tổ chức này tồn tại và phát triển mạnh. Tôi hy vọng và tin rằng ông ấy tiếp tục công việc tư vấn cho tôi và xây dựng CGI thêm một thập niên nữa.”

Điều tốt đẹp dành cho Band, người vẫn tham gia cùng gia đình Clinton trong các hoạt động trong nước, đó là Bill không cắt đứt quan hệ, nhưng công ty Teneo đã thay đổi để Bill trở thành một khách hàng, chứ không phải một cố vấn làm thuê. Bill nói, “Tôi thấy rằng mình nên trả tiền cho họ, chứ không phải ngược lại.”

Nhưng, những người trong tổ chức của Clinton, vốn không thoải mái với câu chuyện này, có lý do để lo lắng mối liên hệ với Band có thể gây tổn thương Hillary. Tháng Mười hai năm 2011, Huma Abedin sinh một bé trai, đặt tên là Jordan Weiner, và cô không thể làm việc toàn thời gian ở Bộ Ngoại giao. Để cô vẫn có thể làm một cố vấn đến cuối nhiệm kỳ của mình, Hillary cho phép Huma làm việc với tư cách nhà tư vấn bên ngoài cho Bộ Ngoại giao, một sự sắp xếp mà Huma có thể kiếm thêm thu nhập từ các nguồn khác một cách hợp pháp.

Một nguồn tin từ Quỹ Clinton cho biết vào tháng Một năm 2013, “Tôi biết Huma đã và đang làm một số việc cho công ty Teneo.” Cùng thời gian đó, quan hệ giữa Band và Quỹ Clinton cũng kết thúc. “Ông ấy không làm việc ở đây nữa,” nguồn tin đó nói.

Mối quan hệ kék giữa Abedin với ngoại trưởng và công ty tư vấn quốc tế của Band được đưa ra ánh sáng vào tháng Năm năm 2013 trên tờ *Politico*, làm dấy lên một loạt câu hỏi về hoạt động điều hành kinh doanh của nhà Clinton. Trong một bức thư gửi vào tháng Bảy có đề địa chỉ mới, Huma nói với Thượng Nghị sĩ Đảng Cộng hòa Chuck Grassley rằng, cô ấy cung cấp “dịch vụ tư vấn và tư vấn chiến lược cho đội ngũ quản lý của công ty,” chứ không cung cấp bất cứ “thông tin nào về Bộ Ngoại giao, về công việc với ngoại trưởng, hay thông tin Chính phủ mà tôi đã tiếp cận.”

Tại thời điểm bức thư được gửi đi, Huma cùng chồng là cựu Nghị sĩ New York và ứng viên thị trưởng, Anthony Weiner, đang xử lý hậu quả bê bối tình ái bị tiết lộ từ các mẫu tin trò chuyện trực tuyến. Cuộc điều tra gây tổn thất nặng nề cho hoạt động kinh doanh của Huma, nhưng không phải là nguyên nhân chính làm thay đổi kết quả cuộc chạy đua vào chiếc ghế thị trưởng của Weiner, bởi những câu chuyện mới về khuynh hướng tình dục đã nhấn chìm cơ hội chiến thắng của ông ta rồi. Tuy nhiên nó đe dọa gây tổn hại tới di sản của Hillary tại Bộ Ngoại giao, và đặt ra nghi vấn về quyết định của bà để một trong những cố vấn ngoại giao hàng đầu kiếm tiền bằng cách làm việc cho một công ty có khách hàng quốc tế. Trong trường hợp tốt nhất, điều này cũng làm xấu hình ảnh của Hillary. Còn trong trường hợp xấu nhất, nó gây ra xung đột lợi ích.

Các câu hỏi tập trung vào Band và Abedin, những trợ lý thân cận nhất với Bill và Hillary trong hơn một thập kỷ, và về điều ràng buộc mà đa số những người có năng lực, đáng tin và trung thành với gia đình Clinton phải đối mặt. Nếu sẵn sàng kiếm tiền chính đáng, họ luôn muốn có một công việc là trung tâm của mọi hoạt động. Nhưng nếu họ muốn giàu có bất chính, họ sẽ

mất nguồn thông tin, bị cáo buộc làm tiền trên danh nghĩa của gia đình Clinton, hoặc cả hai. Khi điều đó xảy ra, chắc chắn sẽ ảnh hưởng xấu tới Bill hoặc Hillary. Trong trường hợp của Abedin, người chịu hậu quả là Hillary.

Grassley nổi cáu với các câu trả lời của Huma và Bộ Ngoại giao trong chương trình “nhân viên Chính phủ đặc biệt.” Ông nói trong thư trả lời Huma, “Cho đến nay, Bộ Ngoại giao và bà Abedin đã không cung cấp một tài liệu nào mà tôi yêu cầu. Im lặng như vậy luôn chỉ làm dấy lên nhiều câu hỏi về cách thức chương trình vận hành.”

Huma đảm nhận thêm một vai trò khác trong hè năm 2012, là giúp Hillary Clinton “hội nhập” hơn vào Quỹ Clinton, sau được đổi tên thành Quỹ Bill, Hillary và Chelsea Clinton sau khi bà rời Bộ Ngoại giao. Cựu trợ lý của Hillary là Tina Fournoy nắm quyền điều hành vào tháng Hai, lúc Band rời đi. Khi Hillary xuất hiện trở lại sau thời gian nghỉ ngơi và thực hiện video clip cho Chiến dịch Nhân quyền, sự tham gia lâu dài vào Quỹ Clinton chỉ là một phần của một chương trình nghị sự tham vọng – có lẽ quá tham vọng – cho tương lai.

21. Vòm trần thủy tinh cuối cùng

Câu hỏi mà Hillary phải đối mặt trong năm 2013 không phải là bà có tranh cử tổng thống hay không, mà là có nên dừng tranh cử hay không. Hillary đã xây dựng và duy trì một mạng lưới chính trị có nhiều lựa chọn để chạy đua vào những vị trí cao, nhưng trong trường hợp này chỉ còn duy nhất một nấc thang nữa. Đầu tháng Tư, Hillary bắt đầu kết nối lại với bạn bè cũ trong giới chính trị, và Bill cũng tiếp cận những nhân vật mới. Hillary tập trung phần lớn quan tâm vào các hoạt động quảng bá công khai trong năm 2013, gồm tham gia các hoạt động từ thiện, diễn thuyết và bắt tay viết cuốn hồi ký mới nhất.

Vào ngày 4 tháng Tư, Hillary có bài phát biểu đầu tiên kể từ hai tháng trước đó, tại dạ tiệc thường niên của Vital Voices, một tổ chức của các nữ lãnh đạo quốc tế mà bà thành lập thông qua Nhà Trắng năm 1999. Hai ngày sau, Claire McCaskill – người không chỉ từng phát biểu trong năm 2006 rằng sẽ không để Bill Clinton đến gần con gái bà, mà còn chỉ trích gay gắt Hillary nhằm ủng hộ Obama trong cuộc tranh cử năm 2008 – đã xuất hiện theo lời mời của Bill tại hội nghị của CGI tổ chức ở trường Đại học Washington, St. Louis. McCaskill đã đổi giọng điệu về Hillary, khi phát biểu vào ngày 1 tháng Hai, đúng ngày Hillary rời Bộ Ngoại giao, rằng bà sẽ “làm tất cả mọi thứ” để bầu cho Hillary năm 2016 nếu bà ấy tranh cử. Theo nguồn tin thân cận của thượng nghị sĩ bang Missouri, McCaskill và Clinton vẫn chưa hoàn toàn làm lành vào thời điểm hội nghị CGI diễn ra trong tháng Tư, nhưng họ đã thân thiện hơn. Nguồn tin này cho biết, “Bạn có thể có những khác biệt về chuyên môn và tính cách, và cả hai sự khác biệt này đều đang bị mất dần. Sự khác biệt về tính cách thì mãi mãi là tính cách, còn sự khác biệt về chuyên môn lại không mang tính cá nhân.”

Nhiều bạn bè thân thiết và các trợ lý của Hillary phải ngạc nhiên trước tình cảm bất ngờ của McCaskill dành cho ứng viên tổng thống hàng đầu của Đảng Dân chủ năm 2016. McCaskill tìm mọi cách biểu lộ để mọi người biết sự lựa chọn của mình là Hillary vào tháng Sáu, dù bài phát biểu của Hillary không thu hút được nhiều sự chú ý của người dân trong nước, như tờ *St. Louis Beacon* đã đăng tải. Hillary dường như đã sẵn sàng đón nhận thêm một người nữa tham gia đội của mình, nhưng bà cũng dành rất nhiều thời gian quan tâm đến những người cũ, đã làm việc với bà nhiều năm nay.

Lúc McCaskill và Bill cùng xuất hiện tại CGI, Hillary đang lên kế hoạch gặp riêng những người ủng hộ bà ở Washington và New York, trong đó có những nhà tài trợ lớn và các thành viên Nghị viện. Các bữa ăn sáng và tối không mang yếu tố rõ ràng về chính trị, nhưng những người ngồi chung bàn với Hillary đều không ảo tưởng về những gì có thể giúp nối lại mối quan hệ tại các sự kiện mang nghi lễ chính trị nhưng phẳng phất mục đích ve vãn ấy.

Một người gặp Hillary hồi đầu năm 2013 nói, “Bà ấy đã nói về việc không quan tâm đặc biệt về chính trị trong năm 2013. Bà ấy sẽ tập trung diễn thuyết trước mọi người, tham gia CGI, viết sách, dành thời gian cho gia đình, nghỉ ngơi; và bà ấy sẽ quay lại chính trường, thực hiện những việc mang tính chính trị rõ ràng hơn vào năm 2014. Bà ấy đã phát biểu như vậy tại bữa tối tổ chức ở Jefferson Jackson.”

Người này cũng nhận định, “Tôi cảm thấy bà ấy có thể, chứ không chắc chắn là sẽ tranh cử tổng thống. Toàn bộ cuộc đối thoại đó làm tôi tin bà ấy sẽ thực thi một tiến trình có kế hoạch kỹ lưỡng để tham gia nhiều hoạt động chính trị hơn, và tôi cũng thấy rằng bà ấy sẽ ở vị trí người khai hỏa nếu quyết định tranh cử.”

Cho đến lúc đó, Hillary, như Ellen Tauscher từng đề cập bên lề Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ở New York tháng Chín năm 2011, đang sắp xếp lại “vốn chính trị” mà bà đã nỗ lực có được. Nếu như chưa từng làm trung gian hòa giải cho bất cứ hiệp định hòa bình lớn nào trong thời gian làm việc ở Bộ Ngoại giao, thì chắc Hillary cũng không phạm phải lỗi lầm chính trị không cố ý nào. Vì thế về mặt chiến lược, bà đứng ngoài chính trị càng lâu càng tốt, cũng như tránh được

sự chỉ trích bà tìm cách giúp Terry McAuliffe, người thêm một lần nữa tranh cử chức Thống đốc bang Virginia năm 2013.

Hillary nói với những người ủng hộ hàng đầu của mình rằng bà sẽ không tham gia các chiến dịch vận động hoặc quyên góp cho những ứng viên khác, ít nhất là trước năm 2014. Một vài người lại khuyên bà dù sao cũng nên kéo dài việc này đến năm 2016. Kirsten Gillibrand – một ngôi sao 46 tuổi đang lên, người tiếp quản ghế của Hillary ở Thượng viện, trở thành một trong những vị khách đầu tiên tại hàng loạt các bữa ăn thân mật – đưa ra những lời tư vấn mà Hillary đã tham khảo nhiều năm nay. Từng làm việc cho Hillary trong cuộc đua vào Thượng viện đầu tiên của bà, Gillibrand cho rằng nên thuê những người mới cho chiến dịch vận động tranh cử của Hillary.

Mùa hè năm 2013, những người thuộc gia đình Clinton muốn Hillary sẽ không nêu kế hoạch năm 2014 trong các cuộc gặp như vậy, và bất cứ hoạt động chính trị nào mà bà tham gia tại thời điểm có các hoạt động bầu cử giữa kỳ sẽ chỉ để ủng hộ các ứng viên trong năm đó. Nhưng họ cũng nhắc nhở rằng sự xuất hiện trở lại như dự kiến của bà trên chính trường sẽ là dấu hiệu cho thấy trong tâm trí Hillary luôn có lựa chọn bước ra tranh cử tổng thống.

Một trong những cố vấn lâu năm của bà nói vào tháng Bảy năm 2013, “Không có kế hoạch nào cả, nhưng năm sau bà ấy sẽ tham gia nhiều hoạt động chính trị hơn năm nay, chủ yếu là thay mặt các ứng viên khác. Nếu bà ấy không có hoạt động nào cả, thì đó là một dấu hiệu khá thú vị. Còn khi bà ấy hoạt động, nghĩa là bà ấy luôn bỏ ngỏ những sự lựa chọn của mình.”

Ngày 23 tháng Tư, Hillary triệu tập đội hình dự án nhân đạo đầu tiên để đến từng gia đình trên Whitehaven Street. Các cửa trượt kiểu Pháp của phòng ăn thường rộng mở, nhưng với cuộc gặp này chúng lại được đóng lại, một dấu hiệu cho thấy bà muốn đóng cửa với thế giới bên ngoài và bắt tay vào công việc.

Điều này như thể Hillary có nhiều dự tính hơn những gì bà vạch ra cho chương trình nghị sự sau khi rời Bộ Ngoại giao để tham gia khu vực tư nhân. Ngoài hàng loạt các yêu cầu gặp những người ủng hộ, Hillary còn viết cuốn sách mà bà đã nhận trước tám triệu đô-la; bà sẵn sàng đi phát biểu thuê lần đầu tiên cho Ủy ban Nhà ở Quốc gia; bà cũng lên kế hoạch tiến hành ba dự án từ thiện riêng biệt – một dự án tập trung vào phụ nữ và trẻ em gái, dự án nữa là về các vấn đề phát triển kinh tế, và dự án thứ ba được thảo luận tại cuộc họp này về phát triển trẻ em từ sớm.

Đó có thể chỉ là một vài nhiệm vụ nhỏ không đáng đề ra đối với 70 nghìn nhân viên Bộ Ngoại giao, nhưng trong tay Hillary hiện nay chỉ có một lực lượng nhỏ hơn nhiều để thực hiện. Mills, người hiện làm việc bán thời gian tại Bộ Ngoại giao và phụ trách các vấn đề về Haiti, tiếp tục chỉ huy chiến dịch hoạt động của Hillary sau khi rời Bộ Ngoại giao. Maura Pally – được Mills kèm cặp, luôn đeo cặp kính gọng đen viền bạc mang đậm phong cách thời trang của gia đình Clinton – đã được thuê làm chánh văn phòng của Hillary tại Quỹ Clinton. Còn Huma, người đã bỏ công việc ở Bộ Ngoại giao để về New York bảy tháng trước đó, được chỉ định làm giám đốc cho chiến dịch Washington mới của Hillary.

Tại Washington, Hillary thu hút được hơn nửa tá trợ lý vào văn phòng HRCO. Theo lời thúc giục của Hillary và Obama, Jake Sullivan chuyển sang làm cố vấn an ninh quốc gia cho Joe Biden. Nhưng Reines – dù đang bận rộn với việc lập kế hoạch mở văn phòng tư vấn với chánh văn phòng của Panetta là Jeremy Bash – cũng ở lại văn phòng và san sẻ nhiệm vụ liên quan đến báo chí hằng ngày cho Nick Merrill. Dan Schwerin, Rob Russo, Lona Valmoró, và cả Shilpa Pesaru cũng chuyển từ Bộ Ngoại giao sang HRCO. Những nhân viên còn lại của bà có năng lực và trung thành nhưng chưa được chuẩn bị để thực hiện các dự án lớn và điều hành trơn tru dự án theo đúng thời gian mà Hillary đã đề ra. Bà cũng tuyển thêm các nhân viên tư vấn vào nhóm này.

Mong muốn có gì đó để giới thiệu tại hội nghị quốc gia thường niên của CGI diễn ra tại Chicago vào tháng Sáu, Hillary đã thúc giục các trợ lý và chuyên gia tư vấn tập trung quanh bàn

ăn để tìm ra cách giúp bà nâng cao vấn đề sự phát triển trẻ em từ sớm, và thuyết phục các bậc cha mẹ, các doanh nghiệp, cũng như người chăm sóc trẻ áp dụng những biện pháp tốt nhất từ thành tựu nghiên cứu khoa học để thúc đẩy phát triển não bộ khỏe mạnh ở trẻ em dưới 6 tuổi.

“Chúng ta chưa đủ nỗ lực,” bà nói. “Chúng ta có thể làm gì để đề cao tên mình, vị trí và thời gian của mình trong nỗ lực cải thiện sức khỏe và phúc lợi cho trẻ em?”

Hillary đã tạo được mối quan hệ đối tác cho dự án mà ban đầu là sản phẩm trí tuệ của Ann O’Leary, giám đốc pháp lý tại văn phòng Thượng viện của Hillary, sau đó chuyển sang làm việc tại một tổ chức phi lợi nhuận ở San Francisco có tên là Trung tâm Thế hệ Tương lai. Hillary sẽ điều hành dự án phát triển trẻ em cùng với Trung tâm này, vốn do Jim Steyer, thầy giáo của Chelsea, là đồng sáng lập. Anh trai của ông ta là Tom từng kiếm được cả một gia tài khi làm quản lý quỹ đầu tư bí mật, và từ lâu ông ta đã là nguồn hỗ trợ hàng đầu cho chiến dịch của Hillary, đổ tiền cho nỗ lực tranh cử của McAuliffe năm 2013, cũng như giúp củng cố các mối quan hệ giữa hai gia đình Clinton và Steyers.

Ngoài Mills và O’Leary, Hillary mời Karen Dunn, cựu trợ lý làm việc cho Trung tâm Thế hệ Tương lai; Alec Ross, cố vấn đối mới của bà tại Bộ Ngoại giao; Tom Freedman, cựu trợ lý Nhà Trắng dưới thời Tổng thống Clinton, từng làm việc trong nhóm chuyển giao của Obama; cùng một số gương mặt quen thuộc khác trong gia đình Hillary ngồi xung quanh bàn ăn nhìn chăm chú vào bà.

Nhưng đến cuối tháng Tư, họ chưa có nhiều tiến triển. Ý tưởng của O’Leary lần đầu được đề cập vào tháng Mười một năm 2012, trong đó kêu gọi Hillary tham gia các cuộc tranh luận công khai cho chính sách phát triển trẻ em. Nhưng Hillary nói rõ với các trợ lý của mình rằng bà chỉ muốn tham gia khu vực tư nhân và phi lợi nhuận. Các trợ lý đủ thông minh để hiểu rằng Hillary không cần nói thêm lý do rằng bà muốn tránh những cái bẫy chính trị ở Washington. Vận động hành lang Nghị viện hoặc Nhà Trắng chắc chắn sẽ biến thời gian một năm đứng ngoài các hoạt động chính trị trở thành một năm đầy chính trị, bằng cách gây khó khăn cho các chính trị gia Đảng Cộng hòa để hỗ trợ vấn đề này, bà sẽ rơi vào tình huống “lợi bất cập hại.” “Bạn không cần phải nói rõ ra,” một nguồn tin trong cuộc họp nói. “Không ai trong căn phòng đó mơ tưởng hão huyền cả đâu.”

Hai ngày trước khi khai mạc hội nghị CGI vào 13 tháng Sáu, Hillary lập một tài khoản Twitter mới. Bà là một trong số ít ứng viên tổng thống không đương nhiệm trong lịch sử không cần đề cao hình ảnh của mình, nhưng bà hiểu sức mạnh của truyền thông xã hội, đặc biệt là Twitter như một công cụ tổ chức chính trị. Bà đã chọn bức ảnh *Texts from Hillary* của tạp chí *Time* nổi tiếng làm avatar, thậm chí cảm ơn những người sáng tạo nên nó với dòng Tweet đầu tiên.

“Cảm ơn nguồn cảm hứng @asmith83 & @sllambe – Tôi sẽ có được từ đây... #tweetsfromHillary,” bà viết. Dòng tweet cá nhân của Hillary như muốn trêu người những người đang hy vọng bà tranh cử tổng thống: “Mẹ, vợ, luật sư, FLOAR, FLOTUS, người ủng hộ phụ nữ và trẻ em, tác gia, người nuôi chó, chuyên gia làm tóc, chuyên gia thiết kế thời trang, thượng nghị sĩ Mỹ, thợ làm trần... TBD...” Với những ngôn từ đơn giản, các trợ lý của Hillary cho thấy bà quan tâm thế nào đến mọi khía cạnh thương hiệu của mình, bằng cách tạo ra sáu sự thay đổi trong câu tweet đầu tiên. Từ *vợ* được đặt trước từ *mẹ*; *chuyên gia thời trang* được đổi thành *những người theo đuổi đam mê nghệ thuật*; và một số từ ngữ khác được sắp xếp lại hoặc bổ sung. *BuzzFeed* đã đăng một bài báo về sự thay đổi đó, và Hillary cũng nhanh chóng có nhiều người theo dõi dòng tweet. Trong năm ngày đầu tiên, có 493 nghìn người theo dõi, hơn hẳn những tài khoản Twitter được dùng lâu nay của Joe Biden, Thống đốc bang New Jersey Chris Christie, Thượng Nghị sĩ bang Florida Marco Rubio, Thượng Nghị sĩ bang Kentucky Rand Paul, Thống đốc New York Andrew Cuomo, Thống đốc Maryland Martin O’Malley, hoặc Thượng Nghị sĩ bang Virginia Mark Warner, những người mà đến mùa hè năm 2013 đều được xem như những ứng viên hàng đầu cho chức tổng thống. Đệ nhất phu nhân Michelle Obama thậm chí đăng một dòng tweet cho Hillary “phát huy tinh thần ngày thứ Sáu,” một lời kêu gọi những người theo dõi thông tin của bà hãy theo sát Hillary qua mạng xã hội.

Nhưng ít ngày sau, việc sắp xếp thông tin cá nhân của Hillary trên Twitter vẫn còn chệch choạc, chứng tỏ dự án từ thiện đầu tiên của Hillary vẫn đầy khó khăn. Những hành động vội vàng, không có kế hoạch cẩn thận và chủ yếu được thống nhất quan điểm thông qua các cuộc điện đàm hội nghị và e-mail đã chẳng tạo ra bước đột phá nào khi Hillary lần đầu gọi mở trước công chúng về sáng kiến của mình nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục trẻ em từ sớm, tại CGI ở Chicago ngày 13 tháng Sáu. Các cố vấn của Hillary thừa nhận, vài giờ trước khi bà bước lên sân khấu tại phòng hội thảo chính của khách sạn Sheraton, họ vẫn không chắc chắn hoàn toàn rằng họ đã sẵn sàng khởi động dự án. Thay vì công bố sáng kiến, Hillary nói với những người có mặt rằng bà sẽ tiết lộ điều đó vào ngày hôm sau. Trong một đoạn video được công bố sáng hôm sau, Hillary thông báo chương trình *Too Small to Fail* (Quá Nhỏ để Thất bại) – một cái tên thông minh đã có ở Trung tâm Thế hệ Tương lai trước khi Hillary tham gia – và bà nói, “sẽ thúc đẩy nghiên cứu mới về phát triển não bộ ở trẻ em, học tập từ sớm và có sức khỏe từ sớm,” cũng như “giúp các bậc cha mẹ, các doanh nghiệp và cộng đồng nhận thức về nghiên cứu khoa học,” góp phần giúp cho trẻ em dưới 6 tuổi có được những nguồn lực và công cụ cần thiết để phát triển.

Một số người tham gia dự án đã có mặt tại hội thảo trực tuyến với phóng viên buổi sáng hôm đó, nhưng họ nói về mục tiêu chung của chương trình nhiều hơn là về công việc cụ thể mà Hillary đã lên kế hoạch thực hiện. Chỉ một vài phóng viên đặt câu hỏi. Khi Hillary bước lên sân khấu tại CGI cuối ngày hôm đó để thông báo những cam kết quyên góp từ những tổ chức đối tác, bà đã công bố sáng kiến trong tiếng ồn ào cộng ly và tiếng lách cách của dao đĩa bằng bạc. Việc thay đổi tên từ Quỹ Clinton sang Quỹ Bill, Hillary và Chelsea Clinton được các phương tiện thông tin đại chúng đăng tải nhiều hơn là về sáng kiến phát triển trẻ em, mặc dù việc thay đổi tên đó đã được thông báo từ tháng Tư.

Trong tuần đó, Hillary tách khỏi không khí lễ hội của CGI và làm diễn giả chính tại buổi dạ tiệc thường niên của CURE, tổ chức cách khách sạn Sheraton không xa. Trong những năm David Axelrod làm việc cho Obama, Hillary chưa từng tham dự các bữa tiệc của CURE, nhưng bà thường hỏi thăm Axelrod về con gái và quý của họ.

Một buổi tối tháng Sáu, khi Hillary bước lên sân khấu tại khán phòng Navy Pier, dưới mái vòm cao khoảng 2,5 mét, nhìn ra hồ Michigan, tất cả mọi người có mặt, trừ bà, đều xem bà là ứng viên tổng thống.

Nick Merrill, người phát ngôn có khuôn mặt trẻ thơ của Hillary, bồn chồn trên ghế ngồi, liên tục gửi e-mail qua điện thoại BlackBerry lúc Hillary phát biểu; ông ta nhiều lần đứng dậy để trao đổi với những người tổ chức sự kiện và với Huma đang đợi trong cánh gà. Người viết diễn văn Dan Schwerin ngồi lắng nghe Hillary phát biểu từ khu vực dành cho báo chí, nơi thường tổ chức bữa tiệc. Các phóng viên của *Washington Post*, *Associated Press* và *Bloomberg News*, được giao nhiệm vụ theo dõi sự kiện Hillarywatch 2016, không ngừng gõ laptop khi Hillary phát biểu.

Hillary gửi cho các phóng viên bài phát biểu của bà, qua đó thể hiện quan điểm chính trị phản đối các chính sách như tịch thu tạm thời tài sản của người thiếu nợ, tự động cắt giảm chi tiêu, mà tổng thống và các nghị sĩ thuộc Đảng Cộng hòa thông qua năm 2011. Bà lập luận rằng, với quan điểm chính sách như vậy, nguồn ngân sách để nghiên cứu bệnh động kinh sẽ khó được thông qua. Thời điểm đó, bạn bè của Hillary trong Đảng Dân chủ, có cả Obama và Biden, đang cố thuyết phục người Cộng hòa những giới hạn cần thay đổi với sự kết hợp tăng thuế và cắt giảm chi tiêu. Việc Hillary công kích chính sách tịch thu tạm thời tài sản của người thiếu nợ được xem là cú sút nhẹ suýt cao qua mũi Biden; sau mọi chuyện, ông đã đoạn tuyệt với người lãnh đạo phe Thiếu số Thượng viện, Mitch McConnell, người đã đưa ra cơ chế cắt giảm ngân sách.

Những tháng tiếp theo là khoảng thời gian thử thách niềm tin của Hillary vào khả năng tạo sự thu hút về một vấn đề chính sách sai lệch, mà không gắn với lợi ích của một nhân vật cao cấp nào trong Chính phủ, hay được đội quân báo chí vây quanh để đưa tin. Nhưng thời gian này cũng tạo cho Hillary cơ hội để kích hoạt và củng cố mạng lưới chính trị của mình mà vẫn

đứng ngoài xung đột đảng phái. Chẳng hạn, tháng Mười một năm 2013, Hillary có kế hoạch tạo danh tiếng cho hội nghị ở Naples, Florida về Sàn giao dịch Buôn bán Chicago (CME: Chicago Mercantile Exchange). Người đứng đầu CME và là thành viên Đảng Cộng hòa, Terry Duffy, đã ủng hộ khoản tiền lên tới sáu con số cho Hillary trong cuộc bầu cử năm 2008 và dự kiến sẽ ủng hộ bà tranh cử năm 2016. Thân quen với những ông trùm tài chính là con dao hai lưỡi: chắc chắn Hillary phải phụ thuộc vào họ để có nguồn lực tài chính, nhưng cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ không xem trọng những tay tài phiệt này dù họ có điều hành cả Wall Street hay Wacker Drive của Chicago đi chăng nữa. Với công việc từ thiện, Hillary áp dụng công thức cũ mà bà từng dùng để xây dựng đế chế của mình ở Bộ Ngoại giao: tập trung vào một chủ đề không gây căng thẳng đảng phái, tiếp cận với cộng đồng doanh nghiệp và phi lợi nhuận, thu hút mọi người tham gia trực tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được lựa chọn kỹ càng, như Twitter và tin nhắn hình ảnh.

Lần thứ hai trong 8 năm, nếu Hillary quyết định tranh cử, bà sẽ bắt đầu chiến dịch với tư cách ứng viên hàng đầu cho cả đề cử sơ bộ lẫn tổng tuyển cử của Đảng Dân chủ. Khi mà có nhiều cử tri từng cho Hillary chỉ là sản phẩm của chồng – một kẻ bám đuôi hưởng lợi, dựa dẫm vào sức mạnh và sự nổi tiếng của Bill để bước vào Thượng viện, và nhận ra bà có thể trở lại Nhà Trắng, thì cách mà bà xử lý tình thế bị lật ngược ở lần bầu cử sơ bộ năm 2008 là bằng chứng ghi nhận thành công của chính bà. Bà sẽ chạy đua với tư cách một cựu ngoại trưởng, cựu thượng nghị sĩ, và một nhà hảo tâm hoạt động trong lĩnh vực phụ nữ và người mẹ, cùng những vấn đề trọng tâm nhằm cải thiện đời sống phụ nữ, trẻ em và công nhân Mỹ. Bà sẽ tranh cử như một người đã nhận được nhiều lời khuyên để không lặp lại một thất bại thảm hại như năm 2008, bởi sẽ tuyển dụng nhân viên dựa vào năng lực chứ không phải lòng trung thành của họ hay theo ý muốn cá nhân; bà sẽ đặt mình vào vị trí ứng viên có khả năng trở thành nữ tổng thống đầu tiên. Bà sẽ chạy đua với tư cách một người mang tính cách ôn hòa của gia đình Clinton, luôn tin rằng cả Chính phủ, các doanh nghiệp và khu vực phi lợi nhuận đều cần phát triển mạnh mẽ. Bà sẽ tranh cử như người điều khiển đôn bầy của Chính phủ, hiểu cách làm thế nào để đạt được lợi nhuận tối đa cho đồng đô-la trong mối liên hệ đối tác công-tư, và làm thế nào để những tổ chức bất đồng có thể cùng hợp tác trong một vấn đề. Bà sẽ chạy đua với tư cách một nhà vận động và là người sử dụng quyền lực thông minh cũng như mọi hình thức gây ảnh hưởng của Mỹ, từ thuyết phục cho đến biện pháp mạnh. Hơn tất cả, bà có thể sẽ chạy đua ngay từ bây giờ – nếu điều đó xảy ra – khi mà bà vẫn chưa đưa ra quyết định. Bà thậm chí chạy đua cả với tư cách một ứng viên bị đốn ngã nhưng đang cố đứng lên theo tiếng chuông báo vòng đấu cuối cùng.

Nhân tố X bí ẩn chính là sức khỏe của Hillary. Chấn thương và cục máu đông không phải là chuyện nhỏ. Những người bạn đến thăm bà vào mùa xuân và mùa hè năm 2013 đều ngạc nhiên bởi tinh thần sáng khoái và thoải mái của Hillary, nhưng bà đã già hơn nhiều sau bốn năm làm việc ở Bộ Ngoại giao. Đi nghỉ ở Cộng hòa Dominica có thể mang lại những điều thần kỳ cho tâm hồn, nhưng vẫn không thể quay ngược thời gian. Các trợ lý nói rằng, có lẽ không quá bất ngờ, bà vẫn khỏe mạnh, một dấu hiệu cho thấy họ đang làm mọi việc trong khả năng để giữ vững vị thế chính trị của Hillary. Một trong những cố vấn cấp cao nói, “Bà ấy trở lại làm việc nhanh hơn mọi người dự đoán. Bà ấy nói, tiêu chí là ‘nghỉ ngơi, chứ không phải biến mình thành thứ bỏ đi.’”

Ngoài sức khỏe, các trợ lý còn lo rằng các vấn đề cá nhân và gia đình có thể ngăn cản Hillary tranh cử tổng thống một lần nữa. Một cố vấn cho biết, “Không muốn chi thêm 13 triệu đô-la tiền túi nữa. Không muốn bản thân lại gánh chịu hậu quả thêm một lần nữa. Cảm thấy có thể làm những gì mình muốn theo những cách khác nhau. Hoàn toàn hài lòng vì đã tận lực và điều đó không thành công. Có nhiều lý do để thực hiện hoặc không thực hiện một việc. Nếu là một trong số ít người có thể tham gia tranh cử và trở thành tổng thống, thì vấn đề sẽ hệ trọng hơn nhiều, và tôi nghĩ rằng đó là một quyết định quá phức tạp với người bình thường như chúng ta có thể nghĩ tới. Có lẽ bà ấy không muốn con gái mình phải chịu giám sát nhiều hơn nữa. Có lẽ bà ấy không muốn con gái mình đi dạo với chín đặc vụ trông chừng.”

Nếu quyết định tranh cử, Hillary cần phải kiểm soát mọi ý kiến thiện chí, bởi tỉ lệ ủng hộ của

cử tri dành cho bà đang xuống thấp. Ngày 10 tháng Sáu, Gallup công bố kết quả thăm dò cho thấy tỉ lệ ủng hộ Hillary giảm từ 64% hồi tháng Tư xuống 58%. “Khi Clinton rời Bộ Ngoại giao, không thể tránh khỏi việc người dân Mỹ lại nhìn bà trong hào quang chính trị,” Giám đốc phụ trách vấn đề bầu cử của CNN Keating Holland nói, và nhắc lại việc tỉ lệ ủng hộ Hillary cũng giảm khi bà, với tư cách đệ nhất phu nhân, khởi động chiến dịch tranh cử ghế Thượng viện. “Điều này từng xảy ra với bà ấy trước đây.”

Trong thời gian ở CGI, Cheryl Mills mời Guy Cecil đến dùng bữa sáng. Cecilla người thân cận với Bill trong chiến dịch năm 2008 và thành công với vai trò Giám đốc điều hành Ủy ban vận động Thượng viện của Đảng Dân chủ, hiện là chủ tịch hội đồng trường mà con của Mills theo học. Họ nói chuyện một chút về các trường công lập.

Sau đó, câu chuyện nhanh chóng chuyển sang các mệnh đề “nếu... thì” về chiến dịch tranh cử 2016. Cecil là đích ngắm của các suy đoán ở Washington về người có thể điều hành chiến dịch mà giờ vẫn là giả thuyết, ông không thể từ chối nếu được yêu cầu đảm nhiệm vai trò đó. “Tất cả phụ thuộc vào Hillary, bà ấy sẽ làm gì tiếp theo và nếu ra tranh cử thì ai sẽ là người điều hành chiến dịch?” một người có mặt tại cuộc nói chuyện cho biết. “Phần lớn chủ đề của cuộc nói chuyện tập trung vào việc ‘Liệu sẽ có những thay đổi thật sự hay không?’ Tôi nghĩ rằng mọi người đều quan tâm vấn đề này.” Mills đã trở thành người quyết định các cuộc phỏng vấn những nhà vận động muốn tham gia chiến dịch tranh cử tổng thống 2.0 của Hillary. Sự tham gia của Mills có thể ngăn chặn việc một người điều hành chiến dịch biến nó thành thảm họa như Solis Doyle vào năm 2008, nhưng thách thức cho bất kỳ ai thực hiện công việc này đều là rất lớn.

Một chiến dịch tranh cử hiện đại có nhiều việc phải thực hiện hơn một cuộc vận động bầu cử sơ bộ. Bên cạnh việc thu hút phiếu bầu, các ứng cử viên phải tiến hành một “cuộc bầu cử sơ bộ trong bóng tối” để giành giật những nhà tài trợ sớm tiền và những nhân vật vận động tranh cử hàng đầu. Sức mạnh của Hillary đã đảo chiều quyền lực trên thị trường cho các nhà vận động tranh cử. Không cần Hillary mời chào, một số ngôi sao đang lên của Đảng Dân chủ dường như muốn thử vai vào vị trí quản lý chiến dịch tranh cử của bà. Ngoài Cecil, vốn được nhiều chính trị gia Đảng Dân chủ xem là người trong cuộc, còn có người bạn tốt của Cecil là Robby Mook, một nhân vật kỳ cựu trong chiến dịch năm 2008, làm quản lý chiến dịch tranh cử thống đốc của McAuliffe năm 2013. Đầu năm 2013, Stephanie Schriock, người đứng đầu Danh sách của EMILY, một tổ chức chỉ bầu cho những phụ nữ ủng hộ quyền phá thai, bắt đầu thực hiện chiến dịch mang tên Bà Tổng thống để vận động ủng hộ một ứng viên nữ vào Phòng Bầu dục. Jen O'Malley Dillon và Jill Alper, hai cựu binh vận động tranh cử của Đảng Dân chủ, cũng được những người thân cận của Hillary đề cử làm quản lý chiến dịch. Dillon, từng là phó quản lý chiến dịch tái tranh cử của Obama, đã hoàn thành công việc cho Quỹ Bảo vệ trẻ em, tổ chức phi lợi nhuận nơi Hillary bắt đầu sự nghiệp chính trị.

Hơn 3 năm trước khi diễn ra cuộc bầu cử, một số cố vấn thân cận nhất của Hillary đã công khai thảo luận về các tiêu chí mà bà cần đặt ra khi tìm kiếm một người quản lý chiến dịch, thậm chí họ không quan tâm đến việc bà có ra tranh cử hay không. Một người trong nhóm Hillaryland nói, “Một điều đáng chú ý về người quản lý chiến dịch, xét như một chiến lược gia chính trị, đó là người ấy phải dám đưa ra các quyết định mang tính cá nhân nhất. Một đặc điểm nữa mà bà ấy phải xem xét đến, đó là mình và người quản lý chiến dịch phải có sự tương tác... Họ phải có khả năng thuyết phục các nhà tài trợ, chỉ đạo các nhân viên tham gia chiến dịch, gắn kết tất cả mọi người trong hệ thống.”

Hillary cũng sẽ tìm kiếm một người quản lý biết làm thế nào để nêu bật một yếu tố thuận lợi là giới tính. Một cố vấn cho biết, “Người đó phải thực hiện được một chiến lược ủng hộ tầm nhìn của bà ấy trong tư cách một phụ nữ. Đó phải là người hiểu rằng, nhân tố giới tính sẽ mang nặng tính lịch sử như Obama đang tạo ra. Hoặc là chúng ta dựa vào lịch sử đó, hoặc là thay đổi nó. Theo tôi, chúng ta nên dựa vào lịch sử để làm nên lịch sử.”

Trong bất cứ trường hợp nào, Mills vẫn có thể là sức mạnh đằng sau bức màn nhung trong

lần tranh cử thứ hai của Hillary. Nhưng có rất nhiều điểm cần xem xét về thế giới Clinton, thậm chí các nhân viên và những nhà tài trợ chiến dịch tranh cử thị trưởng của Anthony Weiner nghĩ rằng, những người này có thể phát huy vai trò tốt hơn cho chiến dịch 2016 bằng cách hỗ trợ chồng của Huma. Nhưng đến ngày 23 tháng Bảy, vào thời điểm Huma đứng cạnh chồng tại một cuộc họp báo giống như bị tra tấn, khi ông ấy thừa nhận có nhân tình tình tứ với những người phụ nữ khác sau khi từ chức tại Nghị viện, thì chiến dịch của Weiner như rơi vào ngõ cụt. Maggie Haberman, phóng viên tờ *Politico*, viết rằng bê bối của ông ta rõ ràng là đã “cung cấp thêm một bài kiểm tra tình trạng căng thẳng đối với các cơ sở hạ tầng của Clinton trong một năm lẽ ra với họ là phải tương đối kín tiếng.”

Câu chuyện của Weiner không chỉ nhắc nhở đến những năm tháng nhiều bê bối của Bill Clinton, mà còn cho thấy có vẻ gia đình Clinton chưa học được nhiều từ một “Obama không bê bối” về việc làm thế nào để kết thúc một câu chuyện buồn. Sau khi vụ việc bị tiết lộ, người của gia đình Clinton đã nói chuyện với phóng viên, thường là không chính thức, để gửi thông điệp rằng họ rất tức giận với Weiner – và với cả Huma vì đã so sánh tình cảnh của mình với việc Hillary vẫn quyết định ở bên và giúp Bill vượt qua bê bối với Monica Lewinsky. Một số người gợi ý Huma phải lựa chọn: Hillary hoặc Anthony. Một người giải thích rằng, thay vì loại Huma ra khỏi nhóm Hillaryland, họ đã cố thuyết phục cô bỏ chồng. Thậm chí, Reines còn trả lời phỏng vấn *New York Times* về vai trò của ông ta trong việc thuyết phục thành công Huma rời xa chồng để bảo vệ vị thế của mình.

Cho dù mục đích của các cố vấn là gì chăng nữa, thì cũng chẳng mang lại điều tốt đẹp nào cho Bill hay Hillary Clinton. “Trong trò chơi này, chiến dịch của Hillary đã khởi đầu một cách khó khăn,” một nhân viên vận động cấp cao của một ứng viên khác trong cuộc bầu cử sơ bộ năm 2008 nói. “Những chuyện xảy ra tiếp theo với chiến dịch của họ cũng chính là những điều chết tiệt đã xảy ra lần trước.”

Cho dù vụ bê bối Weiner có thể là điềm xấu cho chiến dịch tranh cử 2016, hay đơn giản là một vết nhơ, thì triển vọng tranh cử tổng thống của Hillary Clinton vẫn rất xán lạn vào cuối tháng Bảy. Đầu năm 2013, cuộc vận động mang tên Sẵn sàng cho Hillary của PAC (Ủy ban Hành động Chính trị) đã chuyển biến từ những hoạt động lỏng lẻo, nghèo nàn trở nên đáng tin cậy. Trong khi tổ chức này chú trọng phát triển quy mô và tính minh bạch, những người ủng hộ Hillary chuyển sang hỗ trợ điều mà một nguồn tin gọi là “người giám sát” cho tổ chức. Harold Ickes, James Carville và Ellen Tauscher đều đăng ký làm cố vấn. PAC tuyển dụng Craig T. Smith, từng là giám đốc chính trị của Nhà Trắng dưới thời Bill Clinton, và thuyết phục Allida Black tham gia Sẵn sàng cho Hillary. Smith bắt đầu triển khai các hoạt động hằng ngày. George Soros, một tỉ phú theo tư tưởng tự do, từ lâu đã tài trợ các tổ chức và mục tiêu tiến bộ, cuối cùng cũng đăng ký là nhà tài trợ chính. Những đồng minh của Hillary, những người còn đang cùng các cố vấn hàng đầu của mình đánh giá việc ủng hộ Sẵn sàng cho Hillary, đều nhận được tín hiệu ngầm ủng hộ họ làm như vậy. “Họ đã trao cho tôi tín hiệu đèn vàng. Kiểu như nếu tôi muốn làm điều đó thì họ sẽ nói đó là một ý kiến hay,” một nhà tài trợ chính của Hillary nói.

Các nhà tổ chức của PAC đã tìm đến những người ủng hộ gia đình Clinton với một yêu cầu gồm ba phần: gia nhập danh sách liên lạc của nhóm, đề nghị bạn bè tham gia, và sẵn sàng ký séc. Một vài người bạn thân nhất và những nhà tài trợ hàng đầu của Hillary, gồm Susie Tompkins Buell và Jill Iscol, đã đồng ý cho mượn tên của họ và chi một số tiền ban đầu sau khi đã kiểm tra thông tin với các cố vấn của Hillary để chắc chắn việc đó là chính đáng. Với Black và nhóm nhân viên của bà, số tiền đó không quan trọng bằng những khoản sẽ đổ vào tổ chức này. Trên thực tế, khi xây dựng tổ chức từ cấp cơ sở, họ thường yêu cầu được nhận những tấm séc có giá trị tương đối nhỏ. Theo nguồn tin quen thuộc của bộ phận gây quỹ, tấm séc có trị giá cao nhất là 25 nghìn đô-la, nhưng thậm chí nhiều triệu phú thường được yêu cầu chi 5 nghìn đô-la, hoặc ít hơn. Một nhà tài trợ cho Sẵn sàng cho Hillary có thể ghi tấm séc với bảy con số nói: “Nếu mọi người viết những tấm séc có trị giá hàng triệu đô-la thì đó có thể là vấn đề. Nếu họ nhận những tấm séc có trị giá lớn thì việc đó sẽ làm ô danh tổ chức. Bằng cách này chúng tôi có uy tín hơn.”

Việc bạn bè Hillary tham gia cơ cấu tổ chức Sẵn sàng cho Hillary được những người trong cuộc xem là tín hiệu Hillary muốn bảo vệ danh tiếng để phục vụ cho chiến dịch tranh cử tổng thống. Một nhân viên hoạt động chính trị kỳ cựu của gia đình Clinton phát biểu vào tháng Năm, “Tất cả chúng tôi đang xem xét việc các nhóm hoặc các nỗ lực đang được chuyên nghiệp hóa như thế nào và do ai thực hiện. Những người được kêu gọi tham gia đều là người thân thiết với Hillary. Họ là những người bạn thân và họ được kính trọng... Giờ họ bắt đầu tiếp cận những nhân vật đã có mạng lưới rõ ràng.” Đến tháng Bảy, nhóm này báo cáo quyên góp được 1,2 triệu đô-la trong nửa đầu năm 2013 – số tiền khá khiêm tốn với một siêu ủy ban như PAC, nhưng đủ nhiều để tạo ra tính hợp pháp, đặc biệt không giống như các siêu PAC khác, tổ chức Sẵn sàng cho Hillary có giới hạn tài trợ.

Trong một ý nghĩa khác, Sẵn sàng cho Hillary cho thấy những đặc điểm qua đó có thể xác định nỗ lực tranh cử chức tổng thống lần thứ tư của gia đình Clinton. Đó không phải là đặc điểm bất ngờ nào trên những gương mặt quen thuộc của gia đình Clinton. Black, người tổ chức cấp cơ sở và các nhà tài trợ triệu-đô như Buell và Iscol, những người đầu tư cả thời gian lẫn tiền bạc của mình cho chiến dịch, đã trở thành một phần của “đội quân tóc dài” theo cách gọi của những người nhà Clinton, đang chờ thực hiện mệnh lệnh trong chiến dịch kế tiếp của Hillary.

Gia sử chiến dịch tranh cử năm 2016 của Hillary khởi động ở Chicago vào tháng Sáu, nó sẽ đạt đến một cơn sốt vào đầu mùa thu, khi gia đình Clinton triệu tập hội nghị quốc tế thường niên của CGI ở New York.

Tổ chức cùng thời điểm với Kỳ họp Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thường niên, buổi triệu tập này luôn có được cảm giác của cuộc hội ngộ gia đình Clinton. Điều này đặc biệt đúng vào mùa thu năm 2013, khi bạn bè, đối tác từ thiện và các nhà hoạt động chính trị của Bill và Hillary thoải mái đi lại dọc các hành lang khách sạn Sheraton, gần quảng trường Thời đại. Đến lúc đó Hillary vẫn đang cân nhắc có nên tranh cử lần nữa hay không, còn đội ngũ chính trị của bà thì đã hoạt động rất sôi nổi. Huma, Capricia Marshall, Melanne Vermeer và cả Harold Ickes đều có mặt để chứng kiến và được chứng kiến.

Doug Band cũng có mặt, dường như háo hức để chứng minh mình vẫn gắn bó với gia đình Clinton, cả sau khi tờ *The New Republic* đăng bài báo 9 nghìn chữ mô tả việc ông ta đã “chia rẽ một triều đại chính trị” trong việc giải quyết thời kỳ hậu tổng thống của Bill, cũng như chạy theo giàu có và quyền lực cá nhân như thế nào. Vậy là đủ để thấy Band không có khả năng đi sâu hơn vào chuyện tranh cử của Hillary, ngoài việc viết một tấm séc tài trợ cho chiến dịch tranh cử của bà. Mô hình kinh doanh của ông ta ở Teneo được xây dựng nhằm tiếp cận gia đình Clinton, vì thế thực tế này có vẻ nguy hiểm không chỉ với bản thân Band, mà với cả công việc kinh doanh của ông ta.

Một cộng sự cũ của Band ở Nhà Trắng kể với Alec MacGillis, tác giả cuốn sách rằng “có rất nhiều người chạy đua vào vị trí đó, và Doug chỉ là một trong những nhân vật phụ đứng ngoài thôi.”

Ở CGI, Band đã vòng đi vòng lại quanh sảnh của khách sạn, bắt chuyện với các phóng viên, những người bạn lâu năm của gia đình Clinton và những người có mặt tại hội nghị, trước khi tỏ ra mình còn bận việc ở nơi khác. Gần một giờ sau, ông ta lại xuất hiện, đi qua cánh cửa xoay lớn của khách sạn và lặp lại bài cũ. Một người tham dự cho biết, nếu Band còn gần gũi với quỹ đạo của Bill, thì hẳn “ông ta đã có một chỗ ngồi trong hội nghị, chứ không phải ở ngoài sảnh khách sạn.”

Nỗ lực tái hòa nhập của Band chỉ như một màn diễn bên lề, nhất là khi Hillary không có mặt ở đầu và giữa tuần đó. Đây là lần ra mắt của Hillary với tư cách là đối tác đầy đủ trong sự kiện chính thường niên của quỹ CGI. Bà chủ trì các sự kiện, điều hành các cuộc thảo luận và thậm chí thông báo một sáng kiến mới chống nạn săn bắt voi ở châu Phi – một vấn đề chắc sẽ không trở thành chủ đề nổi bật trong chiến dịch tranh cử năm 2016. Tại mỗi sự kiện, dường như gia

đình Clinton đều đã sắp xếp cả một đội ngũ báo chí tuyên truyền cho chiến dịch tranh cử.

Hillary đi đến đâu, các phóng viên bám theo đến đó và hỏi những câu giống nhau. Trong một cuộc thảo luận ở tối về vấn đề phụ nữ và bé gái, Hillary gần như nói suốt cả tiếng đồng hồ mà không thông báo về việc tranh cử. Nhưng sau đó phóng viên Sanjay Gupta của CNN đã bất ngờ đặt câu hỏi.

“Việc có một nữ tổng thống của nước Mỹ có tầm quan trọng như thế nào?” Câu hỏi của Gupta khiến mọi người trong khán phòng của khách sạn Sheraton vỗ tay và hoan hô.

Do đã chuẩn bị sẵn cho tất cả các kiểu câu hỏi, Hillary trả lời ngay, “Tôi sẽ không dựa trên quan điểm cá nhân mà trả lời câu hỏi này. Chúng ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Bầu một người, một phụ nữ làm tổng thống, sẽ không chấm dứt những thách thức đó. Nhưng điều đó sẽ thúc đẩy các nỗ lực mà rất nhiều người trong chúng ta vốn thực hiện lâu nay.” Bà thêm vào câu trả lời ngắn gọn, “Tôi nghĩ điều này sẽ quan trọng... Tôi nghĩ đó sẽ là lời tuyên bố rất mạnh mẽ với nửa dân số ở đất nước chúng ta và nửa dân số của thế giới; và tôi hy vọng, một ngày nào đó điều này sẽ thành hiện thực.”

Trong cuộc thảo luận tương tự, Hillary cũng tạo sự chú ý. Bà chỉ trích công khai chính trị trong nước. Bà được hỏi về khả năng đóng cửa Chính phủ, điều mà chồng bà từng phải đối mặt khi ông nắm quyền cách đây gần 20 năm. Bà đã chỉ tay về phía các nghị sĩ thuộc Đảng Cộng hòa và nói họ “nên về nhà và đọc lại lịch sử, vì tôi chỉ muốn nói rằng đó không phải là điều tồi tệ nhất với Đảng Dân chủ, nếu họ cố tình đóng cửa Chính phủ. Điều này chẳng mang lại lợi ích gì cho những kẻ chuyên phá rối. Vì thế tôi hy vọng bạn bè của chúng ta ở phía đối lập – chỉ là số ít nhưng rất ồn ào – hiểu rằng đó không phải việc đúng đắn, mà là chính trị bẩn.”

Trong suốt ba ngày hội nghị, cả khi Hillary bàn về nạn săn trộm voi, việc bà có thể bước ra tranh cử thật sự là con voi trong phòng họp.⁽⁵⁸⁾ Trong bữa ăn tối tại phòng lớn của khách sạn, Hillary có thêm động lực lớn để tham gia tranh cử từ Malala Yousafzai, cô bé bị lực lượng Taliban bắn bị thương vào năm 2012. Yousafzai, lúc đó là ứng viên Giải Nobel Hòa bình, nói với khán giả là những chính khách và người nổi tiếng ngồi chật cứng căn phòng đang lắng nghe từng lời của cô, rằng “ngay ở nước Mỹ, mọi người đang mong đợi một phụ nữ lên làm tổng thống.” Những chiếc máy quay trong phòng lập tức chiếu thẳng vào Hillary đang cười thoải mái trong tiếng vỗ tay ngày càng lớn của các quan khách có mặt.

Các trợ lý của Hillary thất bại trong ý đồ triển khai chiến dịch tranh cử tổng thống ngay từ tuần đó. Bà chỉ đơn giản tạo ra một vai trò công khai lớn hơn cho quỹ mà thôi. Họ khẳng định Hillary chỉ tập trung vào những sáng kiến, như nạn săn bắt voi. Nhưng câu chuyện này vẫn được nhắc đi nhắc lại suốt cả tuần và không khi trở nên căng thẳng – có thể là do đội quân báo chí của Hillary – khi phó tổng thống và đệ nhị phu nhân Jill Biden tới dự bữa tối đó. Họ ngồi cạnh gia đình Clinton tại một chiếc bàn tròn đặt phía trước trong khán phòng lớn, cố lờ đi những tiếng rì rầm xung quanh mình.

Ngày 2 tháng Mười năm 2013, trường Đại học Quinnipiac công bố kết quả thăm dò ý kiến cho thấy, Hillary được 61% ý kiến ủng hộ, hơn Biden 11%, tính theo số bầu chọn của đảng viên Dân chủ, nếu cả hai tham gia cuộc bầu cử sơ bộ năm 2016. Theo những người ủng hộ Biden, những quan điểm cho rằng ông ta không thể làm được gì tốt hơn với sự ủng hộ của Đảng Dân chủ thật chẳng có ý nghĩa gì. Rốt cuộc, ông ta đã thoát khỏi vai trò nặng nề trong chính sách đối ngoại và đối nội, như giúp Obama hạ nhiệt các cuộc chiến tranh ở Iraq và Afghanistan, hay gánh vác việc bảo đảm rằng chính quyền có những tấm séc để mua vũ khí. Ông ta là người đầu tiên trong Chính phủ ủng hộ hôn nhân đồng giới, thậm chí trước cả khi Obama vui vẻ chấp thuận quan điểm đó. Ông ta có thể tự hào rằng mình có đóng góp quan trọng trong những thành tựu lớn của chính quyền Obama. Nói tóm lại, vẫn có nhiều điều để yêu thích một ứng viên trong vòng bỏ phiếu sơ bộ của Đảng Dân chủ như Joe Biden, nhưng dường như tất cả đều bị lu mờ trước sức mạnh của ngôi sao Hillary.

Phần lớn thời gian trong năm qua, Biden cố gắng tranh thủ bằng hữu trong Đảng Dân chủ tại

cuộc họp kín lựa chọn các ứng viên tranh cử ở các bang tổ chức bầu cử sớm. Ông ta mời Thống đốc New Hampshire Maggie Hassan đến dự lễ nhậm chức phó tổng thống nhiệm kỳ thứ hai của mình vào tháng Một năm 2013 và dự tiệc của các đảng viên Dân chủ ở Iowa cũng tuần đó. Giữa tháng Chín, Biden đến thăm Charleston ở bang South Carolina với tư cách phó tổng thống và xuất hiện như là nhân vật nổi tiếng tại bữa tiệc thịt bò chiên hằng năm của Thượng Nghị sĩ Iowa Tom Harkin, một nghi thức dành cho các ứng viên Đảng Dân chủ tranh chức tổng thống. Do đã hứa đứng ngoài các sự kiện chính trị liên quan tới bầu cử năm 2013, nên Hillary không đến dự.

Những người thân cận với Biden cho biết, ông ta đã không đưa ra quyết định về việc tranh cử tại bữa tiệc đó. Nhóm của Biden khẳng định, ông ta sẽ đưa ra quyết định cùng gia đình, bất kể Hillary có tham gia cuộc đua hay không.

Ted Kaufman, từng là chánh văn phòng của Biden và sau này thay chỗ của ông ta ở Thượng viện nói, “Rõ ràng, người mà ông ấy sẽ phải cạnh tranh là một vấn đề lớn, nhưng một trong nhiều vấn đề lớn khác là bạn phải ngồi lại và vạch kế hoạch chi tiết trước khi bạn quyết định tranh cử tổng thống. Nếu Hillary tham gia tranh cử thì đó lại còn là một loạt các vấn đề khác.”

Trong khi Biden xây dựng hình ảnh là một người có tinh thần tiến bộ về các vấn đề trong nước và là một cánh chim hòa bình trong các vấn đề an ninh quốc gia trong nhiệm kỳ phó tổng thống của mình, ông ta cũng khiến các đảng viên Dân chủ tức giận vì đã cắt đứt các thỏa thuận với Mitch McConnell, tạo ra chính sách tịch thu tài sản tạm thời và ngăn chặn hầu hết các khoản cắt giảm thuế từ thời Bush. Lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện Harry Reid cảm thấy Biden đã hạ thấp vị trí của Đảng Dân chủ khi Bidenthuyết phục ông giải quyết trực tiếp với McConnell.

Nhiều đảng viên Dân chủ, trong đó có một số người gần gũi với Obama, cũng cho rằng, ở khía cạnh nào đó, Obama sẽ yêu cầu Biden không cạnh tranh với Hillary. Nhưng hai người từng đối đầu với nhau vào năm 2008, trước khi cả tình bạn và mối quan hệ trong Đảng Dân chủ giữa họ chấm dứt. Tại lễ tang của cố Thượng Nghị sĩ Frank Lautenberg hồi tháng Sáu năm 2013, Joe và Jill Biden ngồi cùng một hàng ghế với Hillary và Huma. Khi Hillary đứng dậy đọc diễn văn ca ngợi Lautenberg, Biden đã trêu chọc bà vì việc bà phải phát biểu sau khi ngôi sao Broadway là Brian Stokes Mitchell vừa hát xong. Biden nói đùa, “Chúc may mắn với việc theo sau kẻ khác.”

Hillary trở lại ánh đèn sân khấu chính trị giữa lúc bê bối của Weiner bị phanh phui. Bà cùng ăn trưa với Obama tại Nhà Trắng ngày 29 tháng Bảy và ăn sáng với Joe Biden tại Đài quan sát Hải quân ngày hôm sau.

Thư ký báo chí Nhà Trắng Josh Earnest nói với các phóng viên đang ép ông ta phải kể từng chi tiết về bữa ăn trưa của những nhân vật quyền lực, gồm cả hóa đơn tính tiền, “Đó là bữa ăn giữa những người bạn đã được sắp lịch.” Earnest cũng chuẩn bị nói với các phóng viên về các món ăn mà họ dùng, gồm gà nướng, mì ống jambalaya và salad.

Vào ngày có nhiệt độ 26,7 độ C, mát mẻ theo tiêu chuẩn của Washington trong những tháng hè, hai đối thủ cũ gặp nhau ở một sân nhỏ bên ngoài Phòng Bầu dục. Obama đã yêu cầu Alyssa Mastromonaco sắp xếp một bữa cơm trưa sau khi ông gặp Hillary tại Thư viện George W. Bush ở Dallas vài tuần trước đó. Khi bà trở về vào tháng Mười một năm 2008, Mastromonaco gửi e-mail cho bạn của Hillary là Huma để sắp xếp thời gian. Các quan chức Nhà Trắng cung cấp vài chi tiết về tính chất cuộc trò chuyện, đó là cuộc gặp “chủ yếu mang tính chất xã giao.”

Obama từng từ chối đưa gia đình Clinton vào Nhà Trắng trong những dịp xã giao khi ông mới nhậm chức tổng thống, giờ lại muốn dành thời gian với Hillary, theo lời của các trợ lý Nhà Trắng. “Những điều mà tổng thống thích nhất là khi ông có thể làm gì đó không phải là công việc nằm trong kế hoạch định sẵn. Theo cách nói của các cô bạn tôi thì họ chỉ ‘thăm hỏi nhau,’” một cố vấn của Obama, người đã theo dõi cuộc gặp kéo dài hai tiếng của họ, cho biết.

Ở một phía khác, nhiều người trong gia đình Clinton cũng nhìn nhận sự cố gắng của Obama

theo quan điểm của Nhà Trắng – họ đang thăm hỏi nhau.

Lời bạt

Hai tín hiệu về chiến dịch của Hillary – một cái hàm nghĩa pha trộn và cái còn lại thì rất rõ ràng – cùng xuất hiện trong một tuần của mùa thu năm 2013.

Vào ngày Halloween, tờ *Wall Street Journal* và NBC News công bố kết quả cuộc khảo sát khiến cả những người ủng hộ Hillary nồng nhiệt nhất cũng có chút hoang mang. Đúng như Ellen Tauscher dự đoán hai năm trước, vị trí của Hillary tụt xuống nhanh chóng vì ngày càng nhiều cử tri không còn xem bà là một nhà ngoại giao đứng ngoài lợi ích đảng phái, mà là một ứng viên hàng đầu của Đảng Dân chủ cho chức tổng thống. Kết quả cho thấy 46% trong số những người được khảo sát nhìn nhận “rất tích cực” hoặc “hơi tích cực” về Hillary, giảm so với tỉ lệ 56% của cuộc khảo sát tương tự hồi tháng Tư.

Nhà bình luận Frank Bruni của tờ *New York Times* cho rằng kết quả này đã cho thấy thực tế. “Hãy xem đây,” anh ta viết. “Khởi đầu cho kết cục không tránh khỏi của bà ấy. Sắp đến lúc rồi, vì sự thật đang được phơi bày ra từng ngày, bà ấy gặp vấn đề nghiêm trọng với tư cách là một ứng viên tổng thống năm 2016. Cử tri đang mất dần cảm tình với những nhà điều hành chính trị, đặc biệt là những ai thuộc về hoặc cộng tác với Washington. Đó là lý do Clinton bị hạ bệ.” Bruni là một trong những người tiên phong trong một loạt bài báo, bài tạp chí và tin tức đã chỉ ra những thách thức mà Hillary phải đối mặt nếu tranh cử.

Cuối năm 2013, chủ nghĩa dân túy rộ lên và đứng ngoài cả hai đảng phái. Những người theo chủ nghĩa tự do đã vỡ mộng về Obama, vì ông quá cứng rắn với các chủ ngân hàng, chủ hãng bảo hiểm và chính sách an ninh quốc gia của George W. Bush chỉ để nắm lấy họ nếu phù hợp với mục tiêu của ông, còn Hillary giống bản cải tiến của phần nửa trung dung trong con người Obama. Họ muốn thượng nghị sĩ mới của Massachusetts là Elizabeth Warren sẽ chiến đấu với Hillary, hy vọng rằng tài hùng biện, khả năng gây quỹ và quan điểm của Warren sẽ là liều giải độc hoàn hảo so với Hillary trong cuộc bầu cử sơ bộ. Tờ *The New Republic*, với những nghiên cứu rất sâu về giao dịch tài chính của Band cũng như về việc ông ta đã chia rẽ gia đình Clinton thế nào, đã có bài viết dài về tất cả những lý do mà từ đó có thể cho rằng Warren đánh bại được Hillary.

Bruni nhắc đến thái độ khó chịu của nhiều nhà quan sát, họ từng chứng kiến Bill và Hillary sắp đặt để Chelsea Clinton thừa kế triều đại chính trị, và chỉ rõ rằng họ đều thấy một ngày nào đó cô ta sẽ trở thành tổng thống. Nhưng chỉ một vài ngày sau ở Virginia, Hillary nhận được một kết quả bất ngờ là Terry McAuliffe đã chiếm được dinh thống đốc, cho thấy rằng tấm áo choàng Clinton chẳng phải là quá nặng đến nỗi không khoác lên nổi, ngay cả khi được khoác lên một kẻ liên minh gần gũi mang họ-tên khác.

Nếu tin vào cuộc trưng cầu dân ý của *Wall Street Journal*- NCB, vốn là cuộc trắc nghiệm ý kiến của tất cả các nhà chính trị và các đảng phái, thì Hillary vẫn đứng đầu, còn Obama được 41% số ý kiến ủng hộ, Đảng Dân chủ được 37%, Thống đốc bang New Jersey Chris Christie được 33% dù được đánh giá có thể dễ dàng chiến thắng để tái nhiệm, và Ted Cruz được 19%.

Chiến thắng với 22 điểm đưa Christie lên vị trí ứng viên hàng đầu của Đảng Cộng hòa cho cuộc bầu cử sơ bộ năm 2016, và dẫn đầu Hội Thống đốc Cộng hòa năm 2014, một vị trí giúp ông ta tăng cường quan hệ với các ứng viên bảo thủ trên cả nước qua việc cung cấp một yếu tố chính trị có quyền lực lớn nhất: tiền. Mặc dù vậy, vấn đề chính của Christie vẫn còn đó. Dù Christie có được sự ủng hộ của Obama sau thảm họa bão Sandy – nhờ đã giúp Obama thể hiện rõ tính lưỡng đảng trong những ngày cuối cùng của chiến dịch tranh cử năm 2012 – thì cũng có nhiều đảng viên Cộng hòa không có thiện chí với ông ta.

Đến cuối năm 2013, đã có nhiều người được cho là ứng viên Cộng hòa năm 2016. Paul, Thượng Nghị sĩ Kentucky, người đã chất vấn Hillary về Benghazi, đã thuyết phục được trái tim và lý trí của phái tự do ngày càng có tiếng nói trong GOP. Thượng Nghị sĩ bảo thủ Cruz đã bảo

vệ lập trường của mình bằng cách thúc giục đảng viên Cộng hoà đóng cửa Chính phủ để chấm dứt chương trình cải cách y tế mang tên Obamacare. Còn cả Rick Perry, Thống đốc lâu năm của bang Texas, và Bobby Jindal của Louisiana, những đại diện miền Tây của Gulf Coasts trong danh sách tiềm năng. Và, đương nhiên là có Jeb Bush, vốn xuất thân từ gia đình duy nhất đủ khéo léo để kéo những người theo trường phái ôn hoà và bảo thủ lại với nhau trong nỗ lực đưa một đảng viên Cộng hoà vào Nhà Trắng cách đây một phần tư thế kỷ.

Khi số phiếu bầu đã rõ ràng ở New Jersey ngày 5 tháng Mười một, những người trong gia đình Clinton hướng tập trung tới Virginia, nơi người từng thất bại trong cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ bốn năm trước là McAuliffe đánh bại ứng viên bảo thủ được yêu thích là Ken Cuccinelli, với tỉ lệ cách biệt sát nút là 2,5% điểm. Kết quả này sát với dự đoán. Và phe Clinton, những người tổ chức dạ tiệc bầu cử cho McAuliffe, cũng hồi hộp chờ đợi kết quả cuối cùng của cuộc đua.

Hai tiếng sau khi cuộc bầu cử kết thúc, một nhân viên kỳ cựu của nhà Clinton đã gửi e-mail từ bữa tiệc, "Mọi người đều hơi bồn chồn."

Đúng là có lý do để lo lắng. Bill và Hillary đã bỏ qua rủi ro khi ủng hộ hết mình cho ứng viên là người bạn cũ. Lòng trung thành, dù trong hình thức nào, có lẽ là đức tính duy nhất họ thể hiện ra một cách dạt dào hơn là những giá trị khác. Đầu năm 2013, đã có những nỗ lực nhằm giảm thiểu việc báo chí quốc gia xem chiến thắng hay thất bại của McAuliffe như một lời bình phẩm về nhà Clinton. Nhưng cho đến trước Ngày Bầu cử, điều này là không thể. Người điều hành chiến dịch tranh cử của ông ta, Robby Mook, đang tham gia một nhóm nhỏ những nhà hoạt động, mà theo nhiều người thì họ đang thúc đẩy cơ hội chiến thắng cho Hillary vào năm 2016. Tom Steyer – người vận động cho Hillary, và là anh trai của Jim Steyer, đối tác của Hillary trong dự án *Too Small to Fail* – đã chi hàng triệu đô-la vào việc quảng cáo cho McAuliffe. Năm 2009, Bill đã tiến hành vận động chính trị ở Virginia, Hillary cũng có một ngoại lệ đặc biệt với nguyên tắc đứng ngoài chính trị trong năm 2013 khi gây quỹ cho McAuliffe, và bà còn đại diện ông ta để phát biểu tại đại hội phụ nữ ở Bắc Virginia.

Nếu McAuliffe bị lật nhào bởi tay Cuccinelli, nhất là sau khi ông này đã bị Đảng Cộng hoà bỏ rơi, thì tin nóng trên các tờ báo buổi sáng sẽ toàn là câu chuyện về việc tại sao nhà Clinton không thể giúp người bạn của họ về đích. Mặt tiêu cực hẳn sẽ nhiều hơn tích cực. Chiến thắng của McAuliffe vẫn là quan trọng, nếu không muốn nói là thiết yếu: một số người sẽ coi đó như là một ân huệ cho Hillary, còn những người khác sẽ không dừng dừng với năm 2016, hoặc ghi nhận bên lề như là một dấu hiệu nâng cao vận hội của Đảng Dân chủ.

Tại bữa tiệc của McAuliffe, những người thuộc phe Clinton đồng loạt thở phào nhẹ nhõm khi kết quả cuối cùng được thông báo vào khoảng 22 giờ, và tên của McAuliffe được xướng lên. "Phù!" một người phe Clinton nói. "Căng thẳng thật."

Hillary đã chuẩn bị cho sự trở lại hoành tráng hơn trong các vấn đề chính trị bầu cử năm 2014, bà bắt đầu xuất hiện thay mặt những ứng viên khác. Tất cả các nữ thượng nghị sĩ của Đảng Dân chủ đã bí mật ký một bức thư thúc giục bà ứng cử vào đầu năm 2013, nhưng Warren nói Hillary sẽ không vội vàng. Tuy nhiên, có những suy đoán khẳng định rằng Warren sẽ cạnh tranh với Hillary. Biden vẫn đang lập kế hoạch riêng, và một số ứng viên khác, gồm cả các thống đốc như Andrew Cuomo ở New York, Martin O'Malley ở bang Maryland, và Jack Markell ở Delaware, vẫn đang cân nhắc. Cuomo, người theo đuổi chủ nghĩa tự do của cha mình và chủ nghĩa thực dụng của Clinton, hầu như sẽ không đánh cược vào cuộc đua nếu Hillary tranh cử, vì nguồn lực tài trợ của ông ta hoàn toàn lu mờ so với Hillary. Nhưng, cũng như năm 2008, có một số bộ phận trong Đảng Dân chủ vẫn khao khát có một ứng viên có thể đánh bại Hillary tại những bang đầu tiên và tiến thẳng đến tám vé đề cử.

Cũng có những dư chấn tổn thương nào đó từ chiến dịch tranh cử năm 2008 trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đua năm 2016. Dù đã bỏ lại những "tây súng đánh thuê" trước đây và mang theo những trợ lý kỳ cựu đến Bộ Ngoại giao, bà vẫn xem trọng lòng trung thành, đến mức đôi khi nó làm lu mờ năng lực và như một sự đánh giá. Hillary chưa được đánh giá cao vào thời

điểm này, nhưng vẫn phải nhắc một điều, rằng bà có thể lại mắc lỗi cơ bản như năm 2008. Khi đó, Hillary tranh cử theo kiểu truyền thống của Đảng Dân chủ, phụ thuộc vào những chiến thắng ở các bang lớn để giành tám vé đề cử của Đảng.

Năm 2013, Hillary có vẻ đã sẵn sàng khởi động cuộc đua nhằm thúc giục Đảng Dân chủ làm nên lịch sử qua việc bầu một nữ tổng thống đầu tiên; bà cũng sẵn sàng dùng công nghệ làm công cụ cho chiến dịch tranh cử. Đó đúng là những gì Obama đã làm năm 2008. Và, do tỉ lệ ủng hộ Obama giảm vào cuối năm 2013, Hillary mạo hiểm lặp lại chiến dịch đó. Liệu cái tên Clinton, cùng kinh nghiệm sâu sắc trong các lĩnh vực của Washington, lòng trung thành, và viễn cảnh về một chiến dịch tranh cử làm nên lịch sử sẽ là ưu thế hay nhược điểm? Điều đó còn phụ thuộc vào việc Hillary tận dụng các ưu thế đó như thế nào. Một sai lầm mà có vẻ Hillary sẽ không lặp lại, đó là xây dựng căn cứ ở ngoại ô Washington. Tháng Mười một năm 2013, Hillary đã cho đóng cửa văn phòng của mình ở Washington và chuyển nhân viên tới New York, nhằm giúp các hoạt động của bà gần hơn với trung tâm đầu não của Quỹ Clinton.

Nhưng, thậm chí không có mặt ở Washington, Hillary vẫn có nền tảng mạnh mẽ hơn cho năm 2016 nhờ sự hỗ trợ vững như kiềng ba chân. Cùng với chiến dịch Sẵn sàng cho Hillary tập trung thiết lập một mạng lưới ủng hộ khắp cả nước, tổ chức Priorities USA—một nỗ lực của Super PAC ủng hộ Obama từng gây được quỹ rất lớn từ năm 2012 do được Bill và nhóm ảnh hưởng của ông ta hỗ trợ—đã tăng tốc gây quỹ hàng chục đến hàng trăm triệu đô-la từ những nhà tài trợ lớn cho một chiến dịch truyền thông trong cuộc bầu cử tổng thống, và từ American Bridge, một Super PAC khác của Đảng Dân chủ từng lập chi nhánh Correct the Record để bảo vệ các ứng viên tổng thống thuộc Đảng Dân chủ. Đến giữa tháng Mười một, Priorities USA đã thảo luận về việc giao nhiệm vụ thực hiện chương trình cho John Podesta, cựu giám đốc nhân sự của Bill, và Jim Messina, người quản lý chiến dịch tranh cử của Obama và đã phát triển mối quan hệ với Bill trong chiến dịch năm 2012.

David Brock, người sáng lập Media Matters và là người ủng hộ Hillary, hiểu rõ về tổ chức Correct the Record, đã thuê các cựu binh trong chiến dịch tranh cử của Hillary năm 2008 là Burns Strider và Adrienne Elrod để hỗ trợ thực hiện chương trình. Đặc trưng của nhóm Hillaryland là không thể nhầm lẫn, khi Brock được nhắc rằng không thể sử dụng chương trình này để chống lại Warren, bởi về mặt kỹ thuật nó được tạo dựng vì tương lai chung của Đảng Dân chủ. Sự cộng hưởng ba yếu tố, gồm mạng lưới những người ủng hộ, quảng cáo, và những chiến dịch truyền thông, đã giúp Hillary hưởng lợi từ hoạt động bên ngoài, vốn là sự bổ sung cho bất cứ chiến dịch tranh cử tổng thống nào, trước khi bà đưa ra thông báo chính thức.

Về mặt kỹ thuật, những nhóm bên ngoài không thể phối hợp với Hillary, nhưng họ gắn bó với gia đình Clinton – và cũng dựa vào các nhà tài trợ giàu có của Hillary – vì thế, khó có thể tin họ thất bại trong việc nhận được những tín hiệu từ bộ não tin cậy của bà.

Hillary vẫn đang cân nhắc việc tranh cử – và bà đã từng nói rằng đang cân nhắc – một câu hỏi hiện thời đang đối diện với bà là: Làm thế nào để người ta có thể tin rằng bà từng là một sự lựa chọn tốt nhất của quốc gia năm 2008, là người lại đứng trước ngưỡng cửa trở thành nữ tổng thống đầu tiên của nước Mỹ, người đã cảm nhận là được một đẳng tối cao hơn kêu gọi phụng sự công chúng, như đã thể hiện trong sự dẫn thân của bà đối với đức tin của phái Giám lý vốn đề cao sự phục vụ, người có hàng triệu cử tri ủng hộ đang chờ lệnh, và người nói không với việc chạy nước rút lần nữa?

“Vì còn rất nhiều cách khác để phục vụ đất nước,” bà nói. “Ý tôi là, đó là một câu trả lời thành thật nhất. Có thể các bạn sẽ thất vọng, nhưng tôi chưa sẵn sàng để trả lời câu hỏi.”

“Hãy xem, tôi có ‘gen’ trách nhiệm. Tôi có niềm tin mãnh liệt vào sự nghiệp phục vụ nhân dân, và qua sự giáo dục về tôn giáo và đức tin, tôi cũng nhận thấy có bốn phận, bởi vì tôi đã được trao cho quá nhiều điều,” bà nói. “Tôi muốn nói rằng, mình thật may mắn. Và tôi nghĩ mình có trách nhiệm đền đáp. Vì thế, tôi làm điều đó suốt cuộc đời mình, chứ không nhất thiết phải giữ một vị trí nào đó.”

Nhưng mỗi khi cảm nhận được lời kêu gọi phụng sự, Hillary đều đáp lại một cách nhiệt

thành.

“Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ chạy đua một chức vụ, và rồi hoàn cảnh có lẽ đã đưa đẩy tôi tới cuộc đua vào Thượng viện ở New York. Cứ như thể tôi là người ngoài cuộc đứng nhìn, và thốt lên ‘Ôi, Chúa ơi, hãy nhìn xem, chuyện gì đang xảy ra với tôi,’” bà nói. “Vì vậy tôi đã tái tranh cử, rồi quan tâm sâu sắc về hướng phát triển của đất nước và tham gia ứng cử tổng thống. Đó là một chiến dịch vô cùng quyết liệt, nhưng đã không thành công. Tôi đã sẵn sàng quay về Thượng viện, thực hiện nghĩa vụ của mình ở đó, vì đã có một khoảng thời gian khá căng thẳng cho New York – tôi muốn nói đến giai đoạn giữa vụ 11 tháng Chín và cuộc sụp đổ về tài chính, New York đang gặp vấn nạn, và tôi thật sự quan tâm đến những người đã tin tưởng chọn tôi làm thượng nghị sĩ của họ. Sau đó, tổng thống đến và giao cho tôi làm ngoại trưởng.”

Theo lời kể của Hillary, bà vẫn còn đang cân nhắc hơn là đã quyết định xong. Cuối mùa thu năm 2013, Hillary thừa nhận trước công chúng rằng đang nghĩ đến việc tranh cử, nhưng vẫn khẳng định chưa thể đưa ra quyết định.

“Tôi không bao giờ biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo,” bà nói. “Cả đời mình, tôi cũng chưa từng nghĩ mình biết điều gì sẽ đến. Tôi tin vào mình và cố gắng làm tốt nhất những gì tôi có thể vào mỗi ngày, theo cung cách của một tín đồ Giám lý, bởi vì ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Tôi không nghĩ về những điều như thế. Tôi chỉ là người muốn mỗi ngày mình đều xứng đáng với những giá trị của mình và đang đóng góp theo một cách nào đó, hay cố gắng làm những điều có ích.”

Tiểu sử Hillary Clinton

Năm 1947: Hillary Diane Rodham, chào đời năm 1947 tại thành phố Chicago, bang Illinois.

Năm 1969: Hillary vào học trường luật thuộc Đại học Yale sau khi tốt nghiệp bằng cử nhân danh dự chuyên ngành khoa học chính trị của Đại học Wellesley.

Năm 1975: Hillary Rodham kết hôn với Bill Clinton và chuyển về bang Arkansas. Đó là thời điểm Bill xúc tiến chiến dịch vận động tranh cử vào Quốc hội Mỹ. Trong thời gian này, Hillary làm việc cho một công ty luật chuyên đảm nhận các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

Năm 1978: Hillary trở thành phu nhân thống đốc bang Arkansas.

Năm 1993: Hillary trở thành đệ nhất phu nhân của nước Mỹ khi ông Bill Clinton trúng cử tổng thống. Bà là phu nhân tổng thống Mỹ đầu tiên có học vị thạc sĩ, cũng như thành công trong nghề nghiệp chuyên môn.

Năm 1998: Gia đình Clinton trở thành mục tiêu của công luận khi tổng thống thừa nhận có quan hệ tình ái với nữ thực tập sinh Nhà Trắng, Monica Lewinsky. Đó là thời kỳ nhiều khó khăn đối với gia đình Clinton.

Năm 2000: Hillary giành ghế đại diện cho New York tại Thượng viện Mỹ. Bà là cựu đệ nhất phu nhân Mỹ đầu tiên tranh cử một chức vụ dân cử.

Năm 2007: Hillary thành lập ủy ban thăm dò để ứng cử tổng thống và luôn dẫn đầu trong giai đoạn đầu của vòng đua giành đề cử từ Đảng Dân chủ. Xếp sau là Thượng Nghị sĩ Barack Obama, đại diện bang Illinois, và cựu Thượng Nghị sĩ John Edwards của bang Bắc Carolina. Tuy nhiên, bà thất bại trước Obama. Sau đó, bà tuyên bố chấm dứt cuộc vận động tranh cử và ủng hộ ông Obama.

Năm 2009: Hillary Clinton được Thượng viện phê chuẩn và trở thành ngoại trưởng Mỹ.

Năm 2013: Hillary từ chức ngoại trưởng Mỹ.

Năm 2015: Cựu đệ nhất phu nhân Mỹ chính thức tuyên bố trở lại đường đua vào Nhà Trắng.

Nếu giành chiến thắng trong cuộc bầu cử vào cuối năm 2016, bà Clinton sẽ trở thành nữ tổng thống đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ.

Alphabooks tổng hợp thông tin

Chia sẻ ebook: <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách:

Fanpage: <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google: <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[Lời giới thiệu](#)

[Dẫn nhập](#)

Phần Một

- [1. Danh sách đen của Hillary](#)
- [2. Hãy khoan dung khi thất bại](#)
- [3. Mạo hiểm có tính toán](#)
- [4. Họ và chúng tôi](#)

Phần Hai

- [5. “Gặt hái những gì ta vun trồng”](#)
- [6. Nổi bật giữa những người ĐỒNG CẤP](#)
- [7. “Chúng ta đã làm điều đó, bạn thân mến”](#)
- [8. “Hãy dùng tôi như một phần mềm ứng dụng”](#)
- [9. Cô gái của Obama](#)

Phần Ba

- [10. Hứa hẹn và tai họa](#)
- [11. Dưới đường mòn nước](#)
- [12. Chính trị của Hillary](#)
- [13. Thương hiệu HRC](#)
- [14. Hóa đơn đảo hạn](#)
- [15. Benghazi](#)

Phần Bốn

- [16. “Chiến binh mở đường”](#)
- [17. Xin đừng ra đi](#)
- [18. Bốn người Mỹ thiệt mạng](#)
- [19. “Rời chính trường” – ngay bây giờ](#)
- [20. Sẵn sàng cho Hillary](#)
- [21. Vòm trần thủy tinh cuối cùng](#)

[Lời bạt](#)

[Tiểu sử Hillary Clinton](#)

Từ gốc Onshoring: Quá trình dời doanh nghiệp đang ở nước ngoài trở về một nơi có mức giá thấp hơn trên quê hương mình. 1. Từ gốc Onshoring: Quá trình dời doanh nghiệp đang ở nước ngoài trở về một nơi có mức giá thấp hơn trên quê hương mình. 2. Từ gốc Reshoring: Việc mang các dịch vụ và nhân sự đã thuê ngoài trở về lại quê hương ban đầu mà họ đã rời đi để làm việc. 36. Nguyên văn: carbon-neutral, chỉ các loại máy móc khi hoạt động không thải khí các-bon-nic có hại ra môi trường. (BT) 37. Chữ cái tiếng Slavơ – như Bulgaria, Nga... (ND) 38. Phiên âm từ tiếng Nga: Het, nghĩa là không. (BT) 39. Nguyên văn: ‘wife’. (ND) 40. Nguyên văn: Unabomber, đây là tên mà FBI đặt cho Ted Kaczynsk - tội phạm đã thực hiện một loạt vụ đánh bom ở Mỹ giai đoạn 1975 – 1995, khiến 3 người chết, 23 người bị thương, chủ yếu là các nhân vật cấp cao có ảnh hưởng tới Chính phủ. (ND) 41. Một số cử tri đã bỏ phiếu cho Hillary trong kỳ bầu cử sơ bộ nhưng không chịu ủng hộ cho Obama. Họ gọi cuộc đoàn kết Obama/Clinton là PUMA, viết tắt của “Party Unity My Ass” (Thống nhất Đảng, cái đít tao). Thậm chí, họ tuyên bố sẽ bỏ phiếu cho John McCain. (BT) 42. Rhode Island: tiểu bang có diện tích nhỏ nhất của Mỹ. Tên chính thức của Rhode Island là The State of Rhode Island and Providence Plantations. (BT) 43. Tea Party được hiểu như một phong trào tập hợp những người Mỹ có xu hướng bảo thủ, bất mãn chính quyền đương nhiệm và phản kháng lại sự can thiệp quá nhiều của chính quyền vào đời sống nhân dân trong các lĩnh vực khác nhau như kinh tế, y tế, giáo dục... Thuật ngữ này có nguồn gốc từ sự kiện 1773, khi 13 tiểu bang ban đầu còn là thuộc địa của Anh, Chính phủ Hoàng gia Anh ban hành đạo luật tăng thuế (Tea Act), gây ra sự phản đối mạnh mẽ của cư dân thuộc địa. Họ không đồng tình việc tăng thuế trong khi không có đại diện trong Nghị viện Anh để bảo vệ quyền lợi cho 13 tiểu bang. Một nhóm những người chống lại chính quyền mẫu quốc ra đời tại Boston với tên gọi Boston Tea Party. Nhóm này đã lên tàu và vứt hết những bao trà nhập cảng từ Anh vào Mỹ xuống biển. Đây là một trong những sự kiện khởi đầu cho phong trào đấu tranh đòi bình đẳng của 13 tiểu bang. (BT) 44. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Hoa Kỳ từ năm 1809 cho đến năm 1817. (BT) 45. Daniel Webster (1782-1852): Hạ Nghị sĩ Hoa Kỳ, đại diện cho New Hampshire (1813-1817) và Massachusetts (1823-1827), từng là Thượng Nghị sĩ Massachusetts (1827-1841 và 1845-1850), và hai lần làm ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống William Henry Harrison, Tổng thống John Tyler, và Tổng thống Millard Fillmore. (BT) 46. Trận Tora Bora là sự kiện quân sự diễn ra tại Afghanistan vào năm 2001 trong giai đoạn mở đầu cuộc chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ sau sự kiện 11 tháng Chín. Mỹ và các đồng minh cho rằng Osama bin Laden ẩn náu tại Tora Bora. (BT) 47. Chiến dịch giải cứu 52 nhân viên sứ quán Mỹ ở Tehran vào ngày 24/04/1980, dưới thời Tổng thống Jimmy Carter. (BT) 48. Chính là trận Mogadishu năm 1993 giữa khoảng 2.000 - 4.000 chiến binh của Liên minh Quốc gia Somali với 160 lính đặc nhiệm, biệt kích của quân đội Hoa Kỳ tại thủ đô Mogadishu của Somalia vào ngày 3-4 tháng Mười năm 1993. Mặc dù thương vong của phía Somalia lớn hơn rất nhiều, song với 19 binh lính chết, 84 bị thương, 1 bị bắt sống, 2 máy bay trực thăng bị bắn rơi bên phía Hoa Kỳ, trận chiến này đã gây ra một cú sốc đối với công chúng Mỹ. (BT) 49. Thuật ngữ “meme” lần đầu tiên được giới thiệu bởi nhà sinh vật học tiến hóa Richard Dawkins trong một nỗ lực để giải thích cách mà các thông tin văn hóa lan truyền. Meme internet là một bộ phận của meme nói chung, trong đó meme hình ảnh lại là một bộ phận của meme internet. Tuy nhiên trong những tình huống thông thường, khi chúng ta nhắc đến meme là đang đề cập đến meme hình ảnh. Một hình ảnh chỉ trở thành meme khi nó đã nổi tiếng đến mức được đa số người dùng Internet biết tới và công nhận, và sử dụng các câu nói chế vào ảnh nhằm truyền tải một nội dung hài hước nào đó. (BT) 50. Technorati là một công cụ tìm kiếm Internet dùng để tìm blog, cạnh tranh với Google, Yahoo! và IceRocket. Cho đến tháng Tư năm 2007, Technorati index có hơn 75 triệu trang blog. (BT) 51. Năm 1979, Frank đã ghi âm bài hát “New York, New York”, vào năm 1993 ông lại đưa bài này vào một album nhạc khác. Chính nhờ ông, bài hát này trở nên nổi tiếng. Ở đây tác giả dùng hình ảnh này ý nói Bill đã quá quen, thạo và nổi tiếng với tài phát biểu, ông không cần mất công chuẩn bị quá nhiều cho nó. (BT) 52. Marshall Maynard Fredericks (1908-1998): nhà điêu khắc người Mỹ. (BT) 53. Đây là câu trong Phúc âm Thánh John, chương 15 câu 13. (BT) 54. Gia đình Clinton bị cáo buộc huy động vốn không hợp lệ khi đầu tư vào công ty Whitewater Development Corp, tại Arkansas. (ND) 55. 1 mẫu Anh (1 acre) = 0,404 hecta. (BT) 56. 1

pound = 0,45 kg. Ở đây chỉ việc Hillary là ứng viên nặng ký nhất của Đảng Dân chủ. (BT) 57. Loạt phim truyền hình nổi tiếng ở thể loại hài kịch tình huống được chiếu trên kênh NBC từ năm 1985 đến 1992. (BT) 58. Âm chỉ một vấn đề quan trọng ai cũng biết, ai cũng quan tâm, nhưng đều tỏ ra không biết. (BT) 1. Jihad trong tiếng Ả-Rập có nghĩa là “thánh chiến”, một bốn phần tôn giáo của người Hồi giáo. Một người tham gia vào jihad được gọi là một mujahid (số nhiều là mujahideen). (BT) 2. Từ năm 1989, hội đồng quân sự đã đổi tên quốc gia từ Burma thành Myanmar. Sự thay đổi trong tên gọi là biểu hiện của một cuộc tranh cãi chính trị. Nhiều nhóm trong nước tiếp tục sử dụng tên “Burma” vì họ không chấp nhận tính hợp pháp của chính quyền quân sự cũng như sự đổi tên đất nước. Một vài chính phủ phương Tây, chẳng hạn Hoa Kỳ, Úc, Ireland và Anh tiếp tục sử dụng tên “Burma”, trong khi Liên minh châu Âu sử dụng cả hai. Liên Hợp Quốc sử dụng tên “Myanmar”. (BT) 3. Capitol Hill là một khu vực thuộc Washington, DC. Địa điểm này thường được dùng để chỉ Nghị viện Hoa Kỳ, do cả Thượng viện và Hạ viện đều đặt trụ sở tại Điện Capitol, Capitol Hill, Washington, D.C. (BT) 4. Nguyên văn: ‘Blue Dog Coalition’. Đây là một nhóm những nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ, tự nhận mình thuộc phe ôn hòa, bảo thủ. (BT) 5. Một tổ chức chuyên quyền góp tiền và vận động giúp đỡ cho các phụ nữ trong Đảng Cộng hòa. (ND) 6. Nguyên văn: ‘trifecta’. Trong cá độ, đặc biệt trong môn đua ngựa, từ này chỉ việc chọn ra ba con về đầu. (BT) 7. Edward Moore “Ted” Kennedy (1932-2009): thượng nghị sĩ Mỹ của tiểu bang Massachusetts, đảng viên Đảng Dân chủ. Được bầu vào Thượng viện lần đầu vào tháng 11 năm 1962 và tổng cộng chín lần, làm việc trong Thượng viện được 46 năm. Tại thời điểm ông mất, ông là thành viên kỳ cựu thứ nhì của Thượng viện và cũng là thượng nghị sĩ phục vụ thời gian dài thứ ba trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông là con của Joseph P. Kennedy, là em trai của tổng thống thứ 35 của Hoa Kỳ John F. Kennedy. (BT) 8. John Lewis là một chính trị gia Georgia người da màu thuộc Đảng Dân chủ, ông là lãnh tụ phong trào dân quyền Mỹ-Phi duy nhất còn sống. (BT) 9. 1 dặm (1 miles) = 1,609 km. 10. Democratic National Committee - Ủy ban Quốc gia Đảng Dân chủ. (ND) 11. Nguyên văn: ‘Superdelegates’, là những đại biểu đến dự một đại hội chọn ứng viên tổng thống tại Hoa Kỳ, họ không bị pháp luật ràng buộc phải bỏ phiếu cho ai sau các cuộc bầu cử tổng thống sơ bộ. Siêu đại biểu thường là các viên chức dân cử và các viên chức đảng hiện tại cũng như cựu viên chức dân cử và các cựu viên chức đảng. Đôi khi siêu đại biểu còn chỉ đại biểu “tự do” (unpledged delegates) nhưng cũng có một số đại biểu “tự do” không phải là siêu đại biểu. Ngoài ra, cũng có các viên chức dân cử và viên chức đảng là các đại biểu bị ràng buộc phải bỏ phiếu cho ai (pledged delegates). (BT) 12. Nguyên văn: ‘Hillaryland’, tên tự gọi của một nhóm những cố vấn chính của Hillary Rodham Clinton từ khi bà là đệ nhất phu nhân và khi trở thành thượng nghị sĩ Hoa Kỳ. Nhóm này có các thành viên cốt lõi là: Huma Abedin, Patti Solis Doyle, Mandy Grunwald, Neel Lattimore, Ann Lewis, Evelyn Lieberman, Tamera Luzzatto, Capricia Marshall, Cheryl Mills, Minyon Moore, Lissa Muscatine, Neera Tanden, Melanne Vermeer, và Maggie Williams. (BT) 13. Biểu tượng của Đảng Cộng hòa. (ND) 14. GOP: Grand Old Party, hay Đảng Cộng hòa. (ND) 15. Tên một loại điện thoại được tin dùng nhờ tính bảo mật cao trong một số cơ quan chính phủ Mỹ. (ND) 16. 1 foot = 0,3048 m. 17. Trích từ bài phát biểu khép lại chiến dịch chạy đua của bà năm 2008, khi bà cảm ơn những người ủng hộ mình; ý nói tuy bà không phá vỡ được trần bằng kính nhưng đã tạo ra được 18 triệu kẻ nứt (18 triệu người ủng hộ) mở ra hy vọng cho con đường tranh cử sau này. (ND) 18. Ngụ ý Hillary. (ND) 19. Fourteen Punctuation Marks – “14 dấu chấm câu” của tiếng Anh, ngụ ý là viết sai. (ND) 20. Bộ luật phân biệt chủng tộc tồn tại từ 1876 đến 1965. (ND) 21. Tiếng Việt: Đoàn kết. (BT) 22. Nguyên văn: “scapegoats”, chỉ con dê mà thầy tế dùng để tượng trưng cho mọi tội lỗi của cộng đồng, sau đó người ta đuổi nó ra hoang mạc. Hình ảnh dê tế này còn dùng để chỉ người bị trút tội lỗi lên đầu, nhận tội thay cho kẻ khác. (BT) 23. Nghĩa là loss, thua cuộc. (ND) 24. Ở đây, “D-” chỉ nghị sĩ đang được nói đến thuộc Đảng Dân chủ, tương tự trong sách này, “R-” chỉ nghị sĩ đang được nói đến thuộc Đảng Cộng hòa. Chữ viết tắt sau đó “-Ill” chỉ bang mà nghị sĩ đó là đại diện là Illinois. Theo đó, các chữ viết tắt trong sách này: “-Nv” là Nevada; “-N.Y.”: New York, “-MD”: Maryland; “-S.C.”: South Carolina; “-Ky”: Kentucky; “-N.J.”: New Jersey; “-Ariz”: Arizona; “-Maine”: Maine; “-Mich”: Michigan; “-Utah”: Utah; “-VA”: Virginia. (BT) 25. Máy phóng đại chữ, dùng cho người phát biểu trên truyền hình có thể đọc được văn bản bài viết của mình trên một màn hình đặt trước mặt mà khán giả không nhìn

thấy được. (BT) 26. Nguyên văn: 'Sign as dog catcher', một ẩn dụ chính trị, liên quan một chính trị gia nổi tiếng Mỹ nhận chức ngoại trưởng đầy khó chịu những năm 1940. (ND) 27. Một kiểu kiến trúc Hy Lạp cổ đại. (ND) 28. West Wing: khu chái Tây của Nhà Trắng, nơi có Phòng Bầu dục (văn phòng làm việc của Tổng thống Mỹ) và nhiều văn phòng khác dành cho các nhân viên chủ chốt. (BT) 29. Một dạng sổ tay văn phòng dùng để ghi tên các đối tác giao dịch trong công việc. Ở đây tác giả dùng như một ẩn dụ về các mối quan hệ đa dạng của Hillary. (BT) 30. Strategic Arms Reduction Treaty, Hiệp ước Cắt giảm vũ khí chiến lược. (BT) 31. Ngụ ý nói kháy chuyện ông phản đối đi lính thời chiến tranh Việt Nam, nên thiếu tư cách cựu chiến binh; và cũng có ý cho rằng ông không xứng đáng là đảng viên kỳ cựu. (ND) 32. Viết tắt từ State, chỉ Bộ Ngoại giao. (ND) 33. Hiệp định khung về hòa bình ở Bosna và Hercegovina, cũng được gọi là Thỏa thuận Dayton, Hiệp định Dayton, Nghị định thư Paris hay Hiệp định Dayton-Paris, là một hòa ước đã đạt được tại căn cứ không quân Wright-Patterson gần Dayton, Ohio vào tháng 11 năm 1995, và chính thức được ký tại Paris ngày 14 tháng 12 năm 1995. Hòa ước này đã chấm dứt cuộc chiến kéo dài 3,5 năm ở Bosnia. (BT) 34. P90X: một phương pháp tập luyện cường độ cao, kết hợp các bài tập tim mạch nhằm tăng cường sức mạnh và sự dẻo dai linh hoạt của cơ thể. (BT) 35. Tức Hillary Clinton. (BT) 1. Một hypocrite là một người giả vờ có tín ngưỡng, đạo đức hoặc ý kiến, nhưng thực chất không có những điều đó. Hoặc tỏ ra, làm điều gì đó cao đẹp nhưng trái với lòng mình. 2. Ở Pháp nói riêng và các nước châu Âu nói chung, từ tháng Mười một đến tháng Ba năm sau, đồng hồ sẽ được điều chỉnh chậm hơn một giờ so với giờ mùa hè. Và vì thế vào mùa đông, giờ Paris lệch sáu giờ so với Hà Nội. 3. Ở Pháp, thường ngay từ năm thứ hai đại học sinh viên đã được nhà trường cấp một bản Convention de stage (có thể hiểu là Hợp đồng thực tập, là sự cam kết trách nhiệm, quyền lợi giữa ba bên: nhà trường, sinh viên và công ty) vào cuối mỗi năm học để sinh viên liên hệ với các nhà tuyển dụng xin đi thực tập. Lên bậc cao học, một khóa học viên thường chỉ được cấp một lần bản Convention de stage đó. Trong vòng 6 tháng, nếu sinh viên hoặc học viên cao học đó không được nơi nào nhận về thực tập thì cũng không thể kéo dài thời hạn hoặc xin một bản Convention mới..